

Bộ Tài nguyên và Môi trường
Tr. ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế
của cơ sở giáo dục đại học năm học 2018 - 2019**

(Kèm theo công văn số 3405 /TĐHHN ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại			
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số	0	384	7256	188
1	Khối ngành I	0	0	0	0
2	Khối ngành II	0	0	0	0
3	Khối ngành III	0	30	2575	0
4	Khối ngành IV	0	59	274	63
5	Khối ngành V	0	137	1740	19
6	Khối ngành VI	0	0	0	0
7	Khối ngành VII	0	158	2667	106

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường (theo số liệu điều tra sinh viên tốt nghiệp năm 2017-2018)

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp năm học 2017-2018	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số					
1	Khối ngành I	0				0
2	Khối ngành II	0				0
3	Khối ngành III	96				77%
	Kế toán	87	1.20%	22%	74%	74%
	Quản trị du lịch và lữ hành	9	0	33%	67%	80%
	Luật	0				0
	Quản trị kinh doanh	0				0
4	Khối ngành IV	85				57%
	Biến đổi khí hậu	25	0	16%	76%	53%
	Khí tượng và khí hậu học	33	606%	12%	64%	75%
	Khí tượng thủy văn biển	12	0	0	67%	60%
	Khoa học đất	0				0
	Thủy văn học	15	67%	13%	60%	57%
5	Khối ngành V	168				77%
	Công nghệ kỹ thuật môi trường	63	0	22%	70%	73%
	Công nghệ thông tin	27	0	11%	37%	91%

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp năm học 2017-2018	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Kỹ thuật địa chất	33	0	21%	64%	56%
	Kỹ thuật trắc địa bản đồ	45	0	20%	67%	71%
6	Khối ngành VI	0				0
7	Khối ngành VII	346				68%
	Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên	48	0	10%	90%	64%
	Quản lý Biển	27	0	30%	59%	70%
	Quản lý Tài nguyên nước	0				0
	Quản lý đất đai	162	62%	18%	74%	70%
	Quản lý Tài nguyên và môi trường	109	18%	19%	60%	54%

(*) Tỉ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: (SL SVTN có việc làm + SL SVTV đang học nâng cao/tổng số SVTN được khảo sát)*100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
A. Khối ngành					
I. Ngành Công nghệ kỹ thuật Môi trường					
1. HỆ CD15					
1	An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp	- Về kiến thức: Trình bày được hệ thống pháp luật, chế độ chính sách về an toàn và bảo hộ lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất, các phương pháp phòng chống và ngăn ngừa tai nạn lao động và các bệnh nghề nghiệp; Phân tích được một số yếu tố nguy hiểm có hại đối với môi trường lao động cụ thể. -Về kỹ năng: Xác định và phân loại được về an toàn lao động về điều kiện vệ sinh môi trường làm việc -Về đạo đức nghề nghiệp: Nhận thức rõ vai trò và nhiệm vụ, rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, chủ động và sáng tạo trong việc nâng cao ý thức về an toàn vệ sinh lao động. Chủ động, sáng tạo, cẩn thận, nghiêm túc và thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động nơi làm việc.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Đánh giá tác động môi trường	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về quá trình đánh giá tác động môi trường; Phân tích được nội dung đánh giá tác động môi trường; Ứng dụng được các phương pháp thường sử dụng trong đánh giá tác động môi trường tương ứng theo từng loại hình và lĩnh vực phát triển	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		kinh tế-xã hội. - Về kỹ năng: áp dụng các phương pháp đánh giá tác động môi trường, đề xuất được các giải pháp công nghệ xử lý chất thải, và các biện pháp bảo vệ môi trường - Về đạo đức nghề nghiệp: có nhận thức đúng đắn về những tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động kinh tế-xã hội đến môi trường, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững.			thức học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Đồ án công nghệ môi trường	- Về kiến thức: Áp dụng các kiến thức đã học trong học phần Công nghệ môi trường để tính toán, thiết kế các công trình xử lý. - Về kỹ năng: Áp dụng tính toán và xác định được các thông số cần thiết để tính toán thiết kế các công trình cho một nhà máy/khu xử lý. - Về đạo đức nghề nghiệp: có tính cẩn thận, chính xác và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong giải quyết công việc	2	Học kỳ I	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
4	Kỹ thuật xử lý khí thải	- Về kiến thức: Nhận diện được các nguồn phát sinh khí thải, đề xuất được các mô hình phát tán khí thải; trình bày được cấu tạo, hoạt động, phạm vi áp dụng, ưu nhược điểm các thiết bị xử lý bụi, cấu tạo, hoạt động, phạm vi áp dụng, ưu nhược điểm của các phương pháp xử lý khí thải, các sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý khí thải. - Về kỹ năng: Vận dụng được QCVN về khí thải cho các điều kiện thực tế khác nhau; tính toán được nồng độ chất ô nhiễm ở những vị trí khác nhau theo các mô hình phát tán khí thải khác nhau; phân tích được ưu nhược điểm, phạm vi áp dụng của các hệ thống xử lý khí thải; đề xuất, tính toán, thiết kế được một số thiết bị xử lý bụi, khí thải - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên thái độ nghiêm túc, tập trung trong quá trình học; Hứng thú, đóng góp cho bài giảng; Chịu khó làm bài tập, nghiên cứu tài liệu ngoài giờ trên lớp.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
5	Kỹ thuật xử lý nước cấp	- Về kiến thức: Đề xuất được các sơ đồ dây chuyền công nghệ và các phương pháp xử lý nước cấp truyền thống từ các nguồn nước mặt hoặc nước ngầm, từ đó biết cách lựa chọn và tính toán thiết kế được các công trình đơn vị trong một dây chuyền công nghệ xử lý nước - Về kỹ năng: Khả năng đọc tài liệu thiết kế, tham khảo TCVN và các kỹ thuật tính toán trong quá trình lựa chọn dây chuyền công nghệ và lập thuyết minh tính toán thiết kế một trạm xử lý nước truyền thống. - Về đạo đức nghề nghiệp: Các kiến thức và kỹ năng được cung cấp và trau dồi sát với thực tế làm việc và công tác thiết kế, thi công, vận hành một trạm xử lý nước sau này sẽ góp phần làm cho sinh viên cảm thấy tự tin và yêu nghề hơn từ khi còn được đào tạo trong nhà trường	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Kỹ thuật xử lý nước thải	- Về kiến thức: trình bày được các loại nguồn nước, các tiêu chuẩn và quy chuẩn đánh giá chất lượng nguồn nước, các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước, lựa chọn được phương pháp xử lý phù hợp với đối tượng nước cần xử lý - Về kỹ năng: đề xuất được phương pháp tính toán và xác định được các biện pháp kiểm soát chất lượng nước, các thông số cần thiết để tính toán thiết kế các công trình đơn vị trong hệ thống xử lý nước. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong giải quyết công việc.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	- Về kiến thức: Trình bày được đúng tên và nội dung chính các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại. Trình bày đúng nguyên lý hoạt động, cấu tạo, khả năng áp dụng của các phương pháp xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại - Về kỹ năng: tính toán được khối lượng và thành phần chất thải của một khu dân cư hay công nghiệp; Tính toán thành thạo các bài tập về thu gom vận chuyển chất thải rắn, tính lượng oxy cần cho quá trình ủ sinh học, lượng oxy cho quá trình cháy, sản phẩm của quá trình ủ...; Tính toán được lượng khí ga phát sinh tại một bãi chôn lấp; Thiết kế được một bãi chôn lấp	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		chất thải rắn hợp vệ sinh. - Về đạo đức nghề nghiệp: có thái độ sử dụng tiết kiệm trong sử dụng các nguồn tài nguyên, hứng thú với việc phân loại rác tại nguồn ;Hình thành tác phong công nghiệp, rèn kỹ năng tự đọc tự học.			
8	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	- Về kiến thức: Trình bày được những khái niệm về sản xuất sạch hơn, phân tích được các kỹ thuật sản xuất sạch hơn - Về kỹ năng: Xây dựng được một chương trình sản xuất sạch hơn bằng một ví dụ điển hình. Có khả năng làm việc nhóm, đọc – hiểu tài liệu tiếng anh chuyên ngành và kỹ năng tính toán kinh tế môi trường - Về đạo đức nghề nghiệp: hứng thú với những lợi ích của sản xuất sạch hơn, một công cụ hiện đại trong giảm thiểu chất thải tại nguồn; Hình thành tác phong công nghiệp, rèn kỹ năng tự đọc tự học.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Thực tập công nghệ môi trường	- Về kiến thức: + Mô tả được công việc của cán bộ môi trường tại các nhà máy, công ty, khu công nghiệp, đến tham quan (gọi tắt là đơn vị); + Tóm tắt được chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; dây chuyền sản xuất, nguồn thải và tính chất của nguồn thải; hệ thống xử lý và quy trình quản lý, vận hành các công trình xử lý môi trường của đơn vị. - Về kỹ năng: thực hành được các kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm và trình bày báo cáo - Về đạo đức nghề nghiệp: có thái độ hứng thú với công việc của một cán bộ môi trường. Từ đó, sinh viên có thể định hướng nhiệm vụ học tập, nghiên cứu và công tác của mình trong tương lai. Sinh viên thể hiện được tính nghiêm túc và trách nhiệm trong công việc.	2	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
10	Thực tập đánh giá tác động môi trường	-Về kiến thức: Thực hiện các bước Lược duyệt, ĐTM sơ bộ, ĐTM chi tiết trong quy trình Đánh giá được tác động môi trường trong một trường hợp dự án nghiên cứu cụ thể. - Về kỹ năng: Lập được đề cương Đánh giá tác động môi trường chi tiết, áp dụng một trong các phương pháp đánh giá tác động môi trường đã học để thực hiện đánh giá những tác động của các hoạt động kinh tế-xã hội đến môi trường.	2	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về đạo đức nghề nghiệp: Có nhận thức đúng đắn về những tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động kinh tế-xã hội đến môi trường, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững			
11	Thực tập phân tích môi trường	-Về kiến thức: Vận dụng được các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để thiết kế chương trình quan trắc môi trường không khí, đất và chất rắn; Lựa chọn được thông số phân tích và lập báo cáo. Xử lý số liệu phân tích và lập báo cáo kết quả quan trắc và phân tích môi trường -Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học tiến hành thực tập phân tích các thông số cơ bản trong môi trường nước, không khí, đất và chất rắn; Sử dụng thành thạo dụng cụ thí nghiệm và một số thiết bị phân tích cơ bản. -Về đạo đức nghề nghiệp: Chăm chỉ, cẩn thận nghiêm túc khi thực tập phân tích; Trung thực trong xử lý và báo cáo số liệu.	2	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
2. HỆ DH5					
1	Công trình thu nước - trạm bơm	- Về kiến thức: trình bày được các khái niệm về máy bơm và công trình thu; tính toán xây dựng một trạm bơm nước và công trình thu nước - Về kỹ năng: Có khả năng tính toán được được các bài toán về thiết kế trạm bơm và công trình thu cho một hệ thống cấp thoát nước; - Về đạo đức nghề nghiệp: xây dựng tính cẩn thận, chính xác, dám làm dám chịu trách nhiệm trong giải quyết công việc.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Đồ án công nghệ môi trường	- Về kiến thức: Áp dụng các kiến thức đã học trong học phần Công nghệ môi trường để tính toán, thiết kế các công trình xử lý. - Về kỹ năng: tính toán và xác định được các thông số cần thiết để tính toán thiết kế các công trình cho một nhà máy/khu xử lý - Về đạo đức nghề nghiệp: có tính cẩn thận, chính xác và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong giải quyết công việc	2	Học kỳ I	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Đồ án kiểm soát môi trường doanh nghiệp	-Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, ý nghĩa và vai trò của kiểm soát ô nhiễm trong bảo vệ môi trường và sức khỏe môi trường; phương pháp đánh giá, tiêu chí đánh giá ô nhiễm; Trình bày được một cách khái quát chức năng của các tổ chức, cá nhân và hệ thống văn bản pháp quy trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; Chỉ ra được các quy trình, thủ tục kiểm soát ô nhiễm môi trường áp dụng trong doanh nghiệp. -Về kỹ năng: Tổng hợp được hệ thống văn bản hướng dẫn kiểm soát môi trường trong doanh nghiệp; Áp dụng xây dựng, thực hiện các thủ tục kiểm soát môi trường đối với một doanh nghiệp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực và chủ động trong học tập; Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.	1	Học kỳ I	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
4	Đồ án mạng lưới cấp thoát nước	- Về kiến thức: áp dụng được các kiến thức đã học trong các học phần Mạng lưới cấp thoát nước để tính toán, thiết kế các công trình mạng lưới cấp thoát nước. - Về kỹ năng: tính toán và xác định được các thông số cần thiết để tính toán thiết kế các công trình cho một mạng lưới cấp thoát nước - Về đạo đức nghề nghiệp: có tính cẩn thận, chính xác và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong giải quyết công việc	1	Học kỳ I	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
5	Đồ án quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	- Về kiến thức: áp dụng được các kiến thức đã học trong các học phần Quản lý Chất thải rắn và chất thải nguy hại, Thực tập công nghệ môi trường để tính toán, thiết kế các công trình xử lý. - Về kỹ năng: tính toán và xác định được các thông số cần thiết để tính toán thiết kế các công trình cho một nhà máy/ khu xử lý. - Về đạo đức nghề nghiệp: có tính cẩn thận, chính xác và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong giải quyết công việc	1	Học kỳ I	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
6	Đồ án thông tin môi trường	- Về kiến thức: xác định được nội dung và cấu trúc của các loại báo cáo môi trường: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm, báo cáo hiện trạng môi trường, báo cáo giám sát môi trường định kỳ. - Về kỹ năng: Lập được 1 trong 3 loại báo cáo môi trường (Báo cáo công tác bảo vệ	1	Học kỳ I	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		môi trường hằng năm, báo cáo hiện trạng môi trường, báo cáo giám sát môi trường định kỳ) cho từng đối tượng cụ thể.			
7	Đồ án xử lý khí thải	-Về kiến thức: + xuất được các mô hình phát tán khí thải + tính toán thiết kế các thiết bị xử lý bụi + tính toán thiết kế các thiết bị xử lý khí thải. - Về kỹ năng: + Biết cách vận dụng QCVN về khí trong thực tế. + Biết cách tính toán nồng độ chất ô nhiễm ở những vị trí khác nhau theo mô hình phát tán khí thải. +Biết phân tích được ưu nhược điểm, phạm vi áp dụng của các hệ thống xử lý khí thải +Biết đề xuất, tính toán, thiết kế được thiết bị xử lý bụi, khí thải -Về đạo đức nghề nghiệp: + Có thái độ nghiêm túc, tập trung trong quá trình học. + Hứng thú, đóng góp đối với đồ án môn học + Chịu khó làm bài tập, nghiên cứu tài liệu ngoài giờ trên lớp.	1	Học kỳ I	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
8	Đồ án xử lý nước cấp	- Về kiến thức: áp dụng được kiến thức trong môn học Kỹ thuật xử lý nước cấp vào thực tế thiết kế - Về kỹ năng: + Vận dụng được lý thuyết và TCVN vào tính toán thiết kế sơ bộ công trình ứng dụng thực tế là một dây chuyền công nghệ xử lý nước cấp, từ đó biết cách bố trí các công trình đơn vị trên mặt bằng và theo cao trình trong trạm xử lý nước cấp + sử dụng được các phần mềm thiết kế chuyên môn hỗ trợ trong quá trình tính toán thiết kế và phần mềm vẽ kỹ thuật để xây dựng các bản vẽ kỹ thuật công nghệ + thuyết trình được các kết quả tính toán thiết kế trên bản vẽ kỹ thuật công nghệ - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong giải quyết công việc	1	Học kỳ I	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
9	Đồ án xử lý nước thải	- Về kiến thức: áp dụng được các kiến thức đã học trong học phần lý thuyết của đồ án này là học phần Kỹ thuật xử lý nước thải - Về kỹ năng: + Vận dụng lý thuyết và TCVN vào tính toán thiết kế sơ bộ công trình ứng dụng thực tế là một dây chuyền công nghệ xử lý nước cấp, từ đó biết cách bố trí các công trình đơn vị trên mặt bằng và theo cao trình trong trạm xử lý nước cấp + Sử dụng các phần mềm thiết kế chuyên môn hỗ trợ trong quá trình tính toán thiết kế và phần mềm vẽ kỹ thuật để xây dựng các bản vẽ kỹ thuật công nghệ + Thuyết trình các kết quả tính toán thiết kế trên bản vẽ kỹ thuật công nghệ - Về đạo đức nghề nghiệp: + Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong giải quyết công việc	1	Học kỳ I	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
10	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về hệ thống quản lý môi trường, các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14001, phân tích cách thức thiết lập thực hiện hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000. -Về kỹ năng: có khả năng vận dụng được kiến thức đã học giúp doanh nghiệp tiến hành thực hiện công tác quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực tham gia thảo luận nhóm, thực hành, báo cáo.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Kiểm soát an toàn hóa chất và quản lý phòng thí nghiệm	-Về kiến thức: Trình bày được nguyên tắc thiết kế, tổ chức, vận hành và quản lý phòng thí nghiệm nói chung và phòng thí nghiệm chuyên ngành môi trường nói riêng theo các quy định hiện hành; Xây dựng được một số quy trình thao tác chuẩn trong phòng thí nghiệm; Trình bày được các quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm và các biện pháp vận hành an toàn phòng thí nghiệm; Phân loại được các loại hóa chất theo một số tiêu chí khác nhau; Phân tích được các mối nguy hiểm khi sử dụng hóa chất và các biện pháp kiểm soát an toàn hóa chất; các nội dung và biện pháp kiểm soát ô nhiễm hóa chất; Xác định được quy trình xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về kỹ năng: Thiết kế, sắp xếp và bố trí được phòng thí nghiệm môi trường; Vận dụng được các quy tắc an toàn trong phòng thí nghiệm; Quản lý được tốt các hoạt động trong PTN; Áp dụng được tốt các quy tắc an toàn hóa chất trong sử dụng hóa chất; Đọc được các nhãn hóa chất trên các chai/lọ hóa chất; Áp dụng tốt các nguyên tắc chung, các hướng dẫn về kiểm soát ô nhiễm hóa chất; Xây dựng được kế hoạch và thực hiện xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp -Về đạo đức, nghề nghiệp: có hứng thú với môn học; Có ý thức về đảm bảo an toàn trong các hoạt động tại phòng thí nghiệm; tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về bố trí thiết bị, dụng cụ trong phòng thí nghiệm cũng như các quy tắc an toàn trong hoạt động tại phòng thí nghiệm; Có ý thức trách nhiệm, trung thực và cẩn thận trong công việc.			
12	Kiểm soát môi trường doanh nghiệp	-Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, ý nghĩa và vai trò của kiểm soát ô nhiễm trong bảo vệ môi trường và sức khỏe môi trường; phương pháp đánh giá, tiêu chí đánh giá ô nhiễm; Trình bày được một cách khái quát chức năng của các tổ chức, cá nhân và hệ thống văn bản pháp quy trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; Chỉ ra được các quy trình, thủ tục kiểm soát ô nhiễm môi trường áp dụng trong doanh nghiệp. -Về kỹ năng: Tổng hợp được hệ thống văn bản hướng dẫn kiểm soát môi trường trong doanh nghiệp; Áp dụng xây dựng, thực hiện các thủ tục kiểm soát môi trường đối với một doanh nghiệp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực và chủ động trong học tập; Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
13	Kiểm soát môi trường doanh nghiệp	-Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, ý nghĩa và vai trò của kiểm soát ô nhiễm trong bảo vệ môi trường và sức khỏe môi trường; phương pháp đánh giá, tiêu chí đánh giá ô nhiễm; Trình bày được một cách khái quát chức năng của các tổ chức, cá nhân và hệ thống văn bản pháp quy trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; Chỉ ra được các quy trình, thủ tục kiểm soát ô	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		hiểu môi trường áp dụng trong doanh nghiệp. -Về kỹ năng: Tổng hợp được hệ thống văn bản hướng dẫn kiểm soát môi trường trong doanh nghiệp; Áp dụng xây dựng, thực hiện các thủ tục kiểm soát môi trường đối với một doanh nghiệp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực và chủ động trong học tập; Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.			- Hình thức thi: Tự luận
14	Kiểm soát môi trường doanh nghiệp	-Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, ý nghĩa và vai trò của kiểm soát ô nhiễm trong bảo vệ môi trường và sức khỏe môi trường; phương pháp đánh giá, tiêu chí đánh giá ô nhiễm; Trình bày được một cách khái quát chức năng của các tổ chức, cá nhân và hệ thống văn bản pháp quy trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; Chỉ ra được các quy trình, thủ tục kiểm soát ô nhiễm môi trường áp dụng trong doanh nghiệp. -Về kỹ năng: Tổng hợp được hệ thống văn bản hướng dẫn kiểm soát môi trường trong doanh nghiệp; Áp dụng xây dựng, thực hiện các thủ tục kiểm soát môi trường đối với một doanh nghiệp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực và chủ động trong học tập; Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
15	Kiểm soát môi trường doanh nghiệp	-Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, ý nghĩa và vai trò của kiểm soát ô nhiễm trong bảo vệ môi trường và sức khỏe môi trường; phương pháp đánh giá, tiêu chí đánh giá ô nhiễm; Trình bày được một cách khái quát chức năng của các tổ chức, cá nhân và hệ thống văn bản pháp quy trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; Chỉ ra được các quy trình, thủ tục kiểm soát ô nhiễm môi trường áp dụng trong doanh nghiệp. -Về kỹ năng: Tổng hợp được hệ thống văn bản hướng dẫn kiểm soát môi trường trong doanh nghiệp; Áp dụng xây dựng, thực hiện các thủ tục kiểm soát môi trường đối với một doanh nghiệp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực và chủ động trong học tập; Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
16	Mạng lưới cấp thoát nước	- Về kiến thức: trình bày được các sơ đồ tổ chức mạng lưới cấp nước, mạng lưới thoát nước sinh hoạt và thoát nước mưa cho một khu dân cư hoặc khu công nghiệp; tính toán được các lưu lượng thành phần cần cung cấp cho mạng lưới cấp nước hay cần thu gom từ mạng lưới thoát nước và các tính toán thủy lực để cung cấp đủ nước cho mạng lưới cấp nước hay thu gom triệt để nước thải từ mạng lưới thoát nước; - Về kỹ năng: tính toán thiết kế kỹ thuật một mạng lưới cấp nước hay thoát nước thông qua vận dụng lý thuyết, tham khảo tài liệu hướng dẫn thiết kế như TCVN, sử dụng phần mềm thiết kế hỗ trợ như Epanet, FlowHy, AutoCad - Về đạo đức nghề nghiệp: tự tin và yêu nghề hơn từ khi còn được đào tạo trong nhà trường	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
17	Thông tin môi trường	-Về kiến thức: Thiết kế được chương trình phân tích các chỉ tiêu vi sinh, thực hiện lập báo cáo phân tích các chỉ tiêu thông số của môi trường. Xử lý được số liệu phân tích và lập báo cáo kết quả thực tập. -Về kỹ năng: Thực hiện thành thạo các kỹ thuật phân tích vi sinh trong nước, đất và không khí. Nhận diện các đa dạng của vi sinh vật trong môi trường cùng sự phát triển và ảnh hưởng của chúng; Sử dụng thành thạo một số thiết bị vi sinh và các thiết bị liên quan trong phòng thí nghiệm; -Về đạo đức nghề nghiệp: Cẩn thận, chính xác, nghiêm túc, chủ động khi thực tập; Trung thực trong báo cáo các số liệu phân tích; Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
18	Thực hành vận hành hệ thống xử lý chất thải	- Về kiến thức: + vận dụng trên thực tế các hệ thống xử lý nước thải - nước cấp, khí thải - tiếng ồn, chất thải rắn - chất thải nguy hại của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu tiểu thủ công nghiệp, các khu xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, các bãi chôn lấp rác hay tái chế chất thải rắn. Trực tiếp quản lý và vận hành hệ thống xử lý (nước thải, khí	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		thải...) của nhà máy, xí nghiệp. + Có khả năng tự xử lý các vấn đề phát sinh trong khi vận hành công trình, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. Có khả năng tự hoạch định thời gian quan trắc, giám sát, phân tích chất lượng đầu ra của công trình xử lý và báo cáo định kỳ. - Về kỹ năng: + áp dụng được các phương pháp E215 quản lý và vận hành các công trình thực tế + xây dựng được kế hoạch bảo trì và khắc phục sự cố. Đồng thời nắm vững các nguyên tắc an toàn lao động trong vận hành công trình. + Phân tích, xử lý các thông số vận hành ; Hoạch định thời gian quan trắc, giám sát, phân tích chất lượng đầu ra của công trình xử lý. + Xử lý số liệu và viết báo cáo giám sát định kỳ - Về đạo đức nghề nghiệp: + Tác phong làm việc nghiêm túc, làm việc độc lập và làm việc nhóm, có ý thức kỷ luật cao. + Thái độ trung thực và nghiêm túc khi vận hành công trình.			- Hình thức thi: Thực hành
19	Thực tập công nghệ môi trường	- Về kiến thức: Sinh viên đề xuất được các sơ đồ dây chuyền công nghệ và các phương pháp xử lý nước cấp truyền thống từ các nguồn nước mặt hoặc nước ngầm, từ đó biết cách lựa chọn và tính toán thiết kế được các công trình đơn vị trong một dây chuyền công nghệ xử lý nước - Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng đọc tài liệu thiết kế, tham khảo TCVN và các kỹ thuật tính toán trong quá trình lựa chọn dây chuyền công nghệ và lập thuyết minh tính toán thiết kế một trạm xử lý nước truyền thống - Về đạo đức nghề nghiệp: Các kiến thức và kỹ năng được cung cấp và trau dồi sát với thực tế làm việc và công tác thiết kế, thi công, vận hành một trạm xử lý nước sau này sẽ góp phần làm cho sinh viên cảm thấy tự tin và yêu nghề hơn từ khi còn được đào tạo trong nhà trường	2	Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
20	Thực tập đánh giá chất lượng môi trường	-Về kiến thức: +Thiết kế, thực hiện được và lập báo cáo quan trắc môi cho các đối tượng cụ thể; +Đọc và vận dụng được quy trình để tiến hành thực nghiệm xác định một số chỉ tiêu cơ bản trong môi trường. +Lập được Báo cáo đánh giá chất lượng môi trường. -Về kỹ năng: + Chủ động và thành thạo trong quan trắc và phân tích các thông số cơ bản trong môi trường nước, không khí và môi trường đất. Rèn luyện kỹ năng trình bày báo cáo, làm việc nhóm, sử dụng các bảng biểu theo mẫu, đảm bảo và kiểm soát chất lượng hoạt động quan trắc, phân tích. + Sử dụng thành thạo một số thiết bị quan trắc và phân tích môi trường; +Thực hiện quan trắc và phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường; + Tính toán kết quả phân tích, phân tích các dữ liệu thu được và lập được các báo cáo kết quả quan trắc và phân tích. -Về đạo đức nghề nghiệp: +Tích cực, chủ động và nghiêm túc khi thực tập. +Trung thực với kết quả phân tích và cẩn thận trong thao tác. +Có ý thức bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
21	Thực tập quan trắc và phân tích môi trường không khí, đất	-Về kiến thức: Thiết kế được, thực hiện và lập được báo cáo quan trắc môi trường không khí và môi trường đất cho các đối tượng cụ thể; Vận dụng được quy trình để tiến hành thực nghiệm xác định một số chỉ tiêu cơ bản trong môi trường không khí, môi trường đất, chất thải rắn, mẫu sinh học và thực phẩm; -Về kỹ năng: Thực hiện thành thạo các thao tác lấy mẫu và phân tích các thông số cơ bản trong môi trường không khí và môi trường đất; Áp dụng được kết quả vào kiểm soát chất lượng hoạt động quan trắc, phân tích; Sử dụng thành thạo một số thiết bị quan trắc và phân tích môi trường; Thực hiện được quan trắc và phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường; Tính toán được kết quả phân tích, phân tích các dữ liệu thu được và lập được các báo cáo kết quả quan trắc và phân tích.	2	Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực, chủ động và nghiêm túc khi thực tập; Trung thực với kết quả phân tích và cẩn thận trong thao tác; Có ý thức bảo vệ môi trường			
22	Thực tập quan trắc và phân tích môi trường nước	-Về kiến thức: Thiết kế và lập được báo cáo quan trắc môi trường không khí và môi trường đất cho các đối tượng cụ thể; Vận dụng được quy trình để tiến hành thực nghiệm xác định một số chỉ tiêu cơ bản trong môi trường không khí, môi trường đất, chất thải rắn, mẫu sinh học và thực phẩm; -Về kỹ năng: Thực hiện thành thạo các thao tác lấy mẫu và phân tích các thông số cơ bản trong môi trường không khí và môi trường đất. Trình bày được báo cáo, làm việc nhóm, sử dụng được các bảng biểu theo mẫu, đảm bảo và kiểm soát chất lượng hoạt động quan trắc, phân tích; Sử dụng thành thạo một số thiết bị quan trắc và phân tích môi trường; Thực hiện được quan trắc và phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường; Tính được kết quả phân tích, phân tích các dữ liệu thu được và lập được các báo cáo kết quả quan trắc và phân tích. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực, chủ động và nghiêm túc khi thực tập; Trung thực với kết quả phân tích và cẩn thận trong thao tác; Có ý thức bảo vệ môi trường	2	Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
3. HỆ DH6					
1	An toàn vệ sinh lao động	-Về kiến thức: Trình bày được hệ thống pháp luật, chế độ chính sách về an toàn và bảo hộ lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất, các phương pháp phòng chống và ngăn ngừa tai nạn lao động và các bệnh nghề nghiệp. Xây dựng và quản lý được nội quy, quy chế an toàn lao động và vệ sinh lao động cho các doanh nghiệp. Phân tích được một số yếu tố nguy hiểm có hại đối với môi trường lao động cụ thể. -Về kỹ năng: Nhận diện được về điều kiện về an toàn lao động và vệ sinh môi trường làm việc, tự giác chấp hành và thực hiện tốt công tác an toàn và vệ sinh môi trường. -Về đạo đức nghề nghiệp: Xác định rõ vai	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		trò và nhiệm vụ, rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ, chủ động và sáng tạo trong việc nâng cao ý thức về an toàn vệ sinh lao động. Chủ động, sáng tạo, cẩn thận, nghiêm túc và thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động nơi làm việc.			
2	Các quá trình sinh học trong công nghệ môi trường	- Về kiến thức: phân tích được cơ sở lý thuyết quá trình sinh học xử lý chất thải trong điều kiện hiếu khí, kỵ khí, dầu tràn, xử lý khí, Phytoremediation. Sinh viên có thể tính các thông số động học, sinh trưởng của sinh vật trong quá trình xử lý nước thải và chất thải rắn. - Về kỹ năng: Phân biệt được các giai đoạn sinh trưởng và chuyển hóa vật chất trong xử lý môi trường nước và rác thải; biết tính toán được các thông số động học sinh trưởng của vi sinh vật; - Về thái độ: rèn luyện tính cẩn thận, cẩn thận trong giải quyết công việc;	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Đánh giá tác động môi trường	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về quá trình đánh giá tác động môi trường; Phân tích được nội dung đánh giá tác động môi trường; Ứng dụng được các phương pháp thường sử dụng trong đánh giá tác động môi trường tương ứng theo từng loại hình và lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội. - Về kỹ năng: áp dụng các phương pháp đánh giá tác động môi trường, đề xuất được các giải pháp công nghệ xử lý chất thải, và các biện pháp bảo vệ môi trường - Về đạo đức nghề nghiệp: có nhận thức đúng đắn về những tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động kinh tế-xã hội đến môi trường, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	-Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, vai trò và ý nghĩa đường lối của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; phân tích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được quá trình hình thành và những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay. -Về kỹ năng: Trình bày, thuyết trình được	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội; phân tích, vận dụng được vào thực tiễn lĩnh vực được đào tạo. -Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng được tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào đối với Đảng ta, tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng; xác định được trách nhiệm của cá nhân đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng được thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và làm việc.			Tự luận
5	Kỹ thuật xử lý khí thải	- Về kiến thức: Nhận diện được các nguồn phát sinh khí thải, đề xuất được các mô hình phát tán khí thải; trình bày được cấu tạo, hoạt động, phạm vi áp dụng, ưu nhược điểm các thiết bị xử lý bụi, cấu tạo, hoạt động, phạm vi áp dụng, ưu nhược điểm của các phương pháp xử lý khí thải, các sơ đồ dây chuyền công nghệ xử lý khí thải. - Về kỹ năng: Vận dụng được QCVN về khí thải cho các điều kiện thực tế khác nhau; tính toán được nồng độ chất ô nhiễm ở những vị trí khác nhau theo các mô hình phát tán khí thải khác nhau; phân tích được ưu nhược điểm, phạm vi áp dụng của các hệ thống xử lý khí thải; đề xuất, tính toán, thiết kế được một số thiết bị xử lý bụi, khí thải - Về đạo đức nghề nghiệp: có thái độ nghiêm túc, tập trung trong quá trình học; Hứng thú, đóng góp cho bài giảng; Chịu khó làm bài tập, nghiên cứu tài liệu ngoài giờ trên lớp.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Kỹ thuật xử lý nước thải	- Về kiến thức: trình bày được các loại nguồn nước, các tiêu chuẩn và quy chuẩn đánh giá chất lượng nguồn nước, các biện pháp kiểm soát ô nhiễm nước, lựa chọn được phương pháp xử lý phù hợp với đối tượng nước cần xử lý - Về kỹ năng: đề xuất được phương pháp tính toán và xác định được các biện pháp kiểm soát chất lượng nước, các thông số cần thiết để tính toán thiết kế các công trình đơn vị trong hệ thống xử lý nước. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tính	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		cẩn thận, chính xác và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong giải quyết công việc.			
7	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	- Về kiến thức: Trình bày được đúng tên và nội dung chính các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại. Trình bày đúng nguyên lý hoạt động, cấu tạo, khả năng áp dụng của các phương pháp xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại - Về kỹ năng: tính toán được khối lượng và thành phần chất thải của một khu dân cư hay công nghiệp; Tính toán thành thạo các bài tập về thu gom vận chuyển chất thải rắn, tính lượng oxy cần cho quá trình ủ sinh học, lượng oxy cho quá trình cháy, sản phẩm của quá trình ủ...; Tính toán được lượng khí ga phát sinh tại một bãi chôn lấp; Thiết kế được một bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh. - Về đạo đức nghề nghiệp: có thái độ sử dụng tiết kiệm trong sử dụng các nguồn tài nguyên, hứng thú với việc phân loại rác tại nguồn ;Hình thành tác phong công nghiệp, rèn kỹ năng tự đọc tự học.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Quản lý môi trường	- Về kiến thức: trình bày được các kiến thức cơ bản về quản lý môi trường, các công cụ quản lý môi trường đang được áp dụng trên thế giới và Việt Nam; biết phân tích, xử lý các công cụ quản lý môi trường để giải quyết cho thành phần môi trường và khu vực cụ thể - Về kỹ năng: áp dụng các công cụ quản lý môi trường như: công cụ luật pháp chính sách, công cụ kinh tế, công cụ kỹ thuật, công cụ phụ trợ vào thực tế để quản lý các thành phần môi trường hiệu quả. - Về đạo đức nghề nghiệp: tích cực tham gia học tập nghiêm túc, đầy đủ và tìm hiểu sâu thêm về tổ chức hoạt động quản lý nhà nước về môi trường.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Quan trắc và phân tích môi trường không khí, đất	- Về kiến thức: Trình bày được quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường không khí, quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường đất; Trình bày được phương pháp lấy mẫu không khí, mẫu đất, mẫu chất thải rắn, mẫu sinh học và mẫu thực phẩm;Trình bày được nguyên tắc xác định, quy trình tiến hành phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường không khí, đất, chất thải	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		rắn, mẫu sinh học và mẫu thực phẩm; Xử lý được các kết quả và số liệu phân tích thu được. -Về kỹ năng: Thiết kế, xây dựng được chương trình quan trắc và phân tích môi trường không khí, đất cho một số đối tượng cơ bản; Mô tả được các tiêu chuẩn và các văn bản liên quan đến quan trắc và phân tích môi trường; Sử dụng một số thiết bị quan trắc và phân tích; Thực hiện quan trắc và phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường không khí, đất, chất thải rắn, mẫu sinh học và thực phẩm; Tính toán được kết quả phân tích, phân tích các dữ liệu thu được và lập được các báo cáo kết quả quan trắc và phân tích. -Về đạo đức nghề nghiệp: Cẩn thận, nghiêm túc khi thực hành; Trung thực trong báo cáo các số liệu phân tích; Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.			- 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
10	Quan trắc và phân tích môi trường không khí, đất	-Về kiến thức: Trình bày được quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường không khí, quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường đất; Trình bày được phương pháp lấy mẫu không khí, mẫu đất, mẫu chất thải rắn, mẫu sinh học và mẫu thực phẩm; Trình bày được nguyên tắc xác định, quy trình tiến hành phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường không khí, đất, chất thải rắn, mẫu sinh học và mẫu thực phẩm; Xử lý được các kết quả và số liệu phân tích thu được. -Về kỹ năng: Thiết kế, xây dựng được chương trình quan trắc và phân tích môi trường không khí, đất cho một số đối tượng cơ bản; Mô tả được các tiêu chuẩn và các văn bản liên quan đến quan trắc và phân tích môi trường; Sử dụng một số thiết bị quan trắc và phân tích; Thực hiện quan trắc và phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường không khí, đất, chất thải rắn, mẫu sinh học và thực phẩm; Tính toán được kết quả phân tích, phân tích các dữ liệu thu được và lập được các báo cáo kết quả quan trắc và phân tích. -Về đạo đức nghề nghiệp: Cẩn thận, nghiêm túc khi thực hành; Trung thực trong báo cáo các số liệu phân tích; Say	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.			
11	Quan trắc và phân tích môi trường không khí, đất	-Về kiến thức: Trình bày được quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường không khí, quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường đất; Trình bày được phương pháp lấy mẫu không khí, mẫu đất, mẫu chất thải rắn, mẫu sinh học và mẫu thực phẩm; Trình bày được nguyên tắc xác định, quy trình tiến hành phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường không khí, đất, chất thải rắn, mẫu sinh học và mẫu thực phẩm; Xử lý được các kết quả và số liệu phân tích thu được. -Về kỹ năng: Thiết kế, xây dựng được chương trình quan trắc và phân tích môi trường không khí, đất cho một số đối tượng cơ bản; Mô tả được các tiêu chuẩn và các văn bản liên quan đến quan trắc và phân tích môi trường; Sử dụng một số thiết bị quan trắc và phân tích; Thực hiện quan trắc và phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường không khí, đất, chất thải rắn, mẫu sinh học và thực phẩm; Tính toán được kết quả phân tích, phân tích các dữ liệu thu được và lập được các báo cáo kết quả quan trắc và phân tích. -Về đạo đức nghề nghiệp: Cẩn thận, nghiêm túc khi thực hành; Trung thực trong báo cáo các số liệu phân tích; Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
12	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	- Về kiến thức: Trình bày được những khái niệm về sản xuất sạch hơn, phân tích được các kỹ thuật sản xuất sạch hơn - Về kỹ năng: Xây dựng được một chương trình sản xuất sạch hơn bằng một ví dụ điển hình. Có khả năng làm việc nhóm, đọc – hiểu tài liệu tiếng anh chuyên ngành và kỹ năng tính toán kinh tế môi trường - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên hứng thú với những lợi ích của sản xuất sạch hơn, một công cụ hiện đại trong giảm thiểu chất thải tại nguồn; Hình thành tác phong công nghiệp, rèn kỹ năng tự đọc tự học.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
13	Thiết kế, vận hành công trình môi trường	- Về kiến thức: vận dụng được các kiến thức đã được học từ các môn chuyên ngành, biết vận dụng để có thể vận hành, thiết kế được các công trình và hệ thống công trình môi trường. - Về kỹ năng: nhận diện được quy trình và bước đầu tính toán, thiết kế các công trình đơn vị trong ngành môi trường như các công trình xử lý nước cấp, nước thải, xử lý chất thải rắn, xử lý khí thải. - Về đạo đức nghề nghiệp: biết chủ động thực hiện nhiệm vụ đặt ra, đồng thời biết tham khảo tài liệu để thiết kế, biết làm việc theo nhóm, phối hợp trong quản lý và thi công xây dựng công trình.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
14	Thực tập vi sinh vật kỹ thuật môi trường	-Về kiến thức: Thiết kế được chương trình phân tích các chỉ tiêu vi sinh, thực hiện lập báo cáo phân tích các chỉ tiêu thông số của môi trường. Xử lý được số liệu phân tích và lập báo cáo kết quả thực tập. -Về kỹ năng: Thực hiện thành thạo các kỹ thuật phân tích vi sinh trong nước, đất và không khí. Nhận diện các đa dạng của vi sinh vật trong môi trường cùng sự phát triển và ảnh hưởng của chúng; Sử dụng thành thạo một số thiết bị vi sinh và các thiết bị liên quan trong phòng thí nghiệm; -Về đạo đức nghề nghiệp: Cần thận, chính xác, nghiêm túc, chủ động khi thực tập; Trung thực trong báo cáo các số liệu phân tích; Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
15	Tin học ứng dụng trong môi trường	- Về kiến thức: Nắm được khái niệm về hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong công tác nghiên cứu môi trường với tư cách là một công cụ đánh giá, dự báo và xem xét các vấn đề liên quan đến tài nguyên và môi trường; hiểu được nguyên lý hoạt động và cách sử dụng các phần mềm trong ứng dụng xây dựng mô hình lan truyền chất ô nhiễm trong môi trường không khí, môi trường nước; được trang bị kiến thức về thực hiện đánh giá vòng đời sản phẩm (LCA) và ứng dụng của phần mềm trong thực hiện sản xuất sạch hơn, đánh giá hóa chất, quá trình, công nghệ, phân tích hệ thống trong lĩnh vực môi trường. - Về kỹ năng: Có khả năng sử dụng thành thạo phần mềm chuyên ngành trong	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nghiên cứu về mô hình hóa, mô phỏng các quá trình công nghệ trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật môi trường - Về đạo đức nghề nghiệp: chuyên cần, cẩn thận trong thực hiện các mô hình, kịch bản, làm việc với dữ liệu, xử lý thông tin			
16	Độc học môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được một cách khái quát các quá trình lan truyền, chuyển hóa của độc chất trong môi trường; phương thức độc chất đi vào cơ thể ở bốn quá trình hấp thụ, chuyển hóa, tích tụ hoặc đào thải độc chất trong cơ thể sinh vật; cơ chế tác động của độc chất và biểu hiện của nhiễm độc; Phân loại được nguồn, tính độc của một số chất ô nhiễm môi trường cơ bản đã được giới thiệu trong học phần; Áp dụng để giải thích được một số biện pháp phòng ngừa và hạn chế tác động của các chất này đến sức khỏe con người. -Về kỹ năng: Phân tích được các chất gây tác động chủ yếu trong các nguồn thải và tác động của chúng đến hệ sinh thái và con người; Đề xuất được một số giải pháp phòng ngừa, hạn chế các tác động gây hại của các độc chất trong môi trường; Tính toán được một số thông số độc học cơ bản khi có số liệu đầu vào; -Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức tuyên truyền trong cộng đồng về tác hại của các chất ô nhiễm môi trường đến sức khỏe con người; Tiếp cận được cách thức và phương pháp nghiên cứu về độc học môi trường.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4. HỆ ĐH7					
1	Auto CAD trong kỹ thuật môi trường	- Về kiến thức: vận dụng được các thao tác cơ bản của AutoCAD, giúp cho sinh viên biết các cách vẽ bản vẽ trên máy tính từ đơn giản đến phức tạp; cung cấp cho sinh viên các phép biến đổi, hiệu chỉnh, sắp xếp bản vẽ, in đối tượng góp phần giúp sinh viên vẽ được nhiều hạng mục khác nhau trong công trình xử lý ô nhiễm môi trường - Về kỹ năng: có khả năng sử dụng thành thạo phần mềm AutoCad ứng dụng trong thể hiện ý tưởng thiết kế các công trình đã tính toán lên bản vẽ của lĩnh vực công nghệ môi trường và một số ngành kỹ thuật khác - Về đạo đức nghề nghiệp: chuyên cần, cẩn thận trong thực hiện các bản vẽ kỹ thuật	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Các phương pháp xử lý và phân tích mẫu môi trường	- Về kiến thức: + Trình bày được nguyên tắc, ưu nhược điểm của một số kỹ thuật xử lý mẫu cơ bản. Hiểu và nắm bắt được một số kỹ thuật xử lý mẫu cơ bản ứng dụng để xử lý mẫu trong phân tích môi trường. + Trình bày được cơ sở lý thuyết của các phương pháp phân tích: quang học, điện hóa, sắc ký. Vẽ được sơ đồ khối và mô tả được nguyên lý hoạt động của các thiết bị phân tích hiện đại: UV-Vis, quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS, quang phổ phát xạ nguyên tử AES, máy đo điện thế, máy cực phổ, GC, HPLC. + Vận dụng được nguyên tắc các kỹ thuật xử lý mẫu và các phương pháp phân tích để thiết lập được các bước phân tích định lượng cho một số các thông số bằng các thiết bị phân tích hiện đại đã học. - Về kỹ năng: + Thao tác được một số kỹ thuật xử lý mẫu cơ bản, sử dụng, vận hành được một số thiết bị xử lý mẫu môi trường. + Sử dụng được một số thiết bị phân tích hiện đại hiện có trong phòng thí nghiệm. Đọc hiểu và vận dụng được các quy trình phân tích một số thông số trong môi trường bằng các thiết bị đã học. - Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực và chủ động trong công việc, cẩn thận, nghiêm túc khi thực hành, trung thực trong báo cáo các số liệu phân tích; say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
3	Các phương pháp xử lý và phân tích mẫu môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được nguyên tắc, ưu nhược điểm của một số kỹ thuật xử lý mẫu cơ bản. Hiểu và nắm bắt được một số kỹ thuật xử lý mẫu cơ bản ứng dụng để xử lý mẫu trong phân tích môi trường. Trình bày được cơ sở lý thuyết của các phương pháp phân tích: quang học, điện hóa, sắc ký. Vẽ được sơ đồ khối và mô tả được nguyên lý hoạt động của các thiết bị phân tích hiện đại: UV-Vis, quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS, quang phổ phát xạ nguyên tử AES, máy đo điện thế, máy cực phổ, GC, HPLC+ Vận dụng được nguyên tắc các kỹ thuật xử lý mẫu và các phương pháp phân tích để thiết lập được các bước phân tích định lượng cho một số các thông	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		số bằng các thiết bị phân tích hiện đại đã học. -Về kỹ năng: Thao tác được một số kỹ thuật xử lý mẫu cơ bản, sử dụng, vận hành được một số thiết bị xử lý mẫu môi trường. Sử dụng được một số thiết bị phân tích hiện đại hiện có trong phòng thí nghiệm. Đọc hiểu và vận dụng được các quy trình phân tích một số thông số trong môi trường bằng các thiết bị đã học. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực và chủ động trong công việc, cẩn thận, nghiêm túc khi thực hành, trung thực trong báo cáo các số liệu phân tích; say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.			thi: Tự luận
4	Hệ thống cơ sở pháp lý về môi trường	-Về kiến thức: trình bày được cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường và phân tích áp dụng vai trò của Luật bảo vệ môi trường, một số luật liên quan tới tài nguyên và các văn bản dưới luật liên quan tới môi trường. -Về kỹ năng: Phân biệt được thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên và môi trường, vận dụng được các văn bản dưới luật hiện hành có liên quan tới tài nguyên và môi trường ở Việt Nam vào thực tế. -Về đạo đức nghề nghiệp: Nhận thức đúng, đầy đủ và có ý thức chấp hành các quy về pháp luật bảo vệ tài nguyên và môi trường.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Kỹ thuật xử lý nước cấp	- Về kiến thức: đề xuất được các sơ đồ dây chuyền công nghệ và các phương pháp xử lý nước cấp truyền thống từ các nguồn nước mặt hoặc nước ngầm, từ đó biết cách lựa chọn và tính toán thiết kế được các công trình đơn vị trong một dây chuyền công nghệ xử lý nước - Về kỹ năng: có khả năng đọc tài liệu thiết kế, tham khảo TCVN và các kỹ thuật tính toán trong quá trình lựa chọn dây chuyền công nghệ và lập thuyết minh tính toán thiết kế một trạm xử lý nước truyền thống - Về đạo đức nghề nghiệp: Các kiến thức và kỹ năng được cung cấp và trau dồi sát với thực tế làm việc và công tác thiết kế, thi công, vận hành một trạm xử lý nước sau này sẽ góp phần làm cho sinh viên cảm thấy tự tin và yêu nghề hơn từ khi còn	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		được đào tạo trong nhà trường			
6	Quá trình và thiết bị chuyển khối	-Về kiến thức: + Trình bày được các định nghĩa cơ bản: Định nghĩa truyền khối, pha, nồng độ phần mol... Thiết lập và dựng đường cân bằng pha, đường làm việc của thiết bị trên hệ trục tọa độ. + Tính được nồng độ phần mol, nồng độ phần khối lượng, nồng độ phần thể tích, hệ số khuếch tán, động lực và động lực trung bình của quá trình truyền chất. + Tính được các kích thước cơ bản của quá trình truyền khối: Đường kính, chiều cao làm việc, chiều cao thực tế, diện tích tiếp xúc pha, lượng vật chất trao đổi. + Áp dụng được vào các quá trình hấp thụ, hấp phụ để tính một số thông số cơ bản như: Lượng dung môi hoặc chất hấp phụ cần thiết, kích thước thiết bị. - Về kỹ năng: Tính toán, lựa chọn thiết bị hấp thụ, hấp phụ... cho phù hợp yêu cầu kinh tế, kỹ thuật; Vẽ chi, vẽ CAD; -Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ nghiêm túc khi học; Chủ động chuẩn bị bài, hứng thú trong việc tính toán thiết kế dạng tháp cụ thể	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
7	Quan trắc và phân tích môi trường nước	- Về kiến thức: + Trình bày được các khái niệm cơ bản liên quan đến quan trắc môi trường; + Trình bày được các bước thiết kế một chương trình quan trắc môi trường; quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường nước. + Trình bày được nguyên tắc xác định, quy trình tiến hành, phương pháp tính kết quả của quy trình phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường nước. - Về kỹ năng: + Thiết kế, xây dựng được chương trình quan trắc và phân tích môi trường nước cho một số đối tượng cụ thể (nước sông, nước hồ, nước ngầm, nước thải); + Sử dụng thành thạo một số thiết bị quan trắc hiện trường; + Phân tích được một số các thông số cơ bản tại phòng thí nghiệm + Đọc quy trình phân tích bằng tiếng việt và một số quy trình phân tích đơn giản bằng tiếng anh và làm được theo hướng dẫn của quy trình. + Tính toán kết quả phân tích, phân tích các dữ liệu thu được và lập được các báo cáo kết quả quan trắc và phân tích. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Cần thận, nghiêm túc khi thực hành; + Trung thực trong báo cáo các số liệu phân tích; + Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.	4	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Sinh thái học	-Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm, quy luật sinh thái cơ bản, mối quan hệ giữa các sinh vật với nhau và với điều kiện môi trường. Phân tích được chu trình và dòng năng lượng trong hệ sinh thái. Nêu được khái niệm đa dạng sinh học, nguyên nhân suy thoái đa dạng sinh học, đề xuất được một số giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học. Nhận biết một số sinh vật chỉ thị môi trường. -Về kỹ năng: biết vận dụng các kiến thức sinh thái học trong việc quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường -Về đạo đức nghề nghiệp: nhận thức đúng đắn về vai trò của con người như là một nhân tố sinh thái và tầm quan trọng của công tác bảo tồn, từ đó nâng cao ý thức	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		trách nhiệm bảo vệ môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững			
9	Tham quan nhận thức	-Về kiến thức: Liệt kê được công việc của cán bộ môi trường tại các nhà máy, công ty, khu công nghiệp, đến tham quan (gọi tắt là đơn vị); Tóm tắt được chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; dây chuyền sản xuất, nguồn thải và tính chất của nguồn thải; hệ thống xử lý và quy trình quản lý, vận hành các công trình xử lý môi trường của đơn vị. -Về kỹ năng: Thực hành được các kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm và trình bày báo cáo -Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có thái độ hứng thú với công việc của một cán bộ môi trường. Từ đó, sinh viên có thể định hướng nhiệm vụ học tập, nghiên cứu và công tác của mình trong tương lai. Sinh viên thể hiện được tính nghiêm túc và trách nhiệm trong công việc	1	Học kỳ I	- Điểm đánh giá báo cáo về cơ sở đi tham quan (cấu trúc, phương pháp thực hiện, kết quả đạt được): 50% - Điểm báo cáo(trình bày đồ án, trả lời câu hỏi): 50%
10	Tiếng Anh chuyên ngành	- Kiến thức: trình bày, giải thích được các kiến thức cơ bản , đặc trưng của chuyên ngành Môi trường thông qua việc ghi nhớ và sử dụng các thuật ngữ chuyên ngành được cung cấp trong giáo trình. Sử dụng một cách hợp lý và chính xác các thuật ngữ hay dùng gắn liền với những chủ đề về môi trường. Có đủ vốn từ để hiểu các văn bản chuyên ngành nói riêng, các văn bản khoa học nói chung và ứng dụng kiến thức đó vào công việc. - Kỹ năng + Kỹ năng đọc: thực hành các kỹ năng đọc hiểu như đọc để lấy ý chính, đọc để tìm thông tin cụ thể, đoán nghĩa từ mới thông qua ngữ cảnh, xác định chủ đề của các đoạn văn, bước đầu thực hành dịch cơ bản, ứng dụng kiến thức đã học vào công việc về sau. +Kỹ năng nói: Hỏi và trả lời cũng như thảo luận về những kiến thức chuyên ngành; Tóm tắt được những bài đọc chuyên ngành; Trình bày ý kiến cá nhân về những chủ đề của bài học; Thảo luận hoặc thuyết trình theo nhóm về đề tài được giao +Kỹ năng viết: Viết đoạn văn ngắn hoặc tóm tắt chủ đề vừa học; Truyền đạt thông	3	Học kỳ II	- Điểm báo cáo(trình bày đồ án, trả lời câu hỏi): 50%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tin và ý tưởng về các đề tài cụ thể hay trừu tượng, kiểm tra thông tin, yêu cầu lấy thông tin hay giải thích vấn đề với độ chính xác phù hợp. +Các nhóm kỹ năng khác: sinh viên có kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh (sử dụng từ ngữ, cấu trúc câu đơn giản và ngôn từ rõ ràng); Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho môn học chuyên ngành của mình -Về mặt đạo đức nghề nghiệp: + Xây dựng tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập. + Xây dựng tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; + Xây dựng tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; + Xây dựng tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học.			
11	Tư tưởng Hồ Chí Minh	-Về kiến thức: Trình bày được cơ sở khoa học hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; phân tích được những nội dung cơ bản và giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh, đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng bảo vệ Tổ quốc trong các giai đoạn của cách mạng Việt Nam -Về kỹ năng: vận dụng lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới. -Về đạo đức nghề nghiệp: Bồi dưỡng, hun đúc lòng yêu nước và các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, nâng cao lòng tự hào về Bác Hồ, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, xây dựng lý tưởng sống cao đẹp, biến lý tưởng thành hành vi cụ thể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
12	Vi sinh vật kỹ thuật môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được hình thái, cấu tạo và các đặc tính cơ bản của VSV, sự phân bố của chúng trong tự nhiên; Phát biểu được vai trò của VSV trong quá trình chuyển hóa vật chất; Giải thích được nguyên nhân của vấn đề ô nhiễm do vi sinh vật; Phân loại được các phương pháp phân tích chỉ tiêu vi sinh; hiểu rõ quá trình xử lý ô nhiễm nhờ vi sinh vật. -Về kỹ năng: Trình bày được vai trò VSV trong quá trình chuyển hóa vật chất và mối quan hệ giữa VSV và môi trường (đất, nước, không khí) và ứng dụng trong thực tiễn xử lý rác thải và nước thải; phân tích được các chỉ tiêu ô nhiễm vi sinh cơ bản, áp dụng phương pháp phân tích trong thực tiễn. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường nói chung và nhận thức rõ trách nhiệm trong việc phân tích và xử lý, giảm thiểu các chất gây ô nhiễm môi trường.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
13	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
14	Xác suất thống kê	-Về kiến thức: trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình. -Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thói quen tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5. HỆ DH8					
1	Cơ sở khoa học môi trường	- Về kiến thức: có khả năng trình bày được những kiến thức cơ bản về môi trường và khoa học môi trường: Các khái niệm cơ bản về tài nguyên và môi trường, các thành phần môi trường...; Phân tích được các vấn đề ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí, các vấn đề nền tảng liên quan tới môi trường như dân số, năng lượng, lương thực - Về kỹ năng: vận dụng được những kiến thức cơ sở về môi trường cần thiết để tiếp cận học các môn chuyên ngành - Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ đúng đắn với môi trường sống, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm của bản thân với môi trường	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Hình họa vẽ kỹ thuật	- Về kiến thức: Trình bày được khái niệm về các phép chiếu; thiết lập được đồ thức của các yếu tố hình học cơ bản: điểm, đường thẳng, mặt phẳng; thể hiện được giao tuyến giữa hai mặt trên đồ thức; nắm được những tiêu chuẩn trình bày bản vẽ kỹ thuật, nêu được các phương pháp biểu diễn vật thể trên bản vẽ kỹ thuật. - Về kỹ năng: Sử dụng các công cụ vẽ thông thường vẽ được thành thạo các hình chiếu thẳng góc của vật thể cho trong không gian ba chiều; vẽ được hình chiếu trục đo, hình cắt, mặt cắt của vật thể khi biết hai hình chiếu thẳng góc; ghi đúng, đầy đủ các kích thước trên bản vẽ kỹ thuật theo TCVN và tiêu chuẩn ISO, đọc được bản vẽ kỹ thuật phù hợp với chuyên ngành theo TCVN (hoặc ISO). - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, nâng cao tư duy không gian, tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Hóa học phân tích	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về hóa phân tích: các khái niệm, các loại phản ứng dùng trong hóa học phân tích, các phương pháp phân tích định lượng thường dùng; Xử lý được, biểu diễn được số liệu thực nghiệm thu được; Trình bày được cơ sở lý thuyết của một số phương pháp định lượng thường dùng và giải thích được hiện tượng xảy ra trong quy trình thực hành; Trình bày được nguyên tắc, các hóa chất, dụng cụ cần dùng và thiết lập được công thức tính kết quả của quy trình định lượng một cấu tử. - Về kỹ năng: Sử dụng được một số dụng cụ và thiết bị cơ bản trong phòng thí nghiệm hóa học phân tích; Phân tích định tính và định lượng được một số cấu tử trong mẫu rắn và trong dung dịch; Xử lý, tính toán và biểu diễn được các số liệu thu được khi làm thực hành. - Về đạo đức nghề nghiệp: Cẩn thận, nghiêm túc khi thực hành; Trung thực trong báo cáo các số liệu phân tích; Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
4	Hoá kỹ thuật môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được các tác nhân, nguyên nhân gây nên các hiện tượng ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất; Trình bày được hậu quả, biện pháp khắc phục các hiện tượng ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất; Giải thích được bản chất hóa học của một số hiện tượng ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất; Tính toán được khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước -Về kỹ năng: Phân tích được hậu quả của các hiện tượng ô nhiễm môi trường; Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước; Xác định được giải pháp phòng ngừa các hiện tượng môi trường tiêu cực -Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường nói chung và nhận thức rõ trách nhiệm trong việc xử lý, giảm thiểu các chất gây ô nhiễm môi trường.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	-Về kiến thức: Trình bày và Giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học -Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. -Về đạo đức nghề nghiệp + Phân xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Pháp luật đại cương	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. -Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống. -Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.			
7	Quá trình cơ bản trong công nghệ môi trường	- Về kiến thức: trình bày được các khái niệm cơ bản trong thủy lực; viết được các phương trình tính toán cần thiết và phân tích được bản chất của các hiện tượng thủy lực - Về kỹ năng: Có khả năng giải quyết được các bài toán cơ bản về thủy tĩnh và thủy động; - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác dám làm dám chịu trong giải quyết công việc.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Toán cao cấp 1	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương, các mặt bậc hai, hàm số một biến số làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. -Về kỹ năng: Sinh viên phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. -Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Toán cao cấp 2	Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến, Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2, Phương trình vi phân cấp một và phương trình vi phân cấp 2 làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. Về kỹ năng: Sinh viên phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		viên tác phong làm việc khoa học.			
10	Vật lý đại cương	- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về cơ học, nhiệt học, điện học, quang học, vật lý lượng tử..., từ đó sinh viên biết phân tích và giải thích được sự vận động khách quan của sự vật hiện tượng trong đời sống và làm cơ sở tiếp thu trong từng chuyên ngành cụ thể. - Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng học tập theo nhóm; phương pháp học tập cá nhân như: nghe giảng, ghi chép, làm bài tập trên lớp và ở nhà; phương pháp học và tự học; kỹ năng tư duy khoa học. - Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực học tập và tự học, tự tìm hiểu tài liệu để nghiên cứu thêm và ứng dụng vào ngành nghề cụ thể.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Về kiến thức: trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. Về đạo đức nghề nghiệp: - Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
12	Tin học đại cương	+Về kiến thức: Trình bày những kiến thức chung về công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính và internet. + Về kỹ năng: Sinh viên có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng tin học văn phòng như soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính excel và thuyết trình bằng phần mềm trình diễn powerpoint, truy cập internet thành thạo. + Về đạo đức nghề nghiệp: Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, làm các bài tập về nhà để nâng cao tinh thần tự học.'	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
13	Hóa học đại cương	Về kiến thức: - Sinh viên phát biểu được các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, đồng thời trình bày được các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Sinh viên vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo. - Về kỹ năng: - Sinh viên áp dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các dạng bài tập trong chương trình. - Áp dụng kiến thức đã học vào các hoạt động thực tiễn có liên quan đến hoá học. - Về đạo đức nghề nghiệp: - Hình thành ý thức tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. - Trau dồi khả năng vận dụng kiến thức của các môn học có liên quan với nhau.			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6. HỆ LDH7					
1	Đồ án công nghệ môi trường	- Về kiến thức: Sinh viên áp dụng các kiến thức đã học trong học phần Công nghệ môi trường để tính toán, thiết kế các công trình xử lý. - Về kỹ năng: Sinh viên tính toán và xác định được các thông số cần thiết để tính toán thiết kế các công trình cho một nhà máy/khu xử lý - Về đạo đức nghề nghiệp: có tính cẩn thận, chính xác và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong giải quyết công việc	2	Học kỳ I	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
2	Đồ án kiểm soát môi trường doanh nghiệp	Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, ý nghĩa và vai trò của kiểm soát ô nhiễm trong bảo vệ môi trường và sức khỏe môi trường; phương pháp đánh giá, tiêu chí đánh giá ô nhiễm; Trình bày được một cách khái quát chức năng của các tổ chức, cá nhân và hệ thống văn bản pháp quy trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; Chỉ ra được các quy trình, thủ tục kiểm soát ô nhiễm môi trường áp dụng trong doanh nghiệp. Về kỹ năng: Tổng hợp được hệ thống văn bản hướng dẫn kiểm soát môi trường trong doanh nghiệp; Áp dụng xây dựng, thực hiện các thủ tục kiểm soát môi trường đối với một doanh nghiệp cụ thể. Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực và chủ động trong học tập; Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.	1	Học kỳ I	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Đồ án thông tin môi trường	- Về kiến thức: Sinh viên xác định được nội dung và cấu trúc của các loại báo cáo môi trường: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm, báo cáo hiện trạng môi trường, báo cáo giám sát môi trường định kỳ. - Về kỹ năng: Lập được 1 trong 3 loại báo cáo môi trường (Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm, báo cáo hiện trạng môi trường, báo cáo giám sát môi trường định kỳ) cho từng đối tượng cụ thể.	1	Học kỳ I	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
4	Thực tập đánh giá chất lượng môi trường	Về kiến thức: - Thiết kế, thực hiện được và lập báo cáo quan trắc môi trường cho các đối tượng cụ thể; - Đọc và vận dụng được quy trình để tiến hành thực nghiệm xác định một số chỉ tiêu cơ bản trong môi trường. - Lập được Báo cáo đánh giá chất lượng môi trường. Về kỹ năng: - Chủ động và thành thạo trong quan trắc và phân tích các thông số cơ bản trong môi trường nước, không khí và môi trường đất. Rèn luyện kỹ năng trình bày báo cáo, làm việc nhóm, sử dụng các bảng biểu theo mẫu, đảm bảo và kiểm soát chất lượng hoạt động quan trắc, phân tích. - Sử dụng thành thạo một số thiết bị quan trắc và phân tích môi trường; - Thực hiện quan trắc và phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường; - Tính toán kết quả phân tích, phân tích các dữ liệu thu được và lập được các báo cáo kết quả quan trắc và phân tích. Về đạo đức nghề nghiệp: - Tích cực, chủ động và nghiêm túc khi thực tập; Trung thực với kết quả phân tích và cẩn thận trong thao tác; Có ý thức bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
5	Các quá trình sinh học trong công nghệ môi trường	- Về kiến thức: sinh viên phân tích được cơ sở lý thuyết quá trình sinh học xử lý chất thải trong điều kiện hiếu khí, kỵ khí, dầu tràn, xử lý khí, Phytoremediation. Sinh viên có thể tính các thông số động học, sinh trưởng của sinh vật trong quá trình xử lý nước thải và chất thải rắn. - Về kỹ năng: Phân biệt được các giai đoạn sinh trưởng và chuyển hóa vật chất trong xử lý môi trường nước và rác thải; biết	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tính toán được các thông số động học sinh trưởng của vi sinh vật; - Về thái độ: rèn luyện tính cẩn thận, cẩn thận trong giải quyết công việc;			Tự luận
6	Hệ thống quản lý chất lượng môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về hệ thống quản lý môi trường, các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14001, phân tích cách thức thiết lập thực hiện hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000. -Về kỹ năng: có khả năng vận dụng được kiến thức đã học giúp doanh nghiệp tiến hành thực hiện công tác quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực tham gia thảo luận nhóm, thực hành, báo cáo.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Kiểm soát môi trường doanh nghiệp	-Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, ý nghĩa và vai trò của kiểm soát ô nhiễm trong bảo vệ môi trường và sức khỏe môi trường; phương pháp đánh giá, tiêu chí đánh giá ô nhiễm; Trình bày được một cách khái quát chức năng của các tổ chức, cá nhân và hệ thống văn bản pháp quy trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; Chỉ ra được các quy trình, thủ tục kiểm soát ô nhiễm môi trường áp dụng trong doanh nghiệp. -Về kỹ năng: Tổng hợp được hệ thống văn bản hướng dẫn kiểm soát môi trường trong doanh nghiệp; Áp dụng xây dựng, thực hiện các thủ tục kiểm soát môi trường đối với một doanh nghiệp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực và chủ động trong học tập; Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Thiết kế, vận hành công trình môi trường	- Về kiến thức: vận dụng được các kiến thức đã được học từ các môn chuyên ngành, biết vận dụng để có thể vận hành, thiết kế được các công trình và hệ thống công trình môi trường. - Về kỹ năng: nhận diện được quy trình và bước đầu tính toán, thiết kế các công trình đơn vị trong ngành môi trường như các công trình xử lý nước cấp, nước thải, xử lý chất thải rắn, xử lý khí thải. - Về đạo đức nghề nghiệp: biết chủ động thực hiện nhiệm vụ đặt ra, đồng thời biết tham khảo tài liệu để thiết kế, biết làm việc theo nhóm, phối hợp trong quản lý và thi	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		công xây dựng công trình.			
9	Thông tin môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được: các khái niệm về thông tin môi trường, phương pháp xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường; cấu trúc báo cáo hiện trạng môi trường, cơ quan quản lý số liệu quan trắc môi trường ở các cấp, chế độ, tần suất hình thức báo cáo số liệu quan trắc môi trường, cấu trúc và hình thức báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm, trách nhiệm báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm; những dữ liệu cần điều tra, thống kê trong lĩnh vực môi trường; Xác định được nội dung chính cần đưa vào từng mục trong các loại báo cáo; Tính toán được các chỉ số chất lượng môi trường AQI và WQI trong từng trường hợp cụ thể. -Về kỹ năng: Lập được đề cương chi tiết của báo cáo hiện trạng môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm cho một đối tượng cụ thể; Xác định được phương pháp điều tra, thống kê cho từng loại dữ liệu điều tra cụ thể; Xây dựng được một số câu hỏi điều tra cơ bản về 1 trong các lĩnh vực: điều tra, thống kê nguồn gây ô nhiễm môi trường, điều tra, thống kê tình hình ô nhiễm môi trường, điều tra, thống kê ảnh hưởng do ô nhiễm môi trường. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của thông tin môi trường trong công tác quản lý môi trường.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7. HỆ LDH8					
1	Các quá trình sinh học trong công nghệ môi trường	- Về kiến thức: phân tích được cơ sở lý thuyết quá trình sinh học xử lý chất thải trong điều kiện hiếu khí, kỵ khí, dầu tràn, xử lý khí, Phytoremediation. Sinh viên có thể tính các thông số động học, sinh trưởng của sinh vật trong quá trình xử lý nước thải và chất thải rắn. - Về kỹ năng: Phân biệt được các giai đoạn sinh trưởng và chuyển hóa vật chất trong xử lý môi trường nước và rác thải; biết tính toán được các thông số động học sinh trưởng của vi sinh vật; - Về thái độ: rèn luyện tính cẩn thận, cẩn thận trong giải quyết công việc;	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Đồ án kiểm soát môi trường doanh nghiệp	-Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, ý nghĩa và vai trò của kiểm soát ô nhiễm trong bảo vệ môi trường và sức khỏe môi trường; phương pháp đánh giá, tiêu chí đánh giá ô nhiễm; Trình bày được một cách khái quát chức năng của các tổ chức, cá nhân và hệ thống văn bản pháp quy trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; Chỉ ra được các quy trình, thủ tục kiểm soát ô nhiễm môi trường áp dụng trong doanh nghiệp. -Về kỹ năng: Tổng hợp được hệ thống văn bản hướng dẫn kiểm soát môi trường trong doanh nghiệp; Áp dụng xây dựng, thực hiện các thủ tục kiểm soát môi trường đối với một doanh nghiệp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực và chủ động trong học tập; Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.	1	Học kỳ I	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
3	Thiết kế, vận hành công trình môi trường	- Về kiến thức: vận dụng được các kiến thức đã được học từ các môn chuyên ngành, biết vận dụng để có thể vận hành, thiết kế được các công trình và hệ thống công trình môi trường. - Về kỹ năng: nhận diện được quy trình và bước đầu tính toán, thiết kế các công trình đơn vị trong ngành môi trường như các công trình xử lý nước cấp, nước thải, xử lý chất thải rắn, xử lý khí thải. Về đạo đức nghề nghiệp: biết chủ động thực hiện nhiệm vụ đặt ra, đồng thời biết tham khảo tài liệu để thiết kế, biết làm việc theo nhóm, phối hợp trong quản lý và thi công xây dựng công trình.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Thực tập đánh giá chất lượng môi trường	-Về kiến thức: +Thiết kế, thực hiện được và lập báo cáo quan trắc môi trường cho các đối tượng cụ thể; +Đọc và vận dụng được quy trình để tiến hành thực nghiệm xác định một số chỉ tiêu cơ bản trong môi trường. +Lập được Báo cáo đánh giá chất lượng môi trường. -Về kỹ năng: +Chủ động và thành thạo trong quan trắc và phân tích các thông số cơ bản trong môi trường nước, không khí và môi trường đất. Rèn luyện kỹ năng trình bày báo cáo, làm việc nhóm, sử dụng các bảng biểu theo mẫu, đảm bảo và kiểm soát chất lượng	2	Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		hoạt động quan trắc, phân tích. +Sử dụng thành thạo một số thiết bị quan trắc và phân tích môi trường; +Thực hiện quan trắc và phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường; +Tính toán kết quả phân tích, phân tích các dữ liệu thu được và lập được các báo cáo kết quả quan trắc và phân tích. -Về đạo đức nghề nghiệp: +tích cực, chủ động và nghiêm túc khi thực tập. +Trung thực với kết quả phân tích và cẩn thận trong thao tác. +Có ý thức bảo vệ môi trường.			
5	Thực tập vi sinh vật kỹ thuật môi trường	-Về kiến thức: Thiết kế được chương trình phân tích các chỉ tiêu vi sinh, thực hiện lập báo cáo phân tích các chỉ tiêu thông số của môi trường. Xử lý được số liệu phân tích và lập báo cáo kết quả thực tập. -Về kỹ năng: Thực hiện thành thạo các kỹ thuật phân tích vi sinh trong nước, đất và không khí. Nhận diện các đa dạng của vi sinh vật trong môi trường cùng sự phát triển và ảnh hưởng của chúng; Sử dụng thành thạo một số thiết bị vi sinh và các thiết bị liên quan trong phòng thí nghiệm; -Về đạo đức nghề nghiệp: Cẩn thận, chính xác, nghiêm túc, chủ động khi thực tập; Trung thực trong báo cáo các số liệu phân tích; Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
6	Toán cao cấp 2	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến, Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2, Phương trình vi phân cấp một và phương trình vi phân cấp 2 làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. -Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.			
7	Vật lý đại cương	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về cơ học, nhiệt học, điện học, quang học, vật lý lượng tử..., từ đó sinh viên biết phân tích và giải thích được sự vận động khách quan của sự vật hiện tượng trong đời sống và làm cơ sở tiếp thu trong từng chuyên ngành cụ thể. - Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng học tập theo nhóm; phương pháp học tập cá nhân như: nghe giảng, ghi chép, làm bài tập trên lớp và ở nhà; phương pháp học và tự học; kỹ năng tư duy khoa học. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực học tập và tự học, tự tìm hiểu tài liệu để nghiên cứu thêm và ứng dụng vào ngành nghề cụ thể.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Đồ án công nghệ môi trường	- Về kiến thức: Sinh viên áp dụng các kiến thức đã học trong học phần Công nghệ môi trường để tính toán, thiết kế các công trình xử lý. - Về kỹ năng: tính toán và xác định được các thông số cần thiết để tính toán thiết kế các công trình cho một nhà máy/khu xử lý - Về đạo đức nghề nghiệp: có tính cẩn thận, chính xác và ý thức trách nhiệm nghề nghiệp trong giải quyết công việc	2	Học kỳ II	Nội dung đồ án: trọng số 50% Bảo báo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
9	Tham quan nhận thức	-Về kiến thức: Liệt kê được công việc của cán bộ môi trường tại các nhà máy, công ty, khu công nghiệp, đến tham quan (gọi tắt là đơn vị); Tóm tắt được chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; dây chuyền sản xuất, nguồn thải và tính chất của nguồn thải; hệ thống xử lý và quy trình quản lý; Vận hành được các công trình xử lý môi trường của đơn vị. -Về kỹ năng: thực hành được các kỹ năng giao tiếp, làm việc theo nhóm và trình bày báo cáo -Về đạo đức nghề nghiệp: có thái độ hứng thú với công việc của một cán bộ môi trường. Từ đó, sinh viên có thể định hướng nhiệm vụ học tập, nghiên cứu và công tác của mình trong tương lai. Sinh viên thể hiện được tính nghiêm túc và trách nhiệm trong công việc	1	Học kỳ II	- Điểm đánh giá báo cáo về cơ sở đi tham quan (cấu trúc, phương pháp thực hiện, kết quả đạt được): 50% - Điểm báo cáo(trình bày đồ án, trả lời câu hỏi): 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
10	Thực hành vận hành hệ thống xử lý chất thải	- Về kiến thức: vận dụng trên thực tế các hệ thống xử lý nước thải - nước cấp, khí thải - tiếng ồn, chất thải rắn - chất thải nguy hại của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu tiểu thủ công nghiệp, các khu xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, các bãi chôn lấp rác hay tái chế chất thải rắn. Trực tiếp quản lý và vận hành hệ thống xử lý (nước thải, khí thải...) của nhà máy, xí nghiệp. Có khả năng tự xử lý các vấn đề phát sinh trong khi vận hành công trình, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. Có khả năng tự hoạch định thời gian quan trắc, giám sát, phân tích chất lượng đầu ra của công trình xử lý và báo cáo định kỳ. -Về kỹ năng: + áp dụng được các phương pháp E215 quản lý và vận hành các công trình thực tế + xây dựng được kế hoạch bảo trì và khắc phục sự cố. Đồng thời nắm vững các nguyên tắc an toàn lao động trong vận hành công trình. + Phân tích, xử lý các thông số vận hành ; Hoạch định thời gian quan trắc, giám sát, phân tích chất lượng đầu ra của công trình xử lý. + Xử lý số liệu và viết báo cáo giám sát định -Về đạo đức nghề nghiệp: + phong làm việc nghiêm túc, làm việc độc lập và làm việc nhóm, có ý thức kỷ luật cao. + Thái độ trung thực và nghiêm túc khi vận hành công trình.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
II. Ngành Quản lý tài nguyên và Môi trường					
1. HỆ ĐH5					
1	Đồ án quy hoạch môi trường và bảo tồn tài nguyên	-Về kiến thức: Lập được báo cáo quy hoạch bảo vệ môi trường cho một khu vực hoặc một thành phần môi trường cụ thể -Về kỹ năng: Lập được đề cương báo cáo, xây dựng và thực hiện kế hoạch lập báo cáo quy hoạch bảo vệ môi trường, thực hành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày -Về đạo đức nghề nghiệp: Tâm huyết với ngành và ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường	2	Học kỳ I	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Kiểm toán chất thải	-Về kiến thức: Tổng hợp được kiến thức cơ sở khoa học và thực tiễn về Kiểm toán môi trường, kiểm toán chất thải. Hiểu được các quy trình trong kiểm toán môi trường tại các doanh nghiệp ở Việt Nam -Về kỹ năng: Áp dụng kiến thức làm bài tập áp dụng thử nghiệm kiểm toán chất thải cho một tổ chức, hoặc một doanh nghiệp cụ thể -Về đạo đức nghề nghiệp: Nâng cao ý thức tự giác trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường và ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên và môi trường đối với sự phát triển của quốc gia. Có hứng thú với môn học và tìm hiểu sâu thêm về các nội dung liên quan đến môn học.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai -Về kỹ năng: +Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. +Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. +Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
4	Lập và phân tích dự án môi trường	- Về kiến thức: Người học trình bày, phân tích, tổng hợp những kiến thức cơ bản về lập và phân tích một dự án môi trường nói chung, các dự án về công nghệ và kỹ thuật môi trường nói riêng như dự án cấp nước, dự án xử lý rác thải, khí thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Nhận biết, phân tích và đánh giá về một dự án môi trường, quá trình lập, phân tích và thẩm định một dự án công nghệ và kỹ thuật môi trường.... + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức cơ bản để xác định cách lập, phân tích và thẩm định các dự án môi trường nói chung, các dự án về công nghệ và kỹ thuật môi trường nói riêng như dự án cấp nước, dự án xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại... + Kỹ năng làm việc với nhóm: Vận dụng kiến thức từ giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác từ đó áp dụng vào thực tế làm việc. + Kỹ năng tư duy: Vận dụng những kiến thức đã học, người học xây dựng và đánh giá các công việc liên quan đến lập, phân tích và thẩm định dự án môi trường. Từ đó đưa ra những quyết định đúng đắn mang lại hiệu quả cho chủ dự án. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác lập và phân tích dự án trong công việc để	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
5	Quy hoạch môi trường và bảo tồn tài nguyên	-Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm cơ bản về quy hoạch môi trường, quy hoạch khai thác và bảo tồn tài nguyên, nội dung cơ bản quy hoạch tài nguyên và môi trường và các công cụ, phương pháp sử dụng trong quy hoạch tài nguyên và môi trường. -Về kỹ năng: có khả năng vận dụng được các công cụ, phương pháp quy hoạch để hoạt động khai thác sử dụng và quản lý các dạng tài nguyên thiên nhiên, quy hoạch bảo vệ môi trường cho một vùng hoặc một thành phần môi trường cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: Thay đổi thái độ, hành vi, hướng tới thân thiện với môi trường. Có thể tiếp tục học ở các bậc cao hơn.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Sản xuất sạch hơn và phòng ngừa ô nhiễm	- Về kiến thức: Trình bày được những khái niệm về sản xuất sạch hơn, phân tích được các kỹ thuật sản xuất sạch hơn -Về kỹ năng: Xây dựng được một chương trình sản xuất sạch hơn bằng một ví dụ điển hình. Có khả năng làm việc nhóm, đọc – hiểu tài liệu tiếng anh chuyên ngành và kỹ năng tính toán kinh tế môi trường -Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên hứng thú với những lợi ích của sản xuất sạch hơn, một công cụ hiện đại trong giảm thiểu chất thải tại nguồn; Hình thành tác phong công nghiệp, rèn kỹ năng tự đọc tự học.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Thanh tra bảo vệ môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được kiến thức cơ bản về thanh tra và thanh tra bảo vệ môi trường. Hiểu được trình tự tiến hành một cuộc thanh tra -Về kỹ năng: Áp dụng kiến thức thanh tra thiết lập được biên bản thanh tra bảo vệ môi trường của một cuộc thanh tra bảo vệ môi trường trong các cơ sở sản xuất, trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, trong lĩnh vực quản lý tài nguyên nước, ... -Về đạo đức nghề nghiệp: Có hứng thú với môn học và tìm hiểu sâu thêm về các nội dung liên quan đến môn học.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2. HỆ ĐH6					
1	Đánh giá tác động môi trường	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về quá trình đánh giá tác động môi trường; Phân tích được nội dung đánh giá tác động môi trường; Ứng dụng được các phương pháp thường sử dụng trong đánh giá tác động môi trường tương ứng theo từng loại hình và lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội. -Về kỹ năng: áp dụng các phương pháp đánh giá tác động môi trường, đề xuất được các giải pháp công nghệ xử lý chất thải, và các biện pháp bảo vệ môi trường -Về đạo đức nghề nghiệp: có nhận thức đúng đắn về những tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động kinh tế-xã hội đến môi trường, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Công nghệ môi trường	-Kiến thức: áp dụng được những kiến thức cơ bản về ô nhiễm môi trường, nguồn gây ô nhiễm, các phương pháp công nghệ trong xử lý các thành phần ô nhiễm môi trường. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng lý luận, tính toán, và phân tích các phương pháp xử lý nước cấp, nước thải và khí thải. -Đạo đức nghề nghiệp: rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và ngành nghề.	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Công nghệ môi trường	-Kiến thức: áp dụng được những kiến thức cơ bản về ô nhiễm môi trường, nguồn gây ô nhiễm, các phương pháp công nghệ trong xử lý các thành phần ô nhiễm môi trường. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng lý luận, tính toán, và phân tích các phương pháp xử lý nước cấp, nước thải và khí thải. -Đạo đức nghề nghiệp: rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và ngành nghề.	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức
4	Đồ án đánh giá tác động môi trường	-Về kiến thức: Thực hiện được các bước trong quy trình Đánh giá tác động môi trường trong một trường hợp dự án nghiên cứu cụ thể. -Về kỹ năng: Lập được đề cương Đánh giá tác động môi trường chi tiết, áp dụng các phương pháp đánh giá những tác động của các hoạt động kinh tế-xã hội đến môi trường, lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường chi tiết và đầy đủ. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày -Về đạo đức nghề nghiệp: Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường	2	Học kỳ II	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
5	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được kiến thức cơ bản liên quan đến phương pháp nghiên cứu khoa học ứng dụng trong quản lý môi trường và quản lý tài nguyên; phân tích được dữ liệu thu thập, trình bày được kết quả nghiên cứu; vận dụng được kiến thức để thực hiện tốt đề tài nghiên cứu, khóa luận tốt nghiệp, bao gồm chuẩn bị đề cương nghiên cứu; Thiết kế và thực hiện nghiên cứu; Phương pháp thu thập số liệu; Nhập và xử lý số liệu nghiên cứu; Phân tích và đánh giá được những kết luận rút ra từ quá trình nghiên cứu. -Về kỹ năng: Có khả năng lập kế hoạch nghiên cứu, xây dựng đề cương nghiên cứu, thực hiện một nghiên cứu theo từng chủ đề liên quan đến lĩnh vực quản lý tài nguyên môi trường. Rèn tư duy phân tích, so sánh, tổng hợp, khái quát hoá, làm việc	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nhóm hiệu quả. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ nghiêm túc trong NCKH, đạo đức trung thực đối với kết quả nghiên cứu.			
6	Quản lý các vùng sinh thái đặc thù	- Về kiến thức: phân tích được tổng quan về các vùng sinh thái và các cách tiếp cận trong quản lý các vùng sinh thái; phân tích, đánh giá được hiện trạng, xu thế và vai trò của các vùng đất ngập nước, đới bờ, cửa lưu vực sông, của một số vùng/hệ sinh thái nhạy cảm (rừng ngập mặn, đầm phá, ...) đối với đời sống con người, từ đó lựa chọn được những mô hình, chính sách quản lý phù hợp, hiệu quả. -Về kỹ năng: Phân tích được đặc tính của các vùng đất ngập nước, vùng đới bờ, lưu vực sông và một số vùng/hệ sinh thái nhạy cảm. Phân tích và đánh giá hiện trạng, xu thế của các vùng sinh thái đó. Phân tích lựa chọn được những mô hình quản lý tổng hợp và chính sách quản lý phù hợp. -Về đạo đức nghề nghiệp: Xác định đúng đắn về vai trò của con người nói chung và của bản thân nói riêng như là một nhân tố quan trọng trong quản lý các vùng sinh thái và tầm quan trọng của công tác bảo tồn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Quản lý môi trường đô thị, công nghiệp, làng nghề	-Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về: Hiện trạng và vấn đề môi trường liên quan ở các vùng và khu vực đặc trưng đang bị ô nhiễm và suy thoái môi trường nghiêm trọng ở Việt Nam như đô thị, khu công nghiệp, và một số vùng sản xuất làng nghề. Phân tích và đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả và phù hợp cho các vùng sinh thái nói trên. -Về kỹ năng: ứng dụng được vấn đề ưu tiên cần giải quyết cho 3 khu vực đô thị, khu công nghiệp, làng nghề và đề xuất biện pháp giải quyết phù hợp bằng việc áp dụng các công cụ quản lý môi trường như: công cụ luật pháp chính sách, công cụ kinh tế, công cụ kỹ thuật, công cụ phụ trợ vào thực tế. -Về đạo đức nghề nghiệp: tích cực tham gia học tập nghiêm túc, đầy đủ và thấy rõ sự cần thiết phải quản lý và bảo vệ môi	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		trường ở các khu vực và vùng đặc thù như: đô thị, công nghiệp, làng nghề trong bối cảnh công nghiệp hóa, đô thị hóa ở nước ta trong thời gian gần đây.			
8	Quy hoạch môi trường	-Về kiến thức: trình bày được các khái niệm cơ bản về quy hoạch môi trường, nội dung cơ bản quy hoạch môi trường, một số công cụ, phương pháp sử dụng trong quy hoạch môi trường. -Về kỹ năng: phân tích, vận dụng được các công cụ sử dụng trong phương pháp quy hoạch trong quy hoạch môi trường. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ tích cực tham gia học tập, thảo luận, có tư duy tích cực trong xây dựng quy hoạch môi trường, lấy quan điểm đặt lợi ích tập thể, lợi ích chung trong các bản quy hoạch môi trường	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Thanh tra và đền bù thiệt hại môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về thanh tra và thanh tra kiểm tra bảo vệ môi trường; Phân tích được hành lang pháp lý cho hoạt động thanh tra: Văn bản pháp quy về môi trường, văn bản pháp quy về hoạt động Thanh tra, văn bản pháp quy về xử phạt vi phạm hành chính; Mô tả được trình tự tiến hành một cuộc thanh tra bảo vệ môi trường; Mô tả được trình tự xử phạt vi phạm hành chính về môi trường; cơ sở và phương pháp tính toán ảnh hưởng hoặc thiệt hại về tài nguyên và môi trường của các nguồn ô nhiễm, sự cố môi trường, kỹ năng giải quyết tranh chấp và đền bù thiệt hại về môi trường. -Về kỹ năng: Áp dụng kiến thức thanh tra thiết lập được biên bản công bố quyết định thanh tra, biên bản thanh tra bảo vệ môi trường, biên bản kết thúc thanh tra của một cuộc thanh tra bảo vệ môi trường trong các cơ sở sản xuất, trong lĩnh vực khai thác khoáng sản, trong lĩnh vực quản lý tài nguyên nước, .Lập biên bản xử phạt vi phạm hành chính; tính toán ảnh hưởng hoặc thiệt hại về tài nguyên và môi trường của các nguồn ô nhiễm, sự cố môi trường, kỹ năng giải quyết tranh chấp và đền bù thiệt hại về môi trường. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực tham gia học tập nghiêm túc, đầy đủ và tìm hiểu	4	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		sâu thêm về tổ chức hoạt động quản lý nhà nước về môi trường, hoạt động thanh tra bảo vệ môi trường.			
10	Thông tin môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được: các khái niệm về thông tin môi trường; phương pháp xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường; cấu trúc báo cáo hiện trạng môi trường; cơ quan quản lý số liệu quan trắc môi trường ở các cấp; chế độ, tần suất hình thức báo cáo số liệu quan trắc môi trường; cấu trúc và hình thức báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm; trách nhiệm báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm; những dữ liệu cần điều tra, thống kê trong lĩnh vực môi trường; Xác định được nội dung chính cần đưa vào từng mục trong các loại báo cáo; Tính toán được các chỉ số chất lượng môi trường AQI và WQI trong từng trường hợp cụ thể. -Về kỹ năng: Lập được đề cương chi tiết của báo cáo hiện trạng môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm cho một đối tượng cụ thể; Xác định được phương pháp điều tra, thống kê cho từng loại dữ liệu điều tra cụ thể; Xây dựng được một số câu hỏi điều tra cơ bản về 1 trong các lĩnh vực: điều tra, thống kê nguồn gây ô nhiễm môi trường, điều tra, thống kê tình hình ô nhiễm môi trường, điều tra, thống kê ảnh hưởng do ô nhiễm môi trường -Về đạo đức nghề nghiệp: Có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của thông tin môi trường trong công tác quản lý môi trường.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Thực tập mô hình hóa môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được quy trình chuẩn bị, các thông số đầu vào đầu ra, phương pháp hiệu chỉnh và chạy mô hình chất lượng nước mặt và không khí. -Về kỹ năng: Chuẩn bị được số liệu cho mô hình, chạy mô hình và hiệu chỉnh mô hình cũng như cách phân tích và biện luận kết quả từ mô hình. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập và hiểu về những ứng dụng của mô hình trong dự đoán đánh giá tác động môi trường và quản lý môi trường. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực tham gia làm bài tập, thực hành phần mềm mô hình.	2	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
12	Thực tập Tin học ứng dụng trong quản lý tài nguyên và môi trường	-Về kiến thức: Sử dụng được các phần mềm GIS, viễn thám để giải quyết các bài toán thực tế về quản lý tài nguyên và môi trường -Về kỹ năng: Cài đặt và sử dụng được các phần mềm phần mềm GIS, viễn thám. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ tích cực trong học tập, tuân thủ tuyệt đối các quy định thực tập.	2	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
13	Tin học ứng dụng trong quản lý tài nguyên và môi trường	-Về kiến thức: Vận dụng được các kiến thức về tin học ứng dụng trong công tác nghiên cứu môi trường với tư cách là một công cụ đánh giá, dự báo và xem xét các vấn đề liên quan đến tài nguyên và môi trường -Về kỹ năng: Sử dụng được phần mềm GIS và viễn thám và vận dụng được công cụ này trong quản lý tài nguyên và môi trường: lập bản đồ chuyên đề, phân tích không gian, xử lý ảnh vệ tinh, quản lý cơ sở dữ liệu. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có tinh thần, thái độ học tập tích cực, chủ động trong các bài tập thực hành, thảo luận	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

3. HỆ DH7

1	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. -Về kỹ năng: +Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. +Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. +Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. Về đạo đức nghề nghiệp: +Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. +Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	-Về kiến thức: Trình bày được cơ sở khoa học hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; phân tích được những nội dung cơ bản và giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh, đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng bảo vệ Tổ quốc trong các giai đoạn của cách mạng Việt Nam. -Về kỹ năng: vận dụng lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới. -Về đạo đức nghề nghiệp: Bồi dưỡng, hun đúc lòng yêu nước và các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, nâng cao lòng tự hào về Bác Hồ, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, xây dựng lý tưởng sống cao đẹp, biến lý tưởng thành hành vi cụ thể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Đa dạng sinh học	- Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm về đa dạng sinh học; mức độ biểu hiện của đa dạng sinh học; phân tích được vai trò của đa dạng sinh học, sự mất đa dạng sinh học, nguyên nhân và sự tuyệt chủng các loài; biết được thực trạng đa dạng sinh học ở Việt Nam; Trình bày được các biện pháp quản lý đa dạng sinh học. - Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức cơ bản	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		về đa dạng sinh học để tiếp thu các học phần liên quan tiếp sau như Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học, bảo tồn đa dạng sinh học,. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xác định được vai trò, ý nghĩa của môn học nhằm nâng cao nhận thức của con người về đa dạng sinh học; nhận thấy sự cần thiết phải quản lý và bảo vệ môi trường trên phạm vi khu vực, quốc gia và toàn cầu.			- Hình thức thi: Tự luận
4	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	- Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm về Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học; Phát biểu được ý nghĩa của việc điều tra đánh giá đa dạng sinh học; Trình bày được các bước thực hiện điều tra, đánh giá đa dạng sinh học. - Về kỹ năng: Xây dựng được kế hoạch điều tra, đánh giá đa dạng sinh học. Vận dụng được các phương pháp để triển khai việc điều tra, đánh giá đa dạng sinh học. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xác định được vai trò, ý nghĩa của việc điều tra, đánh giá đa dạng sinh học nhằm nâng cao nhận thức của con người về đa dạng sinh học. Có thái độ và hành vi đúng đắn đối với việc bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học khi thực hiện một việc gì đó.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Độc học môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được một số khái niệm cơ bản về độc học môi trường; Giải thích được các thuật ngữ chuyên môn thường dùng trong môn học này; Mô tả được một cách khái quát các quá trình lan truyền, chuyển hóa của độc chất trong môi trường; phương thức độc chất đi vào cơ thể ở bốn quá trình hấp thụ, chuyển hóa, tích tụ hoặc đào thải độc chất trong cơ thể sinh vật; cơ chế tác động của độc chất và biểu hiện của nhiễm độc; Mô tả được nguồn, tính độc của một số chất ô nhiễm môi trường cơ bản đã được giới thiệu trong học phần; Áp dụng để giải thích được một số biện pháp phòng ngừa và hạn chế tác động của các chất này đến sức khỏe con người. -Về kỹ năng: Phân tích được các chất gây tác động chủ yếu trong các nguồn thải và tác động của chúng đến hệ sinh thái và con người; Đề xuất được một số giải pháp phòng ngừa, hạn chế các tác động gây hại	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		của các độc chất trong môi trường; Tính toán được một số thông số độc học cơ bản khi có số liệu đầu vào. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức tuyên truyền trong cộng đồng về tác hại của các chất ô nhiễm môi trường đến sức khỏe con người;			
6	Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về hệ thống quản lý môi trường, các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14001, phân tích cách thức thiết lập thực hiện hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000. -Về kỹ năng: có khả năng vận dụng được kiến thức đã học giúp doanh nghiệp tiến hành thực hiện công tác quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực tham gia thảo luận nhóm, thực hành, báo cáo.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Hệ thống cơ sở pháp lý về tài nguyên và môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về hệ thống quản lý môi trường, các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14001, phân tích cách thức thiết lập thực hiện hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000. -Về kỹ năng: có khả năng vận dụng được kiến thức đã học giúp doanh nghiệp tiến hành thực hiện công tác quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực tham gia thảo luận nhóm, thực hành, báo cáo.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Kinh tế tài nguyên và môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; Trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; trình bày được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên, xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu. -Về kỹ năng: + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		các phương pháp đã học để xác định mức ô nhiễm tối ưu cho hoạt động kinh tế và xác định mức khai thác tài nguyên tối ưu cho hoạt động khai thác tài nguyên trong thực tế. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể, đưa ra được giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên một cách bền vững. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Nâng cao ý thức tự giác trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường. + Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên và môi trường đối với sự phát triển của mỗi quốc gia.			
9	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	- Về kiến thức: Trình bày được đúng tên và nội dung chính các văn bản pháp lý liên quan đến quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại. Trình bày đúng nguyên lý hoạt động, cấu tạo, khả năng áp dụng của các phương pháp xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại + Về kỹ năng: tính toán được khối lượng và thành phần chất thải của một khu dân cư hay công nghiệp; Tính toán thành thạo các bài tập về thu gom vận chuyển chất thải rắn, tính lượng oxy cần cho quá trình ủ sinh học, lượng oxy cho quá trình cháy, sản phẩm của quá trình ủ...; Tính toán được lượng khí ga phát sinh tại một bãi chôn lấp; Thiết kế được một bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh. -Về đạo đức nghề nghiệp: có thái độ sử dụng tiết kiệm trong sử dụng các nguồn tài nguyên, hứng thú với việc phân loại rác tại nguồn ;Hình thành tác phong công nghiệp, rèn kỹ năng tự đọc tự học.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Quản lý môi trường	-Về kiến thức: trình bày được các kiến thức cơ bản về quản lý môi trường, các công cụ quản lý môi trường đang được áp dụng trên thế giới và Việt Nam; biết phân tích, xử lý các công cụ quản lý môi trường để giải quyết cho thành phần môi trường và khu vực cụ thể -Về kỹ năng: áp dụng các công cụ quản lý môi trường như: công cụ luật pháp chính	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		sách, công cụ kinh tế, công cụ kỹ thuật, công cụ phụ trợ vào thực tế để quản lý các thành phần môi trường hiệu quả. -Về đạo đức nghề nghiệp: tích cực tham gia học tập nghiêm túc, đầy đủ và tìm hiểu sâu thêm về tổ chức hoạt động quản lý nhà nước về môi trường.			- Hình thức thi: Tự luận
11	Quan trắc và phân tích môi trường	-Về kiến thức: Tính được một số nồng độ hoá chất thường sử dụng trong PTN; Trình bày được một số khái niệm cơ bản trong quan trắc và phân tích môi trường; Liệt kê được các bước tiến hành một chương trình quan trắc; Trình bày được nguyên tắc phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường -Về kỹ năng: Thiết kế, xây dựng được chương trình quan trắc, phân tích môi trường không khí, đất, nước cho một số đối tượng cơ bản; Thực hiện được quan trắc, phân tích và tính toán kết quả một số thông số trong môi trường không khí, đất, nước; -Về đạo đức nghề nghiệp: Cẩn thận, nghiêm túc khi thực hành; Trung thực trong báo cáo các số liệu phân tích; Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
12	Thực tập điều tra đánh giá đa dạng sinh học	- Về kiến thức: Trình bày được qui trình các bước thực hiện điều tra, đánh giá đa dạng sinh học cho các hệ sinh thái, sinh cảnh và các nhóm sinh vật. Trình bày được nội dung cần thiết trong báo cáo đa dạng sinh học. - Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức của học phần để triển khai điều tra, đánh giá đa dạng sinh học của các nhóm sinh vật, Xây dựng được kế hoạch điều tra đánh giá và báo cáo kết quả điều tra đánh giá đa dạng sinh học cho 1 khu vực. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xác định được trách nhiệm về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học	2	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
13	Thực tập quan trắc và phân tích môi trường	-Về kiến thức: Thiết kế, thực hiện và lập báo cáo quan trắc môi trường cho các đối tượng cụ thể; Vận dụng được quy trình để tiến hành thực nghiệm xác định một số chỉ tiêu cơ bản trong môi trường không khí, môi trường đất và môi trường nước. -Về kỹ năng: Thực hiện thành thạo các thao tác lấy mẫu và phân tích một số thông số cơ bản trong môi trường đất, nước, không khí; Trình bày được báo cáo, làm việc nhóm, sử dụng các bảng biểu theo mẫu; Sử dụng được một số thiết bị quan trắc và phân tích môi trường; Thực hiện quan trắc và phân tích được một số thông số cơ bản trong môi trường; Tính toán được kết quả phân tích và lập được các báo cáo kết quả quan trắc và phân tích. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực, chủ động và nghiêm túc khi thực tập; Trung thực với kết quả phân tích và cẩn thận trong thao tác; Có ý thức bảo vệ môi trường.	2	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
14	Tiếng Anh chuyên ngành	-Về Kiến thức: Vận dụng được vốn từ vựng tiếng Anh cơ bản trong lĩnh vực môi trường (được cung cấp thêm khoảng 200 thuật ngữ chuyên ngành); diễn đạt được các khái niệm, hiện tượng thuộc lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường bằng tiếng Anh. Ngoài ra được áp dụng được kiến thức ngữ pháp thường sử dụng nhiều trong văn phong khoa học. -về Kỹ năng: Xử lý được những văn bản chuyên ngành có độ khó ở mức độ trung bình; đọc lướt các văn bản tương đối dài để xác định thông tin cần tìm, tập hợp thông tin từ các phần của bài đọc hay từ các bài khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể được giao; sử dụng ngôn ngữ để trình bày quan điểm của bản thân về những vấn đề cơ bản thuộc lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường. -về Thái độ: Xác định rõ tầm quan trọng của môn học; thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử; phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà; tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng vào các hoạt động trên lớp;	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		chia sẻ thông tin với bạn bè và với giáo viên.			
4. HỆ ĐH8					
1	Cơ sở khoa học môi trường	- Về kiến thức: có khả năng trình bày được những kiến thức cơ bản về môi trường và khoa học môi trường: Các khái niệm cơ bản về tài nguyên và môi trường, các thành phần môi trường...; Phân tích được các vấn đề ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí, các vấn đề nền tảng liên quan tới môi trường như dân số, năng lượng, lương thực -Về kỹ năng: vận dụng được những kiến thức cơ sở về môi trường cần thiết để tiếp cận học các môn chuyên ngành -Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ đúng đắn với môi trường sống, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm của bản thân với môi trường	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Toán cao cấp 2	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến, Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2, Phương trình vi phân cấp một và phương trình vi phân cấp 2 làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. -Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	-Về kiến thức: trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học -Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. -Về đạo đức nghề nghiệp: Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Pháp luật đại cương	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. -Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống. -Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm
5	Biến đổi khí hậu	-Về kiến thức: Phát biểu được khái niệm BĐKH, và các khái niệm cơ bản liên quan đến BĐKH Trình bày được tác động của BĐKH tới đời sống tự nhiên, kinh tế - xã hội trên thế giới và ở Việt Nam. Giải thích được các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu phục vụ cho sự phát triển trên toàn cầu, quốc gia và địa phương. -Về kỹ năng: Phát triển kỹ năng phân tích, tổng hợp, và giải quyết các vấn đề liên quan đến BĐKH ở địa phương; Phát triển kỹ năng ứng phó với thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan ở địa phương; Rèn kỹ năng truyền thông về BĐKH, đặc biệt là truyền thông cảnh báo sớm thiên tai và các hiện tượng thời tiết cực đoan. -Về đạo đức nghề nghiệp: Nhận thức	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		được ý nghĩa, tầm quan trọng và vai trò của khoa học nghiên cứu BDKH trong cuộc sống, trong định hướng phát triển kinh tế-xã hội bền vững; Chuyên biến tích cực trong nhận thức và có ý thức vận động người khác có hành động đúng đắn trong việc hạn chế tác hại của BDKH.			
6	Hóa học đại cương	-Về kiến thức: phát biểu được các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, đồng thời trình bày được các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương. Sinh viên vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo. -Về kỹ năng: áp dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các dạng bài tập trong chương trình. Áp dụng kiến thức đã học vào các hoạt động thực tiễn có liên quan đến hoá học. -Về đạo đức nghề nghiệp: Hình thành ý thức tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. Trau dồi khả năng vận dụng kiến thức của các môn học có liên quan với nhau.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Hóa học môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được các tác nhân, nguyên nhân gây nên các hiện tượng ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất; Trình bày được hậu quả, biện pháp khắc phục các hiện tượng ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất; Tính được khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước. -Về kỹ năng: Tính toán được khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn nước trong thực tế; Áp dụng được để giải thích một số chu trình chuyển hóa trong môi trường -Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường nói chung và nhận thức rõ trách nhiệm trong việc xử lý, giảm thiểu các chất gây ô nhiễm môi trường.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	- Về kiến thức: Trình bày và Giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học -Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. -Về đạo đức nghề nghiệp: Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Từng bước xác lập thế giới quan,	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất			Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Sinh thái học	-Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm, quy luật sinh thái cơ bản, mối quan hệ giữa các sinh vật với nhau và với điều kiện môi trường. Phân tích được chu trình và dòng năng lượng trong hệ sinh thái. Nêu được khái niệm đa dạng sinh học, nguyên nhân suy thoái đa dạng sinh học, đề xuất được một số giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học. Nhận biết một số sinh vật chỉ thị môi trường. -Về kỹ năng: biết vận dụng các kiến thức sinh thái học trong việc quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường -Về đạo đức nghề nghiệp: nhận thức đúng đắn về vai trò của con người như là một nhân tố sinh thái và tầm quan trọng của công tác bảo tồn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Tin học đại cương	-Về kiến thức: Trình bày những kiến thức chung về công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính và internet. -Về kỹ năng: Sinh viên có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng tin học văn phòng như soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính excel và thuyết trình bằng phần mềm trình diễn powerpoint, truy cập internet thành thạo. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, làm các bài tập về nhà để nâng cao tinh thần tự học.'	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
11	Toán cao cấp 1	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương, các mặt bậc hai, hàm số một biến số làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.			
12	Xác suất thống kê	-Về kiến thức: trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình. -Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thói quen tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

5. HỆ LDH7

1	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về: Tổng quan cơ sở pháp lý quy định về bảo vệ môi trường cho các nhóm đối tượng sản xuất kinh doanh dịch vụ gồm (luật, nghị định, thông tư, quyết định, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường); Áp dụng quy trình đánh giá sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường cho các nhóm đối tượng; Nghiên cứu điển hình cho một doanh nghiệp. -Về kỹ năng: Xác định được các cơ sở pháp lý liên quan tới các nhóm đối tượng sản xuất kinh doanh, Xây dựng được quy trình đánh giá sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và áp dụng cho một doanh nghiệp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: tích cực tham gia học tập nghiêm túc, đầy đủ và thấy rõ sự cần thiết phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Thực tập điều tra đánh giá đa dạng sinh học	- Về kiến thức: Trình bày được qui trình các bước thực hiện điều tra, đánh giá đa dạng sinh học cho các hệ sinh thái, sinh cảnh và các nhóm sinh vật. Trình bày được nội dung cần thiết trong báo cáo đa dạng sinh học. - Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức của học phần để triển khai điều tra, đánh giá đa dạng sinh học của các nhóm sinh vật, Xây dựng được kế hoạch điều tra	2	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		đánh giá và báo cáo kết quả điều tra đánh giá đa dạng sinh học cho 1 khu vực. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xác định được trách nhiệm về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học			
3	Thực tập mô hình hóa môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được quy trình chuẩn bị, các thông số đầu vào đầu ra, phương pháp hiệu chỉnh và chạy mô hình chất lượng nước mặt và không khí. -Về kỹ năng: Chuẩn bị được số liệu cho mô hình, chạy mô hình và hiệu chỉnh mô hình cũng như cách phân tích và biện luận kết quả từ mô hình. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng làm việc độc lập và hiểu về những ứng dụng của mô hình trong dự đoán đánh giá tác động môi trường và quản lý môi trường. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực tham gia làm bài tập, thực hành phần mềm mô hình.	2	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
4	Đồ án quy hoạch môi trường và bảo tồn tài nguyên	-Về kiến thức: Lập được báo cáo quy hoạch bảo vệ môi trường cho một khu vực hoặc một thành phần môi trường cụ thể -Về kỹ năng: Lập được đề cương báo cáo, xây dựng và thực hiện kế hoạch lập báo cáo quy hoạch bảo vệ môi trường, thực hành kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày -Về đạo đức nghề nghiệp: Tâm huyết với ngành và ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường	2	Học kỳ I	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
6. HỆ LDH8					
1	Kinh tế tài nguyên và môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; Trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; trình bày được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên, xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu. -Về kỹ năng:	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp đã học để xác định mức ô nhiễm tối ưu cho hoạt động kinh tế và xác định mức khai thác tài nguyên tối ưu cho hoạt động khai thác tài nguyên trong thực tế. +Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. +Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể, đưa ra được giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên một cách bền vững. -Về đạo đức nghề nghiệp: +Nâng cao ý thức tự giác trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường. +Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên và môi trường đối với sự phát triển của mỗi quốc gia.			
2	Đồ án đánh giá tác động môi trường	-Về kiến thức: Thực hiện được các bước trong quy trình Đánh giá tác động môi trường trong một trường hợp dự án nghiên cứu cụ thể. -Về kỹ năng: Lập được đề cương Đánh giá tác động môi trường chi tiết, áp dụng các phương pháp đánh giá những tác động của các hoạt động kinh tế-xã hội đến môi trường, lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường chi tiết và đầy đủ. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng trình bày -Về đạo đức nghề nghiệp: Say mê và yêu nghề, tích cực bảo vệ môi trường	2	Học kỳ II	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
3	Thông tin môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được: các khái niệm về thông tin môi trường; phương pháp xây dựng báo cáo hiện trạng môi trường; cấu trúc báo cáo hiện trạng môi trường; cơ quan quản lý số liệu quan trắc môi trường ở các cấp;chế độ, tần suất hình thức báo cáo số liệu quan trắc môi trường; cấu trúc và hình thức báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm; trách nhiệm báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm; những dữ liệu cần điều tra, thống kê trong lĩnh vực môi trường; Xác định được nội dung chính cần đưa vào từng mục trong các loại báo cáo; Tính toán được các chỉ số chất lượng môi trường AQI và WQI trong từng trường hợp cụ thể.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về kỹ năng: Lập được đề cương chi tiết của báo cáo hiện trạng môi trường và báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm cho một đối tượng cụ thể; Xác định được phương pháp điều tra, thống kê cho từng loại dữ liệu điều tra cụ thể; Xây dựng được một số câu hỏi điều tra cơ bản về 1 trong các lĩnh vực: điều tra, thống kê nguồn gây ô nhiễm môi trường, điều tra, thống kê tình hình ô nhiễm môi trường, điều tra, thống kê ảnh hưởng do ô nhiễm môi trường. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của thông tin môi trường trong công tác quản lý môi trường.			
4	Thực tập điều tra đánh giá đa dạng sinh học	- Về kiến thức: Trình bày được qui trình các bước thực hiện điều tra, đánh giá đa dạng sinh học cho các hệ sinh thái, sinh cảnh và các nhóm sinh vật. Trình bày được nội dung cần thiết trong báo cáo đa dạng sinh học. - Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức của học phần để triển khai điều tra, đánh giá đa dạng sinh học của các nhóm sinh vật, Xây dựng được kế hoạch điều tra đánh giá và báo cáo kết quả điều tra đánh giá đa dạng sinh học cho 1 khu vực. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xác định được trách nhiệm về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học	2	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

III. Ngành Quản lý đất đai

1. HỆ CD15

1	Đăng ký đất đai	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và hồ sơ địa chính. Những quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về (1) Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất: đăng ký đất đai lần đầu, đăng ký biến động đất đai, trình tự thực hiện đăng ký, hồ sơ đăng ký; (2) Giấy chứng nhận và cấp giấy chứng nhận cho các đối tượng sử dụng đất; (3) Lập và chỉnh lý hồ sơ địa chính. -Về kỹ năng: Hình thành và phát triển năng lực tư duy pháp lý. Xây dựng kỹ năng giải quyết các vấn đề về xét duyệt hồ sơ,	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		thực hiện trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất và cấp giấy chứng nhận. Xây dựng kỹ năng lập và chỉnh lý các loại tài liệu trong hồ sơ địa chính. Phát triển khả năng cộng tác, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông. -Về thái độ, chuyên cần: Nâng cao tư duy logic, độc lập nghiên cứu của người học. Nâng cao thái độ học tập tích cực của người học.			
2	Hệ thống thông tin đất đai	-Về kiến thức: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của một hệ thống thông tin đất và cơ sở ứng dụng của hệ thống thông tin đất trong lĩnh vực quản lý đất đai -Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng lý luận, thực hành tính toán trên các mô hình dữ liệu và phân tích thiết kế hệ thống thông tin đất đai. -Về đạo đức nghề nghiệp: : Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và ngành nghề.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Tài chính đất đai	-Về kiến thức:Phát biểu và trình bày được các quy định về nguồn thu tài chính từ đất đai. Trình bày được quy định về một số loại thuế có liên quan đến đất đai. Vận dụng quy định, tính toán được một số loại thuế có liên quan đến đất đai. - Về kỹ năng:Có kỹ năng tổng hợp và khai thác được thông tin trong hệ thống văn bản quy phạm pháp Luật liên quan đến tài chính đất; Vận dụng lý thuyết để giải quyết một số tình huống về thuế liên quan đến đất đai.Có khả năng cập nhật các thông tin trên internet, kỹ năng làm việc nhóm -Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, có tinh thần học tập và hợp tác tốt. Có ý thức về việc chấp hành pháp Luật nói chung và pháp Luật đất đai nói riêng. Biết vận dụng và sáng tạo trong công tác.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Thanh tra đất đai và xây dựng	-Về kiến thức: +Nêu và giải thích được các nội dung cơ bản của pháp Luật Thanh tra; pháp Luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản sử dụng D837 xây dựng, nhà ở; pháp Luật về hoà giải, giải quyết tranh chấp đất đai, xây dựng, nhà ở và pháp Luật Khiếu	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nại, Tố cáo; + Vận dụng được những quy định của pháp Luật và kiến thức cơ bản của các môn học trong chương trình đào tạo vào việc tuyên truyền, giải thích pháp Luật và phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ chứng minh mức độ vi phạm pháp Luật trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, nhà ở. - Về kỹ năng: vận dụng kiến thức đã học để xử lý được vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, hòa giải tranh chấp đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng và nhà ở thuộc thẩm quyền UBND các cấp và có khả năng thực hiện được nhiệm vụ của cộng tác viên thanh tra đất đai. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, có tinh thần học tập và hợp tác tốt. Có ý thức về việc chấp hành pháp Luật nói chung và pháp Luật đất đai nói riêng. Biết vận dụng và sáng tạo trong công tác.			thức học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Thực tập đăng ký và thống kê đất đai	-Về kiến thức: + phân tích được các trường hợp cấp giấy chứng nhận, đăng ký biến động sau khi cấp giấy chứng nhận +Áp dụng lý thuyết để thực hiện công tác đăng ký cấp giấy chứng nhận, thống kê đất đai + Thiết lập được hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận, hồ sơ địa chính và viết được giấy chứng nhận theo đúng quy định. +Tạo cho sinh viên có tinh thần trách nhiệm, nguyên tắc, khoa học trong việc kê khai, đăng ký và cấp GCN -Về kỹ năng:có khả năng thực hành các nghiệp vụ chuyên môn cơ bản về đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất. Rèn luyện đạo đức, tác phong sống và làm việc theo pháp Luật. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân. Sáng tạo trong công tác.Sinh viên có tinh thần cầu thị, ham học hỏi, cầu tiến, mong muốn làm chủ kiến thức.	3	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
6	Thực tập đo đạc địa chính	-Về kiến thức: Trình được trình tự các bước thành lập lưới khống chế đo vẽ phục vụ công tác đo vẽ thành lập bản đồ địa chính. Trình bày được quy trình công nghệ thành lập bản đồ số địa chính. -Về kỹ năng: Thiết kế, chọn được các điểm lưới khống chế đo vẽ địa chính. Xử lý số liệu lưới khống chế đo vẽ. Đo vẽ chi tiết. Xử lý số liệu đo vẽ. Thu thập thông tin địa chính. Vẽ được bản đồ bản đồ địa chính bằng phần mềm chuyên dụng. Biên tập được 01 bản đồ địa chính tỷ lệ 1:500 theo quy phạm. -Về đạo đức nghề nghiệp: Hình thành tác phong chủ động tích cực trong công việc và rèn luyện tác phong nghề nghiệp cẩn thận, chính xác. Có tinh thần đoàn kết, chủ động, học hỏi và biết phối hợp làm việc nhóm.	3	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
7	Ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và thống kê đất đai	-Về kiến thức: Xây dựng hệ thống ViLIS phục vụ công tác kê khai đăng ký và cấp GCN tại các văn phòng đăng ký đất đai, vận dụng kiến thức vào kê khai đăng ký và cấp GCN, xây dựng cơ sở dữ liệu, xuất sổ hồ sơ địa chính, thực hiện biến động đất đai, biên tập in ấn GCN và các giấy tờ khác theo chuẩn mới nhất của Bộ Tài nguyên và Môi trường. -Về kỹ năng + Sử dụng phần mềm ViLIS thực hiện kê khai đăng ký và cấp GCN các trường hợp được quy định thông tư 23/2014/TT-BTNMT; + Thực hiện các biến động đất đai trên phần mềm ViLIS như: Thế chấp, chuyển nhượng, tặng cho, tách gộp thửa, chuyển mục đích....; + Xuất các sổ như: sổ địa chính, sổ địa chính điện tử, sổ cấp giấy chứng nhận và sổ theo dõi biến động; + Liên kết được dữ liệu giữa các phần mềm chuyên ngành khác; + Khai thác ViLIS trong xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; + Sinh viên cần biết tư duy và sáng tạo trong việc ứng dụng linh hoạt các công cụ trong các trường hợp khác nhau nhằm phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về đạo đức nghề nghiệp: Lên lớp nghe giảng đầy đủ, ghi chép đầy đủ, thực hành các buổi thực hành trên phòng máy và làm bài tập đầy đủ.			
8	Ứng dụng công nghệ thông tin trong thành lập bản đồ	-Về kiến thức: Làm chủ được công nghệ thành lập bản đồ từ phần mềm MicroStaion, Famis, vận dụng kiến thức xây dựng được bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch. Khai thác ứng dụng bản đồ số trong: kê khai đăng ký và cấp GCN, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giải quyết tranh chấp, thông kê và kiểm kê đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Bên cạnh đó môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức phân tích và xây dựng hệ thống bản đồ theo chuẩn mới nhất của Bộ Tài nguyên và Môi trường. -Về kỹ năng: +Sử dụng phần mềm MicroStation và Famis xây dựng bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ số liệu đo đạc, từ ảnh vệ tinh, ảnh quét và bản đồ nền có sẵn đúng với quy phạm thành lập bản đồ thông tư 25/2014/TT-BTNMT, Thông tư 28/2014/TT-BTNMT; + Xuất các hồ sơ kỹ thuật theo yêu cầu: trích lục, hồ sơ kỹ thuật, bản trích đo, biên tập và in ấn các kết quả; + Biết liên kết dữ liệu giữa các phần mềm MicroStationSE và Famis, TK Tool 2015 thông kê - kiểm kê đất đai, phần mềm ViLIS trong cấp GCN và với các phần mềm chuyên ngành khác; + Sinh viên cần biết tư duy và sáng tạo trong việc ứng dụng linh hoạt các công cụ trong các trường hợp khác nhau nhằm phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai. - Về đạo đức nghề nghiệp: Lên lớp nghe giảng đầy đủ, ghi chép đầy đủ, thực hành các buổi thực hành trên phòng máy và làm bài tập đầy đủ.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
2. HỆ DH5					
1	Đăng ký đất đai	-Về kiến thức: +Trình bày được những kiến thức cơ bản về công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và hồ sơ địa chính.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+Trình bày được những quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam về (1) Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất: đăng ký đất đai lần đầu, đăng ký biến động đất đai, trình tự thực hiện đăng ký, hồ sơ đăng ký; (2) Giấy chứng nhận và cấp giấy chứng nhận cho các đối tượng sử dụng đất; (3) Lập và chỉnh lý hồ sơ địa chính. -Về kỹ năng: Hình thành và phát triển năng lực tư duy pháp lý. Xây dựng kỹ năng giải quyết các vấn đề về xét duyệt hồ sơ, thực hiện trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất và cấp giấy chứng nhận. Xây dựng kỹ năng lập và chỉnh lý các loại tài liệu trong hồ sơ địa chính. Phát triển khả năng cộng tác, làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình trước đám đông. -Về thái độ, chuyên cần: Nâng cao tư duy logic, độc lập nghiên cứu của người học. Nâng cao thái độ học tập tích cực của người học.			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. -Về kỹ năng: +Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
3	Thanh tra đất đai và xây dựng	-Về kiến thức: +Phân tích được các nội dung cơ bản của pháp Luật Thanh tra; pháp Luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng đất, xây dựng, nhà ở; pháp Luật về hoà giải, giải quyết tranh chấp đất đai, xây dựng, nhà ở và pháp Luật Khiếu nại, Tố cáo; + Vận dụng được những quy định của pháp Luật và kiến thức cơ bản của các môn học trong chương trình đào tạo vào việc tuyên truyền, giải thích pháp Luật và phát hiện, thu thập, kiểm tra, đánh giá chứng cứ chứng minh mức độ vi phạm pháp Luật trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, nhà ở. - Về kỹ năng: vận dụng kiến thức đã học để xử lý được vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai, hòa giải tranh chấp đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai, xây dựng và nhà ở thuộc thẩm quyền UBND các cấp và có khả năng thực hiện được nhiệm vụ của cộng tác viên thanh tra đất đai. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, có tinh thần học tập và hợp tác tốt. Có ý thức về việc chấp hành pháp Luật nói chung và pháp Luật đất đai nói riêng. Biết vận dụng và sáng tạo trong công tác.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
4	Thị trường bất động sản	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức về thị trường bất động sản, kinh doanh bất động sản, định giá bất động sản, quản lý về thị trường bất động sản -Về kỹ năng: có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào việc nghiên cứu thị trường bất động sản. -Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo và có trách nhiệm trong công việc	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Thực tập Đăng ký và thống kê đất đai	-Về kiến thức: + Phân tích được các trường hợp cấp giấy chứng nhận, đăng ký biến động sau khi cấp giấy chứng nhận + Áp dụng lý thuyết để thực hiện công tác đăng ký cấp giấy chứng nhận, thống kê đất đai + Thiết lập được hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận, hồ sơ địa chính và viết được giấy chứng nhận theo đúng quy định. + cho sinh viên có tinh thần trách nhiệm, nguyên tắc, khoa học trong việc kê khai, đăng ký và cấp GCN -Về kỹ năng: có khả năng thực hành các nghiệp vụ chuyên môn cơ bản về đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất. Rèn luyện đạo đức, tác phong sống và làm việc theo pháp Luật. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân. Sáng tạo trong công tác. Sinh viên có tinh thần cầu thị, ham học hỏi, cầu tiến, mong muốn làm chủ kiến thức.	3	Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
6	Thực tập Quy hoạch sử dụng đất	-Về kiến thức: Sinh viên vận dụng những kiến thức đã học về Pháp Luật đất đai, Quy hoạch sử dụng đất để thực hiện những tác nghiệp cụ thể về quy hoạch sử dụng đất (QHSDĐ), Thông qua thực tập tại địa phương sinh viên được rèn luyện tay nghề và nâng cao ý thức nghề nghiệp; Thu thập được những tài liệu, số liệu có liên quan tại địa phương để phục vụ thực hiện nội dung quy hoạch sử dụng đất; Tổng hợp được số liệu điều tra vào biểu tổng hợp số liệu; Phân tích, nhận xét, đánh giá được kết quả từ tài liệu đã được thu thập; Xây	3	Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		dựng được phương án quy hoạch tại địa bàn thực tập; Xây dựng được bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất theo quy phạm thành lập bản đồ; xác định được quy trình xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp. -Về kỹ năng: Đánh giá được tiềm năng đất đai và xây dựng phương án sử dụng đất cho địa phương khoa học, logic và hiệu quả; Đánh giá được nhu cầu sử dụng đất tại địa phương. Khái quát quy trình lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; Xây dựng được phương án quy hoạch sử dụng đất cho địa phương. -Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tinh thần cầu thị, ham học hỏi, cầu tiến, mong muốn làm chủ kiến thức môn học. Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học; Sinh viên thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.			
7	Ứng dụng công nghệ thông tin trong đăng ký và thống kê đất đai	- Về kiến thức: Xây dựng hệ thống ViLIS phục vụ công tác kê khai đăng ký và cấp GCN tại các văn phòng đăng ký đất đai, vận dụng kiến thức vào kê khai đăng ký và cấp GCN, xây dựng cơ sở dữ liệu, xuất sổ hồ sơ địa chính, thực hiện biến động đất đai, biên tập in ấn GCN và các giấy tờ khác theo chuẩn mới nhất của Bộ Tài nguyên và Môi trường. -Về kỹ năng: +Sử dụng phần mềm ViLIS thực hiện kê khai đăng ký và cấp GCN các trường hợp được quy định thông tư 23/2014/TT-BTNMT; +Thực hiện các biến động đất đai trên phần mềm ViLIS như: Thê chấp, chuyển nhượng, tặng cho, tách gộp thửa, chuyển mục đích....; + Xuất các sổ như: sổ địa chính, sổ địa chính điện tử, sổ cấp giấy chứng nhận và sổ theo dõi biến động; + Liên kết dữ liệu giữa các phần mềm chuyên ngành khác; + Khai thác ViLIS trong xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; + Sinh viên cần biết tư duy và sáng tạo	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		trong việc ứng dụng linh hoạt các công cụ trong các trường hợp khác nhau nhằm phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai. - Về đạo đức nghề nghiệp: Lên lớp nghe giảng đầy đủ, ghi chép đầy đủ, thực hành các buổi thực hành trên phòng máy và làm bài tập đầy đủ.			
3. HỆ DH6					
1	Chính sách đất đai	-Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm có liên quan về chính sách đất đai, tác động của chính sách đất đai đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Nắm vững được các chính sách đất đai hiện hành ở Việt Nam. -Về kỹ năng: Vận dụng và phân tích được các quy định về chính sách đất đai hiện hành giải quyết một số tình huống thực tế. Kỹ năng thuyết trình -Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành nghề, trách nhiệm công dân cao. Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ, trung thực và sáng tạo trong công việc.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Cơ sở dữ liệu đất đai	-Về kiến thức: Vận dụng được các lệnh cơ bản của hệ quản trị cơ sở dữ liệu trong phân tích và xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý đất đai, thị trường bất động sản... Sau khi học xong môn học sinh viên có thể tự thiết kế các model cơ sở dữ liệu phục vụ đặc lực cho ngành, bên cạnh đó có khả năng khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu địa chính quốc gia hiện đã và đang xây dựng. - Về kỹ năng: tổ chức và quản lý tốt các dữ liệu nói chung và dữ liệu đất đai nói riêng, bên cạnh đó sinh viên còn có các kiến thức về các hệ quản trị cơ sở dữ liệu thông dụng, được kết hợp giữa lý thuyết và thực hành. Sau khi học môn này, sinh viên sẽ có nền tảng kiến thức để tiếp cận với các môn học tin học chuyên ngành khác như: Hệ thống thông tin đất (LIS), Hệ thống thông tin địa lý (GIS)... -Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Dịch vụ công về đất đai	-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những kiến thức cơ bản dịch vụ công nói chung và dịch vụ công về đất đai nói riêng, các hoạt động dịch vụ công về đất đai và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức thực hiện dịch vụ công về đất đai -Về kỹ năng: Vận dụng được các quy trình cung cấp các dịch vụ công, khai thác thông tin đất đai phục vụ hoạt động dịch vụ công. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ Luật, trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khỏe phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Định giá đất	-Về kiến thức: + Trình bày được khái niệm thị trường đất đai, giá đất, định giá đất, các loại giá đất, cơ sở khoa học xác định giá đất. + Phân tích được các nguyên tắc định giá đất, các yếu tố cơ bản hình thành giá đất; các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất nói chung và của từng nhóm đất nói riêng. + Trình bày và vận dụng được các phương pháp cơ bản của định giá đất nói chung và định giá đất phi nông nghiệp, định giá đất nông nghiệp nói riêng. + Trình bày được quy trình xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; Sử dụng được khung giá đất, bảng giá đất trong công tác quản lý giá đất ở cơ sở; Hiểu được hoạt động tư vấn xác định giá đất. + Vận dụng kiến thức đã học để xác định giá đất đối với từng thửa đất cụ thể. -Về kỹ năng: + Rèn luyện kỹ năng lý luận, thuyết trình, thảo luận và trình bày kết quả làm việc nhóm + Thực hành tính toán, và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất -Về đạo đức nghề nghiệp: + Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và ngành nghề. + Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao. + Sáng tạo trong công tác.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
5	Giao đất	-Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm, nguyên tắc, căn cứ, thẩm quyền giao đất, cho thuê đất và thu hồi đất. + Trình bày được các trường hợp giao đất, cho thuê đất vào các mục đích sử dụng và các trường hợp bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. + Trình bày được trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất và thu hồi đất. - Về kỹ năng: Xác định được hình thức, thẩm quyền và thực hiện được trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất và thu hồi đất. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao; Có ý thức về việc chấp hành pháp Luật và sáng tạo trong công tác.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	-Về kiến thức: + Trình bày và phân tích được các vấn đề cơ bản về đầu tư và dự án đầu tư nói chung; + Vận dụng được quy trình lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai; + Phân tích được những vấn đề quan trọng nhất của công tác quản lý dự án đầu tư đối với lĩnh vực đất đai. - Về kỹ năng: Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể bước đầu lập được một dự án đầu tư khả thi trong lĩnh vực đất đai -Về đạo đức nghề nghiệp: Có tinh thần cầu thị, ham học hỏi, cầu tiến, mong muốn làm chủ kiến thức môn học. Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học; Sinh viên tích cực học tập và tự tìm tòi tài liệu tham khảo, thường xuyên trao đổi, trau dồi kiến thức; thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Quản lý thị trường bất động sản	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức về thị trường bất động sản, kinh doanh bất động sản, định giá bất động sản, quản lý về thị trường bất động sản - Về kỹ năng:có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào việc nghiên cứu thị trường bất động sản. -Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		cần cù, chăm chỉ, sang tạo và có trách nhiệm trong công việc			Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Quy hoạch đô thị	-Về kiến thức: Trình bày được công tác quy hoạch xây dựng đô thị; định nghĩa được khái niệm đô thị và quá trình phát triển đô thị Việt Nam; Xác định được những quy định chung quy hoạch đô thị và quy hoạch các khu chức năng trong đô thị và vấn đề bố trí và sử dụng đất đai một cách hợp lý, có hiệu quả. -Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng vận dụng được kiến thức đã học để xây dựng phương án quy hoạch đô thị nhằm mở rộng kiến thức về công tác quy hoạch sử dụng đất; Xây dựng được phương án thiết kế mặt bằng quy hoạch chi tiết đô thị. -về đạo đức nghề nghiệp: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao hiểu biết của bản thân về lĩnh vực Quy hoạch đô thị; Có ý thức trong việc sử dụng, bảo vệ đất đai một cách hợp lý, hiệu quả.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Quy hoạch sử dụng đất lồng ghép môi trường (*)	-Về kiến thức: Trình bày được cơ bản về lịch sử sử dụng đất đai, xác định được cơ sở lý luận, cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý về quy hoạch sử dụng đất, các nguyên tắc, làm rõ được quy luật phát triển của quy hoạch sử dụng đất; quy trình lồng ghép các vấn đề môi trường vào quy hoạch sử dụng đất; mô tả được hệ thống tiêu chí lồng ghép các vấn đề môi trường vào quy hoạch sử dụng đất; nội dung quy hoạch sử dụng đất lồng ghép các yếu tố môi trường. -Về kỹ năng: vận dụng được kiến thức đã học giải quyết một số bài tập về đánh giá sơ bộ đất đai, dự báo nhu cầu sử dụng đất. Vận dụng lồng ghép một số yếu tố môi trường trong xây dựng phương án QHSDD tại một địa phương và kế hoạch sử dụng đất năm năm, hàng năm cấp tỉnh, huyện. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao hiểu biết của bản thân về lĩnh vực quy hoạch sử dụng đất lồng ghép các yếu tố môi trường; thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
10	Tài chính đất đai	-Về kiến thức: + Phát biểu và trình bày được các quy định về nguồn thu tài chính từ đất đai + Trình bày được quy định về một số loại thuế có liên quan đến đất đai. + Vận dụng quy định, tính toán được một số loại thuế có liên quan đến đất đai - Về kỹ năng: +Có kỹ năng tổng hợp và khai thác được thông tin trong hệ thống văn bản quy phạm pháp Luật liên quan đến tài chính đất; Vận dụng lý thuyết để giải quyết một số tình huống về thuế liên quan đến đất đai. +Có khả năng cập nhật các thông tin trên internet, kỹ năng làm việc nhóm -Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, có tinh thần học tập và hợp tác tốt. Có ý thức về việc chấp hành pháp Luật nói chung và pháp Luật đất đai nói riêng. Biết vận dụng và sáng tạo trong công tác	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Thống kê đất đai	-Về kiến thức:có những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê, thống kê đất đai. Trình bày được các quy định chung về điều tra, tổng hợp và phân tích thống kê. Trình bày được các quy định về thống kê kiểm kê bất động sản, phân biệt được các chỉ tiêu, biểu mẫu thống kê, kiểm kê đất đai. - Về kỹ năng: +kỹ năng cứng: có khả năng thực hành các nghiệp vụ chuyên môn đã học để điều tra, tổng hợp, phân tích được một số chỉ tiêu trong thống kê. Xác định được các chỉ tiêu thống kê về mục đích và đối tượng quản lý, sử dụng đất và xây dựng được biểu mẫu trong thống kê, kiểm kê đất đai. + Kỹ năng mềm: có khả năng cập nhật các thông tin trên internet, kỹ năng làm việc theo nhóm. Rèn luyện đạo đức, tác phong sống và làm việc theo pháp Luật. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao. + Có ý thức về việc chấp hành pháp Luật; sáng tạo trong công việc.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
12	Thực tập quy hoạch sử dụng đất	-Về kiến thức: vận dụng những kiến thức đã học về Pháp Luật đất đai, Quy hoạch sử dụng đất để thực hiện những tác nghiệp cụ thể về quy hoạch sử dụng đất (QHSDĐ), Thông qua thực tập tại địa phương sinh viên được rèn luyện tay nghề và nâng cao ý thức nghề nghiệp; Thu thập được những tài liệu, số liệu có liên quan tại địa phương để phục vụ thực hiện nội dung quy hoạch sử dụng đất; Tổng hợp được số liệu điều tra vào biểu tổng hợp số liệu; Phân tích, nhận xét, đánh giá được kết quả từ tài liệu đã được thu thập; Xây dựng được phương án quy hoạch tại địa bàn thực tập; Xây dựng được bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất theo quy phạm thành lập bản đồ; xác định được quy trình xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp. - về kỹ năng: Đánh giá được tiềm năng đất đai và xây dựng phương án sử dụng đất cho địa phương khoa học, logic và hiệu quả; Đánh giá được nhu cầu sử dụng đất tại địa phương. Khái quát quy trình lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; Xây dựng được phương án quy hoạch sử dụng đất cho địa phương. -Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tinh thần cầu thị, ham học hỏi, cầu tiến, mong muốn làm chủ kiến thức môn học. Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học; Sinh viên thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.	3	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
13	Tiếng Anh chuyên ngành	-Về kiến thức: + Trình bày được nội dung cơ bản chuyên ngành Quản lý đất đai bằng Tiếng Anh. + Vận dụng được các thuật ngữ chuyên ngành về quản lý đất đai. Cung cấp những kiến thức về địa chính, đất đai để sinh viên có thể đọc tham khảo tài liệu, sách báo chuyên ngành phục vụ công tác học tập và nghiên cứu khoa học. -Về kỹ năng: + Vận dụng thành thạo các thuật ngữ sử dụng trong các tài liệu Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý đất đai	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Áp dụng các kiến thức Tiếng Anh chuyên ngành để giao tiếp trao đổi thông tin và tìm kiếm các thông tin từ tài liệu tiếng nước ngoài liên quan đến ngành học. -Về đạo đức nghề nghiệp: +Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học +Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn bằng Tiếng Anh. +thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn + Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà + Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử			
14	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	-Về kiến thức: Xây dựng được bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch. Khai thác ứng dụng bản đồ số trong: kê khai đăng ký và cấp GCN, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giải quyết tranh chấp, thông kê và kiểm kê đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Bên cạnh đó môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức phân tích và xây dựng hệ thống bản đồ theo chuẩn mới nhất của Bộ Tài nguyên và Môi trường. -Về kỹ năng: + Sử dụng phần mềm MicroStation và Famis xây dựng bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ số liệu đo đạc, từ ảnh vệ tinh, ảnh quét và bản đồ nền có sẵn đúng với quy phạm thành lập bản đồ thông tư 25/2014/TT-BTNMT, Thông tư 28/2014/TT-BTNMT; + Xuất các hồ sơ kỹ thuật theo yêu cầu: trích lục, hồ sơ kỹ thuật, bản trích đo, biên tập và in ấn các kết quả; + Biết liên kết dữ liệu giữa các phần mềm MicroStationSE và Famis, TK Tool 2015 thông kê - kiểm kê đất đai, phần mềm ViLIS trong cấp GCN và với các phần mềm chuyên ngành khác; + Sinh viên cần biết tư duy và sáng tạo trong việc ứng dụng linh hoạt các công cụ trong các trường hợp khác nhau nhằm phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		đất đai. - Về đạo đức nghề nghiệp: Lên lớp nghe giảng đầy đủ, ghi chép đầy đủ, thực hành các buổi thực hành trên phòng máy và làm bài tập đầy đủ.			
4. HỆ DH7					
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	-Về kiến thức: Trình bày được cơ sở khoa học hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; phân tích được những nội dung cơ bản và giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh, đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng bảo vệ Tổ quốc trong các giai đoạn của cách mạng Việt Nam. -Về kỹ năng: vận dụng lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới. -Về đạo đức nghề nghiệp: Bồi dưỡng, hun đúc lòng yêu nước và các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, nâng cao lòng tự hào về Bác Hồ, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, xây dựng lý tưởng sống cao đẹp, biến lý tưởng thành hành vi cụ thể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Bản đồ học	-Về kiến thức: Trình bày được định nghĩa, các đặc tính cơ bản của bản đồ, các dấu hiệu phân loại bản đồ. Trình bày được khái niệm phép chiếu bản đồ và những công thức cơ bản về biến dạng của phép chiếu, các loại phép chiếu, cách xây dựng và đặc điểm của hai phép chiếu Gauss và UTM. Trình bày được các khái niệm cơ bản về ký hiệu bản đồ, khái niệm tổng quát hoá nội dung bản đồ, các nhân tố ảnh hưởng tới tổng quát hoá bản đồ và các phương pháp tổng quát hoá bản đồ. Trình bày được khái niệm bản đồ số, các phần mềm số hoá bản đồ; Trình bày được định nghĩa, nội dung của bản đồ chuyên đề. Liệt kê được các phương pháp biểu thị nội dung bản đồ chuyên đề. Và được giới thiệu về một số bản đồ chuyên đề trong biến đổi khí hậu. -Về kỹ năng: Phân biệt và nhận biết được các loại bản đồ với nhau và với các loại tranh ảnh mô tả địa lý khác; Áp dụng được các nguyên tắc chia mảnh đánh số bản đồ địa hình để làm bài tập; Làm được bài tập	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		chia mảnh đánh số bản đồ địa hình thành thạo; Trình bày ký hiệu bản đồ theo đúng quy định; Xác lập số liệu áp dụng làm bài tập theo dạng, tự nghiên cứu tài liệu liên quan đến môn học. -Về đạo đức nghề nghiệp: Chủ động, tích cực trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề; Phối hợp được khi làm việc theo nhóm; Yêu thích nội dung của môn học, tích cực tham khảo tài liệu.			
3	Đo đạc địa chính	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về địa chính, các chức năng nhiệm vụ của địa chính; hệ thống địa chính Việt Nam và các khái niệm về bản đồ địa chính; Phân biệt được quy trình thành lập bản đồ địa chính bằng phương pháp toàn đạc và thành lập bản đồ địa chính từ ảnh hàng không; Tổng quát được nội dung cần thể hiện trên bản đồ địa chính. -Về kỹ năng: Xác định được mật độ điểm không chế đo vẽ, thiết kế được lưới không chế đo vẽ theo quy phạm; Vận dụng lý thuyết vào việc thành lập bản đồ địa chính theo các phương pháp khác nhau; Biên tập được bản đồ địa chính bằng phần mềm theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường. -Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc trong học tập và nghiên cứu tài liệu giáo trình, bài giảng; Có tinh thần đoàn kết, chủ động, học hỏi; Phối hợp trong làm việc nhóm	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	-Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, vai trò và ý nghĩa đường lối của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; phân tích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được quá trình hình thành và những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay. -Về kỹ năng: Trình bày, thuyết trình được một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội; phân tích, vận dụng được vào thực tiễn lĩnh vực được đào tạo. -Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng được tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào đối với Đảng ta, tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		Đảng; xác định được trách nhiệm của cá nhân đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng được thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và làm việc.			
5	Hệ thống thông tin địa lý	-Về kiến thức: +Trình bày được khái niệm hệ thống thông tin địa lý, các thành phần và các chức năng cơ bản của GIS. +Nêu ra được các đối tượng địa lý và các thông tin được mô hình hóa trong GIS theo một ứng dụng cụ thể. +Trình bày được khái niệm, đặc điểm, ưu nhược điểm của các mô hình dữ liệu không gian, mô hình dữ liệu thuộc tính. So sánh, đánh giá được khả năng ứng dụng giữa các mô hình không gian và thuộc tính. +Liệt kê ra được các bước trong quá trình xây dựng CSDL trong GIS; Trình bày được các phương pháp, công nghệ nhập dữ liệu Vector, dữ liệu Raster vào trong GIS; Trình bày được yêu cầu và cách tổ chức, nhập dữ liệu thuộc tính trong GIS. +Trình bày được vai trò và ý nghĩa của kết nối cơ sở dữ liệu bản đồ với dữ liệu thuộc tính; Khái quát được các dạng phân tích dữ liệu không gian trong hệ thống thông tin địa lý. +Trình bày được nguyên lý chuyển cấu trúc dữ liệu dạng Raster sang Vector và ngược lại; nguyên lý của phương pháp chồng xếp các lớp dữ liệu Raster; phương pháp phân tích lân cận với dữ liệu Vector và Raster; Trình bày một số dạng phân tích dữ liệu thuộc tính cơ bản. -Về kỹ năng: +Thực hành nhập dữ liệu vào trong GIS; Tạo được một cơ sở dữ liệu cho một ứng dụng cụ thể; Thiết lập được các câu lệnh truy vấn cho một yêu cầu cụ thể và đưa ra được kết quả tương ứng + Vận dụng các bài toán phân tích không gian của hệ thống thông tin địa lý và các nguyên tắc thể hiện bản đồ vào nhiệm vụ cụ thể.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
6	Phong thủy trong quy hoạch đất đai	-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được các vấn đề cơ bản về phong thủy, cơ sở khoa học của phong thủy; các nguyên tắc trong phong thủy hiện đại; cảnh quan môi trường tốt theo quan niệm phong thủy; đặc biệt là phong thủy với đất đai và nhà ở; -Về kỹ năng: vận dụng các kiến thức đã học để ứng dụng trong phân tích các vấn đề về đất đai và nhà ở phù hợp với phong thủy; Vận dụng trong quy hoạch kiến trúc nhà ở, công trình xây dựng, trong công tác định giá đất và kinh doanh bất động sản. Nhận biết được cảnh quan môi trường tốt theo quan niệm phong thủy. -Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học; Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo, thường xuyên trao đổi về phong thủy trong đất đai, thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Quản lý nhà nước về đất đai	-Về kiến thức: Trình bày được nguyên tắc tổ chức, hoạt động và trình bày được hệ thống bộ máy Nhà nước nói chung và bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Nắm được những vấn đề cơ bản của QLHCNN và QLNN về đất đai. Nắm được chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống cơ quan chuyên môn ngành Tài nguyên và Môi trường. Hiểu và trình bày được 15 nội dung của Quản lý Nhà nước về đất đai. -Về kỹ năng: + Kỹ năng cứng: Biết vận dụng pháp Luật giải quyết được một số tình huống trong quản lý nhà nước về đất đai và soạn thảo được 1 số loại văn bản QPPL, VB quản lý hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. + Kỹ năng mềm: có khả năng cập nhật các thông tin trên internet, kỹ năng làm việc theo nhóm. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao. Có ý thức về việc chấp hành pháp Luật. Sáng tạo trong công việc.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
8	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	-Về kiến thức: Phát biểu được những kiến thức cơ bản về quản lý, sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu, trình bày được cơ sở khoa học cho việc quản lý đất đai, xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất theo hướng phát thải thấp từ lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, sử dụng đất bền vững. -Về kỹ năng: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá được tình hình quản lý và sử dụng đất, áp dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong quản lý đất đai trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay; -Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học; Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo, thường xuyên trao đổi các vấn đề về Biến đổi khí hậu trong quản lý và sử dụng đất hiện nay, thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được sự phát triển nông thôn bền vững, tóm lược được những vấn đề môi trường với sự phát triển, những nguyên lý, nguyên tắc và nội dung của quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn. -Về kỹ năng: sinh viên vận dụng thành thạo các kỹ năng trong điều tra, đánh giá, lập quy hoạch và phân tích tác động môi trường trong phát triển nông thôn. -Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học; Sinh viên tích cực học tập và tự tìm tòi tài liệu tham khảo, thường xuyên trao đổi, trau dồi kiến thức; cảm nhận được sự quan trọng của việc phát triển nông thôn bền vững, thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Sử dụng và kinh tế đất	-Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề khái quát chung về tài nguyên đất đai, biến đổi khí hậu, sử dụng đất bền vững, đại cương về kinh tế đất (sự cần thiết phải nghiên cứu, đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu); Trình bày được bản chất của địa tô; Phân tích được bản chất	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		của lợi thế so sánh, chi phí cơ hội trong sử dụng đất; Trình bày được khái quát quỹ đất và tình hình sử dụng đất ở Việt Nam -Về kỹ năng: Có thể phân tích và đề xuất được hướng quản lý và sử dụng đất (đặc biệt là đất sản xuất nông nghiệp) đạt hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường. Tiến hành so sánh, phân tích, đánh giá được lợi thế so sánh, chi phí cơ hội, vấn đề khai thác địa tô khi tiến hành khai thác đất đai trong các ngành nông nghiệp và phi nông nghiệp khi thực hiện các dự án đầu tư trong từng trường hợp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có tinh thần cầu thị, ham học hỏi, cầu tiến, mong muốn làm chủ kiến thức môn học. Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học; Sinh viên tích cực học tập và tự tìm tòi tài liệu tham khảo, thường xuyên trao đổi, trau dồi kiến thức; thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.			thức học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Thực tập đo đạc địa chính	-về kiến thức: Trình được trình tự các bước thành lập lưới khống chế đo vẽ phục vụ công tác đo vẽ thành lập bản đồ địa chính. Trình bày được quy trình công nghệ thành lập bản đồ số địa chính. -Về kỹ năng: Thiết kế, chọn được các điểm lưới khống chế đo vẽ địa chính. Xử lý số liệu lưới khống chế đo vẽ. Đo vẽ chi tiết. Xử lý số liệu đo vẽ. Thu thập thông tin địa chính. Vẽ được bản đồ bản đồ địa chính bằng phần mềm chuyên dụng. Biên tập được 01 bản đồ địa chính tỷ lệ 1:500 theo quy phạm. -Về đạo đức nghề nghiệp: Hình thành tác phong chủ động tích cực trong công việc và rèn luyện tác phong nghề nghiệp cẩn thận, chính xác. Có tinh thần đoàn kết, chủ động, học hỏi và biết phối hợp làm việc nhóm.	3	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
12	Thực tập trắc địa cơ sở	-Về kiến thức: Trình bày được trình tự các bước thành lập lưới khống chế mặt bằng và độ cao phục vụ công tác đo vẽ thành lập bản đồ địa chính; Nêu được trình tự và thao tác đo góc bằng theo phương pháp đo góc đơn giản, đo góc toàn vòng, đo thủy chuẩn hạng IV và đo thủy chuẩn kỹ thuật.	2	Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về kỹ năng: Thiết kế, chọn và đánh dấu được các điểm của lưới khống chế địa hình; Đo được góc bằng, biết ghi sổ và tính toán; Đo được cạnh, ghi sổ, tính toán; Đo được chênh cao, chiều dài tuyến thủy chuẩn đáp ứng được yêu cầu thủy chuẩn hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật; Biết ghi sổ và tính toán; Xử lý được số liệu lưới mặt bằng và độ cao. -Về đạo đức nghề nghiệp: Hình thành tác phong chủ động tích cực trong công việc và rèn luyện tác phong nghề nghiệp cẩn thận, chính xác			báo cáo
13	Xác suất thống kê	-Về kiến thức: trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình. -Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thói quen tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5. HỆ DH8					
1	Toán cao cấp 2	- Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến, Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2, Phương trình vi phân cấp một và phương trình vi phân cấp 2 làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. -Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	-Về kiến thức: trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học -Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. -Về đạo đức nghề nghiệp: +Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; +Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	-Về kiến thức: Trình bày và Giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học -Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. -Về đạo đức nghề nghiệp: +Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên +Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Pháp luật đại cương	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. +Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống. -Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm
5	Hóa học đại cương	-Về kiến thức: hiểu được các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, đồng thời hiểu và trình bày được các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương; Biết vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về kĩ năng: biết áp dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các dạng bài tập trong chương trình và biết Áp dụng kiến thức đã học vào các hoạt động thực tiễn có liên quan đến hoá học. -Về đạo đức nghề nghiệp:Trau dồi khả năng vận dụng kiến thức của các môn học có liên quan với nhau.			Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. -Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
7	Quản lý tài nguyên môi trường	- Về kiến thức: trình bày được khái niệm cơ bản và phân loại tài nguyên và môi trường, hệ thống tổ chức quản lý từ cấp trung ương đến địa phương; Phân loại được các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường. - Về kỹ năng: Vận dụng được các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường vào thực tế để quản lý các đối tượng tài nguyên và thành phần môi trường hiệu quả. -Về đạo đức nghề nghiệp: rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và ngành nghề.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	-Về kiến thức: Phát biểu được những kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế xã hội; so sánh và phân tích được mối quan hệ biện chứng về các nhân tố tác động tới sự phát triển kinh tế xã hội của một huyện, tỉnh, vùng, quốc gia. -Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức về phát triển kinh tế, xã hội có liên quan và kiến thức cơ bản các học phần đã học để giải quyết được tình huống quy hoạch ngành, lĩnh vực chủ yếu; Xây dựng được nội dung cơ bản về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, huyện, quy hoạch tổng thể ngành và lĩnh vực chủ yếu. -Về đạo đức nghề nghiệp: nhận thức được tầm quan trọng của môn học; Sinh viên tích cực học tập và tự tìm tòi tài liệu tham khảo, thường xuyên trao đổi, trau dồi kiến thức; cảm nhận được sự quan trọng của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Tin học đại cương	-Về kiến thức: Trình bày những kiến thức chung về công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính và internet. - Về kĩ năng: có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng tin học văn phòng như soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính excel và thuyết trình bằng	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		phần mềm trình diễn powerpoint, truy cập internet thành thạo. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, làm các bài tập về nhà để nâng cao tinh thần tự học.'			Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
10	Toán cao cấp 1	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương, các mặt bậc hai, hàm số một biến số làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. -Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Trắc địa cơ sở	-Về kiến thức: Phân tích và trình bày được những khái niệm như : Các mặt thủy chuẩn, các hệ tọa độ trên mặt cầu, các loại góc phương vị, so sánh được các mặt thủy chuẩn và các góc phương vị; Trình bày khái niệm góc bằng, góc đứng, khoảng cách đo, chênh cao đo; Nêu được thao tác đo góc, đo cạnh, đo thủy chuẩn hạng IV và đo thủy chuẩn kỹ thuật, ứng dụng các phương pháp đo trong thực tế; Trình bày được nguyên lý cấu tạo, cách sử dụng, phương pháp kiểm tra, kiểm nghiệm một số loại máy móc đo đạc thông thường dùng trong đo góc, đo chênh cao và đo khoảng cách; Phân loại và nêu được các đặc điểm về lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao, lưới khống chế đo vẽ; Phân tích được quy trình thành lập bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc và phương pháp GNSS. -Về kỹ năng: Xác định được các loại góc phương vị dùng trong trắc địa và xây dựng được công thức thể hiện mối quan hệ giữa các loại góc phương vị đó; Sử dụng được máy đo vào công tác đo góc, đo khoảng cách, đo chênh cao; Ghi chép, tính toán và	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		xử lý được kết quả đo; Thiết kế, tính toán được lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao hạng III, hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật; Tính toán được các bài toán giao hội xác định vị trí điểm; Thành lập và sử dụng được bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc, GNSS -Về đạo đức nghề nghiệp: có thái độ trung thực, cẩn thận và nghiêm túc trong học tập; Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tài liệu để nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt; Sinh viên có ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội, chấp hành pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức tốt, tư duy sáng tạo và có trách nhiệm cao trong công việc.			

6. HỆ LDH7

	Đánh giá đất	-Về kiến thức: Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình điều tra, phân tích và xử lý thông tin trong đánh giá đất. Sau khi học xong học phần này, sinh viên áp dụng được phương pháp, nguyên tắc và quy trình đánh giá đất theo FAO; vận dụng được các kết quả của đánh giá đất phục vụ cho việc quản lý nguồn tài nguyên đất và quy hoạch sử dụng đất trong sản xuất nông lâm nghiệp -Về kỹ năng: Sau khi học xong môn này, sinh viên có khả năng: Trình bày được phương pháp, nguyên tắc và quy trình đánh giá đất theo FAO; Thành thạo quá trình điều tra, mô tả các đơn vị đất đai và các loại hình sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp. Biết cách phân hạng thích hợp đất đai; Đề xuất và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất trên quan điểm sinh thái và phát triển bền vững phục vụ mục đích quy hoạch sử dụng đất và các mục đích khác - Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ học tập nghiêm túc, tham gia tích cực vào các giờ giảng và làm bài kiểm tra theo quy định. Có tinh thần cầu thị, ham học hỏi, cầu tiến, mong muốn làm chủ kiến thức môn học. Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
	Dịch vụ công về đất đai	-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được các loại dịch vụ công nói chung và dịch vụ công về đất đai nói riêng, các hoạt động dịch vụ công về đất đai và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức thực hiện dịch vụ công về đất đai - Về kỹ năng: Vận dụng được các quy trình cung cấp các dịch vụ công, khai thác thông tin đất đai phục vụ hoạt động dịch vụ công. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ Luật, trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khỏe phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
	Hóa học đất	-Về kiến thức: trình bày được về sự hình thành đất; cấu tạo hóa học của các pha trong đất, các đặc tính cơ bản của đất như đặc tính hấp phụ, đặc tính trao đổi ion của đất, phân loại và cơ sở khoa học của các phương pháp cải tạo đất. 0Về kỹ năng: Biết dựa trên cơ sở khoa học hóa học với đối tượng phân tích là đất đai để phân tích được các đặc tính cơ bản của đất, qua đó xây dựng kế hoạch phục vụ đánh giá đất, nguy cơ nhiễm mặn nhiễm phèn đất và quản lý hiệu quả nguồn tài nguyên đất trong sản xuất nông - lâm nghiệp. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao hiểu biết của bản thân về lĩnh vực Hóa học đất và ứng dụng vào trong sản xuất nông - lâm - nghiệp.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
	Lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai	-Về kiến thức: + Trình bày và phân tích được các vấn đề cơ bản về đầu tư và dự án đầu tư nói chung; +Vận dụng được quy trình lập và quản lý dự án đầu tư trong lĩnh vực đất đai; + Phân tích được những vấn đề quan trọng nhất của công tác quản lý dự án đầu tư đối với lĩnh vực đất đai. -Về kỹ năng: Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể bước đầu lập được một dự án đầu tư khả thi trong lĩnh vực đất đai - Về đạo đức nghề nghiệp: Có tinh thần cầu thị, ham học hỏi, cầu tiến, mong muốn	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		làm chủ kiến thức môn học. Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học; Sinh viên tích cực học tập và tự tìm tòi tài liệu tham khảo, thường xuyên trao đổi, trau dồi kiến thức; thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.			
	Quản lý thị trường bất động sản	- kiến thức: Trình bày được những kiến thức về thị trường bất động sản, kinh doanh bất động sản, định giá bất động sản, quản lý về thị trường bất động sản -Về kỹ năng: có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào việc nghiên cứu thị trường bất động sản. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sang tạo và có trách nhiệm trong công việc	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
	Quy hoạch đô thị	-Về kiến thức: Trình bày được công tác quy hoạch xây dựng đô thị; định nghĩa được khái niệm đô thị và quá trình phát triển đô thị Việt Nam; Xác định được những quy định chung quy hoạch đô thị và quy hoạch các khu chức năng trong đô thị và vấn đề bố trí và sử dụng đất đai một cách hợp lý, có hiệu quả. -Về kỹ năng: có khả năng vận dụng được kiến thức đã học để xây dựng phương án quy hoạch đô thị nhằm mở rộng kiến thức về công tác quy hoạch sử dụng đất; Xây dựng được phương án thiết kế mặt bằng quy hoạch chi tiết đô thị. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao hiểu biết của bản thân về lĩnh vực Quy hoạch đô thị; Có ý thức trong việc sử dụng, bảo vệ đất đai một cách hợp lý, hiệu quả.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
	Thực tập tin học ứng dụng trong quản lý đất đai	-Về kiến thức: Thành lập được bản đồ số theo quy phạm thành lập bản đồ của Bộ TNMT. Sử dụng thành thạo phần mềm MicroStation, Famis, ViLIS và TK Tool. Xây dựng bản đồ địa chính cấp xã từ hệ thống số liệu cho trước, thực hiện kê khai đăng ký và cấp GCN trên phần mềm ViLIS, thực hiện thông kê đất đai bằng phần mềm TK Tool. -Về kỹ năng: + Thành lập bản đồ địa chính, hiện trạng,	2	Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		bản đồ khoanh vẽ điều tra từ nguồn số liệu cho trước của 1 đơn vị hành chính cấp xã + Sử dụng phần mềm ViLIS thực hiện kê khai đăng ký và cấp GCN các trường hợp được quy định thông tư 23/2014/TT-BTNMT; + Thực hiện các biến động đất đai trên phần mềm ViLIS như: Thẻ chấp, chuyển nhượng, tặng cho, tách gộp thửa, chuyển mục đích....; + Xuất các sổ như: sổ địa chính, sổ địa chính điện tử, sổ cấp giấy chứng nhận và sổ theo dõi biến động; + Thực hiện thống kê đất đai từ bản đồ khoanh vẽ điều tra bằng công cụ TK Tool; + In các kết quả và viết báo cáo trình bày; - Về đạo đức nghề nghiệp: Lên lớp nghe giảng đầy đủ, ghi chép đầy đủ, thực hành các buổi thực hành trên phòng máy và làm bài tập đầy đủ.			
	Tiếng Anh chuyên ngành	-Về kiến thức: + Trình bày được nội dung cơ bản chuyên ngành Quản lý đất đai bằng Tiếng Anh. + Vận dụng được các thuật ngữ chuyên ngành về quản lý đất đai. Cung cấp những kiến thức về địa chính, đất đai để sinh viên có thể đọc tham khảo tài liệu, sách báo chuyên ngành phục vụ công tác học tập và nghiên cứu khoa học. -Về kỹ năng: + Vận dụng thành thạo các thuật ngữ sử dụng trong các tài liệu Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý đất đai + Áp dụng các kiến thức Tiếng Anh chuyên ngành để giao tiếp trao đổi thông tin và tìm kiếm các thông tin từ tài liệu tiếng nước ngoài liên quan đến ngành học. -Về đạo đức nghề nghiệp: + nhận thức được tầm quan trọng của môn học +tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn bằng Tiếng Anh. +Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn +Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử			
7. HỆ LDH8					
1	Toán cao cấp 2	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến, Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2, Phương trình vi phân cấp một và phương trình vi phân cấp 2 làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. -Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Dịch vụ công về đất đai	-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được các loại dịch vụ công nói chung và dịch vụ công về đất đai nói riêng, các hoạt động dịch vụ công về đất đai và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức thực hiện dịch vụ công về đất đai - Về kỹ năng: Vận dụng được các quy trình cung cấp các dịch vụ công, khai thác thông tin đất đai phục vụ hoạt động dịch vụ công. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ Luật, trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khỏe phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Quản lý thị trường bất động sản	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức về thị trường bất động sản, kinh doanh bất động sản, định giá bất động sản, quản lý về thị trường bất động sản -Về kỹ năng: có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào việc nghiên cứu thị trường bất động sản. -Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo và có trách nhiệm trong công việc	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
4	Quản lý và sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu	-Về kiến thức: Phát biểu được những kiến thức cơ bản về quản lý, sử dụng đất trong điều kiện biến đổi khí hậu, trình bày được cơ sở khoa học cho việc quản lý đất đai, xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất theo hướng phát thải thấp từ lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, sử dụng đất bền vững. -Về kỹ năng: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá được tình hình quản lý và sử dụng đất, áp dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong quản lý đất đai trong điều kiện biến đổi khí hậu hiện nay; -Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học; Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo, thường xuyên trao đổi các vấn đề về Biến đổi khí hậu trong quản lý và sử dụng đất hiện nay, thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Quy hoạch đô thị	-Về kiến thức: Trình bày được công tác quy hoạch xây dựng đô thị; định nghĩa được khái niệm đô thị và quá trình phát triển đô thị Việt Nam; Xác định được những quy định chung quy hoạch đô thị và quy hoạch các khu chức năng trong đô thị và vấn đề bố trí và sử dụng đất đai một cách hợp lý, có hiệu quả. -Về kỹ năng: có khả năng vận dụng được kiến thức đã học để xây dựng phương án quy hoạch đô thị nhằm mở rộng kiến thức về công tác quy hoạch sử dụng đất; Xây dựng được phương án thiết kế mặt bằng quy hoạch chi tiết đô thị. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao hiểu biết của bản thân về lĩnh vực Quy hoạch đô thị; Có ý thức trong việc sử dụng, bảo vệ đất đai một cách hợp lý, hiệu quả.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn	-Về kiến thức: Trình bày và phân tích được sự phát triển nông thôn bền vững, tóm lược được những vấn đề môi trường với sự phát triển, những nguyên lý, nguyên tắc và nội dung của quy hoạch nông nghiệp và phát triển nông thôn. -Về kỹ năng: vận dụng thành thạo các kỹ	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		năng trong điều tra, đánh giá, lập quy hoạch và phân tích tác động môi trường trong phát triển nông thôn. -Về đạo đức nghề nghiệp: nhận thức được tầm quan trọng của môn học; Sinh viên tích cực học tập và tự tìm tòi tài liệu tham khảo, thường xuyên trao đổi, trau dồi kiến thức; cảm nhận được sự quan trọng của việc phát triển nông thôn bền vững, thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.			thức học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội	-Về kiến thức: Phát biểu được những kiến thức cơ bản về phát triển kinh tế xã hội; so sánh và phân tích được mối quan hệ biện chứng về các nhân tố tác động tới sự phát triển kinh tế xã hội của một huyện, tỉnh, vùng, quốc gia. -Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức về phát triển kinh tế, xã hội có liên quan và kiến thức cơ bản các học phần đã học để giải quyết được tình huống quy hoạch ngành, lĩnh vực chủ yếu; Xây dựng được nội dung cơ bản về quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, huyện, quy hoạch tổng thể ngành và lĩnh vực chủ yếu. -Về đạo đức nghề nghiệp: nhận thức được tầm quan trọng của môn học; Sinh viên tích cực học tập và tự tìm tòi tài liệu tham khảo, thường xuyên trao đổi, trau dồi kiến thức; cảm nhận được sự quan trọng của quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Sử dụng và kinh đất	-Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề khái quát chung về tài nguyên đất đai, biến đổi khí hậu, sử dụng đất bền vững, đại cương về kinh tế đất (sự cần thiết phải nghiên cứu, đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu); Trình bày được bản chất của địa tô; Phân tích được bản chất của lợi thế so sánh, chi phí cơ hội trong sử dụng đất; Trình bày được khái quát quỹ đất và tình hình sử dụng đất ở Việt Nam -Về kỹ năng: Có thể phân tích và đề xuất được hướng quản lý và sử dụng đất (đặc biệt là đất sản xuất nông nghiệp) đạt hiệu	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		quả cao về kinh tế, xã hội và môi trường. Tiến hành so sánh, phân tích, đánh giá được lợi thế so sánh, chi phí cơ hội, vấn đề khai thác địa tô khi tiến hành khai thác đất đai trong các ngành nông nghiệp và phi nông nghiệp khi thực hiện các dự án đầu tư trong từng trường hợp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có tinh thần cầu thị, ham học hỏi, cầu tiến, mong muốn làm chủ kiến thức môn học. Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học; Sinh viên tích cực học tập và tự tìm tòi tài liệu tham khảo, thường xuyên trao đổi, trau dồi kiến thức; thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.			
9	Thực tập tin học ứng dụng trong quản lý đất đai	-Về kiến thức: Thành lập được bản đồ số theo quy phạm thành lập bản đồ của Bộ TNMT. Sử dụng thành thạo phần mềm MicroStation, Famis, ViLIS và TK Tool. Xây dựng bản đồ địa chính cấp xã từ hệ thống số liệu cho trước, thực hiện kê khai đăng ký và cấp GCN trên phần mềm ViLIS, thực hiện thông kê đất đai bằng phần mềm TK Tool. -Về kỹ năng: + Thành lập bản đồ địa chính, hiện trạng, bản đồ khoanh vẽ điều tra từ nguồn số liệu cho trước của 1 đơn vị hành chính cấp xã + Sử dụng phần mềm ViLIS thực hiện kê khai đăng ký và cấp GCN các trường hợp được quy định thông tư 23/2014/TT-BTNMT; + Thực hiện các biến động đất đai trên phần mềm ViLIS như: Thế chấp, chuyển nhượng, tặng cho, tách gộp thửa, chuyển mục đích....; + Xuất các sổ như: sổ địa chính, sổ địa chính điện tử, sổ cấp giấy chứng nhận và sổ theo dõi biến động; +Thực hiện thông kê đất đai từ bản đồ khoanh vẽ điều tra bằng công cụ TK Tool; + In các kết quả và viết báo cáo trình bày; - Về đạo đức nghề nghiệp: Lên lớp nghe giảng đầy đủ, ghi chép đầy đủ, thực hành các buổi thực hành trên phòng máy và làm bài tập đầy đủ.	2	Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
10	Tiếng Anh chuyên ngành	-Về kiến thức: + Trình bày được nội dung cơ bản chuyên ngành Quản lý đất đai bằng Tiếng Anh. + Vận dụng được các thuật ngữ chuyên ngành về quản lý đất đai. Cung cấp những kiến thức về địa chính, đất đai để sinh viên có thể đọc tham khảo tài liệu, sách báo chuyên ngành phục vụ công tác học tập và nghiên cứu khoa học. -Về kỹ năng: + Vận dụng thành thạo các thuật ngữ sử dụng trong các tài liệu Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý đất đai + Áp dụng các kiến thức Tiếng Anh chuyên ngành để giao tiếp trao đổi thông tin và tìm kiếm các thông tin từ tài liệu tiếng nước ngoài liên quan đến ngành học. -Về đạo đức nghề nghiệp: + nhận thức được tầm quan trọng của môn học + tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn bằng Tiếng Anh. +Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn + Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà +Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Tin học ứng dụng trong quản lý đất đai 1	- Về kiến thức: Xây dựng được bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng và bản đồ quy hoạch. Khai thác ứng dụng bản đồ số trong: kê khai đăng ký và cấp GCN, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giải quyết tranh chấp, thông kê và kiểm kê đất đai, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai. Bên cạnh đó môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức phân tích và xây dựng hệ thống bản đồ theo chuẩn mới nhất của Bộ Tài nguyên và Môi trường. -Về kỹ năng: + Sử dụng phần mềm MicroStation và Famis xây dựng bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ số liệu đo đạc, từ ảnh vệ tinh, ảnh quét và bản đồ nền có sẵn đúng với quy phạm thành lập bản đồ thông tư 25/2014/TT-BTNMT, Thông tư	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		28/2014/TT-BTNMT; + Xuất các hồ sơ kỹ thuật theo yêu cầu: trích lục, hồ sơ kỹ thuật, bản trích đo, biên tập và in ấn các kết quả; + Biết liên kết dữ liệu giữa các phần mềm MicroStationSE và Famis, TK Tool 2015 thông kê - kiểm kê đất đai, phần mềm ViLIS trong cấp GCN và với các phần mềm chuyên ngành khác; + cần biết tư duy và sáng tạo trong việc ứng dụng linh hoạt các công cụ trong các trường hợp khác nhau nhằm phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về đất đai. -Về đạo đức nghề nghiệp: Lên lớp nghe giảng đầy đủ, ghi chép đầy đủ, thực hành các buổi thực hành trên phòng máy và làm bài tập đầy đủ.			
12	Hóa học đại cương	-Về kiến thức:phát biểu được các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, đồng thời trình bày được các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương; vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo. -Về kỹ năng:áp dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các dạng bài tập trong chương trình. Áp dụng kiến thức đã học vào các hoạt động thực tiễn có liên quan đến hoá học. -Về đạo đức nghề nghiệp:Hình thành ý thức tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. Trau dồi khả năng vận dụng kiến thức của các môn học có liên quan với nhau.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

IV. Ngành Kỹ thuật Trắc địa Bản đồ

1. HỆ CD15

1	Địa chính đại cương	-Về kiến thức:Trình bày được những kiến thức cơ bản về địa chính, các chức năng, nhiệm vụ của địa chính.Trình bày được các hệ thống địa chính, bản đồ địa chính. Phân tích được nội dung và các yếu tố cơ bản cần thể hiện trên bản đồ địa chính.Trình bày được cách quản lý thông tin đất đai – bất động sản. Nêu được các khái niệm về đăng ký đất; về phân loại sử dụng đất. Hệ thống được cách chia mảnh và đánh số bản đồ địa chính.Tổng quát được nội dung thao tác đo tại một trạm đo chi tiết.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về kỹ năng: Tính được tọa độ góc khung của tờ bản đồ địa chính. Xác định được phiên hiệu các mảnh tiếp giáp cùng tỷ lệ với một với mảnh bản đồ cho trước. Triển được các điểm lưới không chế tọa độ và điểm chi tiết lên bản vẽ. Lập được một số nội dung của bộ hồ sơ địa chính như: Sổ mục kê, sổ địa chính, sổ biến động đất đai. -Về đạo đức nghề nghiệp: có thái độ trung thực, cẩn thận và nghiêm túc trong học tập. Tích cực học tập và tự học, tự tìm tài liệu để nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt. Có ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội, chấp hành pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức tốt, tư duy sáng tạo và có trách nhiệm cao trong công việc.			
2	Đoán đọc và Điều vẽ ảnh	-Về kiến thức: Liệt kê được các chuẩn đoán đọc ảnh hàng không; Trình bày được cơ sở của đoán đọc và điều vẽ ảnh; Phân biệt được nội dung của các phương pháp đoán đọc và điều vẽ ảnh hàng không, ảnh vệ tinh; Phân tích được sự khác biệt giữa đoán đọc ở nội nghiệp, điều vẽ ở ngoại nghiệp. -Về kỹ năng: Đoán đọc (giải đoán) được các đối tượng địa vật trên tư liệu ảnh hàng không, ảnh vệ tinh; Điều vẽ được trên ảnh đơn hoặc trên bình đồ ảnh ở ngoại nghiệp; Tu chỉnh được tờ ảnh đơn sau khi đã điều vẽ. -Về đạo đức nghề nghiệp: Chấp hành các quy định khi điều vẽ và khi tu chỉnh ảnh. Rèn luyện tác phong: tỉ mỉ, chính xác, trung thực; Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Hệ thống thông tin địa lý (GIS)	-Về kiến thức: Trình bày được khái niệm hệ thống thông tin địa lý; Liệt kê được các thành phần và các chức năng cơ bản của GIS; Trình bày được các đối tượng địa lý được thể hiện trong GIS; Trình bày được khái niệm, đặc điểm, ưu nhược điểm của các mô hình dữ liệu không gian, mô hình dữ liệu thuộc tính; Kể ra được các bước trong quá trình xây dựng CSDL trong GIS; Trình bày được các phương pháp, công nghệ nhập dữ liệu Vector, dữ liệu Raster vào trong GIS; Trình bày tổ chức và nhập	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		dữ liệu thuộc tính trong hệ thống GIS. + Trình bày được vai trò và ý nghĩa của kết nối cơ sở dữ liệu bản đồ với dữ liệu thuộc tính. Khái quát các dạng phân tích dữ liệu không gian trong hệ thống thông tin địa lý. Nêu được mục đích và phương pháp chuyển đổi hệ quy chiếu bản đồ; Trình bày các phép đo đạc và phân lớp dữ liệu địa lý; Trình bày được nguyên lý chuyển cấu trúc dữ liệu dạng Raster sang Vector và ngược lại; Nêu được phương pháp chồng xếp các lớp dữ liệu Raster sử dụng các phép tính đại số bản đồ (map algebra); Trình bày phương pháp phân tích lân cận với dữ liệu Vector và Raster. Trình bày một số dạng phân tích dữ liệu thuộc tính cơ bản. Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản về mô hình 3D GIS -Về kỹ năng: Vận dụng các bài toán phân tích không gian của hệ thống thông tin địa lý vào nhiệm vụ cụ thể; Vận dụng lý thuyết vào các bài thực hành, các bài thảo luận. -Về đạo đức nghề nghiệp: Chủ động, tích cực trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề; Phối hợp được khi làm việc theo nhóm; Yêu thích nội dung của môn học, tích cực tham khảo tài liệu.			
4	Thực tập ảnh viễn thám và hệ thống thông tin địa lý	-Về kiến thức: Thực hiện được các thao tác cơ bản trên phần mềm xử lý ảnh số, phần mềm GIS, tạo được cơ sở dữ liệu. -Về kỹ năng: Vận dụng được các nội dung thực hành trên lớp vào từng dự án ứng dụng viễn thám và GIS trong sản xuất. -Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên thấy được thế mạnh của tích hợp Viễn thám và GIS trong giải quyết nhiệm vụ thực tế. Từ đó thêm yêu nghề và tích cực học tập, tự tìm tòi tài liệu để nghiên cứu.	4	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
5	Thực tập đo vẽ bản đồ địa hình, địa chính	-Về kiến thức: Trình bày được công tác thành lập lưới khống chế đo vẽ phục vụ thành lập bản đồ địa hình, địa chính; Trình bày được quy trình công nghệ thành lập bản đồ số địa hình, địa chính. -Về kỹ năng: Thiết kế, chọn điểm khống chế phục vụ lập bản đồ địa hình, địa chính. Đo vẽ chi tiết khối lượng 2/3 phạm vi của mảnh bản đồ địa hình, địa chính. Xử lý số liệu đo vẽ. Thu thập thông tin về địa hình, địa chính. Vẽ được bản đồ địa hình và bản	5	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		đồ địa chính bằng phần mềm chuyên dụng. Biên tập bản đồ tỷ lệ 1:500 theo quy phạm. -Về đạo đức nghề nghiệp: Hình thành tác phong chủ động tích cực trong công việc và rèn luyện tác phong nghề nghiệp cẩn thận, chính xác. Có tinh thần đoàn kết, chủ động, học hỏi và biết phối hợp trong làm việc nhóm.			
6	Thực tập trắc địa cao cấp	-Về kiến thức: Trình bày được trình tự các bước thành lập lưới khống chế trắc địa mặt bằng bằng công nghệ GNSS và độ cao thủy chuẩn hạng II; Nêu được trình tự và thao tác đo GNSS tại điểm đo và đo thủy chuẩn hạng II; -Về kỹ năng: Thiết kế, chọn và đánh dấu được các điểm của lưới khống chế trắc địa; Biết ghi sổ và tính toán xử lý số liệu GNSS; Đo được chênh cao, chiều dài tuyến thủy chuẩn đáp ứng được yêu cầu thủy chuẩn hạng II; Biết ghi sổ và tính toán xử lý số liệu; -Về đạo đức nghề nghiệp: Hình thành tác phong chủ động tích cực trong công việc và rèn luyện tác phong nghề nghiệp cẩn thận, chính xác.	3	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
7	Trắc địa công trình	-Về kiến thức: Trình bày được nguyên tắc, phương pháp xây dựng lưới khống chế trắc địa công trình; Trình bày được phương pháp xây dựng hạ tầng khu công nghiệp và thành phố; Trình bày được phương pháp thực hiện công tác bố trí công trình độ chính xác cao; Trình bày được cơ sở lý thuyết, nội dung các phương pháp bố trí công trình giao thông, thủy công và đường hầm trong những trường hợp cụ thể. -Về kỹ năng: Lựa chọn được đồ hình lưới phù hợp cho từng loại khu vực thi công công trình; Lựa chọn được phương pháp tối ưu trong bố trí công trình; Vận dụng các phương pháp đo đạc, các trang thiết bị đo đạc tính toán, xử lý kết quả đo đạc. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức tổ chức kỷ luật và học tập theo nhóm, có tác phong phối hợp và làm việc tập thể; Rèn luyện tính trung thực và tỷ mỉ trong công việc.	5	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2. HỆ DH5					
1	Cơ sở dữ liệu địa hình	-Về kiến thức: Người học trình bày được các khái niệm cơ bản về bản đồ địa hình, cơ sở dữ liệu và xác định nội dung của dữ liệu địa hình. Trình bày tóm tắt các bước xây dựng cơ sở dữ liệu địa hình. -Về kỹ năng: Người học áp dụng được những kiến thức đã học để xây dựng cơ sở dữ liệu địa hình. -Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc trong quá trình học tập, chủ động, tích cực, hợp tác tốt đối với các thành viên trong nhóm, trong lớp.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Định vị vệ tinh và xây dựng lưới	-Về kiến thức: Trình bày được lịch sử, nguyên lý hoạt động của các hệ thống định vị vệ tinh và các phương pháp quan sát vệ tinh nhân tạo; Phân tích được ý nghĩa và cách thiết lập các hệ thống tọa độ và hệ thống thời gian trong định vị vệ tinh; Trình bày được cơ sở khoa học về chuyển động của vệ tinh nhân tạo trong điều kiện lý tưởng và điều kiện thực tế, vận dụng hiểu biết này để lý giải về cách tính tọa độ vệ tinh tại một thời điểm tức thì và sử dụng kết quả quan sát chuyển động của vệ tinh để nghiên cứu về trường trọng lực của trái đất; So sánh, đánh giá được các hệ thống định vị vệ tinh; trình bày được cấu trúc chung, tín hiệu, máy thu, trị đo, nguyên lý đo, sai số của các hệ thống định vị vệ tinh; Trình bày được vai trò, ý nghĩa và cơ chế hoạt động của các hệ thống định vị tăng cường; Trình bày được các ứng dụng của GNSS trong Trắc địa -Bản đồ; Vận dụng được nguyên tắc bình sai lưới không chế để lý giải về cơ sở khoa học của các bước trong bài toán xử lý số liệu mạng lưới GNSS.Trình bày được phương pháp và kỹ thuật thiết kế lưới tọa độ và lưới độ cao nhà nước. Trình bày được cách thức xây dựng một lưới không chế tọa độ bằng công nghệ GPS người thực địa. -Về kỹ năng: Tính toán bình sai một lưới không chế trắc địa mặt bằng công nghệ GPS bằng phần mềm thông dụng hiện nay; Tính toán bình sai một lưới không chế độ cao hạng 2 nhà nước bằng phần mềm thông dụng hiện nay.Trình bày cách thức xây dựng lưới tọa độ và lưới độ cao nhà	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nước. Lập các phương án kỹ thuật xây dựng lưới GPS. Tổ chức sản xuất và giải quyết các nhiệm vụ kỹ thuật trong công tác ngoại nghiệp, xử lý nội nghiệp phục vụ xây dựng lưới GPS các cấp. Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức kỷ luật và học tập theo nhóm, có tác phong phối hợp và làm việc tập thể; Rèn luyện tính trung thực và tỷ mỉ trong công việc.			
3	Định vị vệ tinh và xây dựng lưới	-Về kiến thức: Phân tích được lịch sử, nguyên lý hoạt động của các hệ thống định vị vệ tinh và các phương pháp quan sát vệ tinh nhân tạo; Phân tích được ý nghĩa và cách thiết lập các hệ thống tọa độ và hệ thống thời gian trong định vị vệ tinh; Trình bày được cơ sở khoa học về chuyển động của vệ tinh nhân tạo trong điều kiện lý tưởng và điều kiện thực tế, vận dụng hiểu biết này để lý giải về cách tính tọa độ vệ tinh tại một thời điểm tức thì và sử dụng kết quả quan sát chuyển động của vệ tinh để nghiên cứu về trường trọng lực của trái đất; So sánh, đánh giá được các hệ thống định vị vệ tinh; trình bày được cấu trúc chung, tín hiệu, máy thu, trị đo, nguyên lý đo, sai số của các hệ thống định vị vệ tinh; Trình bày được vai trò, ý nghĩa và cơ chế hoạt động của các hệ thống định vị tăng cường; Trình bày được các ứng dụng của GNSS trong Trắc địa -Bản đồ; Vận dụng được nguyên tắc bình sai lưới khống chế để lý giải về cơ sở khoa học của các bước trong bài toán xử lý số liệu mạng lưới GNSS.Trình bày được phương pháp và kỹ thuật thiết kế lưới tọa độ và lưới độ cao nhà nước. Trình bày được cách thức xây dựng một lưới khống chế tọa độ bằng công nghệ GPS người thực địa. -Về kỹ năng: Tính toán bình sai một lưới khống chế trắc địa mặt bằng công nghệ GPS bằng phần mềm thông dụng hiện nay; Tính toán bình sai một lưới khống chế độ cao hạng 2 nhà nước bằng phần mềm thông dụng hiện nay.Trình bày cách thức xây dựng lưới tọa độ và lưới độ cao nhà nước. Lập các phương án kỹ thuật xây dựng lưới GPS. Tổ chức sản xuất và giải quyết các nhiệm vụ kỹ thuật trong công tác ngoại nghiệp, xử lý nội nghiệp phục vụ	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi:Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		xây dựng lưới GPS các cấp. -Về thái độ: Có ý thức kỷ luật và học tập theo nhóm, có tác phong phối hợp và làm việc tập thể; Rèn luyện tính trung thực và tỷ mỉ trong công việc.			
4	Đo trọng lực	-Về kiến thức: Trình bày được vai trò nhiệm vụ, lịch sử phát triển của đo trọng lực trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ; Trình bày được các yêu cầu về độ chính xác đo trọng lực trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ; Phân biệt được nguyên lý đo trọng lực tuyệt đối và đo trọng lực tương đối; Trình bày được nguyên lý hoạt động của các loại máy đo trọng lực, quy trình đo đạc và xử lý các kết quả đo trọng lực theo các phương pháp tương đối và tuyệt đối; Trình bày được nguyên lý hoạt động của các loại máy đo trọng lực, quy trình đo đạc và xử lý các kết quả đo trọng lực theo các phương pháp tương đối và tuyệt đối; -Về kỹ năng: Thực hiện được quy trình đo đạc trọng lực theo phương pháp tuyệt đối và tương đối; Xử lý thành thạo số liệu đo trọng lực. -Về đạo đức nghề nghiệp: Chủ động, tích cực trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề; Phối hợp được khi làm việc theo nhóm; Yêu thích nội dung của môn học;	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Máy trắc địa và đo đạc điện tử	-Về kiến thức: Phân tích cho sinh viên những kiến thức về nguyên lý đo đạc sử dụng sóng điện từ và laser. Nguyên lý và cấu tạo một số loại máy thường dùng như kinh vĩ điện tử, toàn đạc điện tử, máy quét laser 3D vv.. Nắm được quy trình sử dụng và nguyên tắc bảo quản thiết bị đo đạc điện tử. -Về kỹ năng: Sinh viên sử dụng được các thiết bị đo đạc điện tử trong điều kiện thực tế sản xuất. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tỷ mỉ, chính xác, khách quan trong quá trình học tập, sử dụng thiết bị đo đạc.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Thực tập trắc địa cao cấp	-Về kiến thức: Trình bày được trình tự các bước thành lập lưới khống chế trắc địa mặt bằng bằng công nghệ GNSS và độ cao thủy chuẩn hạng II; Nêu được trình tự và thao tác đo GNSS tại điểm đo và đo thủy chuẩn hạng II; -Về kỹ năng: Thiết kế, chọn và đánh dấu		Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		được các điểm của lưới không chế trắc địa; Biết ghi sổ và tính toán xử lý số liệu GNSS; Đo được chênh cao, chiều dài tuyến thủy chuẩn đáp ứng được yêu cầu thủy chuẩn hạng II; Biết ghi sổ và tính toán xử lý số liệu; -Về đạo đức nghề nghiệp: Hình thành tác phong chủ động tích cực trong công việc và rèn luyện tác phong nghề nghiệp cẩn thận, chính xác.			báo cáo
7	Tiếng Anh chuyên ngành	-Về kiến thức: Vận dụng được vốn từ vựng tiếng Anh cơ bản và chuyên ngành Trắc địa trong giao tiếp thông thương và trong công việc liên quan đến chuyên ngành ở mức độ khó trung bình. Trình bày được nội dung cơ bản của trắc địa bằng Tiếng Anh. Trình bày được một số ứng dụng công nghệ trong các chuyên ngành hẹp của Trắc địa bằng Tiếng Anh -Về kỹ năng: Vận dụng được các thuật ngữ chuyên ngành để đọc và dịch được tài liệu. Mô tả đơn giản, chi tiết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực Trắc địa - Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng tính tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn bằng Tiếng Anh hướng đến tham khảo tài liệu chuyên môn bằng Tiếng Anh để cập nhật tình hình phát triển ngành Trắc địa Bản đồ trên thế giới. Xây dựng tính kỷ luật, tự giác và nghiêm túc trong học tập.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. -Về kỹ năng:	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
3. HỆ DH6					
1	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	-Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, vai trò và ý nghĩa đường lối của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; phân tích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được quá trình hình thành và những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay. -Về kĩ năng: Trình bày, thuyết trình được một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội; phân tích, vận dụng được vào thực tiễn lĩnh vực được đào tạo. -Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng được tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào đối với Đảng ta, tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng; xác định được trách nhiệm của cá	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nhân đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng được thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và làm việc.			
2	Cơ sở dữ liệu địa lý	-Về kiến thức: Trình bày được tổng quan về cơ sở dữ liệu gồm: các khái niệm cơ bản, lịch sử hình thành và xu hướng phát triển, kiến trúc và các thành phần cơ bản của một hệ cơ sở dữ liệu; Phân tích được quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý từ tổng thể tới chi tiết ở các mức khác nhau. Tổng hợp được các mô hình dữ liệu truyền thống và mô hình dữ liệu không gian. Áp dụng được các chuẩn trong thiết kế CSDL. Phân loại được các kỹ thuật đánh chỉ mục dữ liệu không gian (Spatial data indexing techniques): giới thiệu về lịch sử phát triển của kỹ thuật đánh chỉ mục không gian, đánh chỉ mục không gian dạng Grid đơn giản, đánh chỉ mục không gian dạng cấu trúc cây nhị phân, B-tree index, cây tứ phân.; Trình bày được kiến thức về các kỹ thuật tìm kiếm và truy vấn dữ liệu địa lý gồm: giới thiệu các ngôn ngữ tìm kiếm không gian, cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn, ngôn ngữ tìm kiếm không gian và xử lý tìm kiếm không gian, các kỹ thuật tối ưu hóa tìm kiếm không gian. -Về kỹ năng: Xây dựng được một cơ sở dữ liệu địa lý đơn giản trong lĩnh vực tài nguyên môi trường. Thành thạo ứng dụng một phần mềm GIS xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý. -Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn về cơ sở dữ liệu địa lý cập nhật tình hình phát triển về cơ sở dữ liệu địa lý.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Hệ thống thông tin địa lý	-Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về khái niệm, các thành phần và chức năng cơ bản của GIS; Trình bày được về cấu trúc CSDL và mô hình số độ cao; Phân tích được ưu nhược điểm của các mô hình dữ liệu; Phân tích được các	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		bước trong quy trình xây dựng CSDL trong GIS; trình bày được các kiến thức cơ bản về công tác chuẩn hoá dữ liệu; hiển thị và xuất dữ liệu; Phân tích được quy trình xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu địa lý gồm các bước: thiết kết, tổ chức, nhập, đánh giá chất lượng, biên tập và chuẩn hóa CSDL địa lý. Tổng hợp được các phương pháp phân tích dữ liệu không gian cơ bản như: chồng xếp dữ liệu, phân tích lân cận, tạo vùng đệm, đo đạc truy vấn... và phân tích dữ liệu nâng cao gồm phân tích lân cận, phân tích mạng, nội suy, độ dốc... -Về kỹ năng: Vận dụng các bài toán phân tích không gian của hệ thống thông tin địa lý vào nhiệm vụ cụ thể; Vận dụng lý thuyết vào các bài thực hành, các bài thảo luận; Liệt kê được một số phần mềm GIS hiện nay; ứng dụng được phần mềm Mapinfo và ArcGIS trong các bước cơ bản để xây dựng bản đồ; -Về đạo đức nghề nghiệp: biết vai trò ý nghĩa của bản đồ trong thực tiễn, từ đó thấy được vai trò của ngành Trắc địa - Bản đồ và tích cực học tập tự học, tự tìm tòi tài liệu để nghiên cứu			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	-Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ sở về lập trình: ngôn ngữ và cấu trúc chương trình; kiểu dữ liệu, hằng, biến và mảng; các đối tượng, lệnh và hàm căn bản; các lệnh làm việc với văn bản; chương trình con, hàm và thủ tục; Phân tích được các nhiệm vụ lập trình bài toán trắc địa; Sử dụng được ngôn ngữ lập trình được cung cấp. -Về kỹ năng: Thiết lập được giao diện của một phần mềm; Viết được mã lệnh của bài toán cụ thể như hai bài toán cơ bản trong trắc địa, bài toán tính chuyển và tính đổi tọa độ,... Khai thác được các mã lệnh sẵn có. Sử dụng và phát triển được các mã lệnh sẵn có. -Về đạo đức nghề nghiệp: Hình thành nên thái độ chủ động, tích cực trong việc phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề trong công việc. Sáng tạo và trung thực trong công việc.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
5	Pháp luật đại cương	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. -Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống. -Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm
6	Thực tập trắc địa công trình	-Về kiến thức: Phân tích và trình bày được những khái niệm như : Các mặt thủy chuẩn, các hệ tọa độ trên mặt cầu, các loại góc phương vị, so sánh được các mặt thủy chuẩn và các góc phương vị; Trình bày khái niệm góc bằng, góc đứng, khoảng cách đo, chênh cao đo: Nêu được thao tác đo góc, đo cạnh, đo thủy chuẩn hạng IV và đo thủy chuẩn kỹ thuật, ứng dụng các phương pháp đo trong thực tế; Trình bày được nguyên lý cấu tạo, cách sử dụng, phương pháp kiểm tra, kiểm nghiệm một số loại máy móc đo đạc thông thường dùng trong đo góc, đo chênh cao và đo khoảng cách; Phân loại và nêu được các đặc điểm về lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao, lưới khống chế đo vẽ; Phân tích được quy trình thành lập bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc và phương pháp GNSS. -Về kỹ năng: Xác định được các loại góc phương vị dùng trong trắc địa và xây dựng được công thức thể hiện mối quan hệ giữa các loại góc phương vị đó; Sử dụng được bản đồ địa hình; Sử dụng được máy đo vào công tác đo góc, đo khoảng cách, đo chênh cao; Ghi chép, tính toán và xử lý được kết quả đo; Thiết kế được lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao hạng III, hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật; Tính toán và	3	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		bình sai gần đúng được lưới đường chuyên, lưới không chế độ cao hạng III, hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật; Tính toán được các bài toán giao hội xác định vị trí điểm; Thành lập được bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc; Ước tính độ chính xác cần thiết của từng cấp lưới. Tính khái lược lưới đường chuyên, tam giác cấp 1, cấp 2. -Về đạo đức nghề nghiệp: có thái độ trung thực, cẩn thận và nghiêm túc trong học tập; Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tài liệu để nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt; Sinh viên có ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội, chấp hành pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức tốt, tư duy sáng tạo và có trách nhiệm cao trong công việc.			
7	Trắc địa biển	-Về kiến thức: Trình bày được những nguyên lý về định vị trên biển; Phát biểu được các đặc điểm của vùng biển Việt Nam; Phát biểu được Hiện tượng thủy triều; Phân tích và so sánh được Các phương pháp đo sâu Hồi âm và không hồi âm; Trình bày được Quy trình xử lý dữ liệu đo trên biển; Trình bày được Đo vẽ địa hình đáy biển. - kỹ năng: Xác định được lịch thủy triều tại các vùng biển Việt Nam; Xác định được quy trình đo sâu hồi âm; Xác định được quy trình kiểm định trong đo sâu hồi âm; Chứng minh được các nguồn nhiễu và mức nhiễu trong đo sâu hồi âm; Đánh giá được độ trễ định vị trên biển; Thực hiện được định vị trên biển bằng phương pháp thủy âm với độ chính xác cao; Xử dụng được các dữ liệu đo sâu và dữ liệu định vị trên biển để biên vẽ bản đồ đáy biển; Xử lý được các ảnh viễn thám để thành lập bản đồ địa hình đáy biển. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức kỷ luật và học tập theo nhóm, có tác phong phối hợp và làm việc tập thể. Rèn luyện tính trung thực và tỷ mỉ trong công việc.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Trắc địa công trình dân dụng - công nghiệp	-Về kiến thức: Trình bày được nội dung công tác trắc địa trong quy hoạch hạ tầng khu công nghiệp; lý giải tại sao phải quy hoạch hạ tầng khu công nghiệp; Trình bày được nội dung công tác trắc địa trong quy	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		hoạch thành phố; lý giải tại sao phải quy hoạch thành phố; Trình bày được nội dung các phương pháp bố trí công trình công nghiệp và dân dụng trong những trường hợp cụ thể; lựa chọn được phương pháp đo phù hợp cho một số trường hợp đặc trưng. Trình bày nội dung cơ bản và một số kỹ thuật đo đạc trong thi công công trình độ chính xác cao; lựa chọn phương pháp và thiết bị đo phù hợp, tối ưu cả về kinh tế và kỹ thuật. -Về kỹ năng: Vận dụng các phương pháp để đo đạc bố trí công trình ra thực địa, tính toán, xử lý kết quả đo đạc công trình công nghiệp, nhà cao tầng và các công trình độ chính xác cao. -Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, tỷ mỉ, cẩn thận, trung thực.			số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Trắc địa công trình giao thông - thủy lợi	-Về kiến thức: Trình bày được nội dung công tác trắc địa trong quy hoạch hạ tầng khu công nghiệp; lý giải tại sao phải quy hoạch hạ tầng khu công nghiệp; Trình bày được nội dung công tác trắc địa trong quy hoạch thành phố; lý giải tại sao phải quy hoạch thành phố; Trình bày được nội dung các phương pháp bố trí công trình công nghiệp và dân dụng trong những trường hợp cụ thể; lựa chọn được phương pháp đo phù hợp cho một số trường hợp đặc trưng. Trình bày nội dung cơ bản và một số kỹ thuật đo đạc trong thi công công trình độ chính xác cao; lựa chọn phương pháp và thiết bị đo phù hợp, tối ưu cả về kinh tế và kỹ thuật. -Về kỹ năng: Vận dụng các phương pháp để đo đạc bố trí công trình ra thực địa, tính toán, xử lý kết quả đo đạc công trình công nghiệp, nhà cao tầng và các công trình độ chính xác cao. -Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, tỷ mỉ, cẩn thận, trung thực.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Ứng dụng viễn thám trong giám sát tài nguyên và môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được kiến thức cơ bản về mô hình ứng dụng viễn thám để giải quyết các vấn đề ứng dụng trong thực tế. Tổng hợp được những kiến thức chung về xác định nhiệt độ bề mặt gồm: kiến thức chung về xác định nhiệt độ bề mặt, các mô hình toán học trong xác định nhiệt độ bề mặt biển và bề mặt lục địa; Tổng	4	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		hợp được viễn thám ứng dụng trong xác định màu nước gồm: cơ sở viễn thám về màu nước, các đặc tính quang học của nước, mô hình đảo ngược trong xác định màu nước, các mô hình toán học trong xác định nồng độ chất lơ lửng. Phân tích được cơ sở lý thuyết về chỉ số thực vật gồm: cơ sở lý thuyết về chỉ số thực vật (cấu trúc và đặc trưng phản xạ phổ của lá cây), phân loại các chỉ số thực vật thường gặp (chỉ số thực vật đơn giản, NDVI, chỉ số thực vật dựa vào thổ nhưỡng, chỉ số thực vật khi giảm thiểu ảnh hưởng của khí quyển, chỉ số thực vật hồng ngoại nhiệt và siêu phổ). Tổng hợp được các kiến thức chung về mô hình ứng dụng viễn thám trong giám sát môi trường gồm: các kiến thức chung về giám sát ô nhiễm tầng khí quyển, các mô hình toán học xác định chất rắn lơ lửng trong khí quyển, ô nhiễm môi trường không khí và giám sát tầng Ozon. Trình bày được cơ sở toán học ứng dụng viễn thám trong theo dõi biến động đất, lớp phủ đất (LUCC): kiến thức chung về LUCC (khái niệm, tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước), các phương pháp giám sát LUCC, xây dựng và phân loại các mô hình LUCC thường dùng và các yếu tố ảnh hưởng đến công việc xây dựng mô hình LUCC -Về kỹ năng: Sử dụng được phần mềm xử lý ảnh kết hợp với mô hình ứng dụng đã học để giải quyết các bài toán ứng dụng trong thực tế sản xuất. -Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn về ứng dụng viễn thám trong giám sát tài nguyên và môi trường.			hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
11	Xử lý ảnh viễn thám	-Về kiến thức: Tổng hợp được những lý thuyết cơ bản của công tác tăng dày không chế ảnh, công tác đoán đọc và điều vẽ ảnh, công tác nắn ảnh, đo đạc ảnh hàng không; Trình bày được nội dung các công đoạn trong quá trình tiền xử lý ảnh, quá trình tăng cường chất lượng ảnh và chuyển đổi ảnh; Phân biệt được nguyên lý hoạt động, đặc điểm của các phương pháp viễn	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		thám. -Về kỹ năng: Đoán đọc điều vẽ được một một tờ ảnh đơn bằng phương pháp đoán đọc và điều vẽ kết hợp; Vận dụng được các bước trong công tác tăng dày không chế ảnh để thực hiện tăng dày trên trạm đo vẽ ảnh số với một dữ liệu ảnh bất kỳ; Chọn thuật toán thích hợp để tiến hành phân loại; đánh giá và ứng dụng kết quả đạt được vào một vấn đề cần nghiên cứu; -Về đạo đức nghề nghiệp: Yêu thích môn học, ham đọc tài liệu để tìm hiểu về lĩnh vực của môn học và các môn khác có liên quan. Rèn luyện được tác phong nghề nghiệp: Thận trọng, trung thực, chính xác, tỉ mỉ; Chấp hành các quy định khi tăng dày, điều vẽ và khi phân loại ảnh viễn thám. Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn về ứng dụng viễn thám trong giám sát tài nguyên và môi trường.			- Hình thức thi: Tự luận
4. HỆ DH7					
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	-Về kiến thức: Trình bày được cơ sở khoa học hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; phân tích được những nội dung cơ bản và giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh, đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng bảo vệ Tổ quốc trong các giai đoạn của cách mạng Việt Nam. -Về kỹ năng: vận dụng lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới. -Về đạo đức nghề nghiệp: Bồi dưỡng, hun đúc lòng yêu nước và các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, nâng cao lòng tự hào về Bác Hồ, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, xây dựng lý tưởng sống cao đẹp, biến lý tưởng thành hành vi cụ thể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. .	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Cơ sở trắc địa công trình	-Về kiến thức: Trình bày được nguyên tắc, phương pháp xây dựng lưới khống chế trắc địa công trình; lựa chọn được các phương án thiết kế và nội dung phương pháp xử lý kết quả đo đạc lưới khống chế thi công công trình. Trình bày được phương pháp đo vẽ, sử dụng bản đồ và mặt cắt địa hình công trình tỷ lệ lớn. Trình bày được nội dung các phương pháp cơ bản trong bố trí công trình; trình bày được quy trình đo đạc đối với một số công trình đặc trưng lý giải được tại sao lại lựa chọn phương pháp đó đối với một số công trình đặc trưng; Trình bày nội dung công tác đo vẽ hoàn công và lý giải được tại sao phải đo vẽ hoàn công công trình. Trình bày được cơ sở lý thuyết, nội dung các phương pháp quan trắc chuyển dịch, biến dạng công trình; lựa chọn phương pháp đo đạc phù hợp và phương pháp xử lý số liệu đo tương ứng đối với một số công trình đặc trưng; lý giải được tại sao phải quan trắc chuyển dịch biến dạng công trình. -Về kỹ năng: Thành lập được lưới khống chế trắc địa trên khu vực xây dựng phục vụ cho công tác bố trí công trình đảm bảo yêu cầu độ chính xác cần thiết. Tính toán các yếu tố bố trí và chuyển được các yếu tố bố trí trên bản thiết kế ra thực địa theo các phương pháp đã học; Đo đạc và xử lý được kết quả đo quan trắc chuyển dịch biến dạng đối với từng công trình đặc trưng. Sử dụng thành thạo một số máy đo đạc điện tử trong trắc địa công trình. -Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, tỷ mỉ, cẩn thận, trung thực	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Cơ sở viễn thám	-Về kiến thức: Trình bày được kiến thức tổng quan về viễn thám, bộ cảm biến và vệ tinh viễn thám; Phân tích được các đặc điểm, cơ cấu vận hành của các phương pháp viễn thám. Tổng hợp được lý thuyết cơ bản về viễn thám hàng không; Giải thích được các công đoạn trong quy trình giải đoán và xử lý ảnh viễn thám; -Về kỹ năng: Xác định được số lượng các yếu tố định hướng và các bước định hướng ảnh hàng không. Vận dụng các chỉ số thống kê, hiển thị và tăng cường chất lượng ảnh,	4	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		đăng ký tọa độ ảnh và thực hiện các phép biến đổi ảnh đơn giản; Sử dụng thành thạo các thuật toán khác nhau trong công tác xử lý ảnh viễn thám. -Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tác phong: cẩn thận, chính xác, trung thực; Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Địa chính đại cương	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về địa chính, các chức năng, nhiệm vụ của địa chính. Trình bày được các hệ thống địa chính, bản đồ địa chính. Phân tích được nội dung và các yếu tố cơ bản cần thể hiện trên bản đồ địa chính. Trình bày được cách quản lý thông tin đất đai – bất động sản. Nêu được các khái niệm về đăng ký đất; về phân loại sử dụng đất. Hệ thống được cách chia mảnh và đánh số bản đồ địa chính. Tổng quát được nội dung thao tác đo tại một trạm đo chi tiết. -Về kỹ năng: Tính được tọa độ góc khung của tờ bản đồ địa chính. Xác định được phiên hiệu các mảnh tiếp giáp cùng tỷ lệ với một mảnh bản đồ cho trước. Triển khai được các điểm lưới khống chế tọa độ và điểm chi tiết lên bản vẽ. Lập được một số nội dung của bộ hồ sơ địa chính như: Sổ mục kê, sổ địa chính, sổ biến động đất đai. -Về đạo đức nghề nghiệp: có thái độ trung thực, cẩn thận và nghiêm túc trong học tập. tích cực học tập và tự học, tự tìm tài liệu để nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt. có ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội, chấp hành pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức tốt, tư duy sáng tạo và có trách nhiệm cao trong công việc.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Định vị vệ tinh	-Về kiến thức: Xác định được lịch sử, nguyên lý hoạt động của các hệ thống định vị vệ tinh và các phương pháp quan sát vệ tinh nhân tạo; Phân tích được ý nghĩa và cách thiết lập các hệ thống tọa độ và hệ thống thời gian trong định vị vệ tinh; Phân tích được cơ sở khoa học về chuyển động của vệ tinh nhân tạo trong điều kiện lý tưởng và điều kiện thực tế, vận dụng hiểu biết này để lý giải về cách tính tọa độ vệ	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tính tại một thời điểm tức thì và sử dụng kết quả quan sát chuyển động của vệ tinh để nghiên cứu về trường trọng lực của trái đất; So sánh, đánh giá được các hệ thống định vị vệ tinh; trình bày được cấu trúc chung, tín hiệu, máy thu, trị đo, nguyên lý đo, sai số của các hệ thống định vị vệ tinh; Phân tích được vai trò, ý nghĩa và cơ chế hoạt động của các hệ thống định vị tăng cường; Trình bày được các ứng dụng của GNSS trong Trắc địa - Bản đồ; Vận dụng được nguyên tắc bình sai lưới không chế để lý giải về cơ sở khoa học của các bước trong bài toán xử lý số liệu mạng lưới GNSS -Về kỹ năng :Tính được tọa độ vệ tinh; Trích lọc được tệp trị đo của các điểm IGS quốc tế, tệp có liên quan khác để hỗ trợ bình sai mạng lưới GNSS độ chính xác cao; Bình sai được mạng lưới GNSS bằng phần mềm chuyên dùng -Về đạo đức nghề nghiệp: Cần thận, trung thực; Phối hợp tốt với các thành viên khác khi làm việc theo nhóm;			Tự luận
6	Thực tập trắc địa cơ sở	-Về kiến thức: Phân tích và trình bày được những khái niệm như : Các mặt thủy chuẩn, các hệ tọa độ trên mặt cầu, các loại góc phương vị, so sánh được các mặt thủy chuẩn và các góc phương vị; Trình bày khái niệm góc bằng, góc đứng, khoảng cách đo, chênh cao đo; Nêu được thao tác đo góc, đo cạnh, đo thủy chuẩn hạng IV và đo thủy chuẩn kỹ thuật, ứng dụng các phương pháp đo trong thực tế; Trình bày được nguyên lý cấu tạo, cách sử dụng, phương pháp kiểm tra, kiểm nghiệm một số loại máy móc đo đạc thông thường dùng trong đo góc, đo chênh cao và đo khoảng cách; Phân loại và nêu được các đặc điểm về lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao, lưới khống chế đo vẽ; Phân tích được quy trình thành lập bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc và phương pháp GNSS. -Về kỹ năng: Thiết kế, chọn điểm, đo đạc được lưới khống chế giải tích 2 bằng công nghệ GNSS, máy toàn đạc điện tử. Thiết kế, chọn điểm, đo đạc được lưới khống chế đo vẽ bằng máy toàn đạc điện tử, máy	5	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		kinh vĩ quang cơ. Đo, ghi tính được thủy chuẩn hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật. Bình sai được các loại lưới không chế nêu trên theo phương pháp truyền thống và phần mềm ứng dụng. Sử dụng được máy toàn đạc điện tử trong đo vẽ chi tiết thành lập bản đồ địa hình, địa chính			
7	Trắc địa cao cấp đại cương	-Về kiến thức: Trình bày được biết cách xác định và ý nghĩa của thể trọng trường thực, thể chuẩn và thể nhiễu; Phân tích khái quát về bài toán xác định thể trọng trường và hình dạng trái đất; Liệt kê các yếu tố đặc trưng của thể trọng trường trái đất và phân tích được vai trò, ý nghĩa của từng yếu tố. Viết và giải thích được công thức xác định các yếu tố đó; Trình bày được nội dung và phân tích được ý nghĩa, ưu nhược điểm của các phương pháp quy chuyển trị đo. Giải thích được các thành phần trong công thức quy chuyển; Vận dụng được cách tiếp cận vật lý và hình học để giải thích cách thiết lập và ý nghĩa của các hệ thống độ cao. Giải thích được các thành phần trong công thức xác định độ cao trong từng hệ thống; Phân tích được vai trò, ý nghĩa của elipsoid thực dụng và trình bày được phương pháp định vị elipsoid thực dụng; Liệt kê được các loại số liệu gốc trắc địa quốc gia và cách thiết lập chúng. -Về kỹ năng: Xác định được dị thường độ cao và độ cao geoid từ độ cao trắc địa và độ cao chuẩn (hoặc độ cao chính); Tính được các số hiệu chỉnh khi quy chuyển trị đo trắc địa; Chuyển đổi được giữa các hệ thống độ cao; -Về đạo đức nghề nghiệp: Cẩn thận, trung thực; Phối hợp được khi làm việc theo nhóm;	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Trắc địa cao cấp đại cương	-Về kiến thức: Trình bày được biết cách xác định và ý nghĩa của thể trọng trường thực, thể chuẩn và thể nhiễu; Phân tích khái quát về bài toán xác định thể trọng trường và hình dạng trái đất; Liệt kê các yếu tố đặc trưng của thể trọng trường trái đất và phân tích được vai trò, ý nghĩa của từng yếu tố. Viết và giải thích được công thức xác định các yếu tố đó; Trình bày được nội dung và phân tích được ý nghĩa, ưu nhược điểm của các phương pháp quy chuyển trị đo.	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		Giải thích được các thành phần trong công thức quy chuyên; Vận dụng được cách tiếp cận vật lý và hình học để giải thích cách thiết lập và ý nghĩa của các hệ thống độ cao. Giải thích được các thành phần trong công thức xác định độ cao trong từng hệ thống; Phân tích được vai trò, ý nghĩa của elipsoid thực dụng và trình bày được phương pháp định vị elipsoid thực dụng; Liệt kê được các loại số liệu gốc trắc địa quốc gia và cách thiết lập chúng. -Về kỹ năng: Xác định được dị thường độ cao và độ cao geoid từ độ cao trắc địa và độ cao chuẩn (hoặc độ cao chính); Tính được các số hiệu chỉnh khi quy chuyển trị đo trắc địa; Chuyển đổi được giữa các hệ thống độ cao; -Về đạo đức nghề nghiệp: Cẩn thận, trung thực; Phối hợp được khi làm việc theo nhóm;			giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Trắc địa cơ sở	-Về kiến thức: Phân tích và trình bày được những khái niệm như : Các mặt thủy chuẩn, các hệ tọa độ trên mặt cầu, các loại góc phương vị, so sánh được các mặt thủy chuẩn và các góc phương vị; Trình bày khái niệm góc bằng, góc đứng, khoảng cách đo, chênh cao đo: Nêu được thao tác đo góc, đo cạnh, đo thủy chuẩn hạng IV và đo thủy chuẩn kỹ thuật, ứng dụng các phương pháp đo trong thực tế; Trình bày được nguyên lý cấu tạo, cách sử dụng, phương pháp kiểm tra, kiểm nghiệm một số loại máy móc đo đạc thông thường dùng trong đo góc, đo chênh cao và đo khoảng cách; Phân loại và nêu được các đặc điểm về lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao, lưới khống chế đo vẽ; Phân tích được quy trình thành lập bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc và phương pháp GNSS. -Về kỹ năng: Xác định được các loại góc phương vị dùng trong trắc địa và xây dựng được công thức thể hiện mối quan hệ giữa các loại góc phương vị đó; Sử dụng được bản đồ địa hình; Sử dụng được máy đo vào công tác đo góc, đo khoảng cách, đo chênh cao; Ghi chép, tính toán và xử lý được kết quả đo; Thiết kế được lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao hạng III, hạng	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		IV và thủy chuẩn kỹ thuật; Tính toán và bình sai gần đúng được lưới đường chuyền, lưới khống chế độ cao hạng III, hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật; Tính toán được các bài toán giao hội xác định vị trí điểm; Thành lập được bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc; Ước tính độ chính xác cần thiết của từng cấp lưới. Tính khái lược lưới đường chuyền, tam giác cấp 1, cấp 2. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có thái độ trung thực, cẩn thận và nghiêm túc trong học tập; Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tài liệu để nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt; Sinh viên có ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội, chấp hành pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức tốt, tư duy sáng tạo và có trách nhiệm cao trong công việc.			
10	Trắc địa cơ sở	- Về kiến thức: Phân tích và trình bày được những khái niệm như : Các mặt thủy chuẩn, các hệ tọa độ trên mặt cầu, các loại góc phương vị, so sánh được các mặt thủy chuẩn và các góc phương vị; Trình bày khái niệm góc bằng, góc đứng, khoảng cách đo, chênh cao đo; Nêu được thao tác đo góc, đo cạnh, đo thủy chuẩn hạng IV và đo thủy chuẩn kỹ thuật, ứng dụng các phương pháp đo trong thực tế; Trình bày được nguyên lý cấu tạo, cách sử dụng, phương pháp kiểm tra, kiểm nghiệm một số loại máy móc đo đạc thông thường dùng trong đo góc, đo chênh cao và đo khoảng cách; Phân loại và nêu được các đặc điểm về lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao, lưới khống chế đo vẽ; Phân tích được quy trình thành lập bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc và phương pháp GNSS. - Về kỹ năng: Xác định được các loại góc phương vị dùng trong trắc địa và xây dựng được công thức thể hiện mối quan hệ giữa các loại góc phương vị đó; Sử dụng được bản đồ địa hình; Sử dụng được máy đo vào công tác đo góc, đo khoảng cách, đo chênh cao; Ghi chép, tính toán và xử lý được kết quả đo; Thiết kế được lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao hạng III, hạng	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		IV và thủy chuẩn kỹ thuật; Tính toán và bình sai gần đúng được lưới đường chuyền, lưới khống chế độ cao hạng III, hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật; Tính toán được các bài toán giao hội xác định vị trí điểm; Thành lập được bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc; Ước tính độ chính xác cần thiết của từng cấp lưới. Tính khái lược lưới đường chuyền, tam giác cấp 1, cấp 2. -Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có thái độ trung thực, cẩn thận và nghiêm túc trong học tập; Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tài liệu để nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt; Sinh viên có ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội, chấp hành pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức tốt, tư duy sáng tạo và có trách nhiệm cao trong công việc.			
11	Trắc địa lý thuyết	-Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, công thức xác định và ý nghĩa của thể trọng trường thực, thể trọng trường chuẩn, thể nhiễu và vai trò của chúng trong bài toán xác định thể trọng trường và hình dạng trái đất; Phân tích, đánh giá được các nét khái quát về bài toán xác định thể trọng trường và hình dạng trái đất; Phân tích được vai trò, ý nghĩa của từng yếu tố đặc trưng của thể trọng trường trái đất và mối liên hệ giữa chúng; Trình bày được nội dung và phân tích được ý nghĩa, ưu nhược điểm của các phương pháp quy chuyển trị đo. Giải thích được các thành phần trong công thức quy chuyển; Trình bày được khái niệm, cách thiết lập và ý nghĩa của các hệ thống độ cao. Giải thích được các thành phần trong công thức xác định độ cao trong từng hệ thống; Phân tích được vai trò, ý nghĩa của elipsoid thực dụng và trình bày được phương pháp định vị elipsoid thực dụng; Trình bày được các loại số liệu gốc trắc địa quốc gia và cách thiết lập chúng. -Về kỹ năng: Xác định được dị thường độ cao (Hoặc độ cao geoid từ độ cao trắc địa và độ cao chuẩn (hoặc độ cao chính); Quy chuyển được trị đo trắc địa; Chuyển đổi được giữa các hệ thống độ cao.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về đạo đức nghề nghiệp: Chủ động, tích cực trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề; Phối hợp được khi làm việc theo nhóm; Yêu thích nội dung của môn học.			
12	Xử lý số liệu trắc địa	-Về kiến thức: Trình bày được các bước cơ bản của bài toán bình sai (gián tiếp, điều kiện); Phân biệt được các dạng bình sai: bình sai gián tiếp, bình sai điều kiện, bình sai tự do; Trình bày được khái niệm và vai trò của xấp xỉ hàm, nội suy trong các bài toán trắc địa. -Về kỹ năng: Tính toán bình sai được bài toán bình sai gián tiếp, bình sai điều kiện. Sử dụng được phần mềm bình sai để bình sai được lưới mặt bằng và độ cao; Tính toán xác định được được các tham số của hàm và đánh giá độ chính xác các tham số của hàm bằng phương pháp xấp xỉ hàm. Nội suy được các giá trị của đại lượng trong trắc địa bằng các phương pháp nội suy phù hợp. (Nội suy theo khoảng cách, nội suy Spline, nội suy Kriging) Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có thái độ trung thực, cẩn thận và nghiêm túc trong học tập. Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tài liệu để nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt; Sinh viên có ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội, chấp hành pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức tốt, tư duy sáng tạo và có trách nhiệm trong công việc.	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
13	Xử lý số liệu trắc địa	-Về kiến thức: Trình bày được các bước cơ bản của bài toán bình sai (gián tiếp, điều kiện); Phân biệt được các dạng bình sai: bình sai gián tiếp, bình sai điều kiện, bình sai tự do; Trình bày được khái niệm và vai trò của xấp xỉ hàm, nội suy trong các bài toán trắc địa. -Về kỹ năng: Tính toán bình sai được bài toán bình sai gián tiếp, bình sai điều kiện. Sử dụng được phần mềm bình sai để bình sai được lưới mặt bằng và độ cao; Tính toán xác định được được các tham số của hàm và đánh giá độ chính xác các tham số của hàm bằng phương pháp xấp xỉ hàm. Nội suy được các giá trị của đại lượng trong trắc địa bằng các phương pháp nội suy phù hợp. (Nội suy theo khoảng cách,	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nội suy Spline, nội suy Kriging) -Về đạo đức nghề nghiệp: có thái độ trung thực, cẩn thận và nghiêm túc trong học tập. Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tài liệu để nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt; có ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội, chấp hành pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức tốt, tư duy sáng tạo và có trách nhiệm trong công việc.			
5. HỆ DH8					
1	Vật lý đại cương	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về cơ học, nhiệt học, điện học, quang học, vật lý lượng tử..., từ đó sinh viên biết phân tích và giải thích được sự vận động khách quan của sự vật hiện tượng trong đời sống và làm cơ sở tiếp thu trong từng chuyên ngành cụ thể. - Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng học tập theo nhóm; phương pháp học tập cá nhân như: nghe giảng, ghi chép, làm bài tập trên lớp và ở nhà; phương pháp học và tự học; kỹ năng tư duy khoa học. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực học tập và tự học, tự tìm hiểu tài liệu để nghiên cứu thêm và ứng dụng vào ngành nghề cụ thể.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Giải tích 2	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2, Phương trình vi phân cấp một và phương trình vi phân cấp 2 làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. -Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	-Về kiến thức: trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học -Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. -Về đạo đức nghề nghiệp: Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Cơ sở bản đồ	-Về kiến thức: +Tổng hợp được những kiến thức cơ bản về bản đồ, bản đồ học; mô tả được nội dung của vấn đề tổng quát hoá. +Phân tích được nguyên nhân gây ra sai số trong phép chiếu bản đồ; trình bày được về phép chiếu bản đồ, tỷ lệ và biến dạng trên bản đồ, trình tự xây dựng và đặc điểm của các phép chiếu được sử dụng ở Việt Nam; làm được bài tập phân chia mảnh đánh số của bản đồ địa hình, địa chính theo VN-2000. +Trình bày được những kiến thức cơ bản trong công tác trình bày bản đồ. +Phân biệt được các bản đồ địa lý, đặc biệt đối với bản đồ địa hình và bản đồ địa chính trình bày được: khái niệm, nội dung, quy trình thành lập, các pp thành lập và hiện chỉnh bản đồ; Bản đồ số: khái niệm, nội dung, các quy định kỹ thuật... -Về kỹ năng: + Vận dụng được các phương pháp thành lập các bản đồ cho làm đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp. + Làm được các bài toán liên quan tới chia mảnh, đánh số cho bản đồ địa hình, bản đồ địa chính. + Đọc và sử dụng được bản đồ. + Biểu thị được các yếu tố nội dung bản đồ, sử dụng các phương pháp biểu thị nội dung bản đồ đạt yêu cầu kỹ thuật. + Ứng dụng được bộ phần mềm Mapping Office trong thành lập bản đồ. -Về đạo đức nghề nghiệp: biết vai trò ý nghĩa của bản đồ trong thực tiễn, từ đó thấy được vai trò của ngành Trắc địa - Bản đồ và tích cực học tập tự học, tự tìm tòi tài liệu để nghiên cứu.	4	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
5	Đại số	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương, các mặt bậc hai làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình đại số. -Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Giải tích 1	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về phương pháp tính như: Nội suy, xấp xỉ và sai số, tính gần đúng nghiệm thực của phương trình, đa thức nội suy và phương pháp bình phương bé nhất, tính gần đúng đạo hàm và tích phân xác định, phương trình vi phân; làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. -Về kỹ năng: xây dựng được công thức tính toán cụ thể, công thức đánh giá sai số vào các bài toán phương pháp tính gần đúng. -Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. -Về kỹ năng:	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
8	Lý thuyết sai số	-Về kiến thức: Hệ thống được các kiến thức cơ bản về giải hệ phương trình tuyến tính, các thuật toán ma trận. Trình bày được các kiến thức về lý thuyết xác suất như: Phép thử, sự kiện, kỳ vọng, phương sai...Phân biệt được các loại sai số đo trong trắc địa.Trình bày được khái niệm, công thức các tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác như: sai số trung bình, sai số trung phương, sai số xác suất, sai số trung phương tương đối, sai số giới hạn. -Về kỹ năng: Vận dụng được lý thuyết xác suất trong lý thuyết sai số đo (ứng dụng lý thuyết sai số tính các sai số trung bình, trung phương...); Ứng dụng được các thuật toán ma trận trong bài toán bình sai trắc địa; Tính được phương sai, hiệp phương sai, hệ số tương quan; Áp dụng các tiêu chuẩn đánh giá độ chính xác trong các	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		trường hợp cụ thể.; Lập và tính được sai số trung phương của hàm các đại lượng đo; Vận dụng kiến thức đã học tính toán kiểm tra kết quả đo trước khi bình sai; Tính toán bình sai được dãy trị đo của cùng 1 đại lượng trong trường hợp cùng độ chính xác và không cùng độ chính xác -Về đạo đức nghề nghiệp: có thái độ trung thực, cẩn thận và nghiêm túc trong công việc. Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tài liệu để nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt.Sinh viên có ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội, chấp hành pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức tốt, tư duy sáng tạo và có trách nhiệm cao trong công việc.			
9	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	-Về kiến thức: Trình bày và Giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học -Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. -Về đạo đức nghề nghiệp:Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Tin học đại cương	-Về kiến thức:Trình bày những kiến thức chung về công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính và internet. -Về kỹ năng: có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng tin học văn phòng như soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính excel và thuyết trình bằng phần mềm trình diễn powerpoint, truy cập internet thành thạo. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, làm các bài tập về nhà để nâng cao tinh thần tự học.'	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
11	Xác suất thống kê	-Về kiến thức: trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thói quen tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn.			Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6. HỆ LDH7					
	Trắc địa biển	-Về kiến thức: Trình bày được những nguyên lý về định vị trên biển.Phát biểu được các đặc điểm của vùng biển Việt Nam.Phát biểu được Hiện tượng thủy triều; Phân tích và so sánh được Các phương pháp đo sâu Hồi âm và không hồi âm; Trình bày được Quy trình xử lý dữ liệu đo trên biển;Trình bày được Đo vẽ địa hình đáy biển. -Về kỹ năng: Xác định được lịch thủy triều tại các vùng biển Việt Nam;Xác định được quy trình đo sâu hồi âm; Xác định được quy trình kiểm định trong đo sâu hồi âm; Chứng minh được các nguồn nhiễu và mức nhiễu trong đo sâu hồi âm; Đánh giá được độ trễ định vị trên biển; Thực hiện được định vị trên biển bằng phương pháp thủy âm với độ chính xác cao;Xử dụng được các dữ liệu đo sâu và dữ liệu định vị trên biển để biên vẽ bản đồ đáy biển; Xử lý được các ảnh viễn thám để thành lập bản đồ địa hình đáy biển. -Về đạo đức nghề nghiệp:Có ý thức kỷ luật và học tập theo nhóm, có tác phong phối hợp và làm việc tập thể.Rèn luyện tính trung thực và tỷ mỉ trong công việc.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
	Trắc địa lý thuyết	-Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, công thức xác định và ý nghĩa của thể trọng trường thực, thể trọng trường chuẩn, thể nhiễu và vai trò của chúng trong bài toán xác định thể trọng trường và hình dạng trái đất; Phân tích, đánh giá được các nét khái quát về bài toán xác định thể trọng trường và hình dạng trái đất;Phân tích được vai trò, ý nghĩa của từng yếu tố đặc trưng của thể trọng trường trái đất và mối liên hệ giữa chúng; Trình bày được nội dung và phân tích được ý nghĩa, ưu nhược điểm của các phương pháp quy chuyển trị đo. Giải thích được các thành phần trong công thức quy chuyển; Trình bày được khái niệm, cách thiết lập và ý nghĩa của các hệ thống độ cao. Giải thích được các thành phần trong công thức xác	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		định độ cao trong từng hệ thống; Phân tích được vai trò, ý nghĩa của elipsoid thực dụng và trình bày được phương pháp định vị elipsoid thực dụng; Trình bày được các loại số liệu gốc trắc địa quốc gia và cách thiết lập chúng. -Về kỹ năng: Xác định được dị thường độ cao (Hoặc độ cao geoid từ độ cao trắc địa và độ cao chuẩn (hoặc độ cao chính); Quy chuyển được trị đo trắc địa; Chuyển đổi được giữa các hệ thống độ cao. -Về đạo đức nghề nghiệp: Chủ động, tích cực trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề; Phối hợp được khi làm việc theo nhóm; Yêu thích nội dung của môn học.			
7. HỆ LDH8					
	Vật lý đại cương	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về cơ học, nhiệt học, điện học, quang học, vật lý lượng tử..., từ đó sinh viên biết phân tích và giải thích được sự vận động khách quan của sự vật hiện tượng trong đời sống và làm cơ sở tiếp thu trong từng chuyên ngành cụ thể. - Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng học tập theo nhóm; phương pháp học tập cá nhân như: nghe giảng, ghi chép, làm bài tập trên lớp và ở nhà; phương pháp học và tự học; kỹ năng tư duy khoa học. - Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực học tập và tự học, tự tìm hiểu tài liệu để nghiên cứu thêm và ứng dụng vào ngành nghề cụ thể.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	-Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ sở về lập trình: ngôn ngữ và cấu trúc chương trình; kiểu dữ liệu, hằng, biến và mảng; các đối tượng, lệnh và hàm căn bản; các lệnh làm việc với văn bản; chương trình con, hàm và thủ tục; Phân tích được các nhiệm vụ lập trình bài toán trắc địa; Sử dụng được ngôn ngữ lập trình được cung cấp. -Về kỹ năng: Thiết lập được giao diện của một phần mềm; Viết được mã lệnh của bài toán cụ thể như hai bài toán cơ bản trong trắc địa, bài toán tính chuyển và tính đổi tọa độ,... Khai thác được các mã lệnh sẵn có. Sử dụng và phát triển được các mã lệnh sẵn có.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về đạo đức nghề nghiệp: Hình thành nên thái độ chủ động, tích cực trong việc phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề trong công việc. Sáng tạo và trung thực trong công việc.			
	Trắc địa biển	-Về kiến thức: Trình bày được những nguyên lý về định vị trên biển Phát biểu được các đặc điểm của vùng biển Việt Nam.Phát biểu được Hiện tượng thủy triều; Phân tích và so sánh được Các phương pháp đo sâu Hồi âm và không hồi âm; Trình bày được Quy trình xử lý dữ liệu đo trên biển;Trình bày được Đồ vẽ địa hình đáy biển. -Về kỹ năng: Xác định được lịch thủy triều tại các vùng biển Việt Nam;Xác định được quy trình đo sâu hồi âm; Xác định được quy trình kiểm định trong đo sâu hồi âm; Chứng minh được các nguồn nhiễu và mức nhiễu trong đo sâu hồi âm; Đánh giá được độ trễ định vị trên biển; Thực hiện được định vị trên biển bằng phương pháp thủy âm với độ chính xác cao;Xử dụng được các dữ liệu đo sâu và dữ liệu định vị trên biển để biên vẽ bản đồ đáy biển; Xử lý được các ảnh viễn thám để thành lập bản đồ địa hình đáy biển -Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức kỷ luật và học tập theo nhóm, có tác phong phối hợp và làm việc tập thể.Rèn luyện tính trung thực và tỷ mỉ trong công việc.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

V. Ngành Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững

1. HỆ ĐH5

1	Đánh giá biến đổi khí hậu	-Về kiến thức:Phân tích được tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) đến môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội trên thế giới và ở Việt Nam; Trình bày được các phương pháp, công cụ đánh giá cổ khí hậu, khí hậu hiện đại;Hiểu rõ được các mô hình mô phỏng khí hậu toàn cầu và khu vực;Sử dụng được một số thiết bị đo lường cơ bản: máy đo pH, CO ₂ .Về kỹ năng:Phát triển kỹ năng hoạt động nhóm, kỹ năng thuyết trình; Rèn kỹ năng tự học, kỹ năng thu thập, tổng hợp tài liệu và xử lý thông tin, kỹ năng nghiên cứu khoa học;Rèn kỹ năng xác	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		định và đưa ra cách đánh giá BĐKH hợp lý trong từng lĩnh vực và địa phương cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp:Có nhận thức đúng về vai trò,trách nhiệm của bản thân đối với hiện trạng BĐKH trên toàn cầu và BĐKH ở Việt Nam;Có thái độ tích cực trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng đối với các vấn đề liên quan đến BĐKH.			
2	Kinh tế học Biến đổi khí hậu	-Về kiến thức: Sau khi nghiên cứu học phần Kinh tế học biến đổi khí hậu, người học phải trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản về kinh tế như: Cung, cầu, thị trường, lợi ích, chi phí, lợi ích ròng...; Trình bày và phân tích được các khía cạnh kinh tế - xã hội trong biến đổi khí hậu; Trình bày và phân tích được khía cạnh kinh tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu; Phân tích các chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam và trên thế giới. -Về kỹ năng: +Kỹ năng nhận thức: Phân tích, đánh giá được khía cạnh kinh tế trong biến đổi khí hậu; trong ứng phó với biến đổi khí hậu + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các phương pháp kinh tế để xác định các lợi ích, chi phí liên quan đến biến đổi khí hậu +Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích, đánh giá kinh tế về biến đổi khí hậu có thể vận dụng phương pháp luận để giải quyết một số vấn đề kinh tế học biến đổi khí hậu ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu -Về đạo đức nghề nghiệp: Ý thức được tầm quan trọng của ứng phó với biến đổi khí hậu trong sự phát triển của mỗi quốc gia và trên toàn cầu.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Lập và phân tích dự án biến đổi khí hậu	- Về kiến thức: trình bày, phân tích, tổng hợp những kiến thức cơ bản về lập và phân tích một dự án nhằm ứng phó biến đổi khí hậu. Giúp cho người học hiểu được các khái ' thuật ngữ chuyên môn và một số nội dung cơ bản trong quá trình lập và phân tích dự án ứng phó biến đổi khí hậu.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Nhận biết và phân tích một dự án nhằm ứng phó biến đổi khí hậu, và một số nội dung cơ bản trong quá trình lập và phân tích dự án ứng phó biến đổi khí hậu. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng hệ thống kiến thức, người học có thể xác định được những nội dung cơ bản khi lập và phân tích dự án biến đổi khí hậu, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt phục vụ cho công việc sau này. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Vận dụng giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tự duy: Vận dụng kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể xây dựng các biện pháp hoặc ra quyết định đúng đắn để giải quyết tình huống từ đó áp dụng vào thực tế làm việc. Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác lập và phân tích dự án biến đổi khí hậu trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			thức học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Năng lượng và phát triển bền vững	-Về kiến thức: Môn học giới thiệu và trang bị cho sinh viên kiến thức về: Môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề suy thoái môi trường và tài nguyên thiên nhiên cũng như các giải pháp quản lý ứng phó với sự suy thoái; làm cơ sở cho việc quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường. Hiểu nguyên nhân tại sao phải quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường trước sự biến đổi phức tạp của khí hậu toàn cầu và ở Việt Nam. Hiểu các quan điểm, mục tiêu của Nhà nước cũng như các nhiệm vụ trọng tâm trong quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu. Đề xuất thực hiện các giải pháp chủ yếu trong quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu. -Về kỹ năng: Sau khi hoàn thành môn học	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		sinh viên có kiến thức về quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên, kỹ năng làm việc theo nhóm để đưa ra các giải pháp quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu. -Về thái độ nghề nghiệp: Có thái độ nghiêm túc, khách quan, tổng quát trong các vấn đề liên quan đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu.			
5	Phát triển đô thị bền vững	-Về kiến thức: Trình bày được các nội dung cơ bản về đô thị và các vấn đề phát sinh trong quá trình đô thị hoá. Giải thích được tính cấp thiết của phát triển đô thị bền vững là một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu trong điều kiện biến đổi khí hậu. Hiểu được khái niệm phát triển đô thị bền vững và tiêu chí của một đô thị bền vững. Giải thích được các hoạt động cơ bản trong quy hoạch đô thị bền vững và quản lý đô thị bền vững. -Về kỹ năng: Rèn kỹ năng phát hiện được các vấn đề trong quá trình phát triển thực tế ở địa phương. Từ đó áp dụng các kiến thức đã học để đưa ra các đề xuất góp phần bảo đảm sự phát triển bền vững ở địa phương. Hình thành kỹ năng lập quy hoạch phát triển đô thị bền vững và đề xuất được các cơ chế quản lý nguồn tài nguyên thiên nhiên hợp lý cho sự phát triển đô thị bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu ở Việt Nam -Về đạo đức nghề nghiệp: Quan tâm đến sự phát triển và các vấn đề về đô thị hoá trong cuộc sống thường ngày. Có thái độ tích cực bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hợp lý hướng tới sự phát triển bền vững.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Sinh thái học nhân văn	- Về kiến thức: trình bày được các khái niệm cơ bản về sinh thái học trong nghiên cứu sinh thái nhân văn, cấu trúc của đa dạng nhân văn. Phân tích được tiến hóa xã hội, sinh thái đô thị, vai trò và vị trí của con người trong hệ sinh thái tự nhiên, hệ sinh thái nông nghiệp, hệ sinh thái đô thị. Đề xuất được các giải pháp phát triển bền vững hệ sinh thái nhân văn. -Về kỹ năng: có khả năng phân tích được mối quan hệ tương tác qua lại giữa con	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		người và môi trường trong sinh thái nhân văn. Có khả năng thiết kế và lập kế hoạch các dự án nghiên cứu sinh thái nhân văn. -Về đạo đức nghề nghiệp: xác định được vai trò của con người như là một nhân tố sinh thái và tầm quan trọng của công tác bảo tồn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững			
7	Thực tập tin học ứng dụng	-Về kiến thức: Trình bày các kiểm định thống kê phù hợp cho các loại câu hỏi nghiên cứu khác nhau. Trình bày các kết quả đầu ra của phần mềm thống kê và chuẩn bị viết báo cáo cho kết quả phân tích số liệu: Sinh viên sử dụng phần mềm SPSS để thực hiện phân tích số liệu; phân tích được kết quả tính toán từ các kỹ thuật phân tích phổ biến hiện nay; tóm tắt và trình bày dữ liệu, phân tích số liệu nhị biến, phân tích tương quan hồi quy, phân tích nhân tố, kiểm định thang đo. Ứng dụng được viễn thám và GIS vào nghiên cứu các tai biến tự nhiên Sử dụng thông thạo các phần mềm xử lý ảnh viễn thám và GIS; ENVI, Mapinfo, QGIS. -Về kỹ năng: Sinh viên có kỹ năng sử dụng các phần mềm phân tích ảnh và GIS -Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên hình thành tinh thần cần cù, tỉ mỉ, sáng tạo, chính xác.		Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
8	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. -Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
2. HỆ DH6					
1	Biến đổi khí hậu ở Việt Nam	-Về kiến thức:Nhận thức được tình hình biến đổi khí hậu, sự thay đổi nhiệt độ, lượng mưa, mực nước biển, các hiện tượng thời tiết cực đoan tại các khu vực Việt Nam; Trình bày được các tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực như tài nguyên nước, hệ sinh thái và đa dạng sinh học, nông lâm ngư nghiệp, công nghiệp và dịch vụ, sức khỏe con người ... ở Việt Nam;Trình bày được các giải pháp ứng phó (thích ứng và giảm thiểu) với biến đổi khí hậu;Nắm được các phương pháp tính toán tính dễ bị tổn thương của các lĩnh vực, ngành nghề, khu vực nhạy cảm dưới tác động của biến đổi khí hậu. -Về kĩ năng:Phát triển kỹ năng tính toán, thu thập và xử lý thông tin;Rèn kỹ năng tự học, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng nghiên cứu khoa học; kỹ năng giải quyết vấn đề.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về đạo đức nghề nghiệp:Có nhận thức đúng về vai trò,trách nhiệm của bản thân đối với vấn đề biến đổi khí hậu ở Việt Nam,từ đó có hành động đúng đắn góp phần vào ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương;Có thái độ tích cực trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng đối với các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu.			
2	Biến đổi khí hậu tác động đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học	-Về kiến thức: Trình bày được các đặc trưng cơ bản của quần thể và quần xã sinh vật Trình bày và lấy được ví dụ về sự ảnh hưởng của một số nhân tố vô sinh đối với sinh vật. Trình bày và lấy được ví dụ về mối quan hệ giữa sinh vật với sinh vật trong hệ sinh thái Nêu được khái niệm về diễn thế sinh thái Giải thích được nguyên nhân diễn thế sinh thái Phát biểu được khái niệm Hệ sinh thái Trình bày được các tiêu chí phân loại hệ sinh thái .Trình bày và lấy được ví dụ về khả năng thích nghi của sinh vật trước sự thay đổi của môi trường.Nêu được khái niệm và trình bày được ý nghĩa của đa dạng sinh học và bảo vệ đa dạng sinh học.Phân biệt được các chỉ số đa dạng sinh học chủ yếu.Nêu được nguyên nhân, hiện trạng và hậu quả của sự suy thoái đa dạng sinh học trên thế giới.Trình bày được chu trình sinh địa hóa của một số nguyên tố cơ bản Nêu được nguyên nhân, cơ chế của Hiệu ứng nhà kính.Trình bày được sự ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới hệ sinh thái và đa dạng sinh học.Nêu được nội dung cơ bản của Công ước quốc tế về đa dạng sinh học.Trình bày và lấy được ví dụ chứng minh các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở Việt Nam -Về kĩ năng: Rèn kĩ năng thu thập và xử lý thông tin, phát triển kĩ năng tư duy logic Rèn kĩ năng giải quyết vấn đề, kĩ năng làm việc nhóm -Về đạo đức nghề nghiệp:Nâng cao ý thức bảo vệ đa dạng sinh học và vận động những người xung quanh có nghĩa vụ bảo	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		vệ đa dạng sinh học			
3	Các công ước quốc tế về biến đổi khí hậu	-Về kiến thức: Trình bày được bối cảnh các đàm phán và thỏa thuận quốc tế về BĐKH; Phân tích được những kỹ năng cần thiết trong đàm phán quốc tế về BĐKH; Trình bày và phân tích được các nội dung cơ bản của công ước và thỏa thuận quốc tế về BĐKH: Công ước khung của LHQ về BĐKH; Nghị định thư Kyoto; Phân tích được tiến trình đàm phán về BĐKH của Hội nghị các bên nước tham gia UNFCCC; Phân tích được thể chế và chính sách về BĐKH của các nhóm nước tham gia UNFCCC; Nêu được bối cảnh cũng như cơ hội và thách thức của Việt Nam tham gia các Cops. -Về kỹ năng: Rèn kỹ năng phân tích và đánh giá tầm quan trọng của quá trình đàm phán quốc tế về BĐKH; của các công ước và thỏa thuận quốc tế về BĐKH. Hình thành, phát triển một số kỹ năng trong học tập và đời sống (kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng giải quyết vấn đề...) Về đạo đức nghề nghiệp: Nhận thức được những nỗ lực quốc tế trong hoạt động ứng phó với BĐKH để có ý thức hơn nhằm hạn chế phát thải khí nhà kính.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Chính sách về biến đổi khí hậu phục vụ phát triển bền vững	-Về kiến thức: Hiểu được vai trò và sự phát triển của chính sách BĐKH. Nêu và trình bày được các luận điểm căn bản trong chính sách, chủ trương, chiến lược, kế hoạch hành động và các chương trình quốc gia về biến đổi khí hậu; Phân tích được các vai trò của chính sách BĐKH trong hoạt động điều chỉnh công tác ứng phó biến đổi khí hậu ở Việt Nam; -Về kỹ năng: Phát triển kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến chính sách biến đổi khí hậu; Thực hiện được quy trình phân tích và đánh giá chính sách biến đổi khí hậu.. Về thái độ: Xác định đúng về vai trò của cá nhân đối với công tác ứng phó biến đổi khí hậu nói chung, qua đó có hành động đúng đắn góp phần vào ứng	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		phó với biến đổi khí hậu ở địa phương; Có thái độ tích cực trong việc tuyên truyền các chính sách biến đổi khí hậu đến người dân địa phương, đồng thời nâng cao nhận thức cộng đồng đối với vấn đề biến đổi khí hậu.			
5	Hệ thống thông tin địa lý	-Về kiến thức: +Trình bày được các kiến thức cơ bản về khái niệm, các thành phần và chức năng cơ bản của GIS; + Khái quát chung về mô hình, Trình bày được về cấu trúc CSDL và mô hình số độ cao; phân tích được ưu nhược điểm của các mô hình dữ liệu; + Phân tích được các bước trong quy trình xây dựng CSDL trong GIS; trình bày được các kiến thức cơ bản về công tác chuẩn hoá dữ liệu; hiển thị và xuất dữ liệu; + Trình bày được quy trình xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu địa lý gồm các bước: thiết kết, tổ chức, nhập, đánh giá chất lượng, biên tập và chuẩn hóa CSDL địa lý;Trình bày được các phương pháp phân tích dữ liệu không gian cơ bản như: chồng xếp dữ liệu, đo đạc truy vấn...; + Trình bày một số dạng phân tích dữ liệu thuộc tính cơ bản. -Về kỹ năng: + Vận dụng các bài toán phân tích không gian của hệ thống thông tin địa lý vào nhiệm vụ cụ thể; + Vận dụng lý thuyết vào các bài thực hành, các bài thảo luận; -Về đạo đức nghề nghiệp: + Rèn luyện tác phong: cẩn thận, chính xác, trung thực; + Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Khí hậu Việt Nam	-Kiến thức: phân tích được tác động của những hệ thống khí hậu toàn cầu đến khu vực Đông Nam Á và Việt Nam; Phân tích và so sánh được ảnh hưởng của những nhân tố hình thành khí hậu đến một số yếu tố và hiện tượng khí hậu cơ bản theo không gian và thời gian; Phân tích và giải thích được đặc điểm của từng miền cũng như từng vùng khí trên lãnh thổ Việt Nam. -Kỹ năng: so sánh được sự giống và khác	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nhau giữa đặc điểm khí hậu của từng vùng trên lãnh thổ Việt Nam			Tự luận
7	Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng	-Về kiến thức: trình bày được các khái niệm cơ bản về kịch bản biến đổi khí hậu, quy trình xây dựng kịch bản và các phương pháp chủ đạo được áp dụng trong xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng. -Về kỹ năng: Áp dụng các kiến thức học được để đưa ra các phương án xây dựng một kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho một khu vực nhỏ. -Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thái độ nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập, thực hành và làm bài tập.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Mô hình hóa Khí hậu khu vực	-Về kiến thức: phải phân tích được các thành phần cấu tạo nên hệ thống khí hậu và các vấn đề xây dựng nên một mô hình hệ thống khí hậu toàn diện. -Về kỹ năng: áp dụng được cơ sở khoa học của việc xây dựng mô hình hệ thống khí hậu, tiến tới xây dựng các mô hình đơn giản cho các thành phần con trong hệ thống khí hậu và các ứng dụng của mô hình hệ thống khí hậu hiện nay. -Về đạo đức nghề nghiệp: nghiêm túc trong học tập, tăng khả năng tham khảo tài liệu và tiếp cận với thông tin qua mạng để có những thông tin mới.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Nguyên lý phát triển bền vững	-Về kiến thức: Trình bày được những thách thức về môi trường, kinh tế, xã hội và phát triển; Phân tích được tiến trình từ phát triển đến phát triển bền vững (PTBV); Trình bày được sự ra đời của khoa học bền vững và các khoa học liên quan tới PTBV; Trình bày được khái niệm PTBV, các nguyên tắc, nội dung và các tiêu chí của PTBV; Phân tích được các Bộ chỉ thị và chỉ tiêu giám sát đánh giá PTBV: Bộ chỉ thị PTBV của Ủy ban Liên Hợp Quốc; Bộ chỉ thị PTBV và Chỉ số đánh giá tính bền vững về Tài nguyên và Môi trường ở Việt Nam ESIVN; Bộ chỉ tiêu giám sát, đánh giá PTBV địa phương giai đoạn 2013 – 2020 của Việt Nam; Bộ tiêu chí đánh giá thành phố bền vững về môi trường của Việt Nam. Giải thích được Định hướng chiến	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		lược PTBV và Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng xanh của Việt Nam; Xác định được những thách thức đối với phát triển bền vững ở Việt Nam; Tự đề xuất được một số giải pháp để phát triển bền vững cho Việt Nam. -Về kĩ năng: Phân tích và đánh giá tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và sự phát triển có bền vững hay không ở các cấp độ; Hình thành một số kĩ năng trong học tập và đời sống (kĩ năng phân tích, tổng hợp, kĩ năng hệ thống hoá kiến thức, kĩ năng giải quyết vấn đề....) -Về thái độ: Nhận thức được về tầm quan trọng, tính tất yếu của phát triển bền vững.			
10	Phương pháp tiếp cận nghiên cứu biến đổi khí hậu	-Về kiến thức: Phân tích được tác động chủ yếu của biến đổi khí hậu tới các đối tượng và ngành theo các vùng địa lý. Trình bày được cách tiếp cận trong đánh giá của biến đổi khí hậu. Vận dụng được cách tổ chức thực hiện đánh giá tác động của biến đổi khí hậu. Nêu được các bước và vận dụng được các bước này trong quy trình đánh giá tác động của biến đổi khí hậu. Giải thích được cách tiếp cận trong việc xây dựng các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu. Kể tên và vận dụng được các bước trong quy trình xác định các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu -Về kĩ năng: Rèn kĩ năng phân tích, so sánh, tổng hợp. Rèn kĩ năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong học tập và đời sống -Về đạo đức nghề nghiệp: Nâng cao ý thức rèn luyện bảo vệ ngôi nhà chung của Trái Đất trước những tác động của biến đổi khí hậu	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu	-Về kiến thức: giới thiệu và trang bị cho sinh viên kiến thức về: Môi trường, tài nguyên thiên nhiên, các vấn đề suy thoái môi trường và tài nguyên thiên nhiên cũng như các giải pháp quản lý ứng phó với sự suy thoái; làm cơ sở cho việc quản lý và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường. Hiểu nguyên nhân tại sao phải quản lý tài nguyên thiên nhiên và môi trường trước sự biến đổi phức tạp của khí hậu toàn cầu và ở Việt Nam. Hiểu các quan điểm, mục tiêu của Nhà nước cũng	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		như các nhiệm vụ trọng tâm trong quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu. Đề xuất thực hiện các giải pháp chủ yếu trong quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu. -Về kĩ năng:có kiến thức về quản lý môi trường và tài nguyên thiên nhiên, kỹ năng làm việc theo nhóm để đưa ra các giải pháp quản lý tài nguyên và môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu. Về thái độ nghề nghiệp: Có thái độ nghiêm túc, khách quan, tổng quát trong các vấn đề liên quan đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu.			
12	Thực tập GIS	-Về kiến thức:Trình bày được vai trò, công dụng của phần mềm ArcGIS;Liệt kê được các thành phần ứng dụng và các chức năng cơ bản của ArcGIS;Kể ra được các bước trong quá trình xây dựng CSDL bằng ArcGIS;Liên hệ được với các kiến thức đã học trong thực hành. -Về kỹ năng: Thực hành thành thạo, vận dụng được và hoàn thành bài tập tạo cơ sở dữ liệu cơ bản, nhập dữ liệu sử dụng phần mềm ArcGIS;Thực hành thành thạo, vận dụng được và hoàn thành bài tập tạo bản đồ chuyên đề bằng ArcGIS;Thực hành thành thạo, vận dụng ArcGIS trong một số bài toán biến đổi khí hậu. -Về đạo đức nghề nghiệp:Chủ động, tích cực trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề;Phối hợp được khi làm việc theo nhóm;Yêu thích nội dung của môn học, tích cực tham khảo tài liệu.	2	Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
13	Tín chỉ rừng và cơ chế phát triển sạch	-Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, các tiêu chí và điều kiện thực hiện của Cơ chế phát triển sạch.Nêu được khái niệm về Hệ sinh thái rừng.Trình bày được bốn hệ thống phân loại rừng cơ bản. Phát biểu được khái niệm suy thoái rừng.Trình bày được các nguyên nhân cơ bản của suy thoái rừng .Trình bày được các kiểu thảm thực chủ yếu ở Việt Nam Phân biệt được các hệ sinh thái rừng chủ yếu ở Việt Nam. Giải thích được cách tiếp cận nghiên cứu về khả năng tích lũy cacbon của các kiểu thảm thực vật .Trình bày được các phương	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		pháp đánh giá khả năng tích lũy cacbon của các kiểu thảm thực vật - Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng quan sát, phân tích, so sánh, đánh giá. Rèn luyện kỹ năng nghiên cứu khoa học. Rèn kỹ năng thao tác trong phòng thí nghiệm và kỹ năng tính toán - Về thái độ: Bồi dưỡng ý thức bảo vệ thảm thực vật nói chung và bảo vệ rừng nói riêng. Rèn tính cẩn thận, nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học. Rèn kỹ năng thao tác trong phòng thí nghiệm và kỹ năng tính toán - Về đạo đức nghề nghiệp: Bồi dưỡng ý thức bảo vệ thảm thực vật nói chung và bảo vệ rừng nói riêng. Rèn tính cẩn thận, nghiêm túc trong nghiên cứu khoa học			
14	Tin học ứng dụng	- Về kiến thức: Phân tích được sự khác nhau cơ bản giữa hằng và biến, kiểu hằng và kiểu biến, gán hằng và gán biểu thức, đồng thời, liệt kê được các phép tính số học, các phép toán và các hàm thường được sử dụng trong Fortran; So sánh được sự khác nhau giữa các kiểu số liệu sử dụng trong ngôn ngữ lập trình Fortran, Grads, Suffer; Giải thích được ý nghĩa các tổ hợp lệnh được sử dụng trong ngôn ngữ lập trình Fortran, Grads, Suffer; So sánh được các câu lệnh cơ bản sử dụng trong ngôn ngữ lập trình Fortran, Grads, Suffer. - Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức đã học về Fortran, Grads, Suffer lập trình được một số bài toán đơn giản ứng dụng cho ngành biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. - Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành tinh thần cần cù, tỉ mỉ, sáng tạo, chính xác và làm việc nhóm.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
15	Truyền thông về biến đổi khí hậu	- Về kiến thức: + Trình bày được khái niệm, mô hình, đặc điểm, và nguyên tắc của truyền thông BDKH; + Biết được các hoạt động truyền thông BDKH đang diễn ra trên thế giới và ở Việt Nam + Nêu được các bước lập kế hoạch, giám sát và đánh giá hoạt động truyền thông - Về kỹ năng: + Hình thành và phát triển được kỹ năng truyền thông cá nhân, truyền thông nhóm và truyền thông đại chúng về các vấn đề liên quan đến biến đổi khí	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		hậu;+ Phát triển kỹ năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề liên quan đến truyền thông biến đổi khí hậu;+ Thực hiện được quy trình lập kế hoạch, tư vấn thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động truyền thông biến đổi khí hậu. -Về thái độ:+ Có nhận thức đúng về vai trò, nhiệm vụ của truyền thông BDKH; + Xác định đúng về vai trò của cá nhân đối với truyền thông biến đổi khí hậu, qua đó có hành động đúng đắn góp phần vào ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương;+ Có thái độ tích cực trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng đối với các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu.			
16	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. -Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			

3. HỆ DH7

1	Các quy luật địa lý chung của Trái đất	-Về kiến thức: Nhớ và hiểu được các nội dung cơ bản nhất về Trái Đất trong không gian, các chuyển động của Trái Đất, Các quy luật chung về Trái Đất và hệ quả của nó. Nhớ và hiểu được đặc điểm chính của các quyển (thạch quyển, khí quyển, thủy quyển, thổ quyển và sinh quyển). Hiểu và giải thích được các đới tự nhiên và các quy luật địa lý chung của Trái Đất. Giải thích, vận dụng được các nội dung đã học vào nghiên cứu biến đổi khí hậu và phát triển bền vững. -Về kỹ năng: Biết vận dụng các quy luật đã học để có cách nhìn tổng quan trong nghiên cứu, đặc biệt là nghiên cứu biến đổi khí hậu, phát triển bền vững. Nhận thức được vai trò của nghiên cứu Trái Đất, các quy luật địa lý chung của Trái Đất để vận dụng nghiên cứu sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. -Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ đúng đắn trong cách nhìn nhận về các quy luật tự nhiên và tác động của con người tới các thành phần tự nhiên. Trong khai thác, sử dụng tài nguyên cần tuân theo quy luật tự nhiên, cải tạo theo hướng có lợi; đồng thời, có định hướng hạn chế, khắc phục những tác động tiêu cực do con người gây nên đối với môi trường tự nhiên của Trái Đất.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Cơ sở viễn thám	-Về kiến thức: Trình bày được kiến thức tổng quan về viễn thám, bộ cảm biến và vệ tinh viễn thám; Phân biệt được các loại ảnh viễn thám (ảnh quang học, ảnh hồng ngoại và ảnh radar); trình bày được khái niệm, nguyên lý hoạt động, đặc điểm hình học, khả năng ứng dụng của các loại ảnh	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nói trên; các phương pháp xử lý ảnh viễn thám; thuật toán phân loại ảnh viễn thám;Giải thích được các công đoạn trong quy trình giải đoán và xử lý ảnh viễn thám; Về kỹ năng: Vận dụng được các chỉ số thống kê, hiển thị và tăng cường chất lượng ảnh, đăng ký tọa độ ảnh và thực hiện các phép biến đổi ảnh đơn giản;Chọn được vùng mẫu, chọn thuật toán thích hợp để tiến hành phân loại; đánh giá và ứng dụng kết quả đạt vào một vấn đề cụ thể;Vận dụng được phương pháp cập nhật thông tin cần thiết từ ảnh viễn thám để thành lập bản đồ chuyên đề và hiện chỉnh bản đồ địa hình. Sử dụng được các thuật toán khác nhau trong công tác xử lý ảnh viễn thám;Thực hiện được bài toán chuyển đổi hệ tọa độ trong đo ảnh, xác định quy luật biến dạng hình ảnh trên ảnh hàng không quang học -Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tác phong: cẩn thận, chính xác, trung thực;Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.			thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Con người và môi trường	- Về kiến thức: trình bày được các khái niệm môi trường và phân tích được mối quan hệ giữa con người và môi trường. Phân tích được quy luật tác động qua lại giữa con người và môi trường. Chỉ ra được những nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và hậu quả của ô nhiễm môi trường đến đời sống của con người. Đây mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường. - Về kỹ năng: phân tích được mối quan hệ tương tác qua lại giữa con người và môi trường. - Về đạo đức nghề nghiệp: xác định được vai trò của con người như là một nhân tố sinh thái và tầm quan trọng của công tác bảo tồn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
4	Dao động và biến đổi khí hậu	This curriculum integrates concepts from the earth and physical sciences as well as the most current data on climate systems to help students understand the phenomena of climate variations and climate change, the justification for these phenomena, and why these phenomena are both scientifically and socially important. Specially, the student objectives that frame the unit and are woven throughout the lesson plans are as follows: 1. Students will be able to explain the elements of climate variations and climate change (What are those?) 2. Students will be able to identify various sources of evidence used to chart climate variations and climate change; and apply the evidence to determine the proximate and ultimate causes. (What is responsible for climate variations and climate change and how do we know?) 3. Students will be able to analyze the impact of climate change on environmental and social systems. (Why does climate change matter?) 4. If possible (in advances), students will be able to compare climate change mitigation and adaptations strategies in light of environmental, economic, political, and ethical impact. (What can we do?) To achieve these goals, the curriculum has been divided into multi-day lesson plans for a total of 15 days of instruction. The lesson plans include a variety of both teacher-centered and student-centered activities ranging from lectures based on provided slides, teacher-led demonstrations, student-led investigations, and group analysis of data. Underlying these activities is a philosophy of learning by inquiry as well as justifying claims with evidence. To measure the achievement of the above goals, formative assessments are embedded throughout the unit as well as sets of questions applicable to particular topics. Two summative assessments are also included. Measuring student	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		achievement in a variety of ways provides a more valid picture of student understanding. The first summative assessment, a traditional test, includes multiple-choice items on the major concepts of the unit. It also includes 3 open-ended questions that push students to interpret data and apply their knowledge of the climate system to new, but related situations. The second summative assessment – perhaps the keystone of the entire unit – combines group and individual work that forces students to use their understanding of climate variations and climate change to make decisions about how society should cut carbon emissions. The curriculum is comprehensive in that it includes the activities, assessments, and materials to carry out an entire unit on climate variation and climate change. However, the curriculum is not intended to be prescriptive as teachers should feel free to exercise their professional judgment about modifying activities and lesson plans to suit their needs. At the end of this curriculum, students hopefully will gain: -Skills expected: Students understand the science basis of climate variations, climate changes, and climate projections; climate change in Vietnam and its adaptation and mitigation. - Attitudes expected: self-study, discussions and critical thinking.			
5	Khí hậu đại cương	- Kiến thức: phân tích được tác động của những hệ thống khí hậu toàn cầu đến khu vực Đông Nam Á; So sánh được ảnh hưởng của những nhân tố hình thành khí hậu đến một số yếu tố và hiện tượng khí hậu cơ bản theo không gian và thời gian; Giải thích được đặc điểm của từng vùng khí hậu trên toàn cầu. - Kỹ năng: so sánh được đặc điểm khí hậu của từng vùng trên toàn cầu	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
6	Khí tượng cơ sở	-Kiến thức: phân tích được ý nghĩa của các phương trình trạng thái của không khí, phương trình tĩnh học cũng như các công thức khí áp,...; Giải thích được sự biến thiên của nhiệt độ mặt đất, mặt nước và không khí; Phân tích được nguyên nhân gây ra chuyển động của F78 không khí trong khí quyển; Phân biệt được một số hiện tượng được hình thành do sự ngưng kết của hơi nước trong khí quyển. -Kỹ năng: áp dụng những công thức đã học để làm các bài tập có ý nghĩa thực tiễn; Quan sát, nhận biết và phân biệt một số hiện tượng khí tượng.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Khí tượng động lực	-Kiến thức: hiểu được ý nghĩa vật lý các thành phần trong phương trình thiết lập được, các khái niệm về hoàn lưu, xoáy, gió trong lớp biên hành tinh; phân tích được đặc điểm động lực học xảy ra ở vùng nhiệt đới. -Kỹ năng: thiết lập các phương trình cơ bản, hiểu được bản chất của hoàn lưu, xoáy, gió trong lớp biên khí quyển.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Pháp luật bảo vệ môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được một cách khoa học các vấn đề cơ bản của pháp luật về bảo vệ môi trường trong kinh doanh -Về kỹ năng: Nhận diện và vận dụng được các kiến thức pháp lý về bảo vệ môi trường lĩnh vực sản xuất kinh doanh vào thực tế; Vận dụng được kiến thức vào các hoạt động xây dựng chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường trong sản xuất kinh doanh. -Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng và phát triển được ý thức tôn trọng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh; Xác định và áp dụng được thái độ đúng đắn, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Sinh thái học môi trường	-Về kiến thức: trình bày được các khái niệm, quy luật sinh thái cơ bản, mối quan hệ giữa các sinh vật với nhau và với điều kiện môi trường. Hiểu và phân tích được chu trình sinh thái cơ bản và dòng năng lượng trong hệ sinh thái.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về kỹ năng: phân tích được cấu trúc và chức năng của quần thể, quần xã, hệ sinh thái và sinh quyển,..., mối quan hệ tương tác qua lại giữa các thành phần trong hệ sinh thái, các hệ sinh thái chính, các hệ sinh thái ở Việt Nam. -Về đạo đức nghề nghiệp: xác định được vai trò của con người như là một nhân tố sinh thái và tầm quan trọng của công tác bảo tồn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Tiếng Anh chuyên ngành	-Về kiến thức: Trình bày một số chủ đề thông dụng liên quan đến chuyên ngành Biến đổi Khí hậu và Phát triển Bền vững bằng tiếng Anh. Nhận diện được các thuật ngữ sử dụng trong các tài liệu chuyên ngành vào các hoạt động liên quan đến chuyên ngành kế toán. Áp dụng được các kiến thức ngữ pháp được cung cấp kèm theo các bài đọc. Về kỹ năng : + kỹ năng đọc: sử dụng kỹ năng đọc lướt nhanh để lấy thông tin chính cho các bài tập đọc hiểu và tìm từ khóa để lấy thông tin chi tiết; Có khả năng phân tích thông tin trong các tài liệu có liên quan đến chuyên ngành BDKH và PTBV; Xác định được các kết luận chính được chỉ rõ ra trong các bài báo, thông tư hay đoạn văn; + kỹ năng nghe: Nghe và trả lời các câu hỏi có liên quan tới các đoạn h thoại, bài thuyết trình về chủ đề BDKH và PTBV nghe; +Kỹ năng nói: Thảo luận một số chủ đề liên quan tới chuyên ngành BDKH và PTBV; Thuyết trình về một số chủ đề đã học theo nhóm +Kỹ năng viết: Tóm tắt lại nội dung các bài đã học bằng văn bản +Kỹ năng dịch: Chuyển ngữ được một số câu đơn, câu phức, câu ghép về lĩnh vực BDKH và PTBV từ tiếng Anh sang tiếng Việt +Các nhóm kỹ năng khác: Sử dụng thành thạo các kỹ năng tổng hợp, phân tích và làm việc nhóm; Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng Internet để phục vụ cho việc học tập môn tiếng Anh chuyên	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		ngành kế toán. -Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng ý thức tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh để nâng cao kiến thức chuyên ngành và cập nhật tình hình phát triển ngành Biến đổi Khí hậu và Phát triển Bền vững trên thế giới. Xây dựng tính kỷ luật, tự giác và nghiêm túc trong học tập.			
11	Tư tưởng Hồ Chí Minh	-Về kiến thức: Trình bày được cơ sở khoa học hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; phân tích được những nội dung cơ bản và giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh, đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng bảo vệ Tổ quốc trong các giai đoạn của cách mạng Việt Nam. -Về kỹ năng: vận dụng lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới. -Về đạo đức nghề nghiệp: Bồi dưỡng, hun đúc lòng yêu nước và các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, nâng cao lòng tự hào về Bác Hồ, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, xây dựng lý tưởng sống cao đẹp, biến lý tưởng thành hành vi cụ thể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
12	Cơ sở viễn thám	-Về kiến thức: Trình bày được kiến thức tổng quan về viễn thám, bộ cảm biến và vệ tinh viễn thám; Phân biệt được các loại ảnh viễn thám (ảnh quang học, ảnh hồng ngoại và ảnh radar); trình bày được khái niệm, nguyên lý hoạt động, đặc điểm hình học, khả năng ứng dụng của các loại ảnh nói trên; các phương pháp xử lý ảnh viễn thám; thuật toán phân loại ảnh viễn thám; Giải thích được các công đoạn trong quy trình giải đoán và xử lý ảnh viễn thám; -Về kỹ năng: Vận dụng được các chỉ số thống kê, hiển thị và tăng cường chất lượng ảnh, đăng ký tọa độ ảnh và thực hiện các phép biến đổi ảnh đơn giản; Chọn được vùng mẫu, chọn thuật toán thích hợp để tiến hành phân loại; đánh giá và ứng dụng kết quả đạt vào một vấn đề cụ thể; Vận dụng được phương pháp cập nhật thông tin cần thiết từ ảnh viễn thám để thành lập bản đồ chuyên đề	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		và hiện chỉnh bản đồ địa hình. Sử dụng được các thuật toán khác nhau trong công tác xử lý ảnh viễn thám; Thực hiện được bài toán chuyển đổi hệ tọa độ trong đo ảnh, xác định quy luật biến dạng hình ảnh trên ảnh hàng không quang học -Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tác phong: cẩn thận, chính xác, trung thực; Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.			
13	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. -Về kỹ năng: +Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. +Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. +Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp:	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
14	Bản đồ học	-Về kiến thức: Trình bày được định nghĩa, các đặc tính cơ bản của bản đồ, các dấu hiệu phân loại bản đồ. Trình bày được khái niệm phép chiếu bản đồ và những công thức cơ bản về biến dạng của phép chiếu, các loại phép chiếu, cách xây dựng và đặc điểm của hai phép chiếu Gauss và UTM. Trình bày được các khái niệm cơ bản về ký hiệu bản đồ, khái niệm tổng quát hoá nội dung bản đồ, các nhân tố ảnh hưởng tới tổng quát hoá bản đồ và các phương pháp tổng quát hoá bản đồ. Trình bày được khái niệm bản đồ số, các phần mềm số hoá bản đồ; Trình bày được định nghĩa, nội dung của bản đồ chuyên đề. Liệt kê được các phương pháp biểu thị nội dung bản đồ chuyên đề. Và được giới thiệu về một số bản đồ chuyên đề trong biên giới khí hậu. -Về kỹ năng: Phân biệt và nhận biết được các loại bản đồ với nhau và với các loại tranh ảnh mô tả địa lý khác; Áp dụng được các nguyên tắc chia mảnh đánh số bản đồ địa hình để làm bài tập; Làm được bài tập chia mảnh đánh số bản đồ địa hình thành thạo; Trình bày ký hiệu bản đồ theo đúng quy định; Xác lập số liệu áp dụng làm bài tập theo dạng, tự nghiên cứu tài liệu liên quan đến môn học. -Về đạo đức nghề nghiệp: Chủ động, tích cực trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề; Phối hợp được khi làm việc theo nhóm; Yêu thích nội dung của môn học, tích cực tham khảo tài liệu.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
15	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	-Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, vai trò và ý nghĩa đường lối của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; phân tích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được quá trình hình thành và những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay. -Về kỹ năng: Trình bày, thuyết trình được	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội; phân tích, vận dụng được vào thực tiễn lĩnh vực được đào tạo. -Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng được tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào đối với Đảng ta, tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng; xác định được trách nhiệm của cá nhân đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng được thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và làm việc.			Tự luận
4. HỆ DH8					
1	Logic đại cương	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về logic học, giải thích và áp dụng lý thuyết để giải được các bài tập logic cơ bản Về kỹ năng: Vận dụng logic vào việc nghiên cứu, học tập để hình thành và phát triển tư duy khoa học và hoạt động nghề nghiệp trong tương lai -Về đạo đức, nghề nghiệp: Xây dựng được thói quen tư duy logic. Hình thành thái độ khách quan, khoa học trong nhận thức sự vật hiện tượng	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Logic đại cương	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về logic học, giải thích và áp dụng lý thuyết để giải được các bài tập logic cơ bản Về kỹ năng: Vận dụng logic vào việc nghiên cứu, học tập để hình thành và phát triển tư duy khoa học và hoạt động nghề nghiệp trong tương lai -Về đạo đức, nghề nghiệp: Xây dựng được thói quen tư duy logic. Hình thành thái độ khách quan, khoa học trong nhận thức sự vật hiện tượng	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	-Về kiến thức: Trình bày và Giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học -Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. -Về đạo đức nghề nghiệp: Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		chung nhất			- Hình thức thi: Tự luận
4	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	-Về kiến thức: Trình bày và Giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học -Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. -Về đạo đức nghề nghiệp: Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Từng bước xác lập thể giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Pháp luật đại cương	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. -Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống. -Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm
6	Pháp luật đại cương	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống. -Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.			
7	Phương pháp nghiên cứu sinh thái – môi trường	-Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm trong đề tài nghiên cứu khoa học: tên đề tài, đối tượng nghiên cứu, phạm vi nghiên cứu, mục đích nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, nội dung nghiên cứu, phương pháp luận, phương pháp thu thập số liệu, Kết quả nghiên cứu, kết luận và kiến nghị, tài liệu tham khảo. Trình bày được các vấn đề nghiên cứu về sinh thái môi trường; Trình bày được các bước cơ bản trong trình tự logic của nghiên cứu Sinh thái môi trường; Vận dụng được các phương pháp thu thập số liệu trong nghiên cứu khoa học; cách trình bày kết quả, số liệu trong nghiên cứu. -Về kỹ năng: Vận dụng được các phương pháp phát hiện "vấn đề" khoa học và trình bày "giải thuyết" khoa học cho 1 đề tài nghiên cứu cụ thể; Vận dụng kiến thức cơ bản để lập kế hoạch nghiên cứu, lập đề cương nghiên cứu. -Về đạo đức nghề nghiệp: Người học có thái độ nghiêm túc trong nghiên cứu, đạo đức trung thực đối với kết quả nghiên cứu.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Thủy văn đại cương	- Về kiến thức: trình bày và phân tích được các khái niệm cơ bản nhất về thủy văn học; Tuần hoàn, cân bằng nước trên trái đất; Sự hình thành và tính toán dòng chảy trong sông; Sự diễn biến lòng sông; Chế độ thủy văn vùng sông ảnh hưởng thủy triều; Hồ và đầm lầy. - Về kỹ năng: Áp dụng các quy luật thủy văn để nghiên cứu diễn biến lòng sông, thiết lập được phương trình cân bằng nước, tính toán các đặc trưng của sông và lưu vực sông, tính toán các đặc trưng dòng chảy, tính lượng mưa bình quân lưu vực. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.'	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
9	Toán cao cấp 1	- Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương, các mặt bậc hai, hàm số một biến số làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. - Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Xác suất thống kê	- Về kiến thức: trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu. - Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình. - Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thói quen tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Thủy văn đại cương	- Về kiến thức: trình bày và phân tích được các khái niệm cơ bản nhất về thủy văn học; Tuần hoàn, cân bằng nước trên trái đất; Sự hình thành và tính toán dòng chảy trong sông; Sự diễn biến lòng sông; Chế độ thủy văn vùng sông ảnh hưởng thủy triều; Hồ và đầm lầy. - Về kỹ năng: Áp dụng các quy luật thủy văn để nghiên cứu diễn biến lòng sông, thiết lập được phương trình cân bằng nước, tính toán các đặc trưng của sông và lưu vực sông, tính toán các đặc trưng dòng chảy, tính lượng mưa bình quân lưu vực. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
12	Toán cao cấp 2	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến, Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2, Phương trình vi phân cấp một và phương trình vi phân cấp 2 làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. -Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
13	Vật lý đại cương	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về cơ học, nhiệt học, điện học, quang học, vật lý lượng tử..., từ đó sinh viên biết phân tích và giải thích được sự vận động khách quan của sự vật hiện tượng trong đời sống và làm cơ sở tiếp thu trong từng chuyên ngành cụ thể. -về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng học tập theo nhóm; phương pháp học tập cá nhân như: nghe giảng, ghi chép, làm bài tập trên lớp và ở nhà; phương pháp học và tự học; kỹ năng tư duy khoa học. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực học tập và tự học, tự tìm hiểu tài liệu để nghiên cứu thêm và ứng dụng vào ngành nghề cụ thể.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
14	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	-Về kiến thức: trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác -Về đạo đức nghề nghiệp: Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
15	Hóa học đại cương	-Về kiến thức: phát biểu được các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, đồng thời trình bày được các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương, vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo. -Về kỹ năng: áp dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các dạng bài tập trong chương trình. Áp dụng kiến thức đã học vào các hoạt động thực tiễn có liên quan đến hoá học. -Về đạo đức nghề nghiệp: Hình thành ý thức tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. Trau dồi khả năng vận dụng kiến thức của các môn học có liên quan với nhau.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
VI. Ngành Công nghệ thông tin					
1. HỆ DH5					
1	An toàn và bảo mật thông tin	- Về kiến thức: Trình bày, xác định và trang bị kiến thức phát triển an toàn được hệ thống mạng, điều khiển việc truy cập và các hệ thống, thiết lập và duy trì các chính sách nhằm đảm bảo an ninh, quản lý khóa, các vấn đề liên quan đến quản trị và kiểm soát, và vấn đề ngăn chặn và xử lý các phần mềm độc hại. -Về kỹ năng: Phát triển và làm chủ được cách thức để xây dựng và duy trì một hệ thống thông tin an toàn, ngăn ngừa các thức tấn công mạng và cách thức đối phó từ xâm nhập mạng -Về thái độ: yêu thích và đam mê lĩnh vực an ninh mạng, có quyết tâm học tập nâng cao trình độ và chuyên sâu về chuyên ngành	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Chuyên đề 2: Tin học ứng dụng trong các lĩnh vực Tài nguyên môi trường	-Về kiến thức: trình bày được các kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin, hệ thống thông tin tài nguyên môi trường, phương pháp xây dựng, thiết kế hệ thống thông tin trong các lĩnh vực tài nguyên môi trường,... - Về kỹ năng: Học xong học phần này, sinh viên có thể sử dụng được một số hệ thống phần mềm phổ biến trong ngành. Vận dụng được kiến thức đã học để xây dựng cơ sở dữ liệu, bước đầu phát triển được một số phần mềm đơn giản sử dụng trong ngành tài nguyên môi trường	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về đạo đức nghề nghiệp: Chăm chỉ, chính xác trong phân tích, thiết kế; nâng cao tính tích cực trong học và tự học.			
3	Lập trình mạng	- Về kiến thức: Kiến thức cơ bản về các kỹ thuật lập trình mạng với ngôn ngữ Java; Giúp sinh viên phát triển ứng dụng với kỹ thuật lập trình mạng với Spring Core, lập trình ứng dụng dịch vụ web với Spring MVC, Hibernate; Giúp sinh viên hát triển ứng dụng các kỹ thuật khác như lập trình mạng với cơ sở dữ liệu JDBC, kỹ thuật lập trình mạng an toàn bảo mật. - Về kỹ năng: phân tích các kỹ năng làm chủ các kỹ thuật lập trình mạng; Có khả năng sử dụng các thư viện hỗ trợ lập trình dịch vụ web cho các hệ thống phần mềm ứng dụng; Khả năng phối hợp nhóm'	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
4	Linux và phần mềm mã nguồn mở	- Về kiến thức: Trình bày, phân loại về phần mềm tự do, phần mềm nguồn mở, mô hình phát triển phần mềm mã nguồn mở, các tiện ích thường được dùng để phát triển phần mềm mã nguồn mở, kỹ thuật cơ bản về lập trình shell script và quản trị hệ thống mạng trên môi trường Linux. - Về kỹ năng: Làm chủ một trong những hệ thống mã nguồn mở tiêu biểu là hệ điều hành Linux. Có khả năng xây dựng, phát triển và triển khai ứng dụng dựa trên hệ thống mã nguồn mở, và quản trị thành thạo hệ thống mạng mã nguồn mở thông dụng. - Về thái độ: yêu thích và đam mê lĩnh vực phát triển mã nguồn mở, có quyết tâm học tập nâng cao trình độ và chuyên sâu về chuyên ngành'	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Trí tuệ nhân tạo	-Về Kiến thức: Trình bày, xác định và phân tích được các phương pháp biểu diễn, suy diễn, xử lý tri thức. -Về Kỹ năng: Phác thảo được một số bài toán ứng dụng trí tuệ nhân tạo. -Về đạo đức nghề nghiệp: yêu thích và đam mê lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, có ý thức học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
6	Xử lý ảnh viễn thám	- Về kiến thức: Trình bày, phân loại được các khái niệm cơ bản của ảnh viễn thám, các phương pháp và kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám, mô tả, phân tích và tính toán các giải thuật được sử dụng trong xử lý ảnh viễn thám. - Về kỹ năng: Vận dụng và mô tả một cách linh hoạt các kỹ năng cơ bản về xử lý ảnh viễn thám, sử dụng thành thạo các phần mềm tiện ích, đồng thời áp dụng các ngôn ngữ lập trình thực hiện cài đặt các thuật toán xử lý ảnh viễn thám, phát triển thành các module tích hợp hay các phần mềm tiện ích. -Về đạo đức nghề nghiệp: yêu thích và đam mê lĩnh vực xử lý ảnh viễn thám, có ý thức học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn.'	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

2. HỆ DH6

1	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	- Về kiến thức: Trình bày, xác định và trang bị kiến thức phát triển an toàn được hệ thống mạng, điều khiển việc truy cập và các hệ thống, thiết lập và duy trì các chính sách nhằm đảm bảo an ninh, các kỹ thuật mã hóa và xác thực thông tin, các vấn đề liên quan đến quản trị và kiểm soát, và vấn đề ngăn chặn và xử lý các phần mềm độc hại. - Về kỹ năng: Phát triển và làm chủ được cách thức để xây dựng và duy trì một hệ thống thông tin an toàn, ngăn ngừa các thức tấn công mạng và cách thức đối phó từ xâm nhập mạng - Về thái độ: yêu thích và đam mê lĩnh vực an ninh mạng, có quyết tâm học tập nâng cao trình độ và chuyên sâu về chuyên ngành	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Công nghệ Java	-Về kiến thức: kiến thức phát triển ứng dụng bằng Java cho sinh viên. Sau khi học xong sinh viên phát triển các ứng dụng với các công nghệ khác nhau của Java. -Về kỹ năng: Thiết kế, xây dựng và triển khai được ứng dụng với Java; Phát triển được một dự án nhỏ có sử dụng một số Framework; Triển khai được một dự án sử dụng các kiểu CSDL khác nhau, khả năng làm việc nhóm (cộng tác, thảo luận...) giữa các thành viên khác nhau	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Công nghệ phần mềm	- Về kiến thức: Trình bày, so sánh và phân loại được các khái niệm cơ bản về công nghệ phần mềm, các phương pháp, các qui trình và các công cụ hỗ trợ trong quá trình phát triển phần mềm. - Về kỹ năng: Vận dụng một cách linh hoạt, phù hợp các phương pháp, thủ tục, công cụ vào thực tế để phát triển các dự án xây dựng phần mềm. Sinh viên có thể phân tích, xây dựng và thiết kế được các kịch bản kiểm thử và các bước thực hiện trong quy trình kiểm thử phần mềm. - Về đạo đức nghề nghiệp: yêu thích lĩnh vực công nghệ phần mềm, có ý thức tìm tòi học hỏi nâng cao năng lực, trình độ của mình.'	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Công nghệ XML và JSON	- Về kiến thức: Trình bày được, diễn giải được những kiến thức cơ bản về công nghệ XML, mô hình dữ liệu XML, ngôn ngữ thao tác và ngôn ngữ định nghĩa XML và JSON. - Về kỹ năng: Mô tả và thao tác được với mô hình dữ liệu XML, định nghĩa kiểu dữ liệu DTD và kiểm tra tính hợp lệ; sử dụng được công cụ tự động sinh XML từ cơ sở dữ liệu để xây dựng những trang Web với công nghệ XML. Thao tác và xử lý được với dữ liệu JSON - Về đạo đức nghề nghiệp: Tạo cho sinh viên tinh thần phấn khởi, tin tưởng và yêu thích học phần, ngành học.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
5	Công nghệ.Net	- Về kiến thức: Trình bày được, diễn giải được những kiến thức cơ bản về kiến trúc, phạm vi ứng dụng và đặc trưng công nghệ .Net. Kiến thức cơ bản về lập trình C#, lập trình hướng đối tượng C#, kiến trúc ADO.Net và Entity Framework - Về kỹ năng: Vận dụng ngôn ngữ lập trình C# và ADO.Net vào các ứng dụng thực tế. Tương tác với CSDL SQL Server, Oracle,.....Sử dụng Visual Studio để thiết kế các giao diện phần mềm, thiết kế các báo theo yêu cầu. - Về đạo đức nghề nghiệp: Kiên trì, chăm chỉ học trên lớp và tự học; làm bài tập, làm bài thực hành trên máy tính.'	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
6	Kỹ thuật xử lý ảnh viễn thám	- Về kiến thức: Trình bày, phân loại được các khái niệm cơ bản của ảnh viễn thám, các phương pháp và kỹ thuật xử lý ảnh	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
	và ứng dụng	viễn thám, mô tả, phân tích và tính toán các giải thuật được sử dụng trong xử lý ảnh viễn thám. - Về kỹ năng: Vận dụng và mô tả một cách linh hoạt các kỹ năng cơ bản về xử lý ảnh viễn thám, sử dụng thành thạo các phần mềm tiện ích, đồng thời áp dụng các ngôn ngữ lập trình thực hiện cài đặt các thuật toán xử lý ảnh viễn thám, phát triển thành các module tích hợp hay các phần mềm tiện ích. -Về đạo đức nghề nghiệp: yêu thích và đam mê lĩnh vực xử lý ảnh viễn thám, có ý thức học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn.'			Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
7	Linux và phần mềm nguồn mở	- Về kiến thức: Trình bày, phân loại về phần mềm tự do, phần mềm nguồn mở, mô hình phát triển phần mềm mã nguồn mở, các tiện ích thường được dùng để phát triển phần mềm mã nguồn mở, kỹ thuật cơ bản về lập trình shell script và quản trị hệ thống mạng trên môi trường Linux. -Về kỹ năng: Làm chủ một trong những hệ thống mã nguồn mở tiêu biểu là hệ điều hành Linux. Có khả năng xây dựng, phát triển và triển khai ứng dụng dựa trên hệ thống mã nguồn mở, và quản trị thành thạo hệ thống mạng mã nguồn mở thông dụng. -Về đạo đức nghề nghiệp: yêu thích và đam mê lĩnh vực phát triển mã nguồn mở, có quyết tâm học tập nâng cao trình độ và chuyên sâu về chuyên ngành	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Lý thuyết thông tin	-Về kiến thức: +Phân biệt được các khái niệm về về thông tin, Entropy, Entropy có điều kiện, Độ đo lượng tin. Vận dụng giải quyết các bài toán về xác định lượng tin. +Phân biệt và xác định được khái niệm về mã tách được, mã không tách được, mã hóa tối ưu Huffman. Giải thích định lý mã hóa Shannon (1948). Vận dụng lý thuyết mã hóa để phân biệt thiết bị mã hóa và giải mã Xyclic. Từ đây, các sinh viên có thể tự nghiên cứu các mã khác để vận dụng cho việc mã hóa và bảo mật thông tin một cách hiệu quả. -Về kỹ năng:Tự học, tự nghiên cứu, thuyết trình. Sau mỗi chương học, trình bày các khái niệm, các định nghĩa, các	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		công thức tính toán và vận dụng giải các bài toán có tính chất tổng hợp được giới thiệu ở cuối chương. -Về đạo đức nghề nghiệp:Nghiêm túc, cần cù và tự giác trong học tập, nghiên cứu, có khả năng làm việc độc lập.'			
9	Nguyên lý Hệ điều hành	-Về kiến thức: Trình bày, xác định và phân tích được nguyên lý thiết kế, tổ chức chung của Hệ điều hành cho các hệ thống tính toán. - Về kỹ năng: Thiết kế, xây dựng được một số chức năng tổ chức, quản lý, cấp phát tài nguyên của hệ thống cho các ứng dụng bao gồm: CPU, Bộ nhớ, Thiết bị ngoại vi.... - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và ngành nghề. Sinh viên yêu thích ngành nghề lập trình, phát triển ứng dụng.'	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần:Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm
10	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	- Về kiến thức: Trình bày, xác định, phân tích được HTTT theo phương pháp hướng đối tượng, các qui Trình phát triển phần mềm (Thác nước và qui Trình thống nhất), các khái niệm cơ bản Về ngôn ngữ UML, tác dụng và cách xây dựng các loại biểu đồ trong UML - Về kỹ năng: Phân tích và thiết kế được một hệ thống thông tin cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự chuyên cần, say mê học tập nâng cao Trình độ và chuyên sâu về chuyên ngành Công nghệ thông tin. Rèn luyện tính tự chủ, phát huy khả năng sáng tạo, tập luyện cách tư duy đúng đắn, phát huy trách nhiệm khi làm việc cá nhân và đặc biệt khi làm việc theo nhóm'	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
11	Phát triển hệ thống thông tin địa lý	- Về kiến thức: xác định, phân tích được những kiến thức cơ bản về GIS và các ứng dụng của GIS trong các lĩnh vực, đặc biệt trong ngành TNMT. Sinh viên trình bày được các thuật toán được sử dụng với dữ liệu của GIS, trên cơ sở đó phát triển thêm các thuật toán bổ sung. - Về kỹ năng: Sử dụng một số phần mềm GIS phổ biến trong ngành Tài nguyên Môi trường. Vận dụng được các kiến thức lý thuyết để lập trình thuật toán với dữ liệu GIS và có khả năng xây dựng được các ứng dụng GIS đơn giản	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về đạo đức nghề nghiệp: Tự giác trong học tập, yêu thích học phần và trên cơ sở kiến thức đã tích lũy được, sinh viên tự nghiên cứu những lĩnh vực ứng dụng có liên quan.			
12	Phát triển ứng dụng trên nền Web	- Về kiến thức: Kiến thức cơ bản về các khái niệm, kỹ thuật cơ bản về lập trình trên môi trường web, ngôn ngữ HTML, JavaScript, ngôn ngữ lập trình PHP, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, cơ bản về Angular. -Về kỹ năng: Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ HTML, JavaScript, ngôn ngữ lập trình PHP, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL để xây dựng các ứng dụng trên nền web. Kỹ năng lập trình cơ bản về Angular. Về đạo đức nghề nghiệp: yêu thích công việc lập trình web, có ý thức tìm tòi học hỏi nâng cao năng lực, trình độ của mình.'	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
13	Tin học ứng dụng tài nguyên và môi trường	-Về kiến thức: Trình bày một số kiến thức ứng dụng CNTT trong lĩnh vực TNMT. Áp dụng xây dựng được cơ sở dữ liệu, giải quyết bài toán giám sát, quản lý tài nguyên thiên nhiên môi trường. -Về kỹ năng: Học xong học phần này, sinh viên có thể áp dụng kiến thức đã học để xây dựng, thiết kế, tích hợp CSDL. Phân tích một số vấn đề đặt ra trong ngành TNMT ở nước ta hiện nay. -Về đạo đức nghề nghiệp: Chăm chỉ, chính xác trong phân tích, thiết kế; nâng cao tính tích cực trong học và tự học.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
14	Trí tuệ nhân tạo	- Kiến thức: Môn học trình bày các Kiến thức cơ bản về trí tuệ nhân tạo, các phương pháp biểu diễn, suy diễn, xử lý trí thức. -Kỹ năng: học xong học phần này thì sinh viên có thể giải quyết một số bài toán ứng dụng trí tuệ nhân tạo. -Thái độ, chuyên cần: sinh viên tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết, thảo luận và bài tập. sinh viên tham khảo các nguồn Kiến thức và ứng dụng về trí tuệ nhân tạo theo sự gợi mở của người dạy. -Đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự chuyên cần, say mê học tập nâng cao trình độ và chuyên sâu về chuyên ngành Công nghệ Thông tin.'	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
15	Xây dựng hệ thống nhúng	-Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức Về các hệ thống nhúng, việc thiết kế, cài đặt các hệ thống nhúng và ứng dụng trong thực tế. - Về kỹ năng: Phân tích, thiết kế các hệ thống nhúng đơn giản trong thực tế. -Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự chuyên cần, có khả năng tự nghiên cứu để nâng cao Trình độ'	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
16	Xử lý ảnh	- Về kiến thức: Trình bày, phân loại được các khái niệm cơ bản về xử lý ảnh, các phương pháp phân tích và xử lý ảnh số, phác thảo được về các ứng dụng xử lý ảnh trong thực tế. - Về kỹ năng: Vận dụng và mô tả một cách linh hoạt các kỹ năng cơ bản vào việc lập trình cho các thuật toán xử lý ảnh số. -Về đạo đức nghề nghiệp: yêu thích và đam mê lĩnh vực xử lý ảnh, có ý thức học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn.'	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3. HỆ DH7					
1	Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật	-Về kiến thức: + Tư duy xây dựng các giải thuật và lập trình + Các cấu trúc thuật toán (giải thuật) cơ bản + Các cấu trúc dữ liệu tuyến tính + Các cấu trúc dữ liệu phi tuyến + Các giải thuật sắp xếp, tìm kiếm cơ bản và nâng cao. -Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để xây dựng chương trình cho các bài toán đơn giản và nâng cao bằng một ngôn ngữ lập trình căn bản. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Sinh viên hăng hái, nhiệt tình tham gia đầy đủ các tiết học, các buổi thảo luận nhóm. + Rèn luyện kỹ năng phân tích, giải quyết một bài toán cụ thể.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm
2	Kiến trúc máy tính	-Về kiến thức: Trình bày được cấu trúc chung của máy vi tính; cấu tạo, nguyên tắc hoạt động và các đặc tính kỹ thuật; Nhận diện được các linh kiện và thiết bị cấu thành máy vi tính. Vận dụng được các tập lệnh và nguyên tắc điều khiển trong máy tính.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về kỹ năng: Giải thích, phân tích các linh kiện của máy tính và nguyên tắc hoạt động của phần cứng máy tính, áp dụng vào kỹ năng lập trình hệ thống. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo quyết tâm học tập nâng cao trình độ và chuyên sâu về công nghệ thông tin.'			thức học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. -Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
4	Kỹ thuật đồ họa máy tính	- Về kiến thức: Trình bày, phân loại được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật đồ họa máy tính bao gồm: kiến trúc hệ đồ họa máy tính, các giải thuật cơ bản trong đồ họa, các giải thuật, kỹ thuật biến đổi đồ họa 2D và 3D. Sử dụng ngôn ngữ lập trình cài đặt các giải thuật lý thuyết đã học trong các chương, từ đó xây dựng các ứng dụng hay nghiên cứu phát triển về kỹ thuật đồ họa. -Về kỹ năng: Vận dụng và mô tả một cách linh hoạt các kiến thức cơ bản về đồ họa 2D và 3D. Rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng phát triển các ứng dụng đồ họa thông qua các bài tập lớn, khả năng đọc diễn giải tài liệu chuyên ngành bằng tiếng anh -Về đạo đức nghề nghiệp: yêu thích và đam mê lĩnh vực đồ họa, có ý thức học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn.'	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Kỹ thuật vi xử lý	-Về kiến thức: Trình bày được những nguyên lý cơ bản và các đặc trưng và các kiến thức nền tảng về vi xử lý, hệ vi xử lý và vi điều khiển. -Về kỹ năng: Lập trình hợp ngữ cho họ vi xử lý 80x86 của Intel.Phân tích và thiết kế hệ thống module nhớ sử dụng trong hệ vi xử lý.Phân tích và thiết kế một bộ xi xử lý và hệ vi xử lý cho một ứng dụng cụ thể trong thực tế -Về đạo đức nghề nghiệp:Trung thực, cần cù, có ý thức học hỏi nâng cao trình độ.'	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Lập trình hướng đối tượng	-Về kiến thức: chỉ ra các nguyên lý, cách tiếp cận và phương pháp lập trình hướng đối tượng, các vấn đề kế thừa và đa hình, đồng thời áp dụng những nguyên lý đó xây dựng những ứng dụng lập trình giao diện với ngôn ngữ lập trình Java. So sánh các kỹ thuật xử lý ngoại lệ, xử lý sự kiện và áp dụng. Giải thích các thư viện hỗ trợ lập trình của Java. -Về kỹ năng: làm chủ ngôn ngữ lập trình Java. Có khả năng sử dụng các thư viện hỗ trợ lập trình sự kiện của Java, lập trình đa luồng và các cấu trúc dữ liệu cơ bản. Khả năng phối hợp nhóm .Trình bày tài liệu	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		chuyên ngành bằng tiếng anh -Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự chuyên cần, say mê học tập nâng cao trình độ và chuyên sâu về chuyên ngành Công nghệ Thông tin.			
7	Lý thuyết thông tin	-Về kiến thức:Phân biệt được các khái niệm về về thông tin, Entropy, Entropy có điều kiện, Độ đo lượng tin. Vận dụng giải quyết các bài toán về xác định lượng tin. Phân biệt và xác định được khái niệm về mã tách được, mã không tách được, mã hóa tối ưu Huffman. Giải thích định lý mã hóa Shannon (1948). Vận dụng lý thuyết mã hóa để phân biệt thiết bị mã hóa và giải mã Xyclic. Từ đây, các sinh viên có thể tự nghiên cứu các mã khác để vận dụng cho việc mã hóa và bảo mật thông tin một cách hiệu quả. -Về kỹ năng:Tự học, tự nghiên cứu, thuyết trình. Sau mỗi chương học, trình bày các khái niệm, các định nghĩa, các công thức tính toán và vận dụng giải các bài toán có tính chất tổng hợp được giới thiệu ở cuối chương. -Về đạo đức nghề nghiệp:Nghiêm túc, cần cù và tự giác trong học tập, nghiên cứu, có khả năng làm việc độc lập.'	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Mạng máy tính	-Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về mạng máy tính, phân tích được chức năng các tầng của mô hình tham chiếu OSI, bộ giao thức TCP/IP, giải thích được cách thức thông tin di chuyển qua mạng như thế nào theo các tầng của mô hình OSI và TCP/IP. Đồng thời, trình bày được các kiến thức cơ bản về công nghệ LAN – Ethernet, các công nghệ WAN. -Về kỹ năng: Kết thúc học phần, người học có các kỹ năng phân tích, thiết kế mạng; vận dụng kiến thức đã học để lựa chọn thiết bị, cài đặt mạng, chia địa chỉ IP, gán địa chỉ IP cho các mạng và cấu hình trên các thiết bị mạng. -Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự chuyên cần, say mê học tập nâng cao trình độ và chuyên sâu về chuyên ngành Công nghệ Thông tin.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần:Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
9	Ngôn ngữ SQL	- Về kiến thức: Trình bày, xác định, phân tích được những kiến thức cơ bản, nền tảng về CSDL, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. - Về kỹ năng: Thiết kế, xây dựng được một cơ sở dữ liệu dựa trên Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm chỉnh chấp hành giờ học trên lớp và giờ tự học, chuẩn bị tốt các câu hỏi, bài tập trước khi lên lớp.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
10	Nhập môn cơ sở dữ liệu	-Về kiến thức: Trình bày những kiến thức cơ bản về nguyên lý tổ chức và khai thác một hệ cơ sở dữ liệu. -Về Kỹ năng: Hình thành cho sinh viên khả năng phân tích và thiết kế ở mức khái niệm một hệ cơ sở dữ liệu quan hệ, khả năng sử dụng ngôn ngữ cơ sở dữ liệu quan hệ, tối ưu hóa truy vấn dữ liệu. Thái độ, chuyên cần: Nhận thức đúng đắn các yêu cầu của một hệ cơ sở dữ liệu để thiết kế một hệ cơ sở dữ liệu. -Về Đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự chuyên cần, say mê học tập nâng cao trình độ và chuyên sâu về chuyên ngành Công nghệ Thông tin.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Tiếng Anh chuyên ngành	-Về kiến thức:sử dụng được các thuật ngữ chuyên môn cơ bản, vận dụng các cấu trúc câu thường gặp trong chuyên ngành công nghệ thông tin để trình bày và diễn đạt trong văn nói và văn viết .Biết vận dụng kiến thức chuyên ngành tiếng Anh để đọc các tài liệu tham khảo về CNTT. Sẵn sàng để tương tác với các xu hướng CNTT mới trong ngôn ngữ tiếng Anh. -Về kỹ năng:có khả năng đọc, dịch, viết, các tài liệu có liên quan đến chuyên ngành để phục vụ cho học tập;có được phương pháp nghiên cứu tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh nhằm phục vụ tốt cho các môn chuyên ngành trong khi học tại trường cũng như tự nghiên cứu trong công việc hay nâng cao trình độ sau này. -Về đạo đức nghề nghiệp:thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động và phải nhận thức được tầm quan trọng của việc học tiếng Anh chuyên ngành đối với công việc sau này;Tham gia đầy đủ các giờ học trên lớp. Tự giác trong học tập và trung	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		thực trong thi cử.			
12	Tư tưởng Hồ Chí Minh	-Về kiến thức: Trình bày được cơ sở khoa học hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; phân tích được những nội dung cơ bản và giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh, đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng bảo vệ Tổ quốc trong các giai đoạn của cách mạng Việt Nam. Về kỹ năng: vận dụng lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới. -Về đạo đức nghề nghiệp: Bồi dưỡng, hun đúc lòng yêu nước và các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, nâng cao lòng tự hào về Bác Hồ, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, xây dựng lý tưởng sống cao đẹp, biến lý tưởng thành hành vi cụ thể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
13	Xác suất thống kê	-Về kiến thức: trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình. -Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thói quen tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
14	Xử lý tín hiệu số	-Về kiến thức: Phân tích và thiết kế hệ thống xử lý tín hiệu số trong: miền thời gian rời rạc n, miền Z, miền tần số liên tục và tần số rời rạc. Tính toán, phân tích và thiết kế các bộ lọc số FIR, IIR và ứng dụng chúng trong thực tế. Tính toán được biến đổi Wavelet liên tục, rời rạc và ứng dụng. -Về Kỹ năng: Có kỹ năng phân tích và thiết kế hệ thống xử lý tín hiệu số. Có tư duy hệ thống và các kỹ năng xử lý tín hiệu số. Sử dụng công cụ xử lý tín hiệu số của Matlab -Về đạo đức nghề nghiệp: Trung thực. Có tinh thần tự học cao. Có tính sáng tạo, ham học hỏi.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
4. HỆ DH8					
1	Đại số	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương, các mặt bậc hai làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình đại số. Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Giải tích 1	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về phương pháp tính như: Nội suy, xấp xỉ và sai số, tính gần đúng nghiệm thực của phương trình, đa thức nội suy và phương pháp bình phương bé nhất, tính gần đúng đạo hàm và tích phân xác định, phương trình vi phân; làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. -Về kỹ năng: xây dựng được công thức tính toán cụ thể, công thức đánh giá sai số vào các bài toán phương pháp tính gần đúng. -Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Giải tích 2	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2, Phương trình vi phân cấp một và phương trình vi phân cấp 2 làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. -Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học,	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.			
4	Kỹ thuật điện tử số	-Về kiến thức: Tính toán và mô tả được các phần tử cơ bản trong các mạch cổng logic, cơ sở đại số logic. Sử dụng thành thạo công cụ ngôn ngữ mô tả phần cứng Verilog (VHDL) với môi trường ISE Webpack hoặc Vivado của Xilinx. Phân tích và thiết kế được mạch logic tổ hợp, mạch logic tuần tự và một số phần tử cơ bản của hệ thống máy tính số như ALU, thanh ghi, mạch cộng, nhân, FIFO, bộ nhớ... Phân tích và thiết kế hệ thống số, hệ thống số với FPGA -Về Kỹ năng: Có kỹ năng phân tích, thiết kế mạch logic tổ hợp và mạch logic tuần tự. Có kỹ năng sử dụng một số phần mềm của Xilinx hoặc Altera để thiết kế và mô phỏng các mạch trên. -Về đạo đức nghề nghiệp: Trung thực, có tinh thần tự học cao. Có tính sáng tạo, ham học hỏi, có khả năng tiếp nhận các kiến thức thực tế và nâng cao.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	- Về kiến thức: Trình bày và Giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học -Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. -Về đạo đức nghề nghiệp: Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	-Về kiến thức: trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học -Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. -Về đạo đức nghề nghiệp: Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
7	Tin học cơ sở	-Về kiến thức: trình bày các đơn vị đo thông tin, mã hóa thông tin, xử lý thông tin trong máy tính; Các kiến thức về phần cứng, phần mềm máy tính; Các kiến thức về phần cứng, phần mềm máy tính, kiến thức cơ bản về mạng máy tính và Internet. trình bày lại ngôn ngữ lập trình C, các kiểu dữ liệu cơ sở, các cú pháp, câu lệnh, cách khai báo và cách xây dựng và cách sử dụng các kiểu dữ liệu mảng, con trỏ, chuỗi ký tự, cấu trúc, tệp, cách sử dụng hàm trong chương trình. -Về kỹ năng: Sau khi kết thúc học phần sinh viên chỉ ra các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, về mạng máy tính, các phần mềm thông dụng, ... để tiếp tục học các môn tin học ứng dụng trong chuyên ngành sau này. Sinh viên có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng văn phòng, internet, ngôn ngữ lập trình C. -Về đạo đức nghề nghiệp: Chăm chỉ, chính xác trong phân tích, thiết kế; nâng cao tính tích cực trong học và tự học.'	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
8	Tin học cơ sở	-Về kiến thức: trình bày các đơn vị đo thông tin, mã hóa thông tin, xử lý thông tin trong máy tính; Các kiến thức về phần cứng, phần mềm máy tính; Các kiến thức về phần cứng, phần mềm máy tính, kiến thức cơ bản về mạng máy tính và Internet. trình bày lại ngôn ngữ lập trình C, các kiểu dữ liệu cơ sở, các cú pháp, câu lệnh, cách khai báo và cách xây dựng và cách sử dụng các kiểu dữ liệu mảng, con trỏ, chuỗi ký tự, cấu trúc, tệp, cách sử dụng hàm trong chương trình. -Về kỹ năng: Sau khi kết thúc học phần sinh viên chỉ ra các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin, về mạng máy tính, các phần mềm thông dụng, ... để tiếp tục học các môn tin học ứng dụng trong chuyên ngành sau này. Sinh viên có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng văn phòng, internet, ngôn ngữ lập trình C. -Về đạo đức nghề nghiệp: Chăm chỉ, chính xác trong phân tích, thiết kế; nâng cao tính tích cực trong học và tự học.'	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
9	Toán rời rạc	-Về kiến thức: trình bày được: Lý thuyết tổ hợp, Lý thuyết đồ thị, lý thuyết đại số Boole, Ôtômát -Về kỹ năng: vận dụng được toán học ứng dụng trong kỹ thuật công nghệ, nhất là công nghệ thông tin Về đạo đức nghề nghiệp: hăng hái, nhiệt tình tham gia đầy đủ các tiết học, các buổi thảo luận nhóm. Rèn luyện kỹ năng phân tích, giải quyết một bài toán cụ thể.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Vật lý đại cương	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về cơ học, nhiệt học, điện học, quang học, vật lý lượng tử..., từ đó sinh viên biết phân tích và giải thích được sự vận động khách quan của sự vật hiện tượng trong đời sống và làm cơ sở tiếp thu trong từng chuyên ngành cụ thể. -Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng học tập theo nhóm; phương pháp học tập cá nhân như: nghe giảng, ghi chép, làm bài tập trên lớp và ở nhà; phương pháp học và tự học; kỹ năng tư duy khoa học. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực học tập và tự học, tự tìm hiểu tài liệu để nghiên cứu thêm và ứng dụng vào ngành nghề cụ thể.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Pháp luật đại cương	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. -Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống. -Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm
VII. Ngành Khí tượng học					
1. HỆ DH5					

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Công trình trạm và kiểm soát số liệu	-Về kiến thức: áp dụng được những kiến thức đã học để thiết kế, xây dựng, bảo quản công trình trạm khí tượng, cách ghi số, làm báo cáo tháng và kiểm soát số liệu của các loại số khí tượng, các giản đồ khí tượng và báo cáo tháng BKT. -Về kỹ năng: có khả năng lập được các loại báo cáo tháng và kiểm soát được các loại sổ sách báo biểu và giản đồ. .	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Dao động và biến đổi khí hậu	-Về kiến thức: phân biệt được dao động và biến đổi khí hậu, bao gồm bản chất của dao động khí hậu, những dao động khí hậu điển hình, mối quan hệ của dao động khí hậu với những hiện tượng khí tượng cực đoan. Nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo của biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay. Kịch bản về phát thải khí nhà kính, về sự nóng lên toàn cầu và nước biển dâng. Biến đổi khí hậu ở Việt Nam, kịch bản và tác động của nó tới kinh tế - xã hội; những giải pháp ứng phó chủ yếu. -Về kỹ năng: áp dụng được cơ sở khoa học của việc xây dựng các kịch bản về biến đổi khí hậu; những nét chính về biến đổi khí hậu ở Việt Nam, tác động và giải pháp ứng phó. -Về đạo đức nghề nghiệp: nghiêm túc trong học tập, tăng khả năng tham khảo tài liệu và tiếp cận với thông tin qua mạng để có những thông tin mới.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Khí tượng nông nghiệp	-Về kiến thức: Phân tích được vai trò của ánh sáng, nhiệt độ và độ ẩm đối với đời sống cây trồng nói riêng cũng như ảnh hưởng của thiên tai tới sản xuất nông nghiệp. -Về kỹ năng: Áp dụng được những kiến thức cơ bản về khí tượng nông nghiệp vào phục vụ nông nghiệp..	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Khí tượng vệ tinh	-Về kiến thức: phải phân biệt được các loại mây qua ảnh vệ tinh, đặc biệt là các hình thể thời tiết bằng ảnh mây vệ tinh. -Về kỹ năng: sử dụng được các ảnh mây thu được để phân tích và dự báo thời tiết.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
					Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Niên luận	- Về kiến thức: Xây dựng được một đề cương nghiên cứu về một vấn đề cụ thể để giải quyết được một bài toán tương đối trọn vẹn trên cơ sở những học phần đã học dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn. -Về kỹ năng: Áp dụng được những kiến thức đã học cũng như những tài liệu tham khảo được để giải quyết một vấn đề thực tiễn nhất định.	3	Học kỳ I	-Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 50% Bao gồm: hai đầu điểm có cùng hệ số -Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
6	Phân tích và dự báo thời tiết	-Về kiến thức: phân tích được các nguyên tắc dự báo thời tiết; So sánh và phân tích được ảnh hưởng của một số hình thái thời tiết đặc trưng đến Việt Nam và Xây dựng được phương pháp cũng như quy trình dự báo. -Về kỹ năng: áp dụng những phương pháp dự báo đã học để dự báo cho những khu vực cụ thể.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Sửa chữa và lắp đặt máy khí tượng	-Về kiến thức: Nhận biết được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và cách sử dụng thiết bị đo các yếu tố khí tượng; Lắp đặt sửa chữa các thiết bị khí tượng. -Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng sử dụng các thiết bị đo khí tượng theo Quy phạm quan trắc khí tượng bề mặt. Sinh viên tháo lắp, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị đo khí tượng và lắp đặt các thiết bị đo tại trạm khí tượng thành thạo.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Truyền thông về khí tượng thủy văn	-Về kiến thức: xác định được ý nghĩa, tầm quan trọng, giá trị và vai trò của ngành Khí tượng Thủy văn trong cuộc sống, trong định hướng phát triển kinh tế-xã hội bền vững, từ đó đề xuất được các phương pháp cũng như nội dung và đối tượng để truyền thông một cách hiệu quả nhất. -Về kỹ năng: áp dụng được những kiến thức đã học để thiết kế, tổ chức các buổi truyền thông, tuyên truyền và diễn thuyết về khí tượng thủy văn.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2. HỆ ĐH6					
1	Công trình trạm và kiểm soát số liệu	-Về kiến thức: áp dụng được những kiến thức đã học để thiết kế, xây dựng, bảo quản công trình trạm khí tượng, cách ghi sổ, làm báo cáo tháng và kiểm soát số liệu của các loại sổ khí tượng, các giản đồ khí tượng và báo cáo tháng BKT. -Về kỹ năng: có khả năng lập được các loại báo cáo tháng và kiểm soát được các loại sổ sách báo biểu và giản đồ.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Dao động và biến đổi khí hậu	-Về kiến thức: phân biệt được dao động và biến đổi khí hậu, bao gồm bản chất của dao động khí hậu, những dao động khí hậu điển hình, mối quan hệ của dao động khí hậu với những hiện tượng khí tượng cực đoan. Nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo của biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay. Kịch bản về phát thải khí nhà kính, về sự nóng lên toàn cầu và nước biển dâng. Biến đổi khí hậu ở Việt Nam, kịch bản và tác động của nó tới kinh tế - xã hội; những giải pháp ứng phó chủ yếu. -Về kỹ năng: áp dụng được cơ sở khoa học của việc xây dựng các kịch bản về biến đổi khí hậu; những nét chính về biến đổi khí hậu ở Việt Nam, tác động và giải pháp ứng phó. -Về đạo đức nghề nghiệp: nghiêm túc trong học tập, tăng khả năng tham khảo tài liệu và tiếp cận với thông tin qua mạng để có những thông tin mới.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Dự báo số trị	-Về kiến thức: mô tả được các kiến thức về phương pháp xây dựng, tích phân các mô hình dự báo thời tiết và tạo trường ban đầu cho các mô hình dự báo. -Về kỹ năng: Vận dụng những kiến thức đã học để tiến hành nghiên cứu cải tiến và áp dụng các mô hình dự báo thời tiết vào thực tế.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
4	Khí hậu và Khí hậu Việt Nam	-Về kiến thức: phân tích và so sánh được ảnh hưởng của những nhân tố hình thành khí hậu đến một số yếu tố và hiện tượng khí hậu cơ bản theo không gian và thời; Hiểu rõ nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo của biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay; Kịch bản về phát thải khí nhà kính, về sự nóng lên toàn cầu và nước biển dâng; Biến đổi khí hậu ở Việt Nam, kịch bản và tác động của nó tới kinh tế xã hội; những giải pháp ứng phó chủ yếu. - Về kỹ năng: có kỹ năng phân tích, tổng hợp về mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành phần của hệ thống khí hậu; so sánh được sự giống và khác nhau giữa đặc điểm khí hậu của từng vùng trên lãnh hải Việt Nam; Áp dụng được cơ sở khoa học của việc xây dựng các kịch bản về biến đổi khí hậu; phát triển kỹ năng vẽ biểu đồ, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình. -Về thái độ: Rèn luyện thái độ ứng xử có trách nhiệm với môi trường, cộng đồng trong việc chống biến đổi khí hậu; từ nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ đến chuyển biến về hành động nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu hiện nay	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Khí tượng cao không	-Về kiến thức giải thích được cấu tạo và nguyên lý hoạt động của các thiết bị đo; phân biệt được sự giống và khác nhau giữa các dạng mã luật cao không. -Về kỹ năng: có thể biên dịch và soạn thảo mã điện một cách nhanh chóng và chính xác.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Khí tượng động lực 2	-Về kiến thức: phân tích được nguyên nhân, đặc điểm của các sóng trong khí quyển, đại dương; Phân tích được các quá trình vật lý và động lực của các hoàn lưu vùng nhiệt đới; phân tích được hệ phương trình trong mô hình dự báo số trị. -Về kỹ năng: giải thích được một số nhiễu động, hiện tượng xảy ra trong khí quyển.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
7	Khí tượng radar và vệ tinh	-Về kiến thức: phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến độ phản hồi vô tuyến, các sai số thường gặp từ các sản phẩm của radar; Phân tích được các đặc điểm, nhận biết được các loại mây và những hiện tượng thời tiết nguy hiểm. -Về kỹ năng: khả năng phân tích một số sản phẩm của radar thời tiết; sử dụng được các ảnh mây thu được để phân tích và dự báo thời tiết.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Khí tượng synop 2	-Về kiến thức: giải thích được sự biến thiên khí áp trong khí quyển và cấu trúc, quy luật hoạt động và hệ quả thời tiết của xoáy thuận, xoáy nghịch và gió mùa -Về kỹ năng: áp dụng được việc phân tích các công cụ dự báo thời tiết vào nhận dạng được các xoáy thuận, xoáy nghịch và khu vực hoạt động gió mùa.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Quan trắc khí tượng bề mặt 2	-Về kiến thức: trình bày được cách quan trắc và phát báo các yếu tố khí tượng; Phân tích được các phương pháp quan trắc và cách phát báo các yếu tố và hiện tượng khí tượng -Về kỹ năng: khả năng quan trắc được các hiện tượng khí tượng và quy toán được giản đồ năng.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Thống kê khí hậu	- Về kiến thức: Cung cấp các kiến thức về lý thuyết xác suất ứng dụng trong Khí tượng, Khí hậu. Đề cập và đưa ra phương pháp xác định các đặc trưng số của các chuỗi số liệu Khí tượng. Phân tích lý thuyết tương quan và hồi qui và xây dựng phương trình hồi qui giữa các biến Khí tượng. Nêu lý thuyết về kiểm nghiệm thống kê và ứng dụng trong Khí tượng. Hướng dẫn phương pháp Phân tích chuỗi thời gian trong Khí tượng.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
11	Tiếng Anh chuyên ngành	-Về kiến thức:Trình bày được bằng tiếng Anh một số chủ đề thông dụng liên quan đến chuyên ngành khí tượng. Vận dụng được các thuật ngữ sử dụng trong các tài liệu chuyên ngành.Áp dụng được các kiến thức ngữ pháp giảng dạy kèm theo các bài đọc +Về kiến thức ngôn ngữ: Ngữ pháp: Vận dụng được kiến thức ngữ pháp cơ bản phục vụ cho những tình huống giao tiếp hàng ngày trong công việc và trong các cuộc hội thảo về chuyên ngành khí tượng. Từ vựng: Có đủ vốn từ để đọc hiểu các văn bản chuyên ngành có độ khó trung bình. -Về các kỹ năng : +Kỹ năng đọc: Áp dụng được các kỹ năng đọc để xử lý thông tin. +Kỹ năng nói: Giao tiếp tương đối thành thạo về các chủ đề quen thuộc thuộc lĩnh vực chuyên môn. +Kỹ năng viết: Viết được những bài ngắn (50 – 100 từ) mô tả chi tiết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực khí tượng. +Các nhóm kỹ năng khác:Vận dụng được kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh .Vận dụng được kỹ năng tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho môn học chuyên ngành của mình. -Về Đạo đức nghề nghiệp:Xây dựng tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập.Xây dựng tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn;Xây dựng tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử;Xây dựng tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
12	Tin học ứng dụng	- Về kiến thức: Cung cấp và hướng dẫn sinh viên ứng dụng excel trong bài toán thống kê khí hậu. Trình bày về ngôn ngữ lập trình fortran và ứng dụng trong Khí tượng,. Giới thiệu và hướng dẫn vận dụng một số phần mềm đồ họa ứng dụng trong phân tích, xử lý số liệu khí tượng.	4	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về kỹ năng: Xây dựng được báo cáo đơn giản đánh giá sự lan truyền của chất ô nhiễm trong môi trường không khí, nước; Có khả năng ứng dụng công cụ mô hình hóa GIS để xây dựng kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình tự nhiên			- 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
3. HỆ DH7					
1	Cơ học chất lỏng	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về chuyển động chất lỏng lý tưởng và chất lỏng thực, từ đó sinh viên biết phân tích và giải thích được sự vận động khách quan của sự vật hiện tượng trong đời sống như: bão truyền trong nước biển, sóng thần... -Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng học tập theo nhóm; phương pháp học tập cá nhân như: nghe giảng, ghi chép, làm bài tập trên lớp và ở nhà; phương pháp học và tự học; kỹ năng tư duy khoa học. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực học tập và tự học, tự tìm hiểu tài liệu để nghiên cứu thêm và ứng dụng vào ngành nghề khí tượng thủy văn.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	-Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, vai trò và ý nghĩa đường lối của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; phân tích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được quá trình hình thành và những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay. -Về kỹ năng: Trình bày, thuyết trình được một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội; phân tích, vận dụng được vào thực tiễn lĩnh vực được đào tạo. -Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng được tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào đối với Đảng ta, tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng; xác định được trách nhiệm của cá nhân đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối,	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng được thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và làm việc.			
3	Hệ thống thông tin địa lý	-Về kiến thức: + Trình bày được các kiến thức cơ bản về khái niệm, các thành phần và chức năng cơ bản của GIS; + Khái quát chung về mô hình, Trình bày được về cấu trúc CSDL và mô hình số độ cao; phân tích được ưu nhược điểm của các mô hình dữ liệu; + Phân tích được các bước trong quy trình xây dựng CSDL trong GIS; trình bày được các kiến thức cơ bản về công tác chuẩn hoá dữ liệu; hiển thị và xuất dữ liệu; + Trình bày được quy trình xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu địa lý gồm các bước: thiết kết, tổ chức, nhập, đánh giá chất lượng, biên tập và chuẩn hóa CSDL địa lý; Trình bày được các phương pháp phân tích dữ liệu không gian cơ bản như: chồng xếp dữ liệu, đo đạc truy vấn...; + Trình bày một số dạng phân tích dữ liệu thuộc tính cơ bản. -Về kỹ năng: + Vận dụng các bài toán phân tích không gian của hệ thống thông tin địa lý vào nhiệm vụ cụ thể; + Vận dụng lý thuyết vào các bài thực hành, các bài thảo luận -Về đạo đức nghề nghiệp: + Rèn luyện tác phong: cẩn thận, chính xác, trung thực; + Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Khí tượng cơ sở 2	-Về kiến thức: so sánh và phân tích được những nhân tố ảnh hưởng đến sự biến thiên của nhiệt độ mặt đất, mặt nước và không khí; phân tích được ý nghĩa và nguyên nhân chuyển động của không khí theo phương ngang trong khí quyển; giải thích được các hiện tượng được hình thành do sự chuyển pha của nước cũng như các hiện tượng về điện, quang và âm trong khí quyển. -Về kỹ năng: có khả năng áp dụng những công thức đã học để làm các bài tập có ý	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nghĩa thực tiễn; quan sát, nhận biết và phân biệt các hiện tượng khí tượng cũng như các hiện tượng trong tự nhiên.			
5	Khí tượng động lực 1	-Về kiến thức: hiểu được ý nghĩa vật lý các thành phần trong phương trình thiết lập được, các khái niệm về hoàn lưu, xoáy, gió trong lớp biên hành tinh - Về kỹ năng: thiết lập các phương trình cơ bản, hiểu được bản chất của hoàn lưu, xoáy, gió trong lớp biên khí quyển.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Khí tượng synop 1	-Về kiến thức: áp dụng được những kiến thức cơ bản của phương pháp synop để thu thập và xử lý số liệu phục vụ bản tin dự; Phân tích được sự phân bố của trường một số các yếu tố khí tượng và các khối không khí, phân loại front, sự sinh và tan front cũng như trường khí tượng của front. -Về kỹ năng: sử dụng được các công cụ dự báo thời tiết và nhận dạng được các khối không khí, các front khí quyển.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. -Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
8	Máy khí tượng	-Về kiến thức: nhận biết được cấu tạo, nguyên lí hoạt động và cách sử dụng thiết bị đo các yếu tố khí tượng; So sánh và phân tích được nguyên tắc hoạt động của từng thiết bị đo. -Về kỹ năng: sử dụng được các thiết bị đo khí tượng theo Quy phạm quan trắc khí tượng bề mặt;	4	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Phương pháp tính	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về phương pháp tính như: Nội suy, xấp xỉ và sai số, tính gần đúng nghiệm thực của phương trình, đa thức nội suy và phương pháp bình phương bé nhất, tính gần đúng đạo hàm và tích phân xác định, phương trình vi phân; làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. -Về kỹ năng: xây dựng được công thức tính toán cụ thể, công thức đánh giá sai số	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		vào các bài toán phương pháp tính gần đúng. -Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.			
10	Phương trình toán lý	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về phương trình toán trong vật lý như phương trình dao động dây, màng, sóng nhiệt... từ đó sinh viên biết phân tích và giải thích được sự vận động khách quan của sự vật hiện tượng trong đời sống. -Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng học tập theo nhóm; phương pháp học tập cá nhân như: nghe giảng, ghi chép, làm bài tập trên lớp và ở nhà; phương pháp học và tự học; kỹ năng tư duy khoa học. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực học tập và tự học, tự tìm hiểu tài liệu để nghiên cứu thêm và ứng dụng vào ngành nghề khí tượng thủy văn.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Quan trắc khí tượng bề mặt 1	-Về kiến thức: viên phân tích được cấu tạo của từng loại mây, dạng mây và tính mây; Trình bày được cách quan trắc và phát báo mây; Phân tích được các phương pháp quan trắc và cách phát báo các yếu tố và hiện tượng khí tượng -Về kỹ năng: có khả năng quan trắc được các đặc trưng của mây như lượng mây, loại mây, độ cao chân mây, tính mây và dạng mây; quan trắc được các hiện tượng khí tượng và quy toán được giản đồ nắng.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
12	Thủy văn đại cương	- Về kiến thức: trình bày và phân tích được các khái niệm cơ bản nhất về thủy văn học; Tuần hoàn, cân bằng nước trên trái đất; Sự hình thành và tính toán dòng chảy trong sông; Sự diễn biến lòng sông; Chế độ thủy văn vùng sông ảnh hưởng thủy triều; Hồ và đầm lầy. - Về kỹ năng: Áp dụng các quy luật thủy văn để nghiên cứu diễn biến lòng sông, thiết lập được phương trình cân bằng nước, tính toán các đặc trưng của sông và lưu vực sông, tính toán các đặc trưng dòng chảy, tính lượng mưa bình quân lưu vực. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.'			
13	Xác suất thống kê	-Về kiến thức: trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình. -Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thói quen tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

4. HỆ DH8

1	Đại số	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương, các mặt bậc hai làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình đại số. - Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Giải tích 1	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: các hàm số lượng giác ngược, quy tắc Lôpitan, tích phân suy rộng, chuỗi số, chuỗi hàm, hàm số nhiều biến số, cực trị của hàm nhiều biến làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình giải tích. -Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.			
3	Khí tượng cơ sở 1	-Về kiến thức: xây dựng và phân tích được ý nghĩa của các phương trình trạng thái của không khí, các công thức khí áp cũng như độ cao địa thế vị; phân tích được ảnh hưởng của các dòng bức xạ đến chế độ nhiệt của khí quyển và bề mặt trái đất; giải thích được màu sắc bầu trời; phân tích được ý nghĩa và nguyên nhân chuyển động của không khí theo phương thẳng đứng trong khí quyển. -Về kỹ năng: có khả năng áp dụng được những công thức đã học để làm các bài tập thực tiễn; quan sát, nhận biết và phân biệt các hiện tượng hay quá trình xảy ra trong khí quyển.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	-Về kiến thức: Trình bày và Giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học -Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. -Về đạo đức nghề nghiệp: Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên. Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Pháp luật đại cương	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. -Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống. -Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
6	Thiên văn	-Về kiến thức: giải thích được cấu trúc của vũ trụ, các quy luật chuyển động của thiên thể, hiểu biết những nguyên lý cơ bản trong cách tính thời gian và lịch, nhật nguyệt thực và thủy triều; -Về kỹ năng: xác định được vị trí các hành tinh trong hệ mặt trời, giải thích được các hiện tượng thiên văn và mối liên hệ của nó với các điều kiện thời tiết khí hậu trên trái đất.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm
7	Vật lý đại cương	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về cơ học, nhiệt học, điện học, quang học, vật lý lượng tử..., từ đó sinh viên biết phân tích và giải thích được sự vận động khách quan của sự vật hiện tượng trong đời sống và làm cơ sở tiếp thu trong từng chuyên ngành cụ thể. -Về kỹ năng: Rèn luyện những kỹ năng học tập theo nhóm; phương pháp học tập cá nhân như: nghe giảng, ghi chép, làm bài tập trên lớp và ở nhà; phương pháp học và tự học; kỹ năng tư duy khoa học. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực học tập và tự học, tự tìm hiểu tài liệu để nghiên cứu thêm và ứng dụng vào ngành nghề cụ thể.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Giải tích 2	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2, Phương trình vi phân cấp một và phương trình vi phân cấp 2 làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. -Về kỹ năng: phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. -Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Những nguyên lý	-Về kiến thức: trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
	cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học -Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. -Về đạo đức nghề nghiệp: Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất			Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. -Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
5. HỆ LDH7					
1	Cơ học chất lỏng	-Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về chuyển động chất lỏng lý tưởng và chất lỏng thực, từ đó sinh viên biết phân tích và giải thích được sự vận động khách quan của sự vật hiện tượng trong đời sống như: bão truyền trong nước biển, sóng thần... Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng học tập theo nhóm; phương pháp học tập cá nhân như: nghe giảng, ghi chép, làm bài tập trên lớp và ở nhà; phương pháp học và tự học; kỹ năng tư duy khoa học. - Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực học tập và tự học, tự tìm hiểu tài liệu để nghiên cứu thêm và ứng dụng vào ngành nghề khi tương thủy văn.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Dao động và biến đổi khí hậu	-Về kiến thức: phân biệt được dao động và biến đổi khí hậu, bao gồm bản chất của dao động khí hậu, những dao động khí hậu điển hình, mối quan hệ của dao động khí hậu với những hiện tượng khí tượng cực đoan. Nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo của biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay. Kịch bản về phát thải khí nhà kính, về sự nóng lên toàn cầu và nước biển dâng. Biến đổi khí hậu ở Việt Nam, kịch bản và tác động của nó tới kinh tế - xã hội; những giải pháp ứng phó chủ yếu. -Về kỹ năng: áp dụng được cơ sở khoa học của việc xây dựng các kịch bản về biến đổi khí hậu; những nét chính về biến đổi khí hậu ở Việt Nam, tác động và giải pháp ứng phó. -Về đạo đức nghề nghiệp: nghiêm túc trong học tập, tăng khả năng tham khảo tài liệu và tiếp cận với thông tin qua mạng để có những thông tin mới.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Niên luận	- Về kiến thức: Vận dụng được các kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề thực tiễn dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Nắm bắt được nội dung, cấu trúc và cách thức xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học, viết và trình bày đồ án tốt nghiệp.	3	Học kỳ I	-Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 50% Bao gồm: hai đầu điểm có cùng hệ số

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về kỹ năng: Phân tích, trình bày và đánh giá được các dữ liệu liên quan đến vấn đề nghiên cứu; biết cách trích dẫn và trình bày các tài liệu tham khảo; viết được các báo cáo chuyên môn theo văn phong khoa học.			-Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
4	Phương pháp tính	-Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản về phương pháp tính như: Nội suy, xấp xỉ và sai số, tính gần đúng nghiệm thực của phương trình, đa thức nội suy và phương pháp bình phương bé nhất, tính gần đúng đạo hàm và tích phân xác định, phương trình vi phân; làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. -Về kỹ năng: xây dựng được công thức tính toán cụ thể, công thức đánh giá sai số vào các bài toán phương pháp tính gần đúng. -Về đạo đức nghề nghiệp: có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

VIII. Ngành Kế toán

1. HỆ DH5

1	Hệ thống thông tin kế toán	-Về kiến thức: Vận dụng, nhận diện được nội dung của hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp, chu trình lưu chuyển thông tin kế toán và các hình thức tổ chức công tác kế toán trong điều kiện áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kế toán. Ngoài ra giúp người học bước đầu làm quen với phần mềm kế toán dưới góc độ của cả hệ thống. -Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện các công việc kế toán qua phần mềm kế toán. Có thể thiết lập, tổ chức, xử lý dữ liệu kế toán, gắn hệ thống thông tin với các quá trình kinh doanh trong doanh nghiệp giúp cho việc đánh giá, lựa chọn và sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với doanh nghiệp nhằm giúp công tác kế toán được thuận lợi và đạt được hiệu quả cao nhất.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Kế toán chi phí	-Về kiến thức: Vận dụng và nhận diện được bản chất chi phí, qui trình thu thập, xử lý, tính giá thành sản phẩm và lập báo cáo chi phí ở một doanh nghiệp. Qua đó,	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		giúp sinh viên có khả năng tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại một doanh nghiệp cụ thể. -Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân loại các loại chi phí, các loại cách tính giá thành sản phẩm. Nắm được mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Hiểu rõ ý nghĩa của chi phí sản xuất định mức và giá thành định mức. Biết cách xây dựng mô hình ABC để áp dụng vào việc tính giá thành. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các phương pháp xác định giá thành để áp dụng vào công việc kế toán giá thành tại các doanh nghiệp + Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích, đánh giá về tình hình sản xuất thực tế của doanh nghiệp có thể đưa ra được phương pháp tính giá thành phù hợp để công tác kế toán giá thành được nhanh chóng, chính xác và cung cấp thông tin chi phí – giá thành cho nhà quản lý.			đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Kế toán máy	- Về kiến thức: Vận dụng được các kiến thức về thiết lập và phân tích hệ thống thông tin của các chu trình kế toán, làm cơ sở cho việc vận dụng các phần mềm kế toán. Nắm được kỹ năng sử dụng các phần mềm kế toán thông dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. -Về kỹ năng: Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán Effect, vận dụng để áp dụng tin học hóa vào công tác kế toán của doanh nghiệp. Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. Người học có thể tự nghiên cứu các phần mềm kế toán khác. -Về đạo đức nghề nghiệp: Ý thức được tầm quan trọng của việc áp dụng kế toán máy vào công tác kế toán tại các doanh nghiệp.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
4	Kế toán quản trị 2	- Về kiến thức: Vận dụng để ghi chép, tổng hợp, phân tích biến động chi phí, doanh thu, báo cáo kết quả kinh doanh, định giá sản phẩm nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản trị để đưa ra quyết định ngắn hạn, dài hạn.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được toàn bộ công việc kế toán quản trị tại một doanh nghiệp cụ thể từ đó phân tích, đánh giá được về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các công cụ của kế toán quản trị trong việc phân tích, tổng hợp và đưa ra quyết định kinh doanh. + Kỹ năng làm việc nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Có khả năng phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Yêu thích môn học kế toán nói chung và kế toán quản trị nói riêng. + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Kế toán thuế	-Về kiến thức: Vận dụng các kiến thức đã học về các nghiệp vụ kế toán của các loại thuế, kê khai, quyết toán và nộp các loại thuế như: thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế xuất nhập khẩu, thuế tài nguyên, thuế môn bài, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế bảo vệ môi trường, phí và lệ phí.... -Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Vận dụng được toàn bộ kiến thức về thuế và kế toán thuế vào các công việc liên quan đến thuế và kế toán thuế tại một tổ chức. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học để có thể thực hành công việc kế toán thuế ở một tổ chức cụ thể. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Có khả năng phân tích thông tin, số liệu kế toán thuế của tổ chức sau khi nắm vững toàn bộ công việc về thuế và kế toán thuế như cách thức hạch toán kế toán và kê khai tính thuế. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Yêu thích môn học thuế và kế toán thuế. + Nâng cao ý thức tự giác trong công việc, rèn luyện được đức tính cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc + Ý thức được tầm quan trọng của công tác kế toán thuế trong hoạt động của tổ chức để làm việc với thái độ nhiệt tình và hăng say.			
6	Kiểm toán tài chính	- Về kiến thức: Sau khi nghiên cứu môn học Kiểm toán tài chính, người học phải trình bày được những kiến thức tổng quan về kiểm toán như: khái niệm, đối tượng và mục tiêu kiểm toán, làm quen với các phương pháp kiểm toán, thực hiện quy trình kiểm toán một số các khoản mục cơ bản của doanh nghiệp: kiểm toán tiền, kiểm toán hàng tồn kho, kiểm toán doanh thu, kiểm toán giá vốn hàng bán và chi phí. - Về kỹ năng: Vận dụng những kiến thức đã học để nhận biết, phát hiện các sai phạm thường gặp trên các khoản mục và trên báo cáo tài chính. Có thể đảm nhiệm công việc kế toán, kiểm toán nội bộ tại các doanh nghiệp. - Về đạo đức nghề nghiệp: Yêu thích môn học kiểm toán tài chính. Hứng thú với việc tìm hiểu công việc của KTV trong kiểm toán BCTC. Ý thức được tầm quan trọng của kiểm toán đối với sự phát triển của mỗi doanh nghiệp.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Phân tích báo cáo tài chính	-Về kiến thức: Trình bày được và so sánh, đánh giá được tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động: Hoạt động đầu tư, hoạt động tài trợ và hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Từ đó giúp người học có cái nhìn chính xác hơn về tình hình thực tế hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường luôn biến động. -Về kỹ năng: + Kỹ năng về nhận thức: Vận dụng các	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		kiến thức đã học để lập, đọc, kiểm tra các báo cáo tài chính từ đó cung cấp các thông tin cần thiết để đánh giá về tình hình tài chính của một doanh nghiệp, đồng thời đề xuất cho nhà quản lý để đưa ra các quyết định đúng đắn về tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp sao cho hiệu quả cao nhất. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Thực hành công việc phân tích tình hình tài chính thông qua các Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Trình bày được các phương pháp phân tích, nhân tố ảnh hưởng tới từng chỉ tiêu, từ đó đánh giá và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra các quyết định đúng đắn. -Về đạo đức nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã được học để đọc và phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp từ đó đưa ra những ý kiến, tư vấn cho các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính một cách phù hợp.			
2. HỆ DH6					
1	Đạo đức nghề nghiệp	-Về kiến thức: Vận dụng những kiến thức cơ bản về đạo đức, nguồn gốc, cách nhận diện các vấn đề đạo đức nghề nghiệp, và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt cung cấp những kiến thức cơ bản về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, những nguy cơ phát sinh vi phạm và các biện pháp bảo vệ việc thực hiện chuẩn mực. -Về kỹ năng: + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp. + Kỹ năng làm việc nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Áp dụng được kiến thức để đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị. Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn			
2	Kế toán quản trị 1	-Về kiến thức: Vận dụng được để ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí và dự toán chi phí cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí. Bên cạnh đó, sinh viên nắm bắt được mối quan hệ giữa chi phí, sản lượng, lợi nhuận để từ đó hiểu được tầm quan trọng của các yếu tố tác động đến lợi nhuận doanh nghiệp. -Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Nắm vững toàn bộ công việc kế toán quản trị tại một doanh nghiệp cụ thể từ đó vận dụng để phân tích, đánh giá được về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc nhóm: Rèn luyện được Kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các công cụ của kế toán quản trị trong việc phân tích và kiểm soát chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. + Kỹ năng tư duy: Có khả năng phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Yêu thích môn học kế toán nói chung và kế toán quản trị nói riêng. + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Kế toán quản trị 2	-Về kiến thức: Vận dụng để ghi chép, tổng hợp, phân tích biến động chi phí, doanh thu, báo cáo kết quả kinh doanh, định giá sản phẩm nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản trị để đưa ra quyết định ngắn hạn, dài hạn.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		-Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được toàn bộ công việc kế toán quản trị tại một doanh nghiệp cụ thể từ đó phân tích, đánh giá được về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các công cụ của kế toán quản trị trong việc phân tích, tổng hợp và đưa ra quyết định kinh doanh. + Kỹ năng làm việc nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Có khả năng phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Về đạo đức nghề nghiệp: + Yêu thích môn học kế toán nói chung và kế toán quản trị nói riêng. + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Kế toán quốc tế	-Về kiến thức: Trình bày được kế toán quốc tế nói chung mà nội dung chính là kế toán Mỹ; Biết một mô hình kế toán có cách tổ chức tương đối khác với kế toán Việt Nam; Vận dụng thuật ngữ chuyên ngành tiếng Anh vào thực tế; Làm cơ sở cho việc nghiên cứu, học tập sau đại học. -Về kỹ năng: Vận dụng và phân tích thông tin, số liệu kế toán của các tổ chức trên thế giới sau khi nắm vững các kiến thức cơ bản của môn kế toán quốc tế. Qua việc phân tích có thể cung cấp các thông tin cơ bản cho các nhà quản lý ra quyết định. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Hiểu được tầm quan trọng của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
5	Kế toán tài chính 2	-Về kiến thức: Trình bày và vận dụng vững các nguyên tắc và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ liên quan vốn bằng tiền, các khoản phải thu, phải trả, hoạt động thương mại trong nước, xuất – nhập khẩu... và vận dụng các kiến thức đã học vào thực hành công tác kế toán, đảm nhận nhiệm vụ kế toán trong phòng kế toán của các doanh nghiệp. -Về kỹ năng: + Kỹ năng về nhận thức: Áp dụng kiến thức chuẩn bị đi vào thực tiễn để tổ chức công tác kế toán ở các doanh nghiệp ; biết cách lập, đọc các báo cáo tài chính, cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc quản lý tình hình tài chính doanh nghiệp một cách có hiệu quả. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học để thực hành công việc kế toán trong các doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua các chuyên đề, thảo luận và bài tập thực hành để rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm. + Kỹ năng tư duy: Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp hạch toán các nghiệp vụ vốn bằng tiền, phải thu, phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, lập và đọc các Báo cáo tài chính... để vận dụng trong thực tế đề xuất ra các biện pháp giúp các nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt các khoản phải thu, phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu... sao cho hiệu quả và hợp lý. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Kinh tế tài nguyên biển	-Về kiến thức: + Trình bày và vận dụng được những kiến thức cơ bản của học phần bao gồm: Khái niệm, phân loại tài nguyên biển; Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên biển; Những vấn đề toàn cầu	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay; Các mô hình lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên biển có khả năng tái sinh và tài nguyên biển không có khả năng tái sinh; Sự cần thiết của quản lý tài nguyên biển, và những biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển; Ý nghĩa của việc đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên biển và các phương pháp đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên biển. + Phân tích và đánh giá được tiềm năng và thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hình thành nhận thức đúng đắn, khoa học về các vấn đề liên quan đến khai thác và quản lý hiệu quả tài nguyên biển. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các lý thuyết cơ bản về khai thác và quản lý tài nguyên biển vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận, các bài tập nhóm rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm. + Kỹ năng tư duy: Thông qua vận dụng lý thuyết vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay rèn luyện kỹ năng tư duy các vấn đề thực tiễn dựa trên nền tảng lý thuyết khoa học, khách quan. - Về đạo đức nghề nghiệp: Hình thành thái độ tích cực trong vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.			thức học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Phân tích báo cáo tài chính	-Về kiến thức: Trình bày được và so sánh đánh giá được tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động: Hoạt động đầu tư, hoạt động tài trợ và hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Từ đó giúp người học có cái nhìn chính xác hơn về tình hình thực tế hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường luôn biến động. -Về kỹ năng: + Kỹ năng về nhận thức: Vận dụng các kiến thức đã học để lập, đọc, kiểm tra các báo cáo tài chính từ đó cung cấp các thông	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tin cần thiết để đánh giá về tình hình tài chính của một doanh nghiệp, đồng thời đề xuất cho nhà quản lý để đưa ra các quyết định đúng đắn về tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp sao cho hiệu quả cao nhất. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Thực hành công việc phân tích tình hình tài chính thông qua các Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Nắm rõ các phương pháp phân tích, nhân tố ảnh hưởng tới từng chỉ tiêu, từ đó đánh giá và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra các quyết định đúng đắn. -Về đạo đức nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã được học để đọc và phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp từ đó đưa ra những ý kiến, tư vấn cho các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính một cách phù hợp.			
8	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	-Về kiến thức: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu phục vụ quản lý và kinh doanh như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh. -Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng xác định ý tưởng, thiết kế nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thực hiện quá trình nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, cũng như trình bày báo cáo khoa học hoàn chỉnh. Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic trong thực hiện các đề tài nghiên cứu làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội. -Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
9	Thực hành nghề nghiệp	-Về kiến thức: Trình bày và vận dụng được những kiến thức chuyên ngành đã được trang bị để tăng cường kỹ năng thực hành nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành. -Về kỹ năng: Trình bày được và vận dụng các kiến thức lý luận đã được học tập vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ liên quan đến kế toán trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, trong các cơ quan hành chính, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước. Từ đó, tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu và thích ứng với công việc ngay sau khi tốt nghiệp. -Về đạo đức nghề nghiệp: Tự tin áp dụng kiến thức được học để vận dụng vào thực tế công việc, đáp ứng các yêu cầu và đòi hỏi từ phía các doanh nghiệp	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá của giáo viên hướng dẫn: 50% Điểm đánh giá của nhà Trường: 50% Hình thức thi: báo cáo
10	Tiếng Anh chuyên ngành	-Về kiến thức: Trình bày một số chủ đề thông dụng liên quan đến chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán bằng tiếng Anh bằng văn bản hoặc thuyết trình. Nhận diện và sử dụng thành thạo các thuật ngữ trong các tài liệu chuyên ngành vào các hoạt động liên quan đến chuyên ngành kế toán. Áp dụng được các kiến thức ngữ pháp được cung cấp kèm theo các bài đọc -Về kỹ năng: Kỹ năng đọc; Phân tích nội dung các bài báo, bài luận, và báo cáo tài chính và trả lời được các câu hỏi có liên quan; Kỹ năng nghe: Nghe và trả lời các câu hỏi có liên quan tới các đoạn hội thoại, bài thuyết trình về chủ đề tài chính kế toán được nghe. Kỹ năng nói: Thảo luận một số chủ đề liên quan tới chuyên ngành kế toán; Thực hiện những giao dịch chẳng hạn như tư vấn và thương lượng với khách hàng; Kỹ năng viết. Trình bày đơn xin việc, sơ yếu lý lịch, thư phản hồi khách hàng, báo cáo công việc bằng văn bản. Kỹ năng dịch: Chuyển ngữ được một số câu đơn, câu phức, câu ghép về lĩnh vực kế toán từ tiếng Anh sang tiếng Việt Các nhóm kỹ năng khác Sử dụng thành thạo các kỹ năng tổng hợp, phân tích và làm việc nhóm; Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng Internet để	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		phục vụ cho việc học tập môn tiếng Anh chuyên ngành kế toán. Thuyết trình về một số chủ đề đã học -Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng ý thức tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo chuyên ngành bằng tiếng Anh để nâng cao kiến thức chuyên ngành và cập nhật tình hình phát triển ngành Kế toán. Kiểm toán trên thế giới. Xây dựng tính kỷ luật, tự giác và nghiêm túc trong học tập.			
11	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. -Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. Về đạo đức nghề nghiệp:	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
3. HỆ DH7					
1	Hợp đồng kinh tế trong kinh doanh	-Về kiến thức: Người học trình bày được những đặc trưng pháp lý và các quy định của pháp luật về hợp đồng kinh tế, xác định rõ được các nội dung cơ bản của một số hợp đồng kinh tế trong kinh doanh. -Về kỹ năng: Nhận diện đầy đủ, đúng đắn các vấn đề cơ bản có liên quan đến hợp đồng kinh tế trong kinh doanh, áp dụng các kiến thức đã học vào thực tế, nâng cao kỹ năng soạn thảo, đàm phán và thực hiện hợp đồng kinh tế trong kinh doanh -Về đạo đức nghề nghiệp: Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Kế toán tài chính 1	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp sản xuất. -Về kỹ năng: Trình bày được toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể và vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản. Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, có thể tính toán và đánh giá được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí và điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của môn	4	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		học để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.			
3	Kinh tế tài nguyên và môi trường	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; Trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; trình bày được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên, xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp đã học để xác định mức ô nhiễm tối ưu cho hoạt động kinh tế và xác định mức khai thác tài nguyên tối ưu cho hoạt động khai thác tài nguyên trong thực tế. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể, đưa ra được giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên một cách bền vững. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Nâng cao ý thức tự giác trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường. + Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên và môi trường đối với sự phát triển của mỗi quốc gia.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Lý thuyết kiểm toán	- Về kiến thức: Người học trình bày được khái niệm kiểm toán, ý nghĩa của từng loại kiểm toán trong một đơn vị cụ thể, tổ chức và các hiệp hội nghề nghiệp của Việt Nam và thế giới; giải thích được chuẩn mực đạo đức của kiểm toán viên, trình tự nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ trong một tổ chức; giải thích được khái niệm bằng chứng kiểm toán. - Về kỹ năng: Áp dụng được các kiến thức	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		đã học để lập các báo cáo kiểm toán, có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo; bên cạnh đó có thể đưa ra ý kiến giúp nhà quản lý hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản; Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn; Có ý thức chấp hành các quy định về quy trình kế toán và kiểm toán.			Tự luận
5	Nguyên lý định giá	- Về kiến thức: Người học trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, mục đích, nguyên tắc thẩm định giá; So sánh và phân biệt được sự khác nhau cơ bản giữa các đối tượng thẩm định giá; Vận dụng được các phương pháp thẩm định giá phù hợp với từng loại tài sản cần thẩm định giá; nắm được quy trình thẩm định giá, các nội dung của hồ sơ thẩm định giá, các tiêu chuẩn thẩm định giá tài sản và hiểu về pháp luật trong hoạt động thẩm định giá. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích được đối tượng thẩm định giá, ưu điểm và nhược điểm của từng phương pháp thẩm định giá để từ đó lựa chọn được phương pháp thẩm định giá phù hợp với từng loại tài sản cần thẩm định giá. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp thẩm định giá để ước lượng giá trị của một số tài sản trong doanh nghiệp; Lập bộ hồ sơ thẩm định giá và hoàn thiện nội dung hợp đồng thẩm định giá. + Kỹ năng làm việc nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích, đánh giá về giá trị của tài sản (như bất động sản, máy, thiết bị, doanh nghiệp,...) có thể đưa ra những quyết định tài chính, quyết định đầu tư phù hợp để nâng cao giá trị doanh nghiệp và mang lại hiệu quả kinh tế cao.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ đúng đắn với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc (như: Độc lập, chính trực, khách quan, công khai minh bạch, bí mật, thận trọng,...) và trau dồi kiến thức chuyên môn.			
6	Nguyên lý kế toán	-Về kiến thức: Trình bày được và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình. -Về kỹ năng: + Kỹ năng về nhận thức: Trình bày bản chất của kế toán, các phương pháp kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu và toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận và thực hành. + Kỹ năng tư duy: Tổng hợp và đánh giá khái quát được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Từ các báo cáo tài chính có thể cung cấp được các thông tin khái quát về tình hình tài chính giúp cho doanh nghiệp có biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. -Về đạo đức nghề nghiệp: + Hiểu được công việc về kế toán, từ đó có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Hiểu được tầm quan trọng của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
7	Nguyên lý thống kê kinh tế	-Về kiến thức: vận dụng được kiến thức cơ bản như: thu thập thông tin thống tổng hợp và trình bày dữ liệu thống các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng. -Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng thống kê khoa học, vận dụng các chỉ tiêu thống kê thông dụng, phân tích, đánh giá tình hình và có kỹ năng dự báo các biến động của hiện tượng kinh tế. Rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. -Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Ý thức được tầm quan trọng của công tác thống kê trong đời sống hàng ngày cũng như trong mọi hoạt động của ngành, của địa phương và của đất nước.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Quản trị dự án đầu tư	- Về kiến thức: Sau khi nghiên cứu học phần Quản trị dự án đầu tư người học trình bày được những kiến thức cơ bản về dự án đầu tư như: Tổng quan về dự án đầu tư; quá trình lập một dự án đầu tư; thẩm định một dự án đầu tư; quản lý dự án đầu tư (nội dung, phương pháp, quản lý thời gian, tiến độ, phân phối nguồn lực, quản lý chất lượng và rủi ro của dự án..). - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích và xây dựng các mô hình; các yêu cầu và giới hạn mục tiêu của quản lý dự án; khái quát hóa vấn đề và xác định được mục tiêu cốt lõi cần giải quyết trong quá trình quản trị dự án. + Kỹ năng về nghề nghiệp: áp dụng các lý thuyết về thiết kế, kế toán, dự toán, quản lý dự án... để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị dự án. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác trong vấn đề quản trị một dự án đầu tư. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức cơ	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		bản của học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích được tổng hợp các vấn đề trong việc quản trị một dự án đầu tư; từ đó có những đề xuất giúp cho dự án hoạt động có hiệu quả. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của việc quản trị một dự án đầu tư trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
9	Quản trị kinh doanh	- Về kiến thức: Người học trình bày, phân tích, tổng hợp những kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị kinh doanh, các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và có một tầm nhìn rộng về công tác quản trị hoạt động kinh doanh. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng hệ thống kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong việc xây dựng và quản lý hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác từ đó áp dụng vào thực tế làm hiệu. + Kỹ năng tư duy: Vận dụng hệ thống kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh và nhận diện, phân tích được các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp từ đó xây dựng những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động quản trị kinh doanh trong công việc.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Tài chính doanh nghiệp	- Về kiến thức: Người học trình bày được những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng của tài chính doanh nghiệp, mục tiêu và các quyết định tài chính doanh nghiệp, vốn kinh doanh của doanh nghiệp, các phương pháp tính khấu hao tài sản cố định, phương pháp xác định nhu cầu vốn lưu	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		động, cách quản lý vốn lưu động; các vấn đề về đầu tư dài hạn của doanh nghiệp cùng với các chỉ tiêu đánh giá dự án đầu tư, xem xét rủi ro và tỷ suất sinh lời của các dự án; nguồn tài trợ cho doanh nghiệp với chi phí sử dụng vốn là bao nhiêu. '- Về kỹ năng: Vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá được tình hình tài chính của doanh nghiệp, tính được khấu hao tài sản cố định, xác định nhu cầu vốn lưu động của doanh nghiệp, tính hiệu suất sử dụng vốn cố định và tốc độ luân chuyển vốn lưu động; Phân tích, đánh giá rủi ro và tỷ suất sinh lời và xác định dòng tiền của các dự án để lựa chọn dự án đầu tư dài hạn; Phân tích, so sánh các điểm lợi và bất lợi của các nguồn tài trợ để lựa chọn phương thức huy động vốn có lợi nhất. '- Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ đúng đắn với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc (như: Trung thực, thẳng thắn, cần trọng, không vụ lợi, độc lập, khách quan,...) và trau dồi kiến thức chuyên môn.			thức học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Thông kê doanh nghiệp	-Về kiến thức: các phương pháp thống kê các yếu tố sản xuất trong doanh nghiệp, cụ thể là thống kê tài sản cố định, thống kê tài sản lưu động, thống kê lao động và thu nhập của lao động; thống kê giá thành sản xuất; thống kê kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; phương pháp phân tích một số chỉ tiêu thống kê về hiệu quả sản xuất kinh doanh. Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng thống kê khoa học, vận dụng, tính toán các chỉ tiêu đánh giá nguồn lực đầu vào (lao động, vốn), các chỉ tiêu phản ánh kết quả đầu ra (giá trị sản xuất, giá trị tăng thêm, doanh thu, lợi nhuận,...); Tính toán các chỉ tiêu hiệu quả (năng suất lao động, giá thành,...); Đánh giá được hiệu quả sử dụng vốn, lao động, tiền lương của doanh nghiệp; Xây dựng được mô hình lượng hóa các nhân tố tác động đến kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện đức	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Ý thức được tầm quan trọng của công tác thống kê trong hoạt động của doanh nghiệp.			
12	Thương mại điện tử	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Người học trình bày và phân tích được những kiến thức cơ bản như: lợi ích của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Nhận thức đầy đủ, đúng đắn các vấn đề cơ bản có liên quan đến thương mại điện tử và phân tích được tình hình ứng dụng thương mại điện tử trong các doanh nghiệp hiện nay. + Kỹ năng nghề nghiệp: Ứng dụng vào việc phát triển nghề nghiệp sau khi ra trường. + Kỹ năng làm việc nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác trong các doanh nghiệp có ứng dụng thương mại điện tử. + Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích về các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp có ứng dụng thương mại điện tử có thể đưa ra những biện pháp, ý tưởng mới cho các doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của thương mại điện tử trong kinh doanh để có hướng phấn đấu và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
13	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Về kiến thức: Trình bày được cơ sở khoa học hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; phân tích được những nội dung cơ bản và giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh, đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng bảo vệ Tổ quốc trong các giai đoạn của cách mạng Việt Nam. Về kỹ năng: vận dụng lí luận, phương	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới. Về đạo đức nghề nghiệp: Bồi dưỡng, hun đúc lòng yêu nước và các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, nâng cao lòng tự hào về Bác Hồ, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, xây dựng lý tưởng sống cao đẹp, biến lý tưởng thành hành vi cụ thể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.			Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4. HỆ DH8					
1	Kinh tế vi mô	Về kiến thức: Giải thích được những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Xây dựng được thái độ yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh. + Phân tích được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Kinh tế vĩ mô	- Về kiến thức: Giải thích được các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô. + Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế... phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. + Kỹ năng tư duy: Có khả năng tư duy để áp dụng trong dự đoán và có định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Xây dựng được thái độ yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô. + Nhận diện được tầm quan trọng của việc nhận xét, đánh giá nền kinh tế vĩ mô. Nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.			thức học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Về kiến thức: Trình bày và Giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. Về đạo đức nghề nghiệp: -Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Pháp luật đại cương	Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.			
5	Quản trị học	.- Về kiến thức: Nhân diện được những vấn đề cơ bản của quản trị, các chức năng của quản trị, các kỹ năng mà nhà quản trị cần phải có. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức đã học, người học có thể nhận diện được cách quản trị một tổ chức sao cho hiệu quả, biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Xác định được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
6	Tài chính - Tiền tệ	- Về kiến thức: Người học trình bày được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; Nắm được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp; những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Vận dụng được những vấn đề cơ bản về tài chính; các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như vốn kinh doanh, nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và phân phối lợi nhuận cũng như những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế + Kỹ năng nghề nghiệp: Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, sự tác động của thị trường tài chính đến nền kinh tế và tài chính doanh nghiệp. Từ đó tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn. + Ý thức được tầm quan trọng của việc	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
7	Toán cao cấp	Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, các phép toán và ứng dụng của hàm số một biến số, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn. Về kỹ năng: Sinh viên phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Xác suất thống kê	Về kiến thức: Sinh viên trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu. Về kỹ năng: Sinh viên phân tích và nhận diện được kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình. Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thói quen tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	Về kiến thức: trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. Về đạo đức nghề nghiệp: - Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Tin học đại cương	+ Về kiến thức: Trình bày những kiến thức chung về công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính và internet. + Về kỹ năng: Sinh viên có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		dụng tin học văn phòng như soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính excel và thuyết trình bằng phần mềm trình diễn powerpoint, truy cập internet thành thạo. + Về đạo đức nghề nghiệp: Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, làm các bài tập về nhà để nâng cao tinh thần tự học.'			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
5. HỆ LDH7					
1	Kế toán chi phí	<i>Về kiến thức:</i> Vận dụng và nhận diện được bản chất chi phí, qui trình thu thập, xử lý, tính giá thành sản phẩm và lập báo cáo chi phí ở một doanh nghiệp. Qua đó, giúp sinh viên có khả năng tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại một doanh nghiệp cụ thể. <i>Về kỹ năng:</i> + Kỹ năng nhận thức: Phân loại các loại chi phí, các loại cách tính giá thành sản phẩm. Nắm được mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Hiểu rõ ý nghĩa của chi phí sản xuất định mức và giá thành định mức. Biết cách xây dựng mô hình ABC để áp dụng vào việc tính giá thành. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các phương pháp xác định giá thành để áp dụng vào công việc kế toán giá thành tại các doanh nghiệp + Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích, đánh giá về tình hình sản xuất thực tế của doanh nghiệp có thể đưa ra được phương pháp tính giá thành phù hợp để công tác kế toán giá thành được nhanh chóng, chính xác và cung cấp thông tin chi phí – giá thành cho nhà quản lý.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Kế toán máy	<i>Về kiến thức:</i> Vận dụng được các kiến thức về thiết lập và phân tích hệ thống thông tin của các chu trình kế toán, làm cơ sở cho việc vận dụng các phần mềm kế toán. Nắm được kỹ năng sử dụng các phần mềm kế toán thông dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. <i>Về kỹ năng:</i> Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán Effect, vận dụng để áp dụng tin học hóa vào công tác kế toán của doanh nghiệp. Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nhóm và hợp tác với người khác. Người học có thể tự nghiên cứu các phần mềm kế toán khác. <i>Về đạo đức nghề nghiệp:</i> Ý thức được tầm quan trọng của việc áp dụng kế toán máy vào công tác kế toán tại các doanh nghiệp.			
3	Kế toán tài chính 1	<i>Về kiến thức:</i> Trình bày được những kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp sản xuất. <i>Về kỹ năng:</i> Trình bày được toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể và vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản. Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, có thể tính toán và đánh giá được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí và điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. <i>Về đạo đức nghề nghiệp:</i> + Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của môn học để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.	4	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Phân tích báo cáo tài chính	<i>Về kiến thức:</i> Trình bày được và so sánh, đánh giá được tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động: Hoạt động đầu tư, hoạt động tài trợ và hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Từ đó giúp người học có cái nhìn chính xác hơn về tình hình thực tế hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường luôn biến động. <i>Về kỹ năng:</i> + Kỹ năng về nhận thức: Vận dụng các kiến thức đã học để lập, đọc, kiểm tra các báo cáo tài chính từ đó cung cấp các thông	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tin cần thiết để đánh giá về tình hình tài chính của một doanh nghiệp, đồng thời đề xuất cho nhà quản lý để đưa ra các quyết định đúng đắn về tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp sao cho hiệu quả cao nhất. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Thực hành công việc phân tích tình hình tài chính thông qua các Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Trình bày được các phương pháp phân tích, nhân tố ảnh hưởng tới từng chỉ tiêu, từ đó đánh giá và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra các quyết định đúng đắn. <i>Về đạo đức nghề nghiệp:</i> Vận dụng những kiến thức đã được học để đọc và phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp từ đó đưa ra những ý kiến, tư vấn cho các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính một cách phù hợp.			
5	Phân tích báo cáo tài chính	<i>Về kiến thức:</i> Trình bày được và so sánh đánh giá được tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động: Hoạt động đầu tư, hoạt động tài trợ và hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Từ đó giúp người học có cái nhìn chính xác hơn về tình hình thực tế hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường luôn biến động. <i>Về kỹ năng:</i> + Kỹ năng về nhận thức: Vận dụng các kiến thức đã học để lập, đọc, kiểm tra các báo cáo tài chính từ đó cung cấp các thông tin cần thiết để đánh giá về tình hình tài chính của một doanh nghiệp, đồng thời đề xuất cho nhà quản lý để đưa ra các quyết định đúng đắn về tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp sao cho hiệu quả cao nhất. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Thực hành công việc phân tích tình hình tài chính thông qua các Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Hiểu rõ các phương pháp phân tích, nhân tố ảnh hưởng tới từng chỉ tiêu, từ đó đánh giá và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra các quyết định đúng đắn. <i>Về đạo đức nghề nghiệp:</i> Vận dụng những kiến thức đã được học để đọc và phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp từ đó đưa ra những ý kiến, tư vấn cho các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính một cách phù hợp.			

IX. Ngành Khoa học đất

1. HỆ ĐH5

1	Chiến lược phát triển bền vững tài nguyên đất	Về kiến thức: Giúp sinh viên trình bày được và phân loại được các vấn đề cơ bản về đất đai và vận dụng để xây dựng được các đơn vị đất đai trên cơ sở của các đặc tính đất đai. Phân tích được sự liên quan giữa đất đai và sử dụng đất đai với các yếu tố tác động trong hệ thống sử dụng đất đai. Từ đó sinh viên có thể so sánh trong điều kiện thực tế và nhận thức được vai trò quan trọng của điều kiện tự nhiên của đất đai đối với việc phân chia sử dụng đất đai trong các vùng có điều kiện tự nhiên khác nhau. Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng được cách khai thác sử dụng quỹ đất đai và các nguồn tài nguyên khác để đạt được mục tiêu phát triển toàn diện và bền vững. Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu, thường xuyên trao đổi thảo luận; thực hiện các hoạt động trên lớp, nhận thức được tầm quan trọng của môn học, hướng tới phát triển bền vững tài nguyên đất.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Công nghệ vi sinh trong nông nghiệp	Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức về công nghệ vi sinh vật, quy trình sản xuất, cách sử dụng và hiệu quả của các loại chế phẩm vi sinh vật được sử dụng trong lĩnh vực nông nghiệp, xử lý phế thải nông công nghiệp, nước thải chống ô nhiễm môi trường. <i>Về kỹ năng:</i> Xây dựng quy trình xử lý phế thải, nước thải và tái chế phế thải làm phân bón cho cây trồng chống ô nhiễm môi trường. <i>Về đạo đức nghề nghiệp:</i> Rèn luyện tác phong cẩn thận, có trách nhiệm, tôn trọng pháp luật	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		và đề cao lợi ích của con người, hướng tới bảo vệ môi trường bền vững.			
3	Nông nghiệp sạch và bền vững	Về kiến thức: Sinh viên nhận biết được các vấn đề cơ bản về khái niệm nông nghiệp sạch và bền vững, các tiêu chuẩn cũng như lợi ích của nông nghiệp sạch và bền vững. Từ đó sinh viên có thể so sánh trong điều kiện thực tế và nhận thức được vai trò quan trọng của nền nông nghiệp sạch và bền vững trong phát triển kinh tế. Về kỹ năng: Áp dụng đề mô phỏng các quy trình sản xuất nông nghiệp sạch và bền vững, đánh giá được thực trạng sản xuất nông nghiệp. Từ đó có thể thực hiện được các giải pháp khắc phục, đảm bảo sản xuất nông nghiệp sạch. Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu, thường xuyên trao đổi thảo luận; thực hiện các hoạt động trên lớp, nhận thức được tầm quan trọng của môn học, hướng tới nền nông nghiệp sạch và bền vững	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Quy hoạch phát triển nông nghiệp	Về kiến thức: sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về sự phát triển nông nghiệp bền vững, những nguyên lý, nguyên tắc và nội dung của quy hoạch phát triển nông nghiệp. Sinh viên tóm lược được những kỹ năng trong điều tra, đánh giá, lập quy hoạch và phân tích tác động của phương án quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp tới đời sống xã hội. Về kỹ năng: Vận dụng giải quyết mối quan hệ mật thiết việc khai thác sử dụng quỹ đất đai và các nguồn tài nguyên khác để đạt được mục tiêu phát triển toàn diện và bền vững ngành nông nghiệp Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu, thường xuyên trao đổi thảo luận; thực hiện các hoạt động trên lớp, nhận thức được tầm quan trọng của môn học.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Quy hoạch sử dụng đất	Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đất đai và sử dụng đất, khái quát được cơ sở lý luận, cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý về quy hoạch sử dụng đất, các nguyên tắc, quy luật phát triển của quy hoạch sử dụng đất; nội dung cơ bản về quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, huyện.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		Về kỹ năng: Sinh viên có thể vận dụng kiến thức đã học giải quyết một số bài tập về đánh giá sơ bộ đất đai, dự báo nhu cầu sử dụng đất. Vận dụng trong xây dựng phương án QHSDĐ tại một địa phương và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp tỉnh, huyện. Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học Quy hoạch sử dụng đất; Tham gia tích cực vào các giờ giảng; thể hiện được năng lực tự học, tự nghiên cứu. Sinh viên thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.			Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Thực hành xây dựng bản đồ đất	<i>Về kiến thức:</i> Vận dụng được quy trình kỹ thuật xây dựng bản đồ đất và các loại bản đồ chuyên đề. Sau khi học xong sinh viên vận dụng được các kết quả của đánh giá đất phục vụ cho việc quản lý nguồn tài nguyên đất và quy hoạch sử dụng đất trong sản xuất nông lâm nghiệp. Về kỹ năng: Kết thúc học phần sinh viên có thể xây dựng được bản đồ đất tại khu vực nghiên cứu trên nền bản đồ địa hình cùng tỷ lệ. Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học Thực hành xây dựng bản đồ đất; sinh viên thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.	2	Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập tại cơ sở (trọng số 40%) Chấm báo cáo thực tập tại Khoa (trọng số 60%) Hình thức thi: báo cáo
7	Thực tập quy hoạch sử dụng đất	<i>Về kiến thức:</i> Sinh viên vận dụng những kiến thức đã học về Pháp Luật đất đai, Quy hoạch sử dụng đất để thực hiện những tác nghiệp cụ thể về quy hoạch sử dụng đất (QHSDĐ), thông qua thực tập tại địa phương sinh viên được rèn luyện tay nghề và nâng cao ý thức nghề nghiệp. Cụ thể: thu thập những tài liệu, số liệu có liên quan tại địa phương để phục vụ thực hiện nội dung quy hoạch sử dụng đất; tổng hợp được số liệu điều tra vào biểu tổng hợp số liệu; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả từ tài liệu đã được thu thập; xây dựng phương án quy hoạch tại địa bàn thực tập; xây dựng được bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ quy hoạch sử dụng đất theo quy phạm thành lập bản đồ; nắm được quy		Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		trình xây dựng báo cáo thuyết minh tổng hợp. Về kỹ năng: Đánh giá được tiềm năng đất đai và xây dựng phương án sử dụng đất cho địa phương khoa học, logic và hiệu quả; Đánh giá được nhu cầu sử dụng đất tại địa phương. Vận dụng được quy trình lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; Xây dựng được phương án quy hoạch sử dụng đất cho địa phương. Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học; sinh viên thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.			
8	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
9	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
2. HỆ ĐH6					
1	Cơ sở viễn thám	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Về kiến thức: Trình bày được kiến thức tổng quan về viễn thám, bộ cảm biến và vệ tinh viễn thám; Phân biệt được các loại ảnh viễn thám (ảnh quang học, ảnh hồng ngoại và ảnh radar); trình bày được khái niệm, nguyên lý hoạt động, đặc điểm hình học, khả năng ứng dụng của các loại ảnh nói trên; các phương pháp xử lý ảnh viễn thám; thuật toán phân loại ảnh viễn thám; Giải thích được các công đoạn trong quy trình giải đoán và xử lý ảnh viễn thám; Về kỹ năng: Vận dụng được các chỉ số thống kê, hiển thị và tăng cường chất lượng ảnh, đăng ký tọa độ ảnh và thực hiện các phép biến đổi ảnh đơn giản; Chọn được vùng mẫu, chọn thuật toán thích hợp để tiến hành phân loại; đánh giá và ứng dụng kết quả đạt vào một vấn đề cụ thể; Vận dụng được phương pháp cập nhật thông tin cần thiết từ ảnh viễn thám để thành lập bản đồ chuyên đề và hiện chỉnh bản đồ địa hình. Sử dụng được các thuật toán khác nhau trong công tác xử lý ảnh viễn thám; Thực hiện được bài toán chuyển đổi hệ tọa độ trong đo ảnh, xác định quy luật biến dạng hình ảnh trên ảnh hàng không quang học - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tác phong: cẩn thận, chính xác, trung thực; Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Cơ sở viễn thám	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: Về kiến thức: Trình bày được kiến thức tổng quan về viễn thám, bộ cảm biến và vệ tinh viễn thám; Phân biệt được các loại ảnh viễn thám (ảnh quang học, ảnh hồng	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		ngoại và ảnh radar); trình bày được khái niệm, nguyên lý hoạt động, đặc điểm hình học, khả năng ứng dụng của các loại ảnh nói trên; các phương pháp xử lý ảnh viễn thám; thuật toán phân loại ảnh viễn thám; Giải thích được các công đoạn trong quy trình giải đoán và xử lý ảnh viễn thám; Về kỹ năng: Vận dụng được các chỉ số thống kê, hiển thị và tăng cường chất lượng ảnh, đăng ký tọa độ ảnh và thực hiện các phép biến đổi ảnh đơn giản; Chọn được vùng mẫu, chọn thuật toán thích hợp để tiến hành phân loại; đánh giá và ứng dụng kết quả đạt vào một vấn đề cụ thể; Vận dụng được phương pháp cập nhật thông tin cần thiết từ ảnh viễn thám để thành lập bản đồ chuyên đề và hiện chỉnh bản đồ địa hình. Sử dụng được các thuật toán khác nhau trong công tác xử lý ảnh viễn thám; Thực hiện được bài toán chuyển đổi hệ tọa độ trong đo ảnh, xác định quy luật biến dạng hình ảnh trên ảnh hàng không quang học - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tác phong: cẩn thận, chính xác, trung thực; Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Đánh giá đất	Về kiến thức: Học phần giúp sinh viên vận dụng được cơ bản về quá trình điều tra, phân tích và xử lý thông tin trong đánh giá đất. Sau khi học xong học phần này, sinh viên áp dụng được các phương pháp, nguyên tắc và quy trình đánh giá đất theo FAO; vận dụng được các kết quả của đánh giá đất phục vụ cho việc quản lý nguồn tài nguyên đất và quy hoạch sử dụng đất trong sản xuất nông lâm nghiệp Về kỹ năng: Sau khi học xong môn này, sinh viên có khả năng: + Trình bày được phương pháp, nguyên tắc và quy trình đánh giá đất theo FAO; + Thành thạo quá trình điều tra, mô tả các đơn vị đất đai và các loại hình sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp. + Thực hiện chính xác việc phân hạng thích hợp đất đai, đề xuất và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên đất trên quan điểm sinh thái và phát triển bền vững phục vụ mục đích quy hoạch sử dụng đất và các	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		mục đích khác Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ học tập nghiêm túc, tham gia tích cực các giờ học, kiểm tra theo quy định, cảm thụ được vai trò quan trọng của công tác đánh giá đất trong thực tiễn.			
4	Dinh dưỡng cây trồng	Về kiến thức: Học phần giúp cho sinh viên vận dụng những kiến thức cơ bản về việc sử dụng phân bón làm cơ sở cho việc bón phân đạt năng suất và phẩm chất cây trồng cao với hiệu quả phân bón cao, tránh ảnh hưởng xấu tới môi trường Về kỹ năng: Có khả năng xác định được, điều chỉnh được việc sử dụng phân bón hợp lý cho các loại cây trồng. Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu, thường xuyên trao đổi thảo luận; thực hiện các hoạt động trên lớp, nhận thức được tầm quan trọng của môn học với thực tiễn.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Độ phì nhiêu đất	Về kiến thức: Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên phân loại, nhận biết các thành phần của độ phì nhiêu đất đai, tính chất, đặc điểm của độ phì nhiêu. Xác định được cách sử dụng các biện pháp nhằm mục đích tăng năng suất cây trồng và hạn chế suy thoái độ phì nhiêu của đất. Về kỹ năng: Phân tích được độ phì nhiêu đất, vận dụng trong việc cải tạo và nâng cao độ phì cho đất. Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên tham gia tích cực vào các giờ giảng, thể hiện năng lực tự học, tự tìm tòi tài liệu để nghiên cứu.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Hóa phân tích	Về kiến thức: - Sinh viên phát biểu được các khái niệm cơ bản về hóa học phân tích, đồng thời trình bày được các phương pháp xử lý mẫu, các phương pháp phân tích các chỉ tiêu trong mẫu đất, nước, phân bón và cây trồng. - Sinh viên vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học phân tích vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo. Về kỹ năng: - Sinh viên áp dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các dạng bài tập cơ bản của học phần. + Áp dụng kiến thức đã học vào các hoạt	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		động thực tiễn có liên quan đến hoá học. Về đạo đức nghề nghiệp: - Hình thành ý thức tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. -Trau dồi khả năng vận dụng kiến thức của các môn học có liên quan với nhau.			
7	Khí tượng nông nghiệp	Về kiến thức: Phân tích được vai trò của ánh sáng, nhiệt độ và độ ẩm đối với đời sống cây trồng nói riêng cũng như ảnh hưởng của thiên tai tới sản xuất nông nghiệp. Về kỹ năng: Áp dụng được những kiến thức cơ bản về khí tượng nông nghiệp vào phục vụ nông nghiệp.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Phân loại và xây dựng bản đồ đất	Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về phân loại đất, các trường phái phân loại đất trên thế giới, tình hình phân loại đất ở Việt Nam. Những kiến thức chung về bản đồ và quy trình xây dựng bản đồ đất. Về kỹ năng: So sánh được các trường phái phân loại đất trên thế giới và phân loại đất ở Việt Nam; Vận dụng được để xây dựng bản đồ đơn vị đất đai và các loại bản đồ chuyên đề; Kết thúc học phần sinh viên nhận diện, phân loại được các loại đất cụ thể cho một khu vực nghiên cứu, xây dựng được bản đồ đơn vị đất đai tại khu vực nghiên cứu trên nền bản đồ địa hình cùng tỷ lệ; Kết quả đạt được sẽ thực hiện được bản đồ đất đai và báo cáo thuyết minh đất kèm theo Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học; Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo, hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn; Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà; cảm thụ được vai trò quan trọng của đạo đức trong thực tiễn nghề nghiệp	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
9	Phân tích thổ nhưỡng - nông hóa	<i>Về kiến thức:</i> Học phần này giúp cho người học vận dụng được những kiến thức về dinh dưỡng cây trồng, vai trò của các nguyên tố dinh dưỡng đối với cây. Nhận biết được vai trò của các loại phân bón và cách bón phân hợp lý. Phân loại được đất trồng, quá trình hình thành đất và các tính chất vật lý, hoá học của đất liên quan đến khả năng cung cấp chất dinh dưỡng cho cây. Nhận biết được hệ thống phân loại đất, các nhóm đất chính Việt Nam và sự phân bố. <i>Về kỹ năng:</i> người học thể hiện được vai trò của các nguyên tố dinh dưỡng, các loại phân bón và cách bón phân hợp lý; Phân biệt được hệ thống phân loại đất, các nhóm đất chính ở Việt Nam và sự phân bố. <i>Về đạo đức nghề nghiệp:</i> Có ý thức tham gia, xây dựng giờ học; cảm nhận và sáng tạo trong học tập, tự tìm tòi tài liệu, thường xuyên trao đổi thảo luận; thực hiện các hoạt động trên lớp.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Quản lý tài nguyên môi trường	- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được khái niệm cơ bản và phân loại tài nguyên và môi trường, hệ thống tổ chức quản lý từ cấp trung ương đến địa phương; Phân loại được các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường. - Về kỹ năng: Vận dụng được các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường vào thực tế để quản lý các đối tượng tài nguyên và thành phần môi trường hiệu quả. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và ngành nghề.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Sinh thái và môi trường đất	Về kiến thức: Học viên trình bày được các khái niệm trong sinh thái học, các nguyên lý cơ bản của sinh thái học. Mô tả được hiện trạng, xu thế suy thoái các nguồn tài nguyên, đặc biệt là tài nguyên đất và suy thoái môi trường. Từ đó phân tích được mối quan hệ giữa sinh thái học với bảo vệ môi trường, đặc biệt là môi trường đất với phát triển nông- lâm nghiệp. Về kỹ năng: Sinh viên có thể áp dụng các kiến thức đã học vào trong các hoạt động phòng ngừa và giải quyết một số vấn đề cụ thể về sinh thái và môi trường tại địa phương, đặc biệt trong công tác quản lý	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		đất đai. Rèn kỹ năng làm việc theo nhóm. Về đạo đức nghề nghiệp: Giáo dục ý thức bảo vệ, sử dụng hợp lý, có hiệu quả một số nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là nguồn tài nguyên đất và tích cực học tập, tự học, tự tìm tòi tài liệu để nghiên cứu.			
12	Thoái hóa đất	Về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần thoái hóa đất, sinh viên trình bày được và giải thích các quá trình thoái hóa đất cơ bản, nguyên nhân gây ra các loại thoái hóa và các biện pháp để phòng chống và phục hồi tài nguyên đất với từng loại hình thoái hóa đất cụ thể. Về kỹ năng: Sinh viên có khả năng áp dụng được những kiến thức, kỹ năng về thoái hóa đất để tiến hành điều tra, đánh giá các loại thoái hóa đất; xây dựng và áp dụng kỹ thuật xử lý, cải tạo, bảo vệ và phục hồi tài nguyên đất bị thoái hóa. Về đạo đức nghề nghiệp: Cảm thụ được vai trò quan trọng của việc sử dụng đất bền vững, góp phần bảo vệ tài nguyên quan trọng này của đất nước trước nguy cơ tài nguyên đất bị thoái hóa hiện nay.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
13	Thực tập đánh giá đất	<i>Về kiến thức:</i> Sinh viên áp dụng được những kiến thức cơ bản về điều tra, phân tích và đánh giá nguồn tài nguyên đất đai. Sau khi học xong học phần này, sinh viên vận dụng được các kiến thức và quy trình đã học cho công tác đánh giá đất đai phục vụ các dự án cụ thể liên quan. <i>Về kỹ năng:</i> Thành thạo trong công tác đánh giá đất theo quy trình của FAO; Thành thạo trong quá trình điều tra, mô tả các đơn vị đất đai và các loại hình sử dụng đất trong sản xuất nông nghiệp. Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học Thực tập đánh giá đất; sinh viên thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.	2	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
14	Thực tập thổ nhưỡng	Về kiến thức: Sinh viên tóm lược lại các kiến thức về phẫu diện đất; các kiến thức về các tính chất vật lý và cơ lý của đất; Phân tích các tính chất hóa học của đất. Về kỹ năng: Nhận diện và mô tả được các mẫu khoáng vật và đá sẵn có; Biết đào và mô tả được phẫu diện đất; Biết cách lấy	2	Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		mẫu đất và xử lý mẫu đất; Thực hiện được các phương pháp phân tích các tính chất lý, hóa học của đất Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao; Có ý thức về việc chấp hành pháp Luật và sáng tạo trong công tác.			báo cáo
15	Thủy nông cải tạo đất	Về kiến thức: Sinh viên phân tích được về mối quan hệ giữa Đất – Nước – Cây trồng; trình bày được về phương pháp và kỹ thuật Tưới – Tiêu; vận dụng được các kiến thức về chống xói mòn và cải tạo đất có vấn đề. Về kỹ năng: Giải thích được về việc quản lý chế độ ẩm đất theo điều kiện thời tiết, theo giai đoạn sinh trưởng của cây trồng và các loại cây trồng; Hiểu biết về tác hại của sự xói mòn đất do nước; Phân tích được vai trò của nước trong sản xuất nông nghiệp cũng như các lĩnh vực sử dụng nước khác. Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao;	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
16	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
3. HỆ DH7					
1	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Học phần Kỹ năng mềm cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
2	Cây trồng đại cương	<i>Về kiến thức:</i> Sinh viên mô tả được về các nhóm cây trồng chính, nhận biết được những giá trị về mặt kinh tế cũng như tình hình sản xuất và kỹ thuật trồng để vận dụng trong công tác sau này. <i>Về kỹ năng:</i> Nhận biết được các loại cây trồng và đặc tính của các loại cây, điều tra giá trị kinh tế của cây trồng, tình hình sản xuất và vận dụng được kỹ thuật trồng cây trên thực tế. <i>Về đạo đức nghề nghiệp:</i> Tham gia tích cực vào các giờ giảng; thể hiện được năng lực tự học, tự nghiên cứu. Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học; sinh viên thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Địa chất đại cương	Sau khi kết thúc học phần, sinh viên đạt được các mục tiêu sau: - Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về nguồn gốc trái đất; phân loại và sơ bộ nắm được quá trình hình thành ba loại đá chính; có khái niệm đại cương về khoáng vật, phân biệt được quá trình địa chất nội lực, ngoại lực; Hiểu và phân biệt được các quá trình liên quan đến sự thành tạo vỏ phong hóa - thổ nhưỡng. - Về kỹ năng: Vận dụng được lý thuyết đã học vào thực tế Chuyên ngành Kỹ thuật Địa chất. Có khả năng phân tích, sử dụng	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		các kiến thức đã được cung cấp làm cơ sở học tiếp các môn học sau. - Về đạo đức nghề nghiệp + Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao; + Có ý thức về việc bảo vệ môi trường chung của Trái đất; Sáng tạo trong công tác.			
4	Hóa học đất	Về kiến thức: sinh viên trình bày được hệ thống kiến thức về sự hình thành; cấu tạo hóa học của các pha trong đất, các đặc tính cơ bản của đất như đặc tính hấp phụ, đặc tính trao đổi ion của đất, phân loại và cơ sở khoa học của các phương pháp cải tạo đất. Về kỹ năng: Biết dựa trên cơ sở khoa học hóa học với đối tượng phân tích là đất đai để phân loại được các đặc tính cơ bản của đất, qua đó áp dụng phục vụ đánh giá đất, nguy cơ nhiễm mặn nhiễm phèn đất và quản lý hiệu quả nguồn tài nguyên đất trong sản xuất nông - lâm nghiệp. Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tinh thần cầu thị, ham học hỏi, cầu tiến, mong muốn làm chủ kiến thức môn học. Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn Hóa học đất; sinh viên thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Hóa môi trường	Về kiến thức: -Trình bày được các tác nhân, nguyên nhân gây nên các hiện tượng ô nhiễm môi trường nước, đất và không khí. -Trình bày được hậu quả, biện pháp khắc phục các hiện tượng ô nhiễm môi trường nước, đất và không khí. - Giải thích được bản chất hóa học của một số hiện tượng ô nhiễm môi trường nước, đất và không khí. - Đánh giá được mức độ ô nhiễm môi trường. Về kỹ năng: - Sinh viên phân tích được hậu quả của các hiện tượng ô nhiễm môi trường. - Đề xuất các giải pháp phòng ngừa các hiện tượng ô nhiễm môi trường tiêu cực. -Về đạo đức nghề nghiệp: - Hình thành ý thức tự học, tự nghiên cứu	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		cho sinh viên. - Trau dồi khả năng vận dụng kiến thức của các môn học có liên quan với nhau. - Có ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường nói chung và nhận thức rõ trách nhiệm trong việc xử lý, giảm thiểu các chất gây ô nhiễm môi trường.			
6	Pháp luật đại cương	Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống. Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm
7	Quản lý nhà nước về đất đai	Về kiến thức: Trình bày được nguyên tắc tổ chức, hoạt động và trình bày được hệ thống bộ máy Nhà nước nói chung và bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng. Nhận biết được những vấn đề cơ bản của QLHCNN và QLNN về đất đai; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống cơ quan chuyên môn ngành Tài nguyên và Môi trường; Trình bày được 15 nội dung của Quản lý Nhà nước về đất đai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng cứng: Vận dụng được pháp Luật giải quyết được một số tình huống trong quản lý nhà nước về đất đai và soạn thảo được 1 số loại văn bản QPPL, VB quản lý hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. + Kỹ năng mềm: có khả năng cập nhật các thông tin trên internet, kỹ năng làm việc theo nhóm. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao. Có ý thức về việc	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		chấp hành pháp Luật. Sáng tạo trong công việc.			
8	Sinh học đất	<i>Về kiến thức:</i> sinh viên trình bày được các kiến thức về sinh vật đất (Các nhóm sinh vật chính, cơ chế tác dụng của chúng). Cụ thể: Nhận biết được ý nghĩa, vai trò của từng loại sinh vật đất trong quá trình hình thành và cải tạo đất, trong sản xuất nông - lâm - nghiệp; Động thái VSV trên các loại đất và mối quan hệ hữu cơ giữa VSV đất, đất và cây trồng; Phân loại được một số nhóm VSV, ý nghĩa trong việc sử dụng và cải tạo độ phì của đất, cũng như trong sản xuất nông - lâm - nghiệp, cơ chế hoạt động của chúng; Phân tích được những ảnh hưởng của các biện pháp canh tác đến VSV đất. <i>Về kỹ năng:</i> Liên hệ, vận dụng được vào việc học tập các học phần về kỹ thuật nông - lâm - nghiệp để hiểu được những ứng dụng chính của VSV trong lĩnh vực đó. Khi cần thiết, sinh viên có khả năng lựa chọn được những nội dung thích hợp vào việc nghiên cứu về lĩnh vực sinh học đất và ứng dụng trong thực tế sản xuất. <i>Về đạo đức nghề nghiệp:</i> Có năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao hiểu biết của bản thân về lĩnh vực VSV và ứng dụng VSV trong sản xuất nông - lâm - nghiệp.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Thổ nhưỡng 1	<i>Về kiến thức:</i> sinh viên hệ thống được những kiến thức về sự hình thành đất; tính chất hóa lý, sinh học cơ bản của đất; độ phì nhiêu của đất. Cụ thể như sau: Sinh viên nhận biết được khái niệm đất, giải thích được quá trình hình thành đất; Liệt kê và phân loại những tính chất hóa lý và sinh học đất; Biết xác định và mô tả tính chất hóa lý cơ bản của đất; Áp dụng được khái niệm, phân tích được hệ thống chỉ tiêu để đánh giá độ phì nhiêu của đất. <i>Về kỹ năng:</i> Xác định được tính chất hóa lý, sinh học và bộ chỉ tiêu độ phì đất phục vụ đánh giá đất, quy hoạch sử dụng đất và quản lý hiệu quả nguồn tài nguyên đất trong sản xuất nông - lâm nghiệp. <i>Về đạo đức nghề nghiệp:</i> Sinh viên có tinh thần cầu thị, ham học hỏi, cầu tiến, mong muốn làm chủ kiến thức môn học. Sinh	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học; sinh viên thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.			
10	Thổ nhưỡng 2	<i>Về kiến thức:</i> sinh viên trình bày được hệ thống kiến thức về phân loại đất, đặc tính lý hóa và phân bố các nhóm đất chính và các dạng thoái hóa đất chính ở Việt Nam. Phân biệt được những nguyên tắc và các phương pháp phân loại đất chính trên thế giới và Việt Nam, biết xây dựng bản đồ đất sử dụng kỹ thuật GIS; Nhận biết được đặc tính lý hóa và phân bố các nhóm đất chính ở nước ta, làm cơ sở để sử dụng, cải tạo và bảo vệ theo hướng bền vững; Nhận biết được khái niệm, nguyên nhân thoái hóa đất ở Việt Nam và biện pháp cải tạo và phục hồi đất thoái hóa. <i>Về kỹ năng:</i> Sinh viên vận dụng được các phương pháp phân loại đất vào điều kiện Việt Nam, lồng ghép các biện pháp cải tạo và bảo vệ đất có nguy cơ thoái hóa trong xây dựng và thực hiện quy hoạch sử dụng đất nông - lâm nghiệp. <i>Về đạo đức nghề nghiệp:</i> sinh viên tham gia tích cực trong truyền đạt kiến thức về Thổ nhưỡng và các biện pháp cải tạo đất. Có tinh thần cầu thị, ham học hỏi, cầu tiến, mong muốn làm chủ kiến thức môn học. Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn học; sinh viên thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, phát huy khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Tiếng Anh chuyên ngành	Mục tiêu của học phần: - Về kiến thức: + Vận dụng được các thuật ngữ chuyên ngành vào những hoạt động liên quan đến chuyên ngành KHĐ + Trình bày được nội dung cơ bản chuyên ngành Khoa học đất bằng Tiếng Anh. + Đọc và xử lý tài liệu về chuyên ngành Khoa học đất bằng Tiếng Anh ở mức độ khó trung bình - Về kỹ năng: + Kỹ năng đọc: Phát triển các kỹ năng đọc hiểu như đọc để lấy ý chính, thông tin chi tiết, đoán nghĩa từ vựng thông qua ngữ	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		cảnh, xác định câu chủ đề của đoạn văn, dịch và hiểu được nội dung tài liệu chuyên ngành. +Kỹ năng nói: Thảo luận các vấn đề xoay quanh bài học, hỏi và trả lời các câu hỏi liên quan đến bài học cũng như trình bày được qua điểm cá nhân về chủ đề liên quan đến ngành KHD + Kỹ năng viết: Viết được tóm tắt nội dung bài học dưới dạng đoạn văn ngắn, hoặc mô tả đơn giản về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực KHD + Các kỹ năng khác: Nâng cao kỹ năng làm việc cặp và nhóm cũng như kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh, nâng cao kỹ năng tìm kiếm tài liệu thông tin liên quan đến ngành học trên internet. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Xác định được tầm quan trọng của môn học + Xây dựng tính tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn bằng Tiếng Anh. +Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn +Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà +Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử			
12	Vật lý đất	<i>Về kiến thức:</i> Học xong môn học này sinh viên vận dụng được các kiến thức liên quan đến các tính chất vật lý pha rắn của đất; các kiến thức liên quan đến nguồn gốc, thành phần và quá trình vận chuyển của nước, khí và nhiệt trong đất cũng như vai trò của chúng, từ đó có thể đề xuất các biện pháp nhằm điều tiết các tính chất này để phù hợp với hướng sử dụng đất. <i>Về kỹ năng:</i> Áp dụng được các phương pháp xác định kết cấu đất; Xác định được một số tính chất vật lý và cơ lý của đất; Áp dụng được phương pháp xác định độ ẩm đất; Xác định tính thấm nước của đất <i>Về đạo đức nghề nghiệp:</i> Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của môn Vật lý đất, Sinh viên tích cực học tập, thực hiện	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		ng nghiêm túc thời gian biểu và nộp bài đúng hạn; Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà; Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.			
13	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, vai trò và ý nghĩa đường lối của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; phân tích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được quá trình hình thành và những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay. Về kỹ năng: Trình bày, thuyết trình được một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội; phân tích, vận dụng được vào thực tiễn lĩnh vực được đào tạo. Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng được tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào đối với Đảng ta, tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng; xác định được trách nhiệm của cá nhân đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng được thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và làm việc.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
14	Hệ thống thông tin địa lý	Trình bày được Trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất và thu hồi đất.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4. HỆ DH8					
1	Hóa học đại cương	Về kiến thức: - Sinh viên phát biểu được các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, đồng thời trình bày được các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương. - Sinh viên vận dụng được các kiến thức lý	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo. Về kĩ năng: - Sinh viên áp dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các dạng bài tập trong chương trình. - Áp dụng kiến thức đã học vào các hoạt động thực tiễn có liên quan đến hoá học. Về đạo đức nghề nghiệp: - Hình thành ý thức tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. - Trau dồi khả năng vận dụng kiến thức của các môn học có liên quan với nhau.			thức học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Về kiến thức: Trình bày và Giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. Về đạo đức nghề nghiệp: - Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Sinh học đại cương	Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về sinh học tế bào, sinh học cơ thể: thành phần hoá học, cấu tạo, sự vận chuyển các chất qua màng tế bào, sự quang hợp và hô hấp tế bào; Dinh dưỡng, vận chuyển và phân phối các chất, bài tiết và cân bằng nội môi trong cơ thể sinh vật; cơ sở vật chất của sự di truyền, sự phân bào, đột biến gen, đột biến nhiễm sắc thể, sự tiến hoá của sinh giới. Về kĩ năng: Sinh viên vận dụng các kiến thức về sinh học tế bào, sinh học cơ thể để giải thích các hiện tượng nhiễm độc và tai biến tế bào, cơ thể sinh vật do ô nhiễm môi trường. Phân tích nguyên nhân, cơ chế các đột biến do những tác động của môi trường, và những hậu quả do đột biến gây ra để đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường. Phân tích vai trò của các chất trong đất đối với cơ thể sinh vật, vai trò của cơ thể sinh vật trong việc chuyển hóa vật chất trong tự nhiên. Đề xuất được các hướng sử dụng sinh vật vào việc xử lý ô nhiễm môi trường, tái chế các nguyên liệu rác thải thành nguyên liệu sử dụng được,... Áp	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		dụng các thành tựu sinh học vận dụng trong cuộc sống, nông nghiệp, công nghiệp, dược liệu, môi trường. Về đạo đức nghề nghiệp: Xác định được trách nhiệm yêu thiên nhiên và tích cực bảo vệ môi trường			
4	Toán cao cấp 1	<i>Về kiến thức:</i> Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương, các mặt bậc hai, hàm số một biến số làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. <i>Về kỹ năng:</i> Sinh viên phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. <i>Về đạo đức nghề nghiệp:</i> Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	<i>Về kiến thức:</i> trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học <i>Về kỹ năng:</i> vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. <i>Về đạo đức nghề nghiệp:</i> - Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; - Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
X. Ngành Kế toán kiểm toán và phân tích tài chính					
1. HỆ ĐH5					
1	Hệ thống thông tin kế toán	- Về kiến thức: Vận dụng, nhận diện được nội dung của hệ thống thông tin kế toán trong các doanh nghiệp, chu trình lưu chuyển thông tin kế toán và các hình thức tổ chức công tác kế toán trong điều kiện áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kế toán. Ngoài ra giúp người học bước đầu làm quen với phần mềm kế toán dưới góc độ của cả hệ thống. - Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện các công việc kế toán qua	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		phần mềm kế toán. Có thể thiết lập, tổ chức, xử lý dữ liệu kế toán, gắn hệ thống thông tin với các quá trình kinh doanh trong doanh nghiệp giúp cho việc đánh giá, lựa chọn và sử dụng phần mềm kế toán phù hợp với doanh nghiệp nhằm giúp công tác kế toán được thuận lợi và đạt được hiệu quả cao nhất.			
2	Kế toán chi phí	- Về kiến thức: Vận dụng và nhận diện được bản chất chi phí, qui trình thu thập, xử lý, tính giá thành sản phẩm và lập báo cáo chi phí ở một doanh nghiệp. Qua đó, giúp sinh viên có khả năng tổ chức công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại một doanh nghiệp cụ thể. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân loại các loại chi phí, các loại cách tính giá thành sản phẩm. Nắm được mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. Hiểu rõ ý nghĩa của chi phí sản xuất định mức và giá thành định mức. Biết cách xây dựng mô hình ABC để áp dụng vào việc tính giá thành. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các phương pháp xác định giá thành để áp dụng vào công việc kế toán giá thành tại các doanh nghiệp + Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích, đánh giá về tình hình sản xuất thực tế của doanh nghiệp có thể đưa ra được phương pháp tính giá thành phù hợp để công tác kế toán giá thành được nhanh chóng, chính xác và cung cấp thông tin chi phí – giá thành cho nhà quản lý.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Kế toán máy	- Về kiến thức: Vận dụng được các kiến thức về thiết lập và phân tích hệ thống thông tin của các chu trình kế toán, làm cơ sở cho việc vận dụng các phần mềm kế toán. Nắm được kỹ năng sử dụng các phần mềm kế toán thông dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh. - Về kỹ năng: Sử dụng thành thạo phần mềm kế toán Effect, vận dụng để áp dụng tin học hóa vào công tác kế toán của doanh nghiệp. Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. Người	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		học có thể tự nghiên cứu các phần mềm kế toán khác. - Về đạo đức nghề nghiệp: Ý thức được tầm quan trọng của việc áp dụng kế toán máy vào công tác kế toán tại các doanh nghiệp.			
4	Phân tích báo cáo tài chính	- Về kiến thức: Trình bày được và so sánh, đánh giá được tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động: Hoạt động đầu tư, hoạt động tài trợ và hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Từ đó giúp người học có cái nhìn chính xác hơn về tình hình thực tế hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường luôn biến động. - Về kỹ năng: + Kỹ năng về nhận thức: Vận dụng các kiến thức đã học để lập, đọc, kiểm tra các báo cáo tài chính từ đó cung cấp các thông tin cần thiết để đánh giá về tình hình tài chính của một doanh nghiệp, đồng thời đề xuất cho nhà quản lý để đưa ra các quyết định đúng đắn về tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp sao cho hiệu quả cao nhất. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Thực hành công việc phân tích tình hình tài chính thông qua các Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Trình bày được các phương pháp phân tích, nhân tố ảnh hưởng tới từng chỉ tiêu, từ đó đánh giá và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra các quyết định đúng đắn. - Về đạo đức nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã được học để đọc và phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp từ đó đưa ra những ý kiến, tư vấn cho các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính một cách phù hợp.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Kiểm soát quản lý	- Về kiến thức: Nắm được bản chất, vai trò và nội dung công việc của kiểm soát quản lý trong doanh nghiệp để có thể trở thành những nhà quản lý, giám sát tốt hoạt động thực tế và định hướng chiến lược theo mục tiêu đã định trong tương lai.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về kỹ năng: Áp dụng được những kiến thức đã học vào thực tế kiểm soát quản lý tại các doanh nghiệp. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản; Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn; Nâng cao ý thức tự giác trong công việc, rèn luyện được đức tính cẩn thận, tỉ mỉ trong công việc.			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Kiểm toán hoạt động	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức về nội dung và quy trình kiểm toán tương ứng với từng hoạt động cụ thể trong một tổ chức. - Về kỹ năng: Có thể vận dụng những kiến thức đã học về Kiểm toán hoạt động để thực hiện công tác kế toán theo đúng quy trình và quy định; thực hành kiểm toán các hoạt động trong tổ chức, doanh nghiệp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản; Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn; Có ý thức chấp hành các quy định về quy trình kế toán và kiểm toán.	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Kiểm toán hoạt động	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức về nội dung và quy trình kiểm toán tương ứng với từng hoạt động cụ thể trong một tổ chức. - Về kỹ năng: Có thể vận dụng những kiến thức đã học về Kiểm toán hoạt động để thực hiện công tác kế toán theo đúng quy trình và quy định; thực hành kiểm toán các hoạt động trong tổ chức, doanh nghiệp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản; Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn;	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		Có ý thức chấp hành các quy định về quy trình kế toán và kiểm toán.			
8	Kiểm toán môi trường	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về kiểm toán môi trường như mục đích, ý nghĩa, chức năng, yêu cầu và các công việc cơ bản trong hoạt động trước kiểm toán, hoạt động kiểm toán tại cơ sở và hoạt động sau kiểm toán của một cuộc kiểm toán môi trường. - Về kỹ năng: Có thể áp dụng được những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn kiểm toán môi trường. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học và tích cực học tập, tự học, nghiên cứu tài liệu; Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn; Có ý thức chấp hành các quy định về quy trình kế toán và kiểm toán.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Kiểm toán tài chính 2	- Về kiến thức: Sau khi nghiên cứu môn học Kiểm toán tài chính, người học phải trình bày được những kiến thức tổng quan về kiểm toán như: khái niệm, đối tượng và mục tiêu kiểm toán, làm quen với các phương pháp kiểm toán, thực hiện quy trình kiểm toán một số các khoản mục cơ bản của doanh nghiệp: kiểm toán tiền, kiểm toán hàng tồn kho, kiểm toán doanh thu, kiểm toán giá vốn hàng bán và chi phí. - Về kỹ năng: Vận dụng những kiến thức đã học để nhận biết, phát hiện các sai phạm thường gặp trên các khoản mục và trên báo cáo tài chính. Có thể đảm nhiệm công việc kế toán, kiểm toán nội bộ tại các doanh nghiệp. - Về đạo đức nghề nghiệp: Yêu thích môn học kiểm toán tài chính. Hứng thú với việc tìm hiểu công việc của KTV trong kiểm toán BCTC. Ý thức được tầm quan trọng của kiểm toán đối với sự phát triển của mỗi doanh nghiệp.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2. HỆ ĐH6					
1	Đạo đức nghề nghiệp	- Về kiến thức: Vận dụng những kiến thức cơ bản về đạo đức, nguồn gốc, cách nhận diện các vấn đề đạo đức nghề nghiệp, và các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt cung cấp những kiến thức cơ bản về chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán, những nguy cơ phát sinh vi phạm và các biện pháp bảo vệ việc thực hiện chuẩn mực. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học tuân thủ các quy định về đạo đức nghề nghiệp. + Kỹ năng làm việc nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Áp dụng được kiến thức để đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Kế toán quản trị 1	- Về kiến thức: Vận dụng được để ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí và dự toán chi phí cho kỳ kế hoạch, nhằm cung cấp thông tin phục vụ cho chức năng kiểm soát và đánh giá chi phí. Bên cạnh đó, sinh viên nắm bắt được mối quan hệ giữa chi phí, sản lượng, lợi nhuận để từ đó hiểu được tầm quan trọng của các yếu tố tác động đến lợi nhuận doanh nghiệp. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Nắm vững toàn bộ công việc kế toán quản trị tại một doanh nghiệp cụ thể từ đó vận dụng để phân tích, đánh giá được về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc nhóm: Rèn luyện được Kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các công cụ của kế toán quản trị trong việc	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		phân tích và kiểm soát chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. + Kỹ năng tư duy: Có khả năng phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Yêu thích môn học kế toán nói chung và kế toán quản trị nói riêng. + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
3	Kế toán quản trị 2	- Về kiến thức: Vận dụng để ghi chép, tổng hợp, phân tích biến động chi phí, doanh thu, báo cáo kết quả kinh doanh, định giá sản phẩm nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản trị để đưa ra quyết định ngắn hạn, dài hạn. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được toàn bộ công việc kế toán quản trị tại một doanh nghiệp cụ thể từ đó phân tích, đánh giá được về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các công cụ của kế toán quản trị trong việc phân tích, tổng hợp và đưa ra quyết định kinh doanh. + Kỹ năng làm việc nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Có khả năng phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Yêu thích môn học kế toán nói chung và kế toán quản trị nói riêng. + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của công	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tác kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
4	Kế toán quốc tế	- Về kiến thức: Trình bày được kế toán quốc tế nói chung mà nội dung chính là kế toán Mỹ; Biết một mô hình kế toán có cách tổ chức tương đối khác với kế toán Việt Nam; Vận dụng thuật ngữ chuyên ngành tiếng Anh vào thực tế; Làm cơ sở cho việc nghiên cứu, học tập sau đại học. - Về kỹ năng: Vận dụng và phân tích thông tin, số liệu kế toán của các tổ chức trên thế giới sau khi nắm vững các kiến thức cơ bản của môn kế toán quốc tế. Qua việc phân tích có thể cung cấp các thông tin cơ bản cho các nhà quản lý ra quyết định. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Hiểu được tầm quan trọng của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Kế toán tài chính 2	- Về kiến thức: Trình bày và vận dụng vững các nguyên tắc và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ liên quan vốn bằng tiền, các khoản phải thu, phải trả, hoạt động thương mại trong nước, xuất – nhập khẩu... và vận dụng các kiến thức đã học vào thực hành công tác kế toán, đảm nhận nhiệm vụ kế toán trong phòng kế toán của các doanh nghiệp. - Về kỹ năng: + Kỹ năng về nhận thức: Áp dụng kiến thức chuẩn bị đi vào thực tiễn để tổ chức công tác kế toán ở các doanh nghiệp; biết cách lập, đọc các báo cáo tài chính, cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc quản lý tình hình tài chính doanh nghiệp một cách có hiệu quả. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học để thực hành công việc kế toán trong các doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua các chuyên đề, thảo luận và bài tập thực hành để rèn luyện kỹ năng làm việc theo	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nhóm. + Kỹ năng tư duy: Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp hạch toán các nghiệp vụ vốn bằng tiền, phải thu, phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, lập và đọc các Báo cáo tài chính... để vận dụng trong thực tế đề xuất ra các biện pháp giúp các nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt các khoản phải thu, phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu... sao cho hiệu quả và hợp lý. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.			
6	Kinh tế tài nguyên biển	- Về kiến thức: + Trình bày và vận dụng được những kiến thức cơ bản của học phần bao gồm: Khái niệm, phân loại tài nguyên biển; Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay; Các mô hình lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên biển có khả năng tái sinh và tài nguyên biển không có khả năng tái sinh; Sự cần thiết của quản lý tài nguyên biển, và những biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển; Ý nghĩa của việc đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên biển và các phương pháp đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên biển. + Phân tích và đánh giá được tiềm năng và thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hình thành nhận thức đúng đắn, khoa học về các vấn đề liên quan đến khai thác và quản lý hiệu quả tài nguyên biển. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các lý thuyết cơ bản về khai thác và quản lý tài nguyên biển vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận, các bài tập nhóm rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm. + Kỹ năng tư duy: Thông qua vận dụng lý thuyết vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay rèn luyện kỹ năng tư duy các vấn đề thực tiễn dựa trên nền tảng lý thuyết khoa học, khách quan. - Về đạo đức nghề nghiệp: Hình thành thái độ tích cực trong vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.			
7	Phân tích báo cáo tài chính	Về kiến thức: Trình bày được và so sánh đánh giá được tình hình tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động: Hoạt động đầu tư, hoạt động tài trợ và hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp. Từ đó giúp người học có cái nhìn chính xác hơn về tình hình thực tế hoạt động của doanh nghiệp trong bối cảnh thị trường luôn biến động. - Về kỹ năng: + Kỹ năng về nhận thức: Vận dụng các kiến thức đã học để lập, đọc, kiểm tra các báo cáo tài chính từ đó cung cấp các thông tin cần thiết để đánh giá về tình hình tài chính của một doanh nghiệp, đồng thời đề xuất cho nhà quản lý để đưa ra các quyết định đúng đắn về tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp sao cho hiệu quả cao nhất. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Thực hành công việc phân tích tình hình tài chính thông qua các Báo cáo tài chính trong các doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Nắm rõ các phương pháp phân tích, nhân tố ảnh hưởng tới từng chỉ tiêu, từ đó đánh giá và phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp nhằm đưa ra các quyết định đúng đắn. - Về đạo đức nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã được học để đọc và phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp từ đó đưa ra những ý kiến, tư vấn cho các đối tượng sử dụng báo cáo tài chính một cách phù hợp.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
8	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	- Về kiến thức: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu phục vụ quản lý và kinh doanh như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh. - Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng xác định ý tưởng, thiết kế nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thực hiện quá trình nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, cũng như trình bày báo cáo khoa học hoàn chỉnh. Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic trong thực hiện các đề tài nghiên cứu làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Tiếng Anh chuyên ngành	- Về kiến thức: + Trình bày được một số chủ đề thông dụng liên quan đến chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán bằng tiếng Anh bằng văn bản hoặc thuyết trình + Nhận diện và sử dụng thành thạo các thuật ngữ trong các tài liệu chuyên ngành vào các hoạt động liên quan đến chuyên ngành kế toán. + Áp dụng được các kiến thức ngữ pháp được cung cấp kèm theo các bài đọc. - Về kỹ năng: + Kỹ năng đọc: Phân tích nội dung các bài báo, bài luận, và báo cáo tài chính và trả lời được các câu hỏi có liên quan; + Kỹ năng nghe: Nghe và trả lời các câu hỏi có liên quan tới các đoạn hội thoại, bài thuyết trình về chủ đề tài chính kế toán được nghe; + Kỹ năng nói: Thảo luận một số chủ đề liên quan tới chuyên ngành kế toán; Thực hiện những giao dịch chẳng hạn như tư vấn và thương lượng với khách hàng; + Kỹ năng viết: Trình bày đơn xin việc, sơ yếu lý lịch, thư phản hồi khách hàng, báo	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		cáo công việc bằng văn bản + Kỹ năng dịch: Chuyển ngữ được một số câu đơn, câu phức, câu ghép về lĩnh vực kế toán từ tiếng Anh sang tiếng Việt + Các nhóm kỹ năng khác: Sử dụng thành thạo các kỹ năng tổng hợp, phân tích và làm việc nhóm; Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng Internet để phục vụ cho việc học tập môn tiếng Anh chuyên ngành kế toán; Thuyết trình về một số chủ đề đã học - Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng ý thức tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo chuyên ngành bằng tiếng Anh để nâng cao kiến thức chuyên ngành và cập nhật tình hình phát triển ngành Kế toán - Kiểm toán trên thế giới; Xây dựng tính kỷ luật, tự giác và nghiêm túc trong học tập.			
10	Kiểm toán hoạt động	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức về nội dung và quy trình kiểm toán tương ứng với từng hoạt động cụ thể trong một tổ chức. - Về kỹ năng: Có thể vận dụng những kiến thức đã học về Kiểm toán hoạt động để thực hiện công tác kế toán theo đúng quy trình và quy định; thực hành kiểm toán các hoạt động trong tổ chức, doanh nghiệp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản; Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn; Có ý thức chấp hành các quy định về quy trình kế toán và kiểm toán.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Phát triển được các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
12	Thực hành nghề nghiệp	;- Về kiến thức: Vận dụng được những kiến thức chuyên ngành đã được trang bị để tăng cường kỹ năng thực hành nghề nghiệp của sinh viên chuyên ngành. - Về kỹ năng: Vận dụng các kiến thức lý luận đã được học tập vào thực tiễn thông qua việc nghiên cứu và giải quyết các vấn đề cụ thể về nghiệp vụ liên quan đến kế toán trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, trong các cơ quan hành chính, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước. Từ đó, tạo điều kiện cho sinh viên có môi trường rèn luyện, khả năng tự nghiên cứu và thích ứng với công việc ngay sau khi tốt nghiệp. - Về đạo đức nghề nghiệp: Tự tin áp dụng kiến thức được học để vận dụng vào thực tế công việc, đáp ứng các yêu cầu và đòi	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá của giáo viên hướng dẫn: 50% Điểm đánh giá của nhà Trường: 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		hỏi từ phía các doanh nghiệp.			
XI. Ngành Quản lý tài nguyên khoáng sản					
1. HỆ DH5					
1	Cấp phép trong hoạt động khoáng sản	- Về kiến thức: Trình bày được các thông tin văn bản pháp luật cơ bản được cập nhật gần đây nhất, các quy định của pháp luật về hoạt động khoáng sản của Việt nam, các quy định chi tiết thi hành một số điều luật khoáng sản liên quan đến các thủ tục cấp phép trong các hoạt động khoáng sản bao gồm cấp phép thăm dò và cấp phép khai thác khoáng sản và thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư, quy trình xin chấp thuận về môi trường đối với các hoạt động khoáng sản và các giấy phép cần quan tâm, phê duyệt khác liên quan đến dự án khai thác khoáng sản. Cập nhật các thông tin mới nhất về các nguyên tắc cấp giấy phép và hoạt động khai thác khoáng sản và những đổi mới trong hoạt động cấp giấy phép khai thác khoáng sản, quy trình đấu giá quyền khai thác khoáng sản, quy định về phương pháp tính và mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, phí bảo vệ môi trường... - Về kỹ năng: Vận dụng các kỹ năng để tiến hành làm các thủ tục cấp phép trong hoạt động khoáng sản nói chung và cấp phép thăm dò, cấp phép khai thác liên quan đến các dự án khoáng sản nói riêng; kỹ năng tìm kiếm, đọc tài liệu, tự học và nêu các vấn đề cần tìm hiểu thêm trên lớp; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức học hỏi và thái độ nghiêm túc trong học tập chuyên môn, trách nhiệm với nghề nghiệp trong tương lai.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Chủ nhiệm đề án Địa chất	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản để làm một Chủ nhiệm Đề án Địa chất. - Về kỹ năng: Vận dụng được những kỹ năng trong quản lý, điều hành, lập kế hoạch và giám sát các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, thăm dò khoáng sản. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo, có sự hợp tác cao, nghiêm túc và có trách nhiệm trong quá trình học tập, cũng như trong công tác	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		sau này.			
3	Giám đốc điều hành mỏ Khoáng sản	- Về kiến thức: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế hoạt động khai thác khoáng sản; + Tổng quan về hoạt động khai thác khoáng sản, các phương pháp khai thác và các trình tự các giai đoạn trong hoạt động khai thác; + Các quy định pháp luật về khoáng sản và những quy định khác có liên quan đến khai thác, chế biến sử dụng khoáng sản; + Các yêu cầu về công tác khoan nổ mìn, an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản; + Yêu cầu về trình độ tổ chức, quản lý và kinh nghiệm thực tế, điều hành kỹ thuật khai thác, kỹ thuật an toàn lao động, bảo vệ môi trường; + Yêu cầu về nghệ thuật lãnh đạo, khả năng tập hợp và sử dụng nguồn lực hiệu quả, bền vững. - Về kỹ năng: + Vận dụng năng lực thu thập thông tin, văn bản pháp luật vào thực tiễn sản xuất tại mỏ khoáng sản; Phân tích, tổng hợp, đánh giá, vận dụng đúng và hiệu quả các văn bản pháp luật trong thực tiễn hoạt động khoáng sản. + Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp và xử lý các tình huống phát sinh trong thực tiễn khai thác khoáng sản. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Tích cực trong học tập, thu thập dữ liệu về các văn bản pháp luật liên quan đến khai thác và quản lý điều hành mỏ, trung thực trong học tập và công tác sau này, nghiêm túc và triệt để thực hiện quy trình trong sử dụng vật liệu nổ công nghiệp. + Tôn trọng các quy định của Luật nói chung, Luật pháp và chính sách khoáng sản nói riêng, nhìn nhận đúng đắn các vấn đề liên quan đến quyền lợi doanh nghiệp, người lao động và lợi ích quốc gia, lấy mục tiêu bảo vệ môi trường và an toàn lao động, khai thác hợp lý tài nguyên.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
4	Lập các báo cáo trong hoạt động khoáng sản	- Về kiến thức: + Trình bày được các thông tin văn bản pháp luật cơ bản được cập nhật gần đây nhất liên quan đến công tác lập báo cáo địa chất các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và hoạt động thăm dò khoáng sản. + Cập nhật các thông tin mới nhất về hiện trạng công tác lập báo cáo địa chất liên quan đến hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản và thăm dò khoáng sản. - Về kỹ năng: Trình bày được nội dung chính và quy trình công tác lập báo cáo địa chất. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức học hỏi và thái độ nghiêm túc trong học tập chuyên môn, trách nhiệm với nghề nghiệp trong tương lai.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Pháp luật về khoáng sản	- Về kiến thức: Trình bày được những nội dung cơ bản nhất về Luật Khoáng sản, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản của Việt Nam trong hoạt động khoáng sản. - Về kỹ năng: Xây dựng và phát triển được năng lực thu thập thông tin về các vấn đề liên quan đến Luật Khoáng sản, Luật pháp và chính sách khoáng sản của Việt Nam; Phân tích, tổng hợp và đánh giá được về các vấn đề liên quan đến Luật Khoáng sản, sự vận dụng hiệu quả và thành công Luật pháp trong thực tiễn hoạt động khoáng sản sau này. - Về đạo đức nghề nghiệp: Hình thành và vận dụng được thái độ tích cực trong học tập, trung thực thu thập dữ liệu về các văn bản pháp luật liên quan. Nhận thức và vận dụng được việc tôn trọng các quy định, Luật pháp nói chung, Luật pháp và chính sách khoáng sản nói riêng, nhìn nhận, vận dụng đúng đắn các vấn đề liên quan đến hoạch định và giải quyết các tranh chấp tài nguyên của ở Việt Nam và một số quốc gia khác. Tuyên truyền và thuyết phục được nhân dân cùng tham gia sống và làm việc theo pháp luật.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
6	Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng	- Về kiến thức: Trình bày được những cơ sở lý luận để có thể đánh giá được giá trị của các loại tài nguyên khoáng sản. Sau khi hoàn thành học phần Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng, người học phải trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: tài nguyên khoáng, đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng, các khái niệm liên quan đến kinh tế như chi phí, lợi ích, giá trị dòng tiền...; từ đó hiểu và hệ thống được các chỉ tiêu đánh giá giá trị kinh tế tài nguyên khoáng. - Về kỹ năng: + Kỹ năng cứng: Phân tích, đánh giá được giá trị kinh tế của của các loại hình tài nguyên khoáng thông qua hệ thống các chỉ tiêu đánh giá. Từ đó cho thấy được giá trị kinh tế của các loại hình tài nguyên khoáng. + Kỹ năng mềm: Vận dụng để tính toán, đánh giá giá trị kinh tế của các loại hình khoáng sản, các mỏ khoáng sản. Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. Từ những phân tích, đánh giá về giá trị kinh tế tài nguyên khoáng có thể làm căn cứ để đưa ra các quyết định về đầu tư dự án khai thác mỏ khoáng sản đối với cá nhân nhà đầu tư; đối với Nhà nước có thể làm căn cứ để đưa ra quyết định có nên cho phép khai thác tài nguyên khoáng hay không hoặc đưa ra định hướng phát triển tài nguyên khoáng trong tương lai. - Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực khi tham gia nghe giảng học phần Phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng. Ý thức được tầm quan trọng của tài nguyên khoáng với sự phát triển kinh tế.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Thực tập sản xuất	- Về kiến thức: Vận dụng các kiến thức đã học áp dụng vào thực tế tại nơi thực tập. Thực hiện được các bước từ khâu chuẩn bị đến các bước tiến hành của một nhà Địa chất tại các đoàn, cơ sở sản xuất,... thu thập các tài liệu về Địa chất, các tài liệu liên quan tại nơi thực tập phục vụ cho chuyên ngành.		Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về kỹ năng: - Kỹ năng cứng: Vận dụng tổng hợp kiến thức và những hiểu biết để giải quyết những vấn đề tại nơi thực tập. - Kỹ năng mềm: Nâng cao kỹ năng giao tiếp, trau dồi học hỏi kinh nghiệm tại nơi thực tập, khả năng sử dụng phần mềm chuyên dụng trọng địa chất. - Về đạo đức nghề nghiệp: - Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao; - Rèn khả năng làm việc độc lập, ý thức nghề nghiệp, kỹ năng làm việc theo nhóm.			
2. HỆ ĐH6					
1	Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản	- Về kiến thức: Trình bày đầy đủ kiến thức về các hoạt động khoáng sản, đặc biệt là hoạt động khai thác chế biến gây ra những ảnh hưởng tới môi trường, giải pháp khắc phục, phương pháp lập báo cáo đánh giá môi trường, phương thức quản lý, giám sát môi trường. - Về kỹ năng: Vận dụng hệ thống pháp luật khoáng sản, chuyên môn về bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản, kỹ năng lập báo cáo và điều chỉnh nội dung báo cáo theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, lựa chọn giải pháp công nghệ, ứng dụng nhanh thành tựu bảo vệ môi trường vào khu vực mình quản lý. Có khả năng cập nhật các thông tin trên internet, kỹ năng làm việc theo nhóm. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo, nghiêm túc và có trách nhiệm trong quá trình học tập, cũng như trong công tác sau này.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Địa chất các mỏ khoáng	- Về kiến thức: - Trình bày được kiến thức cơ bản về địa chất các mỏ khoáng sản - Yêu cầu học viên sau khi kết thúc học phần phải tiếp thu, hiểu và nhớ được những nội dung sau: Khái niệm cơ bản về khoáng sản; Tình hình nghiên cứu và khai thác khoáng sản ở Việt Nam; Thành phần vỏ trái đất và quá trình tạo quặng; Cấu trúc mỏ và thân quặng; Cấu tạo, kiến trúc quặng; Đặc điểm các mỏ khoáng: Magma thực sự; mỏ pegmatit; mỏ cacbonatit; mỏ skarn; mỏ nhiệt dịch; mỏ phong hóa; mỏ trầm tích và	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		sa khoáng; mỏ có nguồn gốc biến chất. - Về kỹ năng: + Kỹ năng cứng: Vận dụng được lý thuyết đã học vào thực tế, nhận biết được các loại khoáng sản trên thực địa, phát hiện mẫu vật địa chất có liên quan đến quá trình tạo khoáng để định hướng cho công tác điều tra, đánh giá khoáng sản. + Kỹ năng mềm: Biết khai thác thông tin, xử lý dữ liệu, truy cập dữ liệu từ Báo cáo Địa chất về thăm dò khoáng sản, thông tin qua Hội thảo Khoa học trong nước và Quốc tế, mạng internet, vận dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ, phục vụ nghiên cứu công nghệ và thị trường khoáng sản và đáp ứng yêu cầu học phần, biết mài, soi mẫu khoáng tướng, kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức trách nhiệm trong nghiên cứu, điều tra, phát hiện và bảo vệ tài nguyên khoáng sản. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường. Có thể tiếp tục học ở các bậc cao hơn, trung thực trong học tập, nghiên cứu, công tác.			
3	Địa chất khai thác mỏ	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản, chi tiết trên phương diện nghiên cứu địa chất phục vụ cho công tác khai thác mỏ, hạn chế được tối đa rủi ro trong quá trình thiết kế, xây dựng và khai thác các mỏ khoáng. - Về kỹ năng: Xác định và theo dõi diễn biến đặc điểm địa chất, hình thái thân quặng khoáng, đặc điểm địa chất thủy văn, địa chất công trình của thân quặng và các đá vây quanh phục vụ cho công tác khai thác mỏ đạt hiệu quả cao, đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường. - Về đạo đức nghề nghiệp: Trung thực trong các hoạt động chuyên môn.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Địa hóa môi trường	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về Địa hóa môi trường, ứng dụng địa hóa trong tìm kiếm khoáng sản, các khái niệm, ý nghĩa của nghiên cứu địa hóa môi trường trong hoạt động khoáng sản và bảo vệ môi trường, mối liên quan với các ngành khoa học khác; những chu trình địa hóa đặc trưng trong môi trường đất, nước, không khí; hành vi địa hóa các	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nguyên tố độc hại đi kèm trong các khoáng sản dưới dạng nguyên sinh và thứ sinh; những đề xuất đóng góp cho công tác quản lý khoáng sản tổng thể. - Về kỹ năng: Vận dụng được kỹ năng tổng hợp, nghiên cứu tài liệu, tổ chức thực địa, lấy mẫu địa hóa, luận giải các yếu tố, hiện tượng, quá trình địa hóa, phân tích vấn đề có trình tự, sử dụng các phần mềm ứng dụng trong chuyên môn phục vụ học tập và công tác sau này. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo, nghiêm túc và trung thực trong quá trình học tập, cũng như trong công tác sau này.			- Hình thức thi: Tự luận
5	Địa vật lý đại cương	- Kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về các phương pháp địa vật lý, cơ sở vật lý - địa chất, máy móc thiết bị đo, phương pháp xử lý, phân tích, minh giải tài liệu và phạm vi áp dụng của các phương pháp địa vật lý. - Kỹ năng: Vận dụng được khả năng nghiên cứu, ứng dụng các phương pháp địa vật lý trong nghiên cứu địa chất, tìm kiếm dầu khí, khoáng sản và khảo sát địa chất công trình và nghiên cứu môi trường. Có khả năng phân tích vấn đề, sử dụng các kiến thức đã được cung cấp làm cơ sở học tiếp các môn học sau. - Về đạo đức nghề nghiệp: Trung thực trong các hoạt động chuyên môn.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Khai thác mỏ	- Về kiến thức: Trình bày được kiến thức về quá trình khai thác khoáng sản, các hình thức khai thác mỏ được sử dụng rộng rãi trong thực tế. - Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức chuyên môn về khai thác mỏ vào thực tiễn trong quá trình làm việc. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo, nghiêm túc và có trách nhiệm trong quá trình học tập, cũng như trong công tác sau này.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Kỹ thuật khoan	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về kỹ thuật khoan, các phương pháp khoan, cách lấy mẫu và các sự cố trong khi khoan cũng như phương pháp khắc phục. - Về kỹ năng: + Kỹ năng cứng: Thao tác và biết cách sử	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		dụng các loại khoan cũng như vận hành, lấy mẫu và xử lý các sự cố thông thường. + Kỹ năng mềm: Tự rèn khả năng giao tiếp, am hiểu phong tục ở các vùng miền khác nhau; biết sử dụng một số phần mềm chuyên dụng trong ngành khoan. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.			thức học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Luyện kim	- Về kiến thức: Trình bày được kiến thức về phương pháp luyện kim loại hiện nay; Các sơ đồ công nghệ luyện quặng trong thực tế. - Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức chuyên môn về lĩnh vực chế biến khoáng sản bằng phương pháp luyện kim. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ, sáng tạo, nghiêm túc và có trách nhiệm trong quá trình học tập, cũng như trong công tác sau này.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Phương pháp tìm kiếm và thăm dò các mỏ khoáng sản	- Về kiến thức: Trình bày được nội dung của cơ sở địa chất của công tác tìm kiếm và thăm dò khoáng sản rắn, nội dung của các tiền đề: địa tầng; tướng đá; magma; kiến trúc; địa hóa và địa mạo. Hiểu thế nào là vành phân tán vật liệu khoáng sản; vết lộ thân khoáng; các hiện tượng biến đổi và các dấu hiệu tìm kiếm khác; hệ thống thăm dò; công tác lấy mẫu; các chỉ tiêu công nghiệp khoáng sản nổi thân quặng; các phương pháp tính trữ lượng; bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản... - Về kỹ năng: + Kỹ năng cứng: Có khả năng vận dụng các hiểu biết về nội dung các tiền đề tìm kiếm, các phương pháp tìm kiếm - thăm dò, áp dụng các công trình khai đào và khoan để xây dựng sơ đồ, bản đồ tìm kiếm - thăm dò khoáng sản cho một khu vực nhất định. + Kỹ năng mềm: Áp dụng nội dung học phần này để tìm hiểu về nội dung các phương pháp thăm dò mỏ, phương pháp đánh giá kinh tế địa chất tài nguyên khoáng; + Sử dụng các phần mềm chuyên dụng	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		phục vụ công tác tìm kiếm và thăm dò khoáng sản (Auto CAD, MapInfo). - Về đạo đức nghề nghiệp: Có nhận thức và động cơ học tập đúng đắn, tích cực chủ động trong học tập và tự nghiên cứu tài liệu.			
10	Phương pháp Viễn thám - GIS trong địa chất	- Về kiến thức: + Trình bày được các kiến thức cơ bản về khái niệm, các thành phần và chức năng cơ bản của GIS; + Khái quát chung về mô hình, Trình bày được về cấu trúc CSDL và mô hình số độ cao; phân tích được ưu nhược điểm của các mô hình dữ liệu; + Phân tích được các bước trong quy trình xây dựng CSDL trong GIS; trình bày được các kiến thức cơ bản về công tác chuẩn hoá dữ liệu; hiển thị và xuất dữ liệu; + Trình bày được quy trình xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu địa lý gồm các bước: thiết kết, tổ chức, nhập, đánh giá chất lượng, biên tập và chuẩn hóa CSDL địa lý; Trình bày được các phương pháp phân tích dữ liệu không gian cơ bản như: chồng xếp dữ liệu, đo đạc truy vấn...; + Trình bày một số dạng phân tích dữ liệu thuộc tính cơ bản. - Về kỹ năng: + Vận dụng các bài toán phân tích không gian của hệ thống thông tin địa lý vào nhiệm vụ cụ thể; + Vận dụng lý thuyết vào các bài thực hành, các bài thảo luận; - Về đạo đức nghề nghiệp: + Rèn luyện tác phong: cẩn thận, chính xác, trung thực; + Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Quản lý và phát triển di sản địa chất	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về di sản Thiên nhiên, Di sản Địa chất, Công viên Địa chất, Di tích địa chất, Di chỉ Địa chất, Khu bảo tồn Địa chất; các tiêu chí xác định, phân loại các loại hình di sản địa chất chủ yếu tại Việt Nam; vai trò của Di sản địa chất trong nghiên cứu khoa học, giáo dục và phát triển kinh tế khu vực; ý nghĩa của việc bảo tồn di sản địa chất trong sự phát triển của	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		xã hội; những nguyên tắc cơ bản trong bảo tồn; những kiến thức cơ bản về các biện pháp quản lý - bảo tồn, và khai thác các loại hình Di sản . - Về kỹ năng: + Phân loại, được các loại hình Di sản Địa chất hiện nay ở Việt Nam theo các tiêu chí: Địa Chất, Địa Mạo. + Xếp hạng, đánh giá sơ bộ tiềm năng của các loại hình Di sản địa Chất đối với nghiên cứu khoa học, giáo dục và phát triển kinh tế. + Xây dựng khái quát được các biện pháp bảo tồn và khai thác bền vững các loại hình Di sản Địa chất. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên hứng thú với môn học, tích cực học tập, nghiên cứu tài liệu, ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế, rèn luyện cho sinh viên thức bảo vệ, tuyên truyền Di sản Địa chất.			Tự luận
12	Tài nguyên khoáng sản Biển	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức về các khái niệm cơ bản, nguồn gốc hình thành, lịch sử phát triển, quy luật phân bố và các đặc điểm đặc trưng của các loại hình tài nguyên khoáng sản biển điển hình trên thế giới và ở khu vực biển Việt Nam. - Về kỹ năng: Vận dụng kỹ năng tìm hiểu tổng hợp, nghiên cứu tài liệu, luận giải các quá trình hình thành của các loại hình tài nguyên khoáng sản Biển, liên hệ với các quá trình địa chất ở Biển và đại dương. Rèn luyện kỹ năng thuyết trình và làm việc theo nhóm trong các bài thảo luận. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo trong học tập và ngành nghề.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
13	Tài nguyên khoáng sản Việt Nam	- Về kiến thức: Trình bày được kiến thức tổng quan về các loại hình khoáng sản của nước ta; phân loại khoáng sản thành các nhóm đặc trưng; phân bố, trữ lượng, mức độ nghiên cứu, hiện trạng khai thác, ý nghĩa của từng loại khoáng sản cụ thể đối với sự phát triển kinh tế - xã hội cũng như sự phát triển của ngành khai khoáng trong tương lai. - Về kỹ năng: Tổng hợp thông tin dưới dạng bảng, biểu,	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		số hóa; phương pháp tra cứu về một loại hình khoáng sản với nội dung: Tên, nhóm loại, đặc trưng, tính chất, cơ chế hình thành, hiện trạng nghiên cứu, xu thế sử dụng...; kỹ năng tìm kiếm, đọc tài liệu, tự học và nêu các vấn đề cần tìm hiểu thêm trên lớp; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, thuyết trình. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức trách nhiệm trong nghiên cứu, điều tra, phát hiện và bảo vệ tài nguyên khoáng sản.			
14	Tiếng Anh chuyên ngành	- Về kiến thức: + Phát triển được một số các kỹ năng đọc hiểu cơ bản như lấy ý chính, tìm thông tin cụ thể, đoán nghĩa từ mới thông qua ngữ cảnh. + Nắm rõ thuật ngữ chuyên ngành về địa chất và vận dụng các cấu trúc câu cơ bản để phân biệt và so sánh các loại khoáng sản, trình bày kiến thức chuyên môn bằng văn nói và văn viết. - Về kỹ năng: + Sinh viên vận dụng các kiến thức Tiếng Anh chuyên ngành để tìm kiếm các thông tin từ tài liệu tiếng nước ngoài liên quan đến ngành học, có được phương pháp nghiên cứu tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách tài liệu tham khảo, đọc thêm các tài liệu trên mạng. + Chia sẻ thông tin với bạn bè và với giảng viên.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
15	Tuyển khoáng	- Về kiến thức: Trình bày được kiến thức về công nghệ dây chuyền làm giàu khoáng sản có ích. - Về kỹ năng: Vận dụng kiến thức chuyên môn về chế biến khoáng sản bằng Tuyển khoáng vào thực tiễn. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo, nghiêm túc và có trách nhiệm trong quá trình học tập, cũng như trong công tác sau này.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3. HỆ DH7					
1	Pháp luật đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống. - Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm
2	Cơ sở địa chất thủy văn địa chất công trình	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về địa chất thủy văn và địa chất công trình nhằm nghiên cứu đất đá làm nền móng cho công trình, nghiên cứu các hiện tượng trượt, lở đất, đất chảy, xói mòn, tích tụ để xử lý trong khi xây dựng, sử dụng và khai thác công trình; nghiên cứu nước dưới đất để khắc phục các khó khăn do nước gây ra trong khi thiết kế và thi công các công trình; nghiên cứu các phương pháp khảo sát địa chất công trình. - Về Kỹ năng: Vận dụng được lý thuyết đã học vào thực tế, giải thích và xử lý một số vấn đề liên quan đến chuyên ngành; Có khả năng phân tích vấn đề, sử dụng các kiến thức đã được cung cấp làm cơ sở học tiếp các môn học sau. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức độc lập và sáng tạo trong học tập.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	- Về Kiến thức: Trình bày được các dạng cấu tạo, nhận biết được chúng ngoài thực địa và trên BĐĐC. Trình bày được các bước trong đo vẽ BĐĐC. Vẽ được đường lộ vỉa khi biết thế nằm và ngược lại, tính được thế nằm thật thông qua thế nằm biểu kiến, xác định được các cấu tạo mặt thông qua các tài liệu lỗ khoan - Về Kỹ năng:	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Xác định và biểu diễn được các dạng cấu tạo cơ bản, chuyển các dạng cấu tạo đó từ thực tế lên bản đồ/sơ đồ và ngược. Đọc được bản đồ/sơ đồ địa chất của một khu vực nhất định. + Biết sử dụng một số các phần mềm chuyên dụng phục vụ thực hành thể hiện các yếu tố địa chất cấu tạo (Auto CAD, MapInfo). - Về đạo đức nghề nghiệp: Trung thực trong các hoạt động chuyên môn			Tự luận
4	Quản lý công	.- Về kiến thức: Tổng hợp được các kiến thức cơ bản và các vấn đề liên quan về quản lý công, truyền tải các kiến thức về môi trường quản lý công: Nhà quản lý công xây dựng các chức năng chủ yếu trong quản lý khu vực công, tạo môi trường và động cơ làm việc trong khu vực công, một số kỹ năng của nhà quản lý công, cải cách theo mô hình quản lý công mới. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Nhận diện được những vấn đề cơ bản của quản lý công là nghiên cứu khoa học cơ bản được sử dụng trong quản lý công. Quản lý công nghiên cứu các cách thức tiến hành hoạt động quản lý nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác trong các tổ chức, doanh nghiệp. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức đã học, người học xây dựng được cách quản trị một doanh nghiệp có hiệu quả, biết cách đối phó lại với các tình huống trong thực tế. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Xác định được tầm quan trọng của việc quản lý công trong quản lý đời sống xã	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		hội.			
5	Quản lý tài nguyên khoáng sản	- Về kiến thức: Trình bày được kiến thức tổng quan về các loại hình khoáng sản của Việt Nam, sự phân chia thành các nhóm khoáng sản khác nhau, ý nghĩa sử dụng của các nhóm khoáng sản đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, sự phát triển ngành khai khoáng trong tương lai. - Về kỹ năng: Tổng hợp thông tin dưới dạng bảng, biểu, số hóa, phương pháp tra cứu về một loại hình khoáng sản với nội dung: Tên, xu thế sử dụng..; kỹ năng sử dụng phần mềm để lập các sơ đồ, bản đồ điểm khoáng sản, mỏ khoáng sản.; kỹ năng tìm kiếm, đọc tài liệu, tự học và nêu các vấn đề cần tìm hiểu thêm trên lớp; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có ý thức học hỏi và thái độ nghiêm túc trong học tập chuyên môn, trách nhiệm với nghề nghiệp trong tương lai.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Thạch học	- Về kiến thức: Trình bày được: + Kiến thức về Quang học tinh thể (ánh sáng tự nhiên, ánh sáng phân cực, chiết suất, hiện tượng phản xạ toàn phần, mặt quang suất; hiện tượng khúc xạ kép trong tinh thể, mặt chiết suất, mặt quang suất; cấu tạo kính hiển vi quang học, các loại kính hiển vi quang học; Nikon và hệ thống nikon; hình dạng, kích thước của tinh thể; tính cát khai; màu của tinh thể),... + Kiến thức về đá magma (Khái niệm về đá magma, Dạng nằm của đá magma; thành phần của đá magma; đặc điểm của magma; quá trình kết tinh của magma; cấu tạo và kiến trúc của đá magma; cơ sở phân loại đá magma; mô tả thạch học đá magma (nhóm đá siêu bazơ; nhóm đá ba zơ gabro - bazan; nhóm đá trung tính diorit - andesit; nhóm đá axit granit - riolit và granodiorit - dazit). + Kiến thức về đá trầm tích (Khái niệm về đá trầm tích; giai đoạn sinh thành vật liệu trầm tích; quá trình phong hóa; quá trình vận chuyển, phân dị và lắng đọng vật liệu trầm tích; giai đoạn thành đá; giai đoạn hậu sinh và biến chất sớm; cấu tạo và kiến	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		trúc của đá trầm tích; thành phần vật chất của đá trầm tích; phân loại đá trầm tích; mô tả các loại đá trầm tích; đá trầm tích cơ học; đá sét; đá trầm tích sinh hóa) + Kiến thức về đá biến chất: (Khái niệm về đá biến chất; các yếu tố biến chất; các dạng hoạt động biến chất; thành phần vật chất của đá biến chất; tướng và trình độ biến chất; phân loại các đá biến chất; mô tả các đá biến chất);... - Về kỹ năng: Nhận biết được các loại đá magma, trầm tích, biến chất, hình dạng, cấu tạo, kiến trúc ngoài thực địa và soi trên kính hiển vi phân cực,... - Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ học tập tích cực, phát huy tối đa phương pháp làm việc nhóm; rèn luyện tính chuyên cần trong công tác chuyên môn sau này.			
7	Thực hành thạch học	- Về kiến thức: Trình bày được cấu tạo kính hiển vi phân cực và cách sử dụng kính hiển vi phân cực; Soi mẫu lát mỏng thạch học dưới kính hiển vi phân cực về 3 nhóm đá magma, trầm tích và biến chất. - Về kỹ năng: Nhận biết được các khoáng vật tạo đá dưới kính hiển vi phân cực,... - Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ học tập tích cực, phát huy tối đa phương pháp làm việc nhóm. Rèn luyện tính chuyên cần trong công tác chuyên môn sau này.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
8	Thực tập địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	- Về kiến thức: Trình bày được những hiểu biết chi tiết về vùng thực tập (Lạng Sơn) bao gồm: Điều kiện tự nhiên kinh tế, nhân văn, địa tầng và magma, cấu trúc kiến tạo, địa chất khoáng sản, địa chất môi trường, địa mạo. - Về kỹ năng: Nhận biết được tất cả các dạng cấu tạo, nhận dạng và gọi tên chính xác các loại đá trong vùng thực tập, đặc biệt vẽ được một bản đồ địa chất và một bản đồ cấu trúc kiến tạo vùng thực tập, vẽ được các mặt cắt địa chất ngoài thực địa theo các tỉ lệ khác nhau. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao. Thái độ trung thực và có tư duy bao quát trong việc khảo sát thực địa.	2	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
9	Thực tập địa chất đại cương ngoài trời	- Về kiến thức: Thực hiện được các công tác của một nhà địa chất, từ khâu chuẩn bị các vật tư, vật liệu đến cách thức làm việc với một vết lộ cụ thể, cách ghi nhật ký,... cuối cùng là viết báo cáo thực địa. - Về kỹ năng: + Kỹ năng cứng: Vận dụng được lý thuyết đã học vào thực tế, giải thích một số vấn đề liên quan đến khoa học Trái đất. Thao tác thành thạo các kỹ năng cơ bản của Nhà địa chất như lấy mẫu, mô tả các loại đá, xác định thể nằm, viết nhật ký, xác định các đứt gãy, lấy mẫu, xác định ranh giới địa chất, ... + Kỹ năng mềm: Từng bước làm quen với các tập quán của các vùng miền khác nhau, quan hệ tốt với chính quyền nơi công tác, hoàn thiện các thủ tục hành chính, kỹ năng làm việc theo nhóm, đặc biệt phát huy tính độc lập, tự chủ trong công tác thực địa. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao. Có ý thức về việc bảo vệ môi trường chung của Trái đất. Sáng tạo trong công tác.	2	Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
10	Tin học địa chất 1	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức ứng dụng CNTT trong công tác xây dựng, quản lý dữ liệu địa chất, các phần mềm cơ bản được sử dụng trong địa chất. Cách thức sử dụng phần mềm tin học địa chất như Mapinfo đồng thời nâng cao trình độ kiến thức tổng quan của sinh viên về GIS. - Về kỹ năng: Sử dụng tốt CNTT trong xây dựng CSDL và quản lý thông tin ngành địa chất, sử dụng phần mềm Mapinfo. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo trong học tập và ngành nghề.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Tinh thể - Khoáng vật học đại cương - Thực tập	- Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm về tinh thể, khoáng vật, tính đối xứng của tinh thể khoáng vật. Mạng không gian, đối xứng trong mạng không gian của tinh thể khoáng vật. Hệ thống phân loại tinh thể - khoáng vật. Đặc điểm thành phần hóa học, tính chất vật lý cũng như hình thái, cấu trúc của tinh thể - khoáng vật. Hệ thống phân loại tinh thể - khoáng vật. Đặc điểm thành phần hóa học, tính chất vật lý	3	Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		cũng như hình thái, cấu trúc của tinh thể - khoáng vật. Nguồn gốc tinh thể khoáng vật, các quá trình hình thành tinh thể khoáng vật trong vỏ Trái đất. Mô tả các nhóm tinh thể khoáng vật phổ biến trong tự nhiên, Khái quát các lĩnh vực sử dụng tinh thể - khoáng vật. - Về kỹ năng: Nhận biết và phân biệt được cấu trúc kết tinh của các khoáng vật, phân loại cấu trúc kết tinh và hình thái của các tinh thể khoáng vật, đặc điểm về thành phần cũng như nguồn gốc sinh thành của chúng. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ học tập tích cực, phát huy tối đa phương pháp làm việc nhóm. Rèn luyện tính chuyên cần trong công tác chuyên môn sau này.			
12	Trắc địa cơ sở	- Về kiến thức: Phân tích và trình bày được những khái niệm như : Các mặt thủy chuẩn, các hệ tọa độ trên mặt cầu, các loại góc phương vị, so sánh được các mặt thủy chuẩn và các góc phương vị; Trình bày khái niệm góc bằng, góc đứng, khoảng cách đo, chênh cao đo: Nêu được thao tác đo góc, đo cạnh, đo thủy chuẩn hạng IV và đo thủy chuẩn kỹ thuật, ứng dụng các phương pháp đo trong thực tế; Trình bày được nguyên lý cấu tạo, cách sử dụng, phương pháp kiểm tra, kiểm nghiệm một số loại máy móc đo đặc thông thường dùng trong đo góc, đo chênh cao và đo khoảng cách; Phân loại và nêu được các đặc điểm về lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao, lưới khống chế đo vẽ; Phân tích được quy trình thành lập bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc và phương pháp GNSS. - Về kỹ năng: Xác định được các loại góc phương vị dùng trong trắc địa và xây dựng được công thức thể hiện mối quan hệ giữa các loại góc phương vị đó; Sử dụng được bản đồ địa hình; Sử dụng được máy đo vào công tác đo góc, đo khoảng cách, đo chênh cao; Ghi chép, tính toán và xử lý được kết quả đo; Thiết kế được lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao hạng III, hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật; Tính toán và bình sai gần đúng được lưới đường chuyền, lưới khống chế độ cao hạng III,	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật; Tính toán được các bài toán giao hội xác định vị trí điểm; Thành lập được bản đồ địa hình bằng phương pháp toàn đạc; Ước tính độ chính xác cần thiết của từng cấp lưới. Tính khái lược lưới đường chuyên, tam giác cấp 1, cấp 2. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có thái độ trung thực, cẩn thận và nghiêm túc trong học tập; Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tài liệu để nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt; Sinh viên có ý thức trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội, chấp hành pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất đạo đức tốt, tư duy sáng tạo và có trách nhiệm cao trong công việc.			
13	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, vai trò và ý nghĩa đường lối của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; phân tích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được quá trình hình thành và những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay. - Về kỹ năng: Trình bày, thuyết trình được một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội; phân tích, vận dụng được vào thực tiễn lĩnh vực được đào tạo. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng được tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào đối với Đảng ta, tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng; xác định được trách nhiệm của cá nhân đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng được thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và làm việc.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
14	Xác suất thống kê	- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu. - Về kỹ năng: Sinh viên phân tích và nhận diện được kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		và thực hành các bài toán trong chương trình. - Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thói quen tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn.			thức học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4. HỆ DH8					
1	Vật lý đại cương	- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về cơ học, nhiệt học, điện học, quang học, vật lý lượng tử..., từ đó sinh viên biết phân tích và giải thích được sự vận động khách quan của sự vật hiện tượng trong đời sống và làm cơ sở tiếp thu trong từng chuyên ngành cụ thể. - Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng học tập theo nhóm; phương pháp học tập cá nhân như: nghe giảng, ghi chép, làm bài tập trên lớp và ở nhà; phương pháp học và tự học; kỹ năng tư duy khoa học. - Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực học tập và tự học, tự tìm hiểu tài liệu để nghiên cứu thêm và ứng dụng vào ngành nghề cụ thể.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Giải tích 2	- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2, Phương trình vi phân cấp một và phương trình vi phân cấp 2 làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Sinh viên phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-	- Về kiến thức: trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
	Lênin 2	tác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; + Từng bước xác lập thể giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Đại số	Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương, các mặt bậc hai làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Sinh viên phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình đại số. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Địa chất đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về nguồn gốc trái đất; phân loại và sơ bộ nắm được quá trình hình thành ba loại đá chính; có khái niệm đại cương về khoáng vật, phân biệt được quá trình địa chất nội lực, ngoại lực; Hiểu và phân biệt được các quá trình liên quan đến sự thành tạo vỏ phong hóa - thổ nhưỡng. - Về kỹ năng: Vận dụng được lý thuyết đã học vào thực tế Chuyên ngành Kỹ thuật Địa chất. Có khả năng phân tích, sử dụng các kiến thức đã được cung cấp làm cơ sở học tiếp các môn học sau. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao; + Có ý thức về việc bảo vệ môi trường chung của Trái đất; Sáng tạo trong công tác.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Giải tích 1	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về phương pháp tính như: Nội suy, xấp xỉ và sai số, tính gần đúng nghiệm thực của phương trình, đa thức nội suy và phương pháp bình phương bé nhất, tính gần đúng đạo hàm và tích phân xác	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		định, phương trình vi phân; làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Sinh viên xây dựng được công thức tính toán cụ thể, công thức đánh giá sai số vào các bài toán phương pháp tính gần đúng. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	- Về kiến thức: Trình bày và Giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về triết học. - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Hóa học đại cương	Về kỹ năng: Xác định được hình thức, thẩm quyền và thực hiện được Trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất và thu hồi đất.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Tin học đại cương	- Về kiến thức: Trình bày những kiến thức chung về công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính và internet. - Về kỹ năng: Sinh viên có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng tin học văn phòng như soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính excel và thuyết trình bằng phần mềm trình diễn powerpoint, truy cập internet thành thạo. - Về đạo đức nghề nghiệp: Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, làm các bài tập về nhà để nâng cao tinh thần tự học.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
10	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Phát triển được các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Tổng hợp được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
XII. Ngành Kinh tế tài nguyên thiên nhiên					
1. HỆ ĐH5					

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Đề án môn học- Kinh tế tài nguyên và môi trường	- Về kiến thức: + Nghiên cứu sâu về các vấn đề lý thuyết thuộc nội dung các môn học chuyên ngành; + Bước đầu rèn luyện khả năng nghiên cứu và giải quyết một vấn đề khoa học thuộc chuyên ngành và vận dụng các kiến thức lý luận vào thực tiễn hoạt động quản lý Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường ở nước ta; + Thực hành các kỹ năng chuyên môn đã được trang bị vào các tình huống nghiên cứu cụ thể. - Về kỹ năng: + Nêu cao tinh thần tích cực suy nghĩ, chịu khó tìm tòi, học hỏi, chủ động sáng tạo trong quá trình viết đề án; đảm bảo nộp đề án đúng thời gian quy định. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Chấp hành nghiêm chỉnh quy chế của trường và kế hoạch của khoa về việc viết đề án môn học. + Chấp hành hướng dẫn và những yêu cầu cụ thể của giáo viên phụ trách.	3	Học kỳ I	- Điểm đánh giá đề cương đề án: 50% - Điểm đánh giá đề án hoàn chỉnh: 50% Hình thức thi: báo cáo
2	Hạch toán quản lý môi trường	- Về kiến thức: + Trình bày được mối quan hệ giữa chi phí và lợi ích môi trường; + Vận dụng được kiến thức để ghi chép, tổng hợp, phân tích các khoản mục chi phí môi trường và dự toán chi phí môi trường; - Về kỹ năng: + Xây dựng được toàn bộ công việc hạch toán quản lý môi trường tại một doanh nghiệp cụ thể từ đó phân tích, đánh giá được về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp. + Vận dụng được các công cụ của hạch toán quản lý môi trường trong việc phân tích và kiểm soát chi phí môi trường, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; - Về đạo đức: Ý thức được tầm quan trọng của công tác kế toán, và hoạt động hạch toán quản lý môi trường	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Kinh tế tài nguyên II	- Về kiến thức: Phân tích được các nội dung cơ bản liên quan đến các loại tài nguyên như khái niệm, đặc điểm, phân loại cũng như các mô hình sử dụng, khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên năng lượng; các vấn đề kinh tế liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học; Thực trạng khai thác, sử dụng và quản lý các tài nguyên này tại Việt Nam. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích được mô hình khai thác và sử dụng tối ưu đối với tài nguyên nước, khoáng sản, năng lượng; bảo tồn đa dạng sinh học có hiệu quả về chi phí. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp khai thác tài nguyên tối ưu để xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu đối với từng loại tài nguyên nước, khoáng sản, năng lượng; thực hiện có hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Đưa ra được những giải pháp giúp cho các doanh nghiệp, cá nhân và Nhà nước khai thác, sử dụng tài nguyên nước, khoáng sản, năng lượng... một cách bền vững, hiệu quả. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sử dụng kiến thức đã học vận dụng vào các công việc thực tế liên quan đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật, thực hiện theo các chính sách quy định về sử dụng, khai thác và quản lý các loại tài nguyên, cụ thể đối với tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên năng lượng và góp phần bảo tồn đa dạng sinh học.	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Kinh tế tài nguyên II	- Về kiến thức: Phân tích được các nội dung cơ bản liên quan đến các loại tài nguyên như khái niệm, đặc điểm, phân loại cũng như các mô hình sử dụng, khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên năng lượng; các vấn đề kinh tế liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học; Thực trạng khai thác, sử dụng và quản lý các tài nguyên	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		này tại Việt Nam. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích được mô hình khai thác và sử dụng tối ưu đối với tài nguyên nước, khoáng sản, năng lượng; bảo tồn đa dạng sinh học có hiệu quả về chi phí. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp khai thác tài nguyên tối ưu để xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu đối với từng loại tài nguyên nước, khoáng sản, năng lượng; thực hiện có hiệu quả bảo tồn đa dạng sinh học. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Đưa ra được những giải pháp giúp cho các doanh nghiệp, cá nhân và Nhà nước khai thác, sử dụng tài nguyên nước, khoáng sản, năng lượng... một cách bền vững, hiệu quả. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sử dụng kiến thức đã học vận dụng vào các công việc thực tế liên quan đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật, thực hiện theo các chính sách quy định về sử dụng, khai thác và quản lý các loại tài nguyên, cụ thể đối với tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên năng lượng và góp phần bảo tồn đa dạng sinh học.			- 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường	- Về kiến thức: Sinh viên trình bày và phân tích được các kiến thức về cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý môi trường trong các lĩnh vực tự nhiên, kinh tế, xã hội đặc biệt là về tự nhiên và kinh tế. Các vấn đề về quản lý môi trường tự nhiên, tài nguyên thiên ở cả góc độ vi mô và vĩ mô. - Về kỹ năng: Vận dụng linh hoạt các chính sách về quản lý môi trường và quản lý tài nguyên vào thực tiễn công việc. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sử dụng kiến thức đã học vận dụng được vào các công việc thực tế liên quan đến quản lý tài nguyên và môi trường. Đảm bảo tuân thủ đúng các quy định, các chính sách ban hành trong quá trình quản lý các vấn đề liên quan đến tài nguyên và môi trường.	5	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2. HỆ ĐH6					

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về một số vấn đề lý luận của định giá kinh tế tài nguyên và môi trường như: phương pháp luận, các nhóm phương pháp định giá, cách tính toán và sử dụng đối với từng phương pháp định giá giá trị tài nguyên và môi trường; Ứng dụng được định giá kinh tế tài nguyên và môi trường trong việc ra quyết định về các dự án kinh tế tài nguyên và môi trường. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích, đánh giá, lượng hóa được các giá trị của tài nguyên, môi trường. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được kiến thức trong việc nghiên cứu và thực hành định giá kinh tế tài nguyên môi trường. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Vận dụng được kiến thức về định giá kinh tế tài nguyên, môi trường làm cơ sở giúp các nhà quản lý đưa ra được các quyết định trong việc lựa chọn các phương án trong quá trình thực hiện một dự án tài nguyên, môi trường. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Nâng cao ý thức tự giác trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường. + Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên và môi trường đối với sự phát triển của mỗi quốc gia.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám	- Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm cơ bản về viễn thám; Trình bày được các nguyên lý cơ bản của kỹ thuật viễn thám; Liệt kê được các công đoạn trong quy trình giải đoán và xử lý ảnh viễn thám; Trình bày được các thuật toán phân loại dùng trong viễn thám; Khái niệm, chức năng, nhiệm vụ và các thành phần cơ bản của GIS; Phân biệt được các loại cơ sở dữ liệu của GIS; - Về kỹ năng: + Vận dụng các chỉ số thống kê, hiển thị và tăng cường chất lượng ảnh, đăng ký tọa độ ảnh và thực hiện các phép biến đổi ảnh đơn giản; + Chọn được vùng mẫu, chọn thuật toán	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		thích hợp để tiến hành phân loại; đánh giá và ứng dụng kết quả vào một vấn đề cụ thể; + Xây dựng được cơ sở dữ liệu trong GIS. + Vận dụng phương pháp cập nhật thông tin cần thiết từ ảnh viễn thám kết hợp với phần mềm của GIS để tạo ra một sản phẩm cụ thể. - Về thái độ: + Rèn luyện tác phong: tỉ mỉ, chính xác, trung thực; + Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích học phần, yêu thích ngành nghề.			
3	Kế toán tài chính	- Về kiến thức: Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản về hạch toán nghiệp vụ tài sản cố định, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, chi phí sản xuất và các phương pháp tính giá thành sản phẩm – dịch vụ, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận,... trong doanh nghiệp sản xuất. - Về kỹ năng: + Kỹ năng về nhận thức: Trình bày được vững toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, có thể tính toán và đánh giá được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó đưa ra các biện pháp giúp cho nhà quản lý doanh nghiệp quản lý tốt chi phí và điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của môn học để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
4	Kiểm toán môi trường	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về kiểm toán môi trường như mục đích, ý nghĩa, chức năng, yêu cầu và các công việc cơ bản trong hoạt động trước kiểm toán, hoạt động kiểm toán tại cơ sở và hoạt động sau kiểm toán của một cuộc kiểm toán môi trường. - Về kỹ năng: Có thể áp dụng được những kiến thức đã học để áp dụng vào thực tiễn kiểm toán môi trường. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học và tích cực học tập, tự học, nghiên cứu tài liệu; Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn; Có ý thức chấp hành các quy định về quy trình kế toán và kiểm toán.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Kiến tập môn học - Kinh tế tài nguyên và môi trường	Về kiến thức: Quan sát và nhận biết được với thực tế khai thác và quản lý tài nguyên, môi trường ở Việt Nam. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các phương pháp xác định mức ô nhiễm tối ưu để xác định mức ô nhiễm tối ưu cho từng hoạt động kinh tế cụ thể; vận dụng phương pháp xác định mức khai thác tài nguyên tối ưu để xác định mức khai thác tài nguyên tối ưu cho từng hoạt động khai thác tài nguyên cụ thể trong thực tế. + Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể để đưa ra những giải pháp giúp cho các doanh nghiệp, cá nhân và nhà nước khai thác, sử dụng tài nguyên một cách bền vững. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Nâng cao ý thức tự giác trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường. + Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên và môi trường đối với sự phát triển của mỗi quốc gia. + Đúng đắn, nghiêm túc, yêu thích học phần.	3	Học kỳ II	- Điểm đánh giá đề cương đề án: 50% - Điểm đánh giá đề án hoàn chỉnh: 50% Hình thức thi: báo cáo

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
6	Kinh tế học biến đổi khí hậu	- Về kiến thức: Trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản về kinh tế như: Cung, cầu, thị trường, lợi ích, chi phí, lợi ích ròng...; Trình bày và phân tích được các khía cạnh kinh tế - xã hội trong biến đổi khí hậu; Trình bày và phân tích được khía cạnh kinh tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu; Phân tích các chính sách ứng phó với biến đổi khí hậu ở Việt Nam và trên thế giới. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích, đánh giá được khía cạnh kinh tế trong biến đổi khí hậu; trong ứng phó với biến đổi khí hậu + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các phương pháp kinh tế để xác định các lợi ích, chi phí liên quan đến biến đổi khí hậu + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích, đánh giá kinh tế về biến đổi khí hậu có thể vận dụng phương pháp luận để giải quyết một số vấn đề kinh tế học biến đổi khí hậu ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu - Về đạo đức nghề nghiệp: Ý thức được tầm quan trọng của ứng phó với biến đổi khí hậu trong sự phát triển của mỗi quốc gia và trên toàn cầu.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Kinh tế tài nguyên I	- Về kiến thức: Trình bày được một số nét khái quát về kinh tế tài nguyên nói chung; trình bày và phân tích được các mô hình trong sử dụng, khai thác và quản lý tài nguyên đất, tài nguyên thủy sản và tài nguyên rừng. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích được mô hình khai thác và sử dụng tối ưu đối với tài nguyên đất, thủy sản và rừng. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp khai thác tài nguyên tối ưu để xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu đối với từng loại tài nguyên đất, thủy sản và rừng. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác.	5	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Kỹ năng tư duy: Đưa ra được những giải pháp giúp cho các doanh nghiệp, cá nhân và Nhà nước khai thác, sử dụng tài nguyên đất, thủy sản, rừng một cách bền vững, hiệu quả. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sử dụng kiến thức đã học vận dụng vào các công việc thực tế liên quan đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật, thực hiện theo các chính sách quy định về sử dụng, khai thác và quản lý các loại tài nguyên, cụ thể đối với tài nguyên đất, tài nguyên thủy sản và tài nguyên rừng.			
8	Phân tích chi phí - lợi ích	- Về kiến thức: Phân tích được những kiến thức cơ bản về Phân tích chi phí - lợi ích bao gồm: Các khái niệm chủ yếu trong phân tích chi phí - lợi ích; Các bước thực hiện một phân tích chi phí - lợi ích; Cơ sở lựa chọn giữa các phương án trong phân tích chi phí - lợi ích; Hướng dẫn cách nhận dạng các lợi ích và chi phí của một chương trình, dự án cụ thể; Phương pháp đánh giá lợi ích và chi phí có giá thị trường và không có giá thị trường; Chiết khấu và suất chiết khấu xã hội trong phân tích chi phí - lợi ích; các tiêu chí cơ bản quyết định lựa chọn giữa các phương án; Vấn đề rủi ro và vai trò của phân tích độ nhạy; Ứng dụng phân tích chi phí - lợi ích trong lựa chọn các dự án kinh tế tài nguyên và môi trường. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích, đánh giá được các giá trị lợi ích và chi phí của một dự án tài; Phân tích được những điểm khác biệt khi sử dụng phương pháp phân tích chi phí - lợi ích trong quản lý tài nguyên môi trường. + Kỹ năng nghề nghiệp: Viết được báo cáo phân tích lợi ích chi phí của một dự án đầu tư; Thực hiện được một phân tích chi phí - lợi ích hoàn chỉnh cho một số dự án tài nguyên môi trường trong thực tiễn. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Áp dụng được kiến thức về phân tích chi phí - lợi ích làm cơ sở giúp các nhà quản lý đưa ra được các	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		quyết định trong việc lựa chọn các phương án trong quá trình thực hiện một dự án tài nguyên, môi trường. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Nâng cao ý thức tự giác trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường. + Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên và môi trường đối với sự phát triển của mỗi quốc gia.			
9	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	- Về kiến thức: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu các vấn đề kinh tế như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh. - Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng xác định ý tưởng, thiết kế nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thực hiện quá trình nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, cũng như trình bày báo cáo khoa học hoàn chỉnh. Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic trong thực hiện các đề tài nghiên cứu làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về quản lý dự án tài nguyên và môi trường; nhận biết và phân tích được các nội dung cơ bản trong quản lý dự án tài nguyên và môi trường như lập kế hoạch quản lý, điều phối thực hiện dự án, kiểm tra, giám sát thực hiện dự án... - Về kỹ năng: Sau khi kết thúc môn học người học có thể vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tiễn quản lý các dự án thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường - Về đạo đức nghề nghiệp: Sử dụng kiến thức đã học vận dụng được vào các công việc thực tế liên quan đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật. Tuân thủ theo	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		các quy định và chính sách về quản lý dự án đối với các dự án về tài nguyên và môi trường.			
11	Thương mại và tài nguyên môi trường	- Về kiến thức: Trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản liên quan đến thương mại và tài nguyên môi trường như: khái niệm thương; khái niệm môi trường, tài nguyên. Trình bày, phân tích được mối quan hệ giữa thương mại với tài nguyên, môi trường. Nhận biết, hiểu và trình bày được các hiệp định liên quan đến vấn đề môi trường trong WTO và các thảo luận quốc tế về môi trường. Đánh giá xu hướng phát triển mới của thương mại quốc tế có đề cập đến môi trường và sự phát triển bền vững cho thương mại và môi trường trong nước và trên thế giới. - Đạo đức nghề nghiệp: Vận dụng được các kiến thức cơ bản đã học để có thể nhận biết, phân tích, đánh giá các tác động của hoạt động thương mại đến tài nguyên và môi trường. + Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn quản lý các vấn đề trong hoạt động thương mại để đảm bảo sự phát triển bền vững, hội nhập quốc tế.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
12	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên	- Về kiến thức: Trình bày và phân tích được một số kiến thức cơ bản về cộng đồng, phát triển cộng đồng, quản lý tài nguyên, tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên... ; Trình bày được các nguồn lực cho phát triển cộng đồng, một số cung cụ sử dụng để thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng; Phân tích được sự tham gia của cộng đồng trong quá trình xây dựng kế hoạch, thực hiện, giám sát và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý tài nguyên; Trình bày được một số ví dụ điển hình về tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên ở Việt Nam. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Nhận thức, phân tích và đánh giá được tầm quan trọng của cộng đồng trong việc quản lý tài nguyên. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức vào quản lý tài nguyên, thực hiện quản lý tài nguyên đạt hiệu quả có sự tham gia của cộng đồng. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức đã học, có thể vận dụng thực hiện các mô hình quản lý các loại tài nguyên khác nhau có sự tham gia của cộng đồng. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sử dụng kiến thức đã học vận dụng vào các công việc thực tế liên quan đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật, thực hiện theo các chính sách quy định về quản lý các loại tài nguyên, thực hiện vận động cộng đồng tham gia vào hoạt động quản lý tài nguyên nhưng không vi phạm các luật lệ, truyền thống, các phong tục tập quán tại các địa phương.			
3. HỆ DH7					
1	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	- Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, vai trò và ý nghĩa đường lối của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; phân tích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được quá trình hình thành và những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay. - Về kỹ năng: Trình bày, thuyết trình được một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội; phân tích, vận dụng được vào thực tiễn lĩnh vực được đào tạo. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng được tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào đối với Đảng ta, tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng; xác định được trách nhiệm của cá nhân đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng được thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và làm việc.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Cơ sở khoa học môi trường	- Về kiến thức: có khả năng trình bày được những kiến thức cơ bản về môi trường và khoa học môi trường; Các khái niệm cơ bản về tài nguyên và môi trường, các thành phần môi trường...; Phân tích được các vấn đề ô nhiễm môi trường nước, đất,	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		không khí, các vấn đề nền tảng liên quan tới môi trường như dân số, năng lượng, lương thực - Về kỹ năng: vận dụng được những kiến thức cơ sở về môi trường cần thiết để tiếp cận học các môn chuyên ngành - Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ đúng đắn với môi trường sống, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm của bản thân với môi trường			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Kiến tập	- Về kiến thức: Quan sát và tiếp xúc được với thực tế khai thác và quản lý tài nguyên, môi trường ở Việt Nam. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nghề nghiệp: Phân tích được các tác động của hoạt động kinh tế đến môi trường tự nhiên, thực trạng khai thác, quản lý tài nguyên và môi trường của địa phương trong thực tế. + Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể, thực trạng ô nhiễm môi trường. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Nâng cao ý thức tự giác trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường. + Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên và môi trường đối với sự phát triển của mỗi quốc gia. + Đúng đắn, nghiêm túc, yêu thích học phần.	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình kiến tập môn học: 50% Điểm đánh giá báo cáo kiến tập môn học: 50% Hình thức thi: báo cáo
4	Kinh tế công cộng	- Về kiến thức: Tổng hợp được các kiến thức sau: + Cơ sở kinh tế và các hoạt động của khu vực công trong nền kinh tế + Tìm hiểu, phân tích, đánh giá các chức năng, hệ quả các hoạt động và các chính sách của chính phủ áp dụng trong vào nền kinh tế thị trường. - Về kỹ năng: + Vận dụng được các kiến thức cơ bản của kinh tế để có thể mô tả, phân tích, đánh giá các hoạt động kinh tế công cộng như: lý giải nguồn gốc thất bại thị trường, phân tích tác động các chính sách của nhà nước... + Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn quản lý công, phân tích, đánh giá và rèn luyện tư duy khoa học về kinh tế công cộng.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về đạo đức nghề nghiệp: + Yêu thích môn học kinh tế công cộng. + Lắng nghe và lắng nghe, ghi chép bài đầy đủ.			
5	Kinh tế đầu tư	- Về kiến thức: Phân tích được những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển. Cụ thể, trình bày được khái niệm đầu tư phát triển, phân biệt được đầu tư phát triển với các loại đầu tư khác, phân tích được tác động của đầu tư phát triển đối với tăng trưởng và phát triển, các nguồn vốn đầu tư. Giải thích được trình tự các bước cũng như phương pháp để lập, thẩm định và thực hiện đầu tư các dự án đầu tư; các chỉ tiêu đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển, áp dụng làm được bài tập và lựa chọn các phương án đầu tư phù hợp. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích được khái niệm đầu tư phát triển, vai trò của đầu tư, trình tự lập dự án một dự án đầu tư, trình tự đầu tư và các nội dung của thẩm định dự án và biết phân tích đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được kiến thức đã học một cách linh hoạt để thực hiện đầu tư các công trình, thẩm định các dự án hay thiết lập một dự án, đánh giá kết quả và hiệu quả của các dự án đầu tư và quản lý các dự án đầu tư + Kỹ năng làm việc với nhóm: Xây dựng được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận và thực hành. Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng về các vấn đề kinh tế. + Kỹ năng tư duy: Vận dụng được kiến thức đã học để xác định ra được các giải pháp huy động nguồn vốn đầu tư ở Việt Nam hiện nay và đề xuất những dự án; thẩm định dự án, thực hiện đầu tư và quản lý hiệu quả trong điều kiện hiện nay. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Xây dựng được thái độ yêu thích môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Xác định được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		cao kiến thức chuyên môn.			
6	Kinh tế môi trường	- Về kiến thức: Sau khi nghiên cứu môn học Kinh tế môi trường, người học phải trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học Kinh tế môi trường; trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường, phát triển và phát triển bền vững; phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; trình bày được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như khái niệm ô nhiễm, khái niệm ngoại ứng,...; xác định được mức ô nhiễm tối ưu và phân tích được các công cụ kiểm soát ô nhiễm; phân tích các công cụ và chính sách quản lý môi trường. Sinh viên áp dụng được những cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu mối quan hệ biện chứng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường; áp dụng được những cơ sở lý luận để nhìn nhận, phân tích đánh giá môi trường trong bối cảnh của cơ chế thị trường. Đánh giá những tác động (tích cực và tiêu cực) của các hoạt động phát triển (kinh tế và xã hội) đến môi trường. Tiếp cận phân tích kinh tế của những tác động tới môi trường, góp phần thẩm định các chương trình, kế hoạch, dự án phát triển thông qua phân tích chi phí – lợi ích và phân tích chi phí – hiệu quả, góp phần hoạch định các chính sách và chiến lược phát triển những phương thức quản lý môi trường hợp lý. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích, đánh giá được mức ô nhiễm và những ảnh hưởng về mặt môi trường của từng hoạt động kinh tế; phân tích được các chỉ tiêu cơ bản đánh giá tác động môi trường; phân tích được những điểm khác biệt khi sử dụng phương pháp phân tích lợi ích – chi phí trong quản lý môi trường. Nâng cao nhận thức về môi trường, về mối quan hệ chặt chẽ, phụ thuộc và quy định lẫn nhau giữa môi trường và phát triển để mọi cá nhân, mọi cộng đồng có hành vi đúng đắn vì mục đích phát triển bền vững. Đặc biệt là đối với các chuyên gia kinh tế và quản trị kinh	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		doanh. Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các phương pháp xác định mức ô nhiễm tối ưu cho từng hoạt động kinh tế cụ thể. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích, đánh giá về tình hình ô nhiễm do từng hoạt động kinh tế cụ thể gây ra có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý và điều khiển hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp đồng thời bảo vệ được môi trường - Về đạo đức nghề nghiệp: Nâng cao ý thức tự giác trong công việc, ý thức về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường đối với sự phát triển của mỗi quốc gia.			
7	Kinh tế vi mô II	- Về kiến thức: Giải thích được các kiến thức về các mô hình kinh tế, những lý thuyết về cầu; lựa chọn trong điều kiện rủi ro; lý thuyết về hãng; cấu trúc thị trường; thị trường yếu tố sản xuất; vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày và hiểu được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc nhóm: Xây dựng được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện. + Kỹ năng tư duy: Nhận diện được các vấn đề mới về công tác quản trị. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Xây dựng được thái độ yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh. + Xác định được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
8	Lịch sử các học thuyết kinh tế	- Về kiến thức: Giải thích được các nội dung cơ bản của môn học Lịch sử các học thuyết kinh tế, các lý luận kinh tế và vận dụng được vào thực tiễn phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích được học thuyết kinh tế của các trường phái về hoàn cảnh ra đời và đặc điểm của từng học thuyết, từ đó có những nhận xét đánh giá về từng học thuyết. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được những kiến thức đã học để liên hệ với kinh tế tại Việt Nam qua các thời kỳ. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Xây dựng được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận và thực hành. Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng về các vấn đề kinh tế. + Kỹ năng tư duy: Vận dụng được những kiến thức đã học vào nghiên cứu bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của các hiện tượng và quy luật của kinh tế thị trường - Về đạo đức nghề nghiệp: + Xây dựng được thái độ yêu thích môn học Lịch sử các học thuyết kinh tế. + Xây dựng được tinh thần tự học, tìm hiểu các mô hình kinh tế ở Việt Nam và các nước trên thế giới qua các thời kỳ.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Lý thuyết kế toán	- Về kiến thức: Trình bày và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình. - Về kỹ năng: + Kỹ năng về nhận thức: Trình bày được bản chất của kế toán, các phương pháp kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu và toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Vận dụng	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận và thực hành. + Kỹ năng tư duy: Tổng hợp và đánh giá khái quát được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Từ các báo cáo tài chính có thể cung cấp được các thông tin khái quát về tình hình tài chính giúp cho doanh nghiệp có biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Hiểu được công việc về kế toán, từ đó có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với học phần, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Hiểu được tầm quan trọng của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
10	Nguyên lý thống kê kinh tế	- Về kiến thức: vận dụng được kiến thức cơ bản như: thu thập thông tin thống kê tổng hợp và trình bày dữ liệu thống kê các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện tượng. - Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng thống kê khoa học, vận dụng các chỉ tiêu thống kê thông dụng, phân tích, đánh giá tình hình và có kỹ năng dự báo các biến động của hiện tượng kinh tế. Rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Ý thức được tầm quan trọng của công tác thống kê trong đời sống hàng ngày cũng như trong mọi hoạt động của ngành, của địa phương và của đất nước.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
11	Phân tích định lượng	- Về kiến thức: Nhận diện được các ứng dụng của phương pháp phân tích định lượng, ứng dụng phân tích hồi qui trong các nghiên cứu định lượng, cùng những kiến thức cơ bản về lý thuyết toán tối ưu nhằm hỗ trợ trong hoạt động kinh doanh cũng như trong phân tích ra quyết định trong các tình huống của Doanh nghiệp. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu và vận dụng được các khái niệm, các phương pháp định lượng trong việc ra quyết định bằng việc ứng dụng các mô hình và các công cụ toán học. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học để thực hiện phân tích định lượng và đánh giá kết quả từ phân tích định lượng. + Kỹ năng tư duy: Có khả năng tư duy và có khả năng giải quyết được các bài toán thực tế nhờ công cụ Máy tính để có được một quyết định tốt nhất. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu định tính và định lượng. + Nhận thức được tầm quan trọng của việc phân tích định tính và định lượng. Hiểu được tầm quan trọng của việc đánh giá và dự báo hiện tượng kinh tế xã hội có căn cứ là các con số và nhận định qua các con số cụ thể. Nâng cao ý thức tự giác trong công việc, rèn luyện được đức tính cần thận trong công việc.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
12	Pháp luật đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống. - Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		pháp luật, rèn luyện tác phong sống học tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.			
13	Tài chính - Tiền tệ	- Về kiến thức: Người học trình bày được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; Nắm được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp; những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Vận dụng được những vấn đề cơ bản về tài chính; các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như vốn kinh doanh, nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và phân phối lợi nhuận cũng như những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế. + Kỹ năng nghề nghiệp: Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, sự tác động của thị trường tài chính đến nền kinh tế và tài chính doanh nghiệp. Từ đó tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn. + Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.			
4. HỆ DH8					
1	Kinh tế vĩ mô	- Về kiến thức: Giải thích được các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô. + Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế...phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. + Kỹ năng tư duy: Có khả năng tư duy để áp dụng trong dự đoán và có định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Xây dựng được thái độ yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô. + Nhận diện được tầm quan trọng của việc nhận xét, đánh giá nền kinh tế vĩ mô. Nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Xác suất thống kê	- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu. - Về kỹ năng: Sinh viên phân tích và nhận diện được kỹ năng cơ bản để nhận dạng,	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình. - Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thói quen tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn.			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	- Về kiến thức: trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Kinh tế vi mô I	- Về kiến thức: Giải thích được những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Xây dựng được thái độ yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh. + Phân tích được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	- Về kiến thức: Trình bày và Giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Quản trị học	- Về kiến thức: Nhận diện được những vấn đề cơ bản của quản trị, các chức năng của quản trị, các kỹ năng mà nhà quản trị cần phải có. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức đã học, người học có thể nhận diện được cách quản trị một tổ chức sao cho hiệu quả, biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Xác định được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Toán cao cấp	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, hàm số một biến số, không gian véc tơ và dạng toàn phương, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Sinh viên phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp.	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.			Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Toán cao cấp	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, hàm số một biến số, không gian véc tơ và dạng toàn phương, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Sinh viên phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Phát triển được các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
10	Tin học đại cương	- Về kiến thức: Trình bày những kiến thức chung về công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính và internet. - Về kỹ năng: Sinh viên có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng tin học văn phòng như soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính excel và thuyết trình bằng phần mềm trình diễn powerpoint, truy cập internet thành thạo. - Về đạo đức nghề nghiệp: Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, làm các bài tập về nhà để nâng cao tinh thần tự học.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

XIII. Ngành Quản lý biển

1. HỆ DH5

1	An toàn và an ninh trên biển	- Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm cơ bản, cơ sở pháp lý và các lĩnh vực đảm bảo an ninh, an toàn trên biển. - Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức cho công tác quản lý biển sau này. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao. + Sinh viên có thái độ tích cực trong làm bài tập, thảo luận nhóm và thu thập dữ liệu về các văn bản pháp luật liên quan. + Hợp tác và sáng tạo trong công tác.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Chủ quyền biển, đảo của Việt Nam	- Về Kiến thức: + Trình bày được các kiến thức cơ bản về đảo, quần đảo và hệ thống đảo ở Việt Nam; phân loại hệ thống đảo theo các tiêu chí. Khái quát về điều kiện tự nhiên, tài nguyên và môi trường của đảo, quần đảo và hệ thống đảo; tình hình kinh tế - xã hội các huyện đảo; + Phân tích được tài nguyên vị thế các đảo và quần đảo Việt Nam – lợi ích về kinh tế, chính trị, quân sự. + Phân tích được tiềm năng phát triển kinh tế- xã hội và bảo vệ chủ quyền quốc gia của các đảo và quần đảo Việt Nam; -Về kỹ năng: Phân loại, nhận dạng các đảo, cơ sở pháp lý quản lý đảo. Phân tích các vấn đề môi trường đảo và cách tiếp cận giải quyết vấn đề hướng tới tính bền vững, đặc biệt đối với các đảo nhỏ. - Về thái độ: Rèn luyện sự cẩn cù, chăm chỉ, sáng tạo và bản lĩnh trong học tập, khả năng tiếp cận các vấn đề liên quan.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Đánh giá tác động môi trường	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về quá trình đánh giá tác động môi trường, nội dung đánh giá tác động môi trường và các phương pháp thường sử dụng trong đánh giá tác động môi trường tương ứng theo từng loại hình và lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội. - Về kỹ năng: Áp dụng được các phương pháp đánh giá tác động môi trường, đề xuất được các giải pháp công nghệ xử lý chất thải, và các biện pháp bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên. - Về đạo đức nghề nghiệp: có nhận thức đúng đắn về những tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động kinh tế-xã hội đến tài nguyên và môi trường, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ tài nguyên và môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Dự báo ô nhiễm môi trường không khí và nước biển	- Về kiến thức: Trình bày được các quy luật phân bố, truyền tải vật chất ô nhiễm trong các điều kiện khí quyển và môi trường nước biển khác nhau để vận hành các mô hình dự báo ô nhiễm. Vận dụng những kiến thức về mô hình hoá toán, vật lý ứng dụng để mô hình hoá lớp biên khí quyển và lớp nước tầng nông ở biển nhằm	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		đánh giá sự lan truyền và dự báo chất ô nhiễm phát thải từ các nguồn điểm. - Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về mô hình toán để tìm hiểu các mô hình mô phỏng quá trình lan truyền ô nhiễm trong khí quyển và mô hình lan truyền ô nhiễm dầu trong các vùng nước biển; khai thác các mô hình dự báo ô nhiễm điểm và ô nhiễm trường khi phải tiếp cận các bài toán đánh giá ô nhiễm từ một điểm và ô nhiễm từ nhiều điểm khác tới khu vực nghiên cứu. - Về thái độ: nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, năng động, sáng tạo trong học tập, đi học và làm bài tập đầy đủ			Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Hợp tác trong quản lý và khai thác Biển Đông	- Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm cơ bản, cơ sở pháp lý và các lĩnh vực hợp tác quốc tế trên Biển Đông. - Về kỹ năng: Vận dụng được kiến thức cho công tác quản lý biển sau này. - Về thái độ, chuyên cần: Sinh viên có thái độ tích cực trong làm bài tập, thảo luận nhóm và thu thập dữ liệu về các văn bản pháp luật liên quan.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Khảo sát khí tượng thủy văn biển	- Về kiến thức: Mô tả được được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và cách sử dụng thiết bị đo các yếu tố khí tượng hải văn và môi trường biển; trình bày được các quy phạm về quan trắc khí tượng hải văn. - Về kỹ năng: Sử dụng được các thiết bị đo khí tượng theo Quy phạm quan trắc khí tượng, thủy văn và hải văn. Sinh viên tháo lắp, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị đo khí tượng và lắp đặt các thiết bị đo tại trạm khí tượng, thủy văn và hải văn thành thạo. - Về đạo đức nghề nghiệp: Thái độ, chuyên cần: rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và ngành nghề	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Quản lý tài nguyên môi trường biển	- Về kiến thức: + Trình bày được những kiến thức cơ bản về kinh tế như thị trường, phúc lợi xã hội, ngoại ứng, hàng hóa công cộng, quyền tài sản,...; + Những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên biển và kinh tế môi trường biển, hiểu được các công cụ kinh tế trong quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		biển;phân tích được chi phí-lợi ích, chi phí hiệu quả đối với tài nguyên và môi trường biển; Lượng giá tài nguyên biển. - Về kỹ năng: Trình bày được những kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên và môi trường biển làm cơ sở cho tiếp cận kinh tế trong quản tài nguyên và môi trường biển sau này. - Về thái độ, chuyên cần: Sinh viên có thái độ tích cực trong làm bài tập, thảo luận nhóm và Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo và bản lĩnh trong học tập, yêu thích ngành nghề biển; khả năng tự tìm tòi tư liệu và biết cách tổng hợp vấn đề.			- Hình thức thi: Tự luận
8	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Phát triển được các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
2. HỆ DH6					
1	Luật pháp và chính sách biển	- Về kiến thức: Trình bày được những nội dung cơ bản nhất về Luật biển quốc tế, Luật pháp và chính sách biển của Việt Nam. - Về kỹ năng: Xây dựng và phát triển được năng lực thu thập thông tin về các vấn đề liên quan đến Luật biển quốc tế, Luật pháp và chính sách biển Việt Nam; Phân tích, tổng hợp và đánh giá được các vấn đề liên quan đến Luật biển quốc tế, Luật pháp và chính sách biển Việt Nam; - Về đạo đức nghề nghiệp: Ý thức được việc tôn trọng các quy định của Luật biển quốc tế, Luật pháp và chính sách biển Việt Nam và đánh giá, nhìn nhận đúng đắn các vấn đề liên quan đến hoạch định và giải quyết các tranh chấp trên biển giữa Việt Nam và các nước trong khu vực.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Quản lý hệ thống đảo của Việt Nam	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về vai trò và chức năng của biển và đại dương với đời sống Trái đất và nhân loại. Vị trí địa chính trị, địa kinh tế và địa văn hóa của biển Đông và vị thế của biển Việt Nam. Tình trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển. Các cơ hội và thách thức đối với công tác quản lý nhà nước về biển, bao gồm các tác động của thiên tai và nhân tai, cũng như nhu cầu phải quản lý nhà nước về biển Việt Nam. Phân biệt quản lý nhà nước theo ngành và quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo. - Về kỹ năng: Trình bày và áp dụng được các công cụ và biện pháp quản lý thuộc các lĩnh vực biển. Giới thiệu một số công cụ chủ lực áp dụng trong quản lý biển và quản lý nhà nước tổng hợp về biển. - Về thái độ, chuyên cần: Sinh viên nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập và có ý thức bảo	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		vệ môi trường biển cũng như môi trường sống xung quang chúng ta.			
3	Quản lý nhà nước về biển	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về vai trò và chức năng của biển và đại dương với đời sống Trái đất và nhân loại. Vị trí địa chính trị, địa kinh tế và địa văn hóa của biển Đông và vị thế của biển Việt Nam. Tình trạng khai thác, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường biển. Các cơ hội và thách thức đối với công tác quản lý nhà nước về biển, bao gồm các tác động của thiên tai và nhân tai, cũng như nhu cầu phải quản lý nhà nước về biển Việt Nam. Phân biệt quản lý nhà nước theo ngành và quản lý nhà nước tổng hợp và thống nhất về biển và hải đảo. - Về kỹ năng: Áp dụng được các công cụ và biện pháp quản lý thuộc các lĩnh vực biển. Giới thiệu một số công cụ chủ lực áp dụng trong quản lý biển và quản lý nhà nước tổng hợp về biển. - Về thái độ, chuyên cần: Sinh viên nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập và có ý thức bảo vệ môi trường biển cũng như môi trường sống xung quang chúng ta."	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Quản lý Thiên tai và Tai biến môi trường biển	- Về kiến thức: + Trình bày được các kiến thức cơ bản về thiên tai và tai biến môi trường biển, rủi ro thiên tai và tai biến môi trường biển; tính dễ bị tổn thương của các vùng biển và ven biển do thiên tai và tai biến môi trường biển; + Xác định và áp dụng được Các giải pháp quản lý để giảm thiểu rủi ro và tính dễ bị tổn thương do thiên tai và tai biến môi trường biển. - Về kỹ năng: + Kỹ năng cứng: Trình bày và vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế quản lý thiên tai và tai biến. + Kỹ năng mềm: xây dựng và thực thi một số chính sách, pháp luật thiên tai và tai biến môi trường biển và hải đảo cũng như các giải pháp tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của chính quyền và nhân dân về phòng chống, giảm nhẹ tác hại của thiên tai và tai biến môi trường biển. - Về thái độ:	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao. + Có ý thức bảo vệ môi trường biển, đề xuất sáng kiến, giải pháp và vận động chính quyền, nhân dân tham gia phòng chống, giảm nhẹ tác hại của thiên tai và tai biến môi trường biển. + Hợp tác và sáng tạo trong công tác.			
5	Quản lý tổng hợp vùng bờ biển	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về đới bờ, vùng bờ và thuộc tính của chúng, vùng bờ quản lý; tầm quan trọng của vùng bờ, các vấn đề kinh tế-xã hội ở vùng bờ và thể chế-chính sách quản lý hiện hành. Trên cơ sở đó xác định nhu cầu quản lý tổng hợp vùng bờ biển (QLTHVB). Các nguyên tắc và chu trình QLTHVB, nội dung và sản phẩm đầu ra của QLTHVB. Cách thức tiến hành xây dựng và triển khai một kế hoạch QLTHVB cụ thể, các công cụ thường áp dụng trong QLTHVB. Giới thiệu các bài học kinh nghiệm QLTHVB trên thế giới và thực trạng hoạt động QLTHVB ở Việt Nam. - Về kỹ năng: vận dụng được các kỹ năng liên quan tới việc áp dụng các công cụ trong quá trình thực hiện QLTHVB; các phương pháp và kỹ năng trong xây dựng và triển khai một kế hoạch QLTHVB; kỹ năng phân vùng chức năng vùng bờ biển,... - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo và bản lĩnh trong học tập, yêu thích ngành nghề biển; khả năng tự tìm tòi tư liệu và biết cách tổng hợp vấn đề.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Quản lý và Kiểm soát ô nhiễm biển	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về ô nhiễm môi trường biển, các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển, phương pháp quản lý nguồn thải, xử lý ô nhiễm và phục hồi môi trường biển; các sự cố môi trường biển và phương pháp quản lý sự cố môi trường biển; các vấn đề trong tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của chính quyền và nhân dân về xử lý rác thải, bảo vệ môi trường sông và biển và cách giải quyết. - Về kỹ năng: + Kỹ năng cứng: vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế quản lý và kiểm	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		soát ô nhiễm môi trường biển. + Kỹ năng mềm: Có khả năng tham gia xây dựng và thực thi một số chính sách, pháp luật quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển và hải đảo cũng như các giải pháp tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức của chính quyền và nhân dân về xử lý rác thải, bảo vệ môi trường sông và biển. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao. + Có ý thức bảo vệ môi trường biển, đề xuất sáng kiến, giải pháp và vận động chính quyền, nhân dân tham gia xử lý rác thải, nước thải, bảo vệ môi trường biển. + Hợp tác và sáng tạo trong công tác.			
7	Quan trắc tổng hợp môi trường biển	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức, khái niệm cơ bản về quan trắc môi trường và vận dụng vào hoạt động quan trắc tổng hợp môi trường biển; trình bày được các nguyên tắc và các bước cơ bản trong thiết kế, thực hiện và đánh giá một chương trình/kế hoạch quan trắc tổng hợp môi trường biển; tổng hợp, phân tích được các dữ liệu và viết báo cáo quan trắc tổng hợp môi trường biển; và áp dụng được quy trình đảm bảo chất lượng, kiểm soát chất lượng (QA/QC) trong thiết kế, thực hiện, phân tích dữ liệu và viết báo cáo quan trắc tổng hợp môi trường biển. - Về kỹ năng: Thiết kế được mạng lưới thu mẫu, thông số và tần suất lấy mẫu; biết cách bảo quản và vận chuyển mẫu từ thực địa về các phòng thí nghiệm. Tổng hợp, phân tích được dữ liệu trên máy tính và trình bày, đánh giá được các số liệu thông qua bảng biểu, đồ thị. Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, năng động, sáng tạo trong học tập, đi học và làm bài tập đầy đủ, bảo vệ môi trường biển cũng như môi trường sống xung quanh.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
8	Quy hoạch sử dụng không gian biển	-Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về quy hoạch không gian biển và vùng bờ (CMSP) và cách tiếp cận từng bước khi thực hiện một chu trình CMSP. Phân biệt được các khái niệm cơ bản như phân vùng và quy hoạch, tiếp cận dựa vào vùng và hệ sinh thái (area-based và ecosystem-based approaches), và vùng quy hoạch (planned area). Giới thiệu các nguyên tắc và chu trình CMSP, nội dung và sản phẩm đầu ra của CMSP. Các công cụ thường áp dụng trong quá trình triển khai CMSP. Phân tích được một số bài học kinh nghiệm về CMSP trên thế giới, cũng như đánh giá nhu cầu và thực tế áp dụng CMSP ở Việt Nam. -Về kỹ năng: Sinh viên áp dụng được các công cụ trong quá trình thực hiện CMSP; các phương pháp và kỹ năng trong xây dựng và triển khai một CMSP thông qua làm bài tập và thực tế. - Về thái độ, chuyên cần: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ, sáng tạo và bản lĩnh trong học tập, khả năng tự tìm tòi tư liệu và biết cách tổng hợp vấn đề trong quy hoạch.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Tiếng Anh chuyên ngành	- Về kiến thức: + Ngữ pháp: Vận dụng được kiến thức ngữ pháp có trong chương trình học vào những tình huống giao tiếp hàng ngày, trong công việc và trong các cuộc hội thảo về chuyên ngành Quản lý Biển. + Từ vựng: Có đủ vốn từ để đọc hiểu các văn bản chuyên ngành Quản lý Biển có độ khó trung bình. - Về kỹ năng: + Kỹ năng đọc: Áp dụng được vốn từ vựng chuyên ngành và các kỹ năng đọc để hoàn thành các nhiệm vụ đọc, hiểu được nội dung các tài liệu chuyên môn + Kỹ năng nói: Giao tiếp tương đối thành thạo về các chủ đề quen thuộc thuộc lĩnh vực chuyên môn. + Kỹ năng viết: Mô tả đơn giản, chi tiết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực Quản lý Biển. + Các nhóm kỹ năng khác: Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh; Nâng cao kỹ năng tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		internet, báo chí để phục vụ cho môn học chuyên ngành của mình. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Xây dựng tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập. + Xây dựng tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các nhiệm vụ học tập được giao; + Xây dựng tính tự giác, trung thực trong học tập và trong thi cử; + Xây dựng tinh thần tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học.			
10	Tin học ứng dụng	- Về kiến thức: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực viễn thám, hệ thống thông tin địa lý vào quản lý biển và hải đảo. - Về kỹ năng: Sử dụng tốt các phần mềm chuyên dụng trong quản lý biển và hải đảo. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên rèn luyện thái độ nghiêm túc, logic trong giải quyết các vấn đề ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực quản lý biển, bảo vệ môi trường biển."	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý	- Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm cơ bản về viễn thám; Trình bày được các nguyên lý cơ bản của kỹ thuật viễn thám; Liệt kê được các công đoạn trong quy trình giải đoán và xử lý ảnh viễn thám; Trình bày được các thuật toán phân loại dùng trong viễn thám; Khái niệm, chức năng, nhiệm vụ và các thành phần cơ bản của GIS; Phân biệt được các loại cơ sở dữ liệu của GIS; Xây dựng được cơ sở dữ liệu trong GIS. - Về kỹ năng: + Vận dụng các chỉ số thống kê, hiển thị và tăng cường chất lượng ảnh, đăng ký tọa độ ảnh và thực hiện các phép biến đổi ảnh đơn giản; + Chọn được vùng mẫu, chọn thuật toán thích hợp để tiến hành phân loại; đánh giá và ứng dụng kết quả vào một vấn đề cụ	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		thể; + Vận dụng phương pháp cập nhật thông tin cần thiết từ ảnh viễn thám kết hợp với phần mềm của GIS để tạo ra một sản phẩm cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Rèn luyện tác phong: tỉ mỉ, chính xác, trung thực; + Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.'			
3. HỆ DH7					
1	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Trình bày những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Phát triển được các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
2	Thủy văn đại cương	- Về kiến thức: Trình bày và phân tích được các khái niệm cơ bản nhất về thủy văn học; Tuần hoàn, cân bằng nước trên trái đất; Sự hình thành và tính toán dòng chảy trong sông; Sự diễn biến lòng sông; Chế độ thủy văn vùng sông ảnh hưởng thủy triều; Hồ và đầm lầy. - Về kỹ năng: Áp dụng được các quy luật thủy văn để nghiên cứu diễn biến lòng sông, thiết lập được phương trình cân bằng nước, tính toán các đặc trưng của sông và lưu vực sông, tính toán các đặc trưng dòng chảy, tính lượng mưa bình quân lưu vực. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Cơ sở địa chất biển	- Về kiến thức: Trình bày được kiến thức cơ bản về nhân tố và các quá trình địa chất địa mạo biển, đặc điểm hình thái đáy đại dương, hình thái động lực đới bờ. - Về kỹ năng: Phân tích và vận dụng được các kiến thức cơ bản của môn học Địa chất biển, vận dụng vào tính toán mô phỏng các quá trình vật lý động biển, giải thích được các nguyên nhân xói lở, bồi tụ, biến động bờ có tính nội sinh của mỗi khu vực. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động, sáng tạo trong học tập, thực hành và làm bài tập.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Cơ sở Khoa học quản lý	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản như: Tổng quan về khoa học quản lý, môi trường quản lý, quy luật và quy tắc quản lý, thông tin và các chức năng của quản lý. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được thế nào quản lý, môi trường quản lý, các chức năng trong quản lý. + Kỹ năng nghề nghiệp: vận dụng được khoa học quản lý vào thực tế hoạt động quản lý trong tổ chức.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Kỹ năng làm việc với nhóm: vận dụng được kỹ năng quản lý và hợp tác với các tổ chức khác thông qua giờ thảo luận và thực hành. + Kỹ năng tư duy: Trình bày được nội dung các chức năng của quản lý. Từ đó xác định được những quyết định quản lý đúng đắn mang lại hiệu quả cho tổ chức. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
5	Cơ sở Kinh tế biển	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản của học phần gồm: Khái niệm và vai trò của kinh tế biển, những thách thức trong quá trình phát triển kinh tế biển hiện nay; Nền tảng kinh tế học cơ bản của kinh tế biển, kinh tế thủy sản và kinh tế vận tải biển. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: trình bày được tầm quan trọng của Kinh tế biển đối với phát triển kinh tế- xã hội và củng cố an ninh quốc phòng của quốc gia; trình bày được quy luật khan hiếm, quy luật chi phí cơ hội trong phát triển kinh tế biển. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các quy luật của kinh tế học trong phân tích đánh giá các lĩnh vực hoạt động của kinh tế thủy sản, kinh tế vận tải biển. + Kỹ năng làm việc với nhóm: vận dụng được kỹ năng làm việc nhóm, nâng cao khả năng hợp tác với các thành viên khác trong giải quyết bài tập nhóm. + Kỹ năng tư duy: vận dụng được khả năng nhận thức vấn đề thực tiễn dựa trên cơ sở khoa học, khách quan. - Thái độ, chuyên cần: Rèn luyện thái độ tích cực, nghiêm túc, chủ động trong học tập và nghiên cứu.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
6	Cơ sở kỹ thuật bờ biển	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về vùng bờ biển Việt Nam, như: quá trình thành tạo, phát triển của đường bờ biển, các yếu tố khí tượng, thủy và hải văn. Các vấn đề về hình thái, địa mạo, ô nhiễm vùng bờ, dòng chảy và tác động của các nhân tố này đến môi trường và các giải pháp nhằm quản lý bền vững vùng bờ biển. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến vùng bờ biển. Các giải pháp bảo vệ vùng bờ biển. - Về kỹ năng: Phân tích và vận dụng được các kiến thức đã học vào trong thực tiễn. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập, yêu thích lĩnh vực khoa học về biển	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Cơ sở sinh học và hệ sinh thái biển	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về sinh học biển, sinh thái học và các hệ sinh thái biển; mô tả được đặc điểm sinh học của hệ sinh thái biển, tác động của con người, hiện trạng xu thế suy thoái tài nguyên biển. Từ đó áp dụng được mối quan hệ giữa sinh học, sinh thái học vào bảo vệ môi trường biển bền vững. - Về kỹ năng: Áp dụng được các biện pháp phòng ngừa và giải quyết một số vấn đề về suy thoái đa dạng sinh học và hệ sinh thái; Kỹ năng mềm: vận dụng được Kỹ năng thảo luận và làm việc theo nhóm. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập, chủ động nghiên cứu	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Cơ sở tài nguyên và môi trường biển	- Về kiến thức: Trình bày được đặc điểm của nước biển và thạch quyển dưới đáy các đại dương; Phân tích và so sánh được ảnh hưởng của các nguồn ô nhiễm đến môi trường biển. Đồng thời, phân tích và so sánh được tầm quan trọng của các nguồn tài nguyên biển như sinh vật biển, năng lượng, khoáng sản và du lịch biển... Từ đó, đề xuất được các biện pháp khắc phục, bảo tồn tài nguyên và môi trường biển. - Về kỹ năng: xác định được ảnh hưởng của các nguồn gây ô nhiễm biển đến nguồn tài nguyên biển. - Về thái độ, chuyên cần: Sinh viên nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập và có ý thức bảo vệ môi trường biển cũng như môi trường	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		sống xung quang chúng ta.			
9	Hóa học biển	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về thành phần hoá học nước biển; giải thích được quá trình thành tạo, tồn tại, biến đổi và mối tương tác của các hợp phần hoá học trong biển dưới ảnh hưởng của các quá trình vật lý, hoá học, sinh học hải dương. - Về kỹ năng: Phân tích, đánh giá được dữ liệu về hàm lượng các hợp chất hóa học trong nước biển; trình bày được dữ liệu về hàm lượng các hợp chất hóa học trong nước biển trên đồ thị; tính toán chuyển đổi nồng độ các hợp phần hóa học trong nước biển. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, năng động, sáng tạo trong học tập, đi học và làm bài tập đầy đủ, bảo vệ môi trường biển cũng như môi trường sống xung quanh.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Khí hậu Việt Nam và biến đổi khí hậu	- Về kiến thức: Phân tích và so sánh được ảnh hưởng của những nhân tố hình thành khí hậu đến một số yếu tố và hiện tượng khí hậu cơ bản theo không gian và thời; Hiểu rõ nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo của biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay; Kịch bản về phát thải khí nhà kính, về sự nóng lên toàn cầu và nước biển dâng; Biến đổi khí hậu ở Việt Nam, kịch bản và tác động của nó tới kinh tế xã hội; những giải pháp ứng phó chủ yếu. - Về kỹ năng: Phân tích, tổng hợp được mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành phần của hệ thống khí hậu; so sánh được sự giống và khác nhau giữa đặc điểm khí hậu của từng vùng trên lãnh hải Việt Nam; Áp dụng được cơ sở khoa học của việc xây dựng các kịch bản về biến đổi khí hậu; phát triển kỹ năng vẽ biểu đồ, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình. - Về thái độ: Rèn luyện thái độ ứng xử có trách nhiệm với môi trường, cộng đồng trong việc chống biến đổi khí hậu; từ nâng cao nhận thức, thay đổi thái độ đến chuyển biến về hành động nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu hiện nay	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
11	Khí tượng đại cương	- Kiến thức: Phân tích được ý nghĩa của các phương trình trạng thái của không khí, phương trình tĩnh học cũng như các công thức khí áp,...; Giải thích được sự biến thiên của nhiệt độ mặt đất, mặt nước và không khí; Phân tích được nguyên nhân gây ra chuyển động của không khí trong khí quyển; Phân biệt được một số hiện tượng được hình thành do sự ngưng kết của hơi nước trong khí quyển. - Kỹ năng: Áp dụng những công thức đã học để làm các bài tập có ý nghĩa thực tiễn; Quan sát, nhận biết và phân biệt một số hiện tượng khí tượng. - Về thái độ: Sinh viên cảm nhận được nhiều điều thú vị trong tự nhiên cần được khám phá; Giải thích được một số hiện tượng xảy ra trong khí quyển cũng như trong tự nhiên, từ đó sinh viên có thái độ yêu thích môn học cũng như ngành học.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
12	Thủy văn đại cương	- Về kiến thức: Trình bày và phân tích được các khái niệm cơ bản nhất về thủy văn học; Tuần hoàn, cân bằng nước trên trái đất; Sự hình thành và tính toán dòng chảy trong sông; Sự diễn biến lòng sông; Chế độ thủy văn vùng sông ảnh hưởng thủy triều; Hồ và đầm lầy. - Về kỹ năng: Áp dụng các quy luật thủy văn để nghiên cứu diễn biến lòng sông, thiết lập được phương trình cân bằng nước, tính toán các đặc trưng của sông và lưu vực sông, tính toán các đặc trưng dòng chảy, tính lượng mưa bình quân lưu vực. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
13	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, vai trò và ý nghĩa đường lối của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; phân tích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được quá trình hình thành và những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay. - Về kỹ năng: Trình bày, thuyết trình được	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội; phân tích, vận dụng được vào thực tiễn lĩnh vực được đào tạo. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng được tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào đối với Đảng ta, tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng; xác định được trách nhiệm của cá nhân đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng được thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và làm việc.			Tự luận
4. HỆ DH8					
1	Xác suất thống kê	- Về kiến thức: Trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu. - Về kỹ năng: Phân tích và nhận diện được kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình. - Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thói quen tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Toán cao cấp 2	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến, Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2, Phương trình vi phân cấp một và phương trình vi phân cấp 2 làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	- Về kiến thức: trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; + Từng bước xác lập thể giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Pháp luật đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống. - Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm
5	Cơ sở khoa học môi trường	- Về kiến thức: có khả năng trình bày được những kiến thức cơ bản về môi trường và khoa học môi trường; Các khái niệm cơ bản về tài nguyên và môi trường, các thành phần môi trường...; Phân tích được các vấn đề ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí, các vấn đề nền tảng liên quan tới môi trường như dân số, năng lượng, lương thực. - Về kỹ năng: vận dụng được những kiến thức cơ sở về môi trường cần thiết để tiếp cận học các môn chuyên ngành. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ đúng đắn với môi trường sống, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm của bản thân với môi trường	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
6	Cơ sở địa lý biển và đại dương	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về sự hình thành và phát triển biển và đại dương, các quy luật địa lý xảy ra trong lớp vỏ địa lý đại dương và các đặc điểm hoạt động của chúng, cũng như những nét cơ bản về tài nguyên của biển và đại dương, bao gồm cả của Biển Đông. - Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng được kỹ năng thực hành quan sát và phân tích các hiện tượng địa lý xảy ra trong biển và đại dương. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập, yêu thích lĩnh vực khoa học về biển.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Phát triển được các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Tổng hợp được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
8	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	- Về kiến thức: Trình bày và Giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học. - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Toán cao cấp 1	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương, các mặt bậc hai, hàm số một biến số làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
XIV. Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành					
1. HỆ ĐH5					
1	Đạo đức nghề nghiệp	- Về kiến thức: Trình bày được hệ thống những tri thức cơ bản về đạo đức học, cụ thể: Nguồn gốc, bản chất, tính chất, nhiệm vụ và vai trò của đạo đức, mối quan hệ giữa đạo đức và hình thái ý thức xã hội, các phương pháp nghiên cứu đạo đức, Sự hình thành đạo đức cá nhân, các phạm trù...; đặc trưng của nhà quản lý dịch vụ du lịch và lữ hành, những yêu cầu về phẩm chất đạo đức của người quản trị, một số	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nội dung cơ bản về giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho người làm công tác quản lý; vấn đề xây dựng đạo đức mới cho người lao động trong nền kinh tế thị trường: Các nguyên tắc của đạo đức mới, vai trò đạo đức trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, sự chuyển đổi của thang giá trị đạo đức hiện nay. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hình thành và phát triển kỹ năng phân tích đánh giá thực tiễn về các mối quan hệ đạo đức và các hình thái ý thức xã hội khác. Hình thành và phát triển kỹ năng vận dụng kiến thức về đạo đức học và đạo đức nghề nghiệp vào thực tế. + Kỹ năng nghề nghiệp: Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm công tác nghiên cứu, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn nghề nghiệp. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những nội dung cơ bản của đạo đức nghề nghiệp có thể giúp cho nhà quản lý đưa ra những quyết định kinh doanh đúng đắn. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Người học có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tin tưởng vào đường lối chủ trương chính sách của Đảng và nhà nước. + Người học tu dưỡng những phẩm chất đạo đức của con người Việt Nam mới, yêu nước xã hội chủ nghĩa, yêu lao động và sáng tạo, yêu nghề, sống cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư... + Tự rèn luyện những phẩm chất đạo đức cơ bản của cá nhân, nhân cách của người làm công tác QTNS và quản lý lao động vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.			Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Quản lý đại lý lữ hành	- Về kiến thức: Nhận diện được các vấn đề căn bản về Quản lý đại lý lữ hành như: đại lý lữ hành, môi trường kinh doanh và chiến lược kinh doanh của đại lý lữ hành, cơ cấu tổ chức của đại lý lữ hành, quản lý hoạt động kinh doanh của đại lý lữ hành. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích các khái niệm cơ bản liên quan tới kinh doanh lữ hành; Hoạt động kinh doanh đại lý lữ hành; Hệ thống các dịch vụ của đại lý lữ hành qua đó có thể đưa ra các quyết định quản trị phù hợp. + Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng các hiểu biết về tổ chức quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ của đại lý lữ hành nhằm thúc đẩy hình ảnh sản phẩm/ dịch vụ của doanh nghiệp đến với khách du lịch, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, đạt được lợi nhuận cao hơn. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích, đánh giá về hoạt động của đại lý lữ hành có thể giúp cho nhà quản lý phân tích những chiến lược về quá trình cung cấp và xúc tiến sản phẩm lữ hành giúp tăng doanh thu, lợi nhuận cho đại lý lữ hành. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xác định được tầm quan trọng của quản lý đại lý lữ hành trong kinh doanh du lịch nói chung để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Quản lý điều hành chương trình du lịch	- Về kiến thức: Vận dụng được các kiến thức cơ bản và các vấn đề liên quan đến quá trình quản lý điều hành chương trình du lịch, các nghiệp vụ tổ chức thực hiện và điều hành một chương trình du lịch trong doanh nghiệp kinh doanh du lịch và lữ hành. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: nhận diện được những vấn đề cơ bản của quản lý điều hành chương trình du lịch cũng như hoạt động của các bộ phận điều hành chương trình du lịch trong các doanh nghiệp du lịch và lữ hành.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp ở lĩnh vực kinh doanh du lịch và lữ hành. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động quản lý điều hành chương trình du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
4	Quản trị điểm đến du lịch	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị điểm đến du lịch, giúp sinh viên phân tích được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và một số nội dung cơ bản về quản trị điểm đến du lịch. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: trình bày được những vấn đề cơ bản của quản trị điểm đến du lịch. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng hệ thống kiến thức, người học áp dụng những nội dung cơ bản về quản trị điểm đến du lịch trong hoạt động quản trị điểm đến du lịch của các doanh nghiệp du lịch và lữ hành. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác trong công việc. + Kỹ năng tư duy: người học phân tích những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xác định được	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
5	Thiết kế chương trình du lịch	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản và các vấn đề liên quan về chương trình du lịch, quy trình thiết kế chương trình du lịch và thiết kế được một chương trình du lịch cụ thể. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Tổng hợp được những vấn đề cơ bản của việc thiết kế chương trình du lịch cũng như xây dựng được quy trình thiết kế chương trình du lịch. + Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và có thể tự vận dụng để thiết kế một chương trình du lịch. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của hoạt động thiết kế chương trình du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2. HỆ ĐH6					
1	Hướng dẫn du lịch	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về nghề hướng dẫn viên du lịch, quy trình và các nghiệp vụ hướng dẫn du lịch. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được được những vấn đề cơ bản của hoạt động hướng dẫn du lịch.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các nghiệp vụ hướng dẫn du lịch sinh thái để phát triển các kỹ năng tổ chức và hướng dẫn một chương trình du lịch, từ đó có cách ứng xử hợp lý làm hài lòng và lôi cuốn khách du lịch trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác. + Kỹ năng tư duy: người học phân tích những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xác định tầm quan trọng của nghề hướng dẫn viên du lịch và các nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.			Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Kế toán tài chính	- Về kiến thức: Trình bày và vận dụng các nguyên tắc và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ liên quan vốn bằng tiền, các khoản phải thu, phải trả, hoạt động thương mại trong nước, xuất – nhập khẩu... và vận dụng các kiến thức đã học vào thực hành công tác kế toán, đảm nhận nhiệm vụ kế toán trong phòng kế toán của các doanh nghiệp. - Về kỹ năng: + Kỹ năng về nhận thức: Vận dụng được kiến thức chuẩn bị đi vào thực tiễn để tổ chức công tác kế toán ở các doanh nghiệp ; biết cách lập, đọc các báo cáo tài chính, cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc quản lý tình hình tài chính doanh nghiệp một cách có hiệu quả. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học để thực hành công việc kế toán trong các doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua các chuyên đề, thảo luận và bài tập thực hành để rèn luyện kỹ năng làm việc theo nhóm. + Kỹ năng tư duy: Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp hạch toán các nghiệp vụ vốn bằng tiền, phải thu, phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, lập và đọc các Báo cáo tài chính... để vận dụng trong thực tế	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		đề xuất ra các biện pháp giúp các nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt các khoản phải thu, phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu... sao cho hiệu quả và hợp lý. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn.			
3	Kinh tế tài nguyên biển	- Về kiến thức: + Trình bày và vận dụng được những kiến thức cơ bản của học phần bao gồm: Khái niệm, phân loại tài nguyên biển; Vai trò của tài nguyên biển trong nền kinh tế quốc dân; Khái niệm, tầm quan trọng của kinh tế tài nguyên biển; Những vấn đề toàn cầu ảnh hưởng đến phát triển kinh tế tài nguyên biển hiện nay; Các mô hình lý thuyết cơ bản trong khai thác tài nguyên biển có khả năng tái sinh và tài nguyên biển không có khả năng tái sinh; Sự cần thiết của quản lý tài nguyên biển, và những biện pháp cơ bản trong quản lý tài nguyên biển; Ý nghĩa của việc đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên biển và các phương pháp đánh giá giá trị kinh tế của tài nguyên biển. + Phân tích và đánh giá được tiềm năng và thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hình thành nhận thức đúng đắn, khoa học về các vấn đề liên quan đến khai thác và quản lý hiệu quả tài nguyên biển. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các lý thuyết cơ bản về khai thác và quản lý tài nguyên biển vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện nay. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận, các bài tập nhóm rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm. + Kỹ năng tư duy: Thông qua vận dụng lý thuyết vào đánh giá thực tiễn khai thác và quản lý tài nguyên biển ở Việt Nam hiện	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nay rèn luyện kỹ năng tư duy các vấn đề thực tiễn dựa trên nền tảng lý thuyết khoa học, khách quan. - Về đạo đức nghề nghiệp: Hình thành thái độ tích cực trong vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên, môi trường biển.			
4	Lý thuyết kế toán	- Về kiến thức: Trình bày và vận dụng được chế độ kế toán Việt Nam để bước đầu tiếp cận với thực tiễn kế toán trong hệ thống quản lý; đồng thời định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành của mình. - Về kỹ năng: + Kỹ năng về nhận thức: Trình bày và giải thích được bản chất của kế toán, các phương pháp kế toán, các quá trình kinh doanh chủ yếu và toàn bộ công việc kế toán ở một đơn vị cụ thể. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Vận dụng kiến thức đã học có thể thực hành công việc kế toán ở dạng đơn giản. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Vận dụng được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác thông qua giờ thảo luận và thực hành. + Kỹ năng tư duy: Tổng hợp và đánh giá khái quát được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó có thể đưa ra những biện pháp giúp cho nhà quản lý của doanh nghiệp quản lý tốt chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đồng thời điều chỉnh được các hoạt động trong doanh nghiệp đảm bảo đạt được lợi nhuận cao cho doanh nghiệp. Từ các báo cáo tài chính có thể cung cấp được các thông tin khái quát về tình hình tài chính giúp cho doanh nghiệp có biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Tổng hợp được công việc về kế toán, từ đó có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với học phần, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Nêu được tầm quan trọng của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
5	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	- Về kiến thức: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về các phương pháp nghiên cứu trong từng giai đoạn của quá trình nghiên cứu phục vụ quản lý và kinh doanh như: xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, thu thập dữ liệu, xử lý và phân tích dữ liệu, trình bày kết quả nghiên cứu trong lĩnh vực quản lý và kinh doanh. - Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng xác định ý tưởng, thiết kế nghiên cứu, kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác thực hiện quá trình nghiên cứu, lựa chọn cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu, cũng như trình bày báo cáo khoa học hoàn chỉnh. Rèn luyện tư duy khoa học mang tính suy luận, logic trong thực hiện các đề tài nghiên cứu làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. Cơ sở áp dụng vào thực tiễn hoạt động kinh tế xã hội. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Quản trị chất lượng du lịch	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, hiểu được các khái niệm, thuật ngữ chuyên môn và một số nội dung cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được những vấn đề cơ bản của quản trị chất lượng du lịch. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng hệ thống kiến thức, người học có thể biết được những nội dung cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch, từ đó có thể ứng dụng linh hoạt trong hoạt động quản trị chất lượng dịch vụ du lịch của các doanh nghiệp du lịch và lữ hành. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác trong công việc. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức được cung cấp trong học phần, người học có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản trị chất lượng du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
7	Quản trị lễ tân	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về các hoạt động quản trị lễ tân bao gồm: quản lý lao động và trang thiết bị dụng cụ tại bộ phận lễ tân; Quản trị nghiệp vụ đặt phòng, đăng ký, phục vụ lưu trú và trả phòng khách sạn, đồng thời đánh giá hiệu quả của hoạt động lễ tân nhằm giúp người học phát triển kiến thức và kỹ năng trong quản lý điều hành tại bộ phận lễ tân. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị lễ tân. + Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực lễ tân sau khi ra trường. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: người học phân tích những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xác định được tầm quan trọng của công tác quản trị lễ tân trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Quản trị nguồn nhân lực	- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về các hoạt động quản trị nguồn nhân lực, thiết kế được quy trình tuyển dụng, đào tạo đánh giá nhân viên, xây dựng hệ thống thang bảng lương có hiệu quả trong tổ chức. - Về kỹ năng: Xác định được sự cần thiết phải xây dựng nguồn nhân lực linh hoạt hiệu quả, vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. Biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về đạo đức nghề nghiệp: Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản			
9	Quản trị sự kiện	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản như các nội dung quản trị trong tổ chức sự kiện, chúng có mối quan hệ như thế nào đối với hoạt động du lịch. Phân tích được các lĩnh vực mà nhà quản trị cần kiểm soát trong quá trình tổ chức sự kiện như chuẩn bị chương trình, quản trị hậu cần, lập kế hoạch cho sự kiện, tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị sự kiện. + Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực tổ chức chương trình sự kiện sau khi ra trường. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích được tổng hợp các vấn đề trong hoạt động quản trị sự kiện. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xác định được tầm quan trọng của quản trị sự kiện trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức về các hoạt động quản trị tác nghiệp trong doanh nghiệp kinh doanh lữ hành. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: trình bày được những hoạt động tác nghiệp chủ yếu trong kinh doanh lữ hành và những quá trình quản trị các hoạt động đó trong các doanh nghiệp lữ hành. + Kỹ năng nghề nghiệp: vận dụng được các kiến thức đã học vào thực tế hoạt động nghề nghiệp trong tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: người học phân tích các	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		hoạt động tác nghiệp và quản trị tác nghiệp trong doanh nghiệp kinh doanh lễ hành và vận dụng một cách linh hoạt và hiệu quả các kiến thức này trong thực tế. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xác định được tầm quan trọng của công tác quản trị tác nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
11	Tâm lý khách hàng du lịch	- Về kiến thức: Trình bày và giải thích được các kiến thức cơ bản như: Khái niệm, vai trò, đặc điểm tâm lý của khách du lịch cũng như các yếu tố ảnh hưởng chủ yếu đến tâm lý của họ. Bên cạnh đó, người học cũng được cung cấp các kiến thức nền tảng về tâm lý của khách du lịch Việt Nam. Nhận diện và so sánh được những đặc điểm về tâm lý khách du lịch khắp các lục địa lớn trên thế giới và có ảnh hưởng quan trọng đối với du lịch Việt Nam như: Âu, Á, Mỹ, Úc. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trồng hợp được những vấn đề cơ bản của tâm lý khách hàng du lịch, các đặc điểm về tâm lý của du khách nói chung và của từng quốc gia trong các khu vực trên thế giới nói riêng. + Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp ở lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và lễ hành trong tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ được đặc điểm tâm lý khách du lịch nói chung và từng quốc gia nói riêng, biết cách ứng phó với các tình huống đối với khách du lịch trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của tâm lý khách hàng du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
12	Thương mại điện tử	- Về kiến thức: Trình bày và phân tích được những kiến thức cơ bản như: lợi ích của thương mại điện tử cũng như các lĩnh vực ứng dụng; Cơ sở công nghệ của thương mại điện tử và các vấn đề an ninh, an toàn bảo mật trong thương mại Internet; Chiến lược thương mại điện tử. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Nhận thức đầy đủ, đúng đắn các vấn đề cơ bản có liên quan đến thương mại điện tử và phân tích được tình hình ứng dụng thương mại điện tử trong các doanh nghiệp hiện nay. + Kỹ năng nghề nghiệp: Ứng dụng vào việc phát triển nghề nghiệp sau khi ra trường. + Kỹ năng làm việc nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác trong các doanh nghiệp có ứng dụng thương mại điện tử. + Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích về các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp có ứng dụng thương mại điện tử có thể đưa ra những biện pháp, ý tưởng mới cho các doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của thương mại điện tử trong kinh doanh để có hướng phấn đấu và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3. HỆ DH7					
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Về kiến thức: Trình bày được cơ sở khoa học hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; phân tích được những nội dung cơ bản và giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh, đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng bảo vệ Tổ quốc trong các giai đoạn của cách mạng Việt Nam. - Về kỹ năng: Vận dụng được lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới. - Về đạo đức nghề nghiệp: Bồi dưỡng, hun đúc lòng yêu nước và các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, nâng cao lòng tự hào về Bác Hồ, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, xây dựng lý tưởng sống cao đẹp, biến lý tưởng thành hành vi cụ thể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.			- Hình thức thi: Tự luận
2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	- Về kiến thức: trình bày được những kiến thức cơ bản của một nền văn hóa, phân tích được các đặc trưng cơ bản cùng các quy luật hình thành và phát triển của văn hóa Việt Nam. - Về kỹ năng: hình thành năng lực nhận thức và ứng xử văn hóa trong cuộc sống, lao động và học tập. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc + Hình thành và phát triển lối sống văn hóa.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Du lịch bền vững	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản và các vấn đề liên quan về du lịch, du lịch bền vững, phát triển bền vững và phát triển du lịch bền vững trong phạm vi ngành du lịch Việt Nam; Các kiến thức về phát triển du lịch bền vững ở các vùng sinh thái nhạy cảm: vùng bờ biển, vùng núi và vùng sinh thái hoang sơ. Phân tích được các kiến thức về định hướng và các công cụ tăng cường du lịch bền vững, vận dụng được những kiến thức và công cụ phát triển bền vững để hoạch định những chiến lược phù hợp trong quá trình lập kế hoạch phát triển cho các điểm du lịch. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được những vấn đề cơ bản của du lịch bền vững như các nguyên tắc và biện pháp tự điều chỉnh nhằm đạt đến sự bền vững của du lịch cùng và ứng dụng vào các vùng sinh thái nhạy cảm trong hoạt động du lịch. + Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng các lý thuyết đã được học vào thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nghề nghiệp ở lĩnh vực phát triển du lịch theo hướng bền vững trong tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác. + Kỹ năng tư duy: phân tích những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xác định được tầm quan trọng của du lịch bền vững trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
4	Kinh tế tài nguyên và môi trường	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản như: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu học phần kinh tế tài nguyên môi trường; Trình bày và phân tích được một số khái niệm cơ bản như: môi trường, tài nguyên, biến đổi môi trường; Phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ kinh tế và môi trường; trình bày được các khái niệm về vấn đề kinh tế ô nhiễm như: ô nhiễm môi trường, ngoại ứng...; Xác định được mức ô nhiễm tối ưu, phân tích được cơ chế hoạt động của một số công cụ kiểm soát ô nhiễm; Phân biệt được sự khác biệt cơ bản giữa các loại tài nguyên, xác định được mức khai thác tài nguyên tối ưu. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các phương pháp đã học để xác định mức ô nhiễm tối ưu cho hoạt động kinh tế và xác định mức khai thác tài nguyên tối ưu cho hoạt động khai thác tài nguyên trong thực tế. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Phân tích được tình hình khai thác từng loại tài nguyên cụ thể, đưa ra được giải pháp khai thác, sử dụng tài nguyên một cách bền vững. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Nâng cao ý thức tự giác trong việc bảo vệ tài nguyên và môi trường.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ tài nguyên và môi trường đối với sự phát triển của mỗi quốc gia.			
5	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Phát triển được các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
6	Marketing căn bản	- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về Marketing như: Một số khái niệm cơ bản về marketing, vai trò, chức năng và phân loại marketing; Xác định thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường; Phân tích được hành vi của khách hàng; Các công cụ để hoạch định chiến lược Marketing như: chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích các yếu tố cấu thành hoạt động Marketing của doanh nghiệp; Phân tích được quá trình phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và có các quyết định định vị phù hợp; Phân tích được hành vi của khách hàng qua đó có thể áp dụng chiến lược marketing mix phù hợp. + Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng các công cụ của Marketing – mix nhằm thúc đẩy hình ảnh sản phẩm/ dịch vụ của doanh nghiệp đến với người tiêu dùng, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, đạt được lợi nhuận cao hơn. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích, đánh giá về hoạt động Marketing giúp cho nhà quản lý đưa ra những chiến lược về sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến giúp tăng doanh thu, lợi nhuận cho doanh nghiệp. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác marketing trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Nguyên lý thống kê kinh tế	- Về kiến thức: vận dụng được kiến thức cơ bản như: thu thập thông tin thống tổng hợp và trình bày dữ liệu thống các chỉ tiêu phân tích mức độ của hiện tượng, các phương pháp phân tích thống kê và các phương pháp dự báo biến động của hiện	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tượng. - Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng thống kê khoa học, vận dụng các chỉ tiêu thống kê thông dụng, phân tích, đánh giá tình hình và có kỹ năng dự báo các biến động của hiện tượng kinh tế. Rèn luyện tư duy khoa học suy luận mang tính định lượng, làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan và nghiên cứu khoa học. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện đức tính chuyên cần, cẩn thận, hợp tác, chủ động, trách nhiệm, sáng tạo trong học tập và công việc. Ý thức được tầm quan trọng của công tác thống kê trong đời sống hàng ngày cũng như trong mọi hoạt động của ngành, của địa phương và của đất nước.			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Quản lý nhà nước về du lịch	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản như: Một số vấn đề quản lý hành chính nhà nước về du lịch, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, một số nội dung của quản lý nhà nước về du lịch. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức Trình bày được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch. + Kỹ năng về nghề nghiệp: áp dụng các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực du lịch sau khi ra trường. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác trong vấn đề quản lý nhà nước về du lịch. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích được tổng hợp các vấn đề trong việc quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. Ý thức được tầm quan trọng của công tác quản lý nhà nước về du lịch trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
9	Quản trị doanh nghiệp du lịch	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản như tổng quan về quản trị doanh nghiệp du lịch, hoạt động quản trị kinh doanh của một số loại hình doanh nghiệp điển hình như: nhà hàng, khách sạn, doanh nghiệp lữ hành, đại lý du lịch. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Nhận diện được các vấn đề cơ bản của hoạt động quản trị các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch. + Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng được các kiến thức đã học vào công tác quản lý trong lĩnh vực du lịch sau khi ra trường. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ làm bài tập nhóm rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích được tổng hợp các vấn đề trong việc quản trị doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	- Về kiến thức: Vận dụng được các vấn đề căn bản như: điều kiện, thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và người nước ngoài tại Việt Nam, vấn đề thị thực đối với khách du lịch, hệ thống cơ sở lưu trú du lịch cơ bản và các nội dung cơ bản trong quá trình kinh doanh sản phẩm lưu trú. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được những vấn đề cơ bản về thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và người nước ngoài tại Việt Nam, hệ thống cơ sở lưu trú du lịch, đặc điểm và ưu, nhược điểm của từng loại hình cơ sở lưu trú du lịch, quá trình kinh doanh sản phẩm lưu trú. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức đã học, người học có thể hiểu rõ được cách quản trị một tổ chức sao cho hiệu quả, biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác xuất nhập cảnh và lưu trú trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
11	Tài chính - Tiền tệ	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; Trình bày được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp; những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Vận dụng được những vấn đề cơ bản về tài chính; các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như vốn kinh doanh, nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và phân phối lợi nhuận cũng như những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương. + Kỹ năng nghề nghiệp: Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, sự tác động của thị trường tài chính đến	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nền kinh tế và tài chính doanh nghiệp. Từ đó tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn. + Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.			
12	Văn hóa ẩm thực	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản như: khái niệm, xu thế hội nhập, các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa ẩm thực. Bên cạnh đó, người học cũng nhận diện được các kiến thức nền tảng về văn hóa ẩm thực Việt Nam, so sánh được sự khác biệt các nền văn hóa ẩm thực đặc trưng khắp các lục địa lớn trên thế giới và có ảnh hưởng quan trọng đối với du lịch Việt Nam như: Âu, Á, Mỹ cùng với việc nhận diện các kiến thức về nền ẩm thực của các loại tôn giáo khác nhau. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: người học có thể phân biệt được văn hóa ẩm thực của một số khu vực, quốc gia và tôn giáo tiêu biểu trên Thế giới. + Kỹ năng về nghề nghiệp: Áp dụng các lý thuyết đã được học vào trong thực tế và có được sự linh hoạt trong quá trình hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng và du lịch trong tương lai. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua giờ bài tập, người học sẽ rèn luyện được kỹ năng giải quyết vấn đề theo nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột nhóm, kỹ năng giao tiếp nhóm, kỹ năng lãnh đạo nhóm trong quá trình làm việc và hợp tác với các thành viên khác.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức cơ bản của học phần giúp người học có khả năng xác định vấn đề, từ đó phân tích và tổng hợp các thông tin bên trong và bên ngoài để tham gia tổ chức, bố trí và chọn lựa hợp lý các món ăn cho các đối tượng đến từ các nền văn hóa, tôn giáo và các quốc gia khác nhau trên toàn thế giới. Từ đó đưa ra những đề xuất giúp cho việc chọn lựa các món ăn, sắp xếp các bữa ăn phù hợp với đặc điểm văn hóa của các đối tượng khác nhau. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của văn hóa ẩm thực trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
13	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, vai trò và ý nghĩa đường lối của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; phân tích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được quá trình hình thành và những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay. - Về kỹ năng: Trình bày, thuyết trình được một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội; phân tích, vận dụng được vào thực tiễn lĩnh vực được đào tạo. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng được tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào đối với Đảng ta, tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng; xác định được trách nhiệm của cá nhân đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng được thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và làm việc.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4. HỆ ĐH8					

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Kinh tế vĩ mô	- Về kiến thức: Giải thích được các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô. + Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế... phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. + Kỹ năng tư duy: Có khả năng tư duy để áp dụng trong dự đoán và có định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Xây dựng được thái độ yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô. + Nhận diện được tầm quan trọng của việc nhận xét, đánh giá nền kinh tế vĩ mô. Nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Xác suất thống kê	- Về kiến thức: Trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu. - Về kỹ năng: Phân tích và nhận diện được kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình. - Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thói quen tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	- Về kiến thức: Trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; + Từng bước xác lập thể giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Kinh tế vi mô	- Về kiến thức: Giải thích được những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Xây dựng được thái độ yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh. + Phân tích được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	- Về kiến thức: Trình bày và Giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học. - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. - Về đạo đức nghề nghiệp:	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất			thức học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	- Về kiến thức: Trình bày và Giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học. - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Pháp luật đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống. - Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm
8	Pháp luật đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống. - Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu;	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.			
9	Quản trị học	.- Về kiến thức: Nhân diện được những vấn đề cơ bản của quản trị, các chức năng của quản trị, các kỹ năng mà nhà quản trị cần phải có. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức đã học, người học có thể nhận diện được cách quản trị một tổ chức sao cho hiệu quả, biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Xác định được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Toán cao cấp	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, hàm số một biến số, không gian véc tơ và dạng toàn phương, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Toán cao cấp	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tích như: ma trận và định thức, hệ phương trình tuyến tính, hàm số một biến số, không gian véc tơ và dạng toàn phương, hàm số nhiều biến số, phương trình vi phân, làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành ở bậc đại học và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.			Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
12	Tổng quan du lịch	- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản liên quan tới lĩnh vực du lịch, đặc điểm của du lịch cũng như sự phát triển của ngành du lịch, và vai trò của ngành du lịch trong phát triển kinh tế. Ngoài ra, học phần còn bổ sung những kiến thức liên quan đến quản trị và xu hướng phát triển của ngành du lịch trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được những vấn đề cơ bản về Hoạt động du lịch và khoa học du lịch; quá trình hình thành và phát triển của ngành du lịch thế giới và Việt Nam; các điều kiện ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch; mối quan hệ giữa du lịch và các lĩnh vực khác; tính thời vụ, đặc điểm và biện pháp khắc phục tính thời vụ du lịch; nhiệm vụ và vai trò của người làm du lịch... + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các kiến thức đã học để áp dụng vào việc thực hiện các nghiệp vụ du lịch như: Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, quản lý nhân sự trong du lịch, làm chủ tính thời vụ trong du lịch, quy hoạch du lịch... + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức đã học, người học phân tích được một cách tổng quan về các nội dung của hoạt động	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		kinh doanh du lịch từ đó giúp nhà quản trị đưa ra được các quyết định đúng đắn.. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xác định được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
13	Tin học đại cương	- Về kiến thức: Trình bày những kiến thức chung về công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính và internet. - Về kỹ năng: Sử dụng được máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng tin học văn phòng như soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính excel và thuyết trình bằng phần mềm trình diễn powerpoint, truy cập internet thành thạo. - Về đạo đức nghề nghiệp: Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, làm các bài tập về nhà để nâng cao tinh thần tự học.'	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành

XV. Ngành Thủy văn

1. HỆ ĐH5

1	Điều tra thủy văn	- Về kiến thức: Đánh giá, xác định được các phương pháp tiến hành điều tra; phân tích và tính toán các số liệu điều tra dòng chảy lũ, dòng chảy kiệt nhằm bổ sung vào chuỗi số liệu của một con sông hay hệ thống sông phục vụ tính toán thủy văn thiết kế cũng như công tác quy hoạch sử dụng tài nguyên nước. - Về kỹ năng: Áp dụng được các phương pháp đã học để đi thực tập. - Về thái độ: Sinh viên cảm nhận được sự thiết thực của môn học và nghiêm túc học tập.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Điều tra thủy văn	- Về kiến thức: Đánh giá, xác định được các phương pháp tiến hành điều tra; phân tích và tính toán các số liệu điều tra dòng chảy lũ, dòng chảy kiệt nhằm bổ sung vào chuỗi số liệu của một con sông hay hệ thống sông phục vụ tính toán thủy văn thiết kế cũng như công tác quy hoạch sử dụng tài nguyên nước. - Về kỹ năng: Áp dụng được các phương pháp đã học để đi thực tập. - Về thái độ: Sinh viên cảm nhận được sự thiết thực của môn học và nghiêm túc học tập.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Đồ án chỉnh biên thủy văn	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về chỉnh biên các yếu tố thủy văn bằng phương pháp truyền thống và bằng hệ chương trình chỉnh lý thủy văn đang sử dụng ở nước ta. - Về kỹ năng: Vận dụng được tự chỉnh biên tài liệu thủy văn của một trạm thủy văn khi có đầy đủ tài liệu. - Về thái độ: Nghiêm túc, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập, thực hành và làm bài tập.		Học kỳ I	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
4	Đồ án Dự báo thủy văn	- Về kiến thức: Áp dụng được lý thuyết đã học để xây dựng một phương án dự báo thủy văn cho một bài toán thủy văn thực tế và đánh giá kết quả phương án dự báo đó. - Về kỹ năng: Thành thạo trong việc giải quyết các bài toán dự báo thủy văn thực tế đơn giản. - Về đạo đức nghề nghiệp: Chăm chỉ, chịu khó, cẩn thận, năng động, tích cực trong học và tự học.		Học kỳ I	Nội dung đồ án: trọng số 50% Báo cáo đồ án: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
5	Niên luận	- Về kiến thức: Xây dựng được một đề cương nghiên cứu về một vấn đề cụ thể để giải quyết được một bài toán tương đối trọn vẹn trên cơ sở những học phần đã học dưới sự hướng dẫn của giảng viên. - Về kỹ năng: Áp dụng được những kiến thức đã học cũng như những tài liệu tham khảo được để giải quyết một vấn đề thực tiễn nhất định. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên thêm yêu nghiên cứu khoa học, tích cực tìm tòi tài liệu để làm giàu hiểu biết của mình.	2	Học kỳ I	-Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 50% Bao gồm: hai đầu điểm có cùng hệ số -Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
6	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức và kỹ năng cần thiết để phát triển một dự án quy hoạch và quản lý tổng hợp tài nguyên nước trong thực tiễn. Áp dụng được những nguyên lý và phương pháp luận trong việc lập quy hoạch sử dụng hợp lý tài nguyên nước, quản lý/kiểm soát có hiệu quả tài nguyên nước của một vùng lãnh thổ, một lưu vực sông. - Về kỹ năng: Sinh viên mô tả được những lý thuyết chung về quản lý tổng hợp tài nguyên nước. Trình bày được tại sao phải hướng đến quản lý tổng hợp tài nguyên nước. Vận dụng thiết lập bài toán quy hoạch tổng hợp TNN và trình tự giải quyết bài toán đó cho một lưu vực sông hay một	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		hệ thống sử dụng nước. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập. Có ý thức nghề nghiệp.			
7	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức và kỹ năng cần thiết để phát triển một dự án quy hoạch và quản lý tổng hợp tài nguyên nước trong thực tiễn. Áp dụng được những nguyên lý và phương pháp luận trong việc lập quy hoạch sử dụng hợp lý tài nguyên nước, quản lý/kiểm soát có hiệu quả tài nguyên nước của một vùng lãnh thổ, một lưu vực sông. - Về kỹ năng: Mô tả được những lý thuyết chung về quản lý tổng hợp tài nguyên nước. Trình bày được tại sao phải hướng đến quản lý tổng hợp tài nguyên nước. Vận dụng thiết lập bài toán quy hoạch tổng hợp TNN và trình tự giải quyết bài toán đó cho một lưu vực sông hay một hệ thống sử dụng nước. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập. Có ý thức nghề nghiệp.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Thực tập đo đạc và chỉnh biên thủy văn 1	Về kiến thức: Trình bày được kiến thức về bố trí các điểm đo đạc các yếu tố thủy văn; Áp dụng được đo thành thạo yếu tố mực nước trên hệ thống cọc, thủy chí; Áp dụng được quy trình đo đạc lưu lượng nước và lưu lượng chất lơ lửng trên mặt cắt ngang; Xác định được cách lấy mẫu trên đường thủy trực; Áp dụng được các phương pháp chỉnh lý các yếu tố thủy văn.		Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
9	Thực tập đo đạc và chỉnh biên thủy văn 2	Về kiến thức: Trình bày được kiến thức về bố trí các điểm đo đạc các yếu tố thủy văn; Áp dụng được đo thành thạo yếu tố mực nước trên hệ thống cọc, thủy chí; Áp dụng được quy trình đo đạc lưu lượng nước và lưu lượng chất lơ lửng trên mặt cắt ngang; Xác định được cách lấy mẫu trên đường thủy trực; Áp dụng được các phương pháp chỉnh lý các yếu tố thủy văn.		Học kỳ I	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chăm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
10	Thủy văn ứng dụng	- Về kiến thức: Phân tích được Các đặc trưng khí tượng, thủy văn phục vụ thiết kế công trình, quy hoạch, khai thác và quản Lý tài nguyên nước. - Về kỹ năng: Phân tích được tình hình dòng chảy, Các nhân tố ảnh hưởng chủ đạo từ đó lựa chọn phương pháp tính,	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		phần mềm tính toán phù hợp để tính toán Các đặc trưng khí tượng, thủy văn phục vụ việc quy hoạch, thiết kế, khai thác và quản Lý Các công trình thủy công. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên áp dụng phương pháp học tích cực, chủ động, có thái độ học tập nghiêm túc, tự giác, Chăm chỉ và sáng tạo.			thức học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Thủy văn ứng dụng	- Về kiến thức: Phân tích được Các đặc trưng khí tượng, thủy văn phục vụ thiết kế công trình, quy hoạch, khai thác và quản Lý tài nguyên nước. - Về kỹ năng: Phân tích được tình hình dòng chảy, Các nhân tố ảnh hưởng chủ đạo từ đó lựa chọn phương pháp tính, phần mềm tính toán phù hợp để tính toán Các đặc trưng khí tượng, thủy văn phục vụ việc quy hoạch, thiết kế, khai thác và quản Lý Các công trình thủy công. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên áp dụng phương pháp học tích cực, chủ động, có thái độ học tập nghiêm túc, tự giác, Chăm chỉ và sáng tạo.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2. HỆ DH6					
1	Chỉnh biên thủy văn	- Về kiến thức: Sinh viên lập kế hoạch chỉnh biên thủy văn; Các phương pháp chỉnh biên thủy văn bằng phương pháp truyền thống và bằng hệ chương trình chỉnh lý tài liệu thủy văn đang được sử dụng ở nước ta. - Về kỹ năng: Sinh viên áp dụng kiến thức đã học để chỉnh biên được các yếu tố thủy văn bằng hai phương pháp truyền thống và bằng hệ chương trình chỉnh lý tài liệu thủy văn. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập, thực hành và làm bài tập	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Điều tra thủy văn	- Về kiến thức: Đánh giá, xác định được các phương pháp tiến hành điều tra; phân tích và tính toán các số liệu điều tra dòng chảy lũ, dòng chảy kiệt nhằm bổ sung vào chuỗi số liệu của một con sông hay hệ thống sông phục vụ tính toán thủy văn thiết kế cũng như công tác quy hoạch sử dụng tài nguyên nước. - Về kỹ năng: Áp dụng được các phương pháp đã học để đi thực tập. - Về thái độ: Sinh viên cảm nhận được sự	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		thiết thực của môn học và nghiêm túc học tập.			
3	Điều tra thủy văn	- Về kiến thức: Đánh giá, xác định được các phương pháp tiến hành điều tra; phân tích và tính toán các số liệu điều tra dòng chảy lũ, dòng chảy kiệt nhằm bổ sung vào chuỗi số liệu của một con sông hay hệ thống sông phục vụ tính toán thủy văn thiết kế cũng như công tác quy hoạch sử dụng tài nguyên nước. - Về kỹ năng: Áp dụng được các phương pháp đã học để đi thực tập. - Về thái độ: Sinh viên cảm nhận được sự thiết thực của môn học và nghiêm túc học tập.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Đo đạc thủy văn	- Về kiến thức: Áp dụng được những kiến thức cơ bản, rèn tay nghề và kỹ năng thực hành đo đạc các yếu tố mực nước nhiệt độ nước, đo mưa, đo sâu thủy trực, vẽ mặt cắt ngang sông và tính diện tích mặt cắt ngang sông, mặt cắt dọc và bình đồ đoạn sông, đo đạc tốc độ dòng nước, lấy mẫu và xử lý mẫu nước, tính toán sổ sách một ca đo lưu lượng nước và lưu lượng chất lơ lửng, biết lập phương án giản hoá và triển khai các quy định về an toàn lao động - Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng lý luận, thực hành đo đạc và tính toán các yếu tố thủy văn - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập. Có ý thức nghề nghiệp.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Động lực học dòng sông	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về các quy luật chuyển động và cân bằng động lực của nước và bùn cát trong sông, cửa sông; các quy luật cùng các phương pháp tính vận chuyển bùn cát và diễn biến dòng sông ở trạng thái tự nhiên cũng như sau khi có sự khống chế của các công trình xây dựng trên sông; - Về kỹ năng: Biết phân tích, sử dụng các phương trình động lực đối với các chuyển động của nước, lòng sông và bùn cát vào mô hình toán thủy văn. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, trung thực, chăm chỉ, yêu và gắn bó với nghề nghiệp	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
6	Mô hình toán thủy văn*	- Knowledge outcomes: + Understand the basic definitions and principles of hydrological modelling as well as the theory and application of some numerical models. Also, students understand the model classification and steps of model application. - Skill outcomes: Students can also use and apply several models including deterministic and stochastic models in hydrologic calculation, hydrological forecasting and water resources planning. Students can know how to optimise model parameters through out the calibration and validation processes. - Attitudes: Student's morals: hard-working; careful style of work and creativity.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Phân tích hệ thống thủy văn	- Về kiến thức: Trình này được phân tích khái niệm cơ bản, mô tả được phân tích hệ thống nói chung, trình bày được các phương pháp phân tích hệ thống nguồn nước. - Về kỹ năng: Áp dụng quy tắc phân tích hệ thống nguồn nước để làm các bài toán cơ bản về tối ưu hoá, mô phỏng trong phân tích hệ thống nguồn nước. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên trung thực, nghiêm túc, yêu nghề, biết vận dụng lý thuyết để thực hành làm các bài tập thủy văn phục vụ tính toán, cảnh báo, dự báo thủy văn và phát triển nguồn nước.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức và kỹ năng cần thiết để phát triển một dự án quy hoạch và quản lý tổng hợp tài nguyên nước trong thực tiễn. Áp dụng được những nguyên lý và phương pháp luận trong việc lập quy hoạch sử dụng hợp lý tài nguyên nước, quản lý/kiểm soát có hiệu quả tài nguyên nước của một vùng lãnh thổ, một lưu vực sông. - Về kỹ năng: Sinh viên mô tả được những lý thuyết chung về quản lý tổng hợp tài nguyên nước. Trình bày được tại sao phải hướng đến quản lý tổng hợp tài nguyên nước. Vận dụng thiết lập bài toán quy hoạch tổng hợp TNN và trình tự giải quyết bài toán đó cho một lưu vực sông hay một	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		hệ thống sử dụng nước. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập. Có ý thức nghề nghiệp.			
9	Thực tập đo đạc và chỉnh biên thủy văn 1	Về kiến thức: Trình bày được kiến thức về bố trí các điểm đo đạc các yếu tố thủy văn; Áp dụng được đo thành thạo yếu tố mực nước trên hệ thống cọc, thủy chí; Áp dụng được quy trình đo đạc lưu lượng nước và lưu lượng chất lơ lửng trên mặt cắt ngang; Xác định được cách lấy mẫu trên đường thủy trực; Áp dụng được các phương pháp chỉnh lý các yếu tố thủy văn.		Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
10	Thực tập đo đạc và chỉnh biên thủy văn 2	Về kiến thức: Trình bày được kiến thức về bố trí các điểm đo đạc các yếu tố thủy văn; Áp dụng được đo thành thạo yếu tố mực nước trên hệ thống cọc, thủy chí; Áp dụng được quy trình đo đạc lưu lượng nước và lưu lượng chất lơ lửng trên mặt cắt ngang; Xác định được cách lấy mẫu trên đường thủy trực; Áp dụng được các phương pháp chỉnh lý các yếu tố thủy văn.		Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
11	Thủy văn nước dưới đất	- Về kiến thức: Trình bày được các loại đất đá, môi trường chứa nước khác nhau trong Vỏ quả đất, cũng như tuổi địa chất của chúng. Ngoài ra còn phân biệt được các kiến thức cơ bản về nước dưới đất như: nguồn gốc tạo thành, phân loại nước dưới đất theo điều kiện thể nằm, vận động của nước dưới đất... - Về kỹ năng: Áp dụng những kiến thức đã học phân tích được đặc điểm, động thái của nước dưới đất... - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn cho sinh viên đức tính cần thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
12	Thủy văn nước mặt	- Về kiến thức: Phân tích được dòng chảy mặt, nguyên nhân hình thành cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến dòng chảy mặt; Các đặc trưng cơ bản của dòng chảy mặt như dòng chảy năm, dòng chảy lớn nhất, dòng chảy nhỏ nhất, dòng chảy rắn và các quy luật biến đổi của chúng theo thời gian, theo không gian. - Về kỹ năng: Tính toán xác định được các quy luật thủy văn nước mặt, tính thành	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		thạo các đặc trưng dòng chảy mặt cũng như các yếu tố có liên quan, biết giải quyết tốt bài toán cân bằng nước. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên sử dụng phương pháp học tập tích cực, nghiêm túc, năng động trong học tập, thực hành và làm bài tập.			Tự luận
13	Tin học ứng dụng*	The course has an open, project-type format where students will work individually or in a small group over the semester to discover, organize and manage data for a hydrology or water resources problem of their interest. Projects may include designing appropriate data models and automating data loading, manipulation, and transformations in support of data intensive analyses or modeling. Class time will include lectures focused on learning and developing data management, transformation, and task automation skills, class discussions, code writing exercises to solve data manipulation tasks, demonstration of software and data systems, and student presentations of their project work. The course will better prepare students to work in data-intensive research and project work environments and emphasize development of reproducible processes for managing and transforming data in ways that others can easily and completely reproduce on their own to support analyses and modeling. Additionally, this course will better prepare students to work across multiple software platforms and systems used in data management.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
14	Tính toán điều tiết dòng chảy và cấp nước	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về tính toán điều tiết dòng chảy trong sông, hồ (tính toán điều tiết cấp nước, điều tiết lũ), quy trình phân vùng, vận hành điều tiết lũ, liên hồ, cấp thoát nước trên lưu vực. - Về kỹ năng: Áp dụng được vào các bài toán tính toán điều tiết lũ, cấp nước, vận hành liên hồ chứa... - Về đạo đức nghề nghiệp: Trung thực, yêu nghề, có trách nhiệm với công việc.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3. HỆ ĐH7					

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Về kiến thức: Trình bày được cơ sở khoa học hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; phân tích được những nội dung cơ bản và giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh, đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng bảo vệ Tổ quốc trong các giai đoạn của cách mạng Việt Nam. Về kỹ năng: vận dụng lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới. Về đạo đức nghề nghiệp: Bồi dưỡng, hun đúc lòng yêu nước và các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, nâng cao lòng tự hào về Bác Hồ, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, xây dựng lý tưởng sống cao đẹp, biến lý tưởng thành hành vi cụ thể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Đánh giá tác động môi trường	Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về quá trình đánh giá tác động môi trường, nội dung đánh giá tác động môi trường và các phương pháp thường sử dụng trong đánh giá tác động môi trường tương ứng theo từng loại hình và lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội. Về kỹ năng: Áp dụng được các phương pháp đánh giá tác động môi trường, đề xuất được các giải pháp công nghệ xử lý chất thải, và các biện pháp bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên. Về đạo đức nghề nghiệp: Có nhận thức đúng đắn về những tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động kinh tế-xã hội đến tài nguyên và môi trường, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ tài nguyên và môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Địa lý Thủy văn	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về địa lý thủy văn: các phương pháp nghiên cứu địa lý thủy văn, quy luật phân bố không gian của hiện tượng thủy văn, phân vùng thủy văn, trình bày được các nguyên lý khi xây dựng bản đồ địa lý thủy văn và các đặc trưng hình thái sông ngòi, lưu vực sông. - Về kỹ năng: Khai thác từ bản đồ các thông tin về địa lý thủy văn của một lưu vực sông hay một khu vực nào đó. Áp	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		dụng các quy luật phân bố không gian của các hiện tượng thủy văn để phân tích, lý giải các quy luật phân bố địa lý trên một khu vực nhất định (các lưu vực sông hay một khu vực). - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập			
4	Hóa học nước	- Về kiến thức: Trình bày, mô tả được những kiến thức cơ bản về nước và dung dịch, các thành phần hóa học của nước tự nhiên, các phương pháp hệ thống hóa thành phần hóa học nước tự nhiên, phân tích được một số thông số cơ bản trong nước và kiến thức về ô nhiễm nước, kiểm soát chất lượng nước tự nhiên. - Về kỹ năng: Mô phỏng hệ thống hóa thành phần hóa học nước tự nhiên, tính toán và đánh giá chất lượng nước trên sông qua phương pháp WQI, biết các nguyên tắc phân tích các thông số cơ bản trong nước. Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề liên quan đến môi trường nước, chất lượng nước và xác định hành vi của con người là phải hành động như thế nào để sử dụng hợp lý, bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên nước. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc. Chăm chỉ, chính xác trong phân tích, nâng cao tính tích cực trong học và tự học.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Khí hậu Việt Nam và biến đổi khí hậu	- Về kiến thức: + Nêu khái quát được hệ thống khí hậu và sự hình thành khí hậu; + Trình bày được đặc điểm chung của các nhân tố hình thành khí hậu và sự biến đổi theo không gian và thời gian của chúng trên lãnh thổ Việt Nam; + Phân tích được đặc điểm phân hóa theo thời gian và không gian của các nhân tố hình thành khí hậu trên lãnh thổ Việt Nam; + Phân tích được đặc điểm phân bố của ba đặc trưng khí hậu cơ bản (gió, nhiệt độ và lượng mưa) trên lãnh thổ Việt Nam; + Trình bày được các quy luật và đặc điểm	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		phân hóa khí hậu trên lãnh thổ Việt Nam. - Về kỹ năng: + Có kỹ năng tìm kiếm tài liệu chuyên ngành liên quan đến học phần, thành thực kỹ năng đọc và tóm tắt tài liệu tham khảo; + Có kỹ năng thảo luận và làm việc nhóm. - Về đạo đức nghề nghiệp: Đảm bảo an toàn số liệu được cung cấp. Khách quan, trung thực trong xử lý và đánh giá các kết quả tính toán.			
6	Kỹ thuật viễn thám và GIS trong thủy văn	- Về kiến thức: + Trình bày được các kiến thức cơ bản về khái niệm, các thành phần và chức năng cơ bản của GIS; + Khái quát chung về mô hình, Trình bày được về cấu trúc CSDL và mô hình số độ cao; phân tích được ưu nhược điểm của các mô hình dữ liệu; + Phân tích được các bước trong quy trình xây dựng CSDL trong GIS; trình bày được các kiến thức cơ bản về công tác chuẩn hóa dữ liệu; hiển thị và xuất dữ liệu; + Trình bày được quy trình xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu địa lý gồm các bước: thiết kế, tổ chức, nhập, đánh giá chất lượng, biên tập và chuẩn hóa CSDL địa lý; Trình bày được các phương pháp phân tích dữ liệu không gian cơ bản như: chồng xếp dữ liệu, đo đạc truy vấn...; + Trình bày một số dạng phân tích dữ liệu thuộc tính cơ bản. - Về kỹ năng: + Vận dụng các bài toán phân tích không gian của hệ thống thông tin địa lý vào nhiệm vụ cụ thể; + Vận dụng lý thuyết vào các bài thực hành, các bài thảo luận; - Về đạo đức nghề nghiệp: + Rèn luyện tác phong: cẩn thận, chính xác, trung thực; + Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Thủy lực sông ngòi	- Về kiến thức: Tổng hợp được những kiến thức về dòng đều và dòng không đều trong kênh hở, dòng ổn định trong sông thiên nhiên. Phân biệt được các dạng đường mặt nước và các trạng thái chảy trong kênh, trong sông.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về kỹ năng: Vẽ được đường mặt nước trong kênh, thiết kế được các đặc trưng mặt cắt kênh. Tính toán thủy lực cho đập tràn và tiêu năng hạ lưu công trình. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Thủy văn đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm cơ bản nhất về thủy văn học, xây dựng phương trình cân bằng nước cho lưu vực sông. Nghiên cứu sự hình thành và tính toán dòng chảy trong sông; Các loại chuyển động của nước trong sông và diễn biến lòng sông; Chế độ thủy văn vùng sông ảnh hưởng thủy triều; Hồ và đầm lầy. - Về kỹ năng: Áp dụng các quy luật thủy văn để nghiên cứu các quá trình hình thành dòng chảy sông ngòi, thiết lập được phương trình cân bằng nước, tính toán các đặc trưng của sông và lưu vực sông, tính toán các đặc trưng dòng chảy, tính lượng mưa bình quân lưu vực, tính dòng chảy lũ theo công thức công thức căn nguyên dòng chảy. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Tiếng Anh chuyên ngành	- Về kiến thức: + Trình bày được bằng tiếng Anh một số chủ đề thông dụng liên quan đến chuyên ngành thủy văn. + Vận dụng được các thuật ngữ sử dụng trong các tài liệu chuyên ngành. + Vận dụng được các kiến thức ngữ pháp giảng dạy kèm theo các bài đọc. - Về các kỹ năng ngôn ngữ: + Vận dụng được các kỹ năng đọc để xử lý thông tin. + Giao tiếp tương đối thành thạo về các chủ đề quen thuộc thuộc lĩnh vực chuyên môn. + Viết được những bài ngắn (50 – 100 từ)	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		mô tả chi tiết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực thủy văn. + Vận dụng được kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh + Vận dụng được kỹ năng tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho môn học chuyên ngành của mình. - Đạo đức nghề nghiệp: + Xây dựng tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập. + Xây dựng tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; + Xây dựng tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; + Xây dựng tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học.			
10	Trắc địa	- Về kiến thức: + Trình bày được các nội dung về kiến thức cơ bản của trắc địa: đơn vị đo, hình dạng, kích thước Trái đất, hệ tọa độ trên mặt cầu... + Trình bày được phương pháp đo góc bằng, góc đứng, khoảng cách, chênh cao. + Trình bày được tính năng, tác dụng của các loại máy kinh vĩ, máy thủy chuẩn. + Trình bày được khái niệm, mục đích, nguyên tắc xây dựng và phân loại lưới khống chế trắc địa. + Trình bày được nội dung các phương pháp giao hội xác định vị trí điểm. + Trình bày được đặc điểm lưới khống chế trắc địa ở vùng hồ chứa nước, vùng đập ngăn nước, các tuyến kênh mương. - Về kỹ năng: + Xác định được các loại góc phương vị dùng trong trắc địa và xây dựng được công thức thể hiện mối quan hệ giữa các loại góc phương vị đó. + Sử dụng được máy đo vào công tác đo góc, đo khoảng cách, đo chênh cao để xây dựng bản đồ, bình đồ phục vụ cho công tác điều tra, khảo sát và xây dựng các công trình trong ngành Thủy văn.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Ghi chép, tính toán và xử lý được kết quả đo góc, đo khoảng cách, đo chênh cao. + Thiết kế được lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật. + Tính toán và bình sai gần đúng được lưới đường chuyền, lưới khống chế độ cao hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật. + Tính toán được các bài toán giao hội xác định vị trí điểm. + Thành lập được bản đồ, bình đồ và mặt cắt địa hình. - Về thái độ, chuyên cần: + Cẩn thận, trung thực, tôn trọng quy trình đo đạc và xử lý số liệu. + Tìm hiểu tài liệu về các vấn đề có liên quan đến học phần. + Yêu thích ngành nghề.			
11	Xác suất thống kê trong thủy văn	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức về thống kê, phân tích, xử lý số liệu, có kiến thức về đường tần suất, các đặc trưng thống kê của các đại lượng thủy văn, biết sử dụng các chỉ tiêu đánh giá tính đồng nhất, ngẫu nhiên, phù hợp của các chuỗi số liệu thủy văn. Phương pháp xác định các quan hệ tương quan giữa các đặc trưng thủy văn, quan hệ giữa các đặc trưng thủy văn với các nhân tố ảnh hưởng, trên cơ sở đó có thể kéo dài, bổ xung tài liệu tính toán phục vụ công tác chỉnh lý số liệu, tính toán và dự báo thủy văn. - Về kỹ năng: Sinh viên hiểu và phân tích được các luật phân phối xác suất mô tả các chuỗi số liệu thủy văn. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập. Có ý thức nghề nghiệp.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
12	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	- Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, vai trò và ý nghĩa đường lối của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam; phân tích được sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là tất yếu khách quan; phân tích được quá trình hình thành và những nội dung cơ bản đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay. - Về kỹ năng: Trình bày, thuyết trình được một số vấn đề lý luận chính trị- xã hội; phân tích, vận dụng được vào thực tiễn	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		lĩnh vực được đào tạo. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xây dựng được tình yêu quê hương đất nước, niềm tự hào đối với Đảng ta, tin tưởng và phấn đấu theo mục tiêu, lý tưởng và đường lối của Đảng; xác định được trách nhiệm của cá nhân đối với công cuộc xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng được thái độ nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu và làm việc.			
4. HỆ DH8					
1	Đại số	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương, các mặt bậc hai làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình đại số. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Giải tích 1	- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về phương pháp tính như: Nội suy, xấp xỉ và sai số, tính gần đúng nghiệm thực của phương trình, đa thức nội suy và phương pháp bình phương bé nhất, tính gần đúng đạo hàm và tích phân xác định, phương trình vi phân; làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Sinh viên xây dựng được công thức tính toán cụ thể, công thức đánh giá sai số vào các bài toán phương pháp tính gần đúng. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
3	Khí tượng đại cương	- Về kiến thức: Phân tích được ý nghĩa của các phương trình trạng thái của không khí, phương trình tĩnh học cũng như các công thức khí áp, ...; Giải thích được sự biến thiên của nhiệt độ mặt đất, mặt nước và không khí; Phân tích được nguyên nhân gây ra chuyển động của không khí trong khí quyển; Phân biệt được một số hiện tượng được hình thành do sự ngưng kết của hơi nước trong khí quyển. - Về kỹ năng: Sinh viên áp dụng những công thức đã học để làm các bài tập có ý nghĩa thực tiễn; Quan sát, nhận biết và phân biệt một số hiện tượng khí tượng. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên cảm nhận được nhiều điều thú vị trong tự nhiên cần được khám phá; Giải thích được một số hiện tượng xảy ra trong khí quyển cũng như trong tự nhiên, từ đó sinh viên có thái độ yêu thích học phần cũng như ngành học.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Tổng hợp được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Phát triển được các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
5	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	- Về kiến thức: Trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học. - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Phương pháp tính	Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về phương pháp tính như: Nội suy, xấp xỉ và sai số, tính gần đúng nghiệm thực của phương trình, đa thức nội suy và phương pháp bình phương bé nhất, tính gần đúng đạo hàm và tích phân xác định, phương trình vi phân; làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Sinh viên xây dựng được công thức tính toán cụ thể, công thức đánh giá sai số vào các bài toán phương pháp tính gần đúng. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
7	Thủy lực đại cương	- Về kiến thức: Phân tích được qui luật chung về cân bằng và chuyển động của của chất lỏng cũng như các những kiến thức về phương pháp ứng dụng các qui luật cân bằng và chuyển động của chất lỏng (đặc biệt là nước); Phân tích được hiện tượng tổn thất trong dòng chảy qua đường ống, dòng chảy qua lỗ và vòi. - Về kỹ năng: Áp dụng phương trình cơ bản chất lỏng cân bằng để giải các bài toán tĩnh học, xác định áp lực của chất lỏng; Thành lập được phương trình Bernoulli cho chất lỏng chuyển động để tính các yếu tố động lực học; Tính tổn thất cột nước trong chuyển động của chất lỏng, tính toán thủy lực cho dòng chảy qua lỗ, vòi, đường ống với những bài toán xảy ra thực tế. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập, thực hành và làm bài tập; Giải thích các hiện tượng động lực của dòng chảy để học các môn chuyên ngành tiếp theo, nâng cao tính tích cực trong học và tự học.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Vật lý đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về cơ học, nhiệt học, điện học, quang học, vật lý lượng tử..., từ đó sinh viên biết phân tích và giải thích được sự vận động khách quan của sự vật hiện tượng trong đời sống và làm cơ sở tiếp thu trong từng chuyên ngành cụ thể. - Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng học tập theo nhóm; phương pháp học tập cá nhân như: nghe giảng, ghi chép, làm bài tập trên lớp và ở nhà; phương pháp học và tự học; kỹ năng tư duy khoa học. - Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực học tập và tự học, tự tìm hiểu tài liệu để nghiên cứu thêm và ứng dụng vào ngành nghề cụ thể.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Giải tích 2	Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2, Phương trình vi phân cấp một và phương trình vi phân cấp 2 làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về kỹ năng: Phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.			Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	- Về kiến thức: Trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. - Về kỹ năng: Vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Pháp luật đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống. - Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm
5. HỆ LDH7					
1	Dự báo hạn	- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được các khái niệm cơ bản về hạn và dự báo hạn. nắm vững cơ sở vật lý, nguyên nhân hình thành hạn; các chỉ tiêu, phương pháp đánh giá và dự báo bão, giám sát hạn. - Về kỹ năng: Có khả năng tính toán, xây	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		dựng các chỉ tiêu, ứng dụng các phương pháp, mô hình thủy văn, thống kê xây dựng các phương án dự báo hạn thủy văn; Có khả năng tham gia xây dựng và vận hành các hệ thống giám sát hạn trên các lưu vực, khu vực ở Việt Nam. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập, thảo luận tìm hiểu và thực hành.			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Khí hậu Việt Nam và biến đổi khí hậu	- Về kiến thức: + Trình bày được các khái quát được hệ thống khí hậu và sự hình thành khí hậu; + Trình bày được đặc điểm chung của các nhân tố hình thành khí hậu và sự biến đổi theo không gian và thời gian của chúng trên lãnh thổ Việt Nam; + Phân tích được đặc điểm phân hóa theo thời gian và không gian của các nhân tố hình thành khí hậu trên lãnh thổ Việt Nam; + Phân tích được đặc điểm phân bố của ba đặc trưng khí hậu cơ bản (gió, nhiệt độ và lượng mưa) trên lãnh thổ Việt Nam; + Trình bày được các quy luật và đặc điểm phân hóa khí hậu trên lãnh thổ Việt Nam. - Về kỹ năng: + Có kỹ năng tìm kiếm tài liệu chuyên ngành liên quan đến học phần, thành thực kỹ năng đọc và tóm tắt tài liệu tham khảo; + Có kỹ năng thảo luận và làm việc nhóm. - Về đạo đức nghề nghiệp: Đảm bảo an toàn số liệu được cung cấp. Khách quan, trung thực trong xử lý và đánh giá các kết quả tính toán được.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Thủy văn nước dưới đất ứng dụng	- Về kiến thức: + Trình bày được các vấn đề liên quan đến sự vận động của nước dưới đất. + Trình bày và giải thích được về hóa học nước và sự di chuyển của các chất ô nhiễm. - Về kỹ năng: + Tính toán các thông số đặc trưng các tầng chứa nước, phân vùng địa chất thủy văn + Áp dụng toán học để giải các bài toán về thủy lực giếng, hóa học nước và sự di chuyển của các chất ô nhiễm. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Chủ động, tích cực trong phát hiện vấn đề và giải quyết vấn đề;	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Phối hợp được khi làm việc theo nhóm; + Yêu thích nội dung của học phần, tích cực tham khảo tài liệu.			
4	Truyền thông về khí tượng thủy văn	- Về kiến thức: Xác định được ý nghĩa, tầm quan trọng, giá trị và vai trò của Truyền thông Khí tượng Thủy văn trong cuộc sống, trong định hướng phát triển kinh tế-xã hội bền vững, từ đó đề xuất được các phương pháp cũng như nội dung và đối tượng để truyền thông một cách hiệu quả nhất. - Về kỹ năng: Áp dụng được những kiến thức đã học để lập kế hoạch, thiết kế, tổ chức hoạt động truyền thông, xây dựng được thông điệp truyền thông và diễn thuyết về những vấn đề liên quan đến khí tượng thủy văn. - Về đạo đức nghề nghiệp: Xác định được trách nhiệm của mình trong việc nâng cao nhận thức về lĩnh vực Khí tượng Thủy văn đối với cộng đồng, cơ quan đơn vị công tác; tích cực học tập, tự tìm tòi tài liệu để nghiên cứu.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Ứng dụng viễn thám và GIS trong tính toán và dự báo thủy văn	- Về kiến thức: Vận dụng được các kiến thức, bài toán ứng dụng công nghệ khai thác ảnh vệ tinh, radar và kỹ thuật GIS để tính toán, cảnh báo, dự báo mưa, dòng chảy, thiên tai lũ, ngập lụt, hạn... - Về kỹ năng: Áp dụng các kiến thức đã học vào trong từng bài toán dự báo thủy văn trong thực tiễn bằng công nghệ viễn thám và GIS. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên trung thực, nghiêm túc, yêu nghề, biết biết vận dụng lý thuyết để thực hành làm các bài tập thủy văn phục vụ tính toán, giám sát, cảnh báo, dự báo thủy văn và phát triển nguồn nước.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
XVI. Ngành Quản lý Tài nguyên nước					
1. HỆ DH5					
1	Đánh giá kinh tế tài nguyên nước	- Về kiến thức: Phân tích, đánh giá được về mặt kinh tế các dự án tài nguyên nước thông qua phân tích chi phí - lợi ích. Sau khi nghiên cứu học phần Đánh giá kinh tế tài nguyên nước, người học tổng hợp được những kiến thức về đánh giá kinh tế trong quá trình khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên nước; trình bày và phân tích được	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		một số khái niệm cơ bản như: cung nước, cầu nước, thị trường nước, giá nước...phân tích được mối quan hệ giữa hoạt động của hệ thống kinh tế và tài nguyên nước; phân tích các công cụ và chính sách quản lý tài nguyên nước. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích, đánh giá được hiệu quả của việc sử dụng nước trong các dự án. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các phương pháp phân tích lợi ích – chi phí để xác định giá trị của nước trong từng dự án nước cụ thể. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích, đánh giá kinh tế trong từng dự án nước cụ thể có thể đưa ra những giải pháp giúp cho các doanh nghiệp, cá nhân và nhà nước khai thác, sử dụng tài nguyên nước một cách bền vững. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sử dụng kiến thức đã học vận dụng vào các công việc thực tế liên quan đảm bảo tuân thủ theo các quy định pháp luật, thực hiện theo các chính sách quy định về sử dụng, khai thác và quản lý tài nguyên nói chung và tài nguyên nước nói riêng.			Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Dự báo tài nguyên nước	- Về kiến thức: Phân tích được khái niệm dự báo Tài nguyên nước, vai trò của công tác dự báo, quy trình dự báo. Tính toán và ứng dụng được các phương pháp dự báo chất lượng nước và số lượng/trữ lượng nước mặt và nước dưới đất, bao gồm các phương pháp chính là tính toán thống kê và mô phỏng hệ thống; - Về kỹ năng: Thực hành được các tính toán, xác định và xử lý được dữ liệu, biết cách sử dụng mô hình; - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, chăm chỉ, năng động sáng tạo trong học tập, làm bài tập.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Kỹ thuật khai thác nước dưới đất	- Về kiến thức: Áp dụng được các kiến thức cơ bản để giải quyết được các vấn đề liên quan đến thiết kế các công trình khai thác nước dưới đất, hiểu được và thiết kế	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		được các công trình khai thác nước ngầm: tính toán thông số tầng chứa nước, các loại hình công trình khai thác, kết cấu giếng, chỉnh lý tài liệu. - Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức đã học để thao tác thực hành các kỹ thuật về khai thác nước dưới đất như: biết sử dụng vận hành bơm chìm, biết thao tác bơm, mức nước, đổ nước thí nghiệm. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên hình thành thái độ nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập, thực hành và làm bài tập			đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Pháp luật và chính sách tài nguyên nước	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về pháp luật và những chính sách trong lĩnh vực tài nguyên nước và môi trường hiện hành của Việt Nam. - Về kỹ năng: Nhận biết và cập nhật được văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên nước và môi trường. Phân tích và đánh giá được các quy định của pháp luật về tài nguyên nước và môi trường. Áp dụng được các QPPL về tài nguyên và môi trường vào tình huống cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nhận thức và vận dụng được việc tôn trọng các quy định của pháp luật tài nguyên nước và môi trường. Nhận thức được được quy định của pháp luật trong lĩnh vực tài nguyên nước và môi trường.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Quản lý tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu	- Về kiến thức: Phát biểu được khái quát về biến đổi khí hậu, khoa học về biến đổi khí hậu; Trình bày được các biểu hiện của biến đổi khí hậu trên thế giới và ở Việt Nam; Nêu được cơ sở xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng trên thế giới; Trình bày được kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam; Trình bày được những tác động của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực tài nguyên nước, như: Dòng chảy năm, dòng chảy mùa lũ, lưu lượng đỉnh lũ, dòng chảy mùa cạn, ngập úng lũ lụt, xâm nhập mặn và như cầu dùng nước; Nắm vững kế hoạch hành động quốc gia về BĐKH trong giai đoạn 2012-2020; Quan điểm chủ đạo trong quản lý nhà nước về tài nguyên nước; Nắm vững cơ sở khoa học của xây dựng chiến lược ứng phó với biến đổi khí hậu trong	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		lĩnh vực tài nguyên nước. - Về kỹ năng: Sử dụng công cụ phần mềm chuyên ngành nhằm xác định tác động của biến đổi khí hậu đến một số đặc trưng tài nguyên nước; Phát triển một số kỹ năng trong học tập và đời sống (kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng giải quyết vấn đề...). - Về đạo đức nghề nghiệp: Chuyển biến về thái độ theo chiều hướng tích cực về việc bảo vệ và sử dụng tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu; Có trách nhiệm tuyên truyền và vận động những người xung quanh có ý thức bảo vệ và sử dụng tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu.			
6	Quy hoạch tài nguyên nước	- Về kiến thức: Trình bày được kiến thức cơ bản khái niệm và quy trình các bước lập Quy hoạch Tài nguyên nước; mô tả được nội dung của quy hoạch Tài nguyên nước; Phân tích được các bài toán cơ bản trong quy hoạch Tài nguyên nước; - Về kỹ năng: Vận dụng phân tích được các thành phần của một hệ thống Tài nguyên nước, phân tích lựa chọn 1 quy trình/ trình tự quy hoạch Tài nguyên nước; Vận dụng kiến thức tổng hợp lập quy hoạch quy hoạch tài nguyên nước cho 1 vùng cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: Từ kiến thức thu nhận được của môn học, sinh viên hiểu rõ vai trò quan trọng của công tác quy hoạch tài nguyên nước để từ đó sinh viên không ngừng học hỏi, tu dưỡng rèn luyện học tập tốt.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Truyền thông về Tài nguyên nước	- Về kiến thức: Vận dụng được kiến thức cơ bản về truyền thông, truyền thông trong lĩnh vực tài nguyên nước ở Việt Nam và những kỹ năng cần thiết tổ chức hoạt động truyền thông về tài nguyên nước. - Về kỹ năng: Áp dụng được những kiến thức đã học để thiết kế, tổ chức các buổi truyền thông, tuyên truyền và diễn thuyết về TNN; Phát triển một số kỹ năng trong học tập và đời sống (kỹ năng phân tích, tổng hợp, kỹ năng hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng giải quyết vấn đề...). - Về đạo đức nghề nghiệp: Chuyển biến về thái độ theo chiều hướng tích cực về việc	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		truyền thông trong lĩnh vực tài nguyên nước; Có trách nhiệm tuyên truyền và vận động những người xung quanh có ý thức bảo vệ và sử dụng tài nguyên nước.			
8	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Tổng hợp được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Phát triển được các kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Trình bày được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2. HỆ DH6					
1	Đánh giá tác động môi trường	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về quá trình đánh giá tác động môi trường, nội dung đánh giá tác động môi trường và các phương pháp thường sử dụng trong đánh giá tác động môi trường tương ứng theo từng loại hình và lĩnh vực phát triển kinh tế-xã hội. - Về kỹ năng: Áp dụng được các phương pháp đánh giá tác động môi trường, đề xuất được các giải pháp công nghệ xử lý chất thải, và các biện pháp bảo vệ môi trường tài nguyên thiên nhiên. - Về đạo đức nghề nghiệp: có nhận thức đúng đắn về những tác động tích cực và tiêu cực của các hoạt động kinh tế-xã hội đến tài nguyên và môi trường, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ tài nguyên và môi trường của bản thân và xã hội nhằm mục tiêu phát triển bền vững.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Điều tra tài nguyên nước	- Về kiến thức: Tổng hợp được các kiến thức cơ bản về nội dung, công tác điều tra đánh giá tài nguyên nước mặt, nước dưới đất, các phương pháp thường sử dụng trong điều tra đánh giá tài nguyên nước mặt, nước dưới đất ứng theo từng khu vực và mục đích cụ thể. - Về kỹ năng: Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể áp dụng vào điều tra và đánh giá tài nguyên nước mặt, nước dưới đất trên một khu vực cụ thể hoặc cho một mục đích cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập từ đó có nhận thức đúng đắn về công tác điều tra và đánh giá tài nguyên nước.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Phát triển được các kỹ năng cần thiết để duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng:	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Trình bày những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
4	Mô hình toán trong tài nguyên nước dưới đất	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về nguyên lý và phương pháp mô hình hóa tài nguyên nước dưới đất, phương pháp sai phân hữu hạn và phần tử hữu hạn, phương trình lan truyền chất. - Về kỹ năng: Thiết lập cho sinh viên kỹ năng cơ bản trong việc xây dựng mô hình mô phỏng dòng chảy và lan truyền chất trong các tầng nước dưới đất. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu phân tích, thái độ nghiêm túc, tự giác, đức tính cần cù, chăm chỉ, cẩn thận, tỉ mỉ và biết phát huy sáng tạo.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
5	Mô hình toán trong tài nguyên nước mặt	- Về kiến thức: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về mô hình toán, các bước áp dụng một mô hình toán trong tài nguyên nước mặt; biết được các loại mô hình toán thủy văn, thủy lực phục vụ tính toán giải quyết các bài toán tài nguyên nước mặt. Hiểu được cấu trúc, cơ sở lý thuyết các mô hình toán. - Về kỹ năng: Áp dụng được các mô hình toán toán dòng chảy lũ, dòng chảy trung bình và diễn toán thủy lực trong sông bằng những mô hình khác nhau. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nghiên cứu phân tích, thái độ nghiêm túc, tự giác, đức tính cần cù, chăm chỉ, cẩn thận, tỉ mỉ và biết phát huy tính sáng tạo.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Phân tích đánh giá chất lượng nước	- Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm, quy trình đo đạc, phân tích, xử lý số liệu và đánh giá chất lượng nước mặt lục địa và nước dưới đất; - Về kỹ năng: Thao tác thành thạo trình tự khi đo đạc, phân tích và xử lý số liệu chất lượng nước trong phòng thí nghiệm và ngoài hiện trường; - Về đạo đức nghề nghiệp: Chăm chỉ, kiên trì, cẩn thận và trung thực	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Phân tích hệ thống tài nguyên nước	- Về kiến thức: Trình bày được khoa học hệ thống, các thành phần trong hệ thống Tài nguyên nước, mối tương tác giữa các thành phần trong hệ thống. Giải quyết được các bài toán phân tích xác suất, thống kê, các bài toán tối ưu hóa hệ thống, cụ thể với quy hoạch tuyến tính và quy hoạch động. Các khái niệm về kinh tế Tài nguyên nước, mối quan hệ giữa tiền và thời gian, giải quyết các bài toán tính toán dòng tiền; - Về kỹ năng: Thao tác tính toán chính xác, xác định và xử lý dữ liệu hợp lý; - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, chăm chỉ, năng động sáng tạo trong học tập, làm bài tập.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Phân tích và đánh giá tài nguyên nước dưới đất	- Về kiến thức: Áp dụng được các kiến thức cơ bản để giải quyết được các vấn đề liên quan đến sự vận động của nước dưới đất. Ngoài ra trình bày được một số mô hình mô phỏng mô hình hóa các quá trình hình thành, chuyển động và lưu trữ nước	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		dưới đất cũng như sự lan truyền chất ô nhiễm trong nước ngầm và ứng dụng mô hình giải quyết các bài toán chuyên ngành tài nguyên nước. - Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức đã học để đánh giá điều tra nước ngầm, xử lý kết quả thí nghiệm. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên hình thành thái độ nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập, thực hành và làm bài tập.			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Quản lý chất lượng nước	- Về kiến thức: Xử lý, phân tích được các số liệu về chất lượng nước để xác định được các công việc cần làm khi thực hiện các dự án quy hoạch quản lý chất lượng nước. - Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng được các kiến thức đã học để thiết kế và xây dựng được một dự án quản lý chất lượng nước theo hướng bền vững. - Về đạo đức nghề nghiệp: Trung thực, có tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức tự học nâng cao.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Quản lý tổng hợp lưu vực sông	- Về kiến thức: Vận dụng được các kiến thức quản lý lưu vực sông đặc biệt là quản lý tài nguyên nước, qua đó phân tích được các vấn đề đang đặt ra khi quản lý các lưu vực sông và từ đó lựa chọn giải pháp để quản lý tổng hợp lưu vực sông. - Về kỹ năng: Vận dụng được các kiến thức lý thuyết quản lý tổng hợp tài nguyên nước trên mối liên hệ với các tài nguyên khác trên lưu vực sông, áp dụng được các giải pháp, chủ chương, chính sách quản lý nhà nước về tài nguyên nước vào để quản lý tổng hợp lưu vực sông cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: Ý thức học tập tốt nâng cao kiến thức ngành, có tinh thần trách nhiệm, trung thực.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về quản lý tài nguyên nước và quản lý tài nguyên nước trên quan điểm tổng hợp. - Về kỹ năng: Vận dụng được những lý thuyết chung về quy hoạch và quản lý tổng hợp tài nguyên nước vào bài toán thực tế trong quản lý tài nguyên nước. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tác phong: tỉ mỉ, chính xác, trung thực; Tích	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.			Tự luận
12	Quan trắc tài nguyên nước	- Về kiến thức: Trình bày được cái thuật ngữ trong lĩnh vực quan trắc; giải thích được ý nghĩa vai trò của quan trắc trong đánh giá dự báo và quản lý Tài nguyên nước; vận dụng được nguyên tắc, phương pháp thiết kế mạng lưới quan trắc và giám sát Tài nguyên nước; - Về kỹ năng: Thao tác đo đạc, quan trắc bằng thủ công và thiết bị tự động ngoài hiện trường; biết chỉnh lý, hiệu chỉnh số liệu quan trắc, thành lập bản đồ quan trắc; xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình chuẩn bị và thực hành quan trắc; - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên hình thành thái độ nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập, thực hành và làm bài tập.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
13	Thực tập điều tra tài nguyên nước	- Về kiến thức: Trình bày được nguyên lý khảo sát, đo đạc, xử lý được các kết quả khảo sát đo đạc, lập báo cáo điều tra đánh giá tài nguyên nước. - Về kỹ năng: Thành thạo các thao tác kỹ năng ngoài thực địa như sử dụng dụng cụ đo đạc phục vụ điều tra: GPS, địa bàn, thước dây, búa, máy đo lưu tốc kế cầm tay, ván đo; biết tổ chức liên hệ công tác địa phương: làm giấy giới thiệu, công văn, các thủ tục xin phép khác trước khi tiến hành điều tra; Chuẩn bị dụng cụ tư trang cá nhân cần thiết như: quần áo bảo hộ, găng tay, mũ, ủng, áo mưa, ô, lương khô (nếu phải đi qua trưa) và các nhu yếu phẩm khác thuộc men cơ bản. - Về đạo đức nghề nghiệp: Trung thực trong điều tra, chăm chỉ cần cù ngoài thực tế	3	Học kỳ II	Đánh giá quá trình thực tập: trọng số 50% Chấm báo cáo thực tập: trọng số 50% Hình thức thi: báo cáo
14	Tiếng Anh chuyên ngành	- Về kiến thức: + Trình bày được bằng tiếng Anh một số chủ đề thông dụng liên quan đến chuyên ngành Tài nguyên nước. + Vận dụng được các thuật ngữ sử dụng trong các tài liệu chuyên ngành. + Áp dụng được các kiến thức ngữ pháp được cung cấp kèm theo các bài đọc. + Vận dụng được kiến thức ngữ pháp cơ bản và một phần nâng cao phục vụ cho những tình huống giao tiếp hàng ngày	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		trong công việc và trong các cuộc hội thảo về chuyên ngành tài nguyên nước. + Có đủ vốn từ để đọc hiểu các văn bản chuyên ngành có độ khó trung bình và nâng cao. - Về các kỹ năng ngôn ngữ: + Đọc hiểu các đoạn văn bản, các bài báo khoa học về chuyên ngành TNN. + Rèn luyện kỹ năng đọc lướt nhanh để lấy thông tin chính cho các bài tập đọc hiểu và đọc kỹ để lấy thông tin chi tiết. + Có khả năng phân tích thông tin trong các tài liệu có liên quan đến chuyên ngành TNN. + Xác định được các kết luận chính được chỉ rõ ra trong các bài báo, thông tư hay đoạn văn. + Có khả năng dịch các đoạn văn có chứa thuật ngữ chuyên ngành TNN + Có khả năng phát âm chuẩn các thuật ngữ chuyên ngành. + Trình bày được ý kiến về một vấn đề liên quan đến chuyên ngành TNN bằng tiếng Anh + Mô tả đơn giản, chi tiết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực TNN. + Làm việc theo cặp và nhóm một cách hiệu quả. + Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho môn học chuyên ngành TNN. + Thuyết trình trước lớp về một chủ đề liên quan tới chuyên ngành TNN. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Xây dựng tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập. + Xây dựng tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn; + Xây dựng tính tự giác khi trung thực trong học tập và trong thi cử; + Xây dựng tính tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học;			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
15	Tính toán và dự báo nhu cầu sử dụng nước	- Về kiến thức: Vận dụng được những kiến thức cơ bản về tài nguyên nước, sử dụng được các công cụ tính toán sử dụng nước. - Về kỹ năng: Tính toán được nhu cầu sử dụng nước cho các ngành kinh tế quốc dân, Vận dụng được các phương pháp tính toán và dự báo nhu cầu nước cho một số khu vực cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tác phong: tỉ mỉ, chính xác, trung thực, Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
16	Viễn thám trong Tài nguyên nước	- Về kiến thức: Trình bày được kiến thức tổng quan về viễn thám, bộ cảm biến và vệ tinh viễn thám; Phân biệt được các loại ảnh viễn thám (ảnh quang học, ảnh hồng ngoại và ảnh radar); trình bày được khái niệm, nguyên lý hoạt động, đặc điểm hình học, khả năng ứng dụng của các loại ảnh nói trên; các phương pháp xử lý ảnh viễn thám; thuật toán phân loại ảnh viễn thám; Giải thích được các công đoạn trong quy trình giải đoán và xử lý ảnh viễn thám; - Về kỹ năng: + Vận dụng được các chỉ số thống kê, hiển thị và tăng cường chất lượng ảnh, đăng ký tọa độ ảnh và thực hiện các phép biến đổi ảnh đơn giản; Chọn được vùng mẫu, chọn thuật toán thích hợp để tiến hành phân loại; đánh giá và ứng dụng kết quả đạt vào một vấn đề cụ thể; Vận dụng được phương pháp cập nhật thông tin cần thiết từ ảnh viễn thám để thành lập bản đồ chuyên đề và hiện chỉnh bản đồ địa hình. Sử dụng được các thuật toán khác nhau trong công tác xử lý ảnh viễn thám; Thực hiện được bài toán chuyển đổi hệ tọa độ trong đo ảnh, xác định quy luật biến dạng hình ảnh trên ảnh hàng không quang học. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tác phong: cẩn thận, chính xác, trung thực; Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3. HỆ DH7					
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	- Về kiến thức: Trình bày được cơ sở khoa học hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; phân tích được những nội dung cơ bản và giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh, đối với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		xây dựng bảo vệ Tổ quốc trong các gia đoạn của cách mạng Việt Nam. - Về kỹ năng: vận dụng lí luận, phương pháp và phương pháp luận của Hồ Chí Minh để nghiên cứu, phân tích các vấn đề chính trị, xã hội của Việt Nam và thế giới. - Về đạo đức nghề nghiệp: Bồi dưỡng, hun đúc lòng yêu nước và các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, nâng cao lòng tự hào về Bác Hồ, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, xây dựng lý tưởng sống cao đẹp, biến lý tưởng thành hành vi cụ thể trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.			số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Áp dụng được các kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực giúp gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng được các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
3	Cơ sở khoa học môi trường	- Về kiến thức: có khả năng trình bày được những kiến thức cơ bản về môi trường và khoa học môi trường: Các khái niệm cơ bản về tài nguyên và môi trường, các thành phần môi trường...; Phân tích được các vấn đề ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí, các vấn đề nền tảng liên quan tới môi trường như dân số, năng lượng, lương thực. - Về kỹ năng: vận dụng được những kiến thức cơ sở về môi trường cần thiết để tiếp cận học các môn chuyên ngành. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có thái độ đúng đắn với môi trường sống, yêu ngành nghề, nâng cao trách nhiệm của bản thân với môi trường.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Cơ sở về mạng lưới cấp, thoát nước	- Về kiến thức: + Trình bày được khái niệm cơ bản về mạng lưới cấp, thoát nước; + Đọc và biết được các bước tính toán, thiết kế mạng lưới cấp, thoát nước. - Về kỹ năng: Thiết kế được một mạng lưới cấp, thoát nước đô thị. - Về đạo đức nghề nghiệp: nghiêm túc, tự giác, cần cù, chăm chỉ, cẩn thận, tỉ mỉ và biết phát huy tính sáng tạo.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Địa chất đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về nguồn gốc trái đất; phân loại và sơ bộ nắm được quá trình hình thành ba loại đá chính; có khái niệm đại cương về khoáng vật, phân biệt được quá trình địa chất nội lực, ngoại lực; Hiểu và phân biệt được các quá trình liên quan đến sự thành tạo vỏ phong hóa - thổ nhưỡng. - Về kỹ năng: Vận dụng được lý thuyết đã học vào thực tế Chuyên ngành Kỹ thuật Địa chất. Có khả năng phân tích, sử dụng các kiến thức đã được cung cấp làm cơ sở học tiếp các môn học sau.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về đạo đức nghề nghiệp: + Có phẩm chất đạo đức tốt, yêu ngành, yêu nghề, trách nhiệm công dân cao; + Có ý thức về việc bảo vệ môi trường chung của Trái đất; Sáng tạo trong công tác.			
6	Động lực học dòng sông	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về các quy luật chuyển động và cân bằng động lực của nước và bùn cát trong sông, cửa sông; các quy luật cùng các phương pháp tính vận chuyển bùn cát và diễn biến dòng sông ở trạng thái tự nhiên cũng như sau khi có sự không chế của các công trình xây dựng trên sông; - Về kỹ năng: Biết phân tích, sử dụng các phương trình động lực đối với các chuyển động của nước, lòng sông và bùn cát vào mô hình toán thủy văn. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, trung thực, chăm chỉ, yêu và gắn bó với nghề nghiệp.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Hoá học trong tài nguyên nước	- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được các khái niệm cơ bản về nước tự nhiên, nguồn gốc phát sinh, vận động và các đặc tính của nước tự nhiên. Xác định các chỉ tiêu hóa học phục vụ công tác phân tích, đánh giá chất lượng nước. - Về đạo đức nghề nghiệp: Ý thức học tập tốt, chăm chỉ, cẩn thận. có tinh thần trách nhiệm, trung thực.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Phân tích thống kê trong tài nguyên nước	Về kiến thức: Phân tích, xử lý số liệu, xác định được các chuỗi số, các luật phân bố và các đường tần suất trong tài nguyên nước. Xác định các quan hệ tương quan giữa các đặc trưng tài nguyên nước để thực hiện các bài toán trong tài nguyên nước.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Phân tích và đánh giá tài nguyên nước mặt	- Về kiến thức: Phân tích được dòng chảy mặt; Các đặc trưng cơ bản của dòng chảy mặt như dòng chảy năm, dòng chảy lớn nhất, dòng chảy nhỏ nhất, các quy luật biến đổi của chúng theo thời gian, theo không gian; Vận dụng được lý thuyết để	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		đánh giá tài nguyên nước mặt cho một lưu vực, một khu vực cụ thể. - Về kỹ năng: Sinh viên tính toán xác định các quy luật dòng chảy mặt, tính thành thạo các đặc trưng dòng chảy mặt cũng như các yếu tố có liên quan, biết giải quyết tốt bài toán đánh giá tài nguyên nước mặt. - Về đạo đức nghề nghiệp: Ý thức học tập tốt nâng cao kiến thức ngành, có tinh thần trách nhiệm, trung thực.			Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Quản lý dữ liệu tài nguyên nước	- Về kiến thức: Người học phân tích được khái niệm cơ sở dữ liệu, khái quát được lịch sử phát triển quản lý dữ liệu và các công cụ quản lý cơ sở dữ liệu. Đồng thời xây dựng được cơ sở dữ liệu và vận dụng được hệ thống thông tin địa lý vào quản lý dữ liệu tài nguyên nước. - Về kỹ năng: Sinh viên thực hành được các thao tác xử lý các loại dữ liệu GIS, tạo được Geodatabase, làm việc được với vector và raster và thành lập được các bản đồ chuyên ngành. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tác phong: tỉ mỉ, chính xác, trung thực. Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Tài nguyên nước dưới đất đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được các khái niệm về nguồn gốc, sự vận động, phát triển, phân bố và các tính chất vật lý, thành phần hóa học của các loại nước dưới đất trong vỏ quả đất. - Về kỹ năng: Xác định được các thông số cơ bản của môi trường chứa nước như hệ số thấm, tốc độ dòng thấm; đường thủy đẳng cao, đẳng áp, đường mặt nước ngầm. Quan trắc được nhiệt độ, chiều sâu mực nước ngầm. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện tác phong: tỉ mỉ, chính xác, trung thực; Tích cực tìm hiểu để dần trở nên yêu thích môn học, yêu thích ngành nghề.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
12	Thủy lực học	- Về kiến thức: Phân tích được qui luật chung về cân bằng và chuyển động của của chất lỏng cũng như các những kiến thức về phương pháp ứng dụng các qui luật cân bằng và chuyển động của chất lỏng (đặc biệt là nước); Phân tích được hiện tượng tổn thất trong dòng chảy qua đường ống, dòng chảy qua lỗ và vòi.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về kỹ năng: Áp dụng phương trình cơ bản chất lỏng cân bằng để giải các bài toán tĩnh học, xác định áp lực của chất lỏng; Thành lập được phương trình Bernoulli cho chất lỏng chuyển động để tính các yếu tố động lực học; Tính tổn thất cột nước trong chuyển động của chất lỏng, tính toán thủy lực cho dòng chảy qua lỗ, vòi, đường ống với những bài toán xảy ra thực tế. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập, thực hành và làm bài tập; Giải thích các hiện tượng động lực của dòng chảy để học các môn chuyên ngành tiếp theo, nâng cao tính tích cực trong học và tự học.			Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
13	Thủy văn đại cương	- Về kiến thức: Sinh viên trình bày và phân tích được các khái niệm cơ bản nhất về thủy văn học; Tuần hoàn, cân bằng nước trên trái đất; Sự hình thành và tính toán dòng chảy trong sông; Sự diễn biến lòng sông; Chế độ thủy văn vùng sông ảnh hưởng thủy triều; Hồ và đầm lầy. - Về kỹ năng: Áp dụng các quy luật thủy văn để nghiên cứu diễn biến lòng sông, thiết lập được phương trình cân bằng nước, tính toán các đặc trưng của sông và lưu vực sông, tính toán các đặc trưng dòng chảy, tính lượng mưa bình quân lưu vực. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn cho sinh viên đức tính cẩn thận, trung thực, tinh thần học tập và làm việc nghiêm túc, yêu nghề; luôn có ý thức khiêm tốn học hỏi và phát huy sáng kiến trong các hoạt động học tập.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
14	Thủy văn đồng vị	- Về kiến thức: + Trình bày được các khái niệm cơ bản và chuyên sâu về đồng vị trong tài nguyên nước + Giải thích được nguồn gốc nước bổ cấp, nguồn gốc các khoáng chất trong nước + Áp dụng được các kỹ thuật đồng vị trong nghiên cứu nguồn gốc nước dưới đất, mối quan hệ thủy lực giữa nước mặt và nước ngầm, bảo vệ nguồn tài nguyên nước dưới đất. - Về kỹ năng: Sinh viên có được kỹ năng phân tích, xử lý số liệu về tỷ số đồng vị môi trường của nước (d_2H, $d_{18}O$, $d(3H)$),	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		của một số thành phần hóa học tan trong nước (d13C, d15N, d32S). - Về đạo đức nghề nghiệp: Chăm chỉ, chịu khó, cẩn thận, năng động, có tính tập thể (hoạt động theo nhóm), tích cực trong học và tự học.			
15	Trắc địa đại cương	- Về kiến thức: Phân tích và trình bày được những khái niệm như : Các mặt thủy chuẩn, các hệ tọa độ trên mặt cầu, các loại góc phương vị, so sánh được các mặt thủy chuẩn và các góc phương vị; Nêu được nội dung phương pháp đo góc bằng, góc đứng, khoảng cách, chênh cao, đo cao GNSS; Trình bày được tính năng, tác dụng của các loại máy kinh vĩ, máy toàn đạc điện tử, máy thủy chuẩn; Phân loại và nêu được đặc điểm các dạng lưới khống chế trắc địa; Nêu được đặc điểm lưới khống chế trắc địa ở vùng hồ chứa nước, vùng đập ngăn nước, các tuyến kênh mương. - Về kỹ năng: Xác định được các loại góc phương vị dùng trong trắc địa và xây dựng được công thức thể hiện mối quan hệ giữa các loại góc phương vị đó; Sử dụng được máy đo vào công tác đo góc, đo khoảng cách, đo chênh cao để xây dựng bản đồ, bình đồ phục vụ cho công tác điều tra, khảo sát và xây dựng các công trình trong ngành Thủy văn; Ghi chép, tính toán và xử lý được kết quả đo góc, đo khoảng cách, đo chênh cao; Thiết kế được lưới khống chế mặt bằng, lưới khống chế độ cao hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật; Tính toán và bình sai gần đúng được lưới đường chuyền, lưới khống chế độ cao hạng IV và thủy chuẩn kỹ thuật; Tính toán được các bài toán giao hội xác định vị trí điểm; Thành lập được bản đồ, bình đồ và mặt cắt địa hình bằng phương pháp toàn đạc và phương pháp GNSS; Sử dụng được bản đồ địa hình, vận dụng vào chuyên môn trong thủy văn. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có thái độ trung thực, cẩn thận và nghiêm túc trong công việc; Sinh viên tích cực học tập và tự học, tự tìm tài liệu để nghiên cứu, rèn luyện nâng cao trình độ về mọi mặt; Sinh viên có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội, chấp hành pháp luật của Nhà nước,	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		có phẩm chất đạo đức tốt, tư duy sáng tạo và có trách nhiệm cao trong công việc.			
4. HỆ DH8					
1	Toán cao cấp 2	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: Hàm số nhiều biến số, Cực trị của hàm nhiều biến, Tích phân của hàm nhiều biến: Tích phân 2 lớp, tích phân 3 lớp, tích phân đường loại 1 và tích phân đường loại 2, Phương trình vi phân cấp một và phương trình vi phân cấp 2 làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	- Về kiến thức: Trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học. - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Pháp luật đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống. - Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.			
4	Tin học đại cương	- Về kiến thức: Trình bày những kiến thức chung về công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính và internet. - Về kĩ năng: Sinh viên có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng tin học văn phòng như soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính excel và thuyết trình bằng phần mềm trình diễn powerpoint, truy cập internet thành thạo. - Về đạo đức nghề nghiệp: Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, làm các bài tập về nhà để nâng cao tinh thần tự học.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
5	Địa lý tự nhiên	Trình bày được phương pháp tiếp cận các tổng hợp thể lãnh thổ tự nhiên khu vực và Việt Nam; phân tích và so sánh được về các mối quan hệ tác động trong tổng hợp thể lãnh thổ tự nhiên và ảnh hưởng của chúng đến sản xuất và đời sống của con người.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Hóa học đại cương	- Về kiến thức: + Phát biểu được các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, đồng thời trình bày được các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương. + Vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo. - Về kĩ năng: + Áp dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các dạng bài tập trong chương trình. + Áp dụng kiến thức đã học vào các hoạt động thực tiễn có liên quan đến hoá học. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Hình thành ý thức tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		+ Trau dồi khả năng vận dụng kiến thức của các môn học có liên quan với nhau.			
7	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Phát triển được các kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực, giúp gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
8	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	- Về kiến thức: Trình bày và Giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học. - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Toán cao cấp 1	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích như: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương, các mặt bậc hai, hàm số một biến số làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình toán cao cấp. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Vật lý đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về cơ học, nhiệt học, điện học, quang học, vật lý lượng tử..., từ đó sinh viên biết phân tích và giải thích được sự vận động khách quan của sự vật hiện tượng trong đời sống và làm cơ sở tiếp thu trong từng chuyên ngành cụ thể. - Về kỹ năng: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng học tập theo nhóm; phương pháp học tập cá nhân như: nghe giảng, ghi chép, làm bài tập trên lớp và ở nhà; phương pháp học và tự học; kỹ năng tư duy khoa học. - Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực học tập và tự học, tự tìm hiểu tài liệu để nghiên cứu thêm và ứng dụng vào ngành nghề cụ thể.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
11	Hóa học đại cương	- Về kiến thức: + Phát biểu được các khái niệm cơ bản về cơ sở lý thuyết các quá trình hóa học, đồng thời trình bày được các công thức, các đại lượng quan trọng trong nội dung kiến thức của từng chương. + Vận dụng được các kiến thức lý thuyết về Hóa học đại cương vào lĩnh vực chuyên môn mà sinh viên sẽ được đào tạo. - Về kỹ năng: + Sinh viên áp dụng được những kiến thức lý thuyết đã học để giải quyết các dạng bài tập trong chương trình. + Áp dụng kiến thức đã học vào các hoạt động thực tiễn có liên quan đến hoá học. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Hình thành ý thức tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên. + Trau dồi khả năng vận dụng kiến thức của các môn học có liên quan với nhau.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

XVII. Ngành Luật

1. HỆ DH8

1	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Về kiến thức: Trình bày được khái niệm, chức năng, các loại hình văn bản và giá trị thông tin trong văn bản. Vận dụng được quy trình soạn thảo, ban hành, quản lý và những nguyên tắc trong việc khai thác thông tin văn bản. Xác định được trong trường hợp nào thì sử dụng thể loại văn bản nào, đồng thời phân biệt được sự khác nhau giữa bản chất và quy trình xây dựng văn bản pháp luật với văn bản hành chính thông dụng. - Về kỹ năng: Phân tích được tình hình, xác định thể thức và soạn thảo được các loại văn bản hành chính thông dụng phù hợp với yêu cầu công tác. Nhận diện và xây dựng được các loại văn bản hiện đang được sử dụng trong hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức ở Việt Nam và giá trị thông tin của các văn bản đó. Nhận thức và vận dụng được cách tổ chức khoa học và bảo quản các văn bản, giấy tờ của cơ quan một cách khoa học, nhằm cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết cho hoạt động quản lý. Xây dựng được một số văn bản quản lý thông dụng. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nhận thức được đúng đắn về vai trò của văn bản	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		pháp luật nói chung, văn bản hành chính nói riêng để luôn có ý thức xây dựng những văn bản mang tính chính xác, chuẩn mực. Phát hiện được những sai sót (về nội dung và hình thức) trên các văn bản hành chính thông dụng đồng thời luôn có ý thức phấn đấu, hoàn thiện kiến thức và kỹ năng của bản thân trong việc soạn thảo văn bản, phục vụ cho thực tiễn cuộc sống, công tác. Nhận thức được một cách đúng đắn về vai trò của VBPL và hoạt động xây dựng VBPL trong quản lý nhà nước. Hình thành và vận dụng được kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm, kỹ năng tư duy, sáng tạo, khám phá, tìm tòi, kỹ năng đánh giá và tự đánh giá, kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều khiển, kiểm tra hoạt động làm việc nhóm, lập mục tiêu, phân tích chương trình.			
2	Lịch sử nhà nước pháp luật Thế giới	- Về kiến thức: Trình bày được kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển, thay thế của các kiểu nhà nước và pháp luật ở các khu vực và một số nước qua các thời kì lịch sử. Trình bày được kiến thức cơ bản bao gồm: Quá trình hình thành và phát triển nhà nước và pháp luật; Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước của một số nhà nước điển hình; Hình thức chính thể nhà nước của một số nhà nước điển hình; Những nội dung cơ bản của pháp luật ở một số quốc gia điển hình... Trình bày được quá trình hình thành và phát triển của nhà nước và pháp luật trên thế giới, vai trò của nhà nước và pháp luật trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể đối với xã hội loài người nói chung và đối với từng quốc gia nói riêng. Đặc biệt, hệ thống được các tri thức của khoa học lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới để nhận thức đúng đắn và sâu sắc hơn về nhà nước và pháp luật hiện đại. - Về kỹ năng: Hình thành và vận dụng được kỹ năng tìm kiếm, thu thập, hệ thống hoá, tổng hợp và xử lý các nguồn sử liệu một cách khoa học, khách quan; Vận dụng được cách làm việc độc lập và liên kết theo nhóm với tinh thần hợp tác và xây dựng; Vận dụng được kiến thức lịch sử về nhà nước và pháp luật để phân tích, đánh	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		giá các vấn đề lí luận và thực tiễn, đưa ra được các ý kiến cá nhân về các vấn đề trong đời sống nhà nước và pháp luật hiện nay. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nhận thức được đúng đắn trong việc nhìn nhận, đánh giá các hiện tượng chính trị, pháp lí trong đời sống xã hội; Hình thành và vận dụng được tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên; Xác định được vị trí, vai trò của môn học lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới trong hệ thống các môn học của chương trình đào tạo cử nhân luật. Vận dụng phát triển được các kĩ năng cộng tác, làm việc nhóm, tư duy, sáng tạo, khám phá, tìm tòi, đánh giá và tự đánh giá, kĩ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lí...			
3	Lịch sử nhà nước pháp luật Việt Nam	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản, hệ thống về quá trình hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật ở Việt Nam trong tiến trình lịch sử. Trình bày được sự kế thừa và phát triển những giá trị truyền thống về nhà nước và pháp luật qua các thời kì lịch sử. - Về kĩ năng: Xây dựng và phát triển được cho sinh viên kĩ năng tìm kiếm, thu thập, hệ thống hoá, tổng hợp và xử lí các nguồn sử liệu một cách khoa học, khách quan. Vận dụng được cách làm việc độc lập và liên kết theo nhóm với tinh thần hợp tác và xây dựng. Vận dụng được kiến thức lịch sử về nhà nước và pháp luật để phân tích, đánh giá các vấn đề lí luận và thực tiễn, đưa ra được các ý kiến cá nhân về các vấn đề trong đời sống nhà nước và pháp luật hiện nay. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nhận thức được việc trân trọng, giữ gìn, bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống về văn hoá chính trị-pháp lí trong lịch sử Việt Nam. Phát hiện được yếu tố tiêu cực trong quá trình phát triển của lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam. Vận dụng được các kiến thức đã học để liên thông với các môn khoa học tiếp theo. Xây dựng và phát triển được kĩ năng cộng tác, làm việc nhóm; tư duy sáng tạo, khám phá, tìm tòi, bình luận, thuyết trình trước công chúng, lập kế hoạch, tổ chức, quản lí, điều khiển, theo	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		dôi kiểm tra hoạt động, làm việc nhóm, lập mục tiêu, phân tích chương trình. Hình thành và nâng cao được năng lực đánh giá và tự đánh giá.			
4	Logic đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về lôgic học, giải thích và áp dụng lý thuyết để giải được các bài tập logic cơ bản - Về kỹ năng: Vận dụng logic vào việc nghiên cứu, học tập để hình thành và phát triển tư duy khoa học và hoạt động nghề nghiệp trong tương lai. - Về đạo đức, nghề nghiệp: + Xây dựng được thói quen tư duy lôgic; + Hình thành thái độ khách quan, khoa học trong nhận thức sự vật hiện tượng.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Môi trường và phát triển	- Về kiến thức: Trình bày được những nội dung về môi trường, phát triển và mối quan hệ giữa môi trường và phát triển để từ đó có nhận thức đúng đắn về tính tất yếu của phát triển bền vững. - Về kỹ năng: Xây dựng và phát triển được năng lực thu thập thông tin về các vấn đề liên quan đến môi trường, phát triển, phát triển bền vững. - Về đạo đức nghề nghiệp: Ý thức được việc tôn trọng và hành xử theo quy luật tất yếu khách quan để đảm bảo phát triển bền vững ở Việt Nam.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	- Về kiến thức: Trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
7	Tâm lý học đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được bản chất và sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức, các quy luật của quá trình phát triển nhận thức và nhân cách. - Về kỹ năng: vận dụng kiến thức tâm lý học vào việc giải thích các hiện tượng tâm lý ở người trong hoạt động nhận thức, ứng xử và thực tiễn; xây dựng khả năng tự học, tự nghiên cứu và hình thành, phát triển tâm	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		lý, ý thức, nhân cách của bản thân. - Về đạo đức, nghề nghiệp: + Nhận diện được các loại sai lệch hành vi cá nhân, nguyên nhân và các biện pháp khắc phục chúng. + Hình thành thái độ đúng đắn đối với việc vận dụng kiến thức tâm lý vào trong cuộc sống và trong nghề nghiệp sau này			- Hình thức thi: Tự luận
8	Tin học Đại cương	-Về kiến thức: Trình bày những kiến thức chung về công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính và internet. - Về kĩ năng: Sinh viên có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng tin học văn phòng như soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính excel và thuyết trình bằng phần mềm trình diễn powerpoint, truy cập internet thành thạo. - Về đạo đức nghề nghiệp: Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, làm các bài tập về nhà để nâng cao tinh thần tự học.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Thực hành
9	Xã hội học đại cương	- Về kiến thức: Phát biểu được hệ thống các khái niệm cơ bản của xã hội học; trình bày được lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học. - Về kỹ năng: Vận dụng được một số kiến thức xã hội học vào phân tích thực tiễn xã hội. - Về đạo đức nghề nghiệp: Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm công dân cao, giáo dục ý thức sống làm việc theo pháp Luật.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	- Về kiến thức: trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
11	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
XVIII. Ngành Quản trị kinh doanh					
1. HỆ DH8					

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
1	Kinh tế vĩ mô	- Về kiến thức: Giải thích được các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô; lý thuyết, nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái và các chính sách của nền kinh tế mở. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích được các khái niệm, các nguyên lý cơ bản của nền kinh tế vĩ mô; các nhân tố quy định sản lượng, lạm phát và thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách nền kinh tế vĩ mô. + Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá được tình hình nền kinh tế vĩ mô: tổng cung, tổng cầu; lạm phát, thất nghiệp; hoạt động của các ngân hàng, các chính sách nền kinh tế... phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. + Kỹ năng tư duy: Có khả năng tư duy để áp dụng trong dự đoán và có định hướng phát triển cho nền kinh tế vĩ mô. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Xây dựng được thái độ yêu thích học phần, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô. + Nhận diện được tầm quan trọng của việc nhận xét, đánh giá nền kinh tế vĩ mô. Nghiên cứu nền kinh tế vĩ mô để phục vụ cho hoạt động kinh doanh.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Kỹ năng mềm	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về Kỹ năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm áp dụng phục vụ cho cuộc sống và thực tiễn. Bên cạnh đó, người học sẽ được trang bị các Kỹ năng cần thiết để có thể phát triển và duy trì các mối quan hệ, hoàn thiện về năng lực với các sự kiện phát sinh trong cuộc sống bằng thái độ tích cực. Ngoài ra, học phần Kỹ năng mềm còn giúp cho người học gia tăng khả năng cạnh tranh trong công việc và tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp trong tương lai. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Hiểu được những vấn đề cơ bản của kỹ năng mềm. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các Kỹ	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		năng giao tiếp, Kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng tìm kiếm việc làm để có được sự linh hoạt trong xử lý tình huống công việc, góp phần phát triển, củng cố các mối quan hệ cần thiết trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp tương lai. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành, người học có thể rèn luyện được Kỹ năng lãnh đạo, Kỹ năng giải quyết xung đột nhóm để có thể hợp tác hiệu quả với các thành viên khác. Biết cách phân chia công việc, tạo động lực cho các thành viên để nhóm đạt hiệu suất làm việc cao. + Kỹ năng tư duy: Từ việc xác định và biểu đạt vấn đề kết hợp với những phân tích về đặc điểm, phương tiện áp dụng có thể đưa ra những biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm trong đời sống hàng ngày cũng như trong công việc.			
3	Marketing căn bản	- Về kiến thức: Trình bày được các vấn đề căn bản về Marketing như: Một số khái niệm cơ bản về marketing, vai trò, chức năng và phân loại marketing; Xác định thị trường mục tiêu và phân khúc thị trường; Phân tích được hành vi của khách hàng; Các công cụ để hoạch định chiến lược Marketing như: chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Phân tích các yếu tố cấu thành hoạt động Marketing của doanh nghiệp; Phân tích được quá trình phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và có các quyết định định vị phù hợp; Phân tích được hành vi của khách hàng qua đó có thể áp dụng chiến lược marketing mix phù hợp. + Kỹ năng nghề nghiệp: Áp dụng các công cụ của Marketing – mix nhằm thúc đẩy hình ảnh sản phẩm/ dịch vụ của doanh	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		nghiệp đến với người tiêu dùng, giúp doanh nghiệp tăng doanh thu, đạt được lợi nhuận cao hơn. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những phân tích, đánh giá về hoạt động Marketing giúp cho nhà quản lý đưa ra những chiến lược về sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến giúp tăng doanh thu, lợi nhuận cho doanh nghiệp. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được tầm quan trọng của công tác marketing trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn.			
4	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	- Về kiến thức: Trình bày và Giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
5	Tài chính - Tiền tệ	-Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính tiền tệ bao gồm những vấn đề cơ bản về tài chính như: Bản chất của tài chính, chức năng và vai trò của tài chính, nguồn tài chính và hệ thống tài; Khái niệm và vai trò của Ngân sách Nhà nước, vấn đề thu - chi và cân đối Ngân sách Nhà nước; Nắm được các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và lợi nhuận doanh nghiệp; những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Vận dụng được những vấn đề cơ bản về tài chính; các loại hình tổ chức trung gian và hoạt động của thị trường tài chính; Các vấn đề cơ bản về tài chính doanh nghiệp như vốn kinh doanh, nguồn vốn kinh doanh của doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, doanh thu và phân phối lợi nhuận cũng như những vấn đề cơ bản về tiền tệ và lưu thông tiền tệ, tín dụng, hệ thống ngân hàng, chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, quan hệ thanh toán và tín dụng quốc tế. + Kỹ năng nghề nghiệp: Phân tích được sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ, sự tác động của thị trường tài chính đến nền kinh tế và tài chính doanh nghiệp. Từ đó tìm ra các kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp và cho nền kinh tế. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, có ý thức tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Ý thức được chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi nâng cao kiến thức chuyên môn. + Ý thức được tầm quan trọng của việc phân tích và dự báo sự ảnh hưởng của sự biến động của thị trường tài chính – tiền tệ đến nền kinh tế và tình hình tài chính của các chủ thể trong nền kinh tế.			
6	Tin học Đại cương	- Về kiến thức: Trình bày những kiến thức chung về công nghệ thông tin, các phần mềm ứng dụng trong công tác văn phòng, mạng máy tính và internet. - Về kỹ năng: Sinh viên có thể sử dụng máy tính thông qua việc sử dụng các ứng dụng tin học văn phòng như soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính excel và thuyết trình bằng phần mềm trình diễn powerpoint, truy cập internet thành thạo.	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi:

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		- Về đạo đức nghề nghiệp: Tham gia đầy đủ các buổi học lý thuyết và thực hành, làm các bài tập về nhà để nâng cao tinh thần tự học.			Thực hành
7	Xác suất thống kê	- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được các bài toán cơ bản của xác suất như biến cố ngẫu nhiên và xác suất, đại lượng ngẫu nhiên, các bài toán ước lượng mẫu. - Về kỹ năng: Sinh viên phân tích và nhận diện được kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình. - Về đạo đức nghề nghiệp: hình thành thói quen tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
8	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	- Về kiến thức: trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin về Kinh tế chính trị và chủ nghĩa xã hội khoa học - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất.	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
9	Pháp luật đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản nhất về nhà nước, pháp luật nói chung và những nội dung cơ bản nhất của một số ngành luật chủ yếu trong hệ thống pháp luật Việt Nam. - Về kỹ năng: Phân tích được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam. So sánh được một số chế định pháp luật trong các ngành luật khác nhau. Qua đó, vận dụng được để giải quyết bài tập tình huống trên lớp và trong cuộc sống. - Về đạo đức, nghề nghiệp: Ý thức được việc tự giác học tập, nghiên cứu tài liệu; nâng cao được ý thức pháp luật, tôn trọng pháp luật, rèn luyện tác phong sống học tập và làm việc tuân theo pháp luật cho sinh viên.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Trắc nghiệm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
10	Kinh tế vi mô	- Về kiến thức: Giải thích được những kiến thức cơ bản về thị trường, cầu và cung hàng hóa; Lý thuyết về thị trường cạnh tranh hoàn hảo và thị trường cạnh tranh không hoàn hảo; Ứng xử của người sản xuất và ứng xử của người tiêu dùng; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường. - Về kỹ năng: + Kỹ năng nhận thức: Trình bày được những nguyên lý chung về kinh tế học; có khả năng áp dụng công cụ phân tích (kinh tế) cho các học phần sau. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng những kiến thức đã học có thể thực hành công việc đơn giản ở doanh nghiệp. + Kỹ năng làm việc nhóm: Thông qua thảo luận và bài tập thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Có thể đưa ra các vấn đề mới về công tác quản trị. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Xây dựng được thái độ yêu thích môn học, hứng thú với việc nghiên cứu nền kinh tế vi mô phục vụ cho hoạt động kinh doanh. + Phân tích được tầm quan trọng của từng tác nhân đối với sự phát triển của nền kinh tế.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
11	Quản trị học	- Về kiến thức: Nhân diện được những vấn đề cơ bản của quản trị, các chức năng của quản trị, các kỹ năng mà nhà quản trị cần phải có. + Kỹ năng nghề nghiệp: Vận dụng các kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức. + Kỹ năng làm việc với nhóm: Thông qua giờ thảo luận và thực hành rèn luyện được kỹ năng làm việc với nhóm và hợp tác với người khác. + Kỹ năng tư duy: Từ những kiến thức đã học, người học có thể nhận diện được cách quản trị một tổ chức sao cho hiệu quả, biết cách ứng phó với các tình huống quản trị trong thực tế. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Có niềm tin, thái độ học tập đúng đắn đối với môn học, tu dưỡng những phẩm chất đạo đức cá nhân cơ bản. + Xác định được tầm quan trọng của công tác quản trị trong công việc để có hướng phấn đấu trong công việc và trau dồi, nâng cao kiến thức chuyên môn	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

XIX. Ngành Khí tượng Thủy văn biển

1. HỆ ĐH6

1	Cơ sở kỹ thuật bờ biển	- Về kiến thức: sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về vùng bờ biển Việt Nam, như: quá trình thành tạo, phát triển của đường bờ biển, các yếu tố khí tượng, thủy và hải văn. Các vấn đề về hình thái, địa mạo, ô nhiễm vùng bờ, dòng chảy và tác động của các nhân tố này đến môi trường và các giải pháp nhằm quản lý bền vững vùng bờ biển. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đến vùng bờ biển. Các giải pháp bảo vệ vùng bờ biển. - Về kỹ năng: Sinh viên biết phân tích và vận dụng các kiến thức đã học vào trong thực tiễn. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập, yêu thích lĩnh vực khoa học về biển.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
2	Cơ sở sinh học và hệ sinh thái biển	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về sinh học biển, sinh thái học và các hệ sinh thái biển; Mô tả được đặc điểm sinh học của hệ sinh thái biển, tác động của con người, hiện trạng xu thế suy thoái tài nguyên biển. Từ đó áp dụng được mối quan hệ giữa sinh học, sinh thái học vào bảo vệ môi trường biển bền vững. - Về kỹ năng: Áp dụng được các biện pháp phòng ngừa và giải quyết một số vấn đề về suy thoái đa dạng sinh học và hệ sinh thái; Kỹ năng mềm: Kỹ năng thảo luận và làm việc theo nhóm. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập, chủ động nghiên cứu	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
3	Cơ sở tài nguyên và môi trường biển	- Về kiến thức: Trình bày được đặc điểm của nước biển và thạch quyển dưới đáy các đại dương; Phân tích và so sánh được ảnh hưởng của các nguồn ô nhiễm đến môi trường biển. Đồng thời, phân tích và so sánh được tầm quan trọng của các nguồn tài nguyên biển như sinh vật biển, năng lượng, khoáng sản và du lịch biển... Từ đó, đề xuất được các biện pháp khắc phục, bảo tồn tài nguyên và môi trường biển. - Về kỹ năng: Xác định được ảnh hưởng của các nguồn gây ô nhiễm biển đến nguồn tài nguyên biển. - Về thái độ, chuyên cần: Sinh viên nghiêm túc, kỉ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động trong học tập và có ý thức bảo vệ môi trường biển cũng như môi trường sống xung quanh chúng ta.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Dự báo ô nhiễm môi trường không khí và nước biển	- Về kiến thức: Trình bày được các quy luật phân bố, truyền tải vật chất ô nhiễm trong các điều kiện khí quyển và môi trường nước biển khác nhau để vận hành các mô hình dự báo ô nhiễm. Vận dụng những kiến thức về mô hình hoá toán, vật lý ứng dụng để mô hình hoá lớp biên khí quyển và lớp nước tầng nông ở biển nhằm đánh giá sự lan truyền và dự báo chất ô nhiễm phát thải từ các nguồn điểm. - Kỹ năng: Vận dụng các kiến thức cơ bản về mô hình toán để tìm hiểu các mô hình mô phỏng quá trình lan truyền ô nhiễm trong khí quyển và mô hình lan truyền ô nhiễm dầu trong các vùng nước biển. Sinh	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		vận dụng được các kỹ năng khai thác các mô hình dự báo ô nhiễm điểm và ô nhiễm trường khi phải tiếp cận các bài toán đánh giá ô nhiễm từ một điểm và ô nhiễm từ nhiều điểm khác tới khu vực nghiên cứu. - Về thái độ: nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, năng động, sáng tạo trong học tập, đi học và làm bài tập đầy đủ.			
5	Hóa học biển	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về thành phần hoá học nước biển; giải thích được quá trình thành tạo, tồn tại, biến đổi và môi tương tác của các hợp phần hoá học trong biển dưới ảnh hưởng của các quá trình vật lý, hoá học, sinh học hải dương. - Về kỹ năng: Phân tích, đánh giá dữ liệu về hàm lượng các hợp chất hóa học trong nước biển; trình bày được dữ liệu về hàm lượng các hợp chất hóa học trong nước biển trên đồ thị; tính toán chuyển đổi nồng độ các hợp phần hóa học trong nước biển. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, tích cực xây dựng bài, năng động, sáng tạo trong học tập, đi học và làm bài tập đầy đủ, bảo vệ môi trường biển cũng như môi trường sống xung quanh.	2	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
6	Khảo sát khí tượng thủy văn biển	- Về kiến thức: Mô tả được được cấu tạo, nguyên lý hoạt động và cách sử dụng thiết bị đo các yếu tố khí tượng hải văn và môi trường biển; trình bày được các quy phạm về quan trắc khí tượng hải văn. - Về kỹ năng: Sử dụng được các thiết bị đo khí tượng theo Quy phạm quan trắc khí tượng, thủy văn và hải văn. Sinh viên tháo lắp, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị đo khí tượng và lắp đặt các thiết bị đo tại trạm khí tượng, thủy văn và hải văn thành thạo. - Về đạo đức nghề nghiệp: Thái độ, chuyên cần: rèn luyện sự cần cù, chăm chỉ và sáng tạo trong học tập và ngành nghề	3	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
8	Tiếng Anh chuyên ngành	- Về kiến thức ngôn ngữ + Ngữ pháp: Vận dụng được kiến thức ngữ pháp cơ bản phục vụ cho những tình huống giao tiếp hàng ngày, trong công việc và trong các cuộc hội thảo về chuyên ngành Khí tượng Thủy văn Biển. + Từ vựng: Có đủ vốn từ để đọc hiểu các văn bản chuyên ngành Khí tượng Thủy văn Biển có độ khó trung bình. - Về các kỹ năng ngôn ngữ + Kỹ năng đọc: Áp dụng được vốn từ vựng chuyên ngành và các kỹ năng đọc để hoàn thành các nhiệm vụ đọc, hiểu được nội dung các tài liệu chuyên môn. + Kỹ năng nói: Giao tiếp tương đối thành thạo về các chủ đề quen thuộc thuộc lĩnh vực chuyên môn. + Kỹ năng viết: Mô tả đơn giản, chi tiết về các chủ đề quen thuộc trong lĩnh vực Khí tượng Thủy văn Biển. - Các nhóm kỹ năng khác + Nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Anh + Nâng cao kỹ năng tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet, báo chí để phục vụ cho môn học chuyên ngành của mình. - Đạo đức nghề nghiệp + Xây dựng tinh thần chủ động trong công việc thông qua hoạt động tự học, tự sưu tầm, tự nghiên cứu các tài liệu bằng tiếng Anh liên quan đến các chủ đề học tập. + Xây dựng tính kỷ luật khi thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các nhiệm vụ học tập được giao; + Xây dựng tính tự giác, trung thực trong học tập và trong thi cử; + Xây dựng tinh thần tập thể khi tích cực tham gia các hoạt động nhóm, cặp, sẵn sàng chia sẻ thông tin khi thực hiện các nhiệm vụ theo bài học.	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
9	Tin học ứng dụng	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản Về ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực thủy động lực biển. - Về kỹ năng: Vận dụng được phương pháp mô hình, lập trình, tiếp cận các hệ thống trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong khí tượng thủy văn biển và mô tả được một số phần mềm mô hình mô phỏng trong lĩnh vực trên. - Về đạo đức nghề nghiệp: Rèn luyện thái độ nghiêm túc, logic, tính mềm dẻo trong giải quyết các vấn đề ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực khoa học biển	4	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
10	Tính toán, dự báo các yếu tố động lực biển 1	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản Về lý thuyết và các phương pháp tính toán và dự báo sóng biển, dòng chảy biển. Thao tác sử dụng các mô hình số trị hiện tại đang được áp dụng, cũng như phương pháp đánh giá kết quả tính toán và thiết lập bản tin dự báo sóng biển và dòng chảy biển. - Về kỹ năng: Phân tích, lựa chọn và sử dụng các phương pháp tính toán và dự báo, thành thạo quy trình tính toán và thiết lập bản tin dự báo sóng biển, dòng chảy biển. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động, sáng tạo trong Học tập, thực hành và làm bài tập.	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
11	Tính toán, dự báo các yếu tố động lực biển 1	- Về kiến thức: sinh viên trình bày được các kiến thức cơ bản Về lý thuyết và các phương pháp tính toán và dự báo sóng biển, dòng chảy biển. Thao tác sử dụng các mô hình số trị hiện tại đang được áp dụng, cũng như phương pháp đánh giá kết quả tính toán và thiết lập bản tin dự báo sóng biển và dòng chảy biển. - Về kỹ năng: sinh viên phân tích, lựa chọn và sử dụng các phương pháp tính toán và dự báo, thành thạo quy Trình tính toán và thiết lập bản tin dự báo sóng biển, dòng chảy biển. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động, sáng	4	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		tạo trong Học tập, thực hành và làm bài tập.			- Hình thức thi: Tự luận
12	Tính toán, dự báo các yếu tố động lực biển 2	- Về kiến thức: Trình bày được các kiến thức cơ bản về lý thuyết và các phương pháp tính toán và dự báo sóng biển, mực nước biển, thủy triều, thao tác sử dụng các mô hình số trị hiện tại đang được áp dụng trong dự báo cũng như phương pháp đánh giá kết quả tính toán và thiết lập bản tin dự báo. - Về kỹ năng: Phân tích, lựa chọn và sử dụng các phương pháp tính toán và dự báo, thành thạo quy trình tính toán và thiết lập bản tin dự báo. - Về đạo đức nghề nghiệp: Nghiêm túc, kỷ luật, chăm chỉ, tích cực, năng động, sáng tạo trong học tập, thực hành và làm bài tập.	4	Học kỳ II	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau: - 02 đầu điểm hệ số 1 - 01 điểm hệ số 2: Điểm thi giữa kỳ Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2. HỆ DH8					
1	Đại số	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về đại số tuyến tính như: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, không gian véc tơ và dạng toàn phương, các mặt bậc hai làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Sinh viên phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính toán và thực hành các bài toán trong chương trình đại số. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
2	Giải tích 1	- Về kiến thức: Sinh viên trình bày được những kiến thức cơ bản về giải tích như: các hàm số lượng giác ngược, quy tắc Lôpitan, tích phân suy rộng, chuỗi số, chuỗi hàm, hàm số nhiều biến số, cực trị của hàm nhiều biến làm cơ sở cho việc học các môn chuyên ngành và lên trình độ cao hơn. - Về kỹ năng: Sinh viên phân tích và nhận diện được những kỹ năng cơ bản để nhận dạng, phân loại, giải quyết các bài tập, tính	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá SV
		toán và thực hành các bài toán trong chương trình giải tích. - Về đạo đức nghề nghiệp: Sinh viên có tính tự học, tự tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng các kết quả đã học vào các lĩnh vực chuyên môn đồng thời rèn luyện cho sinh viên tác phong làm việc khoa học.			
3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	- Về kiến thức: Trình bày và giải thích được những lý luận cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin Về triết học. - Về kỹ năng: vận dụng được một số vấn đề lý luận vào thực tiễn học tập và công tác. - Về đạo đức nghề nghiệp: + Góp phần xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên; + Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất	2	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận
4	Vật lý đại cương	- Về kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về cơ học, nhiệt học, điện học, quang học, vật lý lượng tử..., từ đó sinh viên biết phân tích và giải thích được sự vận động khách quan của sự vật hiện tượng trong đời sống và làm cơ sở tiếp thu trong từng chuyên ngành cụ thể. - Về kỹ năng: Rèn luyện những kỹ năng học tập theo nhóm; phương pháp học tập cá nhân như: nghe giảng, ghi chép, làm bài tập trên lớp và ở nhà; phương pháp học và tự học; kỹ năng tư duy khoa học. - Về đạo đức nghề nghiệp: Tích cực học tập và tự học, tự tìm hiểu tài liệu để nghiên cứu thêm và ứng dụng vào ngành nghề cụ thể.	3	Học kỳ I	Điểm đánh giá quá trình: Trọng số 40% Bao gồm: 02 đầu điểm, hệ số 1 Điểm thi kết thúc học phần: Trọng số 60% - Hình thức thi: Tự luận

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Bách khoa toàn thư địa chất	2016	Quyết định số 757/QĐ-TĐHHN ngày 06/3/2019
2	Định hướng quy hoạch không gian biển Phú Quốc - Côn đảo	2018	Quyết định số 757/QĐ-TĐHHN ngày 06/3/2019
3	Các phương pháp đánh giá khả năng tự bảo vệ nước dưới đất	2019	Quyết định số 2328/QĐ-TĐHHN ngày 03/7/2019
4	Khai thác, sử dụng hợp lý Tài nguyên nước dưới đất thành phố Hà Nội	2019	Quyết định số 2328/QĐ-TĐHHN ngày 03/7/2019

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
5	Ứng phó biến đổi khí hậu trong lĩnh vực tài nguyên nước	2019	Quyết định số 2328/QĐ-TĐHHN ngày 03/7/2019
6	Ảnh hưởng của chất DA CAM/DIOXIN đối với môi trường Việt Nam	2019	Quyết định số 2305/QĐ-TĐHHN ngày 02/7/2019
7	Xây dựng quy trình xác định hệ số phát thải các chất ô nhiễm không khí từ hoạt động đốt hờ rơm rạ tại Việt Nam	2019	Quyết định số 2329/QĐ-TĐHHN ngày 03/7/2019
8	Xây dựng phương pháp phân loại nấm lớn Việt Nam	2019	Quyết định số 2361/QĐ-TĐHHN ngày 04/7/2019
9	Bài tập Toán cao cấp	2018	Quyết định số 2560/QĐ-TĐHHN ngày 25/7/2019

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
A	Đại học				
KHỐI NGÀNH III					
I	Ngành Kế toán				
1	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xuất nhập khẩu Minh Tùng	Nguyễn Thị Phương	ThS. Giáp Minh Nguyệt Ánh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH xuất nhập khẩu Minh Tùng trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
2	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Phong Nam - shinhirose	Nguyễn Thị Thùy Ninh	TS. Nguyễn Hoàn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH Phong Nam - shinhirose trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
3	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần thủy sản Tân An	Nguyễn Trịnh Hải Ninh	TS. Nguyễn Hoàn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP thủy sản Tân An trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
4	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP thông tin và thẩm định giá Miền Nam, chi nhánh Hà Nội	Nguyễn Thị Linh Chi	TS. Nguyễn Hoàn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần thông tin và thẩm định giá Miền Nam, chi nhánh Hà nội trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
5	Đại học chính quy	Kế toán thanh toán tại chi nhánh công ty TNHH truyền thông và công nghệ Tiên Phong tại Hà Nội	Vũ Thanh Huyền	TS. Nguyễn Hoàn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và dự phòng nợ phải thu khó đòi. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại chi nhánh công ty TNHH truyền thông và công nghệ Tiên Phong tại Hà nội trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
6	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty cổ phần Việt Chuẩn	Nguyễn Thị Kiều Oanh	TS. Nguyễn Hoàn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP Việt Chuẩn trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					hợp lý và thực tiễn.
7	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Hùng Sang	Đào Thị Lánh	TS. Nguyễn Hoàn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH thương mại Hùng Sang trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
8	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty CP đầu tư Thiên Ân	Đỗ Thị Kim Oanh	ThS. Vũ Thị Hoàng Yến	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP đầu tư Thiên Ân trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
9	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP xây lắp và đầu tư Thái Linh	Bùi Thị Khánh Ly	TS. Nguyễn Hoàn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP xây lắp và đầu tư Thái Linh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
10	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP đầu tư thương mại dịch vụ Hoàng Kim	Phạm Thị Ngọc Ánh	TS. Nguyễn Hoàn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					dung tương ứng tại công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ Hoàng Kim trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
11	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP Viglacera Hữu Hưng	Nguyễn Thị Hằng Nga	TS. Nguyễn Hoàn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP Viglacera Hữu Hưng trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
12	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP giải pháp First Trust	Nguyễn Thanh Hà	TS. Nguyễn Hoàn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần giải pháp First Trust trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
13	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành công trình tại công ty CP xây dựng và Môi trường Hà Nội	Nguyễn Thị Phương	ThS. Giáp Minh Nguyệt Ánh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành công trình ở các doanh nghiệp xây lắp. Trên cơ sở đó phân tích thực trạng kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành công trình tại công ty CP xây dựng và Môi trường Hà Nội thông qua các chứng từ, tài khoản sử dụng, phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu, sổ sách, báo cáo thực tế,... Từ những thực trạng hiện có ở công ty đề xuất một số giải pháp hoàn thiện.
14	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh	Trần Thị Khánh Huyền	TS. Nguyễn Hoàn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		doanh tại công ty TNHH máy công trình Việt Bắc			bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH máy công trình Việt Bắc trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
15	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty CP nhựa Hưng Yên	Nguyễn Hồng Ngân Anh	TS. Nguyễn Hoàn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP nhựa Hưng Yên trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
16	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty cổ phần Việt Chuẩn	Hoàng Dạ Nguyệt Minh Huyền	TS. Nguyễn Hoàn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty cổ phần Việt Chuẩn trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
17	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật và công cụ, dụng cụ tại công ty CP đầu tư Sao Bắc	Bùi Thị Hoàng Anh	TS. Nguyễn Hoàn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP đầu tư Sao Bắc trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
18	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty cổ phần May Hai	Lê Hà Phương Linh	TS. Nguyễn Hoàn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP May Hai trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
19	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Trần An	Nguyễn Thị Lan Anh	TS. Hoàng Đình Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH Trần An trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
20	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Đức Trường	Phạm Hải Yến	ThS. Nguyễn Khánh Ly	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH thương mại và xây dựng Đức Trường trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
21	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP thiết bị đô thị Hà Nội	Trần Thị Trâm	ThS. Nguyễn Khánh Ly	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP thiết

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					bị đô thị Hà nội trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
22	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty TNHH xây dựng và thương mại Sơn Tuyết	Hoàng Phương Thúy	ThS. Nguyễn Khánh Ly	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH xây dựng và thương mại Sơn Tuyết trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
23	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại và dịch vụ Hà Linh	Dư Thị Bích Ngọc	ThS. Giáp Minh Nguyệt Ánh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại và dịch vụ Hà Linh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
24	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP VINACOM Việt Nam	Văn Mỹ Linh	ThS. Giáp Minh Nguyệt Ánh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần VINACOM Việt Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
25	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP tư vấn thí nghiệm kiểm định công trình xây dựng	Nguyễn Khánh Ly	ThS. Giáp Minh Nguyệt Ánh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần tư vấn thí nghiệm kiểm định công trình xây dựng trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
26	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Tập đoàn Huy Dương	Trịnh Minh Chi	TS. Hoàng Đình Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần tập đoàn Huy Dương trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
27	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH A Mega	Nguyễn Thị Kim Chung	TS. Hoàng Đình Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH A Mega trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
28	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hưng Long	Nguyễn Thị An	TS. Hoàng Đình Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Hưng Long trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
29	Đại học chính quy	Kế toán công nợ tại công ty CP tập đoàn Hoàng Sơn HSG	Vũ Thuý Hương	TS. Hoàng Đình Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về các khoản phải thu khách hàng, tạm ứng, thuế GTGT đầu vào... các khoản phải trả người bán, phải trả và nợ NN, thuế GTGT đầu ra,... và dự phòng nợ phải thu khó đòi. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP tập đoàn Hoàng Sơn HSG trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
30	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty CP đầu tư và phát triển xây dựng Bắc Thăng Long	Nguyễn Thu Thủy	ThS. Giáp Minh Nguyệt Ánh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP đầu tư và phát triển xây dựng Bắc Thăng Long trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
31	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Tôn Tiến Phát	Trần Thị Yên	ThS. Nguyễn Khánh Ly	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần Tôn Tiến Phát trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
32	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Chứng khoán kiến thiết Việt Nam	Nguyễn Thị Hạnh	TS. Hoàng Đình Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần chứng khoán kiến thiết Việt Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
33	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Dược phẩm và Thương mại Thành công	Dương Thị Hợp	TS. Hoàng Đình Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty dược phẩm và thương mại Thành Công trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
34	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần điện máy Nam Bình	Ong Thị Hương	TS. Hoàng Đình Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần điện máy Nam Bình trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
35	Đại học chính quy	Kế toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần thông Quảng Ninh	Lê Thanh Hiền	TS. Hoàng Đình Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm, hàng gửi bán,... về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty cổ phần thông Quảng Ninh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
36	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty CP tập đoàn Hoàng Sơn HSG	Trần Thị Trang	ThS. Nguyễn Khánh Ly	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP tập đoàn Hoàng Sơn HSG trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
37	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đầu tư Thương mại và du lịch quốc tế Hòa Bình	Đậu Thị Huyền	TS. Hoàng Đình Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					đầu tư thương mại và du lịch quốc tế Hòa Bình trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
38	Đại học chính quy	Kế toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần thương mại và phát triển công nghệ Hà Nội mới DHP	Nguyễn Thị Huyền	TS. Hoàng Đình Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm, hàng gửi bán,... về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty cổ phần thương mại và phát triển công nghệ Hà nội mới DHP trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
39	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Guyomar'h VCN	Phạm Ngọc Hiền	TS. Hoàng Đình Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH Guyomar'h VCN trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
40	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty CP bán lẻ kỹ thuật số FPT	Nguyễn Thị Lương	ThS. Giáp Minh Nguyệt Ánh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP bán lẻ kỹ thuật số FPT trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
41	Đại học chính quy	Kế toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần sách nhân dân	Phạm Thị Thanh Dung	TS. Hoàng Đình Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm, hàng gửi bán,... về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty cổ phần sách nhân dân trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
42	Đại học chính quy	Kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Phạm Minh	Nguyễn Thị Thanh Hải	TS. Hoàng Đình Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm, hàng gửi bán,... về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Phạm Minh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
43	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Thái Hưng Hà Nội	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	ThS. Vũ Thị Hoàng Yến	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH MTV Thái Hưng Hà nội trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
44	Đại học chính quy	Kế toán hàng tồn kho tại công ty cổ phần Thực phẩm Hương Quê Việt	Trương Ngọc Anh	TS. Hoàng Đình Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm, hàng gửi bán,... về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty cổ phần thực phẩm Hương Quê Việt trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					bảo tính hợp lý và thực tiễn.
45	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Thương mại công nghệ Trí Dũng	Nguyễn Thị Huyền Trang	ThS. Nguyễn Khánh Ly	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần thương mại công nghệ Trí Dũng trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
46	Đại học chính quy	Kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH Hợp Tiến	Nguyễn Quỳnh Hoa	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết các trường hợp tăng; giảm tài sản cố định và trích khấu hao tài sản cố định. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH Hợp Tiến trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
47	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xi măng Thăng Long	Nguyễn Hải Yên	ThS. Nguyễn Kiều Hoa	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần xi măng Thăng Long trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
48	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Phước An	Bùi Thị Phương	ThS. Phạm Thị Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH Phước An trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
49	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần OJT	Đặng Thị Lệ	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP OJT trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
50	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty CP thương mại và dịch vụ SBO Việt Nam	Vũ Thị Bích Phượng	ThS. Phạm Thị Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP thương mại và dịch vụ SBO Việt Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
51	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty TNHH Thông Hiệp	Dương Thu Hương	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH Thông Hiệp trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
52	Đại học chính quy	Kế toán chi thường xuyên tại bệnh viện Đa khoa huyện Thọ Xuân	Đỗ Thị Thu Hằng	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về hoạt động dự toán chi thường xuyên của ngân sách nhà nước. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
53	Đại học chính quy	Kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH VietPlas	Nguyễn Thị Nga	ThS. Nguyễn Khánh Ly	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết các trường hợp tăng; giảm tài sản cố định và trích khấu hao tài sản cố định. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH VietPlas trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
54	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty TNHH dệt may An Nam	Lương Thanh Thảo	ThS. Phạm Thị Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH dệt may An Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
55	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP xây dựng Chương Dương	Cà Ninh Thuận	ThS. Vũ Thị Hoàng Yến	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần xây dựng Chương Dương trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
56	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Tiến Lương	Nguyễn Thị Thúy Chúc	ThS. Vũ Thị Hoàng Yến	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Tiến Lương trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
57	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Phát triển thương mại & dịch vụ Thùy Dương	Lê Thị Hiệp	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH phát triển thương mại & dịch vụ Thùy Dương trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
58	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Việt Nam Pharusa	Lê Thị Thu Huệ	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần Việt Nam Pharusa trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
59	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH đầu tư xây dựng công trình Bình Minh	Phùng Thị Kim Thoa	ThS. Phạm Thị Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng công trình Bình Minh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
60	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Teratech Việt Nam	Vũ Hiền Duyên	ThS. Vũ Thị Hoàng Yến	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH Teratech Việt Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
61	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần giải pháp phần mềm Gió Đông	Trần Thị Ngọc Châm	ThS. Vũ Thị Hoàng Yến	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần giải pháp phần mềm Gió Đông trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
62	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH ViệtPlas	Hoàng Thị Thơm	ThS. Phạm Thị Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH VietPlas trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
63	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH khai thác đá Trường Sơn	Nguyễn Thị Phương	ThS. Phạm Thị Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH khai thác đá Trường Sơn trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
64	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thăng Bá	Đặng Thị Oanh	ThS. Nguyễn Khánh Ly	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH Thăng Bá trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
65	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần xi măng Đồng Bành	Ngô Thị Mến	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP xi măng Đồng Bành trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
66	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Văn phòng phẩm Bảo Nam	Nguyễn Thị Lệ	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Văn phòng phẩm Bảo Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
67	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Hoàng Tùng Anh	Lê Thị Nhân	ThS. Nguyễn Khánh Ly	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH Hoàng Tùng Anh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
68	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Máy móc và vật tư Goldsun	Nguyễn Thị Mỹ Linh	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH máy móc và vật tư Goldsun trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
69	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Kinh Bắc	Nguyễn Hà Trang	ThS. Nguyễn Kiều Hoa	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Kinh Bắc trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
70	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP thương mại cơ	Nguyễn Thị Thúy	ThS. Nguyễn Kiều Hoa	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		điện lạnh Tân Phát			nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần thương mại cơ điện lạnh Tân Phát trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
71	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ Hưng yên tại Tiên Lữ	Phạm Thị Thùy Dương	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại chi nhánh công ty Cp thương mại dịch vụ Hưng Yên tại Tiên Lữ trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
72	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần xây dựng và viễn thông Anh Minh	Chu Thị Hạnh	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần xây dựng và viễn thông Anh Minh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
73	Đại học chính quy	Kê toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần dịch vụ giải trí và tổ chức sự kiện Camelia	Nguyễn Thị Thuý Hằng	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP dịch vụ giải trí và tổ chức sự kiện Camelia trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
74	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH JCF Việt Nam	Nguyễn Thị Hương Giang	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH JCF Việt Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
75	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH SXTM và DV Đông Đô	Phan Thị Ngọc Hân	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH SXTM và DV Đông Đô trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
76	Đại học chính quy	Kế toán quá trình mua hàng hóa tại công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ Đông Đô	Nguyễn Thị Diệu Huyền	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết quá trình mua hàng hóa trong nước (hàng hóa, hàng gửi bán, thành phẩm), hàng nhập khẩu (nhập khẩu trực tiếp, nhập khẩu ủy thác) nước ngoài. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH SXTM và dịch vụ Đông Đô trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
77	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH MTV cơ khí đúc Hoàng Anh	Trần Lê Duyên	ThS. Vũ Thị Hoàng Yên	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH MTV cơ khí đúc Hoàng Anh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
78	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Thăng Long	Hoàng Thị Diệu Thu	ThS. Tạ Thị Bầy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Thăng Long trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
79	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Quốc tế Hoàng Gia	Đỗ Thị Hiền	ThS. Nguyễn Kiều Hoa	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH thương mại tổng hợp Việt Quang trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
80	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần xây dựng Kinh Đô	Phạm Hồng Lê	ThS. Trần Thị Thu Trang	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần xây dựng Kinh Đô trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
81	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Hà Nội Lakes	Hoàng Thị Lan	ThS. Trần Thị Thu Trang	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH thương mại tổng hợp Việt Quang trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
82	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tân Thủy	Nguyễn Thị Hương	ThS. Trần Thị Thu Trang	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH Tân Thủy trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
83	Đại học chính quy	Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu tại công ty cổ phần xây dựng Chương Dương	Vương Thị Diệu	ThS. Phạm Quỳnh Châm	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản phải thu: tạm ứng, phải thu khách hàng, CP trả trước,... . Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP xây dựng Chương Dương trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
84	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần Hà Vinh	Nguyễn Thị Hoài	ThS. Trần Thị Thu Trang	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần Hà Vinh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
85	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Rosary Việt Nam	Nguyễn Thị Thảo Ly	ThS. Tạ Thị Bầy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP Rosary Việt Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
86	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại chi nhánh công ty TNHH sản xuất - thương mại - dịch vụ cân điện tử Chính An Siêu	Phùng Lan Anh	ThS. Phạm Quỳnh Châm	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại chi nhánh công ty TNHH sản xuất - thương mại - dịch vụ cân điện tử Chính An Siêu trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
87	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Xây dựng Kinh Đô	Vũ Thị Thanh Hoài	ThS. Trần Thị Thu Trang	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần xây dựng Kinh Đô trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
88	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần nước khoáng Bình Minh	Nguyễn Thị Hồng	ThS. Trần Thị Thu Trang	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần nước khoáng Bình Minh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
89	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP dược phẩm Tín Phong	Kim Thị Diệu Linh	ThS. Phạm Thị Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần dược phẩm Tín Phong trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
90	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần đầu tư Dược phẩm SUM	Lê Quỳnh Anh	ThS. Phạm Quỳnh Châm	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần đầu tư dược phẩm SUM trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
91	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Hoàng An Bảo	Hoàng Thùy Linh	ThS. Trần Thị Thu Trang	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH Hoàng An Bảo trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
92	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sản xuất và thương mại Kim Minh	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	ThS. Phạm Quỳnh Châm	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Kim Minh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
93	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần Anh Em đầu tư	Nguyễn Thị Kim Dung	ThS. Phạm Quỳnh Châm	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP anh em đầu tư trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
94	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dược phẩm Á Âu	Nguyễn Thùy Dương	ThS. Phạm Quỳnh Châm	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH dược phẩm Á Âu trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
95	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần Mecooltech	Chu Thị Châm	ThS. Phạm Quỳnh Châm	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty Cổ phần Mecooltech trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
96	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH phát triển công nghiệp và thương mại Thủy Nam	Nguyễn Ngọc Ánh	ThS. Phạm Quỳnh Châm	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH phát triển công nghiệp và thương mại Thủy Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
97	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty CP may Văn Phú	Đinh Thị Lựu	ThS. Phạm Thị Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty Cổ phần may Văn Phú trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
98	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH sản xuất thương mại dây và cáp điện NH	Nguyễn Tiến Lược	ThS. Phạm Thị Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH sản xuất thương mại dây và cáp điện NH trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
99	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty Cổ phần cơ điện Sông Đà Sodic	Bùi Thị Mỹ	ThS. Tạ Thị Bấy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty Cổ phần cơ điện Sông Đà Sodic trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
100	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Ngọc Vũ	Hoàng Thanh Thủy	ThS. Tống Thị Thu Hòa	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					dung tương ứng tại công ty TNHH Ngọc Vũ trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
101	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư thương mại và xây dựng Vạn Phát	Đinh Thị Hương	ThS. Trần Thị Dung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần đầu tư thương mại và xây dựng Vạn Phát trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
102	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Toàn Thế	Thiều Thị Thanh Hương	ThS. Trần Thị Dung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH Toàn Thế trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
103	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần truyền thông SUNRISE	Vũ Thị Huyền Trang	ThS. Tống Thị Thu Hòa	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần truyền thông SUNRISE trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
104	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT	Nguyễn Thị Thu Huyền	ThS. Trần Thị Dung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần bán lẻ kỹ thuật số FPT trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
105	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vật tư xây dựng Hải Minh Hưng	Vũ Thị Minh Hằng	ThS. Bùi Phương Nhung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần vật tư xây dựng Hải Minh Hưng trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
106	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Minh Trí	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	ThS. Bùi Phương Nhung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH Minh Trí trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
107	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ kỹ thuật Thuận Hưng	Nguyễn Thị Thúy Oanh	ThS. Phạm Thị Ngoan	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ kỹ thuật Thuận Hưng trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
108	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Xây dựng và Thương Mại Hưng Thịnh	Hoàng Thị Mến	ThS. Tạ Thị Bảy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH xây dựng và thương mại Hưng Thịnh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
109	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần Tiến Thành	Nguyễn Thị Nguyệt	ThS. Tạ Thị Bảy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần Tiến Thành trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
110	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần phát triển quốc tế Nhật Việt	Nguyễn Thị Hồng Nhung	ThS. Phạm Thị Ngoan	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần phát triển quốc tế Nhật Việt trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
111	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH phân phối tiên tiến	Phạm Quỳnh Trang	ThS. Tống Thị Thu Hòa	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH phân phối tiên tiến trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
112	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty CP giáo dục và phát triển công nghệ tri thức Việt	Nguyễn Thị Yên	ThS. Tống Thị Thu Hòa	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP giáo dục và phát triển công nghệ tri thức Việt trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
113	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dịch vụ và Đầu tư thương mại Cường Phát	Nguyễn Thị Thu Dung	ThS. Bùi Phương Nhung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần vật tư TNHH Dịch vụ và Đầu tư thương mại Cường Phát trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
114	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dược phẩm Xuân Hòa	Vũ Thị Kiều Loan	ThS. Trần Thị Dung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần vật tư TNHH Dược phẩm Xuân Hòa trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
115	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Công nghệ và Thương mại BVN	Đoàn Thị Hồng	ThS. Bùi Phương Nhung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần Công nghệ và Thương mại BVN trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
116	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP Nam Hoàng Việt	Dương Thị Ly	ThS. Tạ Thị Bầy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP Nam Hoàng Việt trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
117	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên thương mại vận tải và xuất nhập khẩu Hải Anh	Phạm Thị Như Quỳnh	ThS. Phạm Thị Ngoan	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH MTV thương mại vận tải và xuất nhập khẩu Hải Anh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
118	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Công nghệ điện tử Quang Hiền	Phan Thị Khánh Huyền	ThS. Trần Thị Dung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH thương mại và công nghệ điện tử Quang Hiền trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
119	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP Tân Phát DHD Việt Nam	Bùi Thảo Linh	ThS. Trần Thị Dung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP Tân Phát DHD Việt Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
120	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Kinh doanh thương mại Khánh Lâm	Đinh Thị Lưu	ThS. Tạ Thị Bảy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH MTV kinh doanh thương mại Khánh Lâm trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
121	Đại học chính quy	Kế toán vốn bằng tiền tại Công ty CP Phát triển quốc tế Nhật Việt	Đinh Hà Hồng Thúy	ThS. Tống Thị Thu Hòa	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, kiểm kê thiếu hụt/ thừa tiền tại ngân quỹ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP phát triển quốc tế Nhật Việt trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
122	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty TNHH MTV May Trường Phát	Trần Thị Hồng Huệ	ThS. Ngô Thị Duyên	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH MTV May Trường Phát trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
123	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần VSGLAND	Nguyễn Thị Thu Huyền	ThS. Trần Thị Dung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần VSGLAND trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
124	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH GTGL Việt Nam	Đào Thị Minh Huệ	ThS. Bùi Phương Nhung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH GTGL Việt Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
125	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Duy Phương Đỗ	Phùng Thị Thu	ThS. Phạm Thị Ngoan	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH Duy Phương Đỗ trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
126	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Thương mại và Công nghệ điện tử Quang Hiền	Vũ Thị Nụ	ThS. Tạ Thị Bảy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH thương mại và công nghệ điện tử Quang Hiền trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
127	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Hà Toàn 79	Lê Thị Phương	ThS. Phạm Thị Ngoan	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH Hà Toàn 79 trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
128	Đại học chính quy	Kế toán tài sản cố định tại Công ty TNHH Cơ khí chính xác Minh Tùng	Nguyễn Thị Xuyên	ThS. Tống Thị Thu Hòa	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết các trường hợp tăng; giảm tài sản cố định và trích khấu hao tài sản cố định. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH cơ khí chính xác Minh Tùng trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
129	Đại học chính quy	Kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ Tuấn Hương	Vũ Thị Phương Thảo	TS. Bùi Thị Thu	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, kiểm kê thiếu hụt/ thừa tiền tại ngân quỹ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ Tuấn Hương trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
130	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đầu tư xây dựng và dịch vụ Minh Quý	Phùng Thị Thúy Thảo	TS. Bùi Thị Thu	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH đầu tư xây dựng và dịch vụ Minh Quý trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
131	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Rồng Vàng	Nguyễn Thị Thảo	TS. Bùi Thị Thu	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH sản xuất và thương mại Rồng Vàng trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
132	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Hóa Dệt Hà Tây	Nguyễn Thị Phương Thảo	TS. Bùi Thị Thu	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH hóa dệt Hà Tây trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
133	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Rồng Vàng	Phan Thùy Trang	TS. Bùi Thị Thu	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH sản xuất và thương mại Rồng Vàng trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
134	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH Công thương Lan Anh	Trần Thị Huế	ThS. Phan Thị Yến	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH công thương Lan Anh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
135	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại nhà in Ngân Hàng I thuộc công ty dịch vụ Agribank	Đỗ Thị Vân Anh	ThS. Tống Thị Thu Hòa	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại nhà in Ngân hàng I thuộc công ty dịch vụ Agribank trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
136	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Đầu tư xây dựng và thương mại Ngãi Cầu	Lê Thị Hồng Tứ	TS. Bùi Thị Thu	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty đầu tư xây dựng và thương mại Ngãi Cầu trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
137	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Đoàn Sơn Việt	Mai Thị Tâm	TS. Bùi Thị Thu	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần Đoàn Sơn Việt trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
138	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP TMT công nghệ cao	Phạm Thị Quỳnh Trang	TS. Bùi Thị Thu	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP TMT công nghệ cao trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
139	Đại học chính quy	Kế toán thanh toán tại công ty TNHH Thương mại Thành công	Lều Thị Minh Ánh	ThS. Tống Thị Thu Hòa	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và dự phòng nợ phải thu khó đòi. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH thương mại Thành công trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
140	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH thực phẩm Minh Tiến	Bùi Thị Huệ	ThS. Phan Thị Yến	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH thực phẩm Minh Tiến trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
141	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành của công ty cổ phần Đoàn Sơn Việt	Phạm Thị Thu Huyền	ThS. Trần Thu Hằng	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần Đoàn Sơn Việt trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
142	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Trọng Tín	Dương Thu Hiền	ThS. Phan Thị Yến	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP Trọng Tín trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
143	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cp Giáo dục và Phát triển công nghệ tri thức Việt	Lê Thị Diệu Linh	ThS. Trần Thu Hằng	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP giáo dục và phát triển công nghệ tri thức Việt trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
144	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP thương mại vận tải xây dựng Trọng Tín	Hoàng Thị Dung	ThS. Phan Thị Yến	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần thương mại vận tải xây dựng Trọng Tín trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
145	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư công nghệ Hoàng Minh	Roãn Thị Hương	ThS. Trần Thu Hằng	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP đầu tư công nghệ Hoàng Minh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
146	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP bao bì Phú Mỹ Hà Nội	Lê Ngọc Ánh	ThS. Tống Thị Thu Hòa	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần bao bì Phú Mỹ Hà Nội trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
147	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hương Trà	Hoàng Kiều Oanh	TS. Bùi Thị Thu	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP Hương Trà trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
148	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty cổ phần thức ăn chăn nuôi Đồng Tiền	Nguyễn Thùy Linh	ThS. Trần Thu Hằng	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP thức ăn chăn nuôi Đồng Tiền trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
149	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH MTV Hùng Huy	Nguyễn Thị Sao Mai	TS. Bùi Thị Thu	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					MTV Hùng Huy trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
150	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Toán Phát	Phùng Thị Lương	ThS. Trần Thu Hằng	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP Toàn Phát trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
151	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Thương mại đầu tư Yên Bình	Trần Đức Hà	ThS. Phan Thị Yến	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH thương mại đầu tư Yên Bình trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
152	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cp Logarit Việt Nam	Nguyễn Thị Linh	ThS. Trần Thu Hằng	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP Logarit Việt Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
153	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần HANOISPORT	Nguyễn Thị Dung	ThS. Phan Thị Yến	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP Hanoisport trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
154	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và du lịch Nguyễn Vũ	Nguyễn Thu Hằng	ThS. Phan Thị Yến	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH thương mại và du lịch Nguyễn Vũ trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
155	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần xây dựng Xanh Việt Nam	Trần Thị Thu	TS. Bùi Thị Thu	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần xây dựng Xanh Việt Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
156	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại Ngãi Cầu	Tạ Thị Phương Oanh	TS. Bùi Thị Thu	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Ngãi Cầu trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
157	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM và DV Việt Thanh	Nguyễn Ngọc Hòa	ThS. Phan Thị Yến	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH TM và DV Việt Thanh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
158	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần vật tư kỹ thuật nông nghiệp Bắc Giang	Nguyễn Thị Huyền	ThS. Trần Thu Hằng	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP vật tư kỹ thuật nông nghiệp Bắc Giang trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
159	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần Sông Đà 9	Nguyễn Thị Thu Thảo	TS. Bùi Thị Thu	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần Sông Đà 9 trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
160	Đại học chính quy	Kế toán công nợ phải thu, công nợ phải trả tại công ty CP Cơ khí và Vận tải Container Huy Thắng	Nguyễn Thị Kim Ngân	TS. Bùi Thị Thu	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về các khoản phải thu khách hàng, tạm ứng, thuế GTGT đầu vào... các khoản phải trả người bán, phải trả và nộp NN, thuế GTGT đầu ra,... và dự phòng nợ phải thu khó đòi. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP cơ khí và vận tải Container Huy Thắng trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
161	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Đại Phát	Lê Thị Hải Yến	ThS. Vũ Thị Hoàng Yến	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ Đại Phát trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
162	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH xây dựng Hoàng Nguyên	Bùi Thị Linh Lan	ThS. Trần Thu Hằng	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH xây dựng Hoàng Nguyên trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
163	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH dịch vụ bảo vệ SCD Việt Nam	Trần Thị Thanh Bình	ThS. Phan Thị Yến	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ SCD Việt Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
164	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty CP tư vấn đầu tư dịch vụ và thương mại Tuấn Linh	Triệu Thu Phương	ThS. Chu Lâm Sơn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP tư vấn đầu tư dịch vụ và thương mại Tuấn Linh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
165	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần sơn Spost Việt Nam	Hoàng Thuý Mỹ	ThS. Đào Thị Thương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần sơn Sport Việt Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
166	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Thành Công	Nguyễn Như Ngọc	ThS. Chu Lâm Sơn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					dung tương ứng tại công ty TNHH thương mại Thành Công trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
167	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Lương Thông	Nguyễn Thị Ngân	ThS. Đào Thị Thương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH Lương Thông trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
168	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH dịch vụ Nhất Tín	Doãn Thị Oanh	ThS. Chu Lâm Sơn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH dịch vụ Nhất Tín trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
169	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty TNHH gạch men xứ Thanh Hải	Vũ Thị Thanh Huế	ThS. Nguyễn Thị Diệu Linh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH gạch men xứ Thanh Hải trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
170	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP công nghệ sinh học Tân Việt	Lương Mạnh Dũng	ThS. Nguyễn Thị Diệu Linh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP công nghệ sinh học Tân Việt trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
171	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH tư vấn kế toán An Phát	Nguyễn Thị Thu Trang	ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH tư vấn kế toán An Phát trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
172	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần gạch Nhân Hòa	Trần Thị Bích Liễu	ThS. Đào Thị Thương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần gạch Nhân Hòa trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
173	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Dầu khí Thanh Xuân	Cao Huệ Chi	ThS. Nguyễn Thị Diệu Linh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					dung tương ứng tại công ty TNHH dầu khí Thanh Xuân trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
174	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty TNHH ISA kỹ thuật công nghệ	Vũ Thị Huệ	ThS. Nguyễn Thị Diệu Linh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH ISA kỹ thuật công nghệ trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
175	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty CP đầu tư phát triển công nghệ Trường Sơn	Lê Hoài Anh	ThS. Nguyễn Thị Diệu Linh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP đầu tư phát triển công nghệ Trường Sơn trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
176	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH kiểm toán và định giá AAFC	Trần Thị Phương Thảo	ThS. Chu Lâm Sơn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH kiểm toán và định giá AAFC trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
177	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP lâm sản Nam Định	Nguyễn Thu Bích	ThS. Nguyễn Thị Diệu Linh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần lâm sản Nam Định trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
178	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP 1Pay	Vũ Thị Bích Hà	ThS. Nguyễn Thị Diệu Linh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP 1Pay trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
179	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần tập đoàn kế toán Hà Nội	Phạm Thị Hồng Dung	ThS. Nguyễn Thị Diệu Linh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần tập đoàn kế toán Hà Nội trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
180	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH xây dựng TM&DV Sun	Văn Thị Thủy	ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Việt			trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH xây dựng TM&DV Sun Việt trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
181	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty sản xuất và thương mại Thuận Bình	Vương Hồng Ngọc	ThS. Chu Lâm Sơn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty sản xuất và thương mại Thuận Bình trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
182	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên TM Đông Nam Việt	Phan Thị Ninh	ThS. Đào Thị Thương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH MTV TM Đông Nam Việt trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
183	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty CP sân Golf Hà Nội	Hứa Thị Thúy Ngân	ThS. Đào Thị Thương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP sân GOLF Hà nội trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
184	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty	Nguyễn Thị Nhung	ThS. Chu Lâm Sơn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		TNHH xây dựng và kinh doanh Cường Thịnh			ngiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ SCD Việt Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
185	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP Hoàn Thành	Nguyễn Thị Hà	ThS. Nguyễn Thị Diệu Linh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần Hoàn Thành trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
186	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP iNET	Vũ Ánh Phụng	ThS. Chu Lâm Sơn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP inet trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
187	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại xuất nhập khẩu Việt Quốc	Lê Thị Thảo	ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH TM XNK Việt Quốc trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
188	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty TNHH thương mại và công nghiệp Mỹ Việt	Hà Thị Phương Thảo	ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH thương mại và công nghiệp Mỹ Việt trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
189	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty TNHH In và dịch vụ thương mại Phú Thịnh	Nguyễn Thị Kiều Thu	ThS. Vũ Thị Ánh Tuyết	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH IN và dịch vụ thương mại Phú Thịnh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
190	Đại học chính quy	Kế toán tài sản cố định tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ công nghiệp Simen Việt Nam	Đào Thị Kiều Loan	ThS. Đào Thị Thương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết các trường hợp tăng; giảm tài sản cố định và trích khấu hao tài sản cố định . Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH thương mại và dịch vụ công nghiệp Simen Việt nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
191	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Giáo dục Việt Anh Hà Nội	Nguyễn Thanh Xuân	ThS. Nguyễn Thị Thu Hường	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH Giáo dục Việt Anh Hà nội trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
192	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Giải pháp khoa học và công nghệ Việt Nam	Hoàng Thị Nhân	ThS. Chu Lâm Sơn	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH giải pháp khoa học và công nghệ Việt Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
193	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại doanh nghiệp tư nhân Minh Huệ	Nguyễn Minh Nụ	ThS. Đào Thị Thương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại doanh nghiệp tư nhân Minh Huệ trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
194	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty CP Toyota Thăng Long	Nguyễn Thị Bích Ngọc	ThS. Đào Thị Thương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP Toyota Thăng Long trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
195	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần dịch vụ Quốc tế Hà Thành	Nguyễn Thị Cẩm Vân	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP dịch vụ quốc tế Hà Thành trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
196	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Hải Anh	Nguyễn Việt Trinh	ThS. Vũ Thị Hoàng Yến	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ vận tải Hải Anh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
197	Đại học chính quy	Kê toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH máy móc và vật tư Goldsun	Trần Thị Lan	ThS. Nguyễn Văn Dung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH máy móc và vật tư Goldsun trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
198	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty TNHH khai thác đá Trường Sơn	Trần Thị Diệu Linh	ThS. Nguyễn Văn Dung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH khai thác đá Trường Sơn trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
199	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần thương	Phạm Thị Phương	ThS. Nguyễn Văn Dung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		mại và du lịch Wings Việt Nam			nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP thương mại và du lịch Wings Việt Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
200	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP thương mại và kỹ thuật Việt - Sing	Phan Thị Kim Dung	ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP thương mại và kỹ thuật Việt - Sing trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
201	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty CP ô tô Thành Công Đông Anh	Bùi Thị Hòa	ThS. Nguyễn Văn Dung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP oto Thành Công Đông Anh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
202	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH công nghệ điều khiển Lisa	Trần Thị Phượng	ThS. Vũ Thị Nhung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH công nghệ điều khiển Lisa trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
203	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty CP tư vấn xây dựng và TM Bình Minh	Lê Hoài Thu	ThS. Vũ Thị Nhung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP tư vấn xây dựng và thương mại Bình Minh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
204	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH vận tải và thương mại Đại Dương	Dương Thị Thanh Huyền	ThS. Nguyễn Văn Dung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH vận tải và thương mại Đại Dương trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
205	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH một thành viên Xăng dầu Thái Bình	Vũ Thị Thu Hương	ThS. Nguyễn Văn Dung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH MTV xăng dầu Thái Bình trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
206	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Tú Thanh Hà	Trần Thị Minh Hằng	ThS. Nguyễn Thị Thu Hường	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH Tú Thanh Hà trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
207	Đại học chính quy	Kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH phát triển thương mại và dịch vụ Thùy Dương	Nguyễn Thị Thu Thủy	ThS. Vũ Thị Nhung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm, hàng gửi bán,... về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH phát triển thương mại và dịch vụ Thùy Dương trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
208	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP đầu tư và xây dựng Ánh Sáng Mới	Đỗ Thị Nhung	ThS. Nguyễn Văn Dung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP đầu tư và xây dựng Ánh Sáng Mới trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
209	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH văn tài thương mại Dũng Thu	Lê Mai Thương	ThS. Lê Thị Bích Lan	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					dung tương ứng tại công ty TNHH vận tải thương mại Dũng Thu trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
210	Đại học chính quy	Kế toán vốn bằng tiền tại công ty TNHH VINA Phan Anh	Vũ Thị Thu Uyên	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, kiểm kê thiếu hụt/ thừa tiền tại ngân quỹ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH MTV Vina Phan Anh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
211	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP Licogi 13	Giáp Thục Chinh	ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP Licogi 13 trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
212	Đại học chính quy	Kế toán hàng tồn kho tại công ty CP ô tô Thành công Đông Anh	Đông Lệ Thu	ThS. Vũ Thị Nhung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm, hàng gửi bán,... về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP ô tô Thành công Đông Anh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
213	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Bảo Linh	Nguyễn Thị Hải Yến	ThS. Trần Thị Dung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					dung tương ứng tại công ty CP Bảo Linh trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
214	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần kinh doanh Gimex	Đặng Thị Ngọc Ánh	ThS. Nguyễn Thị Thu Hường	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần kinh doanh Gimex trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
215	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại Công ty TNHH Thương mại và Cơ khí xây dựng Long Phát	Trần Thị Thu Trang	ThS. Nguyễn Kiều Hoa	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH thương mại và cơ khí xây dựng Long Phát trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
216	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại và cơ khí xây dựng Long Phát	Trần Thị Hằng	ThS. Nguyễn Thị Thu Hường	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH thương mại và cơ khí xây dựng Long Phát trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
217	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại	Phan Thị Ngọc Diễm	ThS. Nguyễn Thị Thu Hường	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		công ty CP Daeha			nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP Daeha trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
218	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển thương mại dịch vụ Hà Nội	Đào Thị Hạnh	ThS. Nguyễn Thị Thu Hường	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển thương mại dịch vụ Hà Nội trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
219	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty CP thực phẩm G&G Việt Nam	Tạ Thị Đào	ThS. Nguyễn Thị Thu Hường	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần thực phẩm G&G Việt Nam trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
220	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty cổ phần sản xuất và thương mại Sông Mã	Đỗ Thị Hồng Nhung	ThS. Nguyễn Văn Dung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Sông Mã trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
221	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cổ phần Mavin Austfeed	Lê Yên Hoa	ThS. Nguyễn Văn Dung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty CP cổ phần Mavin Austfeed trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
222	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần dịch vụ quốc tế Hà Thành	Mai Diệu Thúy	ThS. Vũ Thị Nhung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần dịch vụ quốc tế Hà Thành trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
223	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại Công ty Cổ phần xây dựng số 9	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	ThS. Bùi Phương Nhung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty Cổ phần xây dựng số 9 trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
224	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đầu tư và Thương mại STC	Nguyễn Thị Minh Trang	ThS. Giáp Minh Nguyệt Ánh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH Đầu tư và thương mại STC trong một

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
225	Đại học chính quy	Kế toán hàng tồn kho tại công ty TNHH thương mại Yên Thắng	Nguyễn Thị Kiều Trang	ThS. Lê Thị Bích Lan	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa, thành phẩm, hàng gửi bán,... về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH thương mại Yên Thắng trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
226	Đại học chính quy	Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty cổ phần dịch vụ Quốc tế Hà Thành	Nguyễn Thị Uyên	PGS.TS Phan Thị Minh Lý	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung và tính giá thành sản phẩm, thành phẩm nhập kho. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty cổ phần dịch vụ quốc tế Hà Thành trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
227	Đại học chính quy	Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty CP xây dựng Hoàng Mai, Hà Nội	Ngô Thị Thương	ThS. Vũ Thị Nhung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết về tiền lương và các khoản trích theo lương (Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp), thuế thu nhập cá nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty CP xây dựng Hoàng Mai Hà nội trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
228	Đại học chính quy	Kế toán nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ tại công ty TNHH sản xuất cơ điện và thương mại Phương Linh	Tô Thị Thoa	ThS. Vũ Thị Nhung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ về nhập kho, xuất kho, kiểm kê kho và dự phòng giảm giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại Công ty TNHH sản xuất cơ điện và thương mại Phương Linh trong một kỳ kế

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
229	Đại học chính quy	Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TM&DV kỹ thuật An Phát	Nguyễn Thị Thanh Tú	ThS. Vũ Thị Nhung	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác, giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và xác định kết quả kinh doanh. Trên cơ sở đó, nghiên cứu và trình bày thực trạng kế toán các nội dung tương ứng tại công ty TNHH TM&DV kỹ thuật An Phát trong một kỳ kế toán, từ đó đề xuất giải pháp đảm bảo tính hợp lý và thực tiễn.
230	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng- thanh toán tại Công ty Cổ phần Thương Mại và Dịch Vụ Hương Tuấn	Phạm Thị Hà Trang	TS.Ngô Thị Kiều Trang	Ngày nay, kiểm soát nội bộ đang đóng một vai trò hết sức quan trọng trong hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp và tổ chức. Việc kiểm soát được chi phí đầu vào là một phần trọng yếu trong công tác quản trị tại công ty. Chu trình mua vào và thanh toán gồm các quyết định và các quá trình cần thiết để có hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Một là: Khóa luận đã làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng – thanh toán như khái niệm, cơ sở lý luận, tài khoản liên quan, nội dung kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng – thanh toán. Hai là: Căn cứ vào cơ sở lý luận để đi vào thực tế, thực trạng kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng – thanh toán tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Hương Tuấn. Phần thực trạng đã đề cập một số điểm chính như tổng quan về công ty, thực trạng kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng – thanh toán. Ba là: Từ thực trạng kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng – thanh toán của công ty, em đã đánh giá về thực trạng mua hàng thanh toán tại công ty. Trên cơ sở đó, khóa luận đã chỉ ra những ưu điểm và nhược điểm của những

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					tồn tại đó.Đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng – thanh toán tại công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Hương Tuấn.
231	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ khoản mục tài sản cố định tại công ty TNHH Thiết bị- phụ tùng sông Hồng	Đỗ Thị Tuyết Trinh	TS.Ngô Thị Kiều Trang	KSNB hữu hiệu là một phân thiết yếu của công tác quản lý doanh nghiệp một cách có hiệu quả. Trong báo cáo tài chính của mỗi doanh nghiệp TSCĐ là khoản mục chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản. Vì vậy KSNB đối với khoản mục TSCĐ tại công ty TNHH Thiết bị- phụ tùng sông Hồng nói riêng và trong các doanh nghiệp nói chung là vấn đề hết sức cần thiết. Khoá luận đã giải quyết 3 vấn đề cơ bản sau: cơ sở lý luận về KSNB khoản mục TSCĐ trong các doanh nghiệp, thực trạng KSNB khoản mục TSCĐ tại công ty TNHH Thiết bị- phụ tùng sông Hồng và giải pháp hoàn thiện KSNB khoản mục TSCĐ tại công ty TNHH Thiết bị- phụ tùng sông Hồng. Ở phần cơ sở lý luận chung về KSNB khoản mục TSCĐ khoá luận đã đưa ra các khái niệm cơ bản về KSNB, TSCĐ cũng như các thủ tục kiểm soát chung đối với TSCĐ. Căn cứ vào cơ sở lý luận để đi vào thực trạng hoạt động KSNB khoản mục TSCĐ tại cty TNHH Thiết bị- phụ tùng sông Hồng, hoạt động KSNB này được diễn ra cụ thể theo từng giai đoạn của TSCĐ giúp cho nhà quản lý nắm rõ hơn về tình hình TSCĐ của công ty từ đó có biện pháp khắc phục, xử lý kịp thời nếu xảy ra hư hỏng. Từ thực trạng KSNB khoản mục TSCĐ tại cty em đã đưa ra đánh giá chung về hoạt động KSNB của cty cũng như KSNB khoản mục TSCĐ đã đạt được những ưu điểm gì, còn hạn chế khó khăn như thế nào và nguyên nhân gây ra hạn chế đó, từ đó đưa ra các giải pháp để hoàn thiện KSNB khoản mục TSCĐ của cty TNHH Thiết bị- phụ tùng sông Hồng.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
232	Đại học chính quy	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Đại Việt thực hiện	Nguyễn Thị Thảo	TS.Ngô Thị Kiều Trang	Kiểm toán khoản mục TSCĐ, ước tính khấu hao TS đóng vai trò trong toàn bộ quy trình kiểm toán BCTC, bởi khoản mục TSCĐ có ảnh hưởng trọng yếu đến thông tin trên BCTC của một DN. Việc lập kế hoạch kiểm toán hợp lý, thực hiện công việc kiểm toán một cách khoa học tại tất cả các phân hành kiểm toán từ đơn giản đến phức tạp sẽ quyết định đến chất lượng, hiệu quả của cuộc kiểm toán. Khoản mục TSCĐ là khoản mục có ít nghiệp vụ và phát sinh không thường xuyên song lại có quy mô lớn và ảnh hưởng tới nhiều khoản mục và chỉ tiêu tài chính trên các Báo cáo tài chính. Nó ảnh hưởng tới các tỷ suất tài chính, phản ánh năng lực sản xuất kinh doanh trong kỳ dẫn tới việc thay đổi lợi nhuận và các khoản thuế phải nộp nhà nước của DN. Vì vậy khi thực hiện kiểm toán BCTC của một đơn vị thì khoản mục TSCĐ là một trong những khoản mục quan trọng cần được tập trung kiểm toán.
233	Đại học chính quy	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong kiểm toán BCTC do công ty TNHH kiểm toán Việt Tin thực hiện	Phạm Thị Nguyệt	TS.Ngô Thị Kiều Trang	Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là khoản chi phí rất quan trọng ảnh hưởng đến lợi nhuận trên BCTC của công ty vì vậy dẫn đến các sai sót ảnh hưởng các quyết định người sử dụng BCKQKD. Nhận thấy tầm quan trọng như vậy, khóa luận đã sử dụng số liệu kiểm toán tại Công ty TNHH kiểm toán Việt Tin cùng với các số liệu của công ty TNHH ABC. Qua quy trình thực hiện kiểm toán thực hiện theo 3 bước lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán và kết thúc kiểm toán, thực theo quy trình kiểm toán VCPA đối với khoản mục chi phí bán hàng và chi phí quản lý nhận thấy các chứng từ hoạch toán đầy đủ, đúng số liệu, đầy đủ chữ ký nhưng một số khoản chi chi phí quản lý doanh nghiệp như vé máy bay không có cước vé, chi phí tiếp khách không có bảng kê dịch vụ ăn uống, khoản phúc lợi cho nhân viên không được quy định trong quy

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					chế tài chính, hợp đồng lao động của công ty. và cũng nhận thấy được ưu điểm nhược điểm quy trình kiểm toán của công ty TNHH kiểm toán Việt Tin từ đó đưa giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán
234	Đại học chính quy	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục phải trả người bán trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế thực hiện	Nguyễn Diệu Quỳnh	TS.Ngô Thị Kiều Trang	Phải trả người bán là một phần hành khá phức tạp, đồng thời cũng khá nhạy cảm với những gian lận và có liên quan mật thiết đến kết quả kinh doanh và nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp. Trong khóa luận tác giả đã cụ thể hóa cơ sở lý luận về khoản mục phải trả người bán làm nổi bật lên đặc điểm khoản mục này. Sau quá trình thực tế tại Công ty IAV, tác giả đã đưa ra quy trình kiểm toán nói chung cũng như quy trình kiểm toán khoản mục phải trả người bán nói riêng tại công ty khách hàng ABC. Từ đó thấy được những mặt đạt được và những tồn tại, hạn chế của quy trình mà tác giả thực tế tại Công ty IAV. Dựa trên thực trạng tại công ty ABC về vấn đề hoàn thiện quy trình kiểm toán cho khoản mục PTNB tác giả đã đưa ra các nhóm giải pháp riêng cho từng giai đoạn để hoàn thiện công tác kiểm toán khoản mục PTNB.
235	Đại học chính quy	Hoàn thiện quy trình kiểm toán lương và các khoản trích theo lương trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán CALICO thực hiện.	Nguyễn Thị Anh Thư	TS.Ngô Thị Kiều Trang	Trong mỗi doanh nghiệp, tiền lương chính là phần thù lao được biểu hiện bằng tiền mà doanh nghiệp phải trả cho người lao động căn cứ trên thời gian lao động và khối lượng cũng như chất lượng công việc hoàn thành. Về bản chất tiền lương chính là biểu hiện bằng tiền của giá cả sức lao động. Mặc khác tiền lương cũng là đòn bẩy của nền kinh tế khuyến khích người lao động hăng say làm việc. Tổ chức tốt kế toán lao động, tiền lương và các khoản trích trên lương là một trong những điều kiện để quản lý tốt quỹ lương, đúng nguyên tắc, đúng chế độ, một chính sách lương hợp lý để khuyến khích người lao động làm việc hiệu quả và

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					tiết kiệm chi phí tối đa cho doanh nghiệp luôn là một câu hỏi lớn. Do đó, kiểm toán tiền lương và các khoản trích trên tiền lương luôn được KTV chú trọng trong các cuộc kiểm toán. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề này, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Hãng Kiểm toán CALICO em đã chọn đề tài: “Hoàn thiện quy trình kiểm toán lương và các khoản trích theo lương trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Hãng Kiểm toán CALICO thực hiện” để đánh giá thực trạng kiểm toán lương và các khoản trích theo lương hiện nay của Công ty kiểm toán và đưa ra những nhận xét cá nhân và giải pháp giúp hoàn thiện quy trình trên.
236	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng - thu tiền tại Công ty Cổ phần 24h Group	Phạm Thảo Nguyên	TS.Ngô Thị Kiều Trang	Qua quá trình tìm hiểu về kiểm soát nội bộ nói chung và kiểm soát chu trình bán hàng - thu tiền nói riêng và trong khuôn khổ phạm vi nghiên cứu, khóa luận cơ bản đã giải quyết được các vấn đề sau: Một là, khóa luận đã trình bày những lý luận cơ bản về KSNB chu trình bán hàng - thu tiền trong doanh nghiệp. Hai là, khóa luận đã tìm hiểu thực trạng hoạt động KSNB chu trình bán hàng - thu tiền tại Công ty Công ty CP 24h Group, nhận biết được quá trình, mức độ vận dụng lý thuyết về hoạt động KSNB chu trình bán hàng - thu tiền vào thực tiễn tại Công ty. Ba là, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, khóa luận đã đánh giá những kết quả đạt được và những tồn tại cần khắc phục đối với hoạt động KSNB chu trình bán hàng - thu tiền tại Công ty, đồng thời đã đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động KSNB đối với việc ngăn ngừa rủi ro trong chu trình bán hàng - thu tiền tại Công ty CP 24h Group.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
237	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất và Công nghệ Gia Linh	Chu Thị Oanh	TS.Ngô Thị Kiều Trang	Khóa luận đã nêu ra tầm quan trọng của kiểm soát nội bộ trong các doanh nghiệp. Xuất phát từ lý luận và thực tiễn về tầm quan trọng của hệ thống kiểm soát nội bộ, khóa luận đã chỉ ra tính cấp thiết của đề tài. Khóa luận đã đi sâu vào tìm hiểu quy trình kiểm soát nội bộ chu trình tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Công nghệ Gia Linh. Thông qua lý luận và thực trạng về quy trình kiểm soát nội bộ tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty. Từ đó, đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy trình kiểm soát nội bộ tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần Đầu tư sản xuất và Công nghệ Gia Linh.
238	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng - thu tiền tại Công ty TNHH Duy Phương Đỗ	Đỗ Thị Hải Như	TS.Ngô Thị Kiều Trang	Chu trình bán hàng và thu tiền có một vai trò rất quan trọng trong bất kỳ công ty nào, nó giúp đem lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và giúp doanh nghiệp thu được lợi nhuận. Vì vậy việc kiểm soát chu trình bán hàng và thu tiền là một việc rất cần thiết và quan trọng. Về cơ bản, tại chương 1 của khóa luận, tác giả đã nêu ra những vấn đề chung về kiểm soát nội bộ và kiểm soát chu trình bán hàng – thu tiền như các định nghĩa, mục tiêu và những bộ phận cấu thành. Trong quá trình kiểm soát quy trình bán hàng – thu tiền thì cần chú ý nhất vào những khâu nào, những khâu nào có thể hay xảy ra những sai phạm / rủi ro từ đó cần đề cao cảnh giác hơn. Tiếp đến chương 2, tác giả đã nêu lên tổng quan về công ty TNHH Duy Phương Đỗ, cũng như thực trạng kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng – thu tiền tại Công ty TNHH Duy Phương Đỗ. Trong chương này tác giả có chú ý đến các hoạt động kiểm soát tại 3 khâu: Hoạt động bán hàng, nghiệp vụ thu tiền và kiểm soát nợ phải thu. Từ những thực trạng mà tác giả đã

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					nêu ở chương 2 thì tại chương 3 ta có thể nhận thấy bên cạnh những điểm mạnh còn có những điểm hạn chế còn tồn đọng trong việc kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng – thu tiền tại Công ty TNHH Duy Phương Đỗ. Và từ những hạn chế đó tác giả có đưa ra một vài những giải pháp giúp cho việc kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng – thu tiền tại Công ty TNHH Duy Phương Đỗ được tốt hơn.
239	Đại học chính quy	Kiểm toán khoản mục Nợ phải thu khách hàng trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM thực hiện	Nguyễn Thị Phương	TS.Ngô Thị Kiều Trang	Nợ phải thu khách hàng là một khoản mục lớn trên BCDKT, nó thể hiện tình hình tài chính cũng như tình trạng bị chiếm dụng vốn của doanh nghiệp. Hơn nữa, khoản mục này còn liên quan trực tiếp tới khoản mục doanh thu trong báo cáo KQHDKD- khoản mục dễ bị thổi phồng tạo lãi ảo phục vụ cho các mục đích khác nhau của nhà quản trị. Nhận thấy tầm quan trọng như vậy, khóa luận đã sử dụng số liệu kiểm toán tại Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM cùng với các số liệu, báo cáo tại CTCP ABC, thư xác nhận nợ phải trả CTCP ABC tại các đơn vị khách hàng... Qua đó, thấy rằng hệ thống kiểm soát nội bộ của khoản mục Nợ phải thu khách hàng đang được thực hiện khá tốt; nhưng tình hình thu hồi công nợ của doanh nghiệp chưa thực sự hiệu quả: tỷ lệ PT/DT LÀ 58,14%, vòng quay các khoản phải thu=1,84 vòng, số ngày thu tiền bình quân là 198,35 ngày; thư xác nhận công nợ đã được đối chiếu, số liệu khớp đúng. Thêm vào đó, tại thời điểm cuối năm, doanh nghiệp cần đối chiếu các khoản phải thu theo quy định.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
240	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng- thu tiền tại Công ty TNHH sản xuất thương mại Hương Chí Thành	Nguyễn Thị Thu Trang	TS.Ngô Thị Kiều Trang	Môi trường kinh doanh ngày càng khốc liệt và gay gắt như hiện nay thì để tồn tại và phát triển được cần có những giải pháp tăng cường sức cạnh tranh, tăng cường của năng lực công tác quản lý. Muốn như vậy công ty cần xây dựng một hệ thống quản lý khoa học, hợp lý và hiệu quả mà bước khởi đầu chính là hoàn thiện hệ thống KSNB, đặc biệt cần quan tâm hiện nay là phải tăng cường KSNB đối với chu trình bán hàng và thu tiền để đảm bảo doanh thu được tính đủ , tính chính xác và tránh thất thoát tiền thu bán hàng. Xuất phát từ những yêu cầu thực tế trên em đã chọn đề tài: “ Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại Công ty TNHH sản xuất thương mại Hương Chí Thành" làm khóa luận tốt nghiệp chuyên ngành Kế toán- Kiểm toán và phân tích hoạt động tài chính của mình. Trong khóa luận này em đã tìm hiểu và phân tích đưa ra những lí luận và thực trạng về kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng- thu tiền từ đó đưa ra các ưu, nhược điểm, giải pháp giúp công ty hoàn thiện kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng- thu tiền.
241	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ khoản mục hàng tồn kho tại Công ty TNHH dược phẩm Đông Á	Chu Thị Nguyệt	TS.Ngô Thị Kiều Trang	Hàng tồn kho là khoản mục dễ xảy ra sai phạm và gian lận. Để nâng cao hiệu quả quá trình luân chuyển hàng tồn kho doanh nghiệp cần nâng cao hệ thống kiểm soát hàng tồn kho một cách chặt chẽ hợp lý đảm bảo hàng tồn kho có thể luân chuyển một cách nhanh chóng mà lượn hàng dự trữ tại kho vẫn phải luôn đảm bảo. Vấn đề này tại Công ty TNHH TM dược phẩm Đông Á đã được thể hiện qua các phần: cơ sở lý luận của kiểm soát nội bộ khoản mục hàng tồn kho, thực trạng kiểm soát nội bộ khoản mục hàng tồn kho và nhận xét kiến nghị về kiểm soát nội bộ khoản mục hàng tồn kho tại công ty TNHH TMDược phẩm Đông Á. Phần cơ sở lý luận đã nêu ra được các khái niệm về hàng tồn kho, đặc điểm cơ sở lý luận, các

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					tủ ro tiềm tàng của hàng tồn kho, mục đích của việc kiểm soát hàng tồn kho, cá thủ tục của kiểm soát nội bộ hàng tồn kho. Phần thực trạng kiểm soát nội bộ khoản mục hàng tồn kho đã thể hiện những đặc điểm đặc thù của hàng tồn kho tại công ty đó là: dễ bị hư hỏng, thời hạn sử dụng của một số loại hàng ngắn, điều kiện bảo quản của một số mặt hàng đặc thù có yêu cầu về nhiệt độ, độ ẩm. Ngoài ra phần thực trạng cũng đã thể hiện quá trình luân chuyển hàng tồn kho, những phần hành trong các quá trình liên quan tới hàng tồn kho cần căn cứ vào đâu. Phân nhận xét và kiến nghị đã nêu ra được những ưu nhược điểm như, nhiều phần hành còn chồng chéo lên nhau, các bộ phận làm việc riêng rẽ không có người giám sát toàn bộ quá trình,... Từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục như phải phân rõ trách nhiệm từng người,...
242	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ tiền lương và các khoản trích theo lương tại Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội	Bùi Ngọc Anh	TS. Nguyễn Thị Mai Anh	Với mục tiêu xem xét thực trạng KSNB tiền lương và các khoản trích theo lương tại Trung tâm phát triển quỹ đất Hà Nội, khóa luận cho thấy Trung tâm đã xây dựng được chính sách KSNB tiền lương toán, quá trình lập bảng chấm công và các tài liệu liên quan đến tính lương được kế toán phản ánh đầy đủ, phương pháp hạch toán kế toán toán tiền lương và các khoản trích theo lương nhìn chung hợp lý, đúng khoản mục, đúng quy định hiện hành. Tuy nhiên, do doanh nghiệp chưa nhận thức được hết tầm quan trọng của KSNB nên vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế. Xuất phát từ những hạn chế này, khóa luận đưa ra giải pháp hoàn thiện trong từng khâu của KSNB tiền lương tại Trung tâm

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
243	Đại học chính quy	Kiểm toán quy trình doanh thu trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Châu Á thực hiện	Trần Văn Anh	TS. Nguyễn Thị Mai Anh	Sau khi tìm hiểu thực trạng quy trình kiểm toán doanh thu trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty kiểm toán TNHH Kiểm toán và Định giá Châu Á thực hiện, kết quả cho thấy các bước trong quy trình kiểm toán doanh thu được công ty thực hiện theo đúng quy định của chuẩn mực kiểm toán và các văn bản hiện hành. Tuy nhiên, do hạn chế về thời gian kiểm toán và áp lực hoàn thành đúng tiến độ là nguyên nhân dẫn đến một số tồn tại trong đánh giá tính trọng yếu, rủi ro và thực hiện thử nghiệm kiểm soát khoản mục doanh thu. Và xuất phát từ chính những hạn chế này, nghiên cứu đã đề xuất được các giải pháp hoàn thiện phù hợp.
244	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Văn Lang	Nguyễn Hoàng Anh	TS. Nguyễn Thị Mai Anh	Nhận thức được tầm quan trọng của kiểm soát nội bộ đối với doanh nghiệp đặc biệt là khâu KSNB chu trình bán hàng - thu tiền, đề tài đã thực hiện nghiên cứu thực trạng KSNB chu trình bán hàng và thu tiền tại Công ty Cổ phần Dược phẩm Văn Lang, chỉ ra được những vấn đề còn tồn đọng và thiếu sót cần được khắc phục và từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác KSNB chu trình bán hàng và thu tiền tại Công ty.
245	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng - thu tiền tại Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EMA Việt Nam	Phạm Xuân Chiến	TS. Nguyễn Thị Mai Anh	Khóa luận đã đánh giá được thực trạng hoạt động KSNB chu trình bán hàng - thu tiền tại Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EMA Việt Nam. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, khóa luận đã đánh giá những kết quả đạt được và những tồn tại cần khắc phục đối với hoạt động KSNB chu trình bán hàng - thu tiền tại Công ty, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động KSNB và ngăn ngừa rủi ro trong chu trình bán hàng - thu tiền tại Công Ty Cổ Phần Công Nghệ EMA Việt Nam

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
246	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng - thu tiền tại Công Ty TNHH Thời trang ENIMA Việt Nam	Nguyễn Thị Thùy Dung	TS. Nguyễn Thị Mai Anh	Vận dụng phương pháp thu thập số liệu, phương pháp phỏng vấn, quan sát và đối chiếu phân tích, khóa luận đã hệ thống được cơ sở lý luận về KSNB chu trình bán hàng và thu tiền, đánh giá được thực trạng ưu điểm, nhược điểm trong công tác KSNB chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty TNHH Thời trang ANIMA Việt Nam, từ đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện KSNB chu trình bán hàng và thu tiền tương ứng với những nhược điểm đã phân tích
247	Đại học chính quy	Hoàn thiện quy trình kiểm toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong kiểm toán BCTC do công ty TNHH kiểm toán AFC thực hiện	Hoàng Hồng Hạnh	TS. Nguyễn Thị Mai Anh	Nhìn chung khóa luận đạt được kết quả cả về lý luận và thực tiễn. Về lý luận, khóa luận đã phân tích được những đặc điểm của chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp ảnh hưởng đến kiểm toán. Về mặt thực tiễn, khóa luận đã mô tả được các bước trong quy trình kiểm toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong kiểm toán BCTC do công ty TNHH kiểm toán AFC thực hiện, nêu được những ưu điểm, nhược điểm và các giải pháp hoàn thiện trong từng bước kiểm toán còn tồn tại.
248	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty Mai Phương (TNHH)	Cần Thị Ngọc Ánh	TS. Nguyễn Thị Mai Anh	Với mục tiêu tìm hiểu kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty Mai Phương (TNHH), khóa luận cho thấy khâu KSNB chu trình bán hàng thu tiền tại công ty tương đối tốt. Tuy nhiên, do những nguyên nhân khách quan và chủ quan nên KSNB vẫn còn hạn chế trong khâu Tiếp nhận và xử lý đơn đặt hàng của người mua; Chuyển giao hàng và lập hóa đơn; Theo dõi công nợ và thu tiền. Xuất phát từ những hạn chế này, khóa luận đề xuất các giải pháp gắn liền với những hạn chế đã nêu.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
249	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty TNHH Maxport Limited	Phạm Thị Thu Cúc	TS. Nguyễn Thị Mai Anh	Với mục tiêu tìm hiểu kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty TNHH Maxport Limited, khóa luận cho thấy công ty đã thiết kế và vận hành được các thủ tục kiểm soát trong khâu tiếp nhận và xử lý đơn đặt hàng của người mua; Chuyển giao hàng và lập hóa đơn; Theo dõi công nợ và thu tiền. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan nên KSNB nói chung và KSNB chu trình bán hàng thu tiền nói riêng vẫn còn tồn tại một số hạn chế. Trên cơ sở những hạn chế đã nêu, khóa luận đề xuất các giải pháp tương ứng và phù hợp với đặc điểm của công ty TNHH Maxport Limited.
250	Đại học chính quy	Hoàn thiện kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty cổ phần Xây dựng và thương mại Minh Hà Vy	Nguyễn Thị Hạnh	TS. Nguyễn Thị Mai Anh	Với mục tiêu xem xét thực trạng KSNB chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty cổ phần Xây dựng và thương mại Minh Hà Vy, khóa luận cho thấy công ty chưa có 1 bộ phận KSNB độc lập, còn nhiều thiếu sót trong khâu xử lý đơn hàng, xét duyệt, bán chịu và thu tiền. Vì vậy, để khắc phục những hạn chế này, thiết lập một bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập chịu trách nhiệm kiểm tra, xem xét, đánh giá định kỳ về KSNB là rất cần thiết. Đồng thời, nên xây dựng một bộ phận tín dụng khách hàng với những nhân viên có trình độ cao, chuyên môn về phân tích tài chính, phân tích khả năng thanh toán để có những điều chỉnh, cải tiến kịp thời trong khâu bán chịu và thu tiền.
251	Đại học chính quy	Kiểm toán khoản mục tài sản cố định trong kiểm toán báo cáo tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Asean thực hiện	Hoàn Thị Hiệp	TS. Nguyễn Thị Mai Anh	Với mục tiêu tìm hiểu quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Asean thực hiện, khóa luận đã phân tích được đặc điểm của TSCĐ ảnh hưởng đến kiểm toán tài chính, tổng quát được các bước trong quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ cả về lý luận và thực trạng do công ty Asean thực hiện. Qua đó, đánh giá những ưu điểm, những hạn chế còn tồn tại và đề xuất giải pháp với mong muốn

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					giúp Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Asean đạt được hiệu quả cao hơn trong công tác kiểm toán khoản mục TSCĐ nói riêng và nâng cao chất lượng kiểm toán nói chung
252	Đại học chính quy	Hoàn thiện kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty cổ phần Kinh doanh Gimex	Đỗ Thị Hiền	TS. Nguyễn Thị Mai Anh	Từ việc tìm hiểu tổng quan các đề tài đi trước, bên cạnh việc kế thừa cơ sở lý luận về KSNB chu trình bán hàng và thu tiền, khóa luận cũng có những điểm mới trong việc trình bày KSNB theo 5 yếu tố theo chuẩn mực kiểm toán 315 mới ban hành, trình bày thực trạng KSNB chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty cổ phần Kinh doanh Gimex. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, khóa luận phân tích sự cần thiết phải có KSNB trong doanh nghiệp, nguyên tắc hoàn thiện và các giải pháp cụ thể trong từng khâu vận hành của KSNB chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty cổ phần Kinh doanh Gimex.
253	Đại học chính quy	Hoàn thiện kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty TNHH công nghệ và sản phẩm tiên tiến	Đỗ Thị Hạnh	TS. Nguyễn Thị Mai Anh	Nhận thức được tầm quan trọng của KSNB, khóa luận đã đi sâu nghiên cứu, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn để từ đó tìm ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại Công ty TNHH công nghệ và sản phẩm tiên tiến. Các giải pháp hoàn thiện cụ thể bao gồm: Hoàn thiện thủ tục kiểm soát tiếp nhận và xử lý đơn đặt hàng; Hoàn thiện thủ tục kiểm soát liên quan đến chính sách tín dụng; Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chuyển giao hàng và lập hóa đơn; Hoàn thiện thủ tục kiểm soát thu tiền mặt; Hoàn thiện các thủ tục kiểm soát doanh thu bán hàng; Hoàn thiện thủ tục kiểm soát nợ phải thu khách hàng

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
254	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty Nam Thành Điện Biên	Khuất Thị Hoa	TS. Nguyễn Thị Mai Anh	Bám sát chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 315, khóa luận đã phân tích 5 yếu tố của môi trường kiểm soát là môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hệ thống thông tin và truyền thông, hoạt động kiểm soát, hoạt động giám sát. Đặc biệt khóa luận đã nêu được những hạn chế cố hữu của KSNB và các bước kiểm soát trong quy trình KSNB chu trình bán hàng - thu tiền. Từ đó, vận dụng lý luận vào thực tiễn KSNB chu trình bán hàng tại công ty Nam Thành Điện Biên và có những giải pháp khắc phục cho những hạn chế còn tồn tại
255	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty cổ phần dịch vụ tiếp vận Miền Đất Vàng	Hoàng Lan Hương	TS. Nguyễn Thị Mai Anh	Với thực trạng KSNB chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty cổ phần dịch vụ tiếp vận Miền Đất Vàng, khóa luận nhấn mạnh, trong hoàn cảnh hiện tại công ty cần nâng cao hiệu quả kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền. Bên cạnh những kế hoạch, chiến lược đã được xác định từ trước, Công ty cần phải linh hoạt tiếp cận thông tin thị trường hơn nữa, nâng cao những hoạt động kiểm soát các chu trình đặc biệt là chu trình bán hàng và thu tiền vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Cũng như thường xuyên đôn đốc nhắc nhở và điều chỉnh phương hướng hoạt động sao cho phù hợp với từng thời điểm, tình hình và diễn biến của thị trường nhằm phát huy tối đa tiềm năng kinh doanh của Công ty
256	Đại học chính quy	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định trong Kiểm toán Báo cáo tài chính do Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính	Trần Bảo Ngọc	TS. Vũ Thúy Hà	Khóa luận tập trung vào quy trình kiểm toán khoản mục Tài sản cố định tại công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính Hà Nội. Sau một thời gian thực tập để thu về số liệu thực tế, khóa luận đã có những ghi chép tổng hợp về quy trình công việc cần thực hiện. Cụ thể là ở trong ba bước chuẩn bị kiểm toán, thực hiện kiểm toán, kết thúc kiểm toán. Tuy nhiên, những hạn chế vẫn tồn tại ở cả ba giai đoạn này. Tác giả đã đề ra những giải pháp khắc phục cho từng giai

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Hà Nội thực hiện			đoạn (của kiểm toán báo cáo tài chính nói chung và kiểm toán tài sản cố định nói riêng). Từ những giải pháp này, cuộc kiểm toán sẽ trở nên hoàn thiện, tối ưu hơn.
257	Đại học chính quy	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong kiểm toán BCTC do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long thực hiện	Phi Thị Hằng My	TS. Vũ Thúy Hà	Với mục tiêu tìm hiểu và đánh giá quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long, khóa luận đã nghiên cứu và phân tích thực trạng kiểm toán doanh thu tại hai khách hàng khác nhau gồm khách hàng cũ và khách hàng mới bao gồm nội dung các bước công việc, trình tự, các thủ tục kiểm toán do kiểm toán Thăng Long đã thực hiện. Những mô tả thực tế này là tiền đề để đưa ra giải pháp hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
258	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty TNHH Cao Sơn	Trần Văn Long	TS. Vũ Thúy Hà	Với mục tiêu đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền trong Công ty TNHH Cao Sơn. Khóa luận đã tìm hiểu một số lý luận và các đề tài nghiên cứu về kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền rồi từ đó nghiên cứu về thực trạng về quy trình kiểm soát chu trình bán hàng và thu tiền trong công ty TNHH Cao Sơn, công ty TNHH Cao Sơn là Công ty thương mại chuyên kinh doanh các loại xe mô tô của Honda do Honda cung cấp, rồi tìm hiểu phương thức bán hàng và thu tiền, môi trường kiểm soát từ đó phân tích các thủ tục kiểm soát bao gồm kiểm soát: bán xe trả thẳng và bán xe trả góp. Kết quả cho thấy, công ty vẫn còn gặp một số vấn đề về trên kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền gây ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh. Rồi đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát phù hợp với các rủi ro, sai sót, gian lận có thể xảy ra cải thiện các nhược điểm để nâng cao hiệu quả kinh doanh cho công ty.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
259	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng	Phạm Thị Hồng Minh	TS. Vũ Thúy Hà	Khóa luận đánh giá khái quát về tình hình kiểm soát nội bộ tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần Công trình công cộng và Dịch vụ du lịch Hải Phòng với mục tiêu là làm rõ thực trạng KSNB đồng thời đề xuất giải pháp hoàn thiện KSNB về tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty. Để làm rõ thực trạng cũng như đề xuất giải pháp khóa luận được thực hiện trên 5 khía cạnh: Kiểm soát việc phê duyệt chính sách tiền lương, kiểm soát quá trình lập bảng chấm công, kiểm soát quá trình tính lương và các khoản trích theo lương, kiểm soát quá trình thanh toán lương, kiểm soát quá trình nộp thuế TNCN và các khoản trích theo lương cho Nhà nước. Kết quả cho thấy, hệ thống KSNB của công ty khá mạnh, đặc biệt là hoạt động kiểm soát tiền lương tốt, đánh giá đúng năng lực và các loại bảo hiểm cho người lao động rõ ràng.
260	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng thanh toán tại công ty cổ phần sản xuất và phát triển thương mại Thiên Phú	Phùng Thị Mai Lan	TS. Vũ Thúy Hà	Với mục tiêu tìm hiểu, đánh giá về kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng thanh toán tại công ty cổ phần sản xuất và phát triển thương mại Thiên Phú. Do đó, khóa luận của em đã tìm hiểu về các đề tài của các năm trước có liên quan để có cái nhìn tổng quan nhất. Sau đó là tìm hiểu về kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp nói chung và kiểm soát nội bộ của công ty Thiên Phú nói riêng. Kết quả tìm hiểu, đánh giá cho thấy kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng thanh toán tại công ty Thiên Phú tương đối chặt chẽ, đáp ứng được yêu cầu cho khâu mua hàng thanh toán diễn ra một cách thuận lợi phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, một số khâu của quá trình mua hàng thanh toán đôi khi còn gặp vấn đề dẫn đến có sự sai sót gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Vì vậy em đã đưa ra những nhược điểm để từ đó có những đề xuất biện pháp thích hợp nhằm hoàn

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					thiện kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng thanh toán tại công ty.
261	Đại học chính quy	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả người bán trong kiểm toán BCTC do công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Á Âu thực hiện	Vương Thị Mười	TS. Vũ Thúy Hà	Với mức độ phát sinh các nghiệp vụ nhiều với số lượng lớn, rủi ro phát sinh các sai phạm trong kiểm toán khoản mục nợ phải trả người bán trong kiểm toán BCTC là cao theo đó có sự ảnh hưởng đến quyết định của người sử dụng báo cáo tài chính. Khóa luận sử dụng số liệu kiểm toán của Công ty XY năm tài chính 2018 khi đã được kiểm toán BCTC. Qua quá trình nghiên cứu về quy trình kiểm toán khoản mục nợ phải trả người bán nhận thấy được các ưu điểm và hạn chế còn tồn tại, từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp như Công ty cần đặt ra các quy định chi tiết trong việc lựa chọn mức trọng yếu và rủi ro. Bên cạnh đó Công ty nên tham khảo như số liệu bình quân của ngành, các công ty uy tín và công ty đầu ngành trong lĩnh vực của khách hàng kết hợp với thông tin về tình hình môi trường kinh doanh và tình hình chung của nền kinh tế để phân tích.
262	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty TNHH Titaco Việt Nam	Hoàng Thị Khánh Linh	TS Vũ Thúy Hà	Với mục tiêu là tìm hiểu về hệ thống KSNB tại công ty TNHH Titaco Việt Nam, khóa luận đã làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về hệ thống KSNB tại doanh nghiệp. Phân tích các quan điểm khác nhau về hệ thống KSNB, từ đó đưa ra mô hình tổ chức KSNB làm khung lý thuyết nghiên cứu hệ thống KSNB tại công ty TNHH Titaco Việt Nam. Đồng thời khóa luận đã khái quát được quá trình hình thành và phát triển của công ty, phân tích và làm rõ đặc điểm về mặt hoạt động để làm rõ ảnh hưởng của nó đến việc thiết kế và vận hành hệ thống KSNB tại công ty. Từ việc phân tích thực trạng của công ty, khóa luận đã khái quát được các ưu và nhược điểm của hệ thống KSNB tại đơn vị, đồng thời phân tích được các nguyên nhân. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp cụ thể để hoàn

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					thiện hệ thống KSNB tại công ty.
263	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghệ Nam Hải	Nguyễn Thị Minh	TS. Vũ Thúy Hà	Với mục tiêu phát triển công ty, có thể cạnh tranh trên thị trường thì việc thay đổi chiến lược và công tác quản lý là việc cần thiết. Khóa luận sử dụng số liệu năm tài chính 2017. Qua quá trình nghiên cứu về kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng và thu tiền tại công ty nhận thấy được các ưu điểm và hạn chế còn tồn tại, từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động KSNB đối với việc ngăn ngừa rủi ro trong chu trình bán hàng và thu tiền. Bên cạnh đó Công ty vẫn giữ vững thị trường hiện có và đồng thời đẩy mạnh mở rộng phân phối sản phẩm đến khu vực khắp cả nước kết hợp với sự kiểm soát nội bộ để đạt được hiệu quả cao.
264	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ khoản mục vốn bằng tiền tại Công ty Cổ phần thiết bị y tế Long Giang	Trần Thị Thu Hương	TS. Vũ Thúy Hà	Khóa luận đã trình bày được cơ sở lý luận về kiểm soát nội bộ nói chung và kiểm soát nội bộ khoản mục vốn bằng tiền nói riêng tại công ty. Khóa luận đi sâu vào nghiên cứu và đánh giá thực trạng hoạt động của công ty cũng như quá trình kiểm soát vốn bằng tiền tại công ty một cách toàn diện, qua đó đưa ra những đánh giá về thực trạng công tác này tại công ty. Trên cơ sở nghiên cứu và thực trạng tại công ty Cổ phần thiết bị y tế Long Giang, khóa luận đã chỉ ra được những sự cần thiết cần hoàn thiện công tác kiểm soát nội bộ khoản mục vốn bằng tiền tại công ty nói riêng, chỉ ra được ưu điểm cũng như những tồn tại hạn chế tại công ty nói chung và KSNB khoản mục vốn bằng tiền nói riêng, từ đó đưa ra một số biện pháp nhằm quản lý chặt chẽ, giảm thiểu sai sót để hoàn thiện công tác KSNB và tăng khả năng cạnh tranh của công ty trên thị trường

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
265	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty Cổ phần TROPIKON	Cao Thế Long	TS.Vũ Thúy Hà	Thông qua việc nghiên cứu về kiểm soát nội bộ chu trình tiền lương của công ty Cổ phần Tropicor, cho thấy rằng công ty ban đầu đã thiết lập được hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với những đặc điểm hoạt động của công ty và tuân thủ các tiêu chuẩn trong khuôn mẫu kiểm soát nội bộ. Theo phạm vi nghiên cứu, hiện tại công ty Cổ phần Tropicor vẫn còn tồn tại một số khiếm khuyết trong hệ thống KSNB, song cho đến nay, vẫn chưa xảy ra những sai lệch trọng yếu về chu trình tiền lương
266	Đại học chính quy	Hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục TSCĐ trong kiểm toán báo cáo tài chính do công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt - Chi nhánh Miền Bắc thực hiện.	Nguyễn Thị Thảo Linh	TS.Vũ Thúy Hà	Với mục tiêu hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định, đồ án đã sử dụng số liệu báo cáo của công ty ABC là khách hàng của công ty TNHH kiểm toán - tư vấn Đất Việt - Cn miền bắc. Kết quả cho thấy, quy trình kiểm toán nhìn chung đã phù hợp với quy định và thực tế của công ty TNHH kiểm toán - tư vấn Đất Việt - CN miền Bắc tuy nhiên quy trình còn một vài hạn chế về phương pháp tìm hiểu hệ thống nội bộ của khách hàng, các thủ tục phân tích khoản mục tài sản cố định,... Vì vậy đồ án đã nêu ra phương hướng hoàn thiện và đề ra một số giải pháp để từ đó đưa ra kiến nghị với cơ quan chức năng, công ty TNHH kiểm toán - tư vấn Đất Việt - Cn miền Bắc nhằm hoàn thiện quy trình kiểm toán khoản mục tài sản cố định.
267	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty CP XD IDG Việt Nam	Vũ Thị Ngọc	TS.Vũ Thúy Hà	Khóa luận đánh giá khái quát về tình hình kiểm soát nội bộ tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty cổ phần xây dựng IDG Việt Nam với mục tiêu là làm rõ thực trạng KSNB đồng thời đề xuất giải pháp hoàn thiện KSNB về tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty. Để làm rõ thực trạng cũng như đề xuất giải pháp khóa luận được thực hiện trên 6 khía cạnh: Kiểm soát việc phê duyệt chính sách tiền lương, kiểm soát quá trình lập bảng chấm công, kiểm soát quá trình tính lương

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					và các khoản trích theo lương, kiểm soát quá trình thanh toán lương, kiểm soát quá trình nộp thuế TNCN và các khoản trích theo lương cho Nhà nước, kiểm soát quá trình tuyển dụng nhân sự. Kết quả cho thấy, hệ thống KSNB của công ty khá mạnh, đặc biệt là hoạt động kiểm soát tiền lương tốt, đánh giá đúng năng lực và các loại bảo hiểm cho người lao động rõ ràng.
268	Đại học chính quy	Kiểm soát nội bộ chu trình tiền lương và các khoản trích theo lương tại công ty cổ phần Thương mại và xây dựng Quang Huy.	Lê Thị Thùy Linh	TS.Vũ Thúy Hà	Thông qua việc nghiên cứu về kiểm soát nội bộ chu trình tiền lương của công ty Cổ phần Thương mại và xây dựng Quang Huy, cho thấy rằng công ty ban đầu đã thiết lập được hệ thống kiểm soát nội bộ phù hợp với những đặc điểm hoạt động của công ty và tuân thủ các tiêu chuẩn trong khuôn mẫu kiểm soát nội bộ. Theo phạm vi nghiên cứu, hiện tại công ty Cổ phần Thương mại và xây dựng Quang Huy vẫn còn tồn tại một số khiếm khuyết trong hệ thống KSNB, song cho đến nay, vẫn chưa xảy ra những sai lệch trọng yếu về chu trình tiền lương.
II	Ngành Quản trị dịch vụ và lễ hành				
1	Đại học chính quy	Thực trạng chất lượng chương trình du lịch Inbound tại công ty TNHH du lịch Sen group	Nguyễn Thị Hiền Anh	TS. Trần Minh Nguyệt	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về chất lượng chương trình du lịch Inbound Đánh giá thực trạng chất lượng chương trình du lịch Inbound tại công ty TNHH du lịch Sen group Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chương trình du lịch Inbound tại công ty TNHH du lịch Sen group
2	Đại học chính quy	Thực trạng chất lượng chương trình du lịch của công ty CP du lịch và tiếp thị giao thông vận tải Việt Nam Vietravel - chi nhánh Hà Nội	Nguyễn Thị Minh Châu	TS. Trần Minh Nguyệt	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về chất lượng chương trình du lịch của công ty lễ hành Đánh giá thực trạng chất lượng chương trình du lịch của công ty CP du lịch và tiếp thị giao thông vận tải Việt Nam Vietravel - chi nhánh Hà Nội Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chương trình du lịch tại công ty này

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
3	Đại học chính quy	Thực trạng chất lượng dịch vụ nhà hàng của công ty CP du thuyền Đông Dương	Phạm Quỳnh Châu	TS. Trần Minh Nguyệt	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về chất lượng dịch vụ nhà hàng Đánh giá thực trạng chất lượng chương trình dịch vụ nhà hàng của công ty CP du thuyền Đông Dương Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ nhà hàng của công ty CP du thuyền Đông Dương
4	Đại học chính quy	Một số giải pháp hoàn thiện chính sách marketing tại du thuyền Sealife Legend, công ty TNHH Sealife Group	Lê Thị Lan Thảo	ThS. Đỗ Thị Phương	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về chính sách marketing trong kinh doanh dịch vụ lưu trú. Đánh giá thực trạng chính sách marketing tại du thuyền Sealife Legend thuộc công ty TNHH Sealife Group. Đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách marketing tại du thuyền Sealife Legend thuộc công ty TNHH Sealife Group.
5	Đại học chính quy	Thực trạng hoạt động marketing dịch vụ du lịch tại công ty cổ phần du lịch Nghệ An – Trung tâm lễ hành quốc tế Bông Sen Vàng	Nguyễn Thị Kim Ngân	ThS. Nguyễn Minh Tuấn	Khái quát cơ sở lý luận các khái niệm về marketing dịch vụ du lịch, hoạt động marketing trong doanh nghiệp du lịch Phân tích, đánh giá thực trạng chính sách marketing của Công ty CP Du lịch Nghệ An – Trung tâm lễ hành quốc tế Bông Sen Vàng Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách marketing Công ty CP Du lịch Nghệ An – Trung tâm lễ hành quốc tế Bông Sen Vàng để tăng lượng khách hàng đến với công ty trong thời gian tới
6	Đại học chính quy	Thực trạng hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần Lễ hành Việt – du lịch Việt Nam	Phạm Thị Phương Anh	TS. Trần Minh Nguyệt	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lễ hành. Đánh giá thực trạng kinh doanh của công ty Cổ phần Lễ hành Việt – du lịch Việt Nam. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh tại Cổ phần Lễ hành Việt – du lịch Việt Nam.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
7	Đại học chính quy	Nghiên cứu sự hài lòng của khách du lịch về dịch vụ ăn uống tại du thuyền Sealife Legend, công ty trách nhiệm hữu hạn Sealife Group	Phạm Thanh Tùng	ThS. Nguyễn Minh Tuấn	Cơ sở lý luận và thực tiễn về đánh giá sự hài lòng của khách du lịch về dịch vụ ăn uống. Đánh giá sự hài lòng của khách du lịch về dịch vụ ăn uống tại du thuyền Sealife Legend, công ty TNHH Sealife Group. Một số giải pháp gia tăng sự hài lòng của khách du lịch về dịch vụ ăn uống tại du thuyền Sealife Legend, công ty TNHH Sealife Group.
8	Đại học chính quy	Thực trạng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Sapa relax hotel and Spa	Vũ Ngọc Anh	TS.Trần Minh Nguyệt	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực khách sạn. Thực trạng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Sapa relax hotel and Spa Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại Sapa relax hotel and spa
9	Đại học chính quy	Một số giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú tại công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Thái Tuấn.	Bùi Thị Huyền Trang	ThS. Đỗ Thị Phương	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về nâng cao chất lượng dịch vụ lưu trú trong kinh doanh khách sạn. Đánh giá thực trạng chất lượng dịch vụ lưu trú tại công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Thái Tuấn. Đề xuất một số giải pháp pháp nhằm nâng cao chất lượng lưu trú tại công ty trách nhiệm hữu hạn dịch vụ Thái Tuấn.
10	Đại học chính quy	Thực trạng thu hút khách nội địa tại Công ty Cổ phần Vận tải Du lịch Hải Thiên	Nguyễn Thị Miên	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động thu hút khách du lịch nội địa tại doanh nghiệp lữ hành Đánh giá thực trạng hoạt động thu hút khách nội địa của Công ty Cổ phần Vận tải Du lịch Hải Thiên Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường khả năng thu hút khách du lịch nội địa của Công ty Cổ phần Vận tải Du lịch Hải Thiên

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
11	Đại học chính quy	Quản trị chất lượng tour nội địa tại Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại TK Việt Nam	Tô Thị Minh Phương	ThS. Nguyễn Minh Tuấn	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản trị chất lượng tour nội địa trong doanh nghiệp lữ hành Đánh giá thực trạng quản trị chất lượng tour nội địa tại Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại TK Việt Nam Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị chất lượng tour nội địa tại Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại TK Việt Nam.
12	Đại học chính quy	Nâng cao chất lượng hướng dẫn viên du lịch nội địa tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Mai Lâm	Nguyễn Thị Nga	ThS. Nguyễn Minh Tuấn	Khái quát cơ sở lý luận và thực tiễn về nâng cao chất lượng hướng dẫn viên du lịch nội địa tại công ty Đánh giá thực trạng chất lượng hướng dẫn viên du lịch nội địa tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Mai Lâm Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng hướng dẫn viên du lịch nội địa tại Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Mai Lâm
13	Đại học chính quy	Hoàn thiện chính sách Marketing tại công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Du lịch Sen Việt Hà Nội	Vũ Thị Lam	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Khái quát cơ sở lý luận và thực tiễn về Marketing trong kinh doanh du lịch. Đánh giá thực trạng chính sách Marketing tại công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Du lịch Sen Việt Hà Nội. Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách Marketing tại công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ và Du lịch Sen Việt Hà Nội.
14	Đại học chính quy	Một số giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ buồng phòng tại du thuyền Sealife Legend, thuộc công ty TNHH Sealife Group	Phạm Quốc Hùng	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Cơ sở lý luận và thực tiễn về chất lượng dịch vụ buồng phòng. Thực trạng chất lượng dịch vụ buồng phòng tại du thuyền Sealife Legend Cruise thuộc công ty TNHH Sealife Group. Một số giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ buồng phòng tại du thuyền Sealife Legend Cruise thuộc công ty TNHH Sealife Group.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
15	Đại học chính quy	Giải pháp Marketing nhằm thu hút khách du lịch tại công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ du lịch trực tuyến Việt Nam ETV	Nguyễn Hoàng Yến	Th.S Ngô Thị Duyên	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động marketing nhằm thu hút khách du lịch của doanh nghiệp lữ hành. Thực trạng hoạt động marketing nhằm thu hút khách du lịch của công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ du lịch trực tuyến Việt Nam ETV. Đề xuất giải pháp marketing nhằm thu hút khách du lịch tại công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ du lịch trực tuyến Việt Nam ETV.
16	Đại học chính quy	Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chương trình du lịch tại công ty TNHH Thương mại và du lịch Huyền Thoại Á Châu	Hoàng Thị Thu Hương	Th.S Nguyễn Thị Thanh Mai	Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận về chất lượng chương trình du lịch. Đánh giá thực trạng chất lượng chương trình du lịch tại công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và du lịch huyền thoại Á Châu. Đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng chương trình du lịch tại công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại và du lịch huyền thoại Á Châu.
17	Đại học chính quy	Thực trạng hoạt động kinh doanh lữ hành của Công ty Cổ Phần Quốc Tế Bờ Biển Việt	Lê Thị Hà	TS. Trần Minh Nguyệt	Khát quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về kinh doanh lữ hành. Đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh lữ hành của Công ty Cổ phần Quốc tế Bờ Biển Việt. Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng kinh doanh lữ hành của Công ty Cổ phần Quốc tế Bờ Biển Việt.
18	Đại học chính quy	Thực trạng và một số giải pháp nhằm thu hút khách tại nhà hàng Cafe promenade thuộc khách sạn Daewoo	Trần Thị Thúy Hồng	Th.S Nguyễn Thị Thanh Mai	Hệ thống khái quát hóa được một số vấn đề lý luận cơ bản về Marketing mix nhằm thu hút khách tại nhà hàng. Khảo sát và phân tích được thực trạng thu hút khách tại nhà hàng Café Promenade thuộc khách sạn Daewoo Hà Nội. Đưa ra quan điểm và đề xuất được giải pháp, kiến nghị có tính khả thi nhằm thu hút khách tại nhà hàng Café Promenade thuộc khách sạn Daewoo Hà Nội trong thời gian tới.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
19	Đại học chính quy	Thực trạng chiến lược marketing mix của công ty TNHH một thành viên Du lịch quốc tế Bình Minh	Vũ Kiều Chinh	TS. Trần Minh Nguyệt	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về chiến lược marketing mix trong doanh nghiệp du lịch. Đánh giá thực trạng chiến lược marketing mix của công ty TNHH MTV du lịch quốc tế Bình Minh. Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chiến lược marketing mix của công ty TNHH MTV du lịch quốc tế Bình Minh.
20	Đại học chính quy	Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ ăn uống tại khách sạn Sonnam Plaza	Nguyễn Cẩm Vân	Th.S Ngô Thị Duyên	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về nâng cao chất lượng dịch vụ ăn uống khách sạn. Phân tích thực trạng chất lượng dịch vụ ăn uống tại khách sạn Sonnam Plaza. Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ ăn uống tại khách sạn Sonnam Plaza.
21	Đại học chính quy	Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chương trình du lịch tại công ty cổ phần du lịch và dịch vụ Hòn Gai	Nguyễn Thị Hà Trang	Th.S Đỗ Thị Phương	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về chất lượng chương trình du lịch. Đánh giá thực trạng chất lượng chương trình du lịch tại công ty cổ phần du lịch và dịch vụ Hòn Gai Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng chương trình du lịch tại công ty cổ phần du lịch và dịch vụ Hòn Gai
22	Đại học chính quy	Thực trạng hoạt động Marketing Mix tại công ty CP Đầu tư thương mại và dịch vụ Mai Lâm	Nguyễn Thị Hương 128	Th.S Nguyễn Thị Thanh Mai	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động Marketing-mix trong kinh doanh lẻ hành Đánh giá thực trạng hoạt động Marketing-mix tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ Mai Lâm Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện Marketing-mix tại Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ Mai Lâm

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
23	Đại học chính quy	Phát triển du lịch bền vững tại khu di tích quốc gia Pác Bó, tỉnh Cao Bằng	Nông Thúy Nga	Th.S Nguyễn Minh Tuấn	Khái quát hóa cơ sở lý luận thực tiễn về phát triển du lịch bền vững. Đánh giá thực trạng phát triển du lịch bền vững tại khu di tích quốc gia Pác Bó, tỉnh Cao Bằng. Đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch bền vững tại khu di tích quốc gia Pác Bó, tỉnh Cao Bằng.
24	Đại học chính quy	Thực trạng chất lượng dịch vụ nhà hàng của công ty cổ phần Tập Đoàn Sông Hồng Thủ Đô	Nguyễn Thị Dịu	TS. Trần Minh Nguyệt	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về chất lượng dịch vụ nhà hàng Đánh giá thực trạng chất lượng dịch vụ nhà hàng của công ty cổ phần tập đoàn Sông Hồng Thủ Đô Đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ nhà hàng của công ty cổ phần tập đoàn sông hồng thủ đô
25	Đại học chính quy	Thực trạng và giải pháp thu hút khách du lịch đến từ Pháp tại công ty TNHH du lịch và thương mại tổng hợp Kiều Phương	Nguyễn Thị Thanh Huyền	ThS. Nguyễn Thị Thanh Mai	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động marketing nhằm thu hút khách du lịch của doanh nghiệp lữ hành. Đánh giá thực trạng hoạt động marketing nhằm thu hút khách du lịch đến từ Pháp của công ty TNHH du lịch và thương mại tổng hợp Kiều Phương. Đề xuất một số giải pháp marketing nhằm thu hút khách du lịch đến từ Pháp tại công ty TNHH du lịch và thương mại tổng hợp Kiều Phương.
26	Đại học chính quy	Thực trạng quản lý nguồn nhân lực tại nhà hàng thuộc công ty cổ phần Tập Đoàn Sông Hồng Thủ Đô	Nguyễn Thị Hương 371	Th.S Nguyễn Thị Thanh Mai	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý nguồn nhân lực. Đánh giá thực trạng quản lý nguồn nhân lực tại nhà hàng thuộc công ty cổ phần Tập Đoàn Sông Hồng Thủ Đô. Đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng quản lý nguồn nhân lực tại nhà hàng thuộc công ty cổ phần Tập Đoàn Sông Hồng Thủ Đô.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
27	Đại học chính quy	Thực trạng chiến lược marketing mix của công ty TNHH nhà nước một thành viên du lịch công đoàn Hà Nội	Cao Xuân Duy	TS. Trần Minh Nguyệt	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về chiến lược marketing mix trong kinh doanh lữ hành Đánh giá thực trạng chiến lược marketing mix của công ty TNHH nhà nước một thành viên du lịch công đoàn Hà Nội Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện chiến lược marketing mix của công ty này
28	Đại học chính quy	Hoàn thiện chiến lược marketing mix của công ty TNHH thương mại và dịch vụ du lịch Sông Mã	Trần Hải Hà	TS. Trần Minh Nguyệt	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về chiến lược marketing mix trong kinh doanh lữ hành Đánh giá thực trạng chiến lược marketing mix của công ty TNHH thương mại và dịch vụ du lịch Sông Mã Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện chiến lược marketing mix của công ty TNHH thương mại và dịch vụ Sông Mã

II. KHỐI NGÀNH IV

I. Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững

1	Đại học chính quy	Nghiên cứu ảnh hưởng bất lợi của điều kiện thời tiết, khí hậu đối với sức khỏe cộng đồng dân cư thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (Giai đoạn 2010-2017)	Nguyễn Tuấn Dũng	PGS. TS. Nguyễn Thế Hưng	Xác định một số đặc trưng về thời tiết giai đoạn 2010 - 2017 ở khu vực TP Vinh, tỉnh Nghệ An. Trong đó, chú ý đến các đặc trưng về nhiệt độ, độ ẩm và lượng mưa; So sánh các chỉ tiêu khí hậu nói trên với các giai đoạn trước đây và đưa ra nhận xét cơ bản về điều kiện khí hậu ở vùng nghiên cứu; Căn cứ vào các số liệu thu thập được từ các đơn vị quản lý y tế và các cơ sở điều trị, đánh giá một số ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng dân cư khu vực TP Vinh, tỉnh Nghệ An; Đề xuất một số biện pháp bảo vệ sức khỏe của con người ở địa bàn nghiên cứu trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
2	Đại học chính quy	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường làng nghề lợp sừng trên địa bàn thôn Thụy Ứng, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	Nguyễn Bá Cương	ThS. Đinh Thị Hương	Làng nghề Thụy Ứng, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội hiện nay đối mặt với vấn đề môi trường cấp thiết phải giải quyết như ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước, đất do nghề làm lợp sừng, thủ công mỹ nghệ từ sừng và chế biến da trâu, bò. Khóa luận nghiên cứu thực trạng hoạt động sản xuất và hiện trạng môi trường làng nghề tại làng nghề Thụy Ứng, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín, từ đó đề xuất một số giải pháp bảo vệ môi trường làng nghề Thụy Ứng, xã Hòa Bình, huyện Thường Tín.
3	Đại học chính quy	Nghiên cứu, đề xuất một số giải pháp quản lý bền vững nguồn nước cấp sông Như Nguyệt trên địa bàn thành phố Bắc Ninh trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Nguyễn Tùng Lâm	ThS. Nguyễn Ngọc Ánh	Đề tài nghiên cứu thực trạng chất lượng nguồn nước sông Như Nguyệt trên địa bàn thành phố Bắc Ninh thông qua việc quan trắc và phân tích một số chỉ tiêu độ pH, BOD, COD, E.Coli và tổng lượng chất rắn lơ lửng. Trên cơ sở thực trạng chất lượng nguồn nước, tác giả đề xuất một số giải pháp quản lý bền vững về chất lượng nguồn nước mặt sông Như Nguyệt trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.
4	Đại học chính quy	Đánh giá tính đa dạng thực vật trong thảm thực vật thoái hóa ở xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh	Lê Hoài Nam	PGS.TS. Nguyễn Thế Hưng	Xác định các kiểu thảm thực vật (Vegetation) thoái hóa ở vùng nghiên cứu; Phân tích tính đa dạng hệ thực vật (Flora) theo các bậc taxon trong một số thảm thực vật thoái hóa do tác động nhiều mặt của con người ở xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; Xác định một số ảnh hưởng xấu đến sự tồn tại và phát triển của thảm thực vật; Đề xuất một số giải pháp cho việc sử dụng và bảo tồn thảm thực vật
5	Đại học chính quy	Nghiên cứu thực trạng sinh kế của người lao động nhập cư trên địa bàn quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Huyền Anh	ThS. Đinh Thị Hương	Khóa luận đã tiến hành khảo sát thực trạng sinh kế của người nhập cư lao động, đánh giá tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu đối với hoạt động sinh kế của hai nhóm đối tượng người lao động nhập cư nam và nữ trên địa bàn quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, từ đó đề xuất được một số giải pháp nhằm tăng cường khả

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		trong bối cảnh biến đổi khí hậu.			năng thích ứng cho sinh kế của người lao động nhập cư trên địa bàn trong bối cảnh BĐKH
6	Đại học chính quy	Nghiên cứu thực trạng chăn nuôi bò sữa và đề xuất mô hình phát triển kinh tế bền vững tại xã Yên Bài, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	Trần Thị Kim Anh	ThS. Bùi Thị Phương Thùy	Đề tài đã đánh giá được hiện trạng chăn nuôi bò sữa hiện nay tại xã Yên Bài, Huyện Ba Vì Hà Nội, nêu được các thuận lợi - khó khăn trong việc chăn nuôi và phát triển đàn bò sữa ở đây. Qua đó, tính toán được chi phí lợi ích của chăn nuôi bò so với các hình thức nông nghiệp khác. Qua đó đề xuất được các giải pháp và một số mô hình để phát triển chăn nuôi bò bền vững hiện nay và trong tương lai.
7	Đại học chính quy	Thực trạng và giải pháp bảo vệ môi trường làng nghề tại địa bàn xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	Trần Tuấn Anh	TS. Nguyễn Thị Mỹ Vân	Ô nhiễm môi trường ở các làng nghề là một trong những vấn đề bức xúc nhất ở nước ta hiện nay. Trước thực trạng đó, Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương đã có nhiều giải pháp nhằm từng bước cải thiện môi trường ở những khu vực này, tuy nhiên vấn đề ô nhiễm vẫn chưa được giải quyết triệt để. Từ thực trạng đó đề tài đã chọn xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội - nơi có làng nghề mộc truyền thống nổi tiếng để tìm hiểu về thực trạng ô nhiễm môi trường, xác định các nguyên nhân gây nên ô nhiễm. Từ khảo sát thực tế và lấy mẫu nước để phân tích dựa trên quy chuẩn, đề tài đã xác định được 3 vấn đề ô nhiễm chính hiện nay tại địa phương là ô nhiễm tiếng ồn, bụi và ô nhiễm nước xuất phát từ hoạt động sản xuất làm mộc. Từ kết quả phân tích, đề tài đã đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm góp phần từng bước cải thiện vấn đề môi trường tại địa phương.
8	Đại học chính quy	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến năng suất lúa ở tỉnh Thái Bình	Nguyễn Ngọc Anh	TS. Thái Thị Thanh Minh ThS. Nguyễn Văn Đại	Nhiệt độ: Cây lúa yêu cầu nhiệt độ khác nhau qua các thời kỳ sinh trưởng. Ở thời kỳ cơ sở (1986-2005) nhiệt độ trung bình các năm, nhiệt độ tối đa, nhiệt độ tối thấp đều có xu hướng tăng lên, tuy nhiên mức tăng thấp (1oC) nên ảnh hưởng đến năng suất lúa chưa rõ rệt. Ở thế kỷ 21, theo kịch bản BĐKH ở cả hai kịch bản RCP4.5 và RCP8.5 thì nhiệt độ đều

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					tăng từ 10°C đến 30°C có lợi cho sự phát triển của cây lúa; Lượng mưa: Ở thời kỳ nền, lượng mưa lớn nhất rơi vào tháng 7;8;9; mùa khô bắt đầu từ tháng 10 đến tháng 4; hạn hán vào tháng 12 và tháng 1. Dưới tác động của BĐKH, trong thế kỷ 21, lượng mưa trung bình năm tại tỉnh Thái Bình có những biến đổi cụ thể so với thời kỳ cơ sở (1986-2005) như sau: Lượng mưa trung bình năm và lượng mưa mùa hè đều có xu thế tăng ở tất cả các thời kỳ của cả hai kịch bản RCP4.5 và kịch bản RCP8.5.
9	Đại học chính quy	Đánh giá tính dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu tại xã Cam Đường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Nguyễn Linh Chi	ThS. Đinh Thị Hương	Xã Cam Đường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai nằm ở đầu nguồn sông Hồng và sông Nậm Thi có điều kiện địa hình phân cấp mạnh, hệ thống sông suối dày đặc, khu vực đô thị nằm gọn trong thung lũng lòng chảo, xung quanh bao bọc bởi đồi núi nên rất dễ bị tổn thương trước những tác động của BĐKH. Trong thời gian vừa qua, nền nhiệt độ của khu vực có xu hướng tăng nhanh, các hiện tượng khí hậu cực đoan cũng có xu hướng xảy ra nhiều và mạnh hơn, đặc biệt những tai biến thiên nhiên như lũ quét, lũ ống, sạt lở đất ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân, gây nhiều sức ép trong phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương. Khóa luận khảo sát thực trạng tác động của biến đổi khí hậu đến hệ thống hạ tầng, con người tại xã Cam Đường, từ đó xác định mức độ dễ bị tổn thương của cộng đồng xã Cam Đường, thành phố Lào Cai.
10	Đại học chính quy	Nghiên cứu giải pháp phát triển bền vững cho hoạt động sinh kế trồng nhãn tại xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Phạm Thị Cúc	ThS. Đinh Thị Hà Giang	Xã Hồng Nam có điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu thuận lợi để phát triển trồng nhãn. Tuy nhiên, hiện nay giá trị của hoạt động trồng nhãn tại địa phương chưa cân xứng với tiềm năng, năm 2018 doanh thu từ hoạt động trồng nhãn chiếm 18,27% tổng cơ cấu kinh tế của xã. Các nguồn lực phát triển sinh kế trồng nhãn của người dân xã Hồng Nam còn hạn chế. Nghiên cứu đã đề xuất được 05

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					nhóm giải pháp để giải quyết những thách thức về các nguồn vốn sinh kế cho hoạt động trồng nhãn.
11	Đại học chính quy	Đánh giá sự biến đổi về chất lượng môi trường khi thực hiện dự án “Tòa nhà hỗn hợp văn phòng, dịch vụ, thương mại, khách sạn và nhà ở Nguyễn Hoàng” tại phố Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	Hà Mạnh Cường	ThS. Trần Quốc Cường	Đề án nghiên cứu sự biến đổi về chất lượng môi trường trong quá trình thực hiện xây dựng dự án nhà ở và tổ hợp dịch vụ Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Qua đề tài, tác giả đã xác định được các nguồn gây ô nhiễm chủ yếu, tính toán được các thành phần môi trường, đưa ra các giải pháp nhằm giảm thiểu tới mức cho phép các thông số về môi trường của dự án. Đề tài cũng góp phần xây dựng những quy chuẩn cơ bản trong việc đánh giá môi trường khi thực hiện các dự án xây dựng chung cư và tổ hợp thương mại.
12	Đại học chính quy	Nghiên cứu một số giải pháp phát triển bền vững trong khai thác hải sản tại xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá	Trần Cao Ngọc Hà	TS. Nguyễn Viết Thành	Đề tài “Nghiên cứu một số giải pháp pháp triển bền vững trong khai thác hải sản tại xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa” được thực hiện nhằm mục tiêu: - Nghiên cứu thực trạng khai thác hải sản trên địa bàn xã Hải Bình - Tìm ra phương thức thực hiện các giải pháp đã có trong KTHS hiệu quả - Nghiên cứu và đề xuất giải pháp PTBV trong KTHS ở bối cảnh hiện nay - Cung cấp cơ sở khoa học cho việc quản lý và khai thác hải sản theo hướng phát triển bền vững Kết quả đề tài đã thực hiện được các nội dung nghiên cứu cụ thể như sau: - Khảo sát thực trạng KTHS của người dân xã Hải Bình - Nghiên cứu các giải pháp PTBV trong KTHS đang thực hiện tại xã Hải Bình - Đề xuất các giải pháp

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
13	Đại học chính quy	Nghiên cứu một số giải pháp phát triển bền vững cây cam sành theo chuỗi giá trị sản phẩm tại huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang	Nguyễn Mạnh Hải	TS. Trần Thị Mai Phương	Hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến chuỗi giá trị nông sản và vai trò của xây dựng chuỗi giá trị nông sản đối với phát triển nông nghiệp bền vững; Đánh giá hiện trạng phát triển cây cam sành và các mối liên kết trong chuỗi giá trị cam sành trên địa bàn huyện Bắc Quang; Đề xuất một số giải pháp xây dựng và phát triển bền vững cây cam sành theo chuỗi giá trị sản phẩm tại huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.
14	Đại học chính quy	Nghiên cứu giải pháp phát triển bền vững làng nghề mộc truyền thống tại xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Thị Thu Hiền	TS. Nguyễn Thị Mỹ Vân	Nghề mộc ở xã Chàng Sơn xuất hiện từ thế kỷ 16, trải qua bao thăng trầm và tồn tại cho đến tận ngày nay. Hoạt động này đã góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương và đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội của cộng đồng. Để tìm hiểu về hoạt động sinh kế này, đề tài đã vận dụng kết hợp các phương pháp điều tra xã hội học để khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng phát triển làng nghề mộc ở xã Chàng Sơn, huyện Thạch Thất, Hà Nội. Từ những kết quả đánh giá thực trạng, đề tài vận dụng tiếp cận Sinh kế bền vững để xác định được những cơ hội và thách thức của hoạt động sinh kế nghề mộc trong giai đoạn hiện nay, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm giúp làng nghề mộc truyền thống tại địa phương phát triển theo hướng bền vững hơn.
15	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng khai thác cát, sỏi lòng sông và đề xuất một số giải pháp quản lý bền vững trên địa bàn tỉnh Nam Định	Tổng Thị Thu Huyền	TS. Nguyễn Thị Thục Anh ThS. Bùi Thị Phương Thùy	Đề tài đánh giá được hiện trạng khai thác cát sỏi lòng sông hiện nay trên địa bàn Tỉnh Nam Định. Đánh giá được các tác động của môi trường do khai thác cát sỏi trên địa bàn. Nêu được các thuận lợi, khó khăn trong việc khai thác cát sỏi lòng sông hiện nay. Qua đó đề xuất các biện pháp thích hợp để quản lý bền vững việc khai thác cát sỏi trên các sông trên địa bàn Tỉnh Nam Định.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
16	Đại học chính quy	Đánh giá tính dễ bị tổn thương và đề xuất một số giải pháp nâng cao khả năng thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu cho cộng đồng dân cư trên địa bàn xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng	Đỗ Đồng Hưng	ThS. Nguyễn Ngọc Ánh	Xác định các yếu tố phơi nhiễm và mức độ tổn thương của cộng đồng dân cư xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng trước tác động của BĐKH. - Đánh giá khả năng thích ứng của cộng đồng dân cư xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng trước các tác động của BĐKH. - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực thích ứng với các tác động của BĐKH cho cộng đồng dân cư xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.
17	Đại học chính quy	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu của người dân ở thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	Đặng Thị Thanh Hương	TS. Tống Thị Mỹ Thi	1. Có 4 chỉ số đánh giá được mức độ phơi nhiễm trước BĐKH và năng lực thích ứng của người dân trên địa bàn thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam gồm: Nhà ở và điều kiện sinh hoạt, năng lực kinh tế, nguồn hỗ trợ từ bên ngoài, thiên tai và năng lực ứng phó với thiên tai. Trong đó, nguồn hỗ trợ từ bên ngoài và năng lực ứng phó với thiên tai là hai yếu tố quan trọng giúp nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH của các hộ gia đình. 2. Người dân tại địa phương gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin liên quan đến BĐKH, phòng chống thiên tai. Việc được tham gia tập huấn nâng cao năng lực phòng chống thiên tai, ứng phó với BĐKH và khả năng tiếp cận với nguồn lực hỗ trợ bên ngoài trong công tác cứu hộ còn chưa được đảm bảo. 3. Các biện pháp được đề xuất: (1) Tập huấn nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH và (2) tăng cường khả năng tiếp cận các trung tâm cứu hộ cứu nạn .

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
18	Đại học chính quy	Nghiên cứu khả năng tái sinh của thảm thực vật thoái hóa ở xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Đỗ Thị Quỳnh Hương	PGS.TS Nguyễn Thế Hưng	Đưa ra được tiêu chí xác định thảm thực vật thoái hóa; Xác định các trạng thái thảm thực vật thoái hóa ở xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; Đánh giá năng lực tái sinh của các loài cây gỗ trong các trạng thái thảm thực vật thoái hóa ở xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở nghiên cứu một số tiêu chí cơ bản: mật độ cây gỗ tái sinh, tổ thành các loài cây gỗ tái sinh và sự phân bố của cây tái sinh trong không gian...Đề xuất một số giải pháp trong việc bảo vệ và phát triển thảm thực vật thoái hóa ở vùng nghiên cứu.
19	Đại học chính quy	Đánh giá hoạt động sản xuất tương bản tại thị trấn Bần Yên Nhân, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Thị Thu Hương	ThS. Đinh Thị Hà Giang	Các nguồn lực phát triển sinh kế sản xuất tương Bản của người dân thị trấn Bần Yên Nhân nói chung và 2 thôn Cộng Hòa, Phố Bần nói riêng còn hạn chế, cụ thể: (i) Về vốn con người, phần lớn người dân chỉ học hết bậc THPT; (ii) Về vốn xã hội, khoảng một nửa người dân chưa được tiếp xúc với các hỗ trợ từ Hội làng nghề tương Bản; (iii) Về vốn vật chất, các loại máy móc sử dụng trong sinh kế sản xuất tương Bản chưa được đầu tư đồng bộ, đa số các công đoạn vẫn làm thủ công; (iv) Về vốn tự nhiên, các yếu tố thời tiết có ảnh hưởng đến quá trình sản xuất tương Bản, các nguồn nguyên liệu đầu vào đều đã đảm bảo chất lượng; (v) Về vốn tài chính, nguồn vốn tài chính của các hộ gia đình khá ổn định nhưng vẫn có một số hộ phải vay vốn để phục vụ hoạt động sinh kế. Để phát triển hoạt động sinh kế sản xuất tương Bản, nghiên cứu đưa ra 03 giải pháp nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng của người dân, bảo vệ môi trường và có thị trường đầu ra ổn định.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
20	Đại học chính quy	Nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu đến hoạt động trồng trọt tại xã Liên Chung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang	Nguyễn Thị Khuyên	ThS. Nguyễn Ngọc Ánh	Đề tài phân tích một số biểu hiện chính của BĐKH tại tỉnh Bắc Giang thông qua phân tích sự biến đổi của các yếu tố khí hậu liên quan đến nhiệt độ và lượng mưa trong khoảng thời gian hơn 30 năm. Đánh giá hiện trạng hoạt động trồng trọt, bao gồm cơ cấu các loại cây trồng chính, lịch mùa vụ và các tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan đến hoạt động trồng trọt tại xã Liên Chung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, từ đó đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao khả năng thích ứng trong lĩnh vực này trước các tác động của BĐKH
21	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng vệ sinh an toàn thực phẩm tại thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Nguyễn Hoàng Tùng Lâm	TS. Nguyễn Thị Mai Phương	Lựa chọn bộ tiêu chí đánh giá thực trạng vệ sinh an toàn thực phẩm đối với thức ăn đường phố, thực phẩm tươi sống; Khảo sát, đánh giá thực trạng vệ sinh an toàn thực phẩm đối với thức ăn đường phố và đối với thực phẩm tươi sống tại các cơ sở sản xuất và kinh doanh; Khảo sát, đánh giá nhận thức của người dân về vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm; Đánh giá công tác kiểm tra, quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm của các cơ quan quản lý tại Thành phố Lào Cai; Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tại thành phố Lào Cai.
22	Đại học chính quy	Nghiên cứu vai trò của hoạt động tự học trong giáo dục đại học về biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	Nguyễn Thùy Linh	TS. Tống Thị Mỹ Thi	Thông qua việc khảo sát về hoạt động tự học của sinh viên ở BMBĐKH và KCNTT, thuộc HUNRE: Sinh viên còn dành quá ít thời gian cho việc tự học, chưa cân đối việc tự học với các hoạt động khác. Việc thực hành các hoạt động tự học không thường xuyên dẫn đến việc tự học không hiệu quả. Thái độ của sinh viên còn hời hợt, thờ ơ với việc tự học, gây cản trở không nhỏ tới việc tự học của sinh viên. Ngoài ra, trong số 3 khóa sinh viên thuộc hai Khoa/Bộ môn, sinh viên năm ba lại có thái độ và mức độ thực hành tự học kém hơn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Từ tương quan của hoạt động tự học đến điểm số của sinh viên, ta thấy được vai trò của tự học là không hề nhỏ: giúp sinh viên đặc biệt là sinh viên ngành BDKH và PTBV, đạt được những kết quả học tập tốt và từ đó hình thành những kỹ năng cần thiết trong học tập và đời sống.
23	Đại học chính quy	Ứng dụng GIS và viễn thám thành lập bản đồ biến động lớp phủ thực vật lưu vực sông Gianh, tỉnh Quảng Bình	Nguyễn Như Quang	ThS. Bùi Thị Phương Thùy	Đề tài đã sử dụng ảnh viễn thám và GIS để thành lập bản đồ biến động lớp phủ thực vật ở lưu vực Sông Gianh - Quảng Bình. Đề tài đã sử dụng phần mềm envi để phân tích ảnh landsat, và phần mềm ARCGIS để xây dựng hệ thống bản đồ hiện trạng lớp phủ qua các năm, từ đó xây dựng bản đồ biến động lớp phủ qua các năm. Đồng thời đề xuất được các biện pháp cụ thể để bảo vệ lớp phủ thực vật hiện nay quanh lưu vực sông.
24	Đại học chính quy	Nghiên cứu một số giải pháp nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ rừng tại huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Nguyễn Thị Quyên	ThS. Trần Quốc Cường	Qua nghiên cứu, đề tài đã có cái nhìn tổng quan về thực trạng tại nguyên rừng và khai thác rừng tại huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; tìm hiểu sâu về nhận thức của người dân trong việc bảo vệ rừng tại huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; đánh giá được một số giải pháp bảo vệ và phát triển rừng đã đang thực hiện qua đó nhằm nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ rừng tại khu vực.
25	Đại học chính quy	Đánh giá mức độ dễ bị tổn thương đến hoạt động trồng hoa ly trong bối cảnh biến đổi khí hậu tại phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Phạm Thị Thiện	PSG. TS. Nguyễn Thế Hưng	Xác định các tiêu chí đánh giá mức độ dễ bị tổn thương đến hoạt động trồng hoa ly trong bối cảnh biến đổi khí hậu tại phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Đánh giá mức độ dễ bị tổn thương đến hoạt động trồng hoa ly trong bối cảnh biến đổi khí hậu tại phường Tây Tựu, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
II	Khí tượng và khí hậu học				

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
1	Đại học chính quy	Nghiên cứu hoạt động không khí lạnh trong các tháng đầu đông	Lê Khắc Vũ Linh	TS. Chu Thị Thu Hường	Nghiên cứu hoạt động không khí lạnh trong các tháng đầu đông được thực hiện dựa trên số liệu thống kê các đợt xâm nhập lạnh trong các mùa đông thời kỳ 1981-2015. Kết quả chỉ ra rằng, số đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam đang có xu thế giảm khoảng 0.5 đợt/thập kỷ. Trong khi, số đợt GMDĐ có xu thế giảm, thì số đợt KKLTC lại có xu thế tăng lên. Trong thời kỳ đầu đông, số đợt KKL chỉ chiếm khoảng 23% so với tổng số đợt KKL trong năm. Hơn nữa, ngày bắt đầu/kết thúc GMMĐ thường bắt đầu và kết thúc sớm hơn trong thời kỳ El Nino và ngược lại trong thời kỳ La Nina.
2	Đại học chính quy	Nghiên cứu đánh giá tài nguyên khí hậu tỉnh Nghệ An	Nguyễn Thị Thúy	Phạm Minh Tiến	Sử dụng số liệu quan trắc của các yếu tố khí tượng (nhiệt độ, độ ẩm, lượng mưa, gió, nắng, bốc hơi) của các trạm khí tượng trên địa bàn tỉnh Nghệ An trong 30 năm gần đây. Qua đó tính toán, phân tích các đặc trưng khí hậu của các yếu tố khí tượng, phân tích sự phân bố theo không gian và thời gian của từng yếu tố. Sử dụng bộ số liệu chuẩn khí hậu của cả nước để nghiên cứu xác định tài nguyên khí hậu của tỉnh Nghệ An gồm tài nguyên nhiệt, tài nguyên mưa, tài nguyên gió....
3	Đại học chính quy	Nghiên cứu đặc điểm hiện tượng phơn trên khu vực Tây Bắc	Đỗ Đức Thắng	TS. Chu Thị Thu Hường	Dựa trên chuỗi số liệu tái phân tích và quan trắc nhiệt độ và độ ẩm tại 5 trạm khí tượng trên khu vực Tây Bắc trong thời kỳ 1981-2010, nghiên cứu đã xác định sự biến đổi của hiện tượng phơn và hệ thống thời tiết gây hiện tượng phơn trên khu vực. Kết quả chỉ ra rằng, mùa phơn trên Tây Bắc thường bắt đầu từ tháng 2 và kết thúc vào tháng 9 và xảy ra nhiều nhất trong tháng 4, 5. Đồng thời, ngày bắt đầu/kết thúc mùa phơn đang có xu thế sớm/muộn hơn tương ứng khoảng 3 ngày/thập kỷ và 10 ngày/thập kỷ. Hiện tượng phơn thường xảy ra khi khu vực chịu ảnh hưởng của áp thấp Nam Á, gió mùa tây nam ở tầng thấp và áp cao Thái Bình Dương ở trên

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					cao.
4	Đại học chính quy	Nghiên cứu xác định hình thể thời tiết gây mưa lớn dị thường trong mùa đông trên khu vực Tây Bắc	Trịnh Mỹ Hạnh	ThS. Trần Đình Linh	Đề án sử dụng số liệu tái phân tích ERA Interim với độ phân giải $0,5 \times 0,5$ độ kinh vĩ để xác định HTTT gây mưa lớn và đặc điểm dòng VTA trong 33 đợt mưa với 134 ngày mưa lớn trên khu vực Tây Bắc Bộ. Kết quả cho thấy các hệ thống trên cao có vai trò quan trọng hơn đến quá trình gây mưa trên khu vực khi ngay cả khi HTTT ở bề mặt không thuận lợi thì HTTT thuận lợi ở trên cao vẫn có khả năng gây mưa lớn. Bên cạnh đó, đặc điểm VTA trên khu vực cũng phù hợp với đặc điểm HTTT và cho thấy vai trò quan trọng của VTA trong các lớp khí quyển tầng giữa đối lưu.
5	Đại học chính quy	Nghiên cứu sự biến đổi gió mùa mùa hè ở Việt Nam	Nguyễn Thị Thanh Nga	ThS. Trần Đình Linh	Đề án xem xét sự biến đổi của cường độ GMMH trên hai miền khí hậu Việt Nam thông qua chỉ số gió vĩ hướng U850 trên mỗi miền. Kết quả cho thấy sự biến đổi không đồng nhất của cường độ GMMH trên hai khu vực. Ngoài ra, sự biến đổi cường độ GMMH cũng không thể hiện mối liên hệ chặt chẽ với hoạt động của ENSO. Tuy vậy, mối liên hệ giữa cường độ GMMH ở khu vực phía Nam với hoạt động của XTND trên khu vực Tây Bắc Thái Bình Dương và biển Đông là rất chặt chẽ. Năm có số ngày hoạt động XTND tăng lên thì cường độ GMMH cũng mạnh hơn và ngược lại.
6	Đại học chính quy	Nghiên cứu mối quan hệ giữa áp thấp Aleut và dao động thập kỷ Thái Bình Dương (PDO)	Vũ Thị Bích Việt	ThS. Trần Đình Linh	Xem xét mối quan hệ giữa hoạt động của áp thấp Aleut và PDO trong giai đoạn 1900-2015, kết quả đề án cho thấy giữa cường độ AL và SSTA khu vực Bắc Thái Bình Dương có tương quan đồng biến. Mức độ tương quan càng chặt chẽ trong các tháng mà AL có cường độ mạnh và hoạt động ổn định và ngược lại. Khi áp thấp Aleut có cường độ gia tăng thì SST cũng tăng (tăng cường pha dương của PDO) và khi áp thấp Aleut suy yếu thì SST giảm (tăng cường pha âm của PDO).

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
7	Đại học chính quy	Nghiên cứu ảnh hưởng của dao động MJO đến lượng mưa khu vực Nam Bộ	Đào Thị Kiều Diễm	Phạm Minh Tiến	Bằng việc sử dụng số liệu lượng mưa ngày của 12 trạm khí tượng trên khu vực Nam Bộ, đồ án đi phân tích đặc điểm phân bố theo không gian và thời của lượng mưa ở đây, qua đó chỉ ra được chế độ mưa trên khu vực. Sử dụng số liệu phát xạ sóng dài OLR để xác định các thời kỳ hoạt động của MJO trong những năm gần đây; qua đó phân tích đặc điểm hoạt động của MJO. Xác định tương quan giữa lượng mưa trên khu vực Nam Bộ và chỉ số MJO từ đó phân tích sự ảnh hưởng của MJO đến lượng mưa trên khu vực
8	Đại học chính quy	Nghiên cứu xác định hình thái gây mưa lớn dị thường trên khu vực Đông Bắc	Trần Quỳnh Nga	Phạm Minh Tiến	Sử dụng số liệu lượng mưa ngày của các trạm khí tượng trên khu vực Đài Khí tượng Thủy văn khu vực Đông Bắc để xác định các đợt mưa vừa, mưa to và mưa rất to trong thời kỳ mùa đông (được gọi là mưa dị thường), phân tích đặc điểm phân bố các đợt mưa dị thường trên khu vực. Xây dựng bản đồ synop trường các yếu tố khí tượng (trường độ cao địa thế vị, trường đường dòng) của các mực đẳng áp chuẩn cho khu vực Việt Nam và vùng lân cận bằng số liệu tái phân tích NCEP/NCAR, phân tích xác định hình thái thời tiết gây mưa dị thường trong thời kỳ mùa đông.
9	Đại học chính quy	Nghiên cứu ảnh hưởng của dao động QBO đến hoạt động của bão và ATNĐ trên biển Đông	Vũ Thị Ngọc Lan	Phạm Minh Tiến	Sử dụng số liệu tái phân tích xác định các cơn bão, áp thấp nhiệt đới hoạt động trên khu vực Biển Đông trong 30 năm qua, xác định các cơn đổ bộ trực tiếp hoặc ảnh hưởng tới đất liền nước ta, qua đó phân tích đặc điểm hoạt động của bão trên Biển Đông cũng như đổ bộ vào nước ta. Sử dụng số liệu hoàn lưu trên cao để xác định các đợt hoạt động của QBO, qua đó phân tích được đặc điểm, chu kỳ hoạt động của QBO. Tính toán, phân tích sự ảnh hưởng của QBO đến hoạt động của bão, ATNĐ trên khu vực Biển Đông.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
10	Đại học chính quy	Nghiên cứu đánh giá tài nguyên năng và gió khu vực Ninh Thuận, Bình Thuận	Lại Thị Bích Phượng	Phạm Minh Tiến	Sử dụng số liệu số giờ nắng ngày và hướng gió, tốc độ gió của tất cả các trạm khí tượng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận để tính và phân tích các đặc điểm phân bố theo không gian và thời gian của số giờ nắng, hướng gió thịnh hành, mùa gió, đặc điểm của vận tốc gió trên khu vực Kết hợp với số ngày mưa của khu vực, sẽ đi tính toán tài nguyên năng, tào nguyên gió cho hai tỉnh Ninh Thuận và Bình Thuận.
11	Đại học chính quy	Nghiên cứu đánh giá độ chính xác trong dự báo lượng mưa của mô hình IFS tại tỉnh Phú Thọ trong các tháng mùa mưa giai đoạn 2016 – 2018	Ngô Thị Hương Giang	PGS.TS. Nguyễn Viết Lành	Sử dụng nguồn số liệu quan trắc lượng mưa trong các tháng mùa mưa giai đoạn 2016 – 2019 tại tỉnh Phú Thọ và các chỉ số đánh giá sai số dự báo mưa của mô hình IFS, đề án đã thực hiện: (1) Tìm hiểu về mô hình IFS dự báo mưa thời hạn ngắn cho khu vực nghiên cứu. Đã tính toán đánh giá qua đó ta nhận thấy rằng khả năng dự báo mưa thời hạn ngắn cho khu vực tỉnh Phú Thọ của mô hình IFS là có kỹ năng và sai số tổng thể không lớn.
12	Đại học chính quy	Nghiên cứu đánh giá đặc điểm và cơ chế nắng nóng của khu vực tỉnh Sơn La	Phạm Đặng Như Mai	PGS.TS. Nguyễn Viết Lành	Sử dụng số liệu quan trắc tại 8 trạm khí tượng và số liệu tái phân tích ERAINTERIM từ năm 2009 đến 2018 để nghiên cứu về nắng nóng ở Sơn La, đề án đã thực hiện: (1) Xác định thời kì nắng nóng xảy ra trên khu vực Sơn La, thời gian kéo dài nắng nóng, khu vực nắng nóng; (2) Nguyên nhân gây nên nắng nóng sớm trên khu vực Sơn La. Theo đó đã nhận thấy rằng nguyên nhân gây ra nắng nóng của khu vực Sơn la là do sự phát triển của áp thấp nóng lục địa kết hợp với dòng gió từ phía tây phát triển chứ không chịu ảnh hưởng của áp cao thái bình dương những nghiên cứu khác.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
13	Đại học chính quy	Nghiên cứu đặc điểm hoạt động của không khí lạnh trong mùa thu và ảnh hưởng của nó đến thời tiết Nam Định	Hoàng Thị Phương	PGS.TS. Nguyễn Viết Lành	Đề án đã thực hiện: (1) xác định nguồn gốc hình thành và phạm vi hoạt động của không khí lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam Trong mùa thu; Không khí lạnh xâm nhập xuống Việt Nam vào mùa thu chủ yếu bị ảnh hưởng bởi áp cao Hoa Đông. Không khí lạnh xuất hiện trong các tháng mùa đông không làm thời tiết bị biến đổi nhiều, nhiệt độ giảm dao động 2-4°C, lượng mưa các năm không ổn định có năm xảy ra mưa rào mưa to, có năm chỉ xuất hiện mưa phùn không có lượng; (2) Phân tích hình thể cơ bản 3 đợt không khí lạnh vào mùa thu có thể nhận định được rằng hầu hết số đợt không khí lạnh xảy ra vào thời kì này đều chịu sự ảnh hưởng của áp cao Hoa Đông hoặc áp cao Hoa Đông sát vào áp cao cận nhiệt đới.
14	Đại học chính quy	Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ mặt nước biển đến sự hình thành bão trên Biển Đông	Tạ Thị Ngân	ThS. Nguyễn Bình Phong	Nghiên cứu ảnh hưởng bề mặt nước biển đến sự hình thành bão ngoài biển Đông đã cho thấy: Diễn biến SST trong các tháng mùa bão từ tháng 6 đến tháng 11 cho thấy trên hầu khắp khu vực Biển Đông có giá trị lớn hơn hoặc bằng 28°C, ven bờ vùng biển Nam Trung Bộ, trong các tháng 7 đến tháng 9, tồn tại một vùng có SST. Số lượng bão cấp 10 đến cấp 12 có tương quan âm nhưng số lượng bão từ cấp 13 trở lên lại có tương quan dương với SST. nhỏ hơn các khu vực xung quanh 1 đến 2°C do ảnh hưởng của nước trời. Ở khu vực phía bắc, trong các tháng 6, tháng 9, tháng 10 và tháng 11, có hiện tượng giảm nhiệt độ ở khu vực Bắc Biển Đông khi có KKL ảnh hưởng. Hầu hết các cơn bão hoạt động trên khu vực Biển Đông xảy ra ở khu vực nước ấm, có nhiệt độ từ 26,5°C đến 30,5°C, bão hình thành mà có cường độ mạnh thường hoạt động ở khu vực nước có nhiệt độ từ 26,5°C đến 29,5°C. Xác định được 4 hướng chủ đạo của bão xuất phát từ trung tâm phát sinh bão ở giữa Biển Đông. Xác

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					định được 4 hướng chủ đạo của bão xuất phát từ trung tâm phát sinh bão ở giữa Biển Đông. Ngoài ra, số lượng bão cấp 10 đến cấp 12 có tương quan âm nhưng số lượng bão từ cấp 13 trở lên lại có tương quan dương với SST.
III. Ngành Thủy văn học					
1	Đại học chính quy	Ứng dụng GIS và mô hình SWAT đánh giá ảnh hưởng của thay đổi sử dụng đất đến lưu lượng dòng chảy lưu vực sông Gianh.	Lưu Thị Lan Anh	ThS. Nguyễn Tiến Quang	Đồ án đã ứng dụng được GIS và mô hình SWAT để đánh giá ảnh hưởng của việc thay đổi sử dụng đất từ bản đồ sử dụng đất năm 2015 và 2030 đến sự thay đổi dòng chảy trên lưu vực sông Gianh tại trạm thủy văn Đồng Tâm; Kết quả đã làm sáng tỏ việc thay đổi sử dụng đất năm 2030 so với năm 2015 làm lưu lượng dòng chảy mùa kiệt tăng và mùa lũ giảm nhẹ.
2	Đại học chính quy	Ứng dụng mô hình SWAT đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến dòng chảy sông Thạch Hãn tỉnh Quảng Trị.	Nguyễn Thị Vân Anh	ThS. Nguyễn Tiến Quang	Đồ án đã ứng dụng được mô hình SWAT để tính toán dòng chảy cho sông Thạch Hãn tỉnh Quảng Trị; Đánh giá được tác động của BĐKH đến dòng chảy trên lưu vực sông Thạch Hãn: Dòng chảy trung bình năm có xu hướng tăng theo thời gian; dòng chảy trung bình tháng tăng vào mùa lũ và giảm vào mùa cạn.
3	Đại học chính quy	Ứng dụng mô hình Mike Nam mô phỏng dòng chảy lũ lưu vực sông Ba tại trạm thủy văn Củng Sơn	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	ThS. Đỗ Thị Bích	Đề tài đã ứng dụng được mô hình Mike Nam để mô phỏng dòng chảy mùa lũ trên lưu vực sông Ba để hiệu chỉnh và kiểm định tại trạm thủy văn Củng Sơn đối với trận lũ năm 2013 và 2016; Đồng thời đã nghiên cứu xây dựng phương án dự báo quá trình lũ tại trạm thủy văn Củng Sơn với thời gian dự kiến là 24h.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
4	Đại học chính quy	Nghiên cứu dự báo dòng chảy lũ tại trạm thủy văn Mai Hóa lưu vực sông Gianh	Đinh Thị Duyên	ThS. Lê Thu Trang	Đề tài đã nghiên cứu và sử dụng phương pháp hồi quy tuyến tính để dự báo đỉnh lũ tại trạm thủy văn Mai Hóa lưu vực sông Gianh; Xây dựng được phương trình hồi quy tuyến tính giữa mực nước đỉnh lũ tại trạm Mai Hóa với mực nước đỉnh lũ tại trạm Đồng Tâm, mực nước chân lũ tại trạm Mai Hóa, lượng mưa bình quân lưu vực.
5	Đại học chính quy	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến dòng chảy của một số tiểu lưu vực trên sông Cả trong giai đoạn 2020 - 2050	Nguyễn Thị Hoa	TS. Trương Văn Anh	Đề tài đã hiệu chỉnh và kiểm định mô hình Mike Nam cho tiểu lưu vực sông Hiếu tính đến trạm thủy văn Nghĩa Khánh, sông Ngàn Phố tính đến trạm thủy văn Hòa Duyệt và sông Ngàn Sâu tính đến trạm thủy văn Sơn Diệm; Đồng thời mô phỏng dòng chảy theo kịch bản BĐKH giai đoạn 1986 - 2005, 2016 - 2035 của kịch bản RCP 4.5 và giai đoạn 2046 - 2065 của kịch bản RCP 8.5
6	Đại học chính quy	Nghiên cứu xây dựng phương án dự báo dòng chảy lũ trên sông Đuống tại trạm thủy văn Bến Hồ	Lê Thị Lưu Hoa	ThS. Trần Quốc Việt	Đề tài đã xây dựng được phương trình hồi quy dự báo lũ cho vị trí trạm thủy văn Bến Hồ thời gian dự kiến 6h theo 2 phương án: - Phương án 1: Phương trình hồi quy mực nước thời gian dự kiến 6h giữa Thượng Cát và Bến Hồ phù hợp dự báo mực nước trong thời kỳ không có mưa hoặc lượng mưa không đáng kể; - Phương án 2: Phương trình hồi quy có bổ sung lượng mưa khu giữa từ trạm Thượng Cát.
7	Đại học chính quy	Ứng dụng mô hình Mike 21ST mô phỏng thủy động lực sông Hồng đoạn từ Sơn Tây đến Hưng Yên	Nguyễn Thị Hưng	ThS. Trần Văn Tình ThS. Lê Thị Thường	Đề tài đã áp dụng được mô hình Mike 21 ST với lưới tam giác phi cấu trúc để mô phỏng chế độ thủy động lực đoạn sông Hồng từ Sơn Tây về Hưng Yên theo kịch bản hiện trạng và kịch bản khác về lưu lượng nước và lưu lượng chất lơ lửng của biên đầu vào. Từ đó xác định được một số vị trí bồi xói hay biến đổi địa hình đáy sông. Mùa lũ quá trình bồi xói diễn ra với mức độ biến đổi tương đối lớn, thường xảy ra ở những đoạn sông cục bộ đoạn sông cong, vị trí có bãi bồi hay ngã ba sông

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
8	Đại học chính quy	Nghiên cứu ứng dụng mô hình toán dự báo dòng chảy lũ trên lưu vực sông Ngòi Thia, tỉnh Yên Bái	Trần Đức Thị Hương	PGS. TS. Nguyễn Kiên Dũng	Đề tài đã tìm hiểu về điều kiện tự nhiên và phân tích dòng chảy lũ cũng như các phương pháp dự báo dòng chảy lũ trên khu vực nghiên cứu; từ đó áp dụng mô hình TANK để mô phỏng và xây dựng phương án dự báo dòng chảy lũ khu vực nghiên cứu. Đã hiệu chỉnh được mô hình TANK đối với dòng chảy lũ năm 2003, 2006; kiểm định cho năm 2007, 2008, và dự báo thử nghiệm cho vị trí trạm thủy văn Yên Bái trên sông Ngòi Thia đối với 4 tháng mùa lũ năm 2016 - 2017 và trận lũ tháng 9, 10 năm 2016
9	Đại học chính quy	Nghiên cứu ứng dụng mô hình MIKE - NAM mô phỏng dòng chảy lũ lưu vực sông Lô tại trạm thủy văn Hàm Yên	Lê Thị Hương	ThS. Lê Thị Thương	Đề tài đã tìm hiểu về tổng quan khu vực nghiên cứu, việc mô phỏng dòng chảy lũ trong và ngoài nước, và các nghiên cứu về mô phỏng dòng chảy lũ trên lưu vực sông Lô; Từ đó lựa chọn mô hình Mike Nam để mô phỏng dày chảy lũ cho khu vực nghiên cứu; Tìm hiểu về mô hình Mike Nam; Đã áp dụng được mô hình Mike Nam hiệu chỉnh và kiểm định cho dòng chảy lũ lưu vực sông Lô tại trạm thủy văn Hàm Yên đối với dòng chảy mùa lũ các năm 1980 và 1981
10	Đại học chính quy	Đánh giá tác động của hệ thống hồ chứa thượng nguồn đến dòng chảy bùn cát hạ du sông Vu Gia - Thu Bồn	Lê Nhật Linh	PGS. TS. Nguyễn Kiên Dũng	Đề tài đã nêu được một số ảnh hưởng của việc điều tiết các hồ chứa thượng nguồn đối với chế độ dòng chảy ở hạ lưu; Tính toán lưu lượng ở trạm thủy văn Nông Sơn và Thành Mỹ cho thấy lưu lượng nước theo tháng của trạm chịu ảnh hưởng điều tiết của hồ chứa và làm giảm độ đục so với trước khi có hồ chứa, lưu lượng bùn cát tăng hơn so với trước khi xây dựng hồ chứa vào mùa kiệt, chênh lệch lưu lượng bùn cát giữa các tháng không lớn, lưu lượng bùn cát tăng cao vào mùa lũ; Đã sử dụng công thức kinh nghiệm để tính toán bùn cát bồi lắng tại các hồ chứa, dự tính dung tích hồ chứa còn lại sau 50 năm, 100 năm, từ đó rút ra được hồ chứa đã làm suy giảm

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					lưu lượng bùn cát xuống hạ lưu so với những năm trước khi xây dựng hồ chứa.
11	Đại học chính quy	Nghiên cứu chế độ hạn hán khu vực tỉnh Ninh Thuận	Đặng Thị Loan	ThS. Đỗ Thị Bính	Đề tài đã tính toán được chỉ số khô hạn đối với tỉnh Ninh Thuận: Khô hạn năm, khô hạn tích lũy,... từ đó xác định được mức độ hạn của các tháng trong năm (Tháng I đến tháng III là thời điểm hạn rất khắc nghiệt, tháng IV khắc nghiệt, tháng V đến tháng VII bắt đầu hạn, tháng VIII hạn khá nặng, tháng IX đến tháng XI không hạn; Đã phân cấp hạn tỉnh Ninh Thuận theo các chỉ số và cho thấy tỉnh Ninh Thuận có điều kiện khí hậu luôn ở mức khô hạn
12	Đại học chính quy	Nghiên cứu trữ lượng tài nguyên nước mặt và ảnh hưởng của nó đến dòng chảy lũ trên hạ lưu sông La	Bế Ngọc Mai	PGS. TS. Trần Duy Kiêu	Đề tài đã tổng quan được một số nghiên cứu đến trữ lượng tài nguyên nước mặt ở Việt Nam và lưu vực sông La, các điều kiện tự nhiên kinh tế và xã hội ảnh hưởng đến nguồn nước và dòng chảy lũ lưu vực sông La; Đã đánh giá được những vấn đề cơ bản của dòng chảy lũ sông La, tính toán được tài nguyên nước mặt sông La dựa trên nhóm năm nhiều nước và ít nước trong thời gian từ 1960 đến 2016; Đã xác định được mức độ lũ theo 6 cấp của Việt Nam, bước đầu đã xác định được ảnh hưởng của tài nguyên nước đến dòng chảy lũ hạ lưu sông La như sau: Những năm thuộc nhóm năm ít nước thì không xảy ra lũ lớn hoặc lũ lịch sử, lũ lớn có thể xảy ra ở những năm thuộc nhóm năm ít nước và chủ yếu ở nhóm năm nhiều nước
13	Đại học chính quy	Nghiên cứu dòng chảy kiệt dưới tác động của sử dụng đất trên lưu vực sông Hiếu	Phạm Thanh Nam	PGS. TS. Trần Duy Kiêu	Đề tài đã tìm hiểu tổng quan về lưu vực sông Hiếu và đánh giá được hiện trạng sử dụng tài nguyên và các hoạt động khai thác ở khu vực này; Đã áp dụng được mô hình Mike SHE vào đánh giá tình hình sử dụng đất đối với dòng chảy kiệt trên lưu vực sông Hiếu và thấy rằng tình hình sử dụng đất mang tính tích cực tăng

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					dòng chảy kiệt
14	Đại học chính quy	Xây dựng bản đồ xâm nhập mặn hạ lưu sông Cả	Nguyễn Thị Ngát	ThS. Trần Quốc Việt	Đề tài đã tổng quan được khu vực nghiên cứu và lựa chọn phương pháp nghiên cứu là mô hình Mike 11 HD và AD để mô phỏng thủy lực và truyền tải mặn xác định xâm nhập mặn khu vực nghiên cứu; Đã áp dụng mô hình Mike 11 HD và AD để mô phỏng quá trình xâm nhập mặn khu vực nghiên cứu tạo cơ sở đánh giá khả năng khai thác nước ngọt về mùa kiệt hạ lưu sông Mã
15	Đại học chính quy	Ứng dụng mô hình Mike Nam dự báo lũ sông Trà Khúc	Phạm Công Phước	ThS. Đỗ Thị Bính ThS. Lê Thị Huệ	Đề tài đã tổng quan khu vực nghiên cứu, nghiên cứu mô hình Mike Nam Đã áp dụng mô hình Mike Nam để xây dựng phương án dự báo lũ cho khu vực nghiên cứu: Hiệu chỉnh, kiểm định và dự báo thử nghiệm tại trạm thủy văn Sơn Giang đối với mùa lũ các năm 206, 2016 và 2015
16	Đại học chính quy	Nghiên cứu áp dụng mô hình MIKE - NAM mô phỏng dòng chảy lũ thượng lưu lưu vực sông Cả có xét đến diễn toán dòng chảy trong sông	Nguyễn Thị Quỳnh	ThS. Phạm Văn Tuấn	Đồ án đã nghiên cứu tìm hiểu về đặc điểm điều kiện tự nhiên và dòng chảy thượng lưu của lưu vực sông Cả và mô hình mưa dòng chảy Mike Nam và Mike 11 với mô đun diễn toán dòng chảy trong sông Muskingum Đã áp dụng được Mike Nam và Mike 11 Muskingum để mô phỏng dòng chảy thượng lưu sông Cả hiệu chỉnh, kiểm định tại các vị trí Dừa, Mường Xén, Nghĩa Khánh, Quỳnh Châu đối với các năm 2014, 2015
17	Đại học chính quy	Ứng dụng mô hình SWAT đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến dòng chảy sông Hiếu tỉnh Nghệ An	Nguyễn Đức Sáng	ThS. Nguyễn Tiến Quang	Đề tài đã tìm hiểu về lưu vực nghiên cứu và mô hình SWAT, áp dụng được mô hình SWAT mô phỏng các kịch bản BĐKH đến dòng chảy sông Hiếu như sau: Hiệu chỉnh mô hình giai đoạn 1986-2005, hiệu chỉnh mô hình giai đoạn 2006-2015 tại trạm Quỳnh Châu Áp dụng bộ thông số để đánh giá ảnh hưởng của BĐKH đến dòng chảy lưu vực sông Hiếu Dòng chảy trung bình tháng và năm của 2 kịch bản RCP 4.5 và RCP 8.5 có xu hướng tăng dần và mùa lũ và giảm dần vào mùa kiệt

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
18	Đại học chính quy	Nghiên cứu dòng chảy tại trạm thủy văn Tà Bú giai đoạn trước và sau khi có thủy điện Sơn La	Phùng Thị Thanh	ThS. Lê Thu Trang	Đề tài đã tìm hiểu về lưu vực sông Đà và phân tích, tính toán đặc trưng dòng chảy theo tháng, trung bình nhiều năm, dòng chảy năm ứng với tần suất thiết kế, phân tích dòng chảy mùa cạn như sau: Mùa lũ: Giá trị lưu lượng lớn nhất 7960 m³/s trước khi có thủy điện Sơn La, giá trị giảm còn 3470 m³/s sau khi có thủy điện Sơn La; Giá trị lưu lượng nhỏ nhất 770 m³/s trước khi có thủy điện giảm còn 270 m³/s sau khi có thủy điện Mùa cạn: Giá trị lớn nhất 2642 trước khi có thủy điện và giảm còn 1020 m³/s sau khi có thủy điện; Giá trị nhỏ nhất 102 m³/s trước khi có thủy điện và giảm còn 15 m³/s sau khi có thủy điện
19	Đại học chính quy	Nghiên cứu dự báo mực nước lũ tại trạm thủy văn Phả Lại trên lưu vực sông Thái Bình	Đoàn Duy Thiện	ThS. Lê Thu Trang	Đề tài đã tổng hợp và phân tích các điều kiện địa lý tự nhiên, khí tượng thủy văn trên lưu vực sông Thái Bình từ đó tìm hiểu được đặc điểm mực nước lũ, dòng chảy trên lưu vực; Xây dựng được phương trình hồi quy dự báo lũ cho vị trí Phả Lại dựa trên các vị trí Bến Hồ, Phủ Lạng Thương, Lục Nam, Đáp Cầu.
20	Đại học chính quy	Ứng dụng mô hình Mike Nam mô phỏng và dự báo dòng chảy lũ trên lưu vực sông Gianh đến trạm Đồng Tâm	Nguyễn Thị Thanh Thu	ThS. Đỗ Thị Bính ThS. Lê Thị Huệ	Đề tài đã tìm hiểu về lưu vực sông Gianh, từ đó phân tích đặc điểm dòng chảy lũ; Tổng quan và xây dựng phương án cảnh báo lũ lớn từ hình thể thời tiết gây mưa; Đã áp dụng mô hình Mike Nam hiệu chỉnh, kiểm định dòng chảy lũ trên lưu vực tại trạm Đồng Tâm cho các năm 2010, 2016 Áp dụng mô hình Mike Nam xây dựng phương án dự báo quá trình lũ lớn trên sông Gianh với thời gian dự kiến 24h

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
21	Đại học chính quy	Nghiên cứu ứng dụng mô hình toán dự báo dòng chảy lũ sông Lại Giang tỉnh Bình Định	Trần Thị Trang	PGS. TS. Nguyễn Kiên Dũng	Đề tài đã tìm hiểu tổng quan về lưu vực nghiên cứu và tình hình dự báo lũ, mô hình Mike Nam và Mike 11 Áp dụng mô hình Mike Nam qua việc hiệu chỉnh từ năm 2005 đến năm 2009 và kiểm định từ năm 2010 đến 2014; Áp dụng mô hình Mike 11 qua việc hiệu chỉnh và kiểm định đối với năm 2010, 2014 Từ đó xây dựng phương án dự báo lũ thời gian dự kiến 24h cho sông Lại Giang
22	Đại học chính quy	Ứng dụng Mô hình MIKE11 dự báo lũ trên sông Mã	Đỗ Văn Tú	ThS. Trần Quốc Việt	Đề tài đã tổng hợp và phân tích các điều kiện địa lý tự nhiên, khí tượng thủy văn trên lưu vực sông Mã từ đó tìm hiểu được đặc điểm dòng chảy trên lưu vực; Tìm hiểu mô hình Mike Nam và ike 11 Áp dụng mô hình Mike Nam, Mike 11 vào dự báo thử nghiệm dòng chảy lũ trên sông Mã
23	Đại học chính quy	Nghiên cứu tính toán cân bằng nước lưu vực sông Hiếu tỉnh Nghệ An	Hà Đức Văn	ThS. Nguyễn Tiến Quang	Đề tài đã tìm hiểu về lưu vực sông Hiếu và ứng dụng GIS để phân chia các tiểu vùng cân bằng nước Khôi phục số liệu dòng chảy đến các tiểu lưu vực bằng mô hình Mike Nam giai đoạn 1985-2015 đồng thời tính toán theo kịch bản BĐKH RCP 4.5 giai đoạn 2016 - 2035 Đã tính cân bằng nước trên sông Hiếu tỉnh Nghệ An cảnh báo nguy cơ thiếu hụt trong cả 2 giai đoạn bằng Mike Basin
24	Đại học chính quy	Ứng dụng Mô hình Mike-Nam dự báo lũ trên sông Kỳ Cùng tỉnh Lạng Sơn	Nguyễn Thị Xoa	ThS. Trần Quốc Việt	Đề tài đã tìm hiểu về điều kiện tự nhiên của khu vực nghiên cứu, phân tích tình hình mô phỏng và dự báo lũ trên sông Kỳ Cùng tỉnh Lạng Sơn; Từ đó lựa chọn mô hình Mike Nam để mô phỏng và dự báo thử nghiệm dòng chảy lũ khu vực nghiên cứu; Tìm hiểu mô hình Mike Nam để xây dựng phương án dự báo lũ cho vị trí Lạng Sơn trên sông Kỳ Cùng dựa trên mô hình Mike Nam; hiệu chỉnh và kiểm định cho mùa lũ 2014 và 2015; dự báo thử nghiệm cho 3 tháng mùa lũ 2016 và trận lũ tháng 8 năm

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					2018
KHỐI NGÀNH V					
I. Kỹ thuật địa chất					
1	Đại học chính quy	Nghiên cứu hiện trạng và đánh giá trượt lở mái dốc đá dọc tuyến Quốc lộ 3B, khu vực Xuất Hóa, tỉnh Bắc Cạn, và đề xuất giải pháp phòng tránh	Nguyễn Hà Chi	TS. Phí Trường Thành ThS. Nguyễn Khắc Hoàng Giang	Kết quả của đề tài xác định được: Hiện tượng trượt phẳng xảy ra với số lượng phần trăm lớn nhất là 35,0%, 41,0%, 36,0%, 41,8% và 45,7% thuộc về đoạn đường có phương á vĩ tuyến, á kinh tuyến và Tây Bắc - Đông Nam tại các điểm khảo sát BK-27, BK-30, BK-41, BK-59 và BK-72; hiện tượng trượt nêm có thể xảy ra với số lượng phần trăm lớn nhất 49,6%, 40,7%, 62,1%, 53,9%, 38,5%, 41,7%, 40,0%, 39,9% và 36,7% thuộc đoạn đường có phương á vĩ tuyến, á kinh tuyến và Tây Bắc - Đông Nam tại các điểm khảo sát BK-52, BK-53, BK-57, BK-63, BK-66, BK- 68, BK-72, BK-75, BK-80 và hiện tượng đổ lở có thể xảy ra với số lượng phần trăm lớn nhất 10,9%, 12,7%, 11,6% và 13,7% thuộc đoạn đường có phương Tây Bắc - Đông Nam và á kinh tuyến tại các điểm khảo sát BK-79, BK-80, BK-81, BK-83. Đồng thời kết quả của đề tài cũng đã đề xuất được các giải pháp ổn định mái dốc cho tuyến đường quốc lộ 3B, khu vực Xuất Hóa, tỉnh Bắc Cạn.
2	Đại học chính quy	Nghiên cứu đặc điểm thành phần vật chất quặng Fluorit Núi Pháo, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Đào Văn Doanh	ThS. Đỗ Mạnh Tuấn TS. Lê Cảnh Tuấn	Đề tài thực hiện nghiên cứu đặc điểm địa chất quặng hóa Fluorit phía Tây Nam Núi Pháo làm cơ sở bước đầu đánh giá tiềm năng khoáng sản Fluorit thông qua nghiên cứu thành phần khoáng vật và thành phần hóa học đá chứa quặng qua 03 mẫu đại diện được lấy tại khu vực Tây Nam Núi Pháo. Kết quả phân tích mẫu khoáng tương và mẫu lát mỏng thạch học cho thấy thành phần khoáng vật quặng của mỏ wolfram-đa kim Núi Pháo gồm các khoáng vật quặng phổ biến như: magnetit, sheelit, pyrotin, chalcopirit, bismutin, bismut tự sinh, pyrit, fluorit và vàng... trong đó hàm lượng Fluorit có hàm lượng cao cụ

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					thể trong các mẫu phân tích NPF1 là 71-73%, NPF2 là 52-53%, NPF3 là 35-38%. Các kết quả phân tích hóa nguyên tố F có hàm lượng rất cao trong thân khoáng mỏ Núi Pháo dao động từ clark đến 16%, có nơi lên đến 30% cho thấy Fluorit là khoáng vật phổ biến và quan trọng thứ 2 trong mỏ có tiềm năng lớn để khai thác. Đồng thời đề tài cũng đưa ra các định hướng sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản Fluorit tại khu vực nghiên cứu.
3	Đại học chính quy	Nghiên cứu đặc điểm hình thái đá vôi và đề xuất ứng dụng phương pháp đẳng cao tuyến trong công tác dự tính trữ lượng đá vôi làm VLXD thông thường khu vực xóm Rút, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	Nguyễn Phi Hải	ThS. Nguyễn Chí Công ThS. Lê Trung Kiên	Đặc điểm địa chất mỏ đá vôi khu vực xóm Rút, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình bao gồm chủ yếu là đá vôi thuộc hệ tầng Đồng Giao (T2đg1); Hình thái đá vôi khu vực mỏ phân cắt rất mạnh, phát triển nhiều hệ thống khe nứt do tác động của hoạt động ngoại sinh; Bằng sử dụng phương pháp đẳng cao tuyến (mặt cắt song song nằm ngang), kết quả dự tính trữ lượng khoáng sản đá vôi khu mỏ với sự sai lệch - 17.83% so với thông số tính toán của đề án thăm dò đã được UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt.
4	Đại học chính quy	Nghiên cứu, đánh giá tài nguyên du lịch địa chất khu vực Krong Nô, tỉnh Đắk Nông. Áp dụng cho 3 huyện: Cư Jut, Đắk Mil và Krong Nô	Nguyễn Thanh Hồng Hoa	ThS. Lê Trung Kiên ThS. Trần Thị Hồng Minh	Kết quả đề tài đã xác định được: Khu vực nghiên cứu có tiềm năng lớn về DSĐC với 47 điểm di sản thuộc 5/10 kiểu DSĐC theo phân loại của UNESCO: DSĐC kiểu A: Cổ sinh, có 2 điểm hóa thạch: Cúc đá và khuôn cây; DSĐC kiểu B: Địa mạo, có 39 điểm, bao gồm: 20 hang động núi lửa, 5 miệng núi lửa, 4 thác nước, 10 cảnh quan địa hình; DSĐC kiểu C: Cổ môi trường, có 2 điểm pyrit trầm tích; DSĐC kiểu D: Đá, có 2 điểm: đá basalt cột và bom núi lửa; DSĐC kiểu E: Địa tầng, có 2 điểm ranh giới địa tầng. Các điểm DSĐC chủ yếu nằm trong khu vực huyện Krong Nô. Hầu hết các điểm DSĐC đều xuất hiện nhiều loại hình DSĐC; Các khu DSĐC có giá trị nổi bật :Hệ

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					thống hang động núi lửa tại khu vực rất nhiều. Trong hang có rất nhiều thành tạo kỳ thú : giếng trời, vòm tụ khí, các kiểu thạch nhũ, men dung nham, cửa sổ dung nham, nút dung nham, thác dung nham, dung nham pahoehoe, kệ dung nham,... và còn nhiều hóa thạch, khuôn cây,... Các điểm hóa thạch cóc đá ở huyện Cư Jut
5	Đại học chính quy	Nghiên cứu đặc điểm thành phần vật chất sét kaolin khu vực Na Thức, xã Phú Lạc, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên và định hướng sử dụng	Nguyễn Minh Hoàng	ThS. Phạm Văn Chung TS. Lê Cảnh Tuân	Đồ án đã trình bày: Đặc điểm tự nhiên, lịch sử nghiên cứu địa chất, đặc điểm địa chất vùng nghiên cứu. Sét kaolin có nguồn gốc phong hóa từ các thân pegmatit của phức hệ Núi Chúa phân bố trong các đá biến chất hệ tầng Văn Lang. Thân khoáng có dạng lớp, thấu kính phủ nằm trực tiếp trên đá gabro bán phong hóa hoặc trên mặt thân khoáng kaolin, Bề dày thân khoáng thay đổi từ 1,0m đến 22,7m, trung bình là 6,91m nằm trên các đá gabro và gabro – diaba. Khu vực Na Thức rất có triển vọng tài nguyên sét kaolin với chất lượng tốt, tuyển rất dễ dàng, tỷ lệ thu hồi sản phẩm kaolin <0,063mm đạt 49,2%. Sản phẩm kaolin sau tuyển có hàm lượng SiO₂ giảm từ 55,35% xuống còn 46,52% (giảm được 8,83%); hàm lượng Al₂O₃ tăng khoảng 10%; do hàm lượng sắt Fe₂O₃ ~ 2-3%, tồn tại ở dạng khoáng Gotit (αFeOOH) nhiều nên kết quả tuyển hàm lượng Fe₂O₃ chỉ giảm đến ~1,0% chứ không thể giảm đến dưới 1% được nên nó ảnh hưởng đến độ trắng của kaolin. Sét Kaolin khu vực Na Thức là nguồn nguyên liệu rất có giá trị cần được quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng một cách hợp lý.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
6	Đại học chính quy	Nghiên cứu đặc điểm chất lượng quặng sắt, đề xuất ứng dụng công nghệ vê viên để tối đa hiệu quả trong sản xuất và tiết kiệm tài nguyên tại mỏ sắt Phương Đạo - Khe Dao, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái	Nguyễn Thị Mai Linh	ThS. Nguyễn Chí Công TS. Nguyễn Thị Mai Hương	Tổng hợp tài liệu từ báo cáo kết quả thăm dò, hồ sơ thiết kế kỹ thuật khai thác, so sánh với yêu cầu của công nghệ vê viên tinh quặng, đặc điểm chất lượng quặng sắt mỏ Phương Đạo – Khe Dao hoàn toàn phù hợp để đầu tư và sản xuất quặng vê viên; Bảng áp dụng công nghệ vê viên tinh quặng, lợi nhuận dòng từ việc bán quặng vê viên gấp 1,8 lần so với bán trực tiếp quặng tinh (từ 6.749.492.840 VNĐ tăng lên 12.474.511.990 VNĐ).
7	Đại học chính quy	Đặc điểm thành phần vật chất khoáng sản felspar-kaolin khu vực Ba Bò, xã Thạch Khoán, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ và đề xuất giải pháp sử dụng hợp lý.	Triệu Anh Minh	ThS. Phạm Văn Chung ThS. Vũ Thị Hồng Cẩm	Đồ án đã trình bày được: Đặc điểm địa chất, tiềm năng khoáng sản felspar - Kaolin khu vực Ba Bò, định hướng sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản. Felspar-kaolin có nguồn gốc phong hóa từ các thân pegmatit của phức hệ Tân Hương và phức hệ Thạch Khoán, Các thân kaolin thường có dạng mạch, đại mạch và có ranh giới rõ ràng với đá vây quanh. Khu vực Ba Bò rất có triển vọng tài nguyên felspar-kaolin với chất lượng tốt, hàm lượng Al ₂ O ₃ và tổng kiềm Na ₂ O ₃ cao. Hàm lượng Fe ₂ O ₃ khá thấp. Đây là nguồn nguyên liệu rất có giá trị cần được chú ý đến để quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng làm nguyên liệu cho các ngành công nghiệp
8	Đại học chính quy	Nghiên cứu đặc điểm địa hóa và tính chất vật lý của đất khu vực xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Hà Nội và đề xuất loại cây trồng phù hợp	Trần Thị Nhân	ThS. Trần Thị Hồng Minh ThS. Trần Xuân Trường	Kết quả của đề tài đã lấy và phân tích được mẫu địa hóa: pH, Eh, Ec, TPKV, tính chất cơ lý, vật lý: pH trung bình 6,65; Eh dao động từ + 171 mV đến +286,4 mV; Ec từ 45,7 μ S/cm đến 445 μ S/cm; TPKV là thạch anh dao động từ 93 đến 98%; Các khoáng vật khác ...Hệ số rỗng của đất từ 0.759 đến 0.844, đất loại đất cát mịn, xốp và đất cát bụi, xốp. Độ bão hòa tới 99%. Giới hạn chảy dao động từ 36.7% đến 39.1%.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Chỉ số dẻo từ 15.5 đến 18.2% có 2/5 mẫu là đất sét pha, 3/5 mẫu là đất sét; Các giống cây phù hợp: Cây ngô độ ẩm từ 70-80%, pH từ 5,5 đến 7,5; Cây cà chua pH từ 6,0 đến 7,0; , Đậu tương là "cây cải tạo đất", dễ thoát nước, có hàm lượng lân dễ tiêu cao, độ pH = 6 - 7 đậu tương sinh trưởng và phát triển tốt nhờ có bộ rễ với nhiều nốt sần phát triển.
9	Đại học chính quy	Nghiên cứu đặc điểm chất lượng Felspat và đề xuất phương án thăm dò tận thu. Áp dụng cho khu Đồi Bàn Phết – Đồi Đinh Chùa xã Từ Du – Tiên Lữ, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc	Lê Hữu Quý	ThS. Nguyễn Chí Công ThS. Nguyễn Thị Phương Thanh	Khu vực thăm dò (30.3 ha) bao gồm các khối núi thấp tuổi Neogen thuộc hệ tầng Phan Lương. Đối tượng thăm dò bao gồm tập cát, bột, sét, là sản phẩm phong hóa của các loại đất đá trong khu vực thăm dò; Ngoài các loại sản phẩm phong hóa được sử dụng làm vật liệu san lấp, các tầng cục laterit hàm lượng sắt khá cao song quy quy mô nhỏ, không có giá trị kinh tế, còn có các tập cát kết phân lớp dày có hàm lượng SiO ₂ rất cao, độ hạt từ trung bình đến lớn hoàn toàn có thể sử dụng làm nguyên liệu đầu vào để khai thác chế biến cát nhân tạo; Bằng sử dụng phương pháp mặt cắt song song thẳng đứng để dự tính tài nguyên - tính trừ lượng cát kết giàu SiO ₂ với kết quả như sau: Trữ lượng cấp 122: 751.607,70m ³ và cấp tài nguyên: 283.579,58 m ³
10	Đại học chính quy	Nghiên cứu đặc điểm thạch học đá trầm tích mô Urani Pà Lừa – Pà Rông, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam và đề xuất phương án thăm dò hợp lý	Mai Thị Thanh Thanh	ThS. Trần Xuân Trường TS. Phí Trường Thành	Qua những phương pháp nghiên cứu: thu thập, phân tích, tổng hợp tài liệu; phân tích thành phần thạch học 27 mẫu lát mỏng thạch học và tham khảo ý kiến chuyên gia, sinh viên đã đưa ra được đặc điểm thạch học đá trầm tích mô Urani Pà Lừa – Pà Rông, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam như sau: bao gồm chủ yếu là cát kết arcose hạt lớn – sạn hạt nhỏ, hiếm hơn là các lớp sét bột kết arcose với thành phần khoáng vật đa khoáng; được thành tạo bởi những vật liệu có nguồn gốc địa phương, cơ chế vận chuyển vật liệu vận không mạnh, độ mài tròn trung bình kém và độ chọn lọc trung bình từ kém đến trung bình tương ứng với môi trường lắng đọng

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					trầm tích sườn tích (deluvi), lũ tích (deluvi) và bồi tích (aluvi). Từ những kết quả nghiên cứu trên, kết hợp tham khảo ý kiến chuyên qua, sinh viên đã đưa ra được đặc điểm quặng Urani trong trầm tích khu vực Pà Lừa – Pà Ròng và đề xuất phương án thăm dò theo nguyên tắc tương tự cho khu vực phía Đông Bắc mỏ Urani Pà Lừa – Pà Ròng có tương đồng về hoàn cảnh địa chất và những tiền đề, dấu hiệu tìm kiếm khoáng sản
11	Đại học chính quy	Nghiên cứu thành phần độ hạt, khả năng hấp phụ khoáng vật sét và ý nghĩa đối với cây trồng khu vực xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh, Hà Nội	Trần Thị Thuý	ThS. Trần Thị Hồng Minh ThS. Nguyễn Thị Phương Thanh	Các mẫu đất ở khu vực nghiên cứu chủ yếu là đất cát và đất cát pha với thành với tỷ lệ phần trăm nhóm hạt cát có cỡ hạt 2 – 0.05mm lớn dao động từ 65.6 – 92.5 %, trung bình là 79.92%. - Tỷ lệ phần trăm nhóm hạt bụi có cỡ hạt 0.05 – 0.005mm dao động từ 3.8 – 29.3%, trung bình là 14.8%. - Tỷ lệ phần trăm nhóm hạt sét có cỡ hạt <0.005mm là nhỏ nhất, dao động từ 2.8 – 6.6%, trung bình là 4.8%. + Độ pH trung bình là 6,8. Trị số Eh trung bình là +116.5mV ;Độ dẫn điện trung bình là 408,7ms/cm, TPKV chủ yếu là thạch anh dao động từ 88 – 96%, Ngoài ra các khoáng vật feldspat, antigorit và hematite; . Độ hạt trong đất hàm lượng nhóm hạt sét trung bình chỉ đạt 4.81%, khả năng hấp phụ kim loại nặng ở ngưỡng thấp; Ý nghĩa đối với cây trồng như độ ẩm, độ hạt, thành phần cơ giới, chỉ số địa hóa, Eh, Ec và đề xuất một số loại cây phù hợp: ph ừ 5,5 - 7,5 như: Cây ngô, cây đậu tương, Cây khoai lang, cây cải bắp.... Cây sản: pH từ 4,5 – 7,5.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
12	Đại học chính quy	Nguyên cứu đặc điểm thành phần vật chất quặng wolfram Núi Pháo, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Lê Thanh Tùng	ThS. Phạm Văn Chung, TS. Lê Cảnh Tuấn	Đồ án đã trình bày được: Đặc điểm địa chất khu vực nghiên cứu, các đặc điểm quặng hóa wolfram khu vực Núi Pháo, đặc điểm nguồn gốc của quặng hóa. Các thân quặng dạng mạch, mạng mạch tập trung chủ yếu trong đá granitbiotit, granodiorit, granitbiotit - hornblend và granit sáng màu; phân bố thành đới quặng kéo dài theo phương Đông Bắc - Tây Nam hoặc á kinh tuyến, một số thân quặng xuyên cắt đá vây quanh nằm ngoài phạm vi khu mỏ. Thành phần khoáng vật khá đơn giản bao gồm casiterit, wolframit, chalcopyrit, pyrotin, pyrit, sphalerit, galenit, anglesit, cerusit, goethit và covellin. Thành phần khoáng vật không quặng gồm thạch anh, turmalin, cericit, chlorit. Cấu tạo quặng đặc trưng là cấu tạo xâm tán, mạch và cấu tạo tàn dư. Kiến trúc thường gặp trong mỏ là kiến trúc hạt nửa tự hình, hạt tự hình, hạt tha hình và kiến trúc găm mòn. Hai kiểu quặng đặc trưng là: thạch anh - arsenopyrit - pyrotin - casiterit - wolframit và thạch anh - turmalin - casiterit - wolframit. Đá vây quanh bị turmalin hóa, gzeizen hoá, thạch anh hóa và chlorit hóa.
II. Công nghệ thông tin					
1	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý nhà hàng ẩm thực	Nguyễn Quang Hải	ThS. Bùi Thị Thùy	Đồ án khảo sát nghiệp vụ quản lý quản lý nhà hàng ẩm thực, nghiên cứu mô hình 3 lớp, ngôn ngữ lập trình C#, cơ sở dữ liệu MySQL để xây dựng phần mềm quản lý nhà hàng ẩm thực có giao diện thân thiện với các chức năng như quản lý thông tin món ăn, quản lý hóa đơn, báo cáo, thống kê, quản trị, tìm kiếm... xây dựng phần mềm quản lý nhà hàng ẩm thực đáp ứng được các yêu cầu quản lý đặt ra.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
2	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý nhân sự cho công ty Elisa tại Việt Nam	Đặng Thị Phương	ThS.Đặng Thị Khánh Linh	Đề án nghiên cứu quy trình quản lý nhân sự tại Công ty Elisa Việt Nam Từ đó tiến hành phân tích thiết kế hệ thống Quản lý nhân sự tại công ty Elisa tại Việt Nam. Xây dựng phần mềm quản lý Nhân sự cho công ty Elisa tại Việt Nam sử dụng ngôn ngữ lập trình C#, Hệ quản trị SQL Server. Phần mềm đạt được một số tính năng căn bản như: Quản lý nhân viên, Quản lý lương nhân viên và kết xuất được một số báo cáo thống kê... với giao diện dễ sử dụng, đẹp mắt, thân thiện với người dùng.
3	Đại học chính quy	Nghiên cứu kiểm thử đơn vị sử dụng NUnit	Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS.Lê Thị Vui	Đề án nghiên cứu quy trình kiểm thử phần mềm và các phương pháp, công cụ kiểm thử phổ biến hiện nay. Trên cơ sở đó, đề án tiến hành nghiên cứu cụ thể công cụ kiểm thử đơn vị NUnit và xây dựng ứng dụng sử dụng NUnit trong kiểm thử các bài toán về xét tam giác, phân số và phép tính.
4	Đại học chính quy	Xây dựng ứng dụng quản lý các hoạt động cho MJ Studio trên nền Web	Phạm Thị Thùy Dung	ThS.Nguyễn Thị Hồng Loan	Đề án nhằm xây dựng website quản lý hoạt động kinh doanh sử dụng các ngôn ngữ lập trình như C#, HTML5, CSS, Javascript và nghiên cứu quy trình thiết kế website theo mô hình MVC qua nền tảng ASP.NET MVC, khảo sát nghiệp vụ quản lý MJ studio trên thực tiễn, xây dựng bài toán, tiến hành phân tích thiết kế hệ thống và kết quả đạt được của đề án là xây dựng thành công website với các ưu điểm: Giúp khách hàng tiện lợi trong việc đặt lịch chụp ảnh, tìm hiểu thêm thông tin về studio. Giúp studio dễ dàng quản lý việc đặt lịch, tìm kiếm và thống kê những số liệu quan trọng trên trang Web.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
5	Đại học chính quy	Xây dựng website bán hàng trực tuyến dựa trên Lavarel Framework	Vũ Thị Thúy Ngọc	ThS.Nguyễn Ngọc Hoan	Đồ án khảo sát nghiệp vụ bán hàng trực tuyến, phân tích thiết kế hệ thống thông tin để xây dựng một website bán trực tuyến sử dụng Lavarel Framework và cơ sở dữ liệu MySQL. Website có giao diện thân thiện cùng với các chức năng nổi bật như: quản lý sản phẩm, quản lý đơn hàng, quản lý nhân viên, phân quyền...chức năng giúp cho việc quản lý thuận tiện và khách hàng có thể lựa chọn và mua sản phẩm dễ dàng.
6	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý Token chữ kí số	Nguyễn Ngọc An	ThS.Vũ Văn Huân	Nghiên cứu tổng quan về chữ ký số, những ưu điểm và nhược điểm của chữ ký số. Việc ứng dụng chữ ký số trong doanh nghiệp. Nghiên cứu bài toán quản lý Token chữ ký số. Từ đó đi phân tích thiết kế hệ thống phần mềm quản lý Token chữ ký số và Xây dựng phần mềm quản lý Token chữ ký số bao gồm các chức năng như quản lý thông tin khách hàng, quản lý mật khẩu, hỗ trợ khách hàng....
7	Đại học chính quy	Nghiên cứu xây dựng ứng dụng Webchat với công nghệ ReactJs và NodeJs	Nguyễn Hà Phương	ThS.Nguyễn Đức An	Nội dung đồ án tốt nghiệp nghiên cứu về công nghệ NodeJs, một ngôn ngữ lập trình tuy mới nhưng đã nhanh chóng bắt kịp các ngôn ngữ Java, Python, Ruby, .Net,... để trở thành một trong những sự lựa chọn cho công việc lập trình ứng dụng web. Tiếp đến là là Reactjs, một framework được phát triển và sử dụng rất thành công bởi gã khổng lồ Facebook. Ứng dụng những nghiên cứu trên để xây dựng phần mềm Webchat.
8	Đại học chính quy	Xây dựng website kinh doanh mỹ phẩm cho cửa hàng Jpbeauty	Lê Văn Anh	TS.Lê Phú Hưng	Đồ án khảo sát nghiệp vụ bán mỹ phẩm, phân tích thiết kế hệ thống thông tin để xây dựng một website bán mỹ phẩm trực tuyến sử dụng công nghệ Java và cơ sở dữ liệu MySQL. Website có giao diện thân thiện cùng với các chức năng nổi bật như: quản lý sản phẩm, quản lý đơn hàng, quản lý nhân viên, phân quyền...chức năng giúp cho việc quản lý thuận tiện và khách hàng có

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					thể lựa chọn và mua mỹ phẩm dễ dàng.
9	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý bán hàng cho công ty cổ phần công nghệ quảng cáo TLP	Ngô Thuý Linh	ThS.Nguyễn Thùy Dung	Phần mềm quản lý bán hàng là công cụ giúp cho người quản lý dễ dàng hơn trong việc quản lý các việc như quản lý bán hàng, quản lý kho, quản lý nhân sự. Từ phần mềm đó người quản lý dễ dàng tra cứu các dữ liệu hàng hóa, sản phẩm trong kho để biết khi nào nên nhập thêm hàng hoặc các vấn đề khác một cách linh động.
10	Đại học chính quy	Nghiên cứu Selenium Webdriver và ứng dụng trong kiểm thử tự động website	Trần Thị Thủy Kiều	TS.Lê Phú Hưng	Đồ án nghiên cứu lỗi phần mềm, kiểm thử phần mềm nói chung và kiểm thử tự động cho các website nói riêng và nghiên cứu Selenium WebDriver. Đồ án cũng nghiên cứu các đặc điểm, thành phần của công cụ kiểm thử tự động Selenium, kết hợp công cụ Selenium WebDriver và framework Serenity trong kiểm thử tự động website. Áp dụng các kiến thức đã nghiên cứu vào thực hiện kiểm thử tự động các chức năng chính của website bán điện thoại di động.
11	Đại học chính quy	Nghiên cứu giải pháp IDS/IPS và ứng dụng triển khai tại Viện Khoa học Đào tạo Phát triển Nhân lực	Đào Ngọc Minh	ThS.Nguyễn Văn Hách	Với mục tiêu của đồ án nghiên cứu công nghệ phát hiện và xâm nhập trái phép mạng IDS/IPS trong an toàn thông tin hiện nay, tập trung đi vào phân tích một số kiểu tấn công phổ biến và từ đó xây dựng giải pháp phòng chống xâm nhập mạng trái phép. Kết quả của đồ án là ứng dụng mã nguồn mở Pfsense trong triển khai hệ thống IDS/IPS, đồng thời xây dựng ứng dụng triển khai hệ thống IDS/IPS áp dụng tại Viện Khoa học Đào tạo Phát triển Nhân lực
12	Đại học chính quy	Nghiên cứu một số lỗ hổng bảo mật và đề xuất giải pháp bảo mật thông tin trong mạng LAN	Nguyễn Đức Long	ThS.Vũ Ngọc Phan	Nội dung đề tài tốt nghiệp của sinh viên bao gồm: tìm hiểu những kiến thức về mạng LAN và bảo mật- an ninh mạng. Đề tài cũng nghiên cứu những lỗ hổng trên mạng LAN và trong Window, nghiên cứu một số phương pháp tấn công mạng như: tấn công ARP spoofing, tấn công DNS, DHCP spoofing...từ đó đề xuất các giải pháp cảnh báo, phòng chống tấn

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					công. Đề tài đã mô phỏng được quá trình tấn công mạng, phát hiện và phòng chống trên Cisco Packet Tracer.
13	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý món ăn nhà hàng Nhật Bản	Phạm Thị Huyền Anh	ThS.Đỗ Thị Thu Nga	Nghiên cứu nghiệp vụ quản lý món ăn tại Nhà hàng Nhật Bản, Phân tích thiết kế, xây dựng CSDL và xây dựng phần mềm quản lý món ăn nhà hàng Nhật Bản bao gồm các chức năng của một trang quản lý thực đơn như thêm, sửa, xóa, tìm kiếm, thống kê, báo cáo, phân quyền.
14	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý nhân sự cho Công ty cổ phần dịch vụ công nghệ Việt Nam	Đặng Thị Thảo Linh	ThS.Đỗ Thị Thu Nga	Xây dựng phần mềm quản lý nhân sự cho Công ty cổ phần dịch vụ công nghệ Việt Nam. Nghiên cứu lý thuyết và vận dụng ngôn ngữ Visual studio, SQL server để viết ứng dụng. Phần mềm bao gồm các chức năng quản lý hồ sơ của nhân viên. Thêm, sửa, xóa, cập nhật, tìm kiếm dữ liệu và phân quyền.
15	Đại học chính quy	Xây dựng Website kinh doanh đồng hồ thời trang sử dụng Laravel Framework	Nguyễn Thị Bắc	ThS.Nguyễn Thị Hồng Loan	Nghiên cứu xây dựng website kinh doanh đồng hồ thời trang sử dụng Laravel Framework. Thực hiện nghiên cứu tổng quan về đề tài, phân tích thiết kế hệ thống và xây dựng webstie thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu như: đăng nhập, đăng ký, tìm kiếm, giỏ hàng, đặt hàng, thanh toán, phân quyền, quản lý sản phẩm, quản lý tài khoản, thống kê. Giúp người quản trị dễ dàng quản lý website.
16	Đại học chính quy	Xây dựng hệ thống quản lý các hoạt động phòng tập Zumba Fitness Ngọc Hà	Nguyễn Thị Kim Nga	ThS.Nguyễn Thị Hồng Loan	Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý các hoạt động phòng tập Zumba Fitness Ngọc Hà. Thực hiện phân tích thiết kế hệ thống và xây dựng webstie thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu như: Phân quyền, quản lý nhân viên, quản lý học viên, giảng viên, quản lý dịch vụ, quản lý lớp học, báo cáo thống kê. Giúp người quản trị dễ dàng quản lý website.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
17	Đại học chính quy	Nghiên cứu giải pháp phòng chống tấn công mạng SQL Injection trong phát hiện lỗ hổng bảo mật website	Nguyễn Nam Sơn	ThS. Nguyễn Văn Hách	Với mục tiêu của đề án là nghiên cứu các kỹ thuật tấn công mạng SQL injection trong phát hiện các lỗ hổng bảo mật website và thử nghiệm một số giải pháp phát hiện các lỗ hổng bảo mật website thường gặp bằng SQL Injection như: dùng các công cụ để khai thác, dùng các câu lệnh SQL trong phát hiện và xây dựng chương trình phát hiện bằng ngôn ngữ Python. Kết quả cho thấy hiện có số lượng nhiều website trong và ngoài nước được viết bằng ngôn ngữ PHP và có kết nối cơ sở dữ liệu SQL mà đang tham gia trực tiếp trên môi trường mạng internet rất có thể bị dính lỗi SQL injection.
18	Đại học chính quy	Xây dựng Website hỗ trợ khách hàng có tích hợp chat tự động	Doãn Đức Huy	TS. Trương Xuân Quang	Tìm hiểu các công cụ chat tự động và lựa chọn công cụ cho đề tài. Nghiên cứu ngôn ngữ lập trình PHP và laravel framework. Phân tích thiết kế hệ thống cho đề tài, xây dựng cơ sở dữ liệu tương ứng. Lập trình và xây dựng được ứng dụng thử nghiệm cho một website thương mại có tích hợp chat tự động cho một công ty được phẩm. Các chức năng của Website gồm có: (a) các kịch bản trong hỗ trợ khách hàng khi sử dụng website ví dụ như: tư vấn đơn giản, cách thức thanh toán. (b) website mang đầy đủ chức của website thương mại như: đăng nhập, phân quyền; người dùng, sửa, xóa chèn mới ảnh và tin tức; tìm kiếm nhanh, phân loại; giao diện sử dụng dễ tương tác với người dùng, tổ chức phân loại tin để theo dõi.
19	Đại học chính quy	Nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin quản lý giám sát tài nguyên tại Tuyên Quang bằng công nghệ GIS	Đỗ Thu Giang	ThS. Phí Thị Hải Yến	Đề án nghiên cứu tổng quan về GIS như kiến trúc hệ thống GIS, dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính, cách tổ lưu trữ dữ liệu GIS. Nghiên cứu hệ quản trị CSDL Postgis, nghiên cứu một số phần mềm nguồn mở GIS hiện đại. Từ đó, phân tích thiết kế hệ thống, xây dựng CSDL và xây dựng hệ thống thông tin giám sát tài nguyên của tỉnh Tuyên Quang dựa trên công nghệ GIS

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
20	Đại học chính quy	Nghiên cứu đặc trưng lỗi 3D và ứng dụng vào bài toán phát hiện mặt người trong ảnh	Vũ Yến Nhi	ThS.Bùi Thị Thùy	Đề án nghiên cứu tổng quát về xử lý ảnh và bài toán phát hiện mặt người trong ảnh: Bài toán nhận dạng mặt người có rất nhiều ứng dụng thực tế trong cuộc sống, nhận dạng mặt người để điểm danh của các cơ quan trường học, nhận dạng mở khóa bằng khuôn mặt sử dụng FaceID, chính vì thế bài toán nhận diện mặt người luôn nhận được nhiều sự quan tâm, có sức hấp dẫn..... ngoài ra, đề án cũng nghiên cứu một số phương pháp nhận diện mặt người, kỹ thuật phát hiện mặt người trong ảnh dựa trên đặc trưng lỗi 3D.
21	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý kho hàng điện tử cho công ty Thương mại và dịch vụ tổng hợp Vạn Phúc	Bùi Thị Nguyệt Ánh	TS.Lê Phú Hưng	Đề án khảo sát nghiệp vụ quản lý kho hàng, phân tích thiết kế hệ thống thông tin, nghiên cứu Laravel Framework, ngôn ngữ lập trình PHP, cơ sở dữ liệu MySQL để xây dựng website quản lý kho hàng có giao diện thân thiện với các chức năng như quản lý thông tin mặt hàng, quản lý nhập, xuất hàng, báo cáo, thống kê, quản trị, tìm kiếm... giúp công ty quản lý hàng thuận tiện, hiệu quả.
22	Đại học chính quy	Xây dựng Website cửa hàng thời trang trên ASP.NET MVC	Uông Huy Quang	ThS.Nguyễn Đức An	Đề án nghiên cứu khái niệm, tính năng, ưu điểm và nhược điểm của Framework ASP.NET MVC kết hợp với CSDL MsSQL. Tìm hiểu về nghiệp vụ xây dựng Website bán hàng trực tuyến. Xây dựng ứng dụng website cửa hàng thời trang có tính thực tiễn cao, có khả năng triển khai thực tế.
23	Đại học chính quy	Xây dựng website kinh doanh nội thất dựa trên ASP.NET MVC	Nguyễn Hoàng Dương	ThS.Nguyễn Ngọc Hoan	Đề án khảo sát nghiệp vụ kinh doanh nội thất trực tuyến, phân tích thiết kế hệ thống thông tin để xây dựng một website kinh doanh nội thất trực tuyến sử dụng ASP.NET và cơ sở dữ liệu SQL Server. Website có giao diện thân thiện cùng với các chức năng nổi bật như: quản lý sản phẩm, quản lý đơn hàng, quản lý nhân viên, phân quyền... chức năng giúp cho việc quản lý thuận tiện và khách hàng có thể lựa chọn và mua nội thất dễ dàng.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
24	Đại học chính quy	Nghiên cứu một số phương pháp kiểm thử phần mềm tự động	Phí Thị Hạnh	ThS.Nguyễn Ngọc Khải	Nghiên cứu về những phương pháp kiểm thử phần mềm phổ biến. Nghiên cứu một số phương pháp để nâng cao chất lượng phần mềm. Phân tích các phương pháp kiểm thử hộp trắng, kiểm thử hộp đen, các phương pháp kiểm thử thủ công, kiểm thử tự động. Nghiên cứu các loại kiểm thử: kiểm thử đơn vị, kiểm thử tích hợp,...; Nghiên cứu về hai công cụ kiểm thử Selenium webdriver và Katalon studio và ứng dụng của chúng để kiểm thử một ứng dụng với những tính năng cơ bản trên môi trường web.
25	Đại học chính quy	Xây dựng Website kinh doanh mỹ phẩm hãng SK-II sử dụng Laravel Framework	Nguyễn Thị Mai	ThS.Nguyễn Thị Hồng Loan	Nghiên cứu xây dựng Website kinh doanh mỹ phẩm hãng SK-II sử dụng Laravel Framework. Thực hiện phân tích thiết kế hệ thống và xây dựng webstie thử nghiệm đáp ứng các yêu cầu như: giỏ hàng, mua hàng, in hóa đơn, thông kê doanh thu theo ngày, theo tháng của cửa hàng giúp người quản trị dễ dàng quản lý website.
26	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý sinh viên trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Lê Văn Tới	ThS.Vũ Văn Huân	Nghiên cứu tổng quan về ADO.Net, kiến trúc ADO.Net, ưu, nhược điểm của ADO.Net, nghiên cứu hệ quản trị CSDL SQL Server. Nghiên cứu về bài toán, nghiệp vụ quản lý SV tại trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Từ đó phân tích thiết kế hệ thống, thiết kế CSDL và xây dựng phần mềm quản lý Sinh viên bao gồm các chức năng cơ bản như quản lý hồ sơ sinh viên, quản lý điểm, quản lý môn học,...
27	Đại học chính quy	Nghiên cứu kiểm thử tự động postman và ứng dụng trong kiểm thử API	Nguyễn Thị Hoa	ThS.Đặng Thị Khánh Linh	Nghiên cứu về kiểm thử phần mềm, kiểm thử tự động Postman và ứng dụng trong kiểm thử API. Với việc nghiên cứu về công cụ kiểm thử tự động Postman, tác giả đi cài đặt, tiến hành kiểm thử với một số tính năng của phần mềm như đăng nhập, tính năng caculator... Từ đó đưa ra báo cáo, nhận xét về việc sử dụng công cụ tự động để thấy việc cần thiết sử dụng công cụ kiểm thử tự động trong kiểm thử phần mềm. Nhằm giảm tải

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					công việc cho 1 tester ở một số khâu của kiểm thử phần mềm.
28	Đại học chính quy	Xây dựng Website kinh doanh đồng hồ trên Laravel Framework	Nguyễn Quang Ân	ThS.Nguyễn Đức An	Nội dung đồ án tốt nghiệp trình bày về nghiên cứu, tìm hiểu quy trình xây dựng website bán hàng. Tìm hiểu cơ sở lý thuyết về các ngôn ngữ lập trình, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL, Laravel framework. Ứng dụng những nội dung nghiên cứu đã tìm hiểu để xây dựng website bán đồng hồ.
29	Đại học chính quy	Xây dựng website quảng cáo tin tức	Vũ Thị Bảo Yên	ThS.Nguyễn Thùy Dung	Đồ án xây dựng website quảng cáo tin tức, là nơi trung gian để cho các công ty, các shop có nơi để quảng bá sản phẩm của công ty mình và người cần thông tin dễ dàng tìm kiếm tin đăng. Website hỗ trợ nộp tiền vào tài khoản qua phương thức online, nhằm tiết kiệm thời gian cho người sử dụng. Nội dung tin đăng được quản lý chặt chẽ để lấy được sự tin tưởng từ người dùng. SEO onpage để nâng thứ hạng tìm kiếm trang web, giúp trang web tiếp cận dễ dàng hơn với người sử dụng.
30	Đại học chính quy	Kỹ thuật mật mã Caesar Cipher và ứng dụng trong bảo mật thương mại điện tử	Trần Xuân Bình	ThS.Trần Thị Hương	Đồ án nghiên cứu các kỹ thuật mã hóa nói chung và đi sâu nghiên cứu mã hóa thông điệp Caesar. Từ kết quả nghiên cứu kết hợp với ngôn ngữ lập trình C#, đã xây dựng được sản phẩm mã hóa thông điệp ứng dụng trong bài toán bảo mật giao dịch trong lĩnh vực thương mại điện tử.
31	Đại học chính quy	Xây dựng Ontology phục vụ tìm kiếm ngữ nghĩa trong lĩnh vực trồng trọt	Nguyễn Ngọc Quỳnh	ThS.Trịnh Thị Lý	Đồ án nghiên cứu tìm hiểu công nghệ Semantic Web, các thành phần cấu thành của mô hình ontology, ngôn ngữ mô tả dữ liệu OWL (Ontology Web Language), các phương pháp suy luận trên mô hình ontology. Xây dựng các quy tắc suy diễn, truy vấn khai thác thông tin trên ontology. Nghiên cứu Framework Jena, và việc hỗ trợ bộ máy suy luận (Inference engine). Xây dựng hoàn chỉnh một ontology; trong đó làm rõ được bản

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					chất của tri thức về cây trồng và các thuộc tính mùa vụ của mỗi loại cây trồng. Phân tích các thành phần chức năng của cây trồng, và đặc tính mùa vụ của cây trồng. Xây dựng một số tập luật suy diễn nhằm mục đích suy diễn ra các chức năng mong muốn của hệ thống như: đưa ra cây trồng phù hợp với mỗi mùa vụ: mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, mùa đông; khai thác các đặc tính của mỗi loại cây trồng; khai thác các đặc tính của mỗi mùa vụ; Tìm những cây trồng theo tiêu chí của người trồng cây,...
32	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý bán hàng cho công ty cổ phần Elisa Việt Nam	Phạm Thị Ninh	ThS.Vũ Văn Huân	Nghiên cứu tổng quan về ADO.Net, kiến trúc, ưu nhược điểm của ADO.Net, nghiên cứu hệ quản trị CSDL SQL Server. Nghiên cứu nghiệp vụ quản lý bán hàng tại Công ty cổ phần Elisa Việt Nam, phân tích thiết kế hệ thống, thiết kế CSDL và Xây dựng phần mềm quản lý bán hàng cho công ty cổ phần Elisa Việt Nam bao gồm các chức năng cơ bản như quản lý nhân viên, quản lý bán hàng (hóa đơn), quản lý khách hàng, quản lý tồn kho,...
33	Đại học chính quy	Xây dựng ứng dụng quản lý quán cafe dựa trên nền tảng .Net framework	Lê Đình Thành	ThS.Bùi Thị Thùy	Tìm hiểu về ngôn ngữ lập trình và hệ quản trị cơ sở dữ liệu, khái niệm, đặc điểm ngôn ngữ lập trình C# và hệ quản trị cơ sở dữ liệu Sql Server, phân tích thiết kế hệ thống phần mềm quản lý quán cafe, đặc tả chức năng hệ thống, phân tích chức năng của hệ thống, phân tích cấu trúc dữ liệu và xây dựng ứng dụng đáp ứng những yêu cầu quản lý cần thiết.
34	Đại học chính quy	Nghiên cứu xây dựng hệ thống nhận dạng vân tay trên ảnh số	Hồ Minh Đức	ThS.Nguyễn Đức An	Đề tài tập trung nghiên cứu xây dựng hệ thống nhận dạng vân tay trên ảnh số trên ngôn ngữ C# sử dụng phần mềm Visual. Ứng dụng được xây dựng nhằm mục đích nhận diện vân tay. Người dùng có thể sử dụng ứng dụng để phân loại vân tay, biết tính cách của một người, sử dụng điểm mạnh để phát triển bản thân lên.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
35	Đại học chính quy	Nghiên cứu IoT và ứng dụng xây dựng hệ thống quản lý nhà thông minh	Lê Viết Đoàn	ThS.Nguyễn Ngọc Khải	Nghiên cứu về IoT; Phân tích xu hướng và việc ứng dụng thực tế của IoT hiện nay. Ứng dụng IoT phân tích, thiết kế và xây dựng phần mềm quản lý ra vào một tòa nhà chung cư với những tính năng cơ bản: điểm danh qua vân tay, thống kê người ra vào tòa nhà,... Tiến hành triển khai thử nghiệm và đánh giá kết quả của ứng dụng. Đề xuất những hướng phát triển và hoàn thiện cho ứng dụng để trở thành sản phẩm hoàn chỉnh.
36	Đại học chính quy	Xây dựng website bán hoa online dựa trên Laravel framework	Nguyễn Thủy Linh	ThS.Phí Thị Hải Yến	Đồ án xây dựng website bán hoa online. Đồ án đã khảo sát thị trường thương mại điện tử tại Việt Nam nói chung và việc bán hoa tại một số cửa hàng bán hoa tại Hà Nội, và thấy được sự cần thiết của việc bán hoa online như tiết kiệm thời gian, chi phí,... từ đó phân tích hệ thống hệ thống và thiết kế cơ sở dữ liệu bằng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Đồ án sử dụng Framework PHP xây dựng website bán hàng thời trang với các chức năng như: Xem thông tin hàng, tìm kiếm mặt hàng, thêm giỏ hàng, đặt hàng, chat với nhân viên, quản lý đơn hàng, thống kê hàng,....
37	Đại học chính quy	Xây dựng Website chia sẻ kiến thức dựa trên Spring Framework	Hoàng Tuấn Anh	TS.Trương Xuân Quang	Nghiên cứu lựa chọn các công cụ đang được sử dụng ở các doanh nghiệp trong lập trình Java Spring để xây dựng một website chia sẻ tin tức. Để hỗ trợ cho Server side của website, nghiên cứu và sử dụng framework Django Python để lập trình cài đặt phía Service, để giảm bớt thời gian lập trình cho các thủ tục đăng nhập, đăng ký, phân quyền. Phân tích và thiết kế được hệ thống thông tin cho trang website để tích hợp việc lập trình Java web và Django; phân tích thiết kế cơ sở dữ liệu cho website. Lập trình và xây dựng được website có các chức năng cơ bản và nâng cao như: đăng ký, đăng nhập, phân quyền nhiều mức, đăng tin, tìm kiếm nhanh (sử dụng elastic search), phân loại tin tức, bình luận, theo dõi các bài viết, theo dõi

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					chủ đề, vote cho các bài viết hay, lọc thông tin theo các tiêu chí khác nhau.
38	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý ký túc xá sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Phạm Thị Thêu	ThS.Đặng Thị Khánh Linh	Nghiên cứu quy trình quản lý ký túc xá tại Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Từ đó tác giả đi phân tích thiết kế hệ thống Quản lý ký túc xá tại Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Xây dựng phần mềm Quản lý ký túc xá sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Phần mềm đạt được một số tính năng cơ bản như: Quản lý sinh viên ở ký túc xá, Quản lý cơ sở vật chất, Quản lý phòng, Thống kê báo cáo tình hình sử dụng phòng ở... Với giao diện thân thiện, dễ sử dụng, có tính ứng dụng cao.
39	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý khách sạn	Đồng Thị Tuyết	ThS.Đỗ Thị Thu Nga	Nghiên cứu cơ sở lý thuyết về ngôn ngữ lập trình C#, .NET Framework, SQL Server. Xây dựng phần mềm quản lý khách sạn với giao diện thân thiện gồm các chức năng cơ bản như đặt phòng, hủy đặt phòng, thống kê, báo cáo, tìm kiếm, quản trị giúp cho việc quản lý khách sạn thuận tiện.
40	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý nhân sự cho công ty VKX	Nguyễn Văn Cảnh	TS.Lê Phú Hưng	Đồ án khảo sát nghiệp vụ quản lý nhân sự của công ty VKX, phân tích thiết kế hệ thống thông tin, nghiên cứu công nghệ Java Play Framework 2, cơ sở dữ liệu MySQL từ đó xây dựng phần mềm quản lý nhân sự cho công ty VKX. Phần mềm có nhiều chức năng như Quản lý nhân viên, Quản lý phòng ban – chức vụ, Quản lý dự án, Quản lý đào tạo, Quản lý tài sản, Quản lý tiền lương... giúp cho quá trình quản lý nhân sự dễ dàng.
41	Đại học chính quy	Nghiên cứu, xây dựng công thông tin điện tử bằng Liferay Framework - Ứng dụng tại khoa Công nghệ Thông tin Trường	Chu Thị Hải Yến	ThS.Nguyễn Thị Hồng Loan	Nghiên cứu nền tảng phát triển Web Liferay Framework, xây dựng web trên công nghệ mở dựa trên các tiêu chuẩn như Java, XML. Nghiên cứu về Liferay, ứng dụng thực tế của Liferay, hệ thống portal và các chức năng, portlet và mã nguồn mở. Phân tích thiết kế được một hệ thống hoàn chỉnh với đầy đủ các yêu cầu chức năng, biểu đồ cho hệ thống theo

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội			đúng quy định. Xây dựng demo công thông tin điện tử ứng dụng tại Khoa Công nghệ thông tin Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội bằng Liferay với đầy đủ các chức năng của hệ thống đặt ra.
42	Đại học chính quy	Nghiên cứu phương pháp bảo mật thông tin với chữ ký số và giao thức xác thực chung	Trịnh Thị Hoài Linh	ThS.Vũ Ngọc Phan	Đề tài TN nghiên cứu cơ sở lý luận về chứng thực thông tin, tìm hiểu về bảo mật thông tin với chữ ký điện tử, các phương thức mã hóa dữ liệu cơ bản, các phương thức mã hóa bất đối xứng sử dụng cho chữ ký điện tử. Đề tài cũng nghiên cứu về giao thức xác thực, hàm băm và cài đặt thử nghiệm được hương trình minh họa.
43	Đại học chính quy	Nghiên cứu kỹ thuật tấn công website SQL injection	Đặng Thị Ngọc Anh	ThS.Nguyễn Ngọc Hoan	Đồ án nghiên cứu cơ sở lý thuyết về an ninh mạng, các lỗi trong hệ thống mạng, các phương pháp bảo mật mạng. Đồ án trình bày khái niệm các phương pháp tấn công SQL Injection, chi tiết các kỹ thuật tấn công SQL Injection trong từng phương pháp. Triển khai thử nghiệm xâm nhập vào một Website bằng phương pháp tấn công SQL Injection. Đồ án đưa ra phương pháp bảo mật website trước cách tấn công dựa Website trên kỹ thuật SQL Injection.
44	Đại học chính quy	Xây dựng website kinh doanh máy tính xách tay trực tuyến	Lê Ngọc Sơn	ThS.Nguyễn Ngọc Khải	Nghiên cứu, phân tích, xây dựng website kinh doanh máy tính xách tay trực tuyến sử dụng framework JSF Primefaces với những tính năng cơ bản: quản lý sản phẩm, giỏ hàng, tìm kiếm, thống kê, tin tức về sản phẩm,... Triển khai thử nghiệm website và đánh giá kết quả đạt được, đề xuất những hướng phát triển để có được những website hoàn chỉnh, hoạt động tốt, bảo mật dựa trên framework JSF Primefaces.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
45	Đại học chính quy	Xây dựng website đặt phòng khách sạn	Trần Thị Ngọc Anh	ThS.Nguyễn Thị Hồng Hương	Đề tài thực hiện khảo sát mô hình nghiệp vụ đặt phòng tại Khách sạn Tuấn Quyết - một khách sạn mới đưa vào vận hành tại khu vực Ba Vì - Thành phố Hà Nội. Từ đó, đề tài đã thực hiện phân tích thiết kế hệ thống và với các công cụ phát triển hệ thống trên nền web được trang bị trong quá trình học tập đã xây dựng website thử nghiệm đáp ứng yêu cầu tự động hóa toàn bộ hoạt động quản lý đặt phòng khách sạn tại Khách sạn Tuấn Quyết.
46	Đại học chính quy	Xây dựng website cho công ty bất động sản CENLAND	Hoàng Văn Hậu	ThS.Trịnh Thị Lý	Đồ án xây dựng website cho công ty bất động sản CenLand với đầy đủ chức năng sử dụng ngôn ngữ PHP và cơ sở dữ liệu MySQL. Website đưa các thông tin về các dự án của công ty CenLand với các tính năng tìm kiếm, xem thông tin về dự án, về căn hộ, ... Đồ án đã nghiên cứu các nghiệp vụ về bất động sản, khảo sát hiện trạng của công ty, cho đến việc phân tích, thiết kế cơ sở dữ liệu và xây dựng các giao diện cho website.
47	Đại học chính quy	Xây dựng website quản lý khách sạn Citadines Bayfront Nha Trang trên nền tảng ASP.NET MVC	Nguyễn Thị Mai	ThS.Vũ Ngọc Phan	Đề tài tốt nghiệp nghiên cứu về bài toán nghiệp vụ quản lý một khách sạn cụ thể. đồng thời nghiên cứu được các công nghệ ASP.Net MVC, ngôn ngữ C#, Cơ sở dữ liệu My SQL,.... Sau đó tiến hành phân tích thiết kế hệ thống và xây dựng được 01 website quản lý khách sạn với một số chức năng cơ bản như: Quản lý tài khoản, quản lý nhân viên, quản lý phòng, thanh toán...
48	Đại học chính quy	Kiểm thử ứng dụng Web dựa trên công cụ nguồn mở Selenium	Nguyễn Thị Chúc	ThS.Vũ Văn Huân	Đề tài nghiên cứu tổng quan về kiểm thử, một số kỹ thuật kiểm thử, ưu nhược điểm của một số kỹ thuật kiểm thử. Nghiên cứu công cụ nguồn mở Selenium, kiến trúc, phát triển, xây dựng một số kịch bản kiểm thử dựa trên công cụ Selenium và Ứng dụng Công cụ nguồn mở Selenium trong kiểm thử Web

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
49	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý cửa hàng bán giày Shop 5 Nàng Tiên	Võ Thị Phúc	ThS.Vũ Văn Huân	Đề tài nghiên cứu tổng quan về ADO.Net, kiến trúc ADO.Net, ưu nhược điểm của ADO.Net, nghiên cứu hệ quản trị CSDL SQL Server. Nghiên cứu nghiệp vụ quản lý cửa hàng bán giày Shop 5 Nàng Tiên. Từ đó đi phân tích thiết kế hệ thống, thiết kế CSDL và xây dựng phần mềm quản lý cửa hàng bán giày Shop 5 Nàng Tiên dựa trên kiến trúc ADO.Net bao gồm các chức năng cơ bản như quản lý nhân viên, quản lý bán hàng (hóa đơn), quản lý tồn kho,...
50	Đại học chính quy	Xây dựng webgis để tra cứu thông tin đất đai	Ngô Trí Hiếu	ThS.Đỗ Thị Thu Nga	Xây dựng webgis có nhiều chức năng nổi bật và giao diện thân thiện, dễ sử dụng để tra cứu thông tin đất đai. Nghiên cứu nghiệp vụ quản lý các thửa đất trên địa bàn Từ Sơn, các thuộc tính của thửa đất để phục vụ tra cứu thông tin đất đai.
51	Đại học chính quy	Xây dựng hệ thống thi tin học trực tuyến dựa trên .Net Framework	Nguyễn Văn Hào	ThS.Nguyễn Ngọc Hoan	Đồ án khảo sát nghiệp vụ sát hạch tin học trực tuyến, phân tích thiết kế hệ thống thông tin để xây dựng một website sát hạch tin học trực tuyến sử dụng .Net Framework và cơ sở dữ liệu SQL Server. Website có giao diện thân thiện cùng với các chức năng nổi bật như: quản lý thí sinh, quản lý đề, phân quyền...chức năng giúp cho việc quản lý thuận tiện và thí sinh có thể lựa chọn và thi sát hạch trực tuyến dễ dàng.
52	Đại học chính quy	Xây dựng Website bán giày sử dụng công nghệ Spring MVC	Nguyễn Thành Luân	ThS.Lê Thị Vui	Đồ án nghiên cứu, phân tích thiết kế và xây dựng website bán giày. Website được xây dựng với giao diện thân thiện, dễ sử dụng dựa trên ngôn ngữ Java và công nghệ Spring MVC. Website có đầy đủ các chức năng như xem theo loại giày, mẫu giày, chọn size số, màu sắc, số lượng sau đó nếu khách hàng đồng ý mua thì cho vào giỏ hàng và thanh toán qua thẻ hoặc qua COD.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
53	Đại học chính quy	Xây dựng website quản lý hoạt động kinh doanh của nhà hàng Lầu Hương	Phan Thanh Vũ	ThS.Vũ Ngọc Phan	Đề tài tốt nghiệp nghiên cứu về bài toán nghiệp vụ quản lý cửa hàng ăn uống Lầu Hương, đồng thời nghiên cứu được các công nghệ được sử dụng như C#, ASP.NET MVC, HTML5, MySQL.... Sau đó tiến hành phân tích thiết kế hệ thống và xây dựng được 01 website quản lý nhà hàng Lầu Hương với một số chức năng cơ bản như: quản lý tài khoản, quản lý nhân viên, quản lý bàn, order món cho khách và thanh toán...
54	Đại học chính quy	Xây dựng website giới thiệu và đặt lịch khám chữa bệnh	Lê Hoàng Hậu	ThS.Nguyễn Ngọc Khải	Nghiên cứu, phân tích, thiết kế, xây dựng website giới thiệu và đặt lịch khám chữa bệnh cho một phòng khám tư nhân. Website được xây dựng với ngôn ngữ lập trình PHP, hệ quản trị cơ sở dữ liệu MSQL. Website có những tính năng đáp ứng cho bác sĩ, nhân viên, cán bộ quản lý và bệnh nhân của phòng khám: Bác sĩ đăng ký lịch khám với nhân viên, cán bộ quản lý, nhân viên điều hành, sắp xếp lịch khám cho bác sĩ, bệnh nhân, bệnh nhân đăng ký khám trực tuyến, cán bộ quản lý thống kê công tác khám chữa bệnh của phòng khám,... Tiến hành thử nghiệm website và đánh giá nhận xét về kết quả đạt được.
55	Đại học chính quy	Nghiên cứu React Native và xây dựng ứng dụng tìm kiếm di tích lịch sử văn hóa trên thiết bị di động	Đinh Thành Nguyễn	ThS.Nguyễn Thị Hồng Hương	Đề tài nghiên cứu tổng quan về di tích lịch sử văn hóa tại Việt nam, thu thập số liệu các di tích lịch sử văn hóa theo từng địa phương. Đề tài nghiên cứu công cụ React Native framework - một công cụ mới trong phát triển ứng dụng trên thiết bị di động. Trên cơ sở nghiên cứu các nghiên cứu này, đề tài thực hiện xây dựng ứng dụng tìm kiếm di tích lịch sử văn hóa trên điện thoại di động.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
56	Đại học chính quy	Nghiên cứu Laravel Framework và ứng dụng xây dựng website bán điện thoại	Trần Sinh	ThS.Nguyễn Thùy Dung	Website bán điện thoại là công cụ giúp cho người bán hàng quản lý các sản phẩm, hóa đơn của cửa hàng dễ dàng hơn. Ngoài ra nó còn thống kê doanh thu, sản phẩm, hóa đơn tạo sự thuận lợi trong việc kinh doanh. Khách hàng có thể truy cập vào website để tìm kiếm, xem thông tin sản phẩm của cửa hàng và đặt hàng mà không cần phải đến tận nơi để mua hàng.
57	Đại học chính quy	Xây dựng website shop thời trang Masha Life	Nguyễn Hồng Hải	ThS.Phí Thị Hải Yến	Đồ án xây dựng website bán hàng thời trang. Đồ án đã nghiên cứu thị trường thương mại điện tử tại Việt Nam, và thấy được sự cần thiết của thương mại điện tử. Đồ án đã khảo sát được thực trạng thương mại điện tử, từ đó phân tích hệ thống và thiết kế cơ sở dữ liệu bằng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Đồ án sử dụng ngôn ngữ PHP xây dựng website bán hàng thời trang với các chức năng như: Xem thông tin hàng, tìm kiếm mặt hàng, thêm giỏ hàng, đặt hàng, quản lý đơn hàng, thống kê hàng, ...
58	Đại học chính quy	Xây dựng website bán mỹ phẩm online	Ngô Ngọc Quỳnh	ThS.Phí Thị Hải Yến	Đồ án xây dựng website bán mỹ phẩm online. Đồ án đã khảo sát thị trường thương mại điện tử tại Việt Nam nói chung và việc bán mỹ phẩm tại một số cửa hàng bán mỹ phẩm tại Hà Nội, và thấy được những ưu điểm của việc bán mỹ phẩm online như tiết kiệm thời gian, chi phí,... từ đó phân tích hệ thống và thiết kế cơ sở dữ liệu bằng hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL. Đồ án sử dụng Laravel Framework xây dựng website bán hàng thời trang với các chức năng như: Xem thông tin hàng, tìm kiếm mặt hàng, thêm giỏ hàng, đặt hàng, chat với nhân viên, quản lý đơn hàng, thống kê hàng,...

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
59	Đại học chính quy	Xây dựng website bán hàng laptop bằng Laravel Framework	Hoàng Văn Thành	ThS.Trần Thị Hương	Đồ án xây dựng Website bán laptop online dựa trên Laravel Framework. Đồ án đã nghiên cứu, khảo sát, phân tích thiết kế và xây dựng Website bán laptop có các chức năng như quản lý sản phẩm, quản lý nhập xuất hàng hóa. Ngoài ra, website còn cho phép thống kê doanh thu theo tháng, quý và năm để tạo sự thuận lợi trong lĩnh vực kinh doanh.
60	Đại học chính quy	Nghiên cứu và ứng dụng công cụ kiểm thử tự động Selenium trong kiểm thử phần mềm	Chu Thị Thắm	ThS.Đỗ Thị Thu Nga	Nghiên cứu lý thuyết về kiểm thử phần mềm; Nghiên cứu các chức năng, thành phần, các ưu, nhược điểm của công cụ kiểm thử tự động Selenium; Ứng dụng công cụ Selenium để xây dựng các kịch bản kiểm thử tự động các chức năng của phần mềm .
61	Đại học chính quy	Xây dựng Website kinh doanh rượu trên nền tảng ASP.NET MVC	Nguyễn Thành Trung	ThS.Nguyễn Đức An	Nội dung đồ án tốt nghiệp trình bày về nghiên cứu, thu thập tài liệu về hệ quản trị cơ sở dữ liệu MsSQL, mô hình MVC, nghiên cứu về ngôn ngữ lập trình C# và ASP.NET Framework., nghiên cứu cơ sở lý thuyết về về hệ quản trị cơ sở dữ liệu MsSQL và mô hình MVC. Xây dựng ứng dụng website kinh doanh rượu vang có tính thực tiễn cao, có khả năng triển khai thực tế. Tiến hành thử nghiệm vận hành Website và kiểm tra kết quả đạt được.
62	Đại học chính quy	Xây dựng website quản lý bán hàng dựa trên Spring Framework	Vũ Quang Trung	ThS.Nguyễn Ngọc Hoan	Đồ án khảo sát nghiệp vụ bán hàng trực tuyến, phân tích thiết kế hệ thống thông tin để xây dựng một website bán hàng trực tuyến sử dụng Spring Framework và cơ sở dữ liệu MySQL. Website có giao diện thân thiện cùng với các chức năng nổi bật như: quản lý sản phẩm, quản lý đơn hàng, quản lý nhân viên, phân quyền...chức năng giúp cho việc quản lý thuận tiện và khách hàng có thể lựa chọn và mua sản phẩm dễ dàng.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
63	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm thi trắc nghiệm trực tuyến	Trần Quang Ninh	ThS.Nguyễn Thùy Dung	Phần mềm thi trắc nghiệm trực tuyến là nơi giúp cho thí sinh tiến hành thi một cách đơn giản với lượng kiến thức lớn để kiểm tra lượng kiến thức cũng như năng lực bản thân. Phần mềm còn giúp việc quản lý trở lên dễ dàng cũng như đánh giá năng lực của thí sinh một cách chính xác, nhanh chóng, công bằng với tất cả thí sinh.
64	Đại học chính quy	Nghiên cứu về kiểm thử phần mềm và công cụ kiểm thử Jmeter	Nguyễn Thị Yến	ThS.Phí Thị Hải Yến	Đồ án nghiên cứu tổng quan về kiểm thử, một số kỹ thuật kiểm thử, những ưu nhược điểm của một số kỹ thuật kiểm thử. Nghiên cứu và sử dụng công cụ kiểm thử Jemeter. Nghiên cứu xây dựng một số kịch bản kiểm thử phần mềm dựa trên công cụ Jemeter như kiểm thử giao diện, kiểm thử chức năng,...
65	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý kho linh kiện máy tính trên nền Android	Đào Trung Kiên	TS.Trần Cảnh Dương	Đồ án trình bày tổng quan về Android bao gồm lịch sử, tính năng, kiến trúc, các thành phần, hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQLite, các ngôn ngữ lập trình; phân tích chức năng hệ thống phần mềm quản lý linh kiện máy tính bao gồm phân tích, thiết kế hệ thống thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý kho linh kiện máy tính; chương trình demo và kết quả phần mềm quản lý kho linh kiện máy tính.
66	Đại học chính quy	Kiểm thử ứng dụng web sử dụng công cụ Selenium	Nguyễn Thị Thu Hà	ThS.Bùi Thị Thùy	Đồ án nghiên cứu về quy trình kiểm thử, kiểm thử tự động, nghiên cứu về công cụ kiểm thử tự động Selenium, cụ thể là nghiên cứu về cơ sở lý thuyết về kiểm thử phần mềm, kiểm thử tự động, công cụ kiểm thử tự động Selenium, Selenium IDE...xây dựng các kịch bản kiểm thử và ứng dụng kiểm thử thực nghiệm trên website www.vinabook.com và website www.time.sigma-solutions.vn , phân tích, đánh giá về kết quả kiểm thử tự động dùng công cụ Selenium.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
67	Đại học chính quy	Nghiên cứu phần mềm mã nguồn mở Cacti và ứng dụng trong giám sát an ninh mạng	Lương Thị Minh Oanh	TS.Lê Phú Hưng	Đề án đi sâu phân tích các kiến thức giám sát hệ thống, thiết bị (giám sát hoạt động truy cập phần mềm, tải hệ thống, bộ nhớ, xử lý tiến trình) trong môi trường mạng. Đề án cũng trình bày một số giao thức mạng điển hình SNMP, ICMP, kiến thức về mã nguồn mở Cacti, cài đặt máy ảo Vnware, hệ điều hành ubuntu để tạo môi trường ảo từ đó xây dựng và thử nghiệm hệ thống giám sát mạng dựa trên phần mềm mã nguồn mở Cacti.
68	Đại học chính quy	So sánh vân tay dựa trên các điểm đặc trưng bằng thuật toán Crossing number	Ngô Xuân Tùng	TS.Lê Phú Hưng	Đề án nghiên cứu một số kỹ thuật xử lý ảnh nói chung, kỹ thuật xử lý ảnh vân tay nói riêng sau đó đi sâu nghiên cứu thuật toán Crossing number, từ đó áp dụng để giải quyết bài toán so sánh vân tay thông qua xử lý điểm đặc trưng trên vân tay. Kết quả thực hiện chương trình mô phỏng cho thấy việc sử dụng thuật toán xử lý ảnh Crossing number đã phân tích và trích chọn được các điểm đặc trưng trên vân tay.
69	Đại học chính quy	Nghiên cứu chữ ký số và ứng dụng trong bảo mật thông tin	Nguyễn Văn Thành	ThS.Nguyễn Văn Hách	Với mục tiêu là nghiên cứu về chữ ký số, đề án tập trung đi phân tích về mã hóa và các thuật toán mã hóa trong phát triển chữ ký số, làm nổi bật rõ các cơ sở hạ tầng để hình thành chữ ký số và đi vào phân tích các nghiệp vụ từ quá trình tạo khóa công khai đến hoàn thành ký lên một văn bản, đồng thời xây dựng chương trình phần mềm chữ ký số trong bảo mật thông tin bằng thuật toán RSA. Kết quả cho thấy, thông tin được truyền vào với các khóa đã cho và thực hiện mã hóa để tạo chữ ký số, ký lên văn bản thành công.
70	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý thư viện trực tuyến	Phạm Thị Hiền	TS.Trần Cảnh Dương	Đề án trình bày tổng quan về bài toán quản lý thư viện trực tuyến bao gồm giới thiệu một số công nghệ, công cụ xây dựng phần mềm; khảo sát và phân tích bài toán xây dựng phần mềm quản lý thư viện trực tuyến; xây dựng phần mềm thư viện trực tuyến với các chức năng cơ bản như đăng nhập, quản lý sách, quản lý hóa đơn, thống kê, quản lý nhân viên, quản lý

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					khách hàng, sửa sách, thêm sách, xóa sách
71	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý các sự cố của hệ thống trong Trung tâm dữ liệu, Tổng cục Hải quan	Đỗ Hồng Quân	TS.Trần Cảnh Dương	Đồ án trình bày tổng quan về ngôn ngữ ASP.NET bao gồm khái niệm, đặc tính chung, ưu điểm, nhược điểm của ASP.NET; mô hình MVC; tính năng của nền tảng ASP.NET MVC; phân tích và thiết kế hệ thống quản lý các sự cố trong Trung tâm dữ liệu Tổng cục Hải quan; xây dựng phần mềm quản lý các sự cố trong Trung tâm dữ liệu Tổng cục Hải quan với chức năng tạo mới, cập nhật sự cố, quản lý nhân viên, thống kê sự cố xảy ra theo thời gian chỉ định, thống kê tần suất lỗi, sửa và xóa thông tin tài khoản nhân viên.
72	Đại học chính quy	Xây dựng hệ thống quản lý bán hàng cho hệ thống siêu thị trung tâm thương mại DABACO Bắc Ninh	Phạm Tuấn Anh	ThS. Vũ Văn Huân	Đề tài Nghiên cứu về một số công nghệ Xây dựng ứng dụng Web: ADO.Net, ASP core, Angular JS,... Nghiên cứu nghiệp vụ hệ thống quản lý bán hàng cho hệ thống siêu thị trung tâm thương mại DABACO Bắc Ninh. Phân tích thiết kế hệ thống quản lý bán hàng tại trung tâm thương mại DABACO Bắc Ninh. Thiết kế và tổ chức cơ sở dữ liệu và Xây dựng hệ thống quản lý bán hàng cho hệ thống siêu thị trung tâm thương mại DABACO Bắc Ninh
73	Đại học chính quy	Nghiên cứu về chữ ký số và ứng dụng cho hệ thống email của Khoa Công nghệ Thông tin	Mai Thị Thiên Thuận	ThS.Bùi Thị Thùy	Đồ án nghiên cứu về về chữ ký số - mô hình sử dụng các kỹ thuật mật mã để gắn với mỗi người sử dụng một cặp khóa công khai – bí mật và qua đó có thể ký các văn bản điện tử cũng như trao đổi các thông tin mật. Cụ thể, đồ án nghiên cứu chữ ký số RSA và xây dựng ứng dụng chữ ký số dùng trong hệ thống email.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
74	Đại học chính quy	– Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Hoàng Ngọc Thanh	ThS.Đặng Thị Khánh Linh	Nghiên cứu nghiệp vụ quản lý khách sạn Rosarian Hà Nội. Từ đó tác giả đi phân tích thiết kế hệ thống quản lý khách sạn Rosarian Hà Nội, xây dựng phần mềm Quản lý khách sạn Rosarian Hà Nội. Phần mềm đạt được một số tính năng cơ bản như: Quản lý khách hàng, Quản lý buồng phòng, quản lý dịch vụ, thống kê báo cáo tình trạng phòng, tình trạng khách.. Với giao diện phần mềm thân thiện, dễ sử dụng, đẹp mắt.
75	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý bán hàng trực tuyến	Vũ Hồng Ngọc	ThS.Nguyễn Ngọc Khải	Nghiên cứu, phân tích, thiết kế và xây dựng phần mềm quản lý việc bán hàng trực tuyến của một cá nhân hoặc một tổ chức bán hàng trực tuyến. Phần mềm được xây dựng bằng ngôn ngữ lập trình C#, hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. Những tính năng chính bao gồm: quản lý sản phẩm trong kho hàng, quản lý các đơn đặt hàng, thống kê sản phẩm theo từng ngày, từng tháng, hoặc theo những thời gian người dùng mong muốn. Tiến hành thử nghiệm, đánh giá những tính năng của phần mềm và đề xuất những giải pháp phát triển hoàn thiện phần mềm để trở thành sản phẩm hoàn chỉnh.
76	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý bán hàng trực tuyến	Vũ Thủy Tiên	ThS.Nguyễn Văn Hách	Mục tiêu của đồ án xây dựng được phần mềm thi trắc nghiệm trực tuyến dựa trên các mô hình MVC, sử dụng ngôn ngữ lập trình C# và cơ sở dữ liệu SQL Server. Kết quả là xây dựng được phần mềm thi trắc nghiệm trực tuyến thể hiện qua các giao diện của người dùng như: lựa chọn môn thi, bài thi, xem kết quả thi và cho phép người quản trị có thể cập nhật nội dung câu hỏi thi hay cho phép chỉnh sửa nội dung trong đề thi, tạo ra giao diện thân thiện với người dùng hơn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
77	Đại học chính quy	Xây dựng website thi trắc nghiệm trực tuyến dựa trên mô hình MVC	Đào Đức Trung	ThS.Nguyễn Văn Hách	Với mục tiêu của đề án nghiên cứu một số phương thức tấn công phổ biến hiện nay và tập trung phân tích cách thức tấn công từ chối dịch vụ DDoS, từ đó xây dựng giải pháp phòng chống DDoS, Kết quả ứng dụng mã nguồn mở Pfsense trong phát hiện và phòng chống DdoS để đảm bảo cho website Viện Khoa học Đào tạo Phát triển Nhân lực như kiểm tra hệ thống với thời gian thực khi hoạt động, thông tin phát hiện bằng thông tắc nghẽn khi có cuộc tấn công mạng bằng DdoS, cũng như phát triển giải pháp cân bằng tải hệ thống được an toàn hơn.
78	Đại học chính quy	Nghiên cứu giải pháp phòng chống tấn công DDoS và ứng dụng đảm bảo an toàn website cho Viện Khoa học Đào tạo Phát triển Nhân lực	Dương Phương Nam	ThS.Vũ Ngọc Phan	Đề tài tốt nghiệp của sinh viên nghiên cứu các công nghệ .NET và ngôn ngữ C#, hệ quản trị CSDL MySQL, đồng thời khảo sát nghiệp vụ quản lý nhân sự của công ty DIGIHOME từ đó phân tích thiết kế hệ thống, xây dựng CSDL và lập trình xây dựng được phần mềm quản lý nhân sự của công ty DIGIHOME hoạt động trên Window. Phần mềm được xây dựng với những chức năng cơ bản như: Quản lý tài khoản, quản lý nhân viên công ty, tìm kiếm...
79	Đại học chính quy	Nghiên cứu xây dựng website chat trực tuyến cho sinh viên Khoa Công nghệ thông tin - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Đỗ Quốc Hội	ThS.Đỗ Thị Thu Nga	Xây dựng website đặt lịch phòng khám đáp ứng cung cấp thông tin về các bác sĩ và việc đặt lịch khám chữa bệnh từ xa theo hình thức khách hàng tự lựa chọn bác sĩ. Website có giao diện thân thiện, dễ sử dụng với nhiều chức năng thuận tiện cho sự lựa chọn của người bệnh và sự quản lý của bệnh viện.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
80	Đại học chính quy	Xây dựng phần mềm quản lý nhân sự của công ty cổ phần công nghệ số DIGIHOME	Đinh Công Thành	ThS. Nguyễn Thị Hồng Loan	Đồ án xây dựng website chat trực tuyến dựa theo các ứng dụng chat hiện nay như Messenger, zalo. Website hoạt động trên thiết bị có kết nối mạng với 3 tiêu chí: dễ sử dụng, nhẹ, đồng nhất giữa các thiết bị. Người dùng sẽ không cần tải tài khoản trên ứng dụng mà chỉ phải đăng nhập bằng tài khoản gmail. Các chức năng chính của website bao gồm chat cá nhân, chat nhóm, gửi bài viết.

II. Ngành Kỹ thuật trắc địa bản đồ

1	Đại học chính quy	Ứng dụng tư liệu ảnh Landsat trong nghiên cứu biến động lớp phủ mặt đất giai đoạn 2005 – 2015 khu vực Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Nguyễn Tuyết Nhung	TS. Nguyễn Văn Nam	Với mục tiêu nghiên cứu biến động lớp phủ mặt đất khu vực Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Đồ án đã ứng dụng công nghệ viễn thám kết hợp với GIS để thành lập bản đồ lớp phủ mặt đất phủ khu vực Đan Phượng các năm 2005, 2010, 2015 và bản đồ biến động lớp phủ mặt đất khu vực Đan Phượng giai đoạn 2005-2015, tỉ lệ 1:100.000 giúp các nhà hoạch định, quản lý tài nguyên - môi trường, quy hoạch đô thị có thể đánh giá chính xác hơn hiện trạng tại khu vực. Từ kết quả phân tích biến động lớp phủ mặt đất từ năm 2005 đến 2010 và 2010 đến 2015, khu vực Đan Phượng có biến động về các lớp phủ: lớp phủ có biến động mạnh nhất là lớp thực vật, lớp phủ có biến động không đáng kể là lớp thủy hệ và đất trống. Việc suy giảm diện tích thực vật do chuyển đổi mục đích sử dụng đất xây dựng đã cho thấy tốc độ đô thị hoá của khu vực nghiên cứu.
2	Đại học chính quy	Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2017 tỷ lệ 1:5000 xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội phục vụ đánh giá biến động	Phạm Mạnh Quyền	ThS. Nguyễn Thị Lệ Hằng	Với mục tiêu là: Thành lập được bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2017 tỷ lệ 1:5000 xã Trung Giã, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội phục vụ đánh giá biến động đất đai. Tìm hiểu quy trình thành lập bản đồ hiện trạng và các phần mềm MicroStation. Từ kết quả thực nghiệm có thể thấy việc thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính là một trong những phương pháp chính xác nhất.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		đất đai.			Bởi vì bản đồ địa chính thể hiện khá đầy đủ thông tin sử dụng của thửa đất tại một thời điểm nhất định và cũng rất ít biết động, thay đổi. Ngoài ra BĐHT còn phục vụ đánh giá biến động đất đai.
3	Đại học chính quy	Thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1000 xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh bằng công nghệ ảnh hàng không kết hợp đo vẽ thực địa.	Lương Xuân Bình	TS. Bùi Thị Thúy Đào	Để đạt được mục tiêu thành lập bản đồ địa chính bằng công nghệ ảnh hàng không kết hợp đo vẽ thực địa. Đồ án đã tiến hành thu thập số liệu, điều tra thực nghiệm tại xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh đồng thời tìm hiểu quy trình thành lập bản đồ địa chính và tìm hiểu phần mềm MicroStation V8i trong quá trình thực nghiệm. Từ kết quả thực nghiệm, đồ án đã thành lập được bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1000 xã Đông Cứu, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh năm 2018.
4	Đại học chính quy	Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 tỷ lệ 1 : 5000 phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng từ bản đồ địa chính.	Nông Thu Trang	TS. Bùi Thị Thúy Đào	Với mục tiêu thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 tỷ lệ 1 : 5000 phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng từ bản đồ địa chính. Đồ án tiến hành thu thập và phân tích các tài liệu liên quan đến thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, bản đồ địa chính năm 2018, số liệu thống kê, kiểm kê đất đai, đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội khu vực nghiên cứu, tìm hiểu quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã, phường, thị trấn từ bản đồ địa chính. Từ những nội dung đã được thực hiện, đồ án đã thành lập được bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 tỷ lệ 1:5000 phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
5	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm mã nguồn mở QGIS thành lập bản đồ lớp phủ mặt đất năm 2018 tỷ lệ 1:50.000 tại huyện Đông Hưng	Trần Thị Thùy	ThS. Phạm Thị Thanh Thùy	Đồ án sử dụng dữ liệu ảnh Sentinel 2B và phần mềm mã nguồn mở QGIS để thành lập bản đồ lớp phủ mặt đất năm 2018 tỷ lệ 1:50.000 tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Nội dung của đồ án bao gồm: tổng quan các vấn đề liên quan đến đề tài, quy trình xây dựng bản đồ lớp phủ mặt đất bằng phần mềm mã nguồn

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Hung, tỉnh Thái Bình			mở QGIS; thử nghiệm thành lập bản đồ lớp phủ mặt đất tỷ lệ 1: 50.000 tại huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Để thực hiện các nội dung trên, đồ án đã áp dụng nhiều phương pháp khác nhau như: phương pháp thu thập, phân tích và tổng hợp tài liệu; phương pháp viễn thám; phương pháp bản đồ và phương pháp thử nghiệm. Trong quá trình nghiên cứu cho thấy phần mềm mã nguồn mở QGIS đáp ứng được hầu hết các yêu cầu khi thành lập bản đồ lớp phủ mặt đất. Nguồn ảnh vệ tinh rõ nét giúp cho quá trình phân loại, biên tập các đối tượng dễ dàng thuận lợi. Tuy có một vài điểm chưa bằng phần mềm ArcGIS nhưng các phần mở rộng của phần mềm QGIS hỗ trợ tối đa cho người dùng thực hiện được các công việc mong muốn. Khi sử dụng phần mềm QGIS để biên tập bản đồ lớp phủ mặt đất mang lại nhiều lợi ích như lợi ích về kinh phí, thời gian và kỹ thuật.
6	Đại học chính quy	Thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1: 1000 xã Cẩm yên, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	Lê Đức Anh	ThS. Trần Thị Thu Trang	1. Mục tiêu đề tài: Thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1: 1000 xã Cẩm Yên, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội 2. Nội dung nghiên cứu - Nghiên cứu, tìm hiểu quy trình thành lập bản đồ địa chính; - Công nghệ GNSS trong xây dựng lưới; - Tìm hiểu phần mềm MicroStation V8i; phần mềm xử lý số liệu trắc địa; - Thu thập số liệu, điều tra thực nghiệm để thành lập bản đồ địa chính xã Cẩm Yên, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội ; - Quy trình công nghệ thành lập bản đồ địa chính từ số liệu đo trực tiếp; 3. Sản phẩm đồ án: Báo cáo đồ án tốt nghiệp; Bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1000 xã Cẩm Yên, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội .

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
7	Đại học chính quy	Thành lập lưới khống chế trắc địa phục vụ thi công và quan trắc lún công trình sonasea Dragon Bay Huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh	Mai Văn Hùng	ThS. Ngô Thị Mến Thương	Với mục tiêu của đồ án: thành lập được lưới khống chế trắc địa phục vụ thi công công trình; thành lập được lưới cơ sở quan trắc lún công trình, đồ án đã sử dụng số liệu thực nghiệm đo GPS và đo thủy chuẩn tại khu vực thực nghiệm tại công trình Sonasea Dragon Bay huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Đồ án đã tiến hành xử lý được dữ liệu GNSS bằng phần mềm COMPASS phục vụ xây dựng mạng lưới khống chế trắc địa mặt bằng kết quả xử lý đạt lưới đường truyền cấp 2. Xử lý dữ liệu về lưới khống chế độ cao và lưới quan trắc lún bằng phần mềm Hhmaps được đo bằng phương pháp thủy chuẩn hình học. Kết quả thu được đạt cấp hạng IV đảm bảo phục vụ cho công tác đo vẽ thành lập bản đồ và quan trắc lún khu vực cảnh quan của công trình.
8	Đại học chính quy	Đánh giá ảnh hưởng của các loại lịch vệ tinh tới kết quả xử lý số liệu hỗn hợp GPS/GLONASS	Phạm Hồng Phong	ThS. Ngô Thị Mến Thương	Với mục tiêu của đồ án: đánh giá được ảnh hưởng của lịch vệ tinh quảng bá, lịch vệ tinh chính xác tới kết quả xử lý số liệu hỗn hợp GPS/GLONASS. Đồ án đã sử dụng số liệu đo hỗn hợp GPS/GLONASS tại khu vực thực nghiệm ở Lào, kết hợp với lịch vệ tinh chính xác hỗn hợp GPS/GLONASS, lịch vệ tinh quảng bá hỗn hợp GPS/GLONASS, tác giả đồ án đã sử dụng phần mềm Trimble Business Center 3.5 xử lý số liệu hỗn hợp GPS/GLONASS. Kết quả đề tài cho thấy phần mềm Trimble Business Center 3.5 hỗ trợ tối đa trong công việc xử lý bình sai dữ liệu đo hỗn hợp GPS và GLONASS; Kết quả xử lý số liệu hỗn hợp GPS và GLONASS theo lịch vệ tinh quảng bá và lịch vệ tinh chính xác có độ chính xác tương đương nhau (với quy mô lưới thực nghiệm trong đồ án có cạnh lớn nhất cỡ 103km, cạnh nhỏ nhất cỡ 30km).

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
9	Đại học chính quy	Cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu hải dương học về yếu tố nhiệt độ theo độ sâu khu vực biển Long Sơn, Vũng Tàu năm 2018	Lê Thị Linh	ThS. Lê Thị Thu Hà	1. Với mục tiêu của đề tài: Cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu hải dương học về yếu tố nhiệt độ theo độ sâu (theo độ sâu tầng mặt, độ sâu 0.5m và độ sâu 5m tại 19 trạm quan trắc) khu vực biển Long Sơn, Vũng Tàu năm 2018. 2. Nội dung đề tài thực hiện: - Nghiên cứu cơ sở lý thuyết về hải dương học; - Nghiên cứu quy trình cập nhật khai thác cơ sở dữ liệu tại khu vực biển Long Sơn, Vũng Tàu; - Cập nhật cơ sở dữ liệu hải dương học về yếu tố nhiệt độ theo độ sâu và khai thác cơ sở dữ liệu tại khu vực biển Long Sơn, Vũng Tàu. 3. Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp thu thập, tổng hợp tài liệu; Phương pháp mô hình thiết kế cầu trúc; Phương pháp GIS; Phương pháp bản đồ; Phương pháp thực nghiệm
10	Đại học chính quy	Thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500 khu công nghiệp Hatexco xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh bằng số liệu đo thực địa	Hoàng Ngọc Đạo	ThS. Lê Thị Thu Hà	1. Mục tiêu của đề tài Thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500 khu công nghiệp Hatexco xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh bằng số liệu đo thực địa. 2. Nội dung nghiên cứu - Nghiên cứu, tìm hiểu về bản đồ địa hình và quy trình thành lập bản đồ; - Tìm hiểu công nghệ sử dụng trong quá trình thành lập bản đồ địa hình bằng số liệu đo thực địa; - Dựa vào cơ sở lý thuyết và công nghệ, với số liệu đo thu thập được, tiến hành thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500 khu công nghiệp Hatexco xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh. 3. Phương pháp nghiên cứu: Phương pháp tổng hợp tài liệu; Phương pháp thực nghiệm; Phương pháp tin học; Phương pháp bản đồ. 4. Sản phẩm - Bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500 khu công nghiệp Hatexco

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
11	Đại học chính quy	Thành lập bản đồ địa chính tỉ lệ 1:1000 thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An từ dữ liệu đo đạc ngoài thực địa	Lê Tài Tiến	ThS. Vương Thị Hòe	Đồ án được thực hiện từ dữ liệu đo đạc ở ngoài thực địa tiến hành thành lập bản đồ địa chính tỷ lệ 1:1000 thị trấn Thanh Chương, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Trong đồ án nghiên cứu các nội dung sau: - Các phương pháp xây dựng lưới địa chính; - Cơ sở toán học và nội dung biểu thị bản đồ địa chính; - Ứng dụng phần mềm Compass để xử lý số liệu bình sai và phần mềm DPSurvey để biên tập kết quả bình sai lưới khống chế địa chính; - Ứng dụng phần mềm MicroStation V8i và VietMap XM để biên tập hoàn thiện bản đồ tỷ lệ 1: 1000 đúng thông tư hiện hành .
12	Đại học chính quy	Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2017 tỷ lệ 1:5000 xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội từ dữ liệu bản đồ địa chính.	Trần Như Hiếu	ThS. Vương Thị Hòe	Đồ án được thực hiện từ dữ liệu bản đồ địa chính đã có tiến hành thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2017 tỷ lệ 1: 5000 xã Bắc Phú, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Trong đồ án nghiên cứu các nội dung sau: - Các phương pháp thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; - Cơ sở toán học và nội dung của bản đồ hiện trạng sử dụng đất; - Quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ dữ liệu bản đồ địa chính đã có; - Ứng dụng phần mềm MicroStation để thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất tỷ lệ 1:5000 đúng với thông tư hiện hành.
13	Đại học chính quy	Thành lập bản đồ địa chính tỉ lệ 1:1000 xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Lê Xuân Lộc	ThS. Phạm Thị Thu Hương	Với mục tiêu thành lập được bản đồ địa chính tỉ lệ 1:1000 xã Thủy Đường, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, đồ án đã nghiên cứu các nội dung: - Quy định về thành lập bản đồ địa chính; - Các thông tư về thành lập bản đồ địa chính; - Quy trình thành lập bản đồ địa chính từ số liệu đo đạc ngoài thực địa; - Các phần mềm để bình sai và biên

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					tập bản đồ.
14	Đại học chính quy	Xác định hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng vùng biển ven bờ khu vực Cẩm Phả, Quảng Ninh từ ảnh vệ tinh Sentinel - 2A	Bùi Văn Mạnh	ThS. Phạm Thị Thu Hương	Mục tiêu của đề án là xác định được hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng vùng biển ven bờ khu vực Cẩm Phả - Quảng Ninh từ ảnh vệ tinh Sentinel-2A. Nội dung của đề án bao gồm: Khái quát về vấn đề nghiên cứu; Ứng dụng phần mềm Envi xác định hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng từ ảnh vệ tinh Sentinel-2A; Thực nghiệm xác định hàm lượng tổng chất rắn lơ lửng. Để thực hiện các nội dung trên, đề án đã áp dụng nhiều phương pháp khác nhau như: Phương pháp chuyên gia; Phương pháp xử lý ảnh vệ tinh; Phương pháp thu thập, phân tích và tổng hợp tài liệu; Phương pháp thống kê.
15	Đại học chính quy	Ứng dụng công nghệ GNSS thành lập lưới khống chế địa chính phục vụ đo vẽ bản đồ quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Chu Thị Diệu	TS. Đỗ Văn Dương	Mục tiêu ứng dụng công nghệ GNSS thành lập lưới khống chế địa chính phục vụ đo vẽ bản đồ quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Với mục tiêu này, đề tài đã nghiên cứu các nội dung: (1) Nghiên cứu tổng quan về công nghệ GNSS như cấu trúc và nguyên lý hoạt động, các đại lượng đo và phương pháp đo, các loại sai số trong kết quả đo GNSS; (2) Tìm hiểu lưới cơ sở lý thuyết về địa chính, cách thức đo đạc lưới địa chính bằng công nghệ GNSS, quy trình xử lý số liệu và một số phần mềm xử lý số liệu GNSS; (3) Thực nghiệm đo đạc và xử lý số liệu lưới địa chính đo bằng công nghệ GNSS. Đề tài đạt được là Báo cáo đề án tốt nghiệp về kết quả thành lập lưới khống chế địa chính phục vụ đo vẽ bản đồ quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đo bằng công nghệ GNSS. Kết quả đề tài đã cho thấy việc ứng dụng công nghệ GNSS trong công tác xây dựng lưới khống chế địa chính đã đem lại hiệu quả kinh tế, độ chính xác cao, đáp ứng được những yêu cầu kỹ thuật theo thông tư 25/ 2014 của Bộ TN&MT.
16	Đại học chính quy	Thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1: 25.000	Nguyễn Hồng Quân	TS. Đỗ Văn Dương	Mục tiêu đề tài: Thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1: 25.000 bằng công nghệ đo ảnh số phường Tứ Hạ, xã Hương

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		bằng công nghệ đo ảnh số phường Tứ Hạ, xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế			Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Với mục tiêu đưa ra, đề tài đã nghiên cứu các nội dung: (1) Tìm hiểu cơ sở lý thuyết về bản đồ địa hình và các phương pháp thành lập bản đồ địa hình; (2) Tìm hiểu công nghệ ảnh số, quy trình thành lập bản đồ địa hình bằng trạm đo vẽ ảnh số; (3) Dựa vào cơ sở lý thuyết và công nghệ, với tư liệu ảnh thu thập được, tiến hành thành lập bản đồ địa hình phường Tứ Hạ, xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế trên trạm đo vẽ ảnh số kết hợp điều tra, điều vẽ bổ sung. Kết quả đề tài đạt được: Báo cáo đồ án tốt nghiệp và sản phẩm bản đồ địa hình tỷ lệ 1: 25000 khu vực thực nghiệm được thành lập bằng công nghệ ảnh số phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật được quy định trong Quyết định Số:15/2005/QĐ-BTNMT của Bộ TN&MT.
17	Đại học chính quy	Ứng dụng GIS thành lập bản đồ giá đất tỷ lệ 1:5000 phường Bắc Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa từ dữ liệu bản đồ địa chính	Trần Tiến Anh	TS. Đỗ Văn Dương	Ứng dụng GIS thành lập bản đồ giá đất tỷ lệ 1:5000 phường Bắc Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa từ dữ liệu bản đồ địa chính Với mục tiêu đưa ra, đề tài đã nghiên cứu các nội dung: (1) Tìm hiểu khái niệm giá đất, bản đồ giá đất và hệ thống thông tin địa lý (GIS); (2) Nghiên cứu các phương pháp thành lập bản đồ giá đất, quy trình thành lập bản đồ giá đất bằng công nghệ GIS; (3) Thực nghiệm thành lập bản đồ giá đất phường Bắc Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đánh giá ưu, nhược điểm và khả năng ứng dụng của công nghệ GIS trong thành lập bản đồ giá đất. Kết quả đề tài đạt được: Đồ án tốt nghiệp và Bản đồ giá đất tỷ lệ 1:5000 phường Bắc Sơn, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa đáp ứng thông tư Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT của Bộ TN&MT và đáp ứng yêu cầu của nhà nước và người dân khi tham gia thị trường bất động sản.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
18	Đại học chính quy	Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018, tỷ lệ 1:5000 xã Đại Đồng, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội từ bản đồ địa chính	Vũ Duy Mạnh	ThS. Trần Thị Ngoan	Với mục tiêu thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Đại Đồng, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội từ bản đồ địa chính. Đồ án đã sử dụng tư liệu là bản đồ địa chính xã Đại Đồng, để làm tư liệu xác định hiện trạng sử dụng đất của khu vực nghiên cứu. Kết quả cho thấy việc thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính là một trong những phương pháp chính xác nhất. Bởi vì bản đồ địa chính thể hiện khá đầy đủ thông tin sử dụng của thửa đất tại một thời điểm nhất định và cũng rất ít biến động, thay đổi.
19	Đại học chính quy	Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất tỷ lệ 1:5000 năm 2014 xã Cao Minh, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc từ bản đồ địa chính	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	ThS. Trần Thị Ngoan	Với mục tiêu thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Cao Minh, TX. Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc từ bản đồ địa chính. Đồ án đã sử dụng tư liệu là bản đồ địa chính xã Cao Minh tỷ lệ 1:1000, để làm tư liệu xác định hiện trạng sử dụng đất của khu vực nghiên cứu. Kết quả cho thấy việc thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính là một trong những phương pháp chính xác nhất. Bởi vì bản đồ địa chính thể hiện khá đầy đủ thông tin sử dụng của thửa đất tại một thời điểm nhất định và cũng rất ít biến động, thay đổi.
20	Đại học chính quy	Ứng dụng công nghệ GNSS thành lập lưới khống chế trắc địa phục vụ công tác quản lý đất đai xã Thanh Bình, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	Tô Phi Cường	ThS. Nguyễn Văn Quang	Việc ứng dụng công nghệ GNSS vào thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, quản lý tài nguyên môi trường là rất quan trọng. Trong công tác quản lý đất đai, việc xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ phải được thực hiện theo một hệ tọa độ chung cho toàn lãnh thổ. Một trong những công đoạn là thành lập hệ thống lưới khống chế tọa độ mặt bằng. Nhiệm vụ đặt ra cho tác giả đề tài là xử lý số liệu, thành lập được lưới khống chế mặt bằng bằng công nghệ GNSS tại xã Thanh Bình, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
21	Đại học chính quy	Công tác trắc địa phục vụ quan trắc lún công trình Vicom Plaza Hòa Bình	Phùng Thị Thu Quỳnh	ThS. Nguyễn Văn Quang	Công tác quan trắc chuyển dịch biến dạng công trình là một trong những công tác trắc địa được tiến hành từ khi thi công xong phần móng công trình tới quá trình thi công phần thân và khi công trình đi vào sử dụng. Tác giả vận dụng kiến thức vào thực tiễn công trình Vincom Plaza tại thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Mục tiêu là đánh giá được các đặc trưng lún của công trình từ khi thi công đến hiện tại, theo dõi và đánh giá được độ lún công trình.
22	Đại học chính quy	Ứng dụng công nghệ LiDAR thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500 phục vụ xây dựng công trình	Phùng Ngọc Hưng	Đinh Xuân Vinh	Nghiên cứu khả năng ứng dụng công nghệ LiDAR. Sau khi hoàn thành đồ án, sinh viên đã củng cố kiến thức trong sách giáo khoa và tìm hiểu khả năng của công nghệ mới phù hợp điều kiện thực tế tại Việt Nam. Xử lý số liệu LiDAR thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500. So sánh với Quy phạm thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ lớn và rút ra ưu điểm của phương pháp. Quá trình thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ lớn bằng công nghệ LiDAR.
23	Đại học chính quy	Nội suy độ cao nhà nước của các điểm lưới GPS bằng hàm Walter H.F. Smith thực nghiệm trên tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn qua huyện Đắk Nông	Nguyễn Trung Thành	ThS. Nguyễn Xuân Thủy	- Tìm hiểu các hệ thống độ cao - Tìm hiểu hàm Walter H.F. Smith. - Thu thập số liệu, xử lý số liệu thực nghiệm để xác định độ cao nhà nước của các điểm lưới GPS trên tuyến đường Hồ Chí Minh đoạn qua huyện Đắk Nông.
24	Đại học chính quy	Ứng dụng công nghệ GNSS xây dựng lưới khống chế đo vẽ bản đồ địa chính xã Quỳnh Xuân, thị xã Hoàng Mai, tỉnh	Nguyễn Trung Đức	ThS. Nguyễn Xuân Thủy	- Khái quát về công nghệ GNSS. - Thành lập lưới khống chế trắc địa bằng công nghệ GNSS. - Ứng dụng công nghệ GNSS xây dựng lưới khống chế đo vẽ bản đồ địa chính xã Quỳnh Xuân, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Nghệ An			
III. Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường					
1	Đại học chính quy	Điều tra, thống kê nhóm nguồn thải từ hoạt động cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải, hoạt động y tế trên địa bàn huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Đỗ Thị Anh	TS. Trịnh Thị Thắm	Với mục tiêu điều tra, thống kê nhóm nguồn thải từ hoạt động cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải, hoạt động y tế trên địa bàn huyện Duy Tiên, đồ án được thực hiện dựa trên kết quả điều tra từ mẫu phiếu điều tra xây dựng đối với 03 nhóm đối tượng là cán bộ và người dân địa phương; cán bộ và công nhân cơ sở cung cấp nước, xử lý nước thải, rác thải; cán bộ và nhân viên cơ sở y tế. Tiến hành điều tra 50 phiếu trên địa bàn huyện Duy Tiên. Từ việc điều tra và kế thừa số liệu đã tổng hợp được kết quả về nguồn thải từ nhóm hoạt động trên địa bàn huyện; tính tải lượng ô nhiễm đối với nước thải sinh hoạt; cung cấp các thông tin về lưu lượng thải, đặc tính nguồn thải; tình hình quản lý trên địa bàn huyện.
2	Đại học chính quy	Đánh giá hàm lượng chì trong bụi TSP, PM2.5 tại một số nút giao thông trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội quý II năm 2019	Lê Công Việt Anh	TS. Trịnh Thị Thắm	Với mục tiêu đánh giá hàm lượng kim loại Pb có trong bụi TSP, PM2.5 tại các nút giao thông trên địa bàn Quận Cầu Giấy - Tiến hành lấy mẫu mỗi vị trí 2 ngày. VT1: Công Trường ĐH Ngoại Ngữ; VT2: Cầu Giấy-Nguyễn Phong Sắc - Mỗi vị trí lấy 4 mẫu TSP, 6 mẫu PM2,5 - Xác định được hàm lượng bụi TSP; PM2,5 và hàm lượng chì trong 2 bụi trên. Đánh giá được mối tương quan giữa hàm lượng chì trong bụi.
3	Đại học chính quy	Điều tra, thống kê nhóm nguồn thải công nghiệp chế biến, chế tạo trên địa bàn huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Lại Hồng Dung	TS. Trịnh Thị Thắm	với mục tiêu điều tra, thống kê nhóm nguồn thải ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trên địa bàn huyện Duy Tiên, đồ án được thực hiện dựa trên việc xây dựng phiếu điều tra về nguồn thải với 02 nhóm đối tượng là công nhân thuộc các doanh nghiệp và cán bộ môi trường tại địa phương, doanh nghiệp. Trên cơ sở lập phiếu điều tra đã tiến hành điều tra tại các khu công nghiệp, công nghiệp trên

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					địa bàn huyện Duy Tiên, kết quả điều tra được 50 phiếu với 10 loại hình sản xuất khác nhau. Từ việc điều tra, thu thập thông tin và kế thừa số liệu đã tổng hợp được các kết quả sau: nguồn thải của 10 loại hình sản xuất trên địa bàn huyện, tính toán tải lượng ô nhiễm của một số doanh nghiệp, cung cấp thông tin về nguồn thải (lưu lượng, đặc tính), đánh giá tình hình quản lý nguồn thải và đưa ra một số biện pháp.
4	Đại học chính quy	Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp phân tích tổng nitơ trong mẫu đất và chất thải rắn tại Phòng thí nghiệm Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Nguyễn Thị Duyên	TS. Ngô Trà Mai	- Xác định giới hạn phát hiện (LOD) và giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp phân tích - Xác định độ chính xác của phương pháp phân tích (Độ chụm: Độ tái lập và độ lặp lại; Độ đúng: Độ thu hồi) - Ước lượng độ không đảm bảo đo của phương pháp Thu được kết quả đều thỏa mãn theo AOAC. Từ đó ta có thể khẳng định rằng: Phương pháp phân tích tổng nitơ trong mẫu đất và chất thải rắn tại Phòng thí nghiệm Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là đáng tin cậy và đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 (Yêu cầu chung về năng lực phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn).
5	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Châu Thành đoạn chảy từ xã Diên Xá đến xã Nam Hùng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định 6 tháng đầu năm 2019	Trần Thị Mỹ Duyên	ThS. Phạm Phương Thảo	Với mục tiêu: “Đánh giá chất lượng nước sông Châu Thành đoạn chảy từ xã Diên Xá đến xã Nam Hùng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định 6 tháng đầu năm 2019”. Đồ án đã thu thập được thông tin về khu vực nghiên cứu; tiến hành quan trắc lấy mẫu nước sông trong 2 đợt, 3 vị trí, xác định 14 chỉ tiêu chất lượng nước cơ bản: Nhiệt độ, pH, Độ đục, DO, TSS, COD, BOD5, Cl-, N-NH4, N-NO2, N-NO3, P-PO4, Tổng Fe, Coliform và so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1); từ đó tính toán chỉ số chất lượng nước WQI cho kết quả nằm trong khoảng 51 – 75. Qua đó, đưa ra được kết luận nước sông Châu Thành đang ở mức ô nhiễm trung bình, phù hợp sử

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác.
6	Đại học chính quy	Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp phân tích SO ₂ trong không khí tại Phòng thí nghiệm Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Đặng Thị Hà	TS. Trịnh Thị Thủy	Đánh giá được độ tin cậy của kết quả phân tích SO₂ trong không khí – bằng phương pháp Tetraclorua thủy ngân(TCM)/pararo sanilin theo TCVN 5971:1995 tại Phòng thí nghiệm Môi trường – Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Kết quả nghiên cứu của quá trình xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp được thông qua các thông số sau: Khoảng tuyến tính 0,1-1,2 (mg SO₂/l, R² = 0,995 đều thỏa mãn yêu cầu của AOAC (0,99 ≤ R² ≤ 1); Giới hạn phát hiện (LOD) 2,73 (µgSO₂/m³) thỏa mãn (4 < R = 6,72 < 10); Giới hạn định lượng (LOQ)(µgSO₂/m³) là 9,11; Độ chụm được đánh giá thông qua độ lặp lại và độ tái lặp là 1,544 và 0,890 thỏa mãn RSD < 11%; Xác định độ đúng (%) nằm trong 80 ≤ R ≤ 110%. So sánh kết quả thu được ta thấy quá trình khảo sát xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp phân tích SO₂ trong không khí theo TCCN 5971:1995 cho ra các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của AOAC. Từ đó ta có thể khẳng định rằng: phương pháp phân tích này là đáng tin cậy và đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 (Yêu cầu chung về năng lực phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn).
7	Đại học chính quy	Đánh giá rủi ro môi trường do ô nhiễm kim loại nặng trong trầm tích sông Cầu đoạn chảy qua huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	Đỗ Thị Hà	TS. Bùi Thị Thu	- Đánh giá chất lượng trầm tích sông Cầu đoạn chảy qua huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Hàm lượng các kim loại nặng Mn, Cu, Zn trong trầm tích có giá trị nằm trong khoảng giới hạn cho phép của QCVN 43:2017/BTNMT. Ngược lại, chỉ tiêu Cr và As vượt quy chuẩn với hàm lượng từ 75,956 mg/kg đến 99,807 mg/kg đối với kim loại Cr, và từ 14,297 mg/kg đến 18,917 mg/kg đối với kim loại As. - Đánh giá rủi ro môi trường của các kim loại nặng thông qua hệ số rủi ro

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					bán định lượng RQ. Các kim loại Mn, Cu, Zn tại khu vực nghiên cứu đều có mức độ rủi ro trung bình, tuy nhiên giá trị RQ đối với kim loại Cr và As là tương đối cao (0,844 -1,109 và 0,841- 1,113).
8	Đại học chính quy	Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp phân tích CO trong không khí tại Phòng thí nghiệm Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Phạm Thu Hằng	TS. Trịnh Thị Thủy	Đánh giá được độ tin cậy của kết quả phân tích CO – bằng phương pháp PdCl ₂ theo 52TCN 352:89 tại Phòng thí nghiệm Môi trường – Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Kết quả nghiên cứu của quá trình xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp được thông qua các thông số sau: Khoảng tuyến tính 15,8 - 189(µgCO/m ³ , R ² = 0,994 đều thỏa mãn yêu cầu của AOAC (0,99 ≤ R ² ≤ 1); Giới hạn phát hiện (LOD) 4,08 (µgCO/m ³) thỏa mãn (4 < R = 4,97 < 10); Giới hạn định lượng (LOQ)(µgCO/m ³) là 13,6; Độ chụm được đánh giá thông qua độ lặp lại và độ tái lặp là 3,13 và 3,55 thỏa mãn RSD < 11%; Xác định độ đúng (%) nằm trong 80 ≤ R ≤ 110%. So sánh kết quả thu được ta thấy quá trình khảo sát xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp phân tích CO trong không khí theo 52TCN 352:1989 cho ra các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép của AOAC. Từ đó ta có thể khẳng định rằng: phương pháp phân tích CO trong không khí theo tiêu chuẩn 52TCN 352:1989 là đáng tin cậy và đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 (Yêu cầu chung về năng lực phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn).
9	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng môi trường nước tại làng nghề cơ khí xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu	Vũ Thị Hằng	ThS. Đỗ Thị Hiền	Với mục tiêu đánh giá chất lượng môi trường nước tại làng nghề cơ khí xã Thanh Thùy, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019. Đồ án đã thu thập được thông tin cơ bản về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã Thanh Thùy. Thực hiện quan trắc qua 1 đợt lấy mẫu tại 10 vị trí, bao gồm 6 vị trí nước mặt và 4 vị trí nước ngầm, rồi tiến hành

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		năm 2019			phân tích một số chỉ tiêu cơ bản trong nước tại khu vực nghiên cứu. Cụ thể là các chỉ tiêu: nhiệt độ; pH; độ đục; DO; TSS; BOD5; COD; NH4+; PO43-; NO2-; chỉ số pemanganat; độ cứng tổng; Sắt; Mangan; Kẽm; Niken; tổng Coliform; E.coli. Sau đó so sánh với quy chuẩn hiện hành QCVN 08-MT: 2015/BTNMT và QCVN 09-MT: 2015/BTNMT để kiểm tra xem các điểm có vượt ngưỡng cho phép của QCVN, vượt bao nhiêu lần. Từ kết quả phân tích đó nhận định được môi trường nước đang bị ô nhiễm nặng và cần có biện pháp xử lý trong tương lai. Từ đó đề xuất ra biện pháp khắc phục và giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước.
10	Đại học chính quy	Đánh giá hàm lượng một số kim loại nặng trong nước sông Nhuệ đoạn chảy từ quận Hà Đông đến huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019	Lưu Thị Hiền	PGS.TS. Lê Thị Trinh	Thu thập các số liệu, tài liệu về hiện trạng và công tác quản lý chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam, bao gồm: nguồn gốc phát sinh, thành phần, khối lượng, đặc điểm, tính chất, nơi lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải y tế. Từ đó có sự đánh giá về hiện trạng và công tác quản lý chất thải rắn y tế tại bệnh viện. Đánh giá nhận thức và hiểu biết của các cán bộ công nhân viên và bệnh nhân về chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Nam. Tổng kết đề tài, viết và bảo vệ đồ án tốt nghiệp.
11	Đại học chính quy	Đánh giá hàm lượng một số kim loại nặng trong nước sông Nhuệ đoạn tiếp giáp sông Đáy tại huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019	Nguyễn Thị Hiền	PGS.TS. Lê Thị Trinh	Với mục tiêu đánh giá hàm lượng một số kim loại nặng trong nước sông Nhuệ đoạn tiếp giáp sông Đáy chảy qua địa phận huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, đồ án đã thực hiện quan trắc và phân tích các mẫu nước được lấy trong khu vực nghiên cứu. Kết quả cho thấy: trong các kim loại được khảo sát, hàm lượng Pb và Cu có dấu hiệu vượt QCVN cột B1, Pb vượt từ 1,02 - 1,11 lần, Cu vượt từ 1,09 - 1,47 lần; một số kim loại khác như Cd, Zn, Ni đều có hàm lượng nằm trong giới hạn cho phép. Đồng thời, đồ án đã nhận diện được một số

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					nguồn thải có khả năng phát sinh kim loại nặng vào nước sông Nhuệ đoạn chảy qua khu vực nghiên cứu và đề xuất các biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm do các nguồn thải này gây ra.
12	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả xử lý sắt và mangan trong nước thải mỏ than Hoàng Bồ, tỉnh Quảng Ninh bằng hệ modun than hoạt tính (mô hình xử lý quy mô phòng thí nghiệm)	Ngô Thị Huế	ThS. Đoàn Thị Oanh	Với mục tiêu nghiên cứu đánh giá khả năng xử lý sắt và mangan của nước thải mỏ than Hoàng Bồ tỉnh Quảng Ninh bằng hệ modun than hoạt tính. Đồ án được thực hiện nghiên cứu ở điều kiện động và điều kiện tĩnh. Ở điều kiện tĩnh khảo sát các ảnh hưởng pH, khối lượng, thời gian, nồng độ. Ở điều kiện động khảo sát các ảnh hưởng: chiều cao cột, tốc độ dòng chảy, nồng độ. Từ đó lựa chọn ra được các điều kiện tối ưu cho khả năng xử sắt và mangan bằng vật liệu than hoạt tính. Kết quả cho thấy được khả năng xử lý sắt và mangan rất tốt của vật liệu than hoạt tính với dung lượng hấp phụ cực đại của sắt là 250mg/l, dung lượng hấp phụ cực đại của mangan là 136,78 mg/g.
13	Đại học chính quy	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu Aerogel từ phế phẩm nông nghiệp, ứng dụng xử lý dầu trong môi trường nước	Bùi Thị Phương Huyền	1. TS. Mai Văn Tiến 2. TS. Nguyễn Trần Hùng	Với mục tiêu nghiên cứu tổng hợp vật liệu aerogel từ phế phẩm nông nghiệp, ứng dụng để xử lý dầu trong môi trường nước. Đồ án đã đạt được những nội dung sau: Đã tổng hợp được vật liệu xenlulo aerogel từ rơm, rạ sau đó vật liệu xenlulo aerogel được đem biến tính với methyl triethoxysilane để kỵ nước. Qua quá trình khảo sát nhận thấy: Thời gian cân bằng hấp phụ dầu là 3 phút. Vật liệu aerogel đã được biến tính với methyl triethoxysilane có khả năng hút dầu trong nước. Đối với mẫu dầu thải thực tế, vật liệu xenlulo aerogel đã biến tính với methyl triethoxysilane có khả năng xử lý mẫu dầu thải trong môi trường. Đã tiến hành nghiên cứu đánh giá đặc trưng cấu trúc vật liệu bằng các phương pháp IR, SEM, EDX.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
14	Đại học chính quy	Đánh giá rủi ro môi trường do ô nhiễm kim loại nặng trong trầm tích sông Cầu đoạn chảy qua thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Đỗ Vũ Khánh Huyền	1. TS. Bùi Thị Thu 2. ThS. Nguyễn Thị Minh Sáng	- Đánh giá chất lượng trầm tích sông Cầu đoạn chảy qua thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh. Hàm lượng 4 kim loại nặng (Cu, Zn, Cd, Cr) trong trầm tích có giá trị nằm trong khoảng giới hạn cho phép của QCVN 43:2017/BTNMT. Ngược lại, chỉ tiêu Pb vượt quy chuẩn với hàm lượng từ 79,35 mg/kg đến 146,47 mg/kg. - Đánh giá rủi ro môi trường của các kim loại nặng theo chỉ số rủi ro RQ. Các kim loại Cu, Zn, Cd, Cr tại khu vực nghiên cứu đều có mức độ rủi ro trung bình, tuy nhiên giá trị RQ đối với kim loại chì Pb tương đối cao (0,87-1,6).
15	Đại học chính quy	Nghiên cứu điều kiện lên men về sinh trưởng và phát triển của chủng <i>Bacillus subtilis</i> BD1, ứng dụng trong xử lý nước thải nhà máy chế biến nông sản	Phạm Thị Thanh Huyền	1. TS. Lê Thanh Huyền 2. ThS. Lê Đình Duẩn	- Xác định điều kiện lên men thích hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của chủng <i>Bacillus subtilis</i> BD1 với các điều kiện lên men như: môi trường lên men (TT1), pH (pH=7), nhiệt độ (35oC), liều lượng cấp khí (2 v/v/phút), thời gian lên men (24 giờ), tốc độ khuấy (250 vòng/phút); từ đó xây dựng được quy trình lên men chủng BD1 và xác định được số lượng tế bào là 6.12×10^8 CFU/ml. - Ứng dụng chủng BD1 đã lên men để xử lý nước thải chế biến nông sản; kết quả sau xử lý cho hiệu quả tốt.
16	Đại học chính quy	Đánh giá mức độ tích lũy một số kim loại (Cu, Ni, Pb, Zn) trong trầm tích ven biển tỉnh Quảng Bình năm 2019	Bùi Thị Hương	TS. Trịnh Thị Thủy	Với mục tiêu "Đánh giá mức độ tích lũy một số kim loại (Cu, Ni, Pb,Zn) trong trầm tích ven biển tỉnh Quảng Bình năm 2019". Đồ án được thực hiện xử lý 17 mẫu trầm tích ven biển để phân tích kim loại nặng, đo hàm lượng các kim loại Cu, Ni, Zn, Pb trong các mẫu đã xử lý. Hàm lượng các kim loại trong trầm tích ở khu vực nghiên cứu lần lượt là Cu 1,108 – 11,133 mg/kg; Pb 1,226 – 13,989 mg/kg; Ni 0,883 – 15,459 mg.kg; Zn 9,567 – 46,297 mg/kg. Kết quả phân tích cho thấy chất lượng trầm tích ven biển Quảng Bình không bị ô nhiễm kim loại.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
17	Đại học chính quy	Nghiên cứu sử dụng cây Sậy (<i>Phragmites australis</i>) và cây Rau muống (<i>Ipomoea aquatica</i>) trong xử lý nước thải chăn nuôi lợn sau công đoạn Biogas bằng công nghệ bãi lọc trồng cây nhân tạo	Trần Thu Hương	1. TS. Lê Thanh Huyền 2. PGS.TS. Bùi Thị Kim Anh	- Đánh giá khả năng chống chịu của cây Sậy và cây Rau muống ở các nồng độ COD, NO ₃ ⁻ , NH ₄ ⁺ , và các điều kiện pH khác nhau: cây Sậy có khả năng chống chịu tốt hơn so với Rau muống. Sậy có thể sinh trưởng và phát triển ở môi trường có nồng độ chất ô nhiễm cao hơn so với Rau muống. - Đánh giá khả năng loại bỏ một số chất ô nhiễm (COD, NH ₄ ⁺ , tổng N, tổng P, TSS) của Sậy và Rau muống; đồng thời so sánh hiệu quả xử lý nước thải chăn nuôi lợn sau Biogas bằng công nghệ bãi lọc trồng cây nhân tạo của Sậy và Rau muống. Nhận thấy, Sậy có hiệu quả xử lý khá cao và tốt hơn so với Rau muống. Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép về nước thải chăn nuôi.
18	Đại học chính quy	Đánh giá rủi ro môi trường do ô nhiễm kim loại nặng trong trầm tích sông Cầu đoạn chảy qua huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Trịnh Phương Linh	1. TS. Bùi Thị Thư 2. ThS. Nguyễn Thị Minh Sáng	Với mục tiêu đánh giá rủi ro môi trường do ô nhiễm kim loại nặng trong trầm tích sông Cầu đoạn chảy qua huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, đồ án đã tiến hành quan trắc và xác định hàm lượng các kim loại Cu, Pb, Zn, Cr, Mn trong 6 mẫu trầm tích sông Cầu tại các vị trí khác nhau của khu vực nghiên cứu. Từ đó đánh giá rủi ro môi trường thông qua hệ số bán rủi ro RQ.
19	Đại học chính quy	Xác định dạng một số kim loại (Cu, Ni, Pb, Zn) trong trầm tích sông Hồng đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến hết địa phận thành phố Hà Nội	Vũ Thị Linh	TS. Trịnh Thị Thủy	1. Đã áp dụng và thực hiện thành công quy trình chiết liên tục cải tiến của Vũ Đức Lợi để tách dạng trao đổi, dạng liên kết với cacbonat, dạng liên kết với Fe-Mn oxit, dạng liên kết với chất hữu cơ và dạng cặn dư của các kim loại Cu, Ni, Pb và Zn trong các mẫu trầm tích sông Hồng đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến hết địa phận thành phố Hà Nội 2. Đánh giá được nguy cơ rủi ro của các dạng kim loại nặng đối với môi trường và sinh vật bằng chỉ số rủi ro RAC

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
20	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu đoạn chảy qua huyện Hiệp Hòa và Việt Yên, tỉnh Bắc Giang 6 tháng đầu năm 2019	Phùng Thành Long	1. TS. Bùi Thị Thu 2. ThS. Nguyễn Thị Minh Sáng	Nhằm mục tiêu đánh giá được chất lượng nước sông Cầu đoạn chảy qua huyện Hiệp Hòa và huyện Việt Yên của tỉnh Bắc Giang 6 tháng đầu năm 2019. Qua quá trình lấy mẫu tại 8 vị trí, phân tích và thực hiện đồ án, đồ án đã đạt được một số kết quả sau: phân tích một số chỉ tiêu chất lượng nước (Các thông số đo nhanh như DO, nhiệt độ, độ đục, pH; PO43-; NO2-; Cl-; COD; BOD; kim loại nặng; tổng sắt; N-NH4+; Coliform và so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT (Cột B1) cho thấy hầu hết các chỉ tiêu tại các vị trí đều nằm trong ngưỡng giới hạn cho phép. Bên cạnh đó là tính toán chỉ số chất lượng nước WQI và vẽ bản đồ phân vùng chất lượng nước cho thấy hầu hết chất lượng nước tại các vị trí đều có thể dùng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương, bên cạnh đó còn một số vị trí nước vẫn có thể dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nếu được xử lý hợp lý. Sau đó luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm đến chất lượng nước sông Cầu đoạn chảy qua huyện Hiệp Hòa và huyện Việt Yên của tỉnh Bắc Giang để từ đó đưa ra một số giải pháp và kiến nghị nhằm bảo vệ chất lượng nước sông Cầu đoạn chảy qua huyện Hiệp Hòa và huyện Việt Yên của tỉnh Bắc Giang.
21	Đại học chính quy	Nghiên cứu chế tạo vật liệu đá ong biến tính phủ hydroxit cấu trúc hai lớp kép Mg-Al/CO ₃ ²⁻ , ứng dụng để xử lý PO ₄ ³⁻ trong nước	Đỗ Thị Tâm	ThS. Đỗ Thị Hiền	Với mục tiêu xây dựng được quy trình tổng hợp vật liệu đá ong biến tính phủ hydroxit cấu trúc hai lớp kép Mg-Al/CO ₃ ²⁻ và đánh giá được hiệu suất xử lý PO43- trong nước của đá ong ban đầu, đá ong biến tính. Đồ án đã đạt được những nội dung như sau: Xây dựng được quy trình tổng hợp vật liệu và điều chế được vật liệu tối ưu là vật liệu C3. Thời gian cân bằng hấp phụ PO43- của vật liệu M0 và vật liệu C3 đều là 6 giờ. Vật liệu M0, vật liệu C3 có tải trọng hấp phụ PO43- cực đại lần lượt là 0,487 mg/g; 4,394 mg/g. Đã tiến hành

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					nghiên cứu đánh giá đặc trưng cấu trúc vật liệu bằng các phương pháp SEM, XRD.
22	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả xử lý sắt và mangan trong nước thải mỏ than Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh bằng mô hình hấp phụ với vật liệu CAG (dạng viên)	Đỗ Thị Thảo	ThS. Đoàn Thị Oanh	Với mục tiêu đánh giá khả năng xử lý kim loại sắt và mangan của vật liệu CAG với nước thải mỏ, đồ án đã tổng hợp vật liệu CAG và đánh giá khả năng hấp phụ sắt và mangan trong nước thải mỏ của vật liệu CAG ở điều kiện động và tĩnh. Kết quả cho thấy ở điều kiện tĩnh cho thấy tải trọng hấp phụ cực đại của vật liệu CAG với Fe ²⁺ theo phương trình Langmuir là 200 mg/g còn với Mn ²⁺ là 125 mg/g. Ở điều kiện động thì vật liệu CAG xử lý sắt tốt nhất ở các điều kiện sau: chiều cao cột vật liệu là 8 cm ứng với 2 g vật liệu CAG được nhồi lên cột hấp phụ cùng với dung dịch đầu vào có nồng độ 200 mg/l và tốc độ dòng chảy 1 l/h; Vật liệu CAG xử lý mangan tốt nhất ở các điều kiện sau: chiều cao cột vật liệu là 8 cm ứng với 2 g vật liệu CAG được nhồi lên cột hấp phụ cùng với dung dịch đầu vào có nồng độ 100 mg/l và tốc độ dòng chảy 1 l/h.
23	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước biển ven bờ tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định quý II năm 2019	Phạm Thị Thanh Trà	1.ThS. Lê Thu Thủy 2.ThS. Nguyễn Thanh Thảo	Đánh giá được chất lượng nước biển ven bờ tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định Quý II năm 2019. Qua các kết quả phân tích cho thấy nước biển ven bờ ở thành phố Quy Nhơn vẫn còn trong tình trạng tốt. Hàm lượng các chỉ tiêu TSS, BOD ₅ , COD, NH ₄ ⁺ , PO ₄ ³⁻ , Tổng photpho, Tổng sắt, Coliforms, Cd, Zn, Pb, As đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 10-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển (riêng tại VT2 có chỉ tiêu Hg vượt 14,5 lần so với QCVN tại vị trí Cảng Hải đoàn 48, có thể do đây là nơi neo đậu tàu thuyền và tiếp nhận nước thải các tàu trong quá trình hoạt động và nước thải sinh hoạt từ các nhà hàng ven bờ, tuy nhiên đây là giá trị bất thường cần có nghiên cứu thêm). Từ

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					đó luận giải nguyên nhân ô nhiễm chính chất lượng nước biển ven bờ tại thành phố Quy Nhơn.
24	Đại học chính quy	Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp phân tích nitrit trong nước ngầm tại Phòng thí nghiệm Giải pháp Công nghệ Cải thiện Môi trường, Viện Công nghệ môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Phạm Thị Trang	ThS. Đỗ Thị Hiền	Đánh giá được độ tin cậy của kết quả phân tích nitrit trong nước ngầm theo SMEWW 4500-NO2-.B:2017 tại Phòng thí nghiệm Giải pháp Công nghệ Cải thiện Môi trường, Viện Công nghệ môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Khoảng tuyến tính, Giới hạn phát hiện, giới hạn định lượng, độ lặp lại, độ tái lặp, độ thu hồi). Từ đó đánh giá được phép đo và thiết bị đo tại Phòng thí nghiệm Giải pháp Công nghệ Cải thiện Môi trường, Viện Công nghệ môi trường, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam là đáng tin cậy với độ thu hồi và độ đúng đều thỏa mãn theo AOAC.
25	Đại học chính quy	Đánh giá mức độ tích lũy một số kim loại nặng trong trầm tích sông Cầu đoạn chảy qua huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang năm 2019	Nguyễn Thị Việt Trinh	1. TS. Bùi Thị Thư 2. ThS. Nguyễn Thị Minh Sáng	Với mục tiêu:" Đánh giá mức độ tích lũy một số kim loại nặng trong trầm tích sông Cầu đoạn chảy qua huyện Yên Dũng tỉnh Bắc Giang năm 2019" Thông qua quá trình lấy mẫu tại 6 vị trí nghiên cứu đã đánh giá được hàm lượng các kim loại Cu, Cr, Zn, As, Pb trong trầm tích đều thấp hơn giá trị giới hạn với trầm tích nước ngọt trong QCVN 43:2017/BTNMT và ở mức ảnh hưởng thấp so với tiêu chuẩn về chất lượng trầm tích của Mỹ, Canada, NewYork. Đồng thời đánh giá mức độ tích lũy thông qua chỉ số tích lũy địa chất Igeo cho thấy tại tất cả các vị trí chỉ số nhỏ tương ứng với mức độ ô nhiễm là không đến ô nhiễm trung bình. Như vậy kết quả phân tích cho thấy sông Cầu đoạn chảy qua huyện Yên Dũng chưa có hiện tượng ô nhiễm kim loại nặng và chưa có tác động nào ảnh hưởng đến môi trường do sự có mặt của kim loại nặng nghiên cứu.
26	Đại học chính quy	Đánh giá mức độ tích lũy	Lê Đắc Trọng	TS. Trịnh Thị Thủy	Với mục tiêu:" Đánh giá mức độ tích lũy một số kim loại nặng trong trầm

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		một số kim loại trong trầm tích sông Hồng đoạn chảy từ cuối địa phận Hà Nội đến thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định năm 2019			tích sông Hồng đoạn chảy từ cuối địa phận Hà Nội đến thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định năm 2019" Thông qua quá trình lấy mẫu tại 10 vị trí nghiên cứu đã đánh giá được hàm lượng các kim loại Cu, Pb, Cd, Cr trong trầm tích hầu hết đều thấp hơn giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 43:2017/BTNMT. Một số mẫu phân tích có hàm lượng vượt ngưỡng TEL, TEC của tiêu chuẩn trầm tích của Mỹ và Canada nguyên nhân chịu tác động của hoạt động giao thông đường thủy, hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản và hoạt động nông nghiệp tại khu vực nghiên cứu. Đồng thời đánh giá mức độ tích lũy thông qua chỉ số tích lũy địa chất Igeo cho thấy hầu hết các vị trí chỉ số Igeo đều nhỏ hơn 0. Như vậy kết quả phân tích cho thấy chất lượng trầm tích sông Hồng đoạn chảy từ cuối địa phận Hà Nội đến thành phố Nam Định đã có hiện tượng ô nhiễm nhưng chưa đáng kể, chất lượng trầm tích vẫn đảm bảo cho nhu cầu mục đích sử dụng.
27	Đại học chính quy	Đánh giá mức độ tích lũy một số kim loại nặng trong trầm tích sông Cầu đoạn chảy qua thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn năm 2019	Nguyễn Thị Hồng Vân	1. TS. Bùi Thị Thu 2. ThS. Nguyễn Thị Minh Sáng	Với mục tiêu:" Đánh giá mức độ tích lũy một số kim loại nặng trong trầm tích sông Cầu đoạn chảy qua thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn năm 2019" Thông qua quá trình lấy mẫu tại 7 vị trí nghiên cứu đã đánh giá được hàm lượng các kim loại Cu, Zn, Mn, Cr, As trong trầm tích đều thấp hơn giá trị giới hạn với trầm tích nước ngọt trong QCVN 43:2017/BTNMT và ở mức ảnh hưởng thấp so với tiêu chuẩn về chất lượng trầm tích của Mỹ, Canada, NewYork. Đồng thời đánh giá mức độ tích lũy thông qua chỉ số tích lũy địa chất Igeo cho thấy tại tất cả các vị trí chỉ số đều nhỏ hơn 0 tương ứng với mức độ ô nhiễm là không. Như vậy kết quả phân tích cho thấy sông Cầu đoạn chảy qua thành phố Bắc Kạn chưa có hiện tượng ô nhiễm kim loại nặng và chưa có tác động nào

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					ảnh hưởng đến môi trường do sự có mặt của kim loại nặng nghiên cứu.
28	Đại học chính quy	Xác định dạng một số kim loại (Cu, Ni, Pb, Zn) trong trầm tích sông Bắc Giang đoạn chảy qua huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	Hoàng Thị Yên	TS. Trịnh Thị Thủy	Với mục tiêu xác định được hàm lượng 05 dạng (dạng trao đổi, dạng liên kết với Cacbonat, dạng liên kết với Fe - Mn oxit, dạng liên kết hữu cơ và dạng cặn dư) của một số kim loại (Cu, Ni, Pb, Zn) trong trầm tích trầm tích sông Bắc Giang đoạn chảy qua huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn. Đồ án được thực hiện dựa trên việc quan trắc và phân tích 08 mẫu trầm tích tại khu vực nghiên cứu, kết quả nghiên cứu cho thấy sự phân bố hàm lượng phần trăm các dạng của các kim loại trong các mẫu trầm tích. Từ kết quả phân tích đánh giá được nguy cơ rủi ro của các dạng kim loại nặng đối với môi trường và sinh vật theo chỉ số đánh giá mức độ rủi ro RAC.
29	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước hồ Quang Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019	Lưu Mai Anh	1.ThS. Lê Thu Thủy 2. ThS. Phạm Thị Trà	Khảo sát và lấy mẫu tại 10 vị trí theo TCVN 6663-3:2016 về Chất lượng nước - Lấy mẫu - Phần 3: Bảo quản và xử lý mẫu nước. Sau đó phân tích 14 chỉ tiêu bao gồm cả đo nhanh và trong phòng thí nghiệm. Qua đó, đánh giá chất lượng nước hồ Quan Sơn thông qua chỉ tiêu WQI. Từ việc đánh giá trên, luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm chính và đề xuất những giải pháp nhằm cải thiện chất lượng nước hồ Quan Sơn.
30	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước Sông Hồng đoạn chảy từ phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm đến phường Vạn Phúc, quận Hà Đông 6 tháng đầu năm 2019	Nguyễn Thị Kim Anh	1.ThS. Lê Thu Thủy 2. ThS. Lê Văn Đức	- Đánh giá chất lượng môi trường nước sông Hồng đoạn chảy từ phường Liên Mạc, quận Bắc Từ Liêm đến xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì 6 tháng đầu năm 2019 từ đó luận giải được nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường tại sông Hồng. -Từ đó đề xuất các giải pháp đảm bảo chất lượng nước sông Hồng đạt tiêu chuẩn chất lượng nước cho các mục đích sử dụng (tưới tiêu, du lịch,...)

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
31	Đại học chính quy	Đánh giá mức độ tích lũy một số kim loại trong trầm tích sông Hồng đoạn chảy từ Cầu Vĩnh Tuy đến hết địa phận Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019	Nguyễn Tùng Anh	TS. Ngô Trà Mai	Mục tiêu phân tích hàm lượng 4 kim loại nặng (Cu, Pb, Cr, Cd) trong mẫu trầm tích sông Hồng đoạn chảy từ cầu Vĩnh Tuy đến hết địa phận Hà Nội, từ đó đánh giá mức độ tích lũy các kim loại nặng này bằng việc so sánh nồng độ đo được với tiêu chuẩn quy định tại QCVN 43/2017/BTNMT và các tiêu chuẩn của Mỹ và Canada, đánh giá thông qua chỉ số tích lũy địa chất Igeo.
32	Đại học chính quy	Nghiên cứu xử lý nước thải công nghiệp sản xuất nhựa phenolformaldehyde trong bể bùn hoạt tính theo mẻ (SBR) quy mô phòng thí nghiệm	Trần Minh Châu	TS. Lê Ngọc Thuần	Đánh giá khả năng xử nước thải công nghiệp sản xuất nhựa phenolformaldehyde và ảnh hưởng của thời gian lưu, nồng độ phenol, formaldehyde của nước thải đầu vào đến khả năng xử lý trong bể bùn hoạt tính theo mẻ (SBR) quy mô phòng thí nghiệm.
33	Đại học chính quy	Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp phân tích hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs) trong không khí tại Trung tâm xét nghiệm, Trường Đại học y tế Công cộng	Đỗ Đăng Duy	TS. Trịnh Thị Thủy	Đánh giá độ tin cậy của phương pháp phân tích hợp chất hữu cơ dễ bay hơi (VOCs) theo hướng dẫn của NIOSH (METHOD 151) tại Trung tâm xét nghiệm - Trường Đại học Y tế công cộng. (Độ tuyến tính, giới hạn phát hiện, giới hạn định lượng, độ thu hồi, độ lặp lại)
34	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Cừu An đoạn chảy qua huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương 6 tháng đầu năm 2019	Trần Thị Việt Hà	ThS. Trịnh Kim Yến	Với mục tiêu đánh giá chất lượng nước sông Cừu An đoạn chảy qua huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương 6 tháng đầu năm 2019. Đồ án đã đạt được một số kết quả sau: Tiến hành phân tích, xác định hàm lượng của các thông số COD, BOD5, N-NH4+, NO2-, NO3-, PO43-, Cl- ,TSS, tổng sắt, tổng Coliform và các thông số đo nhanh tại 10 vị trí (trong đó có 1 điểm nền) sông Cừu An đoạn chảy

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					qua huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương và đánh giá chất lượng nước sông thông qua chỉ số WQI. Từ đó luận giải nguyên nhân ô nhiễm sông Cửu An đoạn chảy qua huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương 6 tháng đầu năm 2019
35	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Cửu An đoạn chảy qua huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương 6 tháng đầu năm 2019	Nguyễn Thu Hiền	ThS. Trịnh Kim Yến	Với mục tiêu đánh giá chất lượng nước sông Cửu An đoạn chảy qua huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương 6 tháng đầu năm 2019. Đồ án đã đạt được một số kết quả sau: Tiến hành phân tích, xác định hàm lượng của các thông số COD, BOD5, N-NH4+, NO2-, NO3-, PO43-, Cl- ,TSS, tổng sắt, tổng Coliform và các thông số đo nhanh tại 10 vị trí (trong đó có 1 điểm nền) sông Cửu An đoạn chảy qua huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương và đánh giá chất lượng nước sông thông qua chỉ số WQI. Từ đó luận giải nguyên nhân ô nhiễm sông Cửu An đoạn chảy qua huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương 6 tháng đầu năm 2019
36	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Lạch Tray đoạn chảy qua huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng 6 tháng đầu năm 2019	Phạm Thị Thu Huyền	ThS. Trịnh Kim Yến	Với mục tiêu đánh giá chất lượng nước sông Lạch Tray đoạn chảy qua quận Kiến An, thành phố Hải Phòng 6 tháng đầu năm 2019. Mục tiêu đã đạt được thông qua quá trình làm đồ án như sau: Tiến hành phân tích, xác định hàm lượng của các thông số COD, BOD5, N-NH4+, NO2-, NO3-, PO43-, Cl- ,TSS, tổng sắt, tổng Coliform và các thông số đo nhanh tại 4 vị trí (trong đó có 1 vị trí nền) , và đánh giá chất lượng nước sông thông qua chỉ số WQI. Từ đó luận giải nguyên nhân ô nhiễm sông Lạch Tray đoạn chảy qua quận Kiến An, thành phố Hải Phòng 6 tháng đầu năm 2019

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
37	Đại học chính quy	Nghiên cứu các điều kiện ảnh hưởng của môi trường đến khả năng kháng khuẩn của chủng <i>Ganoderma aff. brownii</i> và <i>Ganoderma sinense</i>	Lê Thị Thúy Kiều	TS. Lê Thanh Huyền	Với mục tiêu nghiên cứu các điều kiện môi trường (nhiệt độ, pH, môi trường nuôi cấy) và nghiên cứu dịch chiết (ngâm, đun) từ quả thể nấm ảnh hưởng đến khả năng kháng khuẩn của chủng <i>Ganoderma aff. brownii</i> và <i>Ganoderma sinense</i> , đề án thực hiện dựa trên theo dõi sự phát triển của hệ sợi nấm và sự xuất hiện vòng kháng khuẩn đối với 3 vi khuẩn kiểm định (<i>E. coli</i> , <i>V. parahaemolyticus</i> , <i>S. aureus</i>) trong các điều kiện thay đổi. Kết quả cho thấy: -Chủng <i>Ganoderma aff. brownii</i> (TL44): Khả năng kháng <i>E. coli</i> với hệ sợi nuôi ở 33oC môi trường PDA pH = 6, <i>V. parahaemolyticus</i> với hệ sợi nuôi ở 37oC môi trường PDA pH = 7, <i>S. aureus</i> với hệ sợi nuôi ở 37oC môi trường YEA pH = 7. -Chủng <i>Ganoderma sinense</i> (TL.TĐH): Khả năng kháng <i>E. coli</i> với hệ sợi nuôi ở 33oC môi trường YEA pH = 7, <i>V. parahaemolyticus</i> với hệ sợi nuôi ở 29oC môi trường YEA pH = 7, <i>S. aureus</i> với hệ sợi nuôi ở 29oC môi trường YEA pH = 8. -Dịch chiết đun và ngâm ethyl acetate 0,1N của chủng <i>Ganoderma aff. brownii</i> và <i>Ganoderma sinense</i> đều có khả năng kháng với 3 vi khuẩn kiểm định (<i>E. coli</i> , <i>V. parahaemolyticus</i> , <i>S. aureus</i>).
38	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng không khí tại một số nút giao thông trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội quý II năm 2019	Trịnh Văn Phong	PGS.TS. Lê Thị Trinh	Với mục tiêu đánh giá chất lượng môi trường không khí tại một số nút giao thông trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội quý II năm 2019. Đề án đã tiến hành quan trắc tại 2 điểm trên đường Phạm Văn Đồng và Nguyễn Phong Sắc sau đó phân tích các thông số SO ₂ , NO ₂ , CO, bụi TSP, bụi PM ₁₀ , bụi PM _{2,5} , bụi Pb, so sánh kết quả với QCVN 05: 2013/BTNMT. Từ đó có thể đánh giá sơ bộ chất lượng môi trường không khí tại các tuyến đường Phạm Văn Đồng và Nguyễn Phong Sắc đang bị ô nhiễm do hoạt động giao thông và một vài yếu tố khác. Từ các kết quả phân tích ở trên em có đưa ra

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường không khí tại khu vực nghiên cứu.
39	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng môi trường nước làng nghề tái chế phế liệu xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc năm 2019	Lê Thị Phương	TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Với mục tiêu đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt làng nghề tái chế phế liệu xã Tề Lỗ, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc năm 2019. Đồ án đã tiến hành dựa trên việc thu thập, tổng hợp tài liệu; Kết quả điều tra phỏng vấn với hai đối tượng là cộng đồng dân cư và nhà quản lý (30 phiếu); Kết quả phân tích các thông số cơ bản trong nước mặt và nước thải. Từ đó tiến hành đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt theo mô hình DPSIR. Qua đó có thể đưa ra một số giải pháp nhằm bảo vệ và cải thiện phần nào chất lượng nước mặt tại xã.
40	Đại học chính quy	Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp phân tích kim loại Cadimi và Niken trong đất tại phòng thí nghiệm Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Hoàng Thị Diễm Quỳnh	ThS. Nguyễn Thành Trung	Xác định giới hạn phát hiện và giới hạn định lượng của phương pháp phân tích kim loại tại phòng nghiệm Môi Trường Trường Đại Học Tài Nguyên và Môi Trường Hà Nội (Khoang tuyến tính, giới hạn phát hiện, giới hạn định lượng) Từ đó đánh giá được phép đo và thiết bị đo tại PTN Môi Trường là đáng tin cậy với độ thu hồi và độ đúng đều thỏa mãn theo AOAC.
41	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng môi trường không khí khu công nghiệp Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương 6 tháng đầu năm 2019	Lê Việt Sơn	ThS. Phạm Phương Thảo	Với mục tiêu đánh giá chất lượng môi trường không khí Khu Công Nghiệp Tân Trường huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Đồ án được thực hiện dựa trên việc quan trắc và phân tích tại một số điểm đo xung quanh Khu Công Nghiệp Tân Trường, sau đó so sánh với các TCVN tương ứng để kiểm tra xem, các điểm đo có vượt ngưỡng giới hạn cho phép của TCVN. Từ kết quả quan trắc và phân tích được bước đầu có thể nhận định môi trường không khí Khu Công Nghiệp Tân Trường đang bị ô nhiễm cục bộ tại một số vị

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					trí. Từ kết quả đây em có đưa ra một số giải pháp để khắc phục và hạn chế mức ô nhiễm tác động tới sức khỏe con người.
42	Đại học chính quy	Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp phân tích OCPs trong nước mặt tại phòng thí nghiệm môi trường, công ty cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Nguyễn Thị Linh Thanh	ThS. Phạm Phương Thảo	Xác định giới hạn phát hiện và giới hạn định lượng của phương pháp phân tích OCPs tại phòng thí nghiệm - Công ty cổ phần khoa học và công nghệ Việt Nam. (Độ tuyến tính, giới hạn phát hiện, giới hạn định lượng, độ thu hồi, độ lặp lại)
43	Đại học chính quy	Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp xác định dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm Carbamate trong rau bắp cải tại Trung tâm xét nghiệm, Trường Đại học Y tế Công cộng	Trần Thị Phương Thảo	ThS. Lê Thu Thủy	Đánh giá độ tin cậy của phương pháp phân tích dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm Carbamate trong rau bắp cải tại Trung tâm xét nghiệm - Trường Đại học Y tế Công cộng. (Khoảng tuyến tính, giới hạn phát hiện, giới hạn định lượng, độ lặp, độ tái lặp, độ không đảm bảo đo).
44	Đại học chính quy	Nghiên cứu thiết kế mô hình hấp phụ để xử lý nước thải mỏ than Hoàng Bồ, tỉnh Quảng Ninh, quy mô phòng thí nghiệm	Nguyễn Thị Thùy	ThS. Đoàn Thị Oanh	Đã hoàn thành đề tài "Nghiên cứu thiết kế mô hình hấp phụ để xử lý nước thải mỏ than Hoàng Bồ, tỉnh Quảng Ninh quy mô phòng thí nghiệm" thu được các kết quả sau: - Đề xuất được phương án xử lý nước thải mỏ than Hoàng Bồ, tỉnh Quảng Ninh, quy mô phòng thí nghiệm. - Tính toán thiết kế mô hình, khối lượng vật liệu cho mô hình có lưu lượng 24 l/ngđ. - Phân tích, đánh giá lựa chọn được các điều kiện tối ưu cho mô hình và lựa chọn được khi kết hợp cả

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					2 vật liệu CAG và THT cho hiệu suất tốt nhất.
45	Đại học chính quy	Nghiên cứu các điều kiện ảnh hưởng của môi trường đến khả năng kháng khuẩn của chủng <i>Ganoderma philippi</i> và <i>Ganoderma lucidum</i>	Đào Thị Trang	TS. Lê Thanh Huyền	Với mục tiêu xác định điều kiện ảnh hưởng của môi trường (pH, nhiệt độ, môi trường thạch nuôi cấy, ánh sáng) và cách chiết dịch khác nhau từ quả thể (dịch đun và dịch ngâm) nhằm tìm ra điều kiện phù hợp nhất đối với khả năng kháng khuẩn của chủng <i>Ganoderma philippi</i> và <i>Ganoderma lucidum</i> . Kết quả cho thấy rằng điều kiện môi trường phù hợp để khả năng kháng khuẩn tốt nhất mẫu TL53 (<i>Ganoderma philipi</i>) ở môi trường YEA, 32oC và ngoài ánh sáng. Với pH: <i>E.coli</i> và <i>Pseudomonas aeruginosa</i> thì khả năng kháng cao ở pH = 8, <i>Bacillus subtilis</i> là pH = 6. Dịch ngâm kháng tốt hơn dịch đun. Mẫu TL.TĐ 18.01 (<i>Ganoderma lucidum</i>) khả năng kháng tốt ở môi trường D, 29oC và có ánh sáng. Với pH: <i>E.coli</i> và <i>Bacillus subtilis</i> thích hợp ở pH = 8, <i>Pseudomonas aeruginosa</i> thì ở pH = 6. Dịch ngâm kháng tốt hơn dịch đun.
46	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Châu Giang đoạn chảy qua huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019	Đỗ Thị Hồng Tươi	ThS. Phạm Phương Thảo	Đánh giá chất lượng nước sông Châu Giang đoạn chảy qua huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội từ đó luận giải được nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước tại sông Châu Giang.
47	Đại học chính quy	Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp phân tích hàm lượng thuốc trừ sâu nhóm clo hữu cơ trong rau tại Trung tâm xét nghiệm, Trường Đại	Nguyễn Thị Vui	1. ThS. Trịnh Kim Yến 2. TS. Đặng Thế Hưng	Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là đánh giá độ tin cậy và độ không đảm bảo đo của phương pháp QuEChERS - phân tích hàm lượng hóa chất bảo vệ thực vật nhóm clo hữu cơ trong rau bằng GC-MS tại trung tâm xét nghiệm, Trường Đại học Y tế Công cộng với mục tiêu trên đồ án thực hiện những nội dung nghiên cứu như sau. Thu thập, phân tích tài liệu liên quan đến phương pháp. Nghiên cứu khảo sát các điều kiện của PTN phục

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		học y tế Công cộng			vụ cho phương pháp thử nghiệm. Lập kế hoạch xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp bao gồm: Xác định khoảng tuyến tính. Xác định độ lặp, độ thu hồi với quy trình phân tích đã chọn. Xác định giới hạn phát hiện (LOD), giới hạn định lượng (LOQ). Xác định độ đặc hiệu. Xác định độ đúng, độ lặp của phương pháp. Xác định độ không đảm bảo đo của phương pháp. Tiến hành làm thí nghiệm đối với một số mẫu rau cần thiết để xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp (xác định quy trình phân tích theo phương pháp QuEChERS).
48	Đại học chính quy	Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp phân tích tổng thủy ngân trong nước mặt tại Trung tâm xét nghiệm, Trường Đại học y tế Công cộng	Phạm Văn Xuân	TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Xác nhận giá trị sử dụng và đánh giá độ không đảm bảo đo của phương pháp phân tích tổng thủy ngân trong nước mặt tại Trung tâm Xét nghiệm Trường Đại học Y tế Công cộng (Khoảng tuyến tính, xây dựng đường chuẩn, độ chính xác, độ không đảm bảo đo)
49	Đại học chính quy	Xác định dạng một số kim loại (Cu, Ni, Pb, Zn) trong trầm tích ven biển tỉnh Quảng Bình	Nguyễn Thị Yên	TS. Trịnh Thị Thủy	Với mục tiêu xác định được hàm lượng 05 dạng (dạng trao đổi, dạng liên kết với Cacbonat, dạng liên kết với Fe - Mn oxit, dạng liên kết hữu cơ và dạng cặn dư) của một số kim loại (Cu, Ni, Pb, Zn) trong trầm tích ven biển Quảng Bình. Đồ án được thực hiện dựa trên việc quan trắc và phân tích 08 mẫu trầm tích tại khu vực nghiên cứu, kết quả nghiên cứu cho thấy sự phân bố hàm lượng phần trăm các dạng của các kim loại trong các mẫu trầm tích. Từ kết quả phân tích đánh giá được nguy cơ rủi ro của các dạng kim loại nặng đối với môi trường và sinh vật theo chỉ số đánh giá mức độ rủi ro RAC.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
50	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Ninh Cơ đoạn chảy qua huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định 6 tháng đầu năm 2019	Ngô Thị Thùy Dung	ThS. Phạm Phương Thảo	Thu thập tài liệu về điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội của huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Khảo sát thực địa, lựa chọn vị trí lấy mẫu. Thực hiện 02 đợt lấy mẫu, qua 3 vị trí, thời gian lấy mẫu đợt 1 dự kiến ngày 27/03-10/4. Lấy mẫu, bảo quản mẫu và đo nhanh các thông số: Nhiệt độ, pH, Độ đục, DO. Phân tích các chỉ tiêu trong phòng thí nghiệm: TSS, COD, BOD5, NH4+, PO43-, NO2-, NO3-, Fe, Cl-, Coliform. Đánh giá độ lặp của các phép thử phân tích tại một vị trí. Đánh giá chất lượng nước sông Ninh Cơ theo chỉ số WQI. Luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm. Đề xuất các giải pháp nhằm kiểm soát và cải thiện chất lượng nước sông Ninh Cơ.
51	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Nhuệ đoạn chảy từ làng Vạn Phúc đến làng Mậu Lương, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019	Nguyễn Thùy Dung	TS. Lê Thị Hải Lê	Đánh giá được chất lượng nước sông Nhuệ đoạn chảy từ làng Vạn Phúc đến làng Mậu Lương, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019, thông qua việc phân tích xác định hơn 10 chỉ tiêu nước sông không kể các thông số đo nhanh, đánh giá so sánh với QCVN 08-MT:2015, và qua chỉ số WQI. Từ đó luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm và đề xuất các biện pháp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường nước Sông Nhuệ.
52	Đại học chính quy	Khảo sát ảnh hưởng của một số yếu tố đến quá trình xử lý amoni trong nước thải chứa phenol và formaldehyde bằng hệ thống sinh học dòng bùn ngược (USBF)	Lê Trí Dũng	ThS. Nguyễn Thành Trung	Phân tích được hàm lượng Amoni trong mẫu nước thải chứa Phenol và Formaldehyde Nghiên cứu phương pháp xử lý nước thải chứa Phenol và Formaldehyde bằng công nghệ sinh học dòng bùn ngược USBF Đánh giá được hiệu suất xử lý Amoni trong nước thải chứa Phenol và Formaldehyde Đưa ra được các điều kiện tối ưu cho quá trình xử lý Amoni trong nước thải chứa Phenol và Formaldehyde (pH, Thời gian)

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
53	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt tại làng nghề sản xuất bún Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình năm 2019	Nguyễn Thị Giang	ThS. Đỗ Thị Hiền	Với mục đích đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt làng nghề sản xuất bún Vũ Hội, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình năm 2019. Thực hiện điều tra và kế thừa số liệu quan trắc của tỉnh kết hợp điều tra khảo sát ý kiến người dân. Qua phân tích xử lý số liệu ta đưa ra kết luận về hiện trạng môi trường nước mặt tại nơi đây. Từ đó, đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm.
54	Đại học chính quy	Điều tra, xác định nguồn thải chính đổ trực tiếp vào lưu vực sông Nhuệ đoạn chảy qua huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	Trần Thị Thu Hà	PGS.TS. Lê Thị Trinh	Với mục tiêu điều tra, xác định nguồn thải chính đổ trực tiếp vào lưu vực sông Nhuệ đoạn chảy qua huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, đồ án được thực hiện dựa trên việc phân tích các chỉ tiêu: Nhiệt độ, pH, độ đục, DO, TSS, BOD5, COD, NH4+, NO2-, NO3-, PO43-, tổng Fe, Coliform trong 11 mẫu nước cống thải sông Nhuệ và xây dựng các câu hỏi điều tra về nguồn thải với đối tượng là các hộ dân sống xung quanh hai bên bờ sông. Từ việc điều tra, phân tích và kế thừa số liệu đã tổng hợp được các kết quả sau: - Thống kê được 11 nguồn thải chính đổ trực tiếp vào lưu vực sông Nhuệ đoạn chảy qua huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. - Đánh giá được tải lượng chất ô nhiễm một số nguồn thải chính xả thải trực tiếp vào nguồn nước mặt khu vực nghiên cứu.
55	Đại học chính quy	Đánh giá tác động của một số nguồn thải chính đổ trực tiếp vào lưu vực sông Nhuệ đoạn chảy qua huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội đến chất lượng nước sông	Dương Danh Hiếu	PGS.TS. Lê Thị Trinh	Với mục tiêu đánh giá khả năng tiếp nhận của sông Nhuệ đoạn chảy qua huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội đối với một số nguồn thải nguồn thải chính đổ trực tiếp vào lưu vực sông và bước đầu đánh giá được tác động của một số nguồn thải chính đến chất lượng nước sông khu vực nghiên cứu. Kết quả cho thấy đoạn sông Nhuệ khu vực đánh giá không còn khả năng tiếp nhận nguồn thải với những thông số ô nhiễm đã phân tích, đa phần là nguồn thải sinh hoạt chưa qua bất kỳ quá trình xử lý nào, dẫn đến hàm lượng BOD5, COD,

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					NH ₄ ⁺ và Coliform luôn ở mức rất cao so với giá trị cho phép. Khả năng tự làm sạch của đoạn sông cũng không tốt do tốc độ dòng chảy của đoạn sông khá chậm. Điều này dẫn đến việc lan truyền ô nhiễm từ các điểm phía trước gây nên sự ô nhiễm tại khu vực rộng
56	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng môi trường nước mặt làng nghề đúc đồng Quảng Bô, xã Quảng Phú, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh 6 tháng đầu năm 2019	Nguyễn Quang Huy	TS. Lê Thị Hải Lê	Đánh giá được chất lượng nước sông Nhuệ đoạn chảy từ làng Vạn Phúc đến làng Mậu Lương, quận Hà Đông, thành Phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019, thông qua việc phân tích xác định hơn 10 chỉ tiêu nước sông không kể các thông số đo nhanh, đánh giá so sánh với QCVN 08-MT:2015, và qua chỉ số WQI. Từ đó luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm và đề xuất các biện pháp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường nước Sông Nhuệ.
57	Đại học chính quy	Thiết kế hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho Khu công nghiệp Phú Thuận, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre	Hoàng Thị Thu Huyền	TS. Nguyễn Hồng Đăng	Thiết kế, tính toán hệ thống thu gom nước mưa xả ra sông, kênh, hồ. Thiết kế và tính toán hệ thống các đường ống bê tông cốt thép thu gom nước thải tất cả các nhà máy đang hoạt động và chưa hoạt động cũng như các khu đất dự kiến sẽ cho thuê của khu công nghiệp. Khái toán kinh tế toàn bộ mạng lưới thu gom nước mưa và nước thải cho khu công nghiệp Thiết kế, tính toán trạm xử lý nước thải với tổng công suất 4500 m ³ /ngđ. Nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn loại A và đổ ra sông với phương án 1.
58	Đại học chính quy	Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp phân tích NO ₂ trong không khí tại Phòng thí nghiệm Môi trường, Trường Đại học Tài	Lê Thị Thu Hương	TS. Trịnh Thị Thủy	Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp phân tích NO ₂ trong không khí qua các thông số: Khoảng tuyến tính của đường chuẩn, Giới hạn phát hiện (LOD) , Giới hạn định lượng (LOQ), Độ chụm, Độ đúng.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		nguyên và Môi trường Hà Nội			
59	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Nhuệ đoạn chảy qua quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019	Điêu Thị Ngọc	ThS. Đỗ Thị Hiền	Tiến hành quan trắc nước sông Nhuệ tại 4 vị trí trong 2 đợt và phân tích 14 chỉ tiêu: DO, nhiệt độ, độ đục, TSS, COD, BOD5, TSS, PO43-, Cl-, Coliform, NH4+, NO3-, NO2-, tổng N. Kết quả phân tích được so sánh với QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1). Cụ thể: - Giá trị COD dao động trong khoảng 57,7 – 165,2 mg/l vượt QCCP 1,9 – 5,5 lần. Giá trị BOD5 dao động trong khoảng 22- 74 mg/l vượt QCVN 1,5 – 5 lần. - Hàm lượng NH4+ của 4 vị trí quan trắc đều vượt QCVN 08-MT:2015/BTNMT (cột B1) 10,6 – 18 lần. Hàm lượng NO2- dao động trong khoảng 0,11 – 0,25 mgN/l vượt QCVN 2,8 – 5 lần. - Hàm lượng PO43- có xu hướng tăng cao dao động trong khoảng 0,682 – 1,984 mgP/l, vượt QCVN 2,3 – 10,8 lần. - Thông số Coliform của các vị trí đều vượt QCVN, giá trị trong khoảng 11000 – 50000 MPN/100ml, vượt 1,5 – 6,7 lần. Đánh giá chất lượng nước sông Nhuệ theo chỉ số WQI, bước đầu đưa ra kết luận nước sông Nhuệ đoạn chảy qua quận Nam Từ Liêm đang ở tình trạng ô nhiễm nặng và cần các biện pháp xử lý trong tương lai.
60	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Nam Định đoạn chảy qua thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định 6 tháng đầu năm 2019	Phan Thị Minh Nguyệt	PGS.TS. Lê Thị Trinh	Với mục tiêu đánh giá chất lượng nước sông Nam Định đoạn chảy qua thành phố Nam Định 6 tháng đầu năm 2019, đồ án đã tiến hành lấy mẫu và phân tích các thông số môi trường. Kết quả cho thấy: các thông số BOD, COD, TSS, Coliform hầu hết đều vượt QCVN 08-MT:2015 cột A2, các thông số PO43-, N-NO3-, NH4+, Cl- đều ở mức thấp và phần lớn các mẫu nghiên cứu đều nằm trong giới hạn cho phép. Đồng thời, đồ án đã tính toán và đánh giá được

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					chỉ số chất lượng nước WQI, từ đó xây dựng được bản đồ đánh giá chất lượng nước sông Nam Định của khu vực nghiên cứu.
61	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Nhuệ đoạn chảy qua huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019	Lê Thị Thu Phương	PGS.TS. Lê Thị Trinh	Với mục tiêu đánh giá chất lượng nước sông Nhuệ đoạn chảy qua huyện Thường Tín – thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019. Đồ án đã thu thập được thông tin, tài liệu cơ bản về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội; Xác định hàm lượng một số chỉ tiêu cơ bản trong nước sông tại khu vực nghiên cứu cụ thể là các chỉ tiêu: Nhiệt độ, pH, độ đục, DO, TSS, BOD5, COD, NH4+, NO2-, NO3-, PO43-, tổng Fe, Coliform trong 20 mẫu nước sông Nhuệ. So sánh với cột B1 QCVN 08-MT:2015/BTNMT, so sánh các giá trị WQI ta có kết quả thấy rằng các giá trị WQI nằm trong khoảng 0-25, nước sông bị ô nhiễm nặng và cần có biện pháp xử lý trong tương lai.
62	Đại học chính quy	Phân lập, tuyển chọn vi sinh vật phân giải lipid, ứng dụng trong xử lý thông tắc đường ống nhà bếp	Trần Kim Phương	1. PGS.TS. Tăng Thị Chính 2. TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Với mục tiêu phân lập, tuyển chọn vi sinh vật phân giải lipid, ứng dụng sản xuất chế phẩm vi sinh xử lý thông tắc đường ống nhà bếp. Đồ án thực hiện dựa trên việc phân lập, tuyển chọn chủng vi sinh vật có khả năng phân giải lipid cao; đánh giá ảnh hưởng của các điều kiện đến quá trình sinh trưởng và phát triển của chủng được chọn; khảo sát khả năng lên men của chủng vi sinh vật được chọn; đề xuất điều kiện phù hợp cho việc sản xuất chế phẩm vi sinh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sau quá trình phân lập, tuyển chọn và đánh giá các ảnh hưởng của điều kiện nuôi cấy, chủng vi sinh vật được chọn phù hợp để sử dụng làm chủng giống cho việc sản xuất chế phẩm. Đồ án cũng đã tiến hành thí nghiệm lên men chủng vi sinh vật được chọn ở quy mô phòng thí nghiệm và nêu được điều kiện phù hợp cho việc sản xuất chế phẩm.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
63	Đại học chính quy	Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất phân hữu cơ bằng chế phẩm vi sinh vật Coste TV05, ứng dụng trong xử lý phân bò cao sản	Lê Trung Thành	TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Với mục tiêu đánh giá khả năng xử lý phân bò cao sản để sản xuất phân hữu cơ bằng chế phẩm vi sinh vật Coste TV05, đồ án thực hiện dựa trên quá trình theo dõi các yếu tố môi trường các chỉ tiêu vi sinh và các chỉ tiêu hoá qua các giai đoạn trước khi xử lý, trong quá trình xử lý và sau khi xử lý bằng chế phẩm. Kết quả cho thấy, mẫu phân bò có sử dụng chế phẩm Coste TV05 có các yếu tố môi trường thuận lợi cho các vi sinh vật có lợi phát triển và tiêu diệt các mầm mống gây bệnh, đồng thời chỉ tiêu vi sinh và hoá học đạt ND 108/2017/NĐ-CP – Nghị định về quản lý phân bón. Qua quá trình thực nghiệm đã hoàn thiện sơ đồ quy trình sản xuất phân hữu cơ từ phân bò cao sản bằng chế phẩm vi sinh vật Coste TV05.
64	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Hồng đoạn chảy từ Cầu Vĩnh Tuy đến hết địa phận thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019	Nguyễn Thị Thanh Thảo	TS. Trịnh Thị Thắm	Với mục tiêu đánh giá chất lượng nước sông Hồng 6 tháng đầu năm 2019. Đồ án được thực hiện dựa trên việc quan trắc và phân tích tại 10 điểm từ cầu Vĩnh Tuy đến hết địa phận Thành phố Hà Nội, sau đó so sánh với quy chuẩn hiện hành QCVN 08-MT:2015/BTNMT để kiểm tra xem các điểm có vượt ngưỡng cho phép của QCVN, vượt bao nhiêu lần. Từ kết quả phân tích đó sẽ nhận định được môi trường nước sông Hồng đang bị ô nhiễm hay có dấu hiệu ô nhiễm để từ đó đề ra biện pháp khắc phục và hạn chế mức ô nhiễm tác động tới sức khoẻ con người.
65	Đại học chính quy	Xác định giá trị sử dụng của phương pháp phân tích Coliform trong nước mặt tại Phòng thí nghiệm Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và	Nguyễn Ngọc Thịnh	TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Xác định giá trị sử dụng của quy trình phân tích đã chọn: Phương pháp định tính: kiểm tra môi trường nuôi cấy, giới hạn phát hiện, xác định độ chính xác (AC), độ đặc hiệu (SP), độ nhạy (SE), độ lệch dương (PD), độ lệch âm (ND). Phương pháp định lượng: Giới hạn phát hiện, giới hạn định lượng, xác định độ tái lập, độ lặp lại, Xác định độ không đảm bảo đo.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Môi trường Hà Nội			
66	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Đáy đoạn chảy qua huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019	Trần Thị Kim Thuý	TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Đánh giá được chất lượng nước sông Đáy đoạn chảy qua huyện Thanh Oai, thành Phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019, thông qua việc phân tích xác định hơn 10 chỉ tiêu nước sông không kể các thông số đo nhanh, đánh giá so sánh với QCVN 08-MT:2015, và qua chỉ số WQI. Từ đó luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm và đề xuất các biện pháp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường nước Sông Đáy.
67	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng môi trường không khí quận Hà Đông, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019	Nguyễn Ngọc Trang	ThS. Lê Thu Thủy	Với mục tiêu đánh giá chất lượng môi trường không khí quận Hà Đông, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019. Đồ án đã tiến hành quan trắc tại 2 vị trí trên địa bàn quận từ đó phân tích các thông số SO ₂ , NO ₂ , bụi chì, bụi TSP rồi so sánh kết quả với QCVN 05:2013/BTNMT. Từ kết quả quan trắc và phân tích có thể đánh giá sơ bộ chất lượng không khí ở quận Hà Đông đang bị ô nhiễm do bụi. Từ đó em có đưa ra một số biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện chất lượng không khí và bảo vệ sức khỏe con người
68	Đại học chính quy	Thiết kế hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Trang	ThS. Lương Thanh Tâm	Với mục tiêu xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Dựa vào hiện trạng bản đồ, độ dốc địa hình và tính chất nước thải của KCN đã thiết kế được hệ thống thu gom nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt của công nhân trong KCN; tính thoát được 2 trạm xử lý nước thải và đưa được khái toán kinh tế để từ đó chọn ra phương án tối ưu nhất.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
69	Đại học chính quy	Nghiên cứu tác động của cộng đồng dân cư và đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển thảm thực vật tự nhiên ở thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Thị Thùy Trang	PGS.TS. Nguyễn Thế Hưng	Với mục tiêu đánh giá được những tác động nhiều mặt của cộng đồng dân cư và đề xuất được một số biện pháp bảo tồn và phát triển bền vững thảm thực vật tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Đồ án đã thực hiện điều tra phỏng vấn người dân địa phương, kết quả tổng hợp từ phiếu điều tra cho thấy các tác động tiêu cực ảnh hưởng đến thảm thực vật tự nhiên như: ảnh hưởng sự gia tăng dân số; hoạt động canh tác nương rẫy; khai thác gỗ và lâm sản ngoài gỗ; khai thác than và khoáng sản khác; quá trình đô thị hóa và hoạt động du lịch. Từ đó, đã đề xuất được các giải pháp về tổ chức quản lý; kinh tế; giáo dục và xã hội; khoa học công nghệ và 5 mô hình sản xuất áp dụng tại khu vực nghiên cứu: Mô hình trồng xen cây Gừng và cây Mỡ hoặc Quế; Mô hình trồng măng trúc; Trồng Nấm từ các sản phẩm gỗ tạp tận dụng; Nuôi ong lấy mật; Xây dựng vườn cây thuốc nam.
70	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Đáy đoạn chảy qua huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019	Trần Thị Kim Thuý	TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Đánh giá được chất lượng nước sông Đáy đoạn chảy qua huyện Thanh Oai, thành Phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019, thông qua việc phân tích xác định hơn 10 chỉ tiêu nước sông không kể các thông số đo nhanh, đánh giá so sánh với QCVN 08-MT:2015, và qua chỉ số WQI. Từ đó luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm và đề xuất các biện pháp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường nước Sông Đáy.
71	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt tại thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội năm 2019	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	ThS. Đỗ Thị Hiền	Với mục tiêu đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt tại thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội năm 2019. Đồ án đã tiến hành thu thập, tìm hiểu, kế thừa số liệu quan trắc của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2019 và tiến hành điều tra xã hội học tại địa phương. Từ các kết quả, số liệu thu thập được, phân tích, xử lý số liệu và so sánh với QCVN 08-MT: 2015/BTNMT để đánh giá

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					sơ bộ hiện trạng, diễn biến môi trường nước mặt tại thị trấn Chi Đông. Theo đó, đưa ra các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm và cải thiện hiện trạng môi trường nước mặt tại khu vực nghiên cứu.
72	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng môi trường nước mặt huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh 6 tháng đầu năm 2019	Lê Đình Hiếu	1. TS. Bùi Thị Thu 2. ThS. Nguyễn Thị Minh Sáng	Với mục tiêu đánh giá chất lượng nước mặt huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh 6 tháng đầu năm 2019 thông qua việc phân tích các thông số môi trường. Từ đó luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm và đề xuất các biện pháp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường nước mặt huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
73	Đại học chính quy	Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động khai thác cát, sỏi và dự báo các tác động về xói lở bờ sông trên đoạn sông Hồng, khu vực Sơn Tây, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Huyền	TS. Nguyễn Thị Thực Anh	Với mục tiêu nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động khai thác cát sỏi và dự báo các tác động về xói lở bờ sông trên đoạn sông Hồng khu vực Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Đồ án đã thực hiện thu thập, tổng hợp tài liệu, khảo sát thực địa để nghiên cứu được các hiện trạng khai thác cát tại khu vực nghiên cứu, các phương pháp khai thác cát tại đây và ảnh hưởng của chúng đến xói, lở bờ sông. Sử dụng ảnh viễn thám và chồng chấp bản đồ viễn thám để thấy được sự dịch chuyển đường bờ của đoạn sông khu vực nghiên cứu. Luận giải được những nguyên nhân gây xói, lở bờ sông từ đó đề xuất được những giải pháp để giảm thiểu tác động đến bờ sông tại khu vực nghiên cứu.
74	Đại học chính quy	Nghiên cứu đa dạng sinh học ốc cạn (Gastropoda) tại vùng đệm Vườn Quốc gia Vũ Quang, thuộc xã Hương Bình, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Phan Hà Khánh Huyền	PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc	- Đã xác định được 18 loài thuộc 10 giống, 9 họ và 2 phân lớp (Mang trước và Có phổi). Trong đó, phân lớp Có phổi có 7 họ (chiếm 77,8%), 8 giống (chiếm 80%), 11 loài (chiếm 61%), phân lớp Mang trước có 2 họ (22,2%), 2 giống (20%) và có 7 loài (39%). Trong 18 loài, Achatina fulica có P% = 27,2%, sau đây là loài Bradybaena jourdyi với P% = 20,9%. - Về phân bố theo sinh cảnh: Phân lớp Mang trước phân bố chủ yếu ở rừng tự nhiên, khu vực gần khe

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					suối... đa số là các khu vực ít chịu tác động của con người. Ngược lại phân lớp Có phổi lại phân bố đa dạng hơn. Các loài khác trong phân lớp Có phổi chủ yếu phân bố tại các sinh cảnh giàu thức ăn như mầm non, lá non...
75	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt tại làng nghề dệt lụa Nha Xá, xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Trần Thị Hương	TS. Trịnh Thị Thắm	Đánh giá hiện trạng nước mặt làng nghề dệt nhuộm Nha Xá, xã Mộc Nam, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam năm 2019. Thực hiện điều tra, tiến hành lấy mẫu và phân tích một số chỉ tiêu nước mặt tại làng nghề, kế thừa số liệu quan trắc nước thải kết hợp điều tra khảo sát ý kiến của người dân. Qua phân tích xử lý số liệu đánh giá được hiện trạng nước mặt tại làng nghề, thực trạng quản lý môi trường tại làng nghề, đề xuất một số giải pháp khắc phục, hạn chế ô nhiễm
76	Đại học chính quy	Nghiên cứu đa dạng thành phần loài thân mềm chân bụng (Gastropoda) tại sườn Đông núi Hương Tích, thuộc xã Cổ Đạm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	Hoàng Thị Khuyên	PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc	- Đã xác định được 17 loài thuộc 6 họ và 02 bộ và 2 phân lớp. Phân lớp mang trước đa dạng hơn với loài 10 loài chiếm 58,82%. Trong toàn bộ KVNC thì tần số xuất hiện ($C' > 50\%$) là của 3 loài: Pila conica, Achatina fulica, Angulyagra wilhelmi. - Về phân bố: Phân bố ở 3 sinh cảnh: rừng tự nhiên trên núi đá, rừng tự nhiên núi đất, nương rẫy và vườn nhà. Sinh cảnh rừng tự nhiên núi đất có mật độ cá thể cao nhất 11,2 con/m ² .
77	Đại học chính quy	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố đến quy trình xử lý 2,4-diclorophenox yacetit axit trong nước bằng phương pháp oxy hóa nâng cao	Đỗ Thị Mai	1. TS. Mai Văn Tiến 2. TS. Vũ Ngọc Toán	Nghiên cứu ảnh hưởng của các yếu tố đến quy trình xử lý 2,4-D trong nước bằng phương pháp oxy hóa nâng cao, như: tỷ lệ nồng độ tác nhân Fenton, pH, đèn UV, ảnh hưởng của chất điện ly K ₂ SO ₄ . Đánh giá ảnh hưởng của các yếu tố đó đến hiệu quả xử lý 2,4-D, đồng thời đưa ra các điều kiện tối ưu cho quy trình xử lý. So sánh với hiệu quả xử lý bằng than hoạt tính. Đề xuất được quy trình xử lý nước nhiễm 2,4-D bằng phương pháp oxy hóa nâng cao quy mô phòng thí nghiệm.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
78	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Cà Lồ đoạn chảy qua thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc 6 tháng đầu năm 2019	Nguyễn Thị Tuyết Mai	TS. Mai Văn Tiến	Với mục tiêu đánh giá chất lượng nước sông Cà Lồ đoạn chảy qua thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc 6 tháng đầu năm 2019, đồ án được thực hiện dựa trên việc quan trắc qua 1 đợt lấy mẫu tại 10 vị trí rồi từ đó phân tích 10 chỉ tiêu cơ bản trong nước sông Cà Lồ tại thành phố Phúc Yên. Sau đó so sánh kết quả phân tích được với quy chuẩn hiện hành QCVN 08-MT:2015/BTNMT (theo cột B1). Từ đó đánh giá chất lượng nước sông qua chỉ số WQI cho kết quả nằm trong khoảng 60-75 và tất cả 10 vị trí quan trắc có chất lượng nước sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác. Có thể kết luận rằng nước sông Cà Lồ chảy qua thành phố Phúc Yên tại thời điểm quan trắc có dấu hiệu ô nhiễm nhẹ cần có các biện pháp xử lý kịp thời để giảm thiểu ô nhiễm.
79	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu đoạn chảy qua xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh 6 tháng đầu năm 2019	Vũ Thị Hồng Nhung	ThS. Lê Thu Thủy	Với mục tiêu đánh giá chất lượng nước sông Cầu đoạn chảy qua xã Phù Lãng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh 6 tháng đầu năm 2019, đồ án đã thực hiện phân tích một số các chỉ tiêu cơ bản trong nước sông tại khu vực nghiên cứu, cụ thể là các chỉ tiêu: pH, nhiệt độ, độ đục, DO, BOD5, COD, NH4+, PO43-, NO2-, NO3-, TSS, Fe, Pb, Coliform qua 2 đợt lấy mẫu với 5 vị trí lấy mẫu/đợt. So sánh kết quả phân tích được với giá trị tại cột B1 QCVN 08-MT:2015/BTNMT. Tính toán chỉ số chất lượng nước WQI cho kết quả nằm trong khoảng 12 - 63, nhận xét thấy chỉ có 3/10 vị trí quan trắc có chất lượng nước đáp ứng nhu cầu sử dụng cho mục đích giao thông thủy, tưới tiêu và các mục đích tương đương khác. Có thể kết luận nước sông Cầu tại thời điểm quan trắc ô nhiễm nặng, cần có các biện pháp xử lý trong tương lai.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
80	Đại học chính quy	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố đến quy trình xử lý metylparathion trong nước bằng phương pháp oxi hóa nâng cao	Vũ Thị Kiều Oanh	1. TS. Vũ Ngọc Toán 2. TS. Mai Văn Tiến	- Tổng quan tài liệu nghiên cứu về hoá chất BVTN metyl parathion, phương pháp oxy hoá nâng cao, phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC và các vấn đề khác có liên quan đến nội dung đề án. - Thực nghiệm khảo sát ảnh hưởng của một số yếu tố đến quá trình oxy hoá phân huỷ metyl parathion trong nước bằng phương pháp oxy hoá nâng cao (UV/ Fenton). - Đánh giá hiệu quả quá trình sử dụng phương pháp oxy hoá nâng cao trong xử lý metyl parathion trong nước.
81	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng môi trường nước sông Bắc Hưng Hải đoạn chảy từ xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên đến xã Bát Tràng, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019	Nguyễn Thị Thúy	ThS. Nguyễn Thành Trung	- Tìm hiểu hoạt động sản xuất phát triển kinh tế - xã hội của khu vực nghiên cứu và xác định các nhân tố ảnh hưởng tới môi trường nước sông Bắc Hưng Hải. - Phân tích và đánh giá chất lượng môi trường nước mặt sông Bắc Hưng Hải. - Đề xuất các giải pháp bảo vệ, cải thiện môi trường nước sông Bắc Hưng Hải.
82	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Đuống đoạn chảy qua quận Long Biên, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019	Trương Hằng Thúy Xuân	TS. Mai Văn Tiến	Đánh giá được chất lượng nước sông Đuống đoạn chảy qua quận Long Biên, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019, thông qua việc phân tích xác định hơn 10 chỉ tiêu nước sông không kể các thông số đo nhanh, đánh giá so sánh với QCVN 08-MT:2015, và qua chỉ số WQI. Từ đó luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm và đề xuất các biện pháp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường nước Sông Đuống.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
83	Đại học chính quy	Thiết kế mô hình xử lý nước uống trực tiếp cho hộ gia đình, quy mô phòng thí nghiệm	Vương Tuấn Anh	ThS. Bùi Thị Thanh Thủy	- Nghiên cứu các công nghệ xử lý nước uống trực tiếp theo QCVN01. - Đề xuất phương án, nghiên cứu, tính toán và lựa chọn phương án phù hợp. - Gia công, chế tạo mô hình. - Thử nghiệm và đánh giá hiệu quả với các nguồn nước đầu vào khác nhau
84	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn cho thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn - Giai đoạn 2020-2030	Hoàng Ngọc Bích	ThS. Lương Thanh Tâm	Qua nghiên cứu, tính toán quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, tôi rút ra kết luận như sau: Thành phố Lạng Sơn có vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, khí hậu, thủy văn thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy cần phải có công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt một cách phù hợp, từ đó tôi đưa ra 2 phương án thu gom và xử lý như sau: Phương án 1: Tiến hành thu gom riêng biệt chất thải rắn hữu cơ và chất thải rắn vô cơ bằng xe đẩy tay 660 lít và sử dụng xe ép rác 9 m³ để thu gom. Kết hợp khu xử lý hợp vệ sinh gồm khu ủ compost và bãi chôn lấp với tổng chi phí là: 43516.83 triệu đồng. Phương án 2: Tiến hành thu gom chất thải rắn không phân loại bằng xe đẩy tay 660 lít và sử dụng xe ép rác 15 m³ để thu gom. Kết hợp khu xử lý hợp vệ sinh gồm khu ủ compost và bãi chôn lấp với tổng chi phí là: 41187.34 triệu đồng Ta có thể thấy: Chi phí ở phương án 1 lớn hơn ở phương án 2. Nhưng ở phương án 1 phương thức thu gom hiệu quả hơn, vì thu gom phân loại rác tại nguồn góp phần tiết kiệm tài nguyên, mang lại lợi ích với việc tận dụng phế liệu tái chế, phân compost tự chế biến, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên môi trường và giảm thiểu tổng lượng rác thải ra môi trường nhằm giảm tải cho môi trường. Vì

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					vậy tôi lựa chọn phương án 1 để tiến hành quy hoạch hệ thống chất thải rắn cho thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn – Giai đoạn 2020-2030.
85	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống thoát nước cho khu đô thị mới thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên - Giai đoạn 2020-2030	Tạ Thị Phương Chi	ThS. Nguyễn Xuân Lan	Dựa theo "Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới thị trấn Yên Mỹ, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên đến năm 2030". Thiết kế và tính toán 2 phương án vạch tuyến thoát nước thải sinh hoạt cho khu đô thị. Khái toán kinh tế, so sánh ưu nhược điểm của hai phương án đề xuất và lựa chọn phương án vạch tuyến tối ưu. Đề xuất và tính toán chi tiết cho hai công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với các chỉ tiêu đầu vào. Khai toán kinh tế và so sánh ưu nhược điểm của cả hai công nghệ và lựa chọn công nghệ xử lý tối ưu.
86	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống thoát nước cho khu đô thị Hồng Vân, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh - Giai đoạn 2020-2030	Ngô Mạnh Cường	TS. Nguyễn Hồng Đăng	Qua những kết quả tính toán hệ thống xử lý và mạng lưới thoát nước cho khu đô thị Hồng Vân, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2020-2030 tôi đã đề xuất và tính toán được 2 phương án dây chuyền xử lý nước thải và 2 phương án mạng lưới thoát nước đã thể hiện kết quả trên bằng phần mềm autocad, cụ thể là: bản vẽ mặt bằng trạm xử lý theo 2 phương án, bản vẽ vạch tuyến mạng lưới thoát nước theo 2 phương án, bản vẽ chi tiết bể điều hòa, bản vẽ chi tiết bể lắng đứng, khái toán kinh tế các phương án.
87	Đại học chính quy	Thiết kế hệ thống xử lý SO ₂ trong khí thải lò hơi của nhà máy sản xuất cao su Inoué, quy mô phòng thí nghiệm	Trần Duy Cường	1. TS. Nguyễn Thu Huyền 2. ThS. Trương Đức Cảnh	Đã hoàn thành đề tài: “Thiết kế hệ thống xử lý SO ₂ trong khí thải lò hơi của nhà máy sản xuất cao su Inoué, quy mô phòng thí nghiệm” và thu được một số kết quả sau: 1. Đề xuất được 02 phương án xử lý khí thải SO ₂ . 2. Tính toán thiết kế cho 02 phương án xử lý khí SO ₂ : - Tháp đệm hấp thụ SO ₂ sử dụng nước làm dung môi - Tháp hấp phụ SO ₂ với vật liệu hấp phụ là than hoạt tính 3. Chế tạo được tháp đệm xử lý khí

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					SO2 cho lưu lượng 10 m3/h, đường kính tháp 9 cm, chiều cao lớp đệm 35 cm, chiều cao tổng cộng tháp là 60 cm, sử dụng loại đệm cắt từ ống nhựa PVC 21 cắt thành các đoạn dài 25 mm thay thế cho đệm vòng sứ Raschig 25x25x2,5 đã dùng để tính toán
88	Đại học chính quy	Quy hoạch quản lý chất thải rắn cho khu đô thị nam sông Đào, thành phố Nam Định - Giai đoạn 2020-2030	Nguyễn Quốc Anh Đức	ThS. Nguyễn Xuân Lan	Thiết kế hệ thống quản lý chất thải rắn tại nguồn theo hướng phân loại tại nguồn, hoàn chỉnh từ khâu thu gom, vận chuyển đến khâu xử lý cuối cùng, phù hợp với khu đô thị và khoảng thời gian quy hoạch. Chất thải rắn đã được phân loại được thu gom riêng biệt về khu xử lý chất thải rắn. Phần rác không thể tái chế được đưa tới các ô chôn lấp hợp vệ sinh trong khu xử lý chất thải rắn hợp vệ sinh của khu đô thị. Phần chất thải quan trọng, chiếm đa số trong thành phần rác của khu đô thị là rác hữu cơ sẽ được tận dụng làm phân compost, góp phần vào sự phát triển bền vững. Nước thải sinh ra từ các khâu trong hệ thống quản lý chất thải đều được tập trung và xử lý đạt tiêu chuẩn xả thải nguồn loại B2 (QCVN 25:2009/BTNMT). Mục tiêu của đề tài nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển chung của thành phố với mục đích cải thiện công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt cải thiện môi trường sống và làm việc của người dân góp phần vào sự phát triển bền vững trên con đường công nghiệp hóa và hiện đại hóa theo chủ trương của chính phủ hiện nay.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
89	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống thoát nước thải sinh hoạt cho thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên - Giai đoạn 2020-2030	Bùi Thị Thanh Hà	TS. Nguyễn Thu Huyền	Sau khi tính toán thiết kế đề tài “Quy hoạch hệ thống thoát nước cho thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa, TP Phú Yên giai đoạn 2018 – 2030” ta có kết quả sau: Về nội dung thiết kế mạng lưới thoát nước thải. Có đưa ra 2 phương án được đề xuất, sau quá trình tính toán kỹ thuật, khai toán kinh tế thì chọn phương án 1 là phương án tối ưu hơn. Đặc điểm kỹ thuật của phương án: - Trạm xử lý đặt ở phía đông nam của khu vực mình ta đặt 2 tuyến cống chính. Tuyến cống lưu vực chạy dọc theo trục các đường phố về tuyến cống thoát nước. Chi phí: + Giá thành xây dựng: 23 tỷ 940 triệu đồng + Vốn đầu tư vận chuyển 1 m³ nước thải đến trạm xử lý: 2394000 đồng Về nội dung thiết kế trạm xghiên cứu, nằm cuối hướng gió chính. - Đề lợi dụng triết để địa hử lý. Có 2 phương án cho trạm xử lý được đề xuất, sau khi tính toán kỹ thuật và khai toán kinh tế thì chọn được phương án 1 là phương án tối ưu hơn. Trong đó, dây chuyền xử ý phương án 1 áp dụng công trình xử lý cơ học là bể lắng đứng, công trình sinh học áp dụng là bể aerotank thổi khí kéo dài. Hệ thống xử lý bùn: dùng hệ thống xử lý bùn cơ học, tiết kiệm diện tích, hiệu quả và không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
90	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống thoát nước cho khu đô thị Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc - Giai đoạn 2020-2030	Nguyễn Thị Thu Hà	ThS. Mai Quang Tuấn	Với mục tiêu là quy hoạch hệ thống thoát nước cho Khu Đô Thị Hùng Vương thành phố Phúc Yên - tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2020 -2030. Dựa vào bản đồ quy hoạch và độ dốc địa hình đã vạch tuyến tính toán được 2 phương án thoát nước, đề xuất và tính toán trạm xử lý nước thải theo 2 phương án với công suất là 2500 m³/ngđ, khái toán kinh tế để từ đó lựa chọn ra phương án tối ưu nhất.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
91	Đại học chính quy	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thu gom và thiết kế hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện đa khoa huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	Phạm Thị Hà	ThS. Lương Thanh Tâm	Đồ án tốt nghiệp “Nâng cấp, cải tạo hệ thống thu gom và thiết kế hệ thống xử lý nước của thải bệnh đa khoa huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế” được hoàn thành dựa trên kiến thức đã học cùng với sự tìm hiểu các nguồn thông tin và tài liệu với các nguồn đã nêu rõ. Nội dung đồ án được thể hiện qua 3 chương và các bản vẽ bản vẽ, tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải để nước sau xử lý đạt QCVN 28: 2010/BTNMT (Cột B), cho phép thải vào hệ thống thoát nước hồ ga thị trấn Sịa – huyện Quảng Điền. Sau khi xem xét, tính toán phương án đề xuất, khái toán chi phí và lựa chọn phương án 1 với kết quả các công trình trong hệ thống xử lý theo phương án 1 vì: Về phương diện kĩ thuật: Phương án 1 có nhiều ưu điểm nổi trội hơn nhiều so với phương án thứ 2.
92	Đại học chính quy	Thiết kế hệ thống thoát nước cho cụm công nghiệp làng nghề Hoàng Xá, xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, công suất 500m ³ /ngày đêm	Nguyễn Thị Hạnh	ThS. Nguyễn Phương Tú	Nội dung đồ án tốt nghiệp " Thiết kế hệ thống thoát nước cho cụm công nghiệp làng nghề Hoàng Xá, xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, công suất 500m ³ /ngày đêm" được thể hiện qua 3 chương và 6 bản vẽ, đã thiết kế mạng lưới thu gom nước mưa và nước thải sinh hoạt từ các công ty trong cụm công nghiệp, đưa ra được 2 phương án xử lý nước thải sinh hoạt cho cụm công nghiệp, sau khi so sánh hiệu quả xử lý và vốn đầu tư của hai phương án thấy phương án 1 có nhiều ưu điểm hơn, nên lựa chọn phương án 1 là hợp lý.
93	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn sinh hoạt cho sáu xã ven biển (Hòa Lộc, Minh Lộc, Hưng Lộc, Hải Lộc, Đa Lộc, Ngư Lộc) thuộc	Phạm Thị Hiền	ThS. Bùi Thị Thanh Thủy	Dựa theo kết quả đã được nghiên cứu đề tài " Quy hoạch hệ thống quản lí chất thải rắn sinh hoạt cho sáu xã ven biển(Hòa Lộc, Minh Lộc, Hưng Lộc, Hải Lộc, Đa Lộc, Ngư Lộc) thuộc huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa - Giai đoạn 2020-2030 đã đề xuất được 2 phương án thu gom cho sáu xã , đưa ra 2 phương án xử lí cho toàn huyện Hậu Lộc và khái toán kinh tế so sánh ưu điểm của từng

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa - Giai đoạn 2020-2030			phương án lựa chọn ra phương án thu gom, phương án xử lý phù hợp nhất, tối ưu nhất với địa phương.
94	Đại học chính quy	Thiết kế hệ thống thoát nước cho trường Đại học Phenikaa, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, Hà Nội, công suất 200m ³ / ngày đêm	Phạm Thị Minh Hòa	ThS. Nguyễn Phương Tú	Đồ án tốt nghiệp “Thiết kế hệ thống thoát nước cho trường đại học Phenikaa, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, Hà Nội, công suất 200m³/ ngày đêm” được hoàn thành dựa trên kiến thức đã học cùng với sự tìm hiểu các nguồn thông tin và tài liệu với các nguồn đã nêu rõ. Nội dung đồ án được thể hiện qua 3 chương và các bản vẽ bản vẽ, đã thiết kế, tính toán phương án thoát nước thải, thoát nước mưa, 02 phương án xử dụng công nghệ khác nhau: phương án 1 sử dụng A-O kết hợp MBBR, phương án 2 sử dụng SBR và tính toán khái toán cho hai phương án để xuất để nước sau xử lý đạt QCVN 14: 2008/BTNMT (Cột B), cho phép thải vào hệ thống thoát nước thành phố.
95	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống thoát nước cho khu đô thị Hoàng Mai, Quỳnh Lưu, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An - Giai đoạn 2020-2030	Khuất Thị Thu Huyền	ThS. Bùi Thị Thanh Thủy	Sau khi tính toán thiết kế đề tài “Quy hoạch hệ thống thoát nước cho khu đô thị Hoàng Mai, Quỳnh Lưu, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An - Giai đoạn 2020-2030” ta có kết quả sau: Về nội dung thiết kế mạng lưới thoát nước thải. Có đưa ra 2 phương án được đề xuất, sau quá trình tính toán kỹ thuật, khai toán kinh tế thì chọn phương án 1 là phương án tối ưu hơn. Có 2 phương án cho trạm xử lý được đề xuất, sau khi tính toán kỹ thuật và khai toán kinh tế thì chọn được phương án 1 là phương án tối ưu hơn. - Thể hiện trên bản vẽ

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
96	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn cho thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An - Giai đoạn 2020-2030	Trần Thị Huyền	TS. Nguyễn Hồng Đăng	Qua những kết quả tính toán hệ thống thu gom và xử lý chất thải rắn cho thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An tôi đã đề xuất và tính toán được 02 phương án quy hoạch thu gom và 02 phương án xử lý đồng thời đã thể hiện kết quả tính toán trên bằng phần mềm autocad. Từ những kết quả nghiên cứu trên, xét khoản lợi nhuận phát sinh từ việc bán CTR tái chế, bán phân compost, tôi lựa chọn hệ thống quản lý CTR theo phương án thu gom chất thải rắn phân loại rác thải tại nguồn và phương án xử lý CTR là xây dựng BCL hợp vệ sinh kết hợp với khu ủ rác thải hữu cơ thành phân compost vì phương án này sẽ giúp tiết kiệm quỹ đất, đem lại hiệu quả kinh tế cao, cũng như tạo nhiều công ăn việc làm cho người dân địa phương. Đây là một công trình tính toán độc lập và đã khái toán khả thi nên kính mong các cấp chính quyền địa phương có thể xem xét để mang lại lợi ích và hiệu quả kinh tế - xã hội đối với người dân khu vực.
97	Đại học chính quy	Thiết kế hệ thống xử lý nước rỉ rác cho bãi chôn lấp Xuân Hòa, xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, công suất 200m ³ /ngày đêm	Nguyễn Quang Hưng	TS. Vũ Thị Mai	Dự án thiết kế hệ thống xử lý nước rỉ rác bãi chôn lấp Xuân Hòa công suất 200 m³/ngày đêm, được xây dựng tại xã Xuân Hòa, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong và sau quá trình bãi chôn lấp hoạt động đã thải ra một lượng lớn nước rỉ rác. Do đó việc áp dụng các kỹ thuật giảm thiểu và xử lý ô nhiễm của nước rỉ rác là những biện pháp tích cực bảo vệ môi trường. Đề án đã đề xuất 2 phương án xử lý: - Phương án 1: Nước thải -> Song chắn rác → Bể điều hòa (tự chảy) → Tháp stripping (tự chảy) → Lắng sơ cấp (tự chảy) → UASB (tự chảy) → Bể Anoxic (tự chảy) → Bể Aetotank xáo trộn (tự chảy) → Lắng thứ cấp (tự chảy) → Hệ oxy hóa Peroxon (Tự chảy) → Hồ ổn định và xả ra môi trường. - Phương án 2: Tương tự phương án 1, nhưng ta sử dụng giá thể

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					MBBR đặt trong Aerotank Qua quá trình tính toán, phân tích về mặt kinh tế và kỹ thuật, tôi đã lựa chọn phương án 2 là phương án xử lý nước thải cho nhà máy với các tiêu chí: + Đảm bảo hiệu quả xử lý, nước thải đầu ra đạt QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B. + Vận hành đơn giản, kỹ thuật vận hành không phức tạp. + Hiệu quả xử lý cao
98	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống thoát nước cho khu đô thị Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh - Giai đoạn 2020-2030	Dương Thị Mai Hương	ThS. Nguyễn Xuân Lan	Với mục tiêu thiết kế được hệ thống thoát nước thải sinh hoạt phù hợp với quy hoạch kinh tế xã hội của khu đô thị Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh, đồ án đã sử dụng các số liệu và phương pháp nghiên cứu hợp lý để thiết kế trạm xử lý với công suất 11000 m³/ngày. Đồ án nghiên cứu điều kiện tự nhiên và hiện trạng hệ thống thoát nước của khu đô thị Hồ. Trên cơ sở các tài liệu thu thập được tiến hành vạch ra 2 phương án thoát nước sinh hoạt. Tính toán thiết kế mạng lưới thoát nước sinh hoạt. Tính toán thiết kế các công trình trong trạm xử lý nước thải. Khảo sát kinh tế hệ thống thoát nước.
99	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống thoát nước cho khu đô thị nam sông Đào, thành phố Nam Định - Giai đoạn 2020-2030	Nguyễn Thu Hương	TS. Nguyễn Thu Huyền	Về nội dung thiết kế mạng lưới thoát nước thải. Có đưa ra 2 phương án được đề xuất, sau quá trình tính toán kỹ thuật, khảo sát kinh tế thì chọn phương án 1 là phương án tối ưu hơn; Có 2 phương án cho trạm xử lý được đề xuất, sau khi tính toán kỹ thuật và khảo sát kinh tế thì chọn được phương án 1 là phương án tối ưu hơn; - Cách thể hiện trên bản vẽ chuẩn là như thế nào; - Cách thuyết trình để bảo vệ một bài đồ án tốt nghiệp.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
100	Đại học chính quy	Thiết kế và lắp đặt hệ thống xử lý nước thải theo công nghệ USBF, quy mô phòng thí nghiệm, công suất 140 lít/ngày đêm	Phạm Hữu Khởi	TS. Vũ Thị Mai	Tính toán thiết kế được mô hình bể USBF công suất 140 lít/ngày đêm. Lắp đặt được hệ thống bể USBF thể tích 0,07 m ³ . Lắp đặt hệ thống bơm nước và sục khí cho hệ thống USBF. Vận hành được hệ thống bể USBF. Trong quá trình vận hành bể USBF: Quá trình nuôi bùn tốt, bùn phát triển tốt, bùn hoạt tính sau quá trình nuôi cấy và thích nghi đã đủ điều kiện để sang bể USBF, tại bể USBF, bùn hoạt tính hoạt động tốt, có chỉ số SVI luôn trong khoảng bùn lắng rất tốt.
101	Đại học chính quy	Tính toán thiết kế hệ thống thoát nước cho tòa nhà CT2B thuộc dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tại quận Hoàng Mai, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Nguyễn Tuấn Linh	ThS. Lương Thanh Tâm	Mục tiêu chung: “Tính toán thiết kế hệ thống thoát nước cho tòa nhà CT2B thuộc dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tại quận Hoàng Mai, phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành Phố Hà Nội”. Tìm hiểu thực trạng phát sinh nước thải của khu nhà ở Tập trung tìm hiểu nước thải sinh hoạt, xác định thành phần tính chất nước thải của tòa nhà. Thiết kế hệ thống thoát nước thải của tòa nhà, thoát nước mưa Thiết kế hệ thống xử lý một số chỉ tiêu trong nước thải.
102	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống cấp nước cho thị trấn Hoà Vinh, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên - Giai đoạn 2020-2030	Huỳnh Thu Mai	ThS. Nguyễn Phương Tú	Đề tài: “Quy hoạch hệ thống cấp nước cho thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên-giai đoạn 2020-2030” đã hoàn thành được các nội dung sau: - Nghiên cứu điều kiện tự nhiên và hiện trạng hệ thống cấp nước của thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Trên cơ sở các tài liệu thu thập được tiến hành vạch ra 2 phương án cấp nước sinh hoạt. - Tính toán thiết kế thủy lực mạng lưới cấp nước sinh hoạt - Đưa ra các phương án xử lý và bố trí cụm công trình trong trạm xử lý nước cấp - Tính toán thiết kế các công trình trong trạm xử lý nước cấp - Khái toán kinh tế hệ thống cấp nước

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Việc quy hoạch xây dựng hệ thống cấp nước cho thị trấn Hòa Vinh để khai thác nguồn nước cấp cho sinh hoạt, có tác động mạnh mẽ tới điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và sức khỏe của cộng đồng trong vùng
103	Đại học chính quy	Thử nghiệm xử lý khí SO ₂ từ lò hơi của nhà máy cao su Inoue bằng phương pháp hấp thụ quy mô phòng thí nghiệm	Trịnh Hoàng Phương Nam	1. TS. Nguyễn Thu Huyền 2. ThS. Trương Đức Cảnh	Từ các phương pháp tạo khí khác nhau, lựa chọn được một phương pháp tối ưu và phù hợp với yêu cầu đề ra, khí sau khi điều chế đạt nồng độ 412,79 mg/m ³ . Thiết kế được mô hình xử lý khí SO ₂ vận hành ổn định. Thử nghiệm xử lý khí SO ₂ đạt kết quả khả quan: Hiệu suất xử lý từ 48,3% đến 63,8%, đều đạt yêu cầu so với tiêu chuẩn TCTĐHN01:2014/BTNMT với hiệu suất cần đạt là 48,21%. Hiệu suất xử lý SO ₂ qua tháp tăng dần theo thời gian khi đạt đến chế độ ổn định hiệu suất xử lý tối đa đạt 55,9% ở khoảng thời gian 50–55 phút. Ảnh hưởng của tốc độ dòng khí lên hiệu suất xử lý khí SO ₂ từ kết quả ta có được lưu lượng tối ưu cho quá trình hấp thụ là 2,5 l/phút với hiệu suất 63,8%
104	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống cấp nước cho thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh - Giai đoạn 2020-2030	Nguyễn Thị Thanh Tâm	ThS. Phạm Đức Tiến	Đề tài: “Quy hoạch hệ thống cấp nước cho thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2020-2030” đã hoàn thành được các nội dung sau: Nghiên cứu điều kiện tự nhiên và hiện trạng hệ thống cấp nước của thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. Trên cơ sở các tài liệu thu thập được tiến hành vạch ra 2 phương án cấp nước sinh hoạt. Tính toán thiết kế thủy lực mạng lưới cấp nước sinh hoạt. Đưa ra các phương án xử lý và bố trí cụm công trình trong trạm xử lý nước cấp. Tính toán thiết kế các công trình trong trạm xử lý nước cấp. Khái toán kinh tế hệ thống cấp nước.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
105	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống cấp nước cho thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình - Giai đoạn 2020-2030	Phạm Thị Trà	TS. Nguyễn Hồng Đăng	Với mục tiêu là quy hoạch hệ thống cấp nước cho thành phố Thái Bình - tỉnh Thái Bình giai đoạn 2020 -2030. Dựa vào hiện trạng bản đồ và độ dốc địa hình đã vạch tuyến được 1 phương án cấp nước cho thành phố Thái Bình, tính toán được 2 trạm xử lý nước với công suất là 150000 m ³ /ngđ, và đưa được khái toán kinh tế để từ đó chọn ra những phương án tối ưu nhất.
106	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn cho 3 xã: Cẩm Phong, Cẩm Sơn, Cẩm Giang và thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá - Giai đoạn 2020-2030	Phạm Thị Thu Trang	ThS. Mai Quang Tuấn	Với mục tiêu xây dựng được phương án quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn mới phù hợp với quy hoạch kinh tế xã hội của khu vực 3 xã: Cẩm Phong, Cẩm Sơn, Cẩm Giang và thị trấn Cẩm Thủy, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá - Giai đoạn 2020 - 2030. Kết quả thu được là đã đề xuất được 2 phương án thu gom và 2 phương án xử lý chất thải rắn cho các xã nêu trên. Dựa vào điều kiện kinh tế xã hội cũng như tiết kiệm quỹ đất cho tương lai phương án được lựa chọn là phương án thu gom không phân loại tại nguồn và phương án xử lý chôn lấp hoàn toàn.
107	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống thoát nước cho thị trấn Bình Minh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình - Giai đoạn 2020-2030	Phạm Thị Thu Dịu	ThS. Nguyễn Xuân Lan	Sau khi tính toán thiết kế đề tài: “Quy hoạch hệ thống thoát nước cho thị trấn Bình Minh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình - giai đoạn 2020-2030” ta có được kết quả: Về nội dung thiết kế mạng lưới nước thải. Có đưa ra 2 phương án được đề xuất, sau quá trình tính toán kỹ thuật, khái toán kinh tế thì chọn được phương án 1 là phương án tối ưu hơn. Đặc điểm kỹ thuật của phương án: + Trạm xử lý đặt ở phía Đông Bắc của thị trấn, nằm trong khu công nghiệp I, cạnh bờ sông Đáy. + Để triệt để địa hình ta đặt 1 tuyến cống chính chạy dọc theo trục đường phố hướng dốc từ Tây sang Đông để thu nước. + Các cống thoát nước đường phố đặt theo các đường phố đảm bảo bao trùm mọi đối tượng thoát nước thu

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					nước thải đổ vào các tuyến cống lưu vực. Chi phí xây dựng: 16 543,61 triệu đồng. Về nội dung thiết kế hệ thống xử lý nước thải. Có đưa ra 2 phương án được đề xuất, sau quá trình tính toán kỹ thuật, khái toán kinh tế thì chọn được phương án 1 là phương án tối ưu hơn. Đặc điểm kỹ thuật của phương án: + Dùng hệ thống xử lý truyền thống: Bể lắng 1 – Anoxic – Aerotank – Bể lắng 2. + Xử lý đảm bảo tiêu chuẩn xả thải ra nguồn theo Loại B – QCVN 14:2008/BTNMT. Chi phí xây dựng: 8 130 triệu đồng.
108	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống cấp nước cho thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội - Giai đoạn 2020-2030	Nguyễn Tấn Dũng	ThS. Đoàn Thị Oanh	Đề tài “Quy hoạch hệ thống cấp nước cho thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội - giai đoạn 2020-2030” ta có được kết quả: Vạch tuyến mạng lưới cấp nước cho khu vực theo 2 phương án. Đề xuất phương án xử lý nước cấp cho khu vực. Tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước cấp theo 2 phương án. Tính toán khái toán cho 2 phương án, lựa chọn phương án tối ưu. Sau quá trình tính toán kỹ thuật, khái toán kinh tế thì chọn được phương án 1 là phương án tối ưu. Trạm xử lý đặt ở phía Tây Bắc khu vực, nằm cuối hướng gió chính. phù hợp theo hướng dốc từ tây bắc sang đông nam của khu vực để cấp nước từ nguồn nước đưa về trạm xử lý. Sau khi đã tính toán các công trình và khái toán kinh tế chọn được phương án 1 là phương án tối ưu hơn.
109	Đại học chính quy	Nghiên cứu ảnh hưởng của tải trọng đến hiệu quả xử lý nước thải công nghiệp nhựa phenolformaldehyde trong hệ lọc sinh	Nguyễn Thị Hà	TS. Vũ Thị Mai	Nghiên cứu ảnh hưởng của tải trọng đến hiệu quả xử lý nước thải công nghiệp nhựa phenol formaldehyde trong hệ lọc sinh học dòng bùn ngược USBF” đã đạt được mục tiêu nghiên cứu là Vận hành được công nghệ USBF với nước thải giả định chứa phenol và formaldehyde trong phòng thí nghiệm và Đánh giá được ảnh hưởng tải trọng phenol,

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		học dòng bùn ngược USBF			formandehyde đến hiệu quả quá trình xử lý. Kết quả đạt được cho thấy: quá trình nuôi bùn tốt, bùn phát triển tốt. Bùn hoạt tính sau quá trình nuôi cấy và thích nghi đã đủ điều kiện để sang bể USBF. Tại bể USBF, bùn hoạt tính hoạt động tốt, có chỉ số SVI luôn trong khoảng bùn lắng rất tốt. Thời gian xử lý ảnh hưởng rất lớn đến quá trình xử lý: thời gian xử lý càng lâu thì hiệu suất càng cao và ngược lại. Hệ thống USBF có khả năng xử lý phenol và formandehyde khá cao. Xử lý phenol và formandehyde ở nồng độ 100mg/l thì hiệu suất xử lý phenol đạt 92-93%, hiệu suất xử lý formadehyde đạt 89-90%. Ngoài những kết quả đạt được, trong quá trình nghiên cứu trên phòng thí nghiệm, phân tích các chỉ tiêu em cũng đã nắm được quy trình, kỹ năng phân tích xử lý mẫu trong phòng thí nghiệm
110	Đại học chính quy	Nghiên cứu tái chế cặn bùn sau lắng trên mô hình xử lý nước rửa lọc quy mô phòng thí nghiệm	Nguyễn Thị Huyền	ThS. Phạm Đức Tiến	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước rửa lọc được xử lý không gây ô nhiễm môi trường có tính ứng dụng cao trong việc xử dụng cặn bùn làm nguyên liệu cho vật liệu xây dựng (gạch không nung). Việc sử dụng cặn bùn làm vật liệu xây dựng góp phần bảo vệ môi trường, tiết kiệm về nguyên nhiên liệu khi sử dụng cặn bùn. Việc sử dụng bùn thải sẽ cải thiện khả năng cách nhiệt của gạch, giảm năng lượng sưởi ấm và làm mát các tòa nhà, đồng thời sử dụng năng lượng có sẵn của nước thải/bùn thải và cuối cùng làm giảm chất thải. Giảm thiểu nguyên liệu đầu vào như nước, cát, đá vôi, nước, năng lượng cho sản xuất gạch. Điều này có nghĩa tối ưu hóa hiệu quả tài nguyên bằng cách tận dụng nguyên liệu thô thứ cấp có trong bùn thải nên giảm thiểu chất thải nói chung.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
111	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống cấp nước sinh hoạt cho khu vực thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An - Giai đoạn 2020-2030	Trần Thị Thanh Huyền	ThS. Lương Thanh Tâm	Thu thập các số liệu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020 – 2030 - Vạch tuyến mạng lưới cấp nước theo 2 phương án, tính toán thủy lực cho giờ dùng nước lớn nhất và giờ dùng nước lớn nhất có cháy, lựa chọn mạng lưới vòng làm mạng lưới cấp nước cho thị xã Hoàng Mai và tính chi phí xây dựng đường ống. Từ đó vẽ các bản vẽ: 02 bản vạch tuyến cấp nước, 01 bản vẽ vòng bao áp lực cho khu vực. -Đã lựa chọn nguồn nước mặt là sông Mai Giang để cấp nước cho hệ thống cấp nước thị xã Hoàng Mai; Đã đánh giá được chất lượng nguồn nước; Đưa ra 2 phương án phù hợp, tính toán chi tiết, bố trí cao trình và tính toán chi phí xây dựng cho 2 phương án và xác định hóa chất đưa vào là phèn nhôm và vôi sữa. - Sau khi phân tích ưu nhược điểm và khái toán kinh tế của 2 phương án lựa chọn đây chuyên công nghệ của phương án 1 là phương án xử lý thích hợp với nguồn nước để thiết kế trạm xử lý cho thị xã Hoàng Mai. - Các bản vẽ cho hệ thống xử lý gồm: 01 bản mặt bằng trạm xử lý, 01 bản vẽ cao trình trạm xử lý, 01 bản vẽ chi tiết hợp khối bể phản ứng cơ khí với bể lắng Lamen, 01 bản vẽ chi tiết bể lọc nhanh 2 lớp.
112	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống cấp nước cho khu vực đô thị phía bắc thành phố Hoà Bình, tỉnh Hoà Bình - Giai đoạn 2020-2030	Đỗ Thị Thu Hương	ThS. Nguyễn Phương Tú	Với mục tiêu quy hoạch hệ thống cấp nước khu vực đô thị Phía Bắc Thành Phố Hòa Bình - giai đoạn 2020-2030 với công suất 35000 m3/ngđ. Đồ án nghiên cứu điều kiện tự nhiên và hiện trạng hệ thống cấp nước của khu đô thị phía Bắc TP Hòa Bình. Trên cơ sở các tài liệu thu thập được tiến hành vạch ra 2 phương án cấp nước sinh hoạt. Tính toán thiết kế thủy lực mạng lưới cấp nước sinh hoạt. Tính toán thiết kế các công trình trong trạm xử lý nước cấp. Khái toán kinh tế hệ thống cấp nước. Việc quy

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					hoạch xây dựng hệ thống cấp nước cho KDT Phía Bắc TP Hòa Bình để khai thác nguồn nước cấp sinh hoạt tác động mạnh mẽ tới điều kiện phát triển kinh tế, xã hội, sức khỏe cộng đồng trong vùng.
113	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả mô hình xử lý nước uống trực tiếp cho hộ gia đình tại thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Phạm Thị Hương	ThS. Bùi Thị Thanh Thủy	-Nghiên cứu các công nghệ xử lý nước uống trực tiếp theo QCVN01. -Nghiên cứu đánh giá chất lượng nước dùng cho sinh hoạt tại Sầm Sơn - Thử nghiệm và đánh giá hiệu quả với các nguồn nước đầu vào khác nhau của mô hình
114	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn sinh hoạt cho thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh - Giai đoạn 2020-2030	Nguyễn Thị Hương	ThS. Đoàn Thị Oanh	Nội dung đồ án tốt nghiệp: "Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn sinh hoạt cho thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh - Giai đoạn 2020-2030", đã đề xuất được 2 phương án thu gom và xử lý chất thải rắn: không phân loại tại nguồn và có phân loại tại nguồn" và thể hiện kết quả tính toán được ra 7 bản vẽ. So sánh hai phương án, ta thấy phương án thu gom 1 (không phân loại tại nguồn) có lợi hơn về mặt kinh tế so với phương án thu gom 2 (phân loại tại nguồn) do tốn ít kinh phí hơn. Bên cạnh đó, muốn nâng cao hiệu quả của việc phân loại rác tại nguồn, trước tiên cần chú trọng tới công tác tuyên truyền, nâng cao trình độ dân trí và ý thức bảo vệ môi trường của người dân địa phương. So sánh hiệu quả xử lý rác của cả 2 phương án ta thấy PA2 hiệu quả xử lý rác cao hơn, vốn đầu tư và chi phí vận hành của PA2 tuy lớn hơn, nhưng diện tích ít hơn phù hợp với địa phương hơn. Do đó lựa chọn phương án thu gom 2 (phân loại tại nguồn) kết hợp với PA2 (BCL hợp vệ sinh và khu ủ phân compost) là hợp lý, là phương án thiết kế.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
115	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống cấp nước cho 6 xã Thuận Thiện, Tùng Lộc, Hồng Lộc, Ích Hậu, Bình Lộc, Phù Lưu thuộc huyện Lộc Hà, Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh - Giai đoạn 2020-2030	Tô Việt Khánh	ThS. Phạm Đức Tiến	Với mục tiêu là quy hoạch hệ thống cấp nước sạch từ nguồn nước hồ Cù Lây thuộc xã Thuận Thiện để cấp nước cho 6 xã Thuận Thiện, Tùng Lộc, Hồng Lộc, Ích Hậu, Bình Lộc, Phù Lưu. Số hộ được hưởng lợi là 12.300 hộ với 45.085 khẩu với công suất thiết kế là 7500 m ³ //ngđ. Tính toán được 2 phương án xử lý nước và 2 phương án cấp nước, từ đó khái toán kinh tế và ưu nhược điểm để chọn ra phương án tối ưu nhất.
116	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn cho khu đô thị Kim Hoa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc - Giai đoạn 2020-2030	Nguyễn Trọng Khuê	TS. Nguyễn Hồng Đăng	Với mục tiêu quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn cho khu đô thị Kim Hoa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc – giai đoạn 2020-2030. Đề tài đồ án tốt nghiệp trên đã được thực hiện trên cơ sở các tài liệu điều tra, thu thập, tổng hợp, tính toán. Trình bày tổng quan về khu vực thực hiện đồ án là khu đô thị Kim Hoa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Đề xuất và tính toán chi tiết hai phương án thu gom chất thải rắn. Đề xuất tính toán chi tiết hai phương án xử lý chất thải rắn. Đề xuất sơ bộ dây chuyền xử lý nước rỉ rác từ BCL. Khái toán chi tiết và lựa chọn phương án.
117	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn cho thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình - Giai đoạn 2030-2050	Nguyễn Thị Lan	ThS. Mai Quang Tuấn	Đề tài nhằm cải thiện hệ thống quản lý kỹ CTR cho thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, đồng thời góp phần mang lại môi trường sạch đẹp, đảm bảo được sức khỏe cộng đồng nơi đây.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
118	Đại học chính quy	Thiết kế hệ thống xử lý nước thải tập trung cho khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang - Giai đoạn 2020-2030	Hà Thị Thùy Linh	ThS. Nguyễn Xuân Lan	Nội dung đồ án tốt nghiệp “Thiết kế hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang - Giai đoạn 2020-2030” được thể hiện qua 3 chương và 13 bản vẽ, tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải để sau nước xử lý đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT, cho phép thải ra Sông Cầu. Sau khi tính toán vạch tuyến thoát nước thải cho Khu công nghiệp, tiến hành đề xuất 2 phương án xử lý nước thải, tính toán thiết kế và khái toán chi phí cho 2 phương án đề xuất, cuối cùng tiến hành so sánh ưu nhược điểm để chọn được phương án tối ưu nhất. Kết quả đã chọn được phương án tối ưu cho đề tài là phương án xử lý nước thải bằng công nghệ vi sinh có bổ sung giá thể MBBR, nước thải sau xử lý đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT cho phép thải ra sông Cầu.
119	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống cấp nước cho khu đô thị Kim Hoa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc - Giai đoạn 2020-2030	Trần Thị Hiền Linh	TS. Nguyễn Thu Huyền	Với mục tiêu xây dựng được hệ thống cấp nước phù hợp với quy hoạch kinh tế xã hội của khu đô thị Kim Hoa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, dựa vào các yếu tố về điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của khu vực nghiên cứu em đã tính toán đề xuất ra 2 phương án về vạch tuyến mạng lưới cấp nước và 2 phương án về thiết kế xây dựng trạm xử lý phù hợp với địa hình và kinh tế khu vực. Sau khi khái toán kinh tế cho các phương án đề xuất thì em đã lựa chọn được phương án tối ưu. Về phần vạch tuyến lựa chọn phương án 2 là phương án sử dụng mạng vòng, tuy tốn kém chi phí hơn nhưng sẽ đảm bảo được độ an toàn trong cấp nước. Về phần trạm xử lý thì em lựa chọn phương án 2 vì tốn kém ít chi phí hơn

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
120	Đại học chính quy	Thiết kế mô hình xử lý nước rửa lọc của hệ thống cấp nước nhà máy may YOUNGS & LONGMA, quy mô phòng thí nghiệm	Trần Minh Lộc	ThS. Phạm Đức Tiến	Mô hình xử lý nước rửa lọc có kết quả hiệu suất xử lý cao qua đó việc xử lý các thông số đặc trưng của nước rửa lọc bằng mô hình hứa hẹn sẽ là một hướng đi nhiều tiềm năng. Dựa vào đó mà các công ty chưa có hệ thống xử lý nước rửa lọc hoặc có mà cần cải tạo sẽ có nhiều phương án tốt và khả thi. Các kết quả quan trắc, phân tích các chỉ tiêu Độ màu, Độ Đục, TSS, Mangan, Sắt, Độ cứng của mẫu nước thải đầu ra được tham khảo, trích dẫn trong báo cáo đều nằm trong ngưỡng cho phép theo quy định tại cột B, QCVN 40:2011/BTNMT (Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước thải Công nghiệp) và một số chỉ tiêu như TSS, Sắt đạt mức cho phép cột B QCVN 08:2008/BTNMT
121	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống thoát nước cho khu đô thị Kim Hoa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc - Giai đoạn 2020-2030	Vương Công Lực	ThS. Lương Thanh Tâm	Với mục tiêu là quy hoạch hệ thống thoát nước sinh hoạt cho khu đô thị Kim Hoa, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Dựa vào hiện trạng bản đồ và độ dốc địa hình đã vạch tuyến được 2 phương án thoát nước cho khu thị, tính toán được 2 trạm xử lý nước thải với công suất là 12000 m ³ /ngđ, và đưa được khái toán kinh tế để từ đó chọn ra những phương án tối ưu nhất.
122	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn sinh hoạt cho khu đô thị Điện Nam - Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam - Giai đoạn 2020-2030	Đàm Thị Lương	ThS. Nguyễn Phương Tú	Với mục tiêu quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn sinh hoạt cho khu đô thị Điện Nam- Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam em đã đề xuất được 2 phương án thu gom và xử lý chất thải rắn và 7 bản vẽ minh họa. Phương án 1 là thu gom chất thải rắn không phân loại tại nguồn và chất thải được đem đi chôn lấp hoàn toàn, phương án này chi phí thấp, dễ thực hiện, công tác quản lý đơn giản. Phương án 2 là thu gom chất thải rắn có phân loại tại nguồn: vô cơ và hữu cơ. chất thải rắn hữu cơ sau khi được thu gom sẽ được mang đi ủ, chất khó phân hủy sẽ đem đi đốt rồi chôn lấp hợp vệ sinh. Phương án này chi phí cao nhưng hiệu quả, khoa

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					học phù hợp với trình độ phát triển dân trí của vùng. Em quyết định chọn phương án 2 làm phương án xây dựng.
123	Đại học chính quy	Thiết kế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và lập hồ sơ xả thải cho khu nhà ở chung cư cao tầng Blue Star, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	Nguyễn Hoàng Nam	ThS. Đoàn Thị Oanh	Thiết kế hệ thống xử lý nước thải và lập đề án cấp phép xả thải vào nguồn chung khu vực với công suất 384m ³ /ngày đêm. Lên 02 phương án hệ thống xử lý đối với diện tích giới hạn . Đề phương án đặt vị trí ống thải vào tuyến ống chung qua bản báo cáo đánh giá tác động môi trường đã có sẵn
124	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống thoát nước cho khu đô thị Phố Nối, tỉnh Hưng Yên - Giai đoạn 2020-2030	Phạm Thị Kim Oanh	ThS. Đoàn Thị Oanh	Đề tài “Quy hoạch hệ thống thoát nước cho khu đô thị Phố Nối, tỉnh Hưng Yên - giai đoạn 2020-2030” ta có được kết quả: Vạch tuyến mạng lưới thoát nước thải cho khu vực theo 2 phương án. Đề xuất phương án xử lý nước thải cho khu vực. Tính toán thiết kế hệ thống xử lý nước thải theo 2 phương án. Tính toán khái toán cho 2 phương án, lựa chọn phương án tối ưu. Sau quá trình tính toán kỹ thuật, khái toán kinh tế thì chọn được phương án 1 là phương án tối ưu: Trạm xử lý đặt ở phía Nam thành phố, nằm cuối hướng gió chính. Tuyến cống chính được đặt theo hướng dọc từ tây bắc sang đông nam của thành phố để thu nước từ các tuyến cống góp lưu vực đưa về trạm xử lý. Sau khi đã tính toán các công trình và khái toán kinh tế chọn được phương án 1 là phương án tối ưu hơn. Trong đó, dây chuyền xử lý phương án 1 áp dụng công trình xử lý cơ học là bể lắng ly tâm, công trình sinh học áp dụng bể aeroten truyền thống. Hệ thống xử lý bùn: dùng hệ thống xử lý bùn cơ học, tiết kiệm diện tích, hiệu quả và không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
125	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn cho thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh - Giai đoạn 2020-2030	Đinh Thị Phương	ThS. Phạm Đức Tiến	Với mục tiêu Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn cho thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh - Giai đoạn 2020-2030 em đã đề xuất được 2 phương án thu gom và xử lý chất thải rắn và 7 bản vẽ minh họa. Phương án 1 là thu gom chất thải rắn không phân loại tại nguồn và chất thải được đem đi chôn lấp hoàn toàn, phương án này chi phí thấp, dễ thực hiện, công tác quản lý đơn giản. Phương án 2 là thu gom chất thải rắn có phân loại tại nguồn: vô cơ và hữu cơ rồi chôn lấp hợp vệ sinh. Phương án này chi phí cao nhưng hiệu quả, khoa học phù hợp với trình độ phát triển dân trí của vùng. Em quyết định chọn phương án 2 làm phương án xây dựng.
126	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống cấp nước cho thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh - Giai đoạn 2020-2030	Phan Thị Minh Phượng	TS. Nguyễn Hồng Đăng	Nội dung đồ án tốt nghiệp "Quy hoạch hệ thống cấp nước cho thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh - Giai đoạn 2020-2030" được thể hiện làm 3 chương và 7 bản vẽ kỹ thuật. Đã đề xuất được 2 phương án vạch tuyến chất thải rắn là có phân loại tại nguồn và không phân loại tại nguồn và đề xuất 2 phương án xử lý chất thải rắn là chôn lấp hợp vệ sinh và phương án Ủ sinh học kết hợp chôn lấp hợp vệ sinh. Xét về kinh tế thì phương án ủ sinh học kết hợp chôn lấp sẽ có chi phí cao hơn so với phương án còn lại. Tuy nhiên, do trình độ phát triển dân trí và nhu cầu xã hội ngày càng tăng thì đây sẽ là phương án hiệu quả. Do đó em đã lựa chọn phương án phân loại tại nguồn rồi đem ủ phân compost kết hợp mang đi chôn lấp hợp vệ sinh làm phương án thiết kế và thi công.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
127	Đại học chính quy	Thiết kế hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho cụm làng nghề Mai Hương, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, công suất 1500 m ³ /ngày đêm	Tạ Thị Phụng	ThS. Mai Quang Tuấn	Đề tài nghiên cứu: "Thiết kế hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho cụm làng nghề Mai Hương, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, công suất 1500 m ³ /ngày đêm", nhằm giải quyết các vấn đề bảo vệ môi trường hiện nay. Nước thải đầu ra đạt QCVN 40 : 2011/BTNMT (Cột A) và QCVN 14:2008/BTNMT, nhằm giải quyết các vấn đề ô nhiễm môi trường cho khu vực và mong muốn đem lại một cái nhìn thực tế về các công trình xử lý nước thải làng nghề.
128	Đại học chính quy	Thiết kế hệ thống thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt cho công ty TNHH công nghệ Cosmos 1, KCN Thụy Vân, thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ - Giai đoạn 2020-2030	Phan Trọng Thành	ThS. Nguyễn Xuân Lan	Qua quá trình khảo sát, tìm hiểu và tiến hành tính toán thiết kế hệ thống thoát nước và xử lý nước thải của công ty TNHH công nghệ Cosmos 1, rút ra được những kết luận sau: Nêu được tổng quan nước thải của công ty và công nghệ xử lý nước thải bệnh viện Nêu được hiện trạng xử lý nước thải của công ty. Đưa ra 2 phương án và tính toán 2 phương án xử lý nước thải Thiết kế được phương án thoát nước thải cho công ty. Lựa chọn công nghệ xử lý nước thải AAO Khái toán được 2 phương án xử lý nước thải.
129	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống quản lý chất thải rắn cho thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên - Giai đoạn 2020-2030	Nguyễn Thị Thắm	TS. Nguyễn Thu Huyền	Quá trình phát triển kinh tế – xã hội cùng với những yêu cầu nâng cao chất lượng đời sống đã tạo ra nhiều áp lực đối với công tác đảm bảo vệ sinh môi trường ở khu vực thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Trong đó, công tác thu gom và xử lý chất thải rắn phát sinh là vấn đề cần được ưu tiên giải quyết. Xét về tổng chi phí sơ bộ của 2 phương án thì phương án 2 có chi phí cao hơn. Tuy nhiên nếu xét đến khoản lợi nhuận phát sinh từ việc bán CTR tái chế, nguồn thu lãi từ việc bán phân compost sau xử lý thì phương án 2 là phương án đem lại hiệu quả kinh tế cao. Chưa kể đến việc lựa chọn phương án còn giúp

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					tiết kiệm tài nguyên, quỹ đất sau khi dự án kết thúc. Do đó lựa chọn phương án 2: Thu gom phân loại tại nguồn và xử lý bằng công nghệ chôn lấp kết hợp ủ là phương án tối ưu
130	Đại học chính quy	Thiết kế hệ thống thoát nước và xử lý nước thải "Trụ sở liên cơ quan Viện Chiến lược Quốc phòng và Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam"	Giang Văn Thê	TS. Vũ Thị Mai	Qua quá trình tìm hiểu, khảo sát, và tiến hành tính toán thiết kế hệ thống thoát nước và xử lý nước thải cho Trụ sở liên cơ quan Viện Chiến lược Quốc phòng và Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam đồ án đã thực hiện được các nội dung chính sau: - Đánh giá được tổng quan nguồn gốc, số lượng và chất lượng nước thải của công ty - Đề xuất và tính toán chi tiết 2 phương án công nghệ xử lý nước thải cho công ty - Thiết kế mới được phương án thoát nước thải cho công ty. - Lựa chọn công nghệ xử lý nước thải AO để nâng cao hiệu quả xử lý đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn cột A QCVN 40:2011/BTNMT
131	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống thoát nước thải sinh hoạt cho thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên - Giai đoạn 2020-2030	Lại Thị Thơ	ThS. Lương Thanh Tâm	Về nội dung thiết kế mạng lưới thoát nước thải: Có 2 phương án được đề xuất, sau quá trình tính toán kỹ thuật, khái toán kinh tế thì chọn được phương án II là phương án tối ưu hơn. Trạm xử lý đặt ở phía Tây Nam thành phố, nằm cuối hướng gió chính, vùng đất thấp có cao độ +15,3 (m). Về nội dung thiết kế trạm xử lý: Có 2 phương án cho trạm xử lý được đề xuất, sau khi tính toán kỹ thuật và khái toán kinh tế thì chọn được phương án II là phương án tối ưu hơn.
132	Đại học chính quy	Thiết kế hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên, công suất 180m3/ngày	Vũ Thị Thơm	ThS. Nguyễn Phương Tú	Dựa theo "Thiết kế hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên, công suất 180m3/ngày đêm". Thiết kế hệ thống thu gom nước thải và nước mưa cho bệnh viện và tính toán 2 phương án xử lý nước thải cho bệnh viện. Khái toán kinh tế và tính toán thủy lực cho thu gom nước thải và nước mưa. Đề

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		đêm			xuất và tính toán chi tiết cho hai phương án công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp với các chỉ tiêu đầu vào. Khai toán kinh tế và so sánh ưu nhược điểm của cả hai công nghệ và lựa chọn công nghệ xử lý tối ưu.
133	Đại học chính quy	Nghiên cứu khả năng xử lý độ màu, độ đục, sắt, mangan, chất rắn lơ lửng và độ cứng trong mô hình xử lý nước rửa lọc hệ thống cấp nước nhà máy may youngs & longma, quy mô phòng thí nghiệm	Bùi Huy Thùy	ThS. Phạm Đức Tiến	Đưa ra giải pháp, mô hình xử lý nước rửa lọc quy mô phòng thí nghiệm. Chạy mô hình với 3 trường hợp để tìm ra biện pháp tối ưu nhất xử lý nước rửa lọc để áp dụng công nghệ vào thực tế là tiến hành thay đổi tốc độ quay, nồng độ pH tối ưu và liều lượng PAC tối ưu: các kết quả phân tích so với QCVN 40:2011/BTNMT và QCVN 02:2009/BYT đều đã thỏa mãn yêu cầu xả thải So sánh được hiệu quả xử lý của từng bể và hiệu quả xử lý của từng trường hợp chạy thử mô hình với các liều lượng tối ưu, pH tối ưu và tốc độ quay tối ưu Giải thích được các sự biến đổi của các chỉ tiêu qua các bể Nắm được quy trình, kỹ năng phân tích xử lý mẫu trong phòng thí nghiệm và hiểu biết thêm 1 số lĩnh vực liên quan như hệ thống điện, lắp ráp đường ống nước, sửa chữa đường ống nước
134	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống thoát nước cho thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình - Giai đoạn 2020-2030	Phùng Thị Thu Thùy	TS. Nguyễn Hồng Đăng	Với mục tiêu là quy hoạch hệ thống thoát nước cho thành phố Thái Bình giai đoạn 2020-2030. Dựa vào hiện trạng bản đồ và độ dốc địa hình đã vạch tuyến được 2 phương án thoát nước cho thành phố Thái Bình. Tính toán được 2 trạm xử lý với công suất 62000 m ³ / ngày đêm. Đưa ra được khái toán kinh tế và từ đó chọn ra được những phương án tối ưu nhất

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
135	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Hồng đoạn chảy từ cuối địa phận Hà Nội đến thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định 6 tháng đầu năm 2019	Đoàn Thu Hiền	TS. Trịnh Thị Thủy	Với mục tiêu đánh giá chất lượng nước sông Hồng đoạn chảy từ cuối địa phận thành phố Hà Nội đến thành phố Nam Định 6 tháng đầu năm 2019. Đồ án được thực hiện dựa trên việc quan trắc và phân tích 10 vị trí của đoạn sông từ cuối địa phận thành phố Hà Nội đến thành phố Nam Định, sau đó so sánh với quy chuẩn hiện hành QCVN 08-MT:2015/BTNMT để kiểm tra xem các điểm có vượt ngưỡng cho phép của QCVN và vượt bao nhiêu lần. Từ kết quả phân tích đó sẽ xác định được nước sông Hồng đang bị ô nhiễm hay có dấu hiệu ô nhiễm từ đó đề xuất ra biện pháp khắc phục và hạn chế mức độ ô nhiễm tác động tới sức khỏe con người.
136	Đại học chính quy	Xác định thành phần loài của chi nấm <i>Mycena</i> tại Vườn quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ	Trịnh Thị Huyền Trang	TS. Lê Thanh Huyền	Với mục tiêu xác định thành phần loài của chi nấm <i>Mycena</i> tại Vườn quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Đồ án đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu: thu thập tài liệu, nghiên cứu ngoài thực địa, điều tra xã hội học, lập tuyến điều tra, bảo quản và xử lý mẫu, phân tích và dịch loại, làm tiêu bản, xử lý và tổng hợp kết quả. Đã thu được 11 mẫu thuộc 9 loài trong 120 mẫu thu được, trong đó phân loại được 6 loài, còn 3 loài chưa phân loại được. Đề xuất các biện pháp bảo tồn, phát triển và khai thác nấm tại Vườn quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ.
137	Đại học chính quy	Nghiên cứu tính đa dạng hệ thực vật và nguồn tài nguyên cây thuốc của thảm thực vật rừng ở thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Hồng Nhung	PGS.TS. Nguyễn Thế Hưng	Với mục tiêu xác định được tính đa dạng hệ thực vật và nguồn tài nguyên cây thuốc của TTV rừng ở TP. Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Đồ án đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu: Điều tra theo tuyến và OTC; phân loại mẫu; tham vấn ý kiến chuyên gia,... Đã thống kê được 152 loài, 130 chi, 71 họ thuộc 6 ngành thực vật cao có mạch: Ngành Thông đất, Mộc tặc, Dương xỉ, Quyết lá thông, Mộc lan. Đã xác định được tính đa dạng và giá trị sử dụng của các loài cây thuốc thuộc 5 nhóm bệnh khác

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					nhau: nhóm chữa bệnh ngoài da, nhóm chữa bệnh ho, cảm hạ sốt; nhóm chữa bệnh xương,...; nhóm chữa bệnh phụ nữ; nhóm chữa bệnh tiêu hóa. Bước đầu đã đề xuất được một số giải pháp để góp phần bảo vệ và phát triển nguồn tài nguyên nơi đây.
138	Đại học chính quy	Thử nghiệm xử lý SO ₂ từ khí thải lò hơi của nhà máy cao su Inoue bằng phương pháp hấp phụ quy mô phòng thí nghiệm	Trần Duy Anh	1. TS. Nguyễn Thu Huyền 2. ThS. Trương Đức Cảnh	Từ các phương pháp tạo khí khác nhau, lựa chọn được một phương pháp tối ưu và phù hợp với yêu cầu và mục đích, khí sau khi điều chế đạt nồng độ 413 mg/m ³ Lắp đặt, vận hành hệ thống xử lý khí bằng phương pháp hấp phụ Thử nghiệm xử lý khí SO ₂ đạt kết quả Hiệu suất xử lý SO ₂ qua hệ giảm dần dần theo nhiệt độ. Ảnh hưởng của thời gian hấp phụ khí SO ₂ qua hệ tăng dần rồi giảm dần.
139	Đại học chính quy	Thiết kế hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho cụm công nghiệp Thanh Sơn, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam, công suất 1200 m ³ /ngày đêm	Đoàn Thị Dung	ThS. Mai Quang Tuấn	Dựa trên cơ sở tài liệu thu nhập về cụm công nghiệp Thanh Sơn, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tiến hành thiết kế hệ thống thu gom nước thải theo 2 phương án từ đó lựa chọn phương án tối ưu về mặt kỹ thuật và kinh tế. Đề xuất và tính toán chi tiết 2 phương án cho trạm xử lý nước thải có công suất 1200 m ³ /ngày sao cho nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT trước khi được xả ra sông Đáy. Khai toán chi phí cho cả 2 phương án từ đó lựa chọn phương án tối ưu về mặt kỹ thuật và kinh tế để xây dựng.
140	Đại học chính quy	Quy hoạch hệ thống thoát nước cho thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La - Giai đoạn 2020-2030	Nguyễn Bá Thị Mai	ThS. Bùi Thị Thanh Thủy	Sau khi tính toán thiết kế đề tài “Quy hoạch hệ thống thoát nước cho thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La - Giai đoạn 2020-2030” ta có kết quả sau: Về nội dung thiết kế mạng lưới thoát nước thải. Có đưa ra 2 phương án được đề xuất, sau quá trình tính toán kỹ thuật, khai toán kinh tế thì chọn phương án 1 là phương án tối ưu hơn. Có 2 phương án cho trạm xử lý được đề xuất, sau khi tính toán kỹ thuật và khai toán kinh tế thì chọn được

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					phương án 1 là phương án tối ưu hơn. - Thể hiện trên bản vẽ
141	Đại học chính quy	Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp phân tích lưu huỳnh trong mẫu chất thải rắn tại Phòng thí nghiệm Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Phạm Văn Lâm	TS. Ngô Trà Mai	- Xác định giới hạn phát hiện (LOD) và giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp phân tích. - Xác định độ chính xác của phương pháp phân tích (Độ chụm: Độ tái lập và độ lặp lại; Độ đúng: Độ thu hồi) - Ước lượng độ không đảm bảo đo của phương pháp Thu được kết quả đều thỏa mãn theo AOAC. Từ đó ta có thể khẳng định rằng: Phương pháp phân tích lưu huỳnh trong mẫu chất thải rắn tại Phòng thí nghiệm Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là đáng tin cậy và đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 (Yêu cầu chung về năng lực phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn).
142	Đại học chính quy	Xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp phân tích cacbon hữu cơ trong mẫu đất và chất thải rắn tại Phòng thí nghiệm Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Bùi Duy Thắng	TS. Ngô Trà Mai	- Xác định giới hạn phát hiện (LOD) và giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp phân tích. - Xác định độ chính xác của phương pháp phân tích (Độ chụm: Độ tái lập và độ lặp lại; Độ đúng: Độ thu hồi) - Ước lượng độ không đảm bảo đo của phương pháp Thu được kết quả đều thỏa mãn theo AOAC. Từ đó ta có thể khẳng định rằng: Phương pháp phân tích cacbon hữu cơ trong mẫu đất và chất thải rắn tại Phòng thí nghiệm Môi trường, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là đáng tin cậy và đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 (Yêu cầu chung về năng lực phòng thử nghiệm và hiệu chuẩn).
143	Đại học chính quy	Nghiên cứu ảnh hưởng của DO và thời gian lưu tới quá trình xử lý nước thải công	Nguyễn Thị Thanh Hằng	TS. Lê Ngọc Thuần	Đề án nghiên cứu cho thấy quá trình thích nghi bùn để xử lý phenol và formaldehyde ở bể SBR tốt, bùn phát triển tốt. Bùn hoạt tính sau quá trình nuôi cấy và thích nghi đã đủ điều kiện để sang bể USBF. Tại bể USBF, bùn hoạt tính hoạt động tốt, có chỉ số

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		ngành sản xuất nhựa phenolforman dehyde trong hệ USBF quy mô phòng thí nghiệm			SVI luôn trong khoảng bền lắng tốt và bền lắng rất tốt.
Khối ngành VII					
I. Ngành Quản lý đất đai					
1	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng và đề xuất loại hình sử dụng đất nông nghiệp hiệu quả trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Quang Anh	ThS. Bùi Nguyễn Thu Hà	Đề tài đã đạt được các kết quả: - Đánh giá được điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội tại địa bàn quận Nam Từ Liêm - Đánh giá được hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp tại quận. - Thống kê và mô tả được 5 loại hình sử dụng đất nông nghiệp chính - Đánh giá được hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của 5 LUT và đề xuất được LUT có ưu thế - Đưa ra được 1 số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trong giai đoạn tiếp theo
2	Đại học chính quy	Ứng dụng GIS trong xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Phạm Ngọc Linh	ThS. Bùi Thị Cẩm Ngọc	Đề tài đã đạt được các kết quả như sau: - Đánh giá được điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội của phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định - Xây dựng quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định - Xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định - Xây dựng bản đồ giá đất nhà nước tại phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định - Xây dựng bản đồ giá đất ở trên thị trường tại phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định - So sánh giá nhà nước và giá thị trường đối với đất ở tại phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định - Đánh giá ưu và nhược điểm của phần mềm ArcGIS

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
3	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Thị Thu Hải	ThS. Bùi Thị Then	Đề tài đã đạt được các kết quả sau: - Đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh từ đó rút ra những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về đất đai. - Đánh giá việc thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai và tình hình sử dụng đất của huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh - Đánh giá thực trạng kết quả cấp GCN cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh - Đánh giá thuận lợi và khó khăn trong công tác cấp GCN trên địa bàn huyện Hoành Bồ; - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác cấp GCN trên địa bàn huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh
4	Đại học chính quy	Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính phường Quỳnh Mai, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Trần Thị Hạ Thu	ThS. Lưu Thùy Dương	- Tổng quan được các vấn đề nghiên cứu; - Đánh giá được thực trạng phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn phường Quỳnh Mai. - Đánh giá được tình hình quản lý và sử dụng đất của phường. - Ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMap XM thành lập được bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính phường.
5	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Cao Minh Hải	ThS. Phạm Thị Mai	- Đánh giá được tình hình quản lý Nhà nước về đất đai theo 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai tại thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. - Đánh giá hiện trạng sử dụng đất năm 2018 và tình hình biến động đất đai trên địa bàn thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. - Đánh giá được những khó khăn, tồn tại trong công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. - Đề xuất được một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
6	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Nguyễn Hương Ly	ThS. Phạm Thị Mai	- Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. - Phân tích, đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn nghiên cứu.
7	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.	Nguyễn Phương Anh	ThS. Thái Thị Lan Anh	Đề tài đã trình bày được các nội dung: - Trình bày được cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn về công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai - Đánh giá được tình hình quản lý, sử dụng đất huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai - Đánh giá được thực trạng công tác cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai - Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn nghiên cứu.
8	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	Trần Ngọc Bảo Châu	ThS. Thái Thị Lan Anh	Đề tài đã trình bày được các nội dung: - Trình bày được cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn về công tác đấu giá quyền sử dụng đất - Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ - Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ - Đánh giá thực trạng công tác đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ - Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ
9	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	Uông Đình Công	ThS. Trần Thị Hòa	- Đánh giá về điều kiện tự nhiên – kinh tế, xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Thực trạng quản lý và sử dụng đất tại huyện Thường Tín. - Đánh giá về công tác quản lý nhà nước về đất đai và tình hình sử dụng đất trên địa bàn huyện Thường Tín. - Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng đất tại huyện Thường Tín.
10	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thuý Linh	ThS. Trần Thị Hòa	- Đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. - Tình hình quản lý và sử dụng đất của Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. - Kết quả cấp GCN trên địa bàn quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. - Đánh giá kết quả cấp GCN, từ đó đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác cấp GCN trên địa bàn Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
11	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Vũ Hồng Anh	ThS. Trần Thị Thu Hoài	Đồ án đã nghiên cứu được: - Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội - Tình hình quản lý và sử dụng đất phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội - Đánh giá được công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội - Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
12	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.	Hoàng Thị Dương	ThS. Võ Diệu Linh	Đề án đã nghiên cứu được: - Đánh giá được về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại địa bàn nghiên cứu - Đánh giá Tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn nghiên cứu - Quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Đánh giá kết quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên địa bàn thành phố Đồng Hới. - Đưa ra một số giải pháp nhằm giải quyết các tồn tại, từ đó nâng cao hiệu quả trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa bàn nghiên cứu
13	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Uyên, tỉnh Cao Bằng.	Mạc Kim Chi	ThS. Võ Diệu Linh	Đề án đã nghiên cứu được: - Đánh giá được về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại địa bàn nghiên cứu - Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn nghiên cứu - Quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Đánh giá kết quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên địa bàn thị trấn Quảng Uyên, huyện Quảng Uyên. - Đưa ra một số giải pháp nhằm giải quyết các tồn tại, từ đó nâng cao hiệu quả trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa bàn nghiên cứu
14	Đại học chính quy	Đánh giá kết quả công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.	Vũ Mai Phương	ThS. Võ Diệu Linh	Đề án đã nghiên cứu được: - Đánh giá được về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại địa bàn nghiên cứu - Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn nghiên cứu - Đánh giá kết quả việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất với 2 dự án tại quận Lê Chân, TP Hải Phòng. - Đưa ra một số giải pháp nhằm giải

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					quyết các khó khăn, từ đó nâng cao hiệu quả trong công tác GPMB.
15	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm Microstation V8I và phần mềm Vietmap XM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 từ bản đồ địa chính xã Đồng Cao, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên..	Nguyễn Ngọc Anh	ThS. Vũ Lệ Hà	- Tổng quan về Bản đồ hiện trạng sử dụng đất và các công nghệ trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Thực hiện các quy trình để thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cho xã Đồng Cao, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Kết quả đạt được là bản đồ hiện trạng sử dụng đất của xã Đồng Cao, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên được trình bày theo đúng quy phạm của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Đánh giá được ưu nhược điểm của hai phần mềm khi thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
16	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm Microstation V8I và phần mềm Vietmap XM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 từ bản đồ địa chính phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Hà Chi	ThS. Vũ Lệ Hà	- Tổng quan về Bản đồ hiện trạng sử dụng đất và các công nghệ trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Thực hiện các quy trình để thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cho phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Kết quả đạt được là bản đồ hiện trạng sử dụng đất của phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội được trình bày theo đúng quy phạm của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Đánh giá được ưu nhược điểm của hai phần mềm khi thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
17	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm Microstation V8I và phần mềm Vietmap XM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng	Trần Đức Cường	ThS. Vũ Lệ Hà	- Tổng quan về Bản đồ hiện trạng sử dụng đất và các công nghệ trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Thực hiện các quy trình để thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cho phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Kết quả đạt được

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		đất năm 2018 từ bản đồ địa chính phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.			là bản đồ hiện trạng sử dụng đất của phường Yên Phụ, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội được trình bày theo đúng quy phạm của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Đánh giá được ưu nhược điểm của hai phần mềm khi thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
18	Đại học chính quy	Ứng dụng hệ thống phần mềm VILIS xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính số phục vụ công tác quản lý đất đai tại xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.	Đỗ Đình Minh Hiếu	ThS. Vũ Lệ Hà	- Tổng quan về cơ sở dữ liệu đất đai và các công nghệ trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai - Thực hiện các quy trình để xây dựng được cơ sở dữ liệu đất đai cho xã Tam Kim, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng. - Đánh giá được ưu nhược điểm của phần mềm khi xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho địa phương đồng thời đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nói chung và cơ sở dữ liệu địa chính nói riêng.
19	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm Microstation V8I và phần mềm Vietmap XM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 từ bản đồ địa chính xã Cốc Lầu, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.	Nguyễn Đức Hoàng	ThS. Vũ Lệ Hà	- Tổng quan về Bản đồ hiện trạng sử dụng đất và các công nghệ trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Thực hiện các quy trình để thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất cho xã Cốc Lầu, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Kết quả đạt được là bản đồ hiện trạng sử dụng đất của xã Cốc Lầu, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai được trình bày theo đúng quy phạm của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Đánh giá được ưu nhược điểm của hai phần mềm khi thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
20	Đại học chính quy	Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn xã Diên Đồng, huyện	Trần Tuấn Hương	ThS. Vũ Lệ Hà	- Tổng quan về cơ sở dữ liệu đất đai và các công nghệ trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai - Thực hiện các quy trình để xây dựng được cơ sở dữ liệu đất đai cho xã Diên Đồng, huyện Diên Khánh,

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa			tỉnh Khánh Hòa. - Đánh giá được ưu nhược điểm của phần mềm khi xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho địa phương đồng thời đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nói chung và cơ sở dữ liệu địa chính nói riêng.
21	Đại học chính quy	Ứng dụng công nghệ thông tin thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Thuận Chính, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Phan Thị Hằng	ThS.Đào Đình Đức	- Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các phần mềm ứng dụng để quản lý đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn xã Thuận Chính, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMapXM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Thuận Chính, huyện Vĩnh Tường tỉnh Vĩnh Phúc từ bản đồ địa chính và đề xuất khả năng ứng dụng phần mềm trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nói chung và quản lý đất đai nói riêng trên địa bàn.
22	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn xã Kim Sơn, Thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.	Vũ Lan Nhi	TS. Nguyễn Thị Khuy	- Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất năm 2018 xã Kim Sơn, Thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. - Đánh giá thực trạng công tác cấp GCNQSDĐ; quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Kim Sơn, Thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. - Phân tích được khó khăn, thuận lợi trong công tác cấp GCNQSDĐ; quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Kim Sơn, Thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Kim Sơn,

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội..
23	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.	Nguyễn Thu Thủy	TS. Nguyễn Thị Khuy	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ; - Đánh giá tình hình thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại 1 số dự án nghiên cứu; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ
24	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Ngô Minh Phương	TS. Phạm Anh Tuấn	Nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, các căn cứ pháp lý liên quan đến công tác thu hồi đất qua các thời kỳ, và quy định của pháp luật hiện hành. - Nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. - Nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng công tác thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Việc đánh giá chỉ tập trung ở một số dự án điểm, phân tích đánh giá quy mô, quy trình thực hiện việc thu hồi đất, sự ảnh hưởng của công tác thu hồi đất đối với người có đất bị thu hồi, việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người có đất bị thu hồi.... Qua đó đưa ra các mặt đã đạt được, cũng như các mặt còn tồn tại hạn chế trong các quy định về trình tự thủ tục, cơ chế chính sách.... liên quan đến công tác thu hồi đất trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. - Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thu hồi đất trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
25	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tại xã Tân Hưng, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.	Đỗ Thị Phương	TS. Trần Xuân Biên	- Tổng quan được các vấn đề nghiên cứu; - Đánh giá được thực trạng phát triển kinh tế, xã hội của khu vực nghiên cứu. - Đánh giá được tình hình sử dụng và biến động đất đai giai đoạn 2015 – 2018; - Tổng hợp được hệ thống cây trồng chủ yếu tại khu vực nghiên cứu. - Xác định được các loại hình sử dụng đất và mô tả khái quát từng loại hình sử dụng đất có minh chứng bằng hình ảnh. - Điều tra, phỏng vấn các hộ gia đình đại diện cho các loại hình sử dụng thông qua hệ thống mẫu phiếu điều tra. - Đánh giá được hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của từng loại hình sử dụng đất qua tiêu chí đánh giá TCVN 8409: 2011 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Đề xuất được các loại hình sử dụng đất có triển vọng trong tương lai và đưa ra được các giải pháp để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.
26	Đại học chính quy	Ứng dụng GIS để xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất phục vụ thị trường bất động sản tại thị trấn Cẩm Giàng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.	Trịnh Huyền Trang	TS. Trần Xuân Biên	- Tổng quan được các vấn đề nghiên cứu. - Đánh giá được thực trạng phát triển kinh tế, xã hội của khu vực nghiên cứu. - Đánh giá thực trạng tư liệu bản đồ địa chính và công tác định giá đất hàng năm tại thị trấn Cẩm Giàng. - Thành lập cơ sở dữ liệu bản đồ giá đất tại thị trấn Cẩm Giàng (giá đất theo quy định của UBND tỉnh Hải Dương năm 2019). - Kết quả xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ nền phục vụ định giá tại thị trấn Cẩm Giàng. - Đưa ra được các kết quả cụ thể về xây dựng CSDL giá đất.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
27	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Lại Minh Quang	ThS. Bùi Thị Then	Đề tài đã đạt được các kết quả sau: - Đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh từ đó rút ra những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về đất đai. - Đánh giá việc thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai và tình hình sử dụng đất của thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh - Đánh giá thực trạng kết quả cấp GCN cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh - Đánh giá thuận lợi và khó khăn trong công tác cấp GCN trên địa bàn thành phố Cẩm Phả; - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác cấp GCN trên địa bàn thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
28	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Đào Như Ngọc	ThS. Bùi Thị Then	- Đề tài đã đạt được các kết quả cơ bản sau: - Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc từ đó rút ra những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến công tác quản lý Nhà nước về đất đai. - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất của huyện Yên Lạc. - Đánh giá được kết quả công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện chia theo nhóm các nội dung mang tính kỹ thuật; nhóm các nội dung mang tính kinh tế và các nội dung mang tính chính sách - Đánh giá thuận lợi và khó khăn trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc; - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Yên Lạc.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
29	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Nguyễn Bá Vũ	ThS. Bùi Thị Then	Đề tài đã đạt được những kết quả cơ bản sau: - Đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh từ đó rút ra những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến công tác quản lý và sử dụng đất; - Đánh giá việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng đất của thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. - Đánh giá thực trạng công tác cấp GCN cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh - Đánh giá thuận lợi và khó khăn trong công tác cấp GCN trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác cấp GCN cho địa phương
30	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm MicroStation V8i và Vietmap XM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Bùi Thị Minh Anh	ThS. Đỗ Như Hiệp	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các phần mềm ứng dụng để quản lý đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMapXM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng và đề xuất khả năng ứng dụng phần mềm trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nói chung và quản lý đất đai nói riêng trên địa bàn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
31	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm microstation v8i và Vietmap XM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính phường Cộng Hoà, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	Bùi Xuân Hòa	ThS. Đỗ Như Hiệp	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các phần mềm ứng dụng để quản lý đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn phường Cộng Hoà, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMapXM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Cộng Hoà, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh và đề xuất khả năng ứng dụng phần mềm trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nói chung và quản lý đất đai nói riêng trên địa bàn.
32	Đại học chính quy	Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính phường Trang Hạ, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Nguyễn Hà Anh	ThS. Lưu Thùy Dương	- Tổng quan được các vấn đề nghiên cứu liên quan đến đề tài; - Đánh giá được thực trạng phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn phường Trang Hạ; - Đánh giá được tình hình quản lý và sử dụng đất của phường; - Ứng dụng phần mềm MicroStation SE và Famis thành lập được bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính phường
33	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu	Bùi Thị Thanh Huệ	ThS. Nguyễn Ngọc Hồng	- Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. - Đánh giá được tình hình quản lý, sử dụng đất trên địa bàn nghiên cứu. - Đánh giá được thực trạng công tác cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu Bình hết ngày 31/12/2018. - Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn nghiên cứu.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
34	Đại học chính quy	Dự báo nhu cầu sử dụng đất phục vụ quy hoạch sử dụng đất xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Khả Hưng	ThS. Nguyễn Thành Tôn	Đánh giá điều kiện tự nhiên, KT - XH của xã ảnh hưởng tới quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất xã Hữu Bằng - Tìm ra những thuận lợi, khó khăn của xã trong công tác thực hiện quy hoạch sử dụng đất, rút ra bài học kinh nghiệm trong việc sử dụng đất trong giai đoạn quy hoạch. - Dự báo nhu cầu sử dụng đất cho xã Hữu Bằng đến năm 2030. - Qua việc tìm hiểu thực tế tại địa phương trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết nhằm tổ chức sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả hơn
35	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	Nguyễn Hoàng Trường	ThS. Nguyễn Thành Tôn	Giới thiệu và đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa bàn phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. - Đánh giá được tình hình quản lý, hiện trạng sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn nghiên cứu. - Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng đất phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
36	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS. Nguyễn Thị Nga	Đề tài đã đạt được những kết quả : - Khái quát được những nội dung tổng quan có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên đất đai. - Khái quát và đánh giá được đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội, tình hình quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn - Phân tích và đánh giá được hiện trạng sử dụng đất năm 2017 của khu vực - Đánh giá được quá trình biến động đất đai trong giai đoạn 2014 – 2017 trên địa bàn thành phố đối với những loại đất cụ thể. - Đề xuất định hướng sử dụng đất đến năm 2020 theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của thành phố và của tỉnh. - Đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý và sử dụng đất trong tương

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					lai.
37	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Hồng	ThS. Nguyễn Thị Nga	Đề tài đã đạt được những kết quả : - Khái quát được những nội dung tổng quan có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên đất đai. - Khái quát và đánh giá được đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội, tình hình quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện - Phân tích và đánh giá được hiện trạng sử dụng đất năm 2018, biến động đất đai trong giai đoạn 2014 – 2018 của huyện Đan Phượng. - Đề xuất định hướng sử dụng đất đến năm 2020 theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện. - Đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý và sử dụng đất của địa phương
38	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Nguyễn Thị Bích Phượng	ThS. Nguyễn Thị Nga	Đề tài đã đạt được những kết quả: - Khái quát được những nội dung tổng quan có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên đất đai. - Khái quát và đánh giá được đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội, tình hình quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện - Phân tích và đánh giá được hiện trạng sử dụng đất năm 2018, biến động đất đai trong giai đoạn 2014 – 2018 của huyện Sông Mã. - Đề xuất định hướng sử dụng đất đến năm 2020 theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện và của tỉnh. - Đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý và sử dụng đất của địa phương
39	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội	Nguyễn Anh Tú	ThS. Nguyễn Thị Nga	Đề tài đã đạt được những kết quả: - Khái quát được những nội dung tổng quan có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên đất đai. - Khái quát và đánh giá được những đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội,

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					tình hình quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện - Phân tích và đánh giá được hiện trạng sử dụng đất đến hết năm 2018, biến động đất đai trong giai đoạn 2014 – 2018 của huyện Thanh Trì. - Đề xuất định hướng sử dụng đất đến năm 2020 theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện và của toàn thành phố Hà Nội. - Đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý và sử dụng đất của địa phương
40	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Nguyễn Thị Yên	ThS. Nguyễn Thị Nga	Đề tài đã đạt được những kết quả:: - Khái quát được những nội dung tổng quan có liên quan đến giấy chứng nhận và công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Khái quát và đánh giá được những đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội, tình hình quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố Phủ Lý. - Phân tích và đánh giá được hiện trạng sử dụng đất năm 2017, biến động đất đai trong giai đoạn 2014 – 2017 của thành phố Phủ Lý. - Đánh giá được kết quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố. - Đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa phương

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
41	Đại học chính quy	Đánh giá kết quả thực hiện công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên địa bàn thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Chu Quốc Công	ThS. Võ Ngọc Hải	Đề tài đã đạt được kết quả nghiên cứu : - Đánh giá được điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu - Đánh giá được công tác quản lý nhà nước về đất đai tại TP Yên Bái - Đánh giá được tình hình biến động sử dụng đất giai đoạn 2015 - 2018 - Đánh giá được kết quả thực hiện các công trình quy hoạch sử dụng đất - Đề xuất một số giải pháp nâng cao việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất
42	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm VILIS xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phạm Thị Minh Hằng	ThS. Vũ Lệ Hà	- Tổng quan về cơ sở dữ liệu đất đai và các công nghệ trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai - Thực hiện các quy trình để xây dựng được cơ sở dữ liệu đất đai cho phường Quảng Tiến, thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. - Đánh giá được ưu nhược điểm của phần mềm khi xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho địa phương đồng thời đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nói chung và cơ sở dữ liệu địa chính nói riêng.
43	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Đặng Thị Hương	ThS. Vũ Lệ Hà	- Tổng quan đăng ký đất đai, cấp GCN - Đánh giá được thực trạng cấp GCN trên địa bàn phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, tìm ra nhưng nguyên nhân gây tồn đọng trong công tác cấp GCN và đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác cấp GCN.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
44	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm Microstation và VietMap thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng	Phạm Lê Lợi	TS. Dương Đăng Khôi	Đồ án đã áp dụng quy trình kỹ thuật thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính trong phần mềm Microstation và Vietmap để thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng; cung cấp số liệu hiện trạng sử dụng đất cập nhật cho địa phương; là một trong những dữ liệu quan trọng để kiểm soát sử dụng đất, thống kê đất đai, quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn.
45	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm Microstation và VietMap thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La	Nguyễn Thị Hạnh Nguyên	TS. Dương Đăng Khôi	Đồ án đã áp dụng quy trình kỹ thuật thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính trong phần mềm Microstation và Vietmap để thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; cung cấp số liệu hiện trạng sử dụng đất cập nhật cho địa phương; là một trong những dữ liệu quan trọng để kiểm soát sử dụng đất, thống kê đất đai, quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn.
46	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Ngô Thị Thanh Huyền	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	- Đánh giá việc thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh (tập trung vào một số nội dung như quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận, thanh tra, kiểm tra đất đai...) - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn nghiên cứu.
47	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh	Hoàng Thị Ngọc	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	- Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh - Phân tích, đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		tỉnh Hà Tĩnh			quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn nghiên cứu.
48	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Trần Thị Như Quỳnh	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	- Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định - Phân tích, đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn nghiên cứu.
49	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.	Vũ Thị Trang	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	- Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An - Đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn nghiên cứu.
50	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.	Trương Thị Vinh	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	- Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định - Phân tích, đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn nghiên cứu.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
51	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.	Phạm Thị Trung Anh	TS. Nguyễn Thị Khuy	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; - Đánh giá tình hình biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
52	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.	Bùi Thị Ngọc Anh	TS. Nguyễn Thị Khuy	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. - Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai tại phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. - Đánh giá tình hình sử dụng đất và biến động đất đai tại phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất tại phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
53	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Thị Ngọc	TS. Nguyễn Thị Khuy	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai tại xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình sử dụng đất và biến động đất đai tại xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội; - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất tại xã Đông Mỹ, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
54	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.	Trương Văn Tân	TS. Nguyễn Thị Khuy	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội
55	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất đai tại xã Hòa Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Nguyễn Thị Nguyên An	TS. Phạm Anh Tuấn	-Nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của công tác quản lý nhà nước về đất đai, thực tiễn công tác quản lý đất đai trên thế giới, Việt Nam, và huyện Kiến Xương và tỉnh Thái Bình. -Nghiên cứu phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội xã Hòa Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình -Nghiên cứu và đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai (theo 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai theo quy định của Luật đất đai 2013, tập trung chủ yếu vào các nội dung chính như: Việc ban hành và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, việc đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, việc quản lý và thực hiện quy hoạch kế hoạch sử dụng đất....) tại xã Hòa Bình, huyện Kiến Xương. - Nghiên cứu, phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng, cơ cấu sử dụng đất và biến động đất đai xã Hòa Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình qua các giai đoạn, từ đó đánh giá và đưa ra được xu hướng sử dụng đất của địa bàn nghiên cứu. - Đề xuất các giải pháp nâng cao công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn xã Hòa Bình, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình góp phần ổn

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					định tình hình quản lý và sử dụng đất, phát huy tiềm năng lợi thế từ đất để phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu.
56	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.	Nguyễn Vũ Thùy Dương	TS. Phạm Anh Tuấn	-Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, cơ sở lý luận và thực tiễn công tác đăng ký đất đai, cấp GCN, thực tiễn cấp GCN tại tỉnh Quảng Ninh. - Nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, tình hình quản lý và biến động đất đai trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. - Nghiên cứu, phân tích và đánh giá tình hình cấp GCN cho các đối tượng sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Tập trung phân tích đánh giá kết quả cấp giấy chứng nhận lần đầu (diện tích, số hồ sơ được cấp, tỷ lệ đối với đất ở và đất nông nghiệp) và kết quả cấp giấy chứng nhận trong trường hợp biến động đất đai. Đánh giá quy trình thực hiện, thời gian thực hiện thủ tục, tỷ lệ được cấp giấy chứng nhận, các mặt đã đạt được cũng như các tồn tại hạn chế liên quan đến công tác này tại TP Hạ Long. Đánh giá thực trạng, tình hình lập và quản lý hồ sơ địa chính trên địa bàn nghiên cứu. - Đề xuất các giải pháp để đẩy nhanh/nâng cao hiệu quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, lập và quản lý hồ sơ địa chính trên địa bàn TP Hạ Long tỉnh Quảng Ninh.
57	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Bùi Thị Thu Thảo	TS. Phạm Anh Tuấn	-Nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của công tác quản lý nhà nước về đất đai, thực tiễn công tác quản lý đất đai trên thế giới, tại Việt Nam, và tỉnh Yên Bái. -Nghiên cứu phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. -Nghiên cứu và đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai theo 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Luật đất đai 2013 (tập trung vào các nội dung chính như: công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, công tác thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất...). - Phân tích hiện trạng sử dụng theo đối tượng quản lý sử dụng và theo mục đích sử dụng, cơ cấu sử dụng đất và biến động đất đai qua các giai đoạn, từ đó định hướng được xu hướng sử dụng đất trong các năm tiếp theo của thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái. - Đề xuất các giải pháp nâng cao công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.
58	Đại học chính quy	Nghiên cứu khả năng ứng dụng phần mềm gCadas trong xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, thực nghiệm tại xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.	Trần Thu Phương	ThS. Đào Mạnh Hồng	Đề tài đã đạt được kết quả: - Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tại xã Đào Xá – huyện Thanh Thủy - Đánh giá tình hình quản lý sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn xã Đào Xá - Đánh giá thực trạng số liệu, tài liệu và cơ sở dữ liệu địa chính hiện có tại xã Đào Xá - Nghiên cứu khả năng ứng dụng phần mềm gCadas trong xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính - Thực nghiệm xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính tại xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ - Đánh giá kết quả đạt được và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện cơ sở dữ liệu địa chính.
59	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm Microstation v8i, Vietmap thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 từ bản đồ địa chính xã Gia	Đặng Văn Dũng	ThS. Đặng Thu Hằng	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các phần mềm ứng dụng để quản lý đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Khánh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.			nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương. - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMapXM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Gia Khánh, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương và đề xuất khả năng ứng dụng phần mềm trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nói chung và quản lý đất đai nói riêng trên địa bàn. "
60	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm Microstation v8i, Vietmap thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 từ bản đồ địa chính xã Quỳnh Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.	Hoàng Thị Ánh Hồng	ThS. Đặng Thu Hằng	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các phần mềm ứng dụng để quản lý đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn xã Quỳnh Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMapXM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Quỳnh Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình và đề xuất khả năng ứng dụng phần mềm trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nói chung và quản lý đất đai nói riêng trên địa bàn.
61	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm Microstation v8i, Vietmap thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 từ bản đồ địa chính xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh	Phạm Duy Nam	ThS. Đặng Thu Hằng	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các phần mềm ứng dụng để quản lý đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương,

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Thái Bình.			tỉnh Thái Bình. - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMapXM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Thượng Hiền, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình và đề xuất khả năng ứng dụng phần mềm trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nói chung và quản lý đất đai nói riêng trên địa bàn.
62	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An.	Nguyễn Thị Mỹ Linh	ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	Đề tài đã đạt được các kết quả: - Đánh giá được điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội tại địa bàn huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An - Đánh giá được hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Nghĩa Đàn - Xác định các loại hình sử dụng đất nông nghiệp chính trên địa bàn huyện - Đánh giá được hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn - Đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trong giai đoạn tiếp theo
63	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ	Nguyễn Thị Kiều Trang	ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	Đề tài đã đạt được kết quả: - Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Thanh Thủy - Tình hình quản lý, sử dụng đất trên địa bàn huyện. - Đánh giá được kết quả cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn huyện Thanh Thủy - Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
64	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm VILIS 2.0 xây dựng cơ sở dữ liệu Địa chính trên địa bàn phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Trần Thị Hương	ThS. Phạm Thị Mai	- Đánh giá được điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của địa bàn phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. - Đánh giá được tình hình quản lý nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn nghiên cứu; - Xây dựng được cơ sở dữ liệu địa chính trên địa bàn phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. (Đề tài xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính thực nghiệm trên mảnh bản đồ số 32).

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					- Đưa ra một số nhận xét về sử dụng phần mềm VILIS 2.0 xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính.
65	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An	Hoàng Thị Lan	ThS. Thái Thị Lan Anh	Đề tài đã trình bày được các nội dung: - Trình bày được cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn về công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An - Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất đai tại huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An - Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An - Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác cấp giấy chứng nhận tại huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An.
66	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn phường Cao Phong, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Đào Diệu Thúy	ThS. Trần Thị Hòa	- Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. - Tình hình quản lý, sử dụng đất trên địa bàn phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. - Thực trạng công tác cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh hết ngày 31/12/2018. - Đánh giá công tác cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đến hết ngày 31/12/2018. - Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
67	Đại học chính quy	Đánh giá kết quả của công tác dồn điền đổi thửa trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Thị Thu Hương	ThS. Trần Thị Oanh	Đồ án đã trình bày được các nội dung nghiên cứu: - Trình bày được cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn về dồn điền đổi thửa - Đánh giá được điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội huyện Thường Tín - Tình hình quản lý và sử dụng đất huyện Thường Tín - Đánh giá được kết quả công tác dồn điền đổi thửa trên địa bàn huyện Thường Tín: + Đánh giá kết quả dồn điền đổi thửa trên địa bàn nghiên cứu + Đánh giá tác động của dồn điền đổi thửa đến sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Thường Tín - Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng hiệu quả sử dụng đất sau dồn điền đổi thửa tại địa phương
68	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội	Nguyễn Duy Bình	ThS. Trần Thị Oanh	Đồ án đã nghiên cứu được: - Trình bày được cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn về quản lý và sử dụng đất - Đánh giá được điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội huyện Thanh Oai - Đánh giá được tình hình quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Thanh Oai: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Thống kê, kiểm kê đất đai tại địa bàn nghiên cứu - Đánh giá tình hình sử dụng đất trên địa bàn huyện Thanh Oai - Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai và sử dụng đất tại địa phương
69	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình đăng ký biến động đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện	Nguyễn Thảo Nhi	ThS. Trần Thị Oanh	Đồ án đã đạt được các nội dung: - Trình bày được cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn về đăng ký biến động đất đai - Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của huyện Thường Tín - Tình hình quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Thường Tín

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Thường Tín, thành phố Hà Nội			- Đánh giá tình hình đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện: chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Thường Tín - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện
70	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	Mai Thanh Bình	ThS. Trần Thị Thu Hoài	Đồ án đã nghiên cứu được: - Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội huyện Hạ Hòa - Tình hình quản lý và sử dụng đất huyện Hạ Hòa - Đánh giá được công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hạ Hòa - Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hạ Hòa
71	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Thái Thị Hồng Vân	ThS. Võ Ngọc Hải	Đề tài đã đạt được các kết quả: - Đánh giá được điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội tại địa bàn nghiên cứu - Đánh giá được hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp tại xã - Thống kê và mô tả được các loại hình sử dụng đất nông nghiệp chính - Đánh giá được hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của LUT và đề xuất được LUT có ưu thế - Đưa ra được 1 số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trong giai đoạn tiếp theo - Xây dựng được bản đồ hiện các loại hình sử dụng đất chính tại huyện Bình Lục Tỉnh Hà Nam
72	Đại học chính quy	Đánh giá việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước	Nguyễn Yên Nhi	ThS. Vũ Hải Hà	Đồ án đánh giá việc thực hiện chính sách BT, HT và TĐC khi nhà nước thu hồi đất của dự án xây dựng khu dân cư, tái định cư khu phố Thân Thiện và dự án xây dựng khu dân cư

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa.			tái định cư Cường Thịnh khu 3 trên địa bàn TP Sầm Sơn; tìm ra những nguyên nhân hạn chế, từ đó đề xuất nội dung giải pháp cả về chính sách BT, HT, TĐC cả về quá trình tổ chức thực hiện nhằm thực hiện tốt hơn công tác BT, HT và TĐC, đẩy nhanh tiến độ GPMB khi Nhà nước thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng và phát triển nền kinh tế trên địa bàn TP Sầm Sơn.
73	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Bùi Hồng Nhung	TS. Lê Thị Kim Dung	- Trình bày cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của công tác đăng ký đất đai, cấp GCN Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất. - Xác định được đối tượng, phạm vi, phương pháp và nội dung nghiên cứu. - Khái quát tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; - Đánh giá thực trạng công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; - Đề xuất giải pháp đẩy nhanh công tác cấp GCN trên địa bàn nghiên cứu.
74	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.	Nguyễn Thị Giang	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	- Đánh giá được tình hình quản lý và hiện trạng sử dụng đất năm 2018 trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; - Phân tích được những thuận lợi, khó khăn trong công tác quản lý và sử dụng đất tại huyện Quỳnh Lưu; - Đề xuất được một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An;

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
75	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	- Đánh giá được tình hình quản lý Nhà nước về đất đai theo 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất năm 2018 trên địa bàn huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An; - Phân tích những thuận lợi, khó khăn trong công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Yên Thành; - Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.
76	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên.	Phạm Chí Công	TS. Nguyễn Thị Khuy	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên; - Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên-
77	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.	Đỗ Thị Hương	TS. Nguyễn Thị Khuy	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; - Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai tại xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. - Đánh giá tình hình sử dụng đất và biến động đất đai tại xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất tại xã An Khê, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
78	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất đai tại phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Trịnh Bá Khương	TS. Phạm Anh Tuấn	-Nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của công tác quản lý nhà nước về đất đai, thực tiễn công tác quản lý đất đai trên thế giới, tại Việt Nam, và TP Hà Nội. -Nghiên cứu phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. -Nghiên cứu và đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai theo 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai Luật đất đai 2013 (tập trung vào các nội dung chính như: công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, công tác thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất...) đánh giá việc thực hiện và quản lý các công tác trên, đưa ra các mặt đạt được, cũng như tồn tại hạn chế. - Phân tích hiện trạng sử dụng theo đối tượng quản lý sử dụng và theo mục đích sử dụng, cơ cấu sử dụng đất và biến động đất đai qua các giai đoạn, từ đó định hướng được xu hướng sử dụng đất trong các năm tiếp theo của phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. - Đề xuất các giải pháp nâng cao công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
79	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.	Trần Thị Thu Thủy	TS. Phạm Anh Tuấn	-Nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của công tác quản lý nhà nước về đất đai, thực tiễn công tác quản lý đất đai trên thế giới, tại Việt Nam, và tỉnh Hà Tĩnh. -Nghiên cứu phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. -Nghiên cứu và đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai (theo một số nội dung chính của nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định của Luật đất đai 2013 như: Công tác ban hành và thực hiện các văn bản quy

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					phạm pháp luật, công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, công tác kiểm kê, thống kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất...) trên địa bàn huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Qua thực trạng sẽ đánh giá việc thực hiện các công tác này có được địa phương thực hiện đúng theo quy định hiện hành không, đưa ra các mặt đã đạt được, cũng như các điểm tồn tại hạn chế bất cập. - Đề xuất các giải pháp nâng cao công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh.
80	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Thu Thảo	TS. Trần Xuân Biên	- Tổng hợp được các cơ sở pháp lý liên quan tới nội dung nghiên cứu. - Khái quát được những nội dung chính tình hình quản lý và sử dụng đất đai ở một số nước trên Thế giới và ở Việt Nam. - Đánh giá được thực trạng phát triển kinh tế, xã hội của vùng nghiên cứu. - Đánh giá được kết quả quản lý Nhà nước về đất đai trong những năm qua theo 15 nội dung quản lý Nhà nước về đai trên địa bàn phường. - Đánh giá được tình hình biến động và sử dụng đất đai giai đoạn 2015 – 2018 thông qua hệ thống bảng biểu, biểu đồ so sánh giữa các năm. - Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn phường.
81	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo,	Vũ Thị Quỳnh	ThS. Bùi Thị Then	Đề tài đã đạt được những kết quả cơ bản sau: - Đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ đó rút ra những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến công tác quản lý và sử dụng đất; - Đánh giá việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng đất của huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. - Đánh giá thực trạng công tác cấp

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		thành phố Hải Phòng			GCN cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. - Đánh giá thuận lợi và khó khăn trong công tác cấp GCN trên địa bàn huyện Vĩnh Bảo; - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác cấp GCN cho địa phương
82	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Phạm Ngọc Tiến	ThS. Bùi Thị Then	Đề tài đã đạt được những kết quả cơ bản sau: - Đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình từ đó rút ra những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến công tác quản lý và sử dụng đất; - Đánh giá việc thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng đất của huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. - Đánh giá thực trạng công tác cấp GCN cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình - Đánh giá thuận lợi và khó khăn trong công tác cấp GCN trên địa bàn huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình; - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác cấp GCN cho địa phương
83	Đại học chính quy	Nghiên cứu ứng dụng phần mềm gCadas trong thống kê - kiểm kê đất đai, thực nghiệm tại thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ	Trần Quốc Toàn	ThS. Đào Mạnh Hồng	Đề tài đã đạt được kết quả: - Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ; - Tình hình quản lý và sử dụng đất tại thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ; - Nghiên cứu khả năng ứng dụng phần mềm gCadas, Microstation V8i trong công tác thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; - Ứng dụng phần mềm gCadas, Microstation V8i chỉnh lý, biên tập và chuẩn hóa bản đồ địa chính; - Thực nghiệm phần mềm gCadas, Microstation V8i trong thống kê đất

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					đai, thành lập bản đồ hiện trạng năm 2018 tại thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ; - Đánh giá kết quả đạt được và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện việc ứng dụng phần mềm gCadas, Microstation V8i trong thống kê và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
84	Đại học chính quy	Tìm hiểu giá đất ở và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở trên địa bàn thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Nguyễn Thu Hoa	ThS. Hoàng Phương Anh	- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; - Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; - Tìm hiểu giá đất ở tại thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; - Xác định một số yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở tại thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; - Đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện công tác quản lý Nhà nước về giá đất ở tại địa bàn thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
85	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	Đậu Quỳnh Hương	ThS. Nguyễn Thị Hằng	Đề tài đã đạt được các kết quả như sau: - Đánh giá được điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội của phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh ; - Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý đất đai và sử dụng đất trên địa bàn phường Cẩm Thạch, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
86	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn xã Quang Thiện, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.	Vũ Thị Mai	ThS. Nguyễn Thị Hằng	Đề tài đã đạt được các kết quả như sau: - Đánh giá được điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội của xã Quang Thiện, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; - Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn xã Quang Thiện, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý đất đai và sử dụng đất trên địa bàn xã Quang Thiện, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.
87	Đại học chính quy	Chuẩn hoá bản đồ địa chính phục vụ xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất tại thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.	Dương Ngọc Tiến	ThS. Nguyễn Thị Hằng	Đề tài đã đạt được những kết quả như sau: - Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các phần mềm ứng dụng để quản lý đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, huyện Phú Thọ - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i và gCadas thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy, huyện Phú Thọ và đề xuất khả năng ứng dụng phần mềm trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nói chung và quản lý đất đai nói riêng trên địa bàn.
88	Đại học chính quy	Xây dựng bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000 một khu vực thuộc quận Đống Đa, thành phố Hà Nội bằng ảnh hàng không công nghệ LiDAR	Vũ Huy Trường	ThS. Nguyễn Trọng Trường Sơn	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình thành lập bản đồ địa hình, ứng dụng công nghệ LiDAR, thành lập bản đồ địa hình. Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu. Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn . Nghiên cứu ứng dụng phần mềm

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Microstation V8i thành lập bản đồ địa hình tỉ lệ 1/2000 và phần mềm Arcgis thành lập mô hình số hóa độ cao từ ảnh máy bay không người lái ảnh chụp theo công nghệ LIDAR, đề xuất khả năng ứng dụng ảnh bay chụp trong thành lập bản đồ nói chung để xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và quản lý đất đai nói riêng trên địa bàn.
89	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Tào Quang Huy	ThS. Phạm Khắc Nam	- Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, cơ sở lý luận và thực tiễn công tác đăng ký đất đai, cấp GCN, thực tiễn cấp GCN tại Việt Nam và tỉnh Thanh Hóa. - Nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, tình hình quản lý, hiện trạng và biến động đất đai trên địa bàn huyện Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa. - Nghiên cứu, phân tích và đánh giá tình hình cấp GCN cho các đối tượng sử dụng đất trên địa bàn huyện Thọ Xuân tỉnh Thanh Hóa và đề xuất các giải pháp đẩy nhanh và nâng cao công tác cấp GCN trên địa bàn Nghiên cứu.
90	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.	Hà Hải Anh	ThS. Phạm Thị Mai	- Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. - Phân tích, đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. - Phân tích, đánh giá được hiện trạng sử dụng đất và tình hình biến động đất đai của phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn nghiên cứu.
91	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở	Vũ Thị Thùy Dung	ThS. Tạ Thị Thu	- Đồ án đã trình bày được cơ sở khoa học, căn cứ pháp lý về cấp GCN; - Giới thiệu và nhận xét, đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội;

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội			- Tìm hiểu về tình hình quản lý, sử dụng đất của huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; - Trình bày và đánh giá được kết quả cấp GCN huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. - Phân tích được thuận lợi và khó khăn trong công tác cấp GCN và đưa ra những nguyên nhân chính tác động đến công tác này tại huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; - Đề xuất một số giải pháp có tính thực tiễn cao, giải quyết được những khó khăn trong công tác cấp GCN tại huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.
92	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	Nguyễn Trường Giang	ThS. Tạ Thị Thu	- Đồ án đã trình bày được cơ sở khoa học, căn cứ pháp lý về cấp GCN; - Giới thiệu và nhận xét, đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; - Tìm hiểu về tình hình quản lý, sử dụng đất của huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; - Trình bày và đánh giá được kết quả cấp GCN trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. - Phân tích được thuận lợi và khó khăn trong công tác cấp GCN và đưa ra những nguyên nhân chính tác động đến công tác này tại địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; - Đề xuất một số giải pháp có tính thực tiễn cao, giải quyết được những khó khăn trong công tác cấp GCN tại huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
93	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình đăng kí biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	Phùng Thị Hằng	ThS. Thái Thị Lan Anh	Đề tài đã trình bày được các nội dung: - Trình bày được cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn về công tác đăng ký biến động đất đai - Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội - Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội - Đánh giá tình hình đăng kí biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội - Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác đăng kí biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
94	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại xã Phú Châu, Huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	Võ Phương Khánh	ThS. Trần Minh Tiến	- Đánh giá các điều kiện cơ bản của xã Phú Châu, huyện Ba Vì - Đánh giá được tình hình quản lý đất đai trên địa bàn xã Phú Châu - Đánh giá được hiện trạng sử dụng đất năm 2018 và tình hình biến động đất đai giai đoạn 2015 – 2018 trên địa bàn xã Phú Châu; - Đánh giá được những mặt đạt được và hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng đất trên địa bàn nghiên cứu.
95	Đại học chính quy	Đánh giá kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Nguyễn Thị Liên	ThS. Trần Minh Tiến	- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Thanh Hóa - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất trên địa bàn thành phố Thanh Hóa - Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Thanh Hóa - Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cấp GCN trên địa bàn thành phố Thanh Hóa

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
96	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Lê Huyền Trang	ThS. Trần Thị Oanh	Đồ án đã trình bày được các nội dung: - Trình bày được cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn về quản lý và sử dụng đất - Đánh giá được điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội huyện Thanh Liêm - Đánh giá được tình hình quản lý nhà nước về đất đai huyện Thanh Liêm: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Thống kê, kiểm kê đất đai; Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai tại địa bàn nghiên cứu - Đánh giá được tình hình sử dụng đất trên địa bàn huyện Thanh Liêm - Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai và sử dụng đất tại địa phương
97	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.	Đỗ Bảo Trung	ThS. Trần Thị Oanh	Đồ án đã nghiên cứu được các nội dung: - Trình bày được cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn về quản lý và sử dụng đất - Đánh giá được điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội huyện Bình Giang - Đánh giá được tình hình quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Bình Giang: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Thống kê, kiểm kê đất đai. - Đánh giá được tình hình sử dụng đất tại địa phương - Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai và sử dụng đất tại địa phương

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
98	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.	Vũ Văn Tâm	ThS. Trần Thị Thu Hoài	Đồ án đã nghiên cứu được: - Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội - Tình hình quản lý và sử dụng đất xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội - Đánh giá được công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội - Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn xã Tuy Lai, huyện Mỹ Đức, tp Hà Nội
99	Đại học chính quy	Đánh giá kết quả thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.	Trần Minh Dương	ThS. Võ Diệu Linh	Đồ án đã nghiên cứu được: - Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội - Tình hình quản lý, sử dụng đất huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội - Tình hình thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 - Đề xuất giải pháp tăng cường việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất từ đó nâng cao hiệu quả trong công tác thực hiện QH, KHSDĐ.
100	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Đinh Thị Điệp	ThS. Võ Diệu Linh	Đồ án đã nghiên cứu được: - Đánh giá được về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại địa bàn nghiên cứu - Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn nghiên cứu - Quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Đánh giá kết quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên địa bàn nghiên cứu - Đưa ra một số giải pháp nhằm giải quyết các tồn tại, từ đó nâng cao hiệu quả trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa bàn nghiên cứu

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
101	Đại học chính quy	Đánh giá công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 18A Ưông Bí - Bắc Ninh đoạn qua thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Thị Thanh Hằng	ThS. Võ Diệu Linh	Đồ án đã nghiên cứu được: - Đánh giá được về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại địa bàn nghiên cứu - Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn nghiên cứu - Đánh giá kết quả việc thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất tại dự án cải tạo, nâng cấp quốc lộ 18A Ưông Bí - Bắc Ninh đoạn qua thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. - Đưa ra một số giải pháp nhằm giải quyết các khó khăn, từ đó nâng cao hiệu quả trong công tác GPMB.
102	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	Nguyễn Mạnh Hưng	ThS. Võ Diệu Linh	- Đánh giá được về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại địa bàn nghiên cứu - Đánh giá Tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn nghiên cứu - Quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Đánh giá kết quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên địa bàn huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. - Đưa ra một số giải pháp nhằm giải quyết các tồn tại, từ đó nâng cao hiệu quả trong công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại địa bàn nghiên cứu
103	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.	Nguyễn Hoàng Bảo	ThS. Vũ Hải Hà	- Đánh giá việc thực hiện công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái. - Đánh giá thực trạng cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Lục Yên. - Đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại và phát huy những mặt tích cực để nhằm hoàn thiện hơn nữa trong công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Bái.
104	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	Đỗ Bình Giang	ThS. Vũ Thị Thu Hiền	- Đồ án đã có nghiên cứu tổng quan về công tác đăng ký đất đai, cấp GCN - Đánh giá được tình hình cấp GCN trên địa bàn thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, đưa ra được những thuận lợi và khó khăn, những kết quả đạt được, những mặt còn hạn chế và nguyên nhân trong công tác đăng ký, cấp GCN - Đề xuất được một số giải pháp góp phần hoàn thành tốt công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận trên địa bàn nghiên cứu.
105	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Thị Phương Anh	TS. Lê Thị Kim Dung	Đề tài đã đạt được các kết quả như sau: - đánh giá được điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội của huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; - đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên; - đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý đất đai và sử dụng đất trên địa bàn huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
106	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại phường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Phạm Quỳnh Hương	TS. Lê Thị Kim Dung	- Trình bày cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của công tác đăng ký đất đai, cấp GCN Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất. - Xác định được đối tượng, phạm vi, phương pháp và nội dung nghiên cứu. - Khái quát tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường Kim Mã, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; - Đánh giá thực trạng công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn phường Kim Mã, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội;; - Đề xuất giải pháp đẩy nhanh công tác cấp GCN trên địa bàn nghiên cứu.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
107	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Thu Thảo	TS. Lê Thị Kim Dung	Đề tài đã đạt được các kết quả như sau: - đánh giá được điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội của phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh - đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh - đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý đất đai và sử dụng đất trên địa bàn phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
108	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Đặng Hồng Vân	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	-Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn nghiên cứu.
109	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Thị Kim Oanh	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	- Đánh giá được tình hình quản lý Nhà nước về đất đai theo 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất năm 2018 trên địa bàn xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội; - Phân tích những thuận lợi, khó khăn trong công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn xã Hồng Sơn; - Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn xã Hồng Sơn, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
110	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.	Nguyễn Thị Chinh	TS. Nguyễn Thị Khuy	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; - Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; - Đánh giá tình hình sử dụng đất và biến động đất đai tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh; - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.
111	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.	Nghiêm Thị Xuân Ly	TS. Nguyễn Thị Khuy	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại 1 số dự án nghiên cứu; - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội
112	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.	Đặng Thị Thơm	TS. Nguyễn Thị Khuy	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình sử dụng đất và biến động đất đai tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
113	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn huyện Đông Anh,	Lê Minh Anh	TS. Nguyễn Thị Khuy	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại 1 số dự án nghiên cứu;

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		thành phố Hà Nội.			- Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
114	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm VietMap trong công tác hỗ trợ giải phóng mặt bằng các dự án thu hồi đất trên địa bàn huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.	Hồ Trung Thành	ThS. Đào Mạnh Hồng	Đề tài đã đạt được kết quả: - Đánh giá chung điều kiện tự nhiên, tài nguyên, kinh tế - xã hội huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. - Đánh giá việc thực hiện các chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng ở huyện Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ và sự tác động của việc thực hiện chính sách bồi thường giải phóng mặt bằng đến đời sống, việc làm, thu nhập của người bị thu hồi đất; - Ứng dụng phần mềm VietMap trong công tác hỗ trợ giải phóng mặt bằng các dự án thu hồi đất trên địa bàn huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ; - Đề xuất các giải pháp nhằm hỗ trợ công tác thu hồi đất huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.
115	Đại học chính quy	Ứng dụng GIS thành lập bản đồ vùng giá trị đất đai tại phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	Trần Hải Đăng	ThS. Đặng Thu Hằng	Đề tài đã đạt được các kết quả như sau: - Đánh giá được điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội của phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội - Xây dựng quy trình thành lập bản đồ vùng giá trị đất đai tại phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội - Xây dựng bản đồ giá đất nhà nước tại phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội . - Xây dựng bản đồ giá đất thị trường tại phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội - Xây dựng bản đồ so sánh giá nhà nước và giá thị trường tại phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội - Đánh giá ưu và nhược điểm của phần mềm ArcGIS

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
116	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	Trần Thị Ngọc Mai	ThS. Hoàng Phương Anh	- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; - Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai theo 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; - Đánh giá hiện trạng sử dụng đất năm 2018 và biến động đất đai tại phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao công tác quản lý và sử dụng đất tại phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.
117	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Trần Thị Oanh	ThS. Hoàng Phương Anh	- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; - Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai theo 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; - Đánh giá hiện trạng sử dụng đất năm 2018 và biến động đất đai tại xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao công tác quản lý và sử dụng đất tại xã Bạch Đằng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.
118	Đại học chính quy	Đánh giá công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Thị Nam	ThS. Hoàng Thị Phương Thảo	Đề tài tiến hành thu thập tài liệu, số liệu để đánh giá kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho là hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp và đất nuôi trồng thủy sản tại huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tính đến 31/3/2018. Xác định nguyên nhân tồn đọng trong công tác cấp giấy chứng nhận tại huyện Võ Nhai và đề xuất một số giải pháp nhằm tháo gỡ vướng mắc tại địa bàn nghiên cứu.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
119	Đại học chính quy	Đánh giá kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai	Hoàng Thị Sung	ThS. Hoàng Thị Phương Thảo	Tác giả đã nghiên cứu cơ sở lý luận, pháp lý và thực tiễn về công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân. Thông qua quá trình nghiên cứu, đánh giá về tình hình chung trên địa bàn huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai và kết quả cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở và đất nông nghiệp, tác giả đã đưa ra những kết quả đạt được và tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện công tác này tại địa phương và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn huyện.
120	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Vũ Tuấn Mạnh	ThS. Lê Thị Lan	- Đánh giá được điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội tại địa bàn KVNC - Đánh giá được tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn quận Cầu Giấy, Hà Nội. - Đánh giá tình hình cấp GCN đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn KVNC. - Đưa ra được 1 số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác cấp GCN trên địa bàn quận.
121	Đại học chính quy	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất trên địa bàn thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai	Nguyễn Thảo My	ThS. Lê Thị Lan	- Đánh giá được điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội tại địa bàn KVNC - Đánh giá được tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn Thị trấn SaPa, huyện Sapa, tỉnh Lào Cai - Đánh giá một số yếu tố chính ảnh hưởng đến giá đất trên địa bàn KVNC. - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và xây dựng bảng giá đất tại KVNC.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
122	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	Vũ Thị Tươi	ThS. Lê Thị Lan	- Đánh giá được điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội tại địa bàn KVNC - Đánh giá được tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn Tp Sơn La, tỉnh Sơn La. - Đánh giá tình hình cấp GCN đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn KVNC. - Đưa ra được 1 số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác cấp GCN trên địa bàn KVNC.
123	Đại học chính quy	Đánh giá tác động quá trình đô thị hóa đến chuyển đổi mục đích sử dụng đất trên địa bàn phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thu Uyên	ThS. Nguyễn Thị Huệ	Đề tài đã đạt được kết quả như sau: - Nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; - Nghiên cứu quá trình đô thị hóa diễn ra trên địa bàn phường Xuân Đỉnh -Nghiên cứu tình hình sử dụng đất đai và biến động đất đai phường Xuân Đỉnh; - Đánh giá tác động của quá trình đô thị hóa đến chuyển đổi mục đích sử dụng đất trên địa bàn phường Xuân Đỉnh, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội và đề xuất giải pháp
124	Đại học chính quy	Xây dựng bản đồ hiện trạng môi trường phục vụ công tác đánh giá tác động môi trường xã Duy Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.	Nguyễn Thùy Dương	ThS. Nguyễn Trọng Trường Sơn	Đề tài đã trình bày được cơ sở lý luận, căn cứ pháp lý để xây dựng bản đồ hiện trạng môi trường phục vụ công tác đánh giá tác động môi trường xã Duy Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. - Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã Duy Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất của xã Duy Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. - Ứng dụng phần mềm Arcgis xây dựng bản đồ hiện trạng môi trường từ các dữ liệu môi trường được quan trắc và thu thập trên địa bàn nghiên cứu phục vụ công tác đánh giá tác động môi trường xã Duy Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
125	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm gCadas trong kê khai đăng ký và cấp giấy chứng nhận, thực nghiệm tại phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Nguyễn Bích Ngọc	ThS. Nguyễn Trọng Trường Sơn	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình ứng dụng phần mềm phần mềm gCadas trong kê khai đăng ký và cấp giấy chứng nhận, thực nghiệm tại phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tại địa bàn phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội - Đánh giá tình hình quản lý sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội - Đánh giá thực trạng số liệu, tài liệu và dữ liệu địa chính hiện có - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn - ứng dụng phần mềm phần mềm gCadas trong kê khai đăng ký và cấp giấy chứng nhận, thực nghiệm tại phường Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đưa ra những ưu nhược điểm và đề xuất khả năng ứng dụng phần mềm trong công tác cấp giấy nói chung và quản lý nhà nước về đất đai nói riêng trên địa bàn.
126	Đại học chính quy	Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng bản đồ địa chính từ số liệu đo đạc xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Thu	ThS. Nguyễn Trọng Trường Sơn	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình ứng dụng ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng bản đồ địa chính từ số liệu đo đạc Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tại địa bàn xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội - Đánh giá tình hình quản lý sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội - Đánh giá thực trạng số liệu, tài liệu và dữ liệu địa chính hiện có - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn - ứng dụng công nghệ thông tin (sử dụng phần mềm Microstation V8i và Vietmap) xây dựng bản đồ địa chính từ số liệu đo đạc (toàn đạc điện tử có

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					độ chính xác cao) xã Võng Xuyên, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội đưa ra những ưu nhược điểm và đề xuất khả năng ứng dụng trong công tác xây dựng bản đồ địa chính nói chung và quản lý nhà nước về đất đai nói riêng trên địa bàn.
127	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Tân Yên, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.	Triệu Thị Luyến	ThS. Tạ Thị Thu	- Đồ án đã trình bày được cơ sở khoa học, căn cứ pháp lý về cấp GCN; - Giới thiệu và nhận xét, đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại xã Tân Yên, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.; - Tìm hiểu về tình hình quản lý, sử dụng đất của địa phương; - Trình bày và đánh giá được kết quả cấp GCN trên địa bàn. - Phân tích được thuận lợi và khó khăn trong công tác cấp GCN và đưa ra những nguyên nhân chính tác động đến công tác này tại xã Tân Yên, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.; - Đề xuất một số giải pháp có tính thực tiễn cao, giải quyết được những khó khăn trong công tác cấp GCN tại xã Tân Yên, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.
128	Đại học chính quy	Chuẩn hóa bản đồ địa chính phục vụ thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Trần Trung Nghĩa	ThS. Tăng Thị Thanh Nhân	- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương. - Nghiên cứu chuẩn hóa bản đồ địa chính phường Nguyễn Trãi. - Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Nguyễn Trãi. - Đánh giá kết quả đạt được và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện bản đồ địa chính phường Nguyễn Trãi.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
129	Đại học chính quy	Ứng dụng Công nghệ thông tin xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất và hồ trợ thống kê đất đai năm 2018 xã Quảng Tân, huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh	Đặng Thị Tâm	ThS. Tăng Thị Thanh Nhân	- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội trên địa bàn nghiên cứu xã Quảng Tân. - Tình hình quản lý và biến động đất đai tại xã Quảng Tân, huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh. - Sử dụng phần mềm VIETMAP XM, Microstation V8i, xây dựng bản đồ điều tra khoanh vẽ năm 2018 từ bản đồ điều tra khoanh vẽ năm 2014 xã Quảng Tân, huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh. - Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 xã Quảng Tân, huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh. - Sử dụng phần mềm TK2015 trong công tác thống kê đất đai năm 2018 xã Quảng Tân, huyện Đàm Hà, tỉnh Quảng Ninh. - Đánh giá kết quả đạt được, những vấn đề còn tồn tại và một số giải pháp hoàn thiện BĐHTSDĐ và TKDD phục vụ công tác quản lý nhà nước.
130	Đại học chính quy	Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính xã Xuân Quỳnh, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Lương Thị Thanh Thủy	ThS. Tăng Thị Thanh Nhân	- Tổng quan về BĐHTSDĐ và ứng dụng công nghệ thông tin trong thành lập BĐHTSDĐ. - Điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội của xã Xuân Quỳnh, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. - Tình hình quản lý và biến động đất đai xã Xuân Quỳnh, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. - Ứng dụng MicroStation và VietMap thành lập BĐHTSDĐ từ BĐĐC xã Xuân Quỳnh, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa - Đánh giá kết quả tình hình sử dụng đất của xã Xuân Quỳnh, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa
131	Đại học chính quy	Ứng dụng ViLIS 2.0 xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính tại xã Bảo Yên, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ	Lênh Thị Hà Trinh	ThS. Tăng Thị Thanh Nhân	- Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tại địa bàn xã Bảo Yên, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. - Nghiên cứu thực trạng, hệ thống cơ sở dữ liệu địa chính Xã Bảo Yên, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. - Nghiên cứu khả năng ứng dụng ViLIS 2.0 xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Bảo Yên, huyện Thanh

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Thủy, tỉnh Phú Thọ. - Đánh giá kết quả đạt được và đề xuất một số giải pháp.
132	Đại học chính quy	Nghiên cứu khả năng ứng dụng ViLIS 2.0 trong Kế khai đăng ký và Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực nghiệm tại xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.	Đặng Thị Hồng Ngọc	ThS. Võ Ngọc Hải	Đề tài đã đạt được kết quả: - Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tại địa bàn xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ - Tình hình quản lý sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất và biến động sử dụng đất. - Nghiên cứu khả năng ứng dụng ViLIS 2.0 trong kế khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thực hiện kê khai đăng ký tại xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ - Đánh giá kết quả đạt được và đề xuất một số giải pháp.
133	Đại học chính quy	Đánh giá kết quả thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn xã Tự Nhiên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	Nguyễn Tuấn Đạt	ThS. Võ Ngọc Hải	Đề tài đã đạt được kết quả nghiên cứu : - Đánh giá được điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu - Đánh giá được công tác quản lý nhà nước về đất đai tại xã Tự Nhiên huyện Thường Tín TP HN - Đánh giá được kết quả thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai - Đánh giá hiện trạng sử dụng và biến động các loại đất giai đoạn 2015 - 2018 - Đề xuất một số giải pháp nâng cao công tác quản lý và sử dụng đất đai
134	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.	Hoàng Thị Thảo	ThS. Vũ Lệ Hà	- Tổng quan đăng ký đất đai, cấp GCN - Đánh giá được thực trạng cấp GCN trên địa bàn xã Hải Minh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, tìm ra những nguyên nhân gây tồn đọng trong công tác cấp GCN và đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác cấp GCN.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
135	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.	Đào Thị Thu Phương	ThS. Vũ Lê Hà	- Tổng quan đăng ký đất đai, cấp CGN - Đánh giá được thực trạng cấp GCN trên địa bàn xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, tìm ra những nguyên nhân gây tồn đọng trong công tác cấp GCN và đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác cấp GCN.
136	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.	Đặng Minh Ngọc	ThS. Vũ Thị Thu Hiền	- Đồ án đã có nghiên cứu tổng quan về công tác đăng ký đất đai, cấp CGN - Đánh giá được thực trạng cấp GCN trên địa bàn huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, đưa ra được những thuận lợi và khó khăn, những kết quả đạt được, những mặt còn hạn chế và nguyên nhân tồn đọng trong công tác đăng ký, cấp GCN và đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận trên địa bàn nghiên cứu.
137	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình đăng ký biến động đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.	Đặng Minh Quyết	ThS. Vũ Thị Thu Hiền	- Đồ án đã trình bày cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của công tác đăng ký biến động đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Trình bày được kết quả; tiến độ thực hiện công tác đăng ký biến động đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong giai đoạn 2014 – 2018. - Đánh giá được những thuận lợi và khó khăn, những kết quả đạt được và những mặt còn hạn chế trong công tác đăng ký biến động đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa bàn nghiên cứu; - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đăng ký biến động đất đai, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất địa bàn nghiên cứu.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
138	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại xã Tam Gia, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Tô Thị Thời	TS. Dương Đăng Khôi	Đồ án đã tổng quan được các phương pháp đánh giá hiệu quả sử dụng đất; đánh giá được điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội; đánh giá được hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường của các loại hình sử dụng đất chính trên địa bàn xã Tam Gia, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; làm cơ sở thực tiễn cho phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.
139	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang	Nguyễn Thị Hồng Yến	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	- Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang - Phân tích, đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn nghiên cứu.
140	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Cường Lợi, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	Nông Thị Thủy	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	- Đánh giá tình hình quản lý và hiện trạng sử dụng đất năm 2018 xã Cường Lợi; - Đánh giá được công tác đăng ký đất đai, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đến năm 2018 tại xã Cường Lợi, huyện Na Rì, TP Bắc Kạn; - Phân tích được kết quả công tác đăng ký đất đai, cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đến năm 2018 tại xã Cường Lợi, huyện Na Rì, TP Bắc Kạn; - Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đăng ký đất đai, cấp GCNQSDĐ, quyền SH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Cường Lợi.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
141	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Nguyễn Thu Trang	TS. Phạm Anh Tuấn	-Nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của công tác quản lý nhà nước về đất đai, thực tiễn công tác quản lý đất đai trên thế giới, tại Việt Nam, và tỉnh Bắc Giang. -Nghiên cứu phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. -Nghiên cứu và đánh giá tình quản lý nhà nước về đất đai (theo một số nội dung chính của nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định của Luật đất đai 2013 như: Công tác ban hành và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, công tác kiểm kê, thống kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất...) trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Qua thực trạng sẽ đánh giá việc thực hiện các công tác này có được địa phương thực hiện đúng theo quy định hiện hành không, đưa ra các mặt đã đạt được, cũng như các điểm tồn tại hạn chế bất cập. - Đề xuất các giải pháp nâng cao công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.
142	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất đai tại xã Vân Từ, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Hồng Ngọc	TS. Phạm Anh Tuấn	-Nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của công tác quản lý nhà nước về đất đai, thực tiễn công tác quản lý đất đai trên thế giới, tại Việt Nam, huyện Phú Xuyên và TP Hà Nội. -Nghiên cứu phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội xã Vân Từ, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. -Tập trung nghiên cứu một số nội dung chính trong các nội dung quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn xã Vân Từ, huyện Phú Xuyên (như công tác ban hành, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, công tác kiểm

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					kê thống kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ...) qua đó đánh giá quá trình thực hiện của địa phương so với quy định hiện hành, các mặt đạt được cũng như các tồn tại hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới. - Đánh giá hiện trạng và cơ cấu sử dụng đất theo mục đích sử dụng đất và theo đối tượng sử dụng đất, phân tích biến động đất đai qua các giai đoạn, từ đó xác định được xu hướng sử dụng đất trong các năm tiếp theo của xã Vân Từ, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội. - Đề xuất các giải pháp nâng cao công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn xã Vân Từ, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.
143	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 từ bản đồ địa chính xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Vũ Mạnh Việt	TS. Vũ Danh Tuyên	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, cơ sở lý luận thực tiễn trong quản lý đất đai, tổng quan về căn cứ pháp lý và quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. - Nghiên cứu tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn, ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMap XM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam năm 2018 từ bản đồ địa chính.
144	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn xã Đại Mạch, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Linh Chi	ThS. Bùi Nguyễn Thu Hà	Đề tài đã đạt được các kết quả: - Đánh giá được điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội tại địa bàn xã Đại Mạch - Đánh giá được hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp tại xã - Thống kê và mô tả được các loại hình sử dụng đất nông nghiệp chính - Đánh giá được hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của các LUT và đề xuất được LUT có ưu thế - Đưa ra được 1 số giải pháp nhằm

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trong giai đoạn tiếp theo
145	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại huyện Sapa, tỉnh Lào Cai	Hoàng Hải Yên	ThS. Bùi Nguyễn Thu Hà	Đề tài đã đạt được kết quả nghiên cứu : - Đánh giá được điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội huyện Sapa - Đánh giá được công tác quản lý nhà nước về đất đai tại huyện - Đánh giá được hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn huyện - Đánh giá được tình hình biến động sử dụng đất tại huyện Sapa giai đoạn 2015 - 2018 - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất gđoạn tiếp theo
146	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Phùng Thị Hiền	ThS. Bùi Nguyễn Thu Hà	Đề tài đã đạt được các kết quả: - Đánh giá được điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội tại địa bàn huyện Thanh Chương - Đánh giá được hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp tại quận. - Thống kê và mô tả được 7 loại hình sử dụng đất nông nghiệp chính - Đánh giá được hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của 7 LUT và đề xuất được LUT có ưu thế - Đưa ra được 1 số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp trong giai đoạn tiếp theo
147	Đại học chính quy	Đánh giá công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Đinh Hồng Ngọc	ThS. Hoàng Thị Phương Thảo	Tác giả đã tìm hiểu về cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn về công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu. Đánh giá tình hình chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và kết quả cấp giấy chứng nhận lần đầu cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân. Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, vướng mắc trong cấp giấy chứng nhận tại địa phương, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm giải quyết những tồn tại, vướng mắc đó.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
148	Đại học chính quy	Đánh giá công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Bùi Nguyễn Phượng Nhật	ThS. Hoàng Thị Phương Thảo	Đề tài đã tiến hành đánh giá tình hình thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân (trình tự, thủ tục, khả năng tiếp cận thông tin về trình tự, thủ tục và kết quả cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở) trên địa bàn phường Hùng Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp nhằm giải quyết những tồn tại, vướng mắc trên địa bàn phường.
149	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	Nguyễn Thị Hà	ThS. Lê Thị Lan	- Đánh giá được điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội tại địa bàn KVNC - Đánh giá được tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. - Đưa ra được 1 số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác cấp GCN trên địa bàn KVNC.
150	Đại học chính quy	Triển khai ứng dụng ViLIS 2.0 tại văn phòng đăng ký đất đai huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Trần Thị Hồng Nhung	ThS. Lưu Thùy Dương	- Tổng quan được các vấn đề nghiên cứu. - Đánh giá được thực trạng phát triển kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện Cẩm Giàng. - Đánh giá được tình hình sử dụng và biến động đất đai của huyện. - Đánh giá được tình hình cấp giấy chứng nhận trên địa bàn huyện - Xây dựng được hệ thống ViLIS 2.0 tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện ; - Triển khai ứng dụng được phần mềm ViLIS 2.0 tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện
151	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp tại xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Mai Thị Phượng	ThS. Nguyễn Ngọc Hồng	- Đánh giá được điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội của xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. - Đánh giá được hiện trạng sử dụng đất và hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn nghiên cứu. - Xác định và mô tả các loại hình sử dụng đất nông nghiệp chính trên địa bàn xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					- Đánh giá hiệu quả các loại hình sử dụng đất nông nghiệp tại khu vực nghiên cứu. - Đề xuất được một số loại hình sử dụng đất có hiệu quả phù hợp với xã Nga Bạch.
152	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.	Vũ Thị Phương Thảo	ThS. Nguyễn Thành Tôn	- Đồ án đã trình bày được cơ sở lý luận, căn cứ pháp lý, cơ sở thực tiễn của công tác quản lý Nhà nước về đất đai tại phường Hồng Hải theo 15 nội dung quản lý Nhà nước đất đai. - Giới thiệu và đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của địa bàn phường Hồng Hải - Đánh giá được tình hình quản lý, hiện trạng sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn nghiên cứu. - Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng đất phường Hồng Hải trong thời gian tới.
153	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.	Đào Mai Hương	ThS. Nguyễn Thành Tôn	Đồ án đã nghiên cứu cơ sở lý luận và những căn cứ pháp lý của công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Đánh giá công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai quy định tại Điều 22 Luật đất đai năm 2013. Đánh giá tình hình sử dụng các loại đất của thành phố Hạ Long. Đề xuất một số biện pháp nhằm phát huy các vấn đề tích cực, hạn chế các vấn đề còn tồn tại trong công tác quản lý sử dụng đất đai, giúp cơ quan quản lý Nhà nước quản lý chặt chẽ nguồn tài nguyên đất.
154	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Nguyễn Thị Thùy Trang	ThS. Nguyễn Thành Tôn	- Nghiên cứu cơ sở lý luận và những căn cứ pháp lý của công tác quản lý nhà nước về đất đai. - Đánh giá công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn TP Hải Dương theo 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai quy định tại luật đất đai 2013. - Đánh giá tình hình sử dụng các loại đất trên địa bàn TP Hải Dương bao gồm: đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp, đất chưa sử dụng. - Đề xuất một số giải pháp nhằm tăng

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					cường hiệu lực quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn TP Hải Dương trong thời gian tới.
155	Đại học chính quy	Chuẩn hóa bản đồ địa chính phục vụ xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất tại xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.	Nguyễn Thị Thanh Hoa	ThS. Nguyễn Thị Hằng	Đề tài đã đạt được những kết quả như sau: - Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các phần mềm ứng dụng để quản lý đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy, huyện Phú Thọ - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMapXM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Hoàng Xá, huyện Thanh Thủy, huyện Phú Thọ và đề xuất khả năng ứng dụng phần mềm trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nói chung và quản lý đất đai nói riêng trên địa bàn.
156	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	Phùng Thị Hải Yến	ThS. Nguyễn Thị Huệ	Đề tài đã đạt được kết quả như sau: - Nghiên cứu điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; - Nghiên cứu hiện trạng quản lý và sử dụng đất huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; - Đánh giá thực trạng quản lý đất đai và tình hình sử dụng đất đai huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; - Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
157	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn xã Liêm Tiết, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Đỗ Thanh Tùng	ThS. Nguyễn Thị Nga	Đề tài đã đạt được những kết quả: - Khái quát được những nội dung tổng quan có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên đất đai. - Khái quát và đánh giá được những đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội, tình hình quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn xã Liêm Tiết - Phân tích và đánh giá được hiện trạng sử dụng đất năm 2017, biến động đất đai trong giai đoạn 2014 – 2017 của xã. - Cơ bản đề xuất định hướng sử dụng đất từ nay đến năm 2020 theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội chung của xã. - Đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý và sử dụng đất của xã.
158	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Phạm Thị Ngọc Ánh	ThS. Nguyễn Thị Nga	Đề tài đã đạt được những kết quả như sau: - Khái quát được những nội dung tổng quan có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên đất đai. - Khái quát và đánh giá được những đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội, tình hình quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn xã Nhân Đạo, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam - Phân tích và đánh giá được hiện trạng sử dụng đất năm 2018, biến động đất đai trong giai đoạn 2015 – 2018 của xã Nhân Đạo - Đề xuất định hướng sử dụng đất đến năm 2020 theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của xã, của huyện và của tỉnh. - Đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý và sử dụng đất của địa phương.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
159	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Thu Hà	ThS. Phạm Thị Mai	- Đánh giá được tình hình quản lý Nhà nước về đất đai theo 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai tại phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. - Đánh giá hiện trạng sử dụng đất năm 2018 trên địa bàn phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.; - Đánh giá được những khó khăn, tồn tại trong công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; - Đề xuất được một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
160	Đại học chính quy	Ứng dụng ViLIS 2.0 trong kê khai đăng ký và cấp giấy chứng nhận tại xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Lò Thị Kiều Ngân	ThS. Tăng Thị Thanh Nhàn	- Điều tra, đánh giá ĐKTN-KTXH trên địa bàn xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên - Đánh giá tình hình quản lý sử dụng đất của địa phương. - Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu địa chính. + Cơ sở dữ liệu không gian. + Cơ sở dữ liệu thuộc tính. - Liên kết dữ liệu không gian, dữ liệu thuộc tính. - Xử lý, tìm kiếm thông tin về thửa đất phục vụ cho đăng ký đất đai, cấp GCN.
161	Đại học chính quy	Chuẩn hóa bản đồ địa chính phục vụ xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 xã Chuế Lưu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ	Bùi Thanh Tùng	ThS. Tăng Thị Thanh Nhàn	- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội xã Chuế Lưu, Huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ; - Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất của xã Chuế Lưu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ; - Chuẩn hóa bản đồ địa chính xã Chuế Lưu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ; - Xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Chuế Lưu, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ từ bản đồ địa chính đã được chuẩn hóa; - Đánh giá kết quả thu được và kiến nghị các giải pháp để giải quyết các vấn đề nhằm nâng cao hiệu quả quản

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					lý và sử dụng đất tại địa phương.
162	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Nguyễn Thị Thu Nga	ThS. Thái Thị Lan Anh	Đề tài đã trình bày được các nội dung: - Trình bày được cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn về công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai - Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai - Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai - Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác cấp giấy chứng nhận trên địa bàn phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
163	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.	Nguyễn Minh Phương	ThS. Trần Thị Oanh	Đồ án đã nghiên cứu được các nội dung: - Trình bày được cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn về quản lý và sử dụng đất - Đánh giá được điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội thành phố Lào Cai - Đánh giá được tình hình quản lý quản lý nhà nước về đất đai thành phố Lào Cai: Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Thống kê, kiểm kê đất đai; Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai - Đánh giá tình hình sử dụng đất tại địa bàn nghiên cứu - Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai và sử dụng đất tại địa phương

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
164	Đại học chính quy	Thành lập bản đồ vùng giá trị đất đai trên cơ sở ứng dụng công nghệ GIS tại phường Thống Nhất, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	Trần Thu Thảo	ThS. Vũ Lệ Hà	- Tổng quan về bản đồ vùng giá trị đất đai và các công nghệ thành lập bản đồ vùng giá trị đất đai - Thực hiện các quy trình để xây dựng được bản đồ vùng giá trị đất đai trên cơ sở ứng dụng công nghệ GIS tại phường Thống Nhất, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định - Đánh giá được ưu nhược điểm của phần mềm khi xây dựng bản đồ vùng giá trị đất đai cho địa phương đồng thời đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nói chung và cơ sở dữ liệu giá đất nói riêng.
165	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	Cung Thị Mai Anh	TS. Dương Đăng Khởi	Đồ án đã đánh giá được điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai; đánh giá được thực trạng quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Bát Xát, Lào Cai. Kết quả đề tài góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất trên địa bàn.
166	Đại học chính quy	Nghiên cứu ứng dụng ảnh Landsat thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất vườn quốc gia Tam Đảo	Bùi Văn Quang	TS. Dương Đăng Khởi	Đồ án đã sử dụng ảnh vệ tinh viễn thám Landsat 8 và áp dụng phương pháp phân loại có kiểm định để thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất vườn quốc gia Tam Đảo. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp số liệu hiện trạng sử dụng đất cho Ban quản lý vườn quốc gia Tam Đảo, phục vụ quản lý sử dụng đất cũng như hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn.
167	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Chương Mỹ, Hà Nội	Đặng Thị Hòa	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	- Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội - Phân tích, đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả công tác cấp

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		thành phố Hà Nội			giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn nghiên cứu.
168	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.	Hoàng Thị Hằng	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	- Đánh giá được tình hình quản lý Nhà nước về đất đai theo 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai tại xã Sơn Đông; - Đánh giá hiện trạng sử dụng đất năm 2018 trên địa bàn xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội; - Đánh giá được những khó khăn, tồn tại trong công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn xã Sơn Đông; - Đề xuất được một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn thị xã Sơn Đông, thị xã Sơn Tây
169	Đại học chính quy	Đánh giá kết quả của công tác dồn điền đổi thửa trên địa bàn huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.	Vũ Thị Hồng Phượng	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	-Đánh giá đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội huyện Sóc Sơn; - Đánh giá tình hình quản lý và hiện trạng sử dụng đất năm 2018 huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội; - Đánh giá được công tác dồn điền đổi thửa trên địa bàn huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội - Đánh giá được những khó khăn, tồn tại trong công tác dồn điền đổi thửa tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; - Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác dồn điền đổi thửa trên địa bàn huyện Sóc sơn, thành phố Hà Nội
170	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Hải Hà	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	- Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai huyện Sóc Sơn theo 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, - Đánh giá hiện trạng sử dụng đất năm 2018 và biến động đất đai tại huyện Sóc Sơn; - Phân tích những thuận lợi, khó khăn trong công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Sóc Sơn; - Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đất đai huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
171	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.	Nguyễn Thu Hằng	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	"- Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai phường Tiên Phong theo 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, - Đánh giá hiện trạng sử dụng đất năm 2018 và biến động đất đai tại phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình; - Phân tích những thuận lợi, khó khăn trong công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình; - Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đất đai phường Tiên Phong, thành phố Thái Bình;
172	Đại học chính quy	Đánh giá kết quả thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 trên địa bàn huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.	Phạm Thanh Hoa	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	- Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất năm 2018 huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên; - Đánh giá kết quả thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên; - Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong công tác thực hiện công tác quy hoạch sử dụng đất; - Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thực hiện và xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Văn Lâm;
173	Đại học chính quy	Đánh giá kết quả thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 trên địa bàn thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.	Phan Thị Huyền	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	- Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất năm 2018 thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc - Đánh giá kết quả thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc - Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong công tác thực hiện công tác quy hoạch sử dụng đất tại thành phố Phúc Yên; - Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tổ chức thực hiện và xây dựng kế hoạch sử dụng đất hàng năm thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Phúc
174	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Dương Thị Quỳnh	TS. Nguyễn Thị Khuy	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái; - Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
175	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Hoàng Bảo Trâm	TS. Nguyễn Thị Khuy	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình sử dụng đất và biến động đất đai tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
176	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ	Nguyễn Việt Hoàng	TS. Phạm Anh Tuấn	- Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, cơ sở lý luận và thực tiễn công tác đăng ký đất đai, cấp GCN, thực tiễn cấp GCN tại tỉnh Phú Thọ. - Nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, tình hình quản lý và biến động đất đai trên địa bàn huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. - Nghiên cứu, phân tích và đánh giá tình hình cấp GCN cho các đối tượng sử dụng đất trên địa bàn huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Tập trung phân tích đánh giá kết quả cấp giấy chứng nhận lần đầu (diện tích, số hồ sơ được cấp, tỷ lệ đối với đất ở và đất nông nghiệp) và kết quả cấp giấy chứng nhận trong trường hợp biến động đất đai. Đánh giá quy trình thực hiện, thời gian thực hiện thủ tục, tỷ lệ

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					được cấp giấy chứng nhận, các mặt đã đạt được cũng như các tồn tại hạn chế liên quan đến công tác này tại huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Phân tích, đánh giá thực trạng công tác lập và quản lý hồ sơ địa chính trên địa bàn nghiên cứu. - Đề xuất các giải pháp để đẩy nhanh/nâng cao hiệu quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, công tác lập và quản lý hồ sơ địa chính trên địa bàn huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.
177	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 từ bản đồ địa chính xã Phạm Mệnh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.	Nguyễn Đức Huân	TS. Vũ Danh Tuyên	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, cơ sở lý luận thực tiễn trong quản lý đất đai, tổng quan về căn cứ pháp lý và quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội xã Phạm Mệnh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. - Nghiên cứu tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn, ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMap XM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Phạm Mệnh, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.
178	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 từ bản đồ địa chính phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.	Vũ Việt Anh	TS. Vũ Danh Tuyên	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, cơ sở lý luận thực tiễn trong quản lý đất đai, tổng quan về căn cứ pháp lý và quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. - Nghiên cứu tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn, ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMap XM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 phường Cửa Đông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội từ bản đồ địa chính.
179	Đại học chính quy	Ứng dụng GIS trong xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại xã Đồng Tháp, huyện Đan Phượng	Nguyễn Thị Mỹ Linh	ThS. Bùi Thị Cẩm Ngọc	Đề tài đã đạt được các kết quả như sau: - Đánh giá được điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội của Đồng Tháp, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Phượng, thành phố Hà Nội.			- Xây dựng quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại xã Đồng Tháp , huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. - Xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại xã Đồng Tháp , huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. - Xây dựng bản đồ giá đất nhà nước tại xã Đồng Tháp , huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. - Xây dựng bản đồ giá đất ở trên thị trường tại xã Đồng Tháp , huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. - So sánh giá nhà nước và giá thị trường đối với đất ở tại xã Đồng Tháp , huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. - Đánh giá ưu và nhược điểm của phần mềm ArcGIS
180	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình việc thực hiện pháp luật về quyền: thừa kế, cho tặng và quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất của người sử dụng đất theo luật đất đai 2013 trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Nguyễn Hà Anh	ThS. Bùi Thị Then	- Đề tài đã đạt được các kết quả cơ bản sau: - Đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang từ đó rút ra những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến công tác quản lý và sử dụng đất; - Đánh giá việc thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai, đặc biệt là công tác quản lý việc thực hiện quyền của người sử dụng đất; đánh giá tình hình sử dụng đất của huyện Lục Ngạn - Đánh giá được kết quả việc thực hiện quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân, trong đó tập trung nghiên cứu đánh giá các quyền: thừa kế, cho tặng và quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn huyện Lục Ngạn. - Đánh giá thuận lợi và khó khăn khi thực hiện các quyền: thừa kế, tặng cho và quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Lục Ngạn; - Đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện các quy định về việc thực hiện quyền: thừa kế, tặng cho và

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					quyền được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất.
181	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm gCadas trong công tác hỗ trợ giải phóng mặt bằng các dự án thu hồi đất trên địa bàn huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Hoàng Hà Giang	ThS. Đào Mạnh Hồng	Đề tài đã đạt được kết quả: - Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội huyện Cẩm Giàng. - Đánh giá thực trạng công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện Cẩm Giàng. - Biên tập, cập nhật và chỉnh lý BDDC nằm trong diện thu hồi đất bằng phần mềm gCadas trên địa bàn huyện Cẩm Giàng. - Thành lập bản đồ thu hồi trích đo tại các dự án trên địa bàn. - Sử dụng phần mềm gCadas tính toán diện tích thu hồi tại các dự án trên địa bàn huyện Cẩm Giàng. - Lập hồ sơ thu hồi và tính toán chi phí đền bù khi thu hồi đất trên địa bàn. - Đánh giá kết quả đạt được, đề xuất giải pháp để thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng các dự án thu hồi đất.
182	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm MicroStation v8i và công cụ TK Tool thực hiện thống kê đất đai xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.	Nguyễn Thu Hằng	ThS. Đào Mạnh Hồng	Đề tài đã đạt được kết quả: - Khát quát chung về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và kinh tế xã hội xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. - Tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn nghiên cứu. - Ứng dụng phần mềm Microstation V8i, VietMap chỉnh lý, cập nhật, chuẩn hóa và xây dựng bản đồ điều tra khoanh vẽ, bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. - Sử dụng công cụ TK Tool offline thống kê đất đai xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. - Đánh giá kết quả đạt được và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất trong thời gian tới bằng công cụ Microstation, VietMap và TK Tool.
183	Đại học	Nghiên cứu	Lê Thị	ThS. Đào	Đề tài đã đạt được kết quả:

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
	chính quy	khả năng ứng dụng phần mềm gCadas trong xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính, thực nghiệm tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giang, tỉnh Hải Dương	Thùy Linh	Mạnh Hồng	- Khái quát chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế và xã hội xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giang, tỉnh Hải Dương; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đai trên địa bàn xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giang, tỉnh Hải Dương; - Đánh giá thực trạng số liệu, tài liệu và cơ sở dữ liệu địa chính tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giang, tỉnh Hải Dương; - Nghiên cứu khả năng ứng dụng phần mềm gCadas trong xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính; - Thực nghiệm xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giang, tỉnh Hải Dương; - Đánh giá kết quả đạt được và đề xuất một số giải pháp sau khi xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính tại xã Cẩm Phúc, huyện Cẩm Giang, tỉnh Hải Dương.
184	Đại học chính quy	Ứng dụng công nghệ thông tin thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Phan Thị Phương Anh	ThS. Đỗ Như Hiệp	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các phần mềm ứng dụng để quản lý đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMapXM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Bạch Sam, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên và đề xuất khả năng ứng dụng phần mềm trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nói chung và quản lý đất đai nói riêng trên địa bàn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
185	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm MicroStation V8i, VietMap XM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Linh	ThS. Đỗ Như Hiệp	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các phần mềm ứng dụng để quản lý đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMapXM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Hoa Sơn, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội và đề xuất khả năng ứng dụng phần mềm trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nói chung và quản lý đất đai nói riêng trên địa bàn.
186	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn xã Lê Lợi, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	Vũ Hồng Nhung	ThS. Đỗ Như Hiệp	- Đồ án đã trình bày được cơ sở khoa học, căn cứ pháp lý về cấp GCN; - Giới thiệu và nhận xét, đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội địa bàn nghiên cứu; - Tìm hiểu về tình hình quản lý, sử dụng đất của địa phương; - Trình bày và đánh giá được kết quả cấp GCN trên địa bàn. - Phân tích được thuận lợi và khó khăn trong công tác cấp GCN và đưa ra những nguyên nhân chính tác động đến công tác này tại địa bàn nghiên cứu; - Đề xuất một số giải pháp có tính thực tiễn cao, giải quyết được những khó khăn trong công tác cấp GCN tại địa phương.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
187	Đại học chính quy	Thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính xã Đồng Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ	Hà Thị Thu Thủy	ThS. Đỗ Như Hiệp	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các phần mềm ứng dụng để quản lý đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn xã Đồng Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMapXM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Đồng Sơn, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ và đề xuất khả năng ứng dụng phần mềm trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nói chung và quản lý đất đai nói riêng trên địa bàn.
188	Đại học chính quy	Đánh giá kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	Tạ Mai Huệ	ThS. Hoàng Thị Phương Thảo	Đề án đã trình bày khái quát chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tình hình quản lý và sử dụng đất tại địa bàn huyện Quốc Oai thành phố Hà Nội; trình bày kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân tại huyện đối với đất ở, đất nông nghiệp (do dồn điền đổi thửa, khu ngoài dồn điền đổi thửa) giai đoạn 2016 – 2018. Từ đó, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm giải quyết tồn đọng trong công tác cấp giấy chứng nhận tại địa bàn nghiên cứu.
189	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Tân Phú, huyện	Nguyễn Phương Thảo Linh	ThS. Hoàng Thị Phương Thảo	Đề tài đã tiến hành đánh giá tình hình thực hiện công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân (trình tự, thủ tục, khả năng tiếp cận thông tin về trình tự, thủ tục và kết quả cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở) trên địa bàn trên địa bàn xã Tân Phú, huyện Tân Sơn,

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ			tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2015 - 2018. Từ đó xác định điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức trong công tác cấp giấy chứng nhận tại xã và đề xuất một số giải pháp.
190	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Trần Thị Hồng Thắm	ThS. Hoàng Thị Phương Thảo	Đồ án giới thiệu chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và tình hình quản lý, sử dụng đất tại xã Hòa Hậu, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Trên cơ sở đánh giá chung về địa bàn xã và đánh giá kết quả cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất ở và đất nông nghiệp, tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm giải quyết các tồn tại, từ đó nâng cao hiệu quả trong công tác cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã.
191	Đại học chính quy	Đánh giá việc thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Hoàng Hồng Nhung	ThS. Lê Thị Lan	- Đánh giá được điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội tại địa bàn KVNC - Đánh giá được tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. - Đánh giá công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn phường Yên Sở, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. - Đề ra được 1 số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn KVNC.
192	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Vũ Nguyễn Thảo Uyên	ThS. Nguyễn Thị Huệ	Đề tài đã đạt được kết quả như sau: - Nghiên cứu điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; - Nghiên cứu thực trạng đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; - Đánh giá thực trạng đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					gắn liền với đất tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội ; - Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác đăng kí đất đai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đai tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội
193	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng	Đỗ Thị Huế	ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	Đề tài đã đạt được kết quả: - Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Kiến Thụy - Tình hình quản lý, sử dụng đất trên địa bàn huyện. - Đánh giá được công tác cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn huyện Kiến Thụy - Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn huyện.
194	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định	Trần Thị Lĩnh	ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	Đề tài đã đạt được kết quả: - Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn xã Mỹ Phúc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định - Tình hình quản lý, sử dụng đất trên địa bàn xã - Đánh giá được kết quả cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn huyện xã - Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn xã
195	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.	Lê Thị Quỳnh Anh	ThS. Thái Thị Lan Anh	Đề tài đã trình bày được các nội dung: - Trình bày được cơ sở khoa học, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn về nội dung quản lý nhà nước về đất đai - Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. - Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. - Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Nông

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Cổng, tỉnh Thanh Hóa.
196	Đại học chính quy	Đánh giá việc thực hiện các quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Phan Thị Bích Ngọc	ThS. Trần Thị Hòa	- Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. - Tình hình quản lý, sử dụng đất của thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. - Đánh giá việc thực hiện các quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2015 – 2018. + Tình hình chuyển nhượng quyền sử dụng đất; + Tình hình thừa kế quyền sử dụng đất; + Tình hình tặng cho quyền sử dụng đất; + Tình hình thế chấp bằng quyền sử dụng đất; - Đề xuất một số giải pháp cho việc thực hiện các quyền sử dụng đất trên địa bàn thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.
197	Đại học chính quy	Đánh giá công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định	Đinh Thị Thùy Linh	ThS. Trần Thị Hòa	- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội tại địa bàn huyện Xuân Trường; - Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Xuân Trường; - Điều tra, thu thập số liệu về việc thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ tại 2 dự án trên địa bàn huyện Xuân Trường; - Đánh giá việc thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ trên địa bàn huyện Xuân Trường. - Đề xuất giải pháp giúp cho công tác thu hồi bồi thường hỗ trợ trên địa bàn nghiên cứu được diễn ra hiệu quả hơn, khắc phục những yếu kém còn tồn đọng.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
198	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ.	Vương Thanh Tùng	ThS. Trần Thị Thu Hoài	Đồ án đã nghiên cứu được: - Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội huyện Hạ Hòa - Tình hình quản lý và sử dụng đất huyện Hạ Hòa - Đánh giá được công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hạ Hòa - Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hạ Hòa
199	Đại học chính quy	Đánh giá công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Hoàng Tiến Anh	ThS. Trần Thị Thu Hoài	Đồ án đã nghiên cứu được: - Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang - Tình hình quản lý và sử dụng đất huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang - Đánh giá được công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại các dự án trên địa bàn huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang - Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang
200	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.	Phạm Mai Hương	ThS. Trần Thị Thu Hoài	Đồ án đã nghiên cứu được: - Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội - Tình hình quản lý và sử dụng đất xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội - Đánh giá được công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội - Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn xã Nghiêm Xuyên, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
201	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.	Lê Thị Hương Thảo	ThS. Vũ Hải Hà	- Phân tích, đánh giá kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Vĩnh Tường. - Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Vĩnh Tường. - Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề còn tồn đọng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.
202	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn.	Lý Quốc Khánh	ThS. Vũ Thị Thu Hiền	- Đồ án nghiên cứu được tổng quan về công tác đăng ký đất đai, cấp GCN - Đánh giá được kết quả thực hiện công tác đăng ký, cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn nghiên cứu trong giai đoạn 2015-2018. Tìm ra được những thuận lợi và khó khăn, những kết quả đạt được và những mặt còn hạn chế trong công tác đăng ký, cấp Giấy chứng nhận; - Đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận trên địa bàn nghiên cứu;
203	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn xã Hùng Long, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ	Quyền Hồng Ngọc	ThS. Vũ Thị Thu Hiền	- Đồ án đã có nghiên cứu tổng quan về công tác đăng ký đất đai, cấp GCN - Đánh giá được thực trạng cấp GCN trên địa bàn xã Hùng Long, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ, đưa ra được những thuận lợi và khó khăn, những kết quả đạt được, những mặt còn hạn chế và nguyên nhân trong công tác đăng ký, cấp GCN và đề xuất được một số giải pháp nhằm hoàn thành tốt công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận trên địa bàn nghiên cứu.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
204	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.	Trần Thị Anh	ThS. Vũ Thị Thu Hiền	- Đồ án đã trình bày được tổng quan về công tác đăng ký đất đai, cấp GCN. - Đánh giá được kết quả thực hiện công tác đăng ký, cấp Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân đối với đất nông nghiệp và đất ở trên địa bàn nghiên cứu. Chỉ ra được những thuận lợi và khó khăn, những tồn tại và nguyên nhân trong công tác đăng ký, cấp Giấy chứng nhận tại địa bàn nghiên cứu; - Đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thành tốt công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận trên địa bàn nghiên cứu.
205	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.	Ong Thị Ánh	ThS. Vũ Thị Thu Hiền	- Đồ án đã có nghiên cứu tổng quan về công tác đăng ký đất đai, cấp GCN - Đánh giá được tình hình cấp GCN trên địa bàn xã Yên Lư, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang, đưa ra được những thuận lợi và khó khăn, những kết quả đạt được, những mặt còn hạn chế và nguyên nhân trong công tác đăng ký, cấp GCN - Đề xuất được một số giải pháp góp phần hoàn thành tốt công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận trên địa bàn nghiên cứu.
206	Đại học chính quy	Đánh giá việc thực hiện các quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Nguyễn Thị Thanh	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	- Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc. - Đánh giá việc thực hiện các quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (tập trung vào các quyền chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất...) - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả thực hiện các quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn nghiên cứu.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
207	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Trần Thị Thùy Linh	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	- Đánh giá tình hình quản lý và hiện trạng sử dụng đất năm 2018 huyện Đan Phượng, TP Hà Nội; - Đánh giá thực trạng công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện Đan Phượng, TP Hà Nội thông qua 3 dự án dự án nghiên cứu trên địa bàn huyện Đan Phượng đó là: Dự án Xây dựng trường mầm non xã Tân Lập, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Dự án Xây dựng hạ tầng khu đầu giá quyền sử dụng đất phát triển làng nghề thôn Hạ, xã Liên Trung, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội; Dự án Xây dựng Nhà văn hóa thôn Bãi Thuy, xã Đông Tháp, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. - Đánh giá được thuận lợi, khó khăn trong công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại huyện Đan Phượng; - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại huyện Đan Phượng;
208	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Tân Dân, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Thị Huyền	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	- - Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất năm 2018 xã Tân Dân, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội; - Đánh giá thực trạng công tác cấp GCNQSDĐ; quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Tân Dân, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội; - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Tân Dân.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
209	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Bình Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.	Ngô Thủy Tiên	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	- Đánh giá thực trạng công tác cấp GCNQSDĐ; quyền sở hữu Nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Bình Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã Bình Minh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình;
210	Đại học chính quy	Tìm hiểu giá đất ở và các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở trên địa bàn huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Tăng Thị Thúy Hằng	TS. Nguyễn Thị Khuy	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; - Thực trạng giá đất ở và một số yếu tố ảnh hưởng đến giá đất ở tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện công tác định giá đất tại huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.
211	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Nguyễn Khánh Hương	TS. Phạm Anh Tuấn	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, cơ sở lý luận thực tiễn trong quản lý đất đai, tổng quan về căn cứ pháp lý và quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai (các nội dung về đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, công tác quản lý quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, thống kê kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất...). - Nghiên cứu hiện trạng sử dụng đất, biến động đất đai của xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. _ Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMap XM

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính xã Thái Giang, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
212	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư tại một số dự án trên địa bàn xã Đường Hoa, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Thanh Tùng	TS. Vũ Danh Tuyên	Nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, các căn cứ pháp lý liên quan đến công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định hiện hành. - Nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, tình hình quản lý và sử dụng đất xã Đường Hoa, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. - Nghiên cứu, phân tích, đánh giá thực trạng công tác thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn xã Đường Hoa, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh. - Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thu hồi đất trên địa bàn xã Đường Hoa, huyện Hải Hà, tỉnh Quảng Ninh
213	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Thị Minh Anh	ThS. Bùi Nguyễn Thu Hà	Đề tài đã đạt được kết quả: - Đánh giá được điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội khu vực nghiên cứu - Đánh giá được hiện trạng sử dụng đất - Đánh giá được tình hình cấp giấy chứng nhận đối với đất ở và đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân tại huyện Ba Vì - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cấp giấy chứng nhận trên địa bàn huyện Ba Vì gđoạn tiếp theo
214	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Trần Thị Thu Thủy	ThS. Hoàng Phương Anh	- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai theo 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; - Đánh giá hiện trạng sử dụng đất năm 2018 và biến động đất đai tại phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao công tác quản lý và sử dụng

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					đất tại phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
215	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu	Lường Thị Thiên Lý	ThS. Lê Thị Lan	- Đánh giá được điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội tại địa bàn KVNC - Đánh giá được tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. - Đánh giá tình hình cấp GCN đối với hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn KVNC. - Đưa ra được 1 số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác cấp GCN trên địa bàn huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu.
216	Đại học chính quy	Đánh giá tác động của quá trình đô thị hóa và đề xuất giải pháp chuyên mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp trên địa bàn thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	Đào Thiện Dũng	ThS. Nguyễn Ngọc Hồng	- Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Nghiên cứu quá trình đô thị hóa trên địa bàn thành phố Yên Bái. - Đánh giá tác động của việc thu hồi đất nông nghiệp ảnh hưởng đến cuộc sống người dân trên địa bàn nghiên cứu. - Đề xuất giải pháp khắc phục những tác động tiêu cực đến những vấn đề xã hội và môi trường
217	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Phạm Thu Thảo	ThS. Nguyễn Ngọc Hồng	- Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình. - Đánh giá được tình hình quản lý, sử dụng đất trên địa bàn nghiên cứu. - Đánh giá được thực trạng công tác cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình hết ngày 31/12/2018. - Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn nghiên cứu.
218	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.	Nông Công Tú	ThS. Nguyễn Ngọc Hồng	- Đánh giá về điều kiện tự nhiên – kinh tế, xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Thực trạng quản lý và sử dụng đất tại huyện Trùng Khánh. - Đánh giá được các nội dung của công tác quản lý nhà nước về đất đai

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					và tình hình sử dụng đất trên địa bàn nghiên cứu. - Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng đất.
219	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Lê Thị Thu Cúc	ThS. Nguyễn Thị Nga	Đề tài đã đạt được những kết quả - Khái quát được những nội dung tổng quan có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn tài nguyên đất đai. - Khái quát và đánh giá được những đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội, tình hình quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn phường theo những nội dung quản lý nhà nước về đất đai. - Phân tích và đánh giá được hiện trạng sử dụng đất năm 2018, biến động đất đai trong giai đoạn 2015 – 2018 của phường. - Cơ bản đề xuất định hướng sử dụng đất đến năm 2020 (định hướng đến năm 2030) theo mục tiêu phát triển kinh tế xã hội chung. - Đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác quản lý và sử dụng đất của phường
220	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Nguyễn Thị Hương Thi	ThS. Nguyễn Thị Thu Hương	Đề tài đã đạt được kết quả: - Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Duy Tiên - Tình hình quản lý, sử dụng đất trên địa bàn huyện. - Đánh giá được kết quả cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn huyện Duy Tiên - Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam
221	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại quận	Vũ Minh Đức	ThS. Trần Minh Tiến	- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng - Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn quận Dương Kinh; - Đánh giá kết quả cấp giấy chứng nhận trên địa bàn quận Dương Kinh giai đoạn 2014-2018; - Đề xuất một số giải pháp có tính

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Dương Kinh, thành phố Hải Phòng			thực tiễn cao, giải quyết được những khó khăn trong công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận của địa phương.
222	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng giá đất ở trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội giai đoạn 2015 - 2018	Bùi Thùy Dương	ThS. Trần Minh Tiến	- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của quận Bắc Từ Liêm - Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm - Đánh giá thực trạng giá đất ở trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm giai đoạn 2015 - 2018 - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác định giá đất và quản lý giá đất ở trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm.
223	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Phạm Thị Nga	ThS. Trần Minh Tiến	- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội huyện Bảo Thắng - Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn huyện Bảo Thắng - Trình bày được tình hình đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận của từng đơn vị trên địa bàn huyện Bảo Thắng; - Đánh giá kết quả cấp giấy chứng nhận trên địa bàn huyện Bảo Thắng giai đoạn 2014-2018; - Đề xuất một số giải pháp có tính thực tiễn cao, giải quyết được những khó khăn trong công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận của địa phương.
224	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Đỗ Thị Trang	ThS. Trần Minh Tiến	- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn quận 2, thành phố Hồ Chí Minh; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất trên địa bàn quận 2, thành phố Hồ Chí Minh; - Đánh giá kết quả cấp giấy chứng nhận trên địa bàn quận 2 giai đoạn 2014-2018; - Đề xuất một số giải pháp có tính thực tiễn cao, giải quyết được những khó khăn trong công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận của địa phương.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
225	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định	Dương Thị Thanh An	ThS. Võ Diệu Linh	Đồ án đã nghiên cứu được: - Đánh giá được về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội tại địa bàn huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định - Đánh giá Tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn nghiên cứu - Quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất - Đánh giá kết quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác trên địa bàn huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định - Đề xuất các giải pháp một số giải pháp để cải thiện công tác quản lý đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất.
226	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng đăng kí đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.	Nguyễn Hà Phương	ThS. Vũ Hải Hà	- Đánh giá, phân tích công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. - Đánh giá thuận lợi và khó khăn trong công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn nghiên cứu. - Đề xuất giải pháp nhằm giải quyết khó khăn trong công tác cấp GCN trên địa bàn thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.
227	Đại học chính quy	Ứng dụng GIS xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Trọng Tiến	ThS. Vũ Lệ Hà	- Tổng quan về cơ sở dữ liệu giá đất và các công nghệ thành lập cơ sở dữ liệu giá đất - Thực hiện các quy trình để xây dựng được cơ sở dữ liệu giá đất tại xã Kim Lỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. - Đánh giá được ưu nhược điểm của phần mềm xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho địa phương đồng thời đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nói chung và cơ sở dữ liệu giá đất nói riêng.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
228	Đại học chính quy	Nghiên cứu hiệu quả của đồn điền đổi thửa tại xã Minh Trí, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Nguyễn Diệu Hương	TS. Đào Văn Khánh	Nội dung nghiên cứu - Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của xã Minh Trí. - Hiện trạng sử dụng đất của xã Minh Trí. - Kết quả công tác đồn điền đổi thửa xã Minh Trí. - Đưa ra những mặt đạt được và còn tồn tại trong quá trình đồn điền, đổi thửa trên địa bàn xã Minh Trí. - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác đồn điền, đổi thửa trên địa bàn xã Minh Trí.
229	Đại học chính quy	Nghiên cứu một số loại hình môi giới bất động sản tại thành phố Hà Nội	Đàm Văn Cường	TS. Đào Văn Khánh	- Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến thị trường bất động sản ở quận Bắc Từ Liêm. - Tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm - Thực trạng hoạt động môi giới BĐS trên địa bàn Quận Bắc Từ Liêm thành phố Hà Nội - Tìm hiểu tình hình các loại hình môi giới giao dịch BĐS tại địa bàn nghiên cứu. Cụ thể nghiên cứu 3 loại hình môi giới giao dịch BĐS là: + Loại hình môi giới giao dịch BĐS được tổ chức theo mô hình công ty. + Loại hình môi giới giao dịch BĐS được tổ chức theo mô hình trung tâm. + Loại hình môi giới giao dịch BĐS là các cá nhân.
230	Đại học chính quy	Đánh giá kết quả tình hình thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2015 và phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 trên địa bàn thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.	Đặng Thị Nhài	TS. Đào Văn Khánh	Nội dung nghiên cứu Đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của Thị xã Cửa Lò Tình hình quản lý và sử dụng đất đai Thị xã Cửa Lò Đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2011-2015 và phương án điều chỉnh quy hoạch đến năm 2020 tại thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
231	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả kinh tế của việc sử dụng đất nông nghiệp tại thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị	Nguyễn Đình Thọ	TS. Đào Văn Khánh	Nội dung nghiên cứu - Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội có liên quan đến sử dụng đất nông nghiệp của thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. - Thực trạng sử dụng đất nông nghiệp tại thị trấn Hồ Xá. - Xác định các loại hình sử dụng đất, kiểu sử dụng đất trên địa bàn thị trấn. - Hiệu quả kinh tế các loại hình sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn thị trấn. - Đề xuất hướng sử dụng và các giải pháp sử dụng đất nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế.
232	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng và giải pháp phát triển thị trường bất động sản trên địa bàn thành phố Hà Nội.	Nguyễn Thị Vui	TS. Đào Văn Khánh	Nội dung nghiên cứu - Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến thị trường bất động sản ở quận Nam Từ Liêm. - Khái quát về tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn thành phố Hà Nội - Nghiên cứu thực trạng thị trường bất động sản tại quận Nam từ Liêm - Đề xuất các giải pháp phát triển thị trường bất động sản tại quận Nam Từ Liêm.
233	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Nguyễn Minh Thiện	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	- Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam - Phân tích, đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn nghiên cứu.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
234	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang	Triệu Thị Mỹ Linh	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	- Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang - Đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn nghiên cứu.
235	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Lê Minh Nguyệt	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	- Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội - Phân tích, đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn nghiên cứu.
236	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Sơn Tùng	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	- Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên - Phân tích, đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn nghiên cứu.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
237	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2018 trên địa bàn quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.	Đinh Việt Anh	TS. Phạm Anh Tuấn	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, cơ sở lý luận thực tiễn trong quản lý đất đai, tổng quan về căn cứ pháp lý và quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai theo 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai của Luật đất đai 2013. - Phân tích hiện trạng sử dụng đất theo đối tượng quản lý và sử dụng đất, cơ cấu sử dụng đất, biến động đất đai và đưa ra xu thế sử dụng đất trong các năm tiếp theo của địa phương. - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. - Đánh giá kết quả sản phẩm bản đồ hiện trạng sử dụng đất theo quy phạm thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn quận Ba Đình, tp Hà Nội.
238	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.	Đỗ Thị Hòa	TS. Phạm Anh Tuấn	Nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp GCN. -Nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, hiện trạng và biến động đất đai huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. - Nghiên cứu thực trạng, quy trình thực hiện lập và quản lý, cập nhật hồ sơ địa chính; thực trạng và quy trình thực hiện đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.Đưa ra các điểm đã đạt được, các mặt tồn tại hạn

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					chế, các trường hợp tồn đọng chưa được cấp giấy chứng nhận. - Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.
239	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất đai trên địa bàn thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	Nguyễn Thị Yến Ly	TS. Phạm Anh Tuấn	-Nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của công tác quản lý nhà nước về đất đai, thực tiễn công tác quản lý đất đai trên thế giới, tại Việt Nam, và tỉnh Phú Thọ. -Nghiên cứu phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội thành phố Việt Trì. -Nghiên cứu và đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai theo 15 nội dung quản lý nhà nước về đất đai Luật đất đai 2013 (tập trung vào các nội dung chính như: công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, công tác thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất...) đánh giá việc thực hiện và quản lý các công tác trên, đưa ra các mặt đạt được, cũng như tồn tại hạn chế trên địa bàn TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. - Phân tích hiện trạng sử dụng theo đối tượng quản lý sử dụng và theo mục đích sử dụng, cơ cấu sử dụng đất và biến động đất đai qua các giai đoạn, từ đó định hướng được xu hướng sử dụng đất trong các năm tiếp theo của TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. - Đề xuất các giải pháp nâng cao công tác quản lý và sử dụng đất trên địa bàn TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
240	Đại học chính quy	Ứng dụng GIS trong xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại xã Hưng Công, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.	Nguyễn Thị Thùy	ThS. Bùi Thị Cẩm Ngọc	Đề tài đã đạt được các kết quả như sau: - Đánh giá được điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội của xã Hưng Công, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. - Xây dựng quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại xã Hưng Công, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. - Xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại xã Hưng Công, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. - Xây dựng bản đồ giá đất nhà nước tại xã Hưng Công, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. - Xây dựng bản đồ giá đất ở trên thị trường tại xã Hưng Công, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. - So sánh giá nhà nước và giá thị trường đối với đất ở tại xã Hưng Công, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. - Đánh giá ưu và nhược điểm của phần mềm ArcGIS
241	Đại học chính quy	Ứng dụng GIS trong xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Thị Thu Hiền	ThS. Bùi Thị Cẩm Ngọc	Đề tài đã đạt được các kết quả như sau: - Đánh giá được điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội của Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. - Xây dựng quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. - Xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. - Xây dựng bản đồ giá đất nhà nước tại xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. - Xây dựng bản đồ giá đất ở trên thị trường tại xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. - So sánh giá nhà nước và giá thị trường đối với đất ở tại xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. - Đánh giá ưu và nhược điểm của phần mềm ArcGIS

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
242	Đại học chính quy	Ứng dụng GIS trong xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Lan Anh	ThS. Bùi Thị Cẩm Ngọc	Đề tài đã đạt được các kết quả như sau: - Đánh giá được điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội của Đỗ Động, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. - Xây dựng quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. - Xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. - Xây dựng bản đồ giá đất nhà nước tại xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. - Xây dựng bản đồ giá đất ở trên thị trường tại xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. - So sánh giá nhà nước và giá thị trường đối với đất ở tại xã Đỗ Động, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. - Đánh giá ưu và nhược điểm của phần mềm ArcGIS
243	Đại học chính quy	Ứng dụng GIS trong xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Bùi Lan Anh	ThS. Bùi Thị Cẩm Ngọc	Đề tài đã đạt được các kết quả như sau: - Đánh giá được điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội của Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội - Xây dựng quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội - Xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội - Xây dựng bản đồ giá đất nhà nước tại xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội - Xây dựng bản đồ giá đất ở trên thị trường tại xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội - So sánh giá nhà nước và giá thị trường đối với đất ở tại xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội - Đánh giá ưu và nhược điểm của phần mềm ArcGIS

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
244	Đại học chính quy	Ứng dụng GIS trong xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Phạm Thủy Thương	ThS. Bùi Thị Cẩm Ngọc	Đề tài đã đạt được các kết quả như sau: - Đánh giá được điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội của thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc - Xây dựng quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc - Xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất tại thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc - Xây dựng bản đồ giá đất nhà nước tại thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc - Xây dựng bản đồ giá đất ở trên thị trường tại thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc - So sánh giá nhà nước và giá thị trường đối với đất ở tại thị trấn Yên Lạc, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc - Đánh giá ưu và nhược điểm của phần mềm ArcGIS
245	Đại học chính quy	Nghiên cứu ứng dụng phần mềm ViLIS 2.0 xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương	Lê Thùy Dương	ThS. Đào Mạnh Hồng	Đề tài đã đạt được kết quả: - Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội tại địa bàn xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương (Tổng quan địa bàn nghiên cứu) - Tình hình quản lý sử dụng đất, hiện trạng sử dụng đất và biến động sử dụng đất. - Nghiên cứu khả năng ứng dụng ViLIS 2.0 trong kê khai đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. - Thực hiện kê khai đăng ký tại xã Cẩm Vũ, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương - Đánh giá kết quả đạt được và đề xuất một số giải pháp.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
246	Đại học chính quy	Nghiên cứu ứng dụng phần mềm gCadas trong kê khai đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực nghiệm tại xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Tạ Thị Minh Hương	ThS. Đào Mạnh Hồng	Đề tài đã đạt được kết quả: - Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế, xã hội xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. - Tình hình quản lý, sử dụng đất và biến động đất đai tại xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm gCadas trong kê khai đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất - Thực nghiệm kê khai đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bằng phần mềm gCadas tại xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, TP Hà Nội. - Đánh giá kết quả đạt được và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn trong công tác kê khai đăng ký và cấp giấy chứng nhận bằng phần mềm gCadas và triển khai trên các địa bàn có tính chất tương đồng.
247	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm MicroStation V8i, VietMap XM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính xã Giao Hà, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Phạm Quang Chuẩn	ThS. Đỗ Như Hiệp	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các phần mềm ứng dụng để quản lý đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn xã Giao Hà, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMapXM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Giao Hà, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định và đề xuất khả năng ứng dụng phần mềm trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nói chung và quản lý đất đai nói riêng trên địa bàn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
248	Đại học chính quy	Ứng dụng phần mềm MicroStation V8i, VietMap XM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất từ bản đồ địa chính thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Phạm Thúy Quỳnh	ThS. Đỗ Như Hiệp	Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các phần mềm ứng dụng để quản lý đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMapXM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất thị trấn Quất Lâm, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định và đề xuất khả năng ứng dụng phần mềm trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nói chung và quản lý đất đai nói riêng trên địa bàn.
249	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình quản lý và sử dụng đất tại xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Tênh Thị Day	ThS. Nguyễn Thị Huệ	Đề tài đã đạt được kết quả như sau: - Nghiên cứu điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; - Nghiên cứu hiện trạng quản lý và sử dụng đất xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; Đánh giá thực trạng quản lý đất đai và tình hình sử dụng đất đai xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La; - Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La
250	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa	Nguyễn Thị Thúy Vân	ThS. Trần Thị Thu Hoài	Đồ án đã nghiên cứu được: - Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc - Tình hình quản lý và sử dụng đất phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc - Đánh giá được công tác đăng ký đất đai, cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn phường

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		bản phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.			Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc - Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao công tác đăng ký đất đai, cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn phường Hùng Vương, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
251	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng đăng kí đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Huyền Trang	ThS. Vũ Hải Hà	- Đánh giá việc thực hiện công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Mê Linh, TP Hà Nội. - Đánh giá thực trạng cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại huyện Mê Linh. - Đề xuất các giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại và phát huy những mặt tích cực để nhằm hoàn thiện hơn nữa trong công tác cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Mê Linh, TP Hà Nội.
252	Đại học chính quy	Nghiên cứu thực trạng thị trường bất động sản trên địa bàn quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Nguyễn Thu Trang	ThS. Vũ Thị Thu Hiền	- Đồ án đã trình bày được cơ sở lý luận, cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn về bất động sản, thị trường bất động sản. - Nghiên cứu được thực trạng cung cầu và giá cả bất động sản tại quận Hà Đông giai đoạn 2016 - 2018; - Nghiên cứu được các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường bất động sản quận Hà Đông. - Đề xuất một số giải pháp phát triển thị trường bất động sản quận Hà Đông trong thời gian tới;

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
253	Đại học chính quy	Ứng dụng công nghệ thông tin thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Hải An, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	Lê Thị Ngọc Anh	ThS.Đào Đình Đức	- Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các phần mềm ứng dụng để quản lý đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn xã Hải An, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa. - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMapXM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Hải An, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa từ bản đồ địa chính. và đề xuất khả năng ứng dụng phần mềm trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nói chung và quản lý đất đai nói riêng trên địa bàn.
254	Đại học chính quy	Ứng dụng công nghệ thông tin thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Thị Châu Giang	ThS.Đào Đình Đức	- Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các phần mềm ứng dụng để quản lý đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMapXM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh từ bản đồ địa chính và đề xuất khả năng ứng dụng phần mềm trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nói chung và quản lý đất đai nói riêng trên địa bàn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
255	Đại học chính quy	Ứng dụng công nghệ thông tin thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Vũ Thị Thúy Hảo	ThS.Đào Đình Đức	- Nghiên cứu tổng quan về căn cứ pháp lý, quy trình thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các phần mềm ứng dụng để quản lý đất đai, thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất. - Nghiên cứu các điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định - Nghiên cứu ứng dụng phần mềm Microstation V8i và VietMapXM thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Hải Hà, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định từ bản đồ địa chính và đề xuất khả năng ứng dụng phần mềm trong thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất nói chung và quản lý đất đai nói riêng trên địa bàn.
256	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh	Lê Thị Huệ	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	- Đánh giá kết quả cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh - Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh - Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề còn tồn đọng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thị trấn Ba Chẽ, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh
257	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại xã	Đàm Thị Thương Giang	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	- Đánh giá tình hình quản lý nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất xã Tuấn Chính, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc - Phân tích, đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn xã Tuấn Chính, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Tuân Chính, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc			- Đề xuất một số giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn nghiên cứu.
258	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.	Phạm Thị Khánh Huyền	TS. Phạm Anh Tuấn	Nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp GCN. -Nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, hiện trạng và biến động đất đai thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. - Nghiên cứu thực trạng công tác lập, quản lý, cập nhật hồ sơ địa chính; thực trạng công tác đăng ký đất đai, công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn TP Nam Định, tỉnh Nam Định; đưa ra các tồn tại hạn chế của các công tác này, các trường hợp tồn đọng chưa được cấp giấy chứng nhận. - Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn TP Nam Định, tỉnh Nam Định.
259	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tại xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.	Đỗ Thị Linh Trang	TS. Trần Xuân Biên	- Tổng quan được các vấn đề nghiên cứu; - Đánh giá được thực trạng phát triển kinh tế, xã hội của khu vực nghiên cứu. - Đánh giá được tình hình sử dụng và biến động đất đai giai đoạn 2015 – 2018; - Tổng hợp được hệ thống cây trồng chủ yếu tại khu vực nghiên cứu. - Xác định được các loại hình sử dụng đất và mô tả khái quát từng loại hình sử dụng đất có minh chứng bằng hình ảnh.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					- Điều tra, phỏng vấn các hộ gia đình đại diện cho các loại hình sử dụng thông qua hệ thống mẫu phiếu điều tra. - Đánh giá được hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường của từng loại hình sử dụng đất qua tiêu chí đánh giá TCVN 8409: 2011 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Đề xuất được các loại hình sử dụng đất có triển vọng trong tương lai và đưa ra được các giải pháp đề nâng cao hiệu quả sử dụng đất.
260	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Nguyễn Thị Mỹ Linh	TS. Phạm Anh Tuấn	-Nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của công tác quản lý nhà nước về đất đai, thực tiễn công tác quản lý đất đai tại thế giới, Việt Nam, và tỉnh Bắc Ninh. -Nghiên cứu phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. -Nghiên cứu và đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh theo quy định của Luật đất đai năm 2013(tập trung vào các nội dung chính như: Việc ban hành và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật; công tác đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; công tác lập và quản lý hồ sơ địa chính...). - Đề xuất các giải pháp nâng cao công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
II. Khoa học đất					

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
1	Đại học chính quy	Đánh giá một số tính chất đất trên địa bàn huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Đặng Hoàng Đan	TS. Dương Đăng Khôi	Đề án đã đánh giá được một số tính chất vật lý (thành phần cơ giới, kết cấu đất), tính chất hóa học (pH, OM, CEC, NPK) của một số nhóm đất chính trên địa bàn huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho đánh giá phân hạng đất nông nghiệp, độ phì đất, phục vụ đề xuất các loại cây trồng thích hợp với điều kiện thổ nhưỡng của địa phương.
2	Đại học chính quy	Đánh giá một số tính chất đất trên địa bàn thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	Phan Thị Quỳnh Chi	TS. Dương Đăng Khôi	Đề án đã đánh giá được một số tính chất vật lý (thành phần cơ giới, kết cấu đất), tính chất hóa học (pH, OM, CEC, NPK) của một số nhóm đất chính trên địa bàn huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Kết quả nghiên cứu góp phần cung cấp cơ sở thực tiễn cho đánh giá phân hạng đất nông nghiệp, độ phì đất, phục vụ đề xuất các loại cây trồng thích hợp với điều kiện thổ nhưỡng của địa phương.

III. Ngành Kinh tế Tài nguyên thiên nhiên

1	Đại học chính quy	Một số biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh tại công ty cổ phần VICEM bao bì Hải Phòng	Dương Thu Uyên	ThS. Đỗ Thị Ngọc Thúy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về nâng cao hiệu quả sản xuất và kinh doanh tại doanh nghiệp từ đó đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần VICEM bao bì Hải Phòng từ những năm 2016-2018 về hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế của công ty. Đồng thời xác định vấn đề môi trường mà công ty đang gặp phải, từ đó đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty
2	Đại học chính quy	Thực trạng quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn TP Hà Nội	Lương Thu Thủy	ThS. Đặng Thị Hiền	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý chất thải nguy hại; tình hình xả chất thải nguy hại trên địa bàn. Đánh giá thực trạng quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Hà Nội, chỉ ra những kết quả đạt được và những hạn chế còn tồn tại trong quản lý chất thải nguy hại, nguyên nhân của những hạn chế đó; Đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện công tác quản lý chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
3	Đại học chính quy	Tăng cường năng lực giám sát tài nguyên môi trường tại cục Viễn Thám quốc gia	Vũ Thanh Thu	ThS. Đặng Thị Hiền	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về tăng cường năng lực giám sát tài nguyên và môi trường; Phân tích tình hình năng lực giám sát tài nguyên và môi trường tại cục Viễn thám quốc gia trong những năm qua. Đánh giá thực trạng tăng cường năng lực giám sát tài nguyên và môi trường tại Cục Viễn Thám Quốc Gia; chỉ ra những kết quả đạt được và hạn chế trong việc tăng cường năng lực giám sát tài nguyên và môi trường; Đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục tăng cường năng lực giám sát tài nguyên và môi trường tại Cục Viễn Thám Quốc Gia.
4	Đại học chính quy	Thực trạng quản lý nhà nước về môi trường tại thị xã Sơn Tây, tp Hà Nội	Cao Duy Nam	TS. Hà Thị Thanh Thủy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý Nhà nước về môi trường cấp thị xã. Khái quát chung về môi trường, quản lý Nhà nước về môi trường cấp xã; thực tiễn các địa phương thực hiện quản lý môi trường như thế nào; Đánh giá thực trạng quản lý Nhà nước về môi trường tại thị xã Sơn tây, thành phố Hà Nội. Chỉ ra những kết quả đạt được và hạn chế của quản lý môi trường tại địa bàn, đồng thời chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý môi trường tại địa bàn; Đề xuất giải pháp cải thiện đối với quản lý Nhà nước về môi trường tại thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội
5	Đại học chính quy	Thực trạng bảo vệ và phát triển rừng tại địa bàn huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Lại Thị Thu Uyên	ThS. Đặng Thị Hiền	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về bảo vệ và phát triển rừng. Mục tiêu, nội dung, các tiêu chí đánh giá hoạt động bảo vệ và phát triển rừng; Trên cơ sở đánh giá thực trạng bảo vệ và phát triển rừng tại địa bàn huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội những kết quả đạt được trong hoạt động bảo vệ và phát triển rừng tại địa bàn. Đồng thời, chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động bảo vệ và phát triển rừng tại đây. Đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
6	Đại học chính quy	Thực trạng sản xuất, truyền tải và phân phối điện của công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nam Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận	Đỗ Hương Quỳnh	TS. Hà Thị Thanh Thủy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Thực trạng về sản xuất, truyền tải và phân phối điện của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nam Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, cụ thể về tình hình sản xuất, truyền tải và phân phối điện của đơn vị; những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, truyền tải và phân phối điện của đơn vị; Đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện hoạt động sản xuất, truyền tải và phân phối điện của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nam Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.
7	Đại học chính quy	Ảnh hưởng của chất lượng nước đến chi phí sinh hoạt của người dân tại xã Vĩnh Thịnh, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc	Phùng Thị Tuyết	TS. Hà Thị Thanh Thủy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về ảnh hưởng của chất lượng nước đến chi phí sinh hoạt của người dân. Đánh giá chất lượng nước sinh hoạt của người dân tại Xã Vĩnh Thịnh, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc. Xác định ảnh hưởng của chất lượng nước đến chi phí sinh hoạt của người dân tại Xã Vĩnh Thịnh, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc; Đề xuất giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng của chất lượng nước đến chi phí sinh hoạt của người dân tại Xã Vĩnh Thịnh, Huyện Vĩnh Tường, Tỉnh Vĩnh Phúc
8	Đại học chính quy	Thực trạng quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Nguyễn Thủy Trang	ThS. Đặng Thị Hiền	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý nhà nước về đất đai cấp huyện; tình hình sử dụng đất đai tại địa bàn; Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn Huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình chỉ ra những kết quả đạt được và hạn chế trong quản lý nhà nước về đất đai tại địa bàn; Đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn Huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
9	Đại học chính quy	Giải pháp tăng cường công tác Bảo vệ môi trường tại Việt Nam trong giai đoạn tới	Nguyễn Khánh Huyền	TS. Đỗ Thị Dinh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác bảo vệ môi trường; Phân tích thực trạng công tác bảo vệ môi trường của Việt Nam hiện nay; những kết quả đạt được trong công tác bảo vệ môi trường, những hạn chế còn tồn tại trong công tác bảo vệ môi trường, đồng thời chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến công tác bảo vệ tài nguyên và môi trường ở Việt Nam; Đề xuất các giải pháp tăng cường bảo vệ môi trường Việt Nam trong thời.
10	Đại học chính quy	Thực trạng phát triển kinh tế Thủy Sản tại thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	Phạm Thị Diệu Hương	TS. Hà Thị Thanh Thủy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế thủy sản, cụ thể chỉ ra các nội dung cũng như chỉ tiêu phát triển kinh tế thủy sản; Từ đó đánh giá thực trạng phát triển kinh tế thủy sản thủy sản thị xã Quảng Yên tỉnh Quảng Ninh,, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế thủy sản tại đại bàn nghiên cứu và đề xuất giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế thủy sản tại đâtại thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh
11	Đại học chính quy	Nghiên cứu mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại thị xã Sơn Tây, Hà Nội	Lê Thị Thu Huyền	TS. Đỗ Thị Dinh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường; Xác định mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường và các yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại thị xã Sơn Tây, Hà Nội; Đề xuất giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại thị xã Sơn Tây, Hà Nội
12	Đại học chính quy	Thực trạng quản lý nhà nước về đất nông nghiệp tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Thị Hồng Nga	TS. Hà Thị Thanh Thủy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý Nhà nước về đất nông nghiệp ở cấp huyện; Đánh giá thực trạng công tác quản lý Nhà nước về đất nông nghiệp tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; công tác quản lý Nhà nước về đất nông nghiệp đã đạt được những kết quả gì và có hạn chế gì, các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về đất nông nghiệp tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên; Đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					công tác quản lý Nhà nước về đất nông nghiệp tại huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.
13	Đại học chính quy	Đánh giá tình hình khai thác tài nguyên đá tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nam Tuy Phong	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TS. Đỗ Thị Dinh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về khai thác tài nguyên đá; Đánh giá thực trạng tình hình khai thác tài nguyên đá tại công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nam Tuy Phong; tình hình khai thác về sản lượng, phương thức khai thác, kết quả đạt được và những hạn chế còn tồn tại trong khai thác tài nguyên đá; các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động khai thác tài nguyên đá; Đề xuất giải pháp nhằm cải thiện hoạt động khai thác tài nguyên đá của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nam Tuy Phong
14	Đại học chính quy	Thực trạng thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt tại công ty TNHH 1 thành viên Môi trường đô thị Hải Phòng	Trần Thu Thảo	ThS. Đặng Thị Hiền	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt; Đánh giá thực trạng thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt tại công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng; những kết quả đạt được và hạn chế trong công tác thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt, nguyên nhân của những hạn chế trong thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt; Đề xuất những giải pháp nhằm cải thiện công tác thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt tại công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng.
15	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng đất lâm nghiệp tại huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Nguyễn Thị Thùy Dung	TS. Đỗ Thị Dinh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về hiệu quả kinh tế sử dụng đất lâm nghiệp, các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng đất lâm nghiệp; Đánh giá hiệu quả kinh tế của sử dụng đất lâm nghiệp tại huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hóa, các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả kinh tế sử dụng đất, các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp; Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Quan Sơn trong thời gian tới.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
16	Đại học chính quy	Thực trạng quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường tại huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Nguyễn Ngọc Sơn	TS. Hà Thị Thanh Thủy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực ti về quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường; Phân tích thực trạng quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường tại huyện Nga Sơn, cụ thể phân tích tình hình tài nguyên và môi trường tại địa bàn nghiên cứu, kết quả đạt được trong công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường tại huyện Nga Sơn; Đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện công tác quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường tại huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
17	Đại học chính quy	Nghiên cứu mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước Sông Châu Giang tại tỉnh Hà Nam	Nguyễn Thị Thu Hoài	TS. Đỗ Thị Dinh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc giảm thiểu ô nhiễm; Phân tích thực trạng ô nhiễm môi trường nước tại sông Châu Giang. Phân tích thực trạng ô nhiễm môi trường nước tại Sông Châu Giang, ước lượng được mức sẵn lòng chi trả của người dân mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước Sông Châu Giang tại tỉnh Hà Nam; chỉ ra các nhân tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước tại sông Châu Giang
18	Đại học chính quy	Biện pháp kinh tế và quản lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở làng nghề Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội	Dương Minh Huyền	TS. Đỗ Thị Dinh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận về biện pháp kinh tế và quản lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường; Phân tích biện pháp kinh tế và quản lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở làng nghề Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội, những kết quả đạt được và hạn chế trong các biện pháp kinh tế và quản lý giảm thiểu ô nhiễm ở làng nghề Vạn Phúc, các nhân tố ảnh hưởng. Từ đó đề xuất cải biện pháp kinh tế và quản lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở làng nghề Vạn Phúc, Hà Đông, Hà Nội.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
19	Đại học chính quy	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý rừng phòng hộ- đặc dụng huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội	Trần Thị Hải Yến	ThS. Đỗ Thị Ngọc Thúy	Từ cơ sở lý luận về nâng cao hiệu quả công tác quản lý rừng, và thực trạng quản lý rừng phòng hộ đặc dụng huyện Sóc Sơn, khóa luận trình bày hệ thống, những kết quả đạt được trong công tác quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng tại huyện Sóc Sơn. Các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý rừng tại đây. Bao gồm giải pháp về công tác quy hoạch rừng, giải pháp kinh tế, giải pháp kỹ thuật nâng cao hiệu quả môi trường và công tác quản lý, và một số giải pháp quản lý khác.
20	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội	Trần Văn Anh	TS. Đỗ Thị Dinh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về hiệu quả kinh tế sử dụng đất nông nghiệp; Đánh giá hiệu quả kinh tế và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội; Các kết quả đạt được và hạn chế trong sử dụng đất nông nghiệp, các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế sử dụng đất nông nghiệp tại địa bàn; Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.
21	Đại học chính quy	Thực trạng quản lý môi trường tại công ty TNHH 1 thành viên than Mạo Khê - Vinacomin	Dương Thị Thu Thủy	ThS. Đặng Thị Hiền	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý môi trường dưới góc độ doanh nghiệp, đánh giá thực trạng quản lý môi trường tại Công ty TNHH 1 thành viên than Mạo Khê; những kết quả đạt được trong quản lý môi trường tại đơn vị và những tồn tại trong quản lý môi trường tại đơn vị nghiên cứu, nguyên nhân của những tồn tại đó. Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý môi trường tại Công ty TNHH 1 thành viên than Mạo Khê – Vinacomin.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
22	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng môi trường của nhà máy may Yên Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang	Đỗ Thị Hải Yến	ThS. Đỗ Thị Ngọc Thúy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về môi trường; đánh giá thực trạng công tác xử lý môi trường tại nhà máy may Yên Dũng thuộc công ty cổ phần may Bắc Giang. và đánh được sự tác động của các loại chất thải trong quá trình hoạt động của nhà máy may Yên Dũng tới môi trường xung quanh, chỉ ra những nguyên nhân của những tồn tại trong môi trường ở địa bàn nghiên cứu. Từ đó, đề xuất biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường cho nhà máy may Yên Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.
23	Đại học chính quy	Thực trạng quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường tại huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang	Nguyễn Thị Thu Thảo	ThS. Đặng Thị Hiền	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn trong quản lý nhà nước về Tài nguyên và Môi trường; Thực trạng quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường tại huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang; Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao tính hiệu quả trong quản lý nhà nước về Tài nguyên và Môi trường.
24	Đại học chính quy	Biện pháp kinh tế và quản lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các làng nghề ở TP Bắc Giang	Trịnh Thị Minh Hà	TS. Đỗ Thị Dinh	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và kinh nghiệm thực tiễn về biện pháp kinh tế và quản lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường làng nghề; Đánh giá thực trạng và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thực hiện các biện pháp kinh tế và quản lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại một số làng nghề thành phố Bắc Giang những năm qua; Đề xuất tiếp tục hoàn thiện biện pháp kinh tế và quản lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các làng nghề thành phố Bắc Giang trong những năm tới.
25	Đại học chính quy	Thực trạng quản lý nhà nước về môi trường tại TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Dương Thị Trang	ThS. Đặng Thị Hiền	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý nhà nước về môi trường; Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về môi trường tại thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; những kết quả đạt được và hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về môi trường, các nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong quản lý nhà nước về môi trường tại địa bàn nghiên cứu. Đề

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					xuất một số giải pháp nhằm cải thiện công tác quản lý nhà nước về môi trường tại thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.
26	Đại học chính quy	Ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đến chi phí sức khỏe của người dân trên địa bàn quận Cầu Giấy, Hà Nội	Phạm Hương Thảo	TS. Hà Thị Thanh Thủy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đến chi phí sức khỏe của người dân; Xác định mức độ ô nhiễm không khí tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Xác định ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đến chi phí sức khỏe người dân trên địa bàn quận cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Đề xuất một số giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng của ô nhiễm không khí đến chi phí sức khỏe người dân trên địa bàn quận cầu Giấy, thành phố Hà Nội
27	Đại học chính quy	Thực trạng khai thác than tại công ty than Hạ Long, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Lưu Thanh Hoa	ThS. Nguyễn Thị Hiền	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về khai thác than; Phân tích thực trạng về khai thác than tại công ty than Hạ Long, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; những kết quả đạt được và hạn chế trong hoạt động khai thác than tại công ty than Hạ Long; các nhân tố ảnh hưởng đến khai thác than tại công ty than Hạ Long; Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động khai thác than tại công ty than Hạ Long, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
28	Đại học chính quy	Thực trạng kinh doanh xăng dầu tại công ty TNHH xây dựng và thương mại Hoàng Ngọc, tỉnh Hà Tĩnh	Lê Thị Ngọc	TS. Hà Thị Thanh Thủy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về kinh doanh xăng dầu; Đánh giá thực trạng kinh doanh xăng dầu tại công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại Hoàng Ngọc; những kết quả đạt được và hạn chế trong kinh doanh xăng dầu tại đơn vị; Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh xăng dầu tại công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại Hoàng Ngọc; Đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện hoạt động kinh doanh xăng dầu tại công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại Hoàng Ngọc

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
29	Đại học chính quy	Thực trạng quản lý nhà nước về chất thải rắn trên địa bàn huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Vũ Thị Thu Hương	ThS. Nguyễn Thị Hiền	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý nhà nước về chất thải rắn; Đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về chất thải rắn tại địa bàn huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, những kết quả đạt được trong quản lý nhà nước về chất thải rắn, những tồn tại và các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý nhà nước về chất thải rắn trên địa bàn nghiên cứu. Đề xuất một số giải pháp cải thiện công tác quản lý nhà nước về chất thải rắn trên địa bàn huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng
30	Đại học chính quy	Nghiên cứu mức sẵn lòng chi trả của các hộ gia đình cho việc lắp đặt hệ thống xử lý nước thải sản xuất của làng nghề Dệt nhuộm xã Phù Xá, huyện Mỹ Đức, TP Hà Nội	Phạm Thị Thùy Linh	ThS. Nguyễn Thị Hiền	Hệ thống hóa cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn về vấn đề ô nhiễm nước thải sản xuất làng nghề và mức sẵn lòng chi trả của người dân; Phân tích ảnh hưởng của nghề dệt nhuộm đến môi trường người dân xã Phù Xá, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội; Nghiên cứu mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc xử lý nước thải sản xuất nghề dệt nhuộm; Đề xuất giải pháp nhằm hạn chế và cải thiện chất lượng môi trường làng nghề, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.
31	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Yên Bái	Phạm Khánh Linh	ThS. Đào Hồng Vân	Hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác thu gom và xử lý rác thải; Thực trạng thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Yên Bái; về sản lượng, quá trình thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn. Kết quả đạt được và những tồn tại trong thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn. Đề xuất một số biện pháp tăng cường và hoàn thiện công tác thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn tỉnh Yên Bái.
32	Đại học chính quy	Thực trạng quản lý tài nguyên đất tại huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh	Hoàng Thị Thúy Hằng	ThS. Đỗ Thị Ngọc Thúy	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý tài nguyên đất. Từ đó, đánh giá thực trạng quản lý tài nguyên đất tại huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh. Những kết quả đạt được và hạn chế còn tồn tại trong quản lý tài nguyên đất tại huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, những nguyên nhân của những hạn chế trong quản lý tài nguyên đất ở địa bàn nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp để

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài nguyên đất tại huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.
33	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả kinh tế sử dụng đất nông nghiệp tại TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Nguyễn Thanh Tâm	ThS. Nguyễn Gia Thọ	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp, đánh giá thực trạng sử dụng đất nông nghiệp tại thành phố Hòa Bình, các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế trong sử dụng đất nông nghiệp tại địa bàn nghiên cứu, bên cạnh đó phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả kinh tế sử dụng đất sản xuất nông nghiệp tại thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế sử dụng đất tại địa bàn nghiên cứu
34	Đại học chính quy	Thực trạng đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Noong Bua, TP Điện Biên, Tỉnh Điện Biên	Trần Minh Hiếu	ThS. Nguyễn Thị Hiền	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác đấu giá quyền sử dụng đất; phân tích tình hình sử dụng đất tại địa bàn nghiên cứu, Đánh giá thực trạng công tác đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Noong Bua, thành phố Điện Biên, tỉnh Điện Biên; những kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập trong đấu giá quyền sử dụng đất tại đại bàn. Đề xuất một số giải pháp cải thiện công tác đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Noong Bua, thành phố Điện Biên, tỉnh Điện Biên.
35	Đại học chính quy	Thực trạng công tác quản lý nhà nước về môi trường tại huyện Hoài Đức, TP Hà Nội	Nguyễn Việt Thị Huyền	ThS. Nguyễn Thị Hiền	Hệ thống cơ sở lý luận về công tác quản lý nhà nước về môi trường; Phân tích thực trạng công tác quản lý nhà nước về môi trường tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; những kết quả đạt được trong công tác quản lý nhà nước về môi trường tại địa bàn cũng như những hạn chế còn tồn tại, các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về môi trường. Đề xuất một số giải pháp cải thiện hiệu quả công tác quản lý nhà nước về môi trường tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
36	Đại học chính quy	Thực trạng sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Phúc Thọ, TP Hà Nội	Nguyễn Thị Thùy Linh	ThS. Đào Hồng Vân	Hệ thống cơ sở thực tiễn về sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Phúc Thọ; Đánh giá thực trạng sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội, đánh giá về tình hình sử dụng đất, số lượng đất nông nghiệp sử dụng và phương thức sử dụng đất tại đại bản, những thuận lợi, khó khăn trong sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Phúc Thọ; Định hướng đề xuất một số biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp huyện Phúc Thọ, Thành Phố Hà Nội.
37	Đại học chính quy	Phát triển bền vững tài nguyên biển tại tỉnh Bình Định	Đỗ Hoàng Giang	ThS. Đỗ Thị Ngọc Thúy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển bền vững tài nguyên biển; thực trạng phát triển tài nguyên biển tại tỉnh Bình Định; nội dung và các chỉ tiêu phản ánh phát triển bền vững tài nguyên biển tại địa bàn nghiên cứu, các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển bền vững tài nguyên biển tại tỉnh Bình Định. Đề xuất một số giải pháp nhằm tiếp tục phát triển bền vững tài nguyên biển tại tỉnh Bình Định
38	Đại học chính quy	Thực trạng khai thác, xử lý và cấp nước sinh hoạt tại công ty CP cấp nước Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Lã Thị Hồng Nhung	TS. Hà Thị Thanh Thủy	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động khai thác, xử lý và cấp nước sinh hoạt; đánh giá thực trạng hoạt động khai thác, xử lý và cấp nước sinh hoạt tại Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Chỉ ra những kết quả đạt được và hạn chế trong khai thác, xử lý và cấp nước sinh hoạt tại đơn vị. Các nhân tố ảnh hưởng đến khai thác, xử lý và cấp nước sinh hoạt. Đề xuất giải pháp cải thiện kết quả của hoạt động đối với hoạt động khai thác, xử lý và cấp nước sinh hoạt tại Công ty cổ phần Cấp nước Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
39	Đại học chính quy	Thực trạng tiêu thụ sản phẩm lâm sản tại công ty CP Lâm sản Sơn Tây, TP Hà Nội	Thiều Thị Phụng	TS. Hà Thị Thanh Thủy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về tiêu thụ sản phẩm lâm sản; Đánh giá thực trạng tiêu thụ sản phẩm lâm sản của Công ty cổ phần lâm sản Sơn Tây; những kết quả đạt được và hạn chế trong tiêu thụ sản phẩm lâm sản của đơn vị. phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tiêu thụ sản phẩm lâm sản tại công ty CP lâm sản Sơn Tây. Đề xuất một số giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ sản phẩm lâm sản của Công ty cổ phần lâm sản Sơn Tây
40	Đại học chính quy	Giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý rác thải sinh hoạt tại quận Hà Đông, TP Hà Nội	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh	ThS. Đỗ Thị Ngọc Thúy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về nâng cao hiệu quả công tác quản lý rác thải sinh hoạt; Thực trạng quản lý rác thải sinh hoạt tại địa bàn nghiên cứu; hiệu quả của công tác quản lý rác thải sinh hoạt tại Quận Hà Đông trong những năm qua, các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý rác thải sinh hoạt tại địa bàn và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý rác thải sinh hoạt tại quận Hà Đông, TP Hà Nội
41	Đại học chính quy	Thực trạng và giải pháp giảm phát thải trong quá trình thi công công trình trạm xử lý nước thải tại nhà máy xử lý rác Hòa Phú, tỉnh Vĩnh Long	Vũ Thị Thúy Linh	ThS. Đào Hồng Vân	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về giảm phát thải trong thi công công trình trạm xử lý nước thải; Thực trạng giảm phát thải trong quá trình thi công trạm xử lý nước thải tại nhà máy xử lý rác Hòa Phú tỉnh Vĩnh Long; những nhân tố ảnh hưởng đến giảm phát thải trong quá trình thi công. Đề xuất định hướng và các giải pháp nhằm giảm phát thải trong quá trình thi công trạm xử lý nước thải tại nhà máy xử lý rác Hòa Phú, tỉnh Vĩnh Long.
42	Đại học chính quy	Thực trạng quản lý rác thải rắn sinh hoạt tại TP Phú Lý, tỉnh Hà Nam	Nguyễn Ngọc Sơn	ThS. Nguyễn Gia Thọ	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác quản lý RTSH nói chung để đánh giá thực trạng quản lý tại thành phố Phú Lý tỉnh Hà Nam, từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý RTSH tại địa bàn nghiên cứu. Đánh giá chung về công tác thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt từ người dân, nhà quản lý. Kết quả cho thấy công tác quản lý RTSH

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					tương đối thực hiện theo đúng quy định. Tuy nhiên rác thải chưa được phân loại tại nguồn, khu tập kết có gây ô nhiễm tới người dân, bãi chôn lấp của thành phố còn gây ảnh hưởng tới người dân xung quanh
43	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng thu gom và xử lý rác thải nguy hại tại TP Hải Dương	La Thị Loan	ThS. Đào Hồng Vân	Hệ thống cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác thu gom và lý rác thải nguy hại trên địa bàn TP Hải Dương; Đánh giá thực trạng thu gom và xử lý rác tại TP Hải Dương; những kết quả đạt được, hạn chế trong thu gom và xử lý rác thải nguy hại, các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động thu gom và xử lý rác thải nguy hại tại địa bàn. Đề xuất các giải pháp quản lý rác thải nguy hại nhằm góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác kiểm soát nguồn thải, phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý theo phương pháp tốt nhất.
44	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty môi trường đô thị Thanh Trì, TP Hà Nội	Nguyễn Bảo Ngọc	ThS. Nguyễn Gia Thọ	Từ việc hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, khóa luận đã đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần môi trường đô thị Thanh Trì, chỉ ra những tồn tại trong hoạt động kinh doanh của đơn vị, các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty Môi trường đô thị Thanh Trì. Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh tại địa bàn nghiên cứu.
45	Đại học chính quy	Thực trạng và giải pháp giảm phát thải trong quá trình thi công và vận hành trạm xử lý nước thải tại cụm công nghiệp xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc	Bùi Thị Hương	ThS. Nguyễn Thị Hiền	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về giảm phát thải trong thi công và vận hành trạm xử lý nước thải tại cụm công nghiệp; Thực trạng giảm phát thải trong quá trình thi công và vận hành trạm xử lý nước thải tại cụm công nghiệp xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc; Đề xuất giải pháp cải thiện hoạt động giảm phát thải trong quá trình thi công và vận hành trạm xử lý nước thải tại cụm công nghiệp xã Yên Đồng, huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
46	Đại học chính quy	Thực trạng và giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên nước tại Xí Nghiệp Nước Sạch Đan Phượng, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội	Nguyễn Thị Phương Anh	ThS. Đỗ Thị Ngọc Thúy	Khái quát hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về hiệu quả sử dụng tài nguyên nước từ đó đánh giá hiệu quả sử dụng nước tại xí nghiệp nước sạch Đan Phượng, tình hình sử dụng tài nguyên nước tại đơn vị nghiên cứu. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả sử dụng tài nguyên nước tại Xí Nghiệp Nước Sạch Đan Phượng, huyện Đan Phượng, TP Hà Nội và đề xuất một số giải pháp cải thiện việc sử dụng hiệu quả tài nguyên nước tại địa bàn nghiên cứu.
47	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Thạch Thất, TP Hà Nội	Hoàng Thị Thúy Nga	ThS. Đào Hồng Vân	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về nâng cao hiệu quả công tác thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt; Đánh giá hiệu quả công tác thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Thạch Thất, TP Hà Nội; các nhân tố ảnh hưởng đến việc nâng cao hiệu quả công tác thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Thạch Thất, TP Hà Nội. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Thạch Thất, TP Hà Nội
48	Đại học chính quy	Nghiên cứu mô hình sinh kế bền vững nhằm giảm thiểu phụ thuộc rừng đặc dụng tại vùng đệm vườn quốc gia Bạch Mã	Nguyễn Thị Diệu Linh	ThS. Nguyễn Thị Hiền	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về mô hình sinh kế bền vững nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào rừng đặc dụng tại vùng đệm vườn quốc gia; Đánh giá thực trạng các mô hình sinh kế bền vững nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào rừng đặc dụng tại vùng đệm vườn quốc gia Bạch Mã; Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả mô hình sinh kế bền vững nhằm giảm thiểu sự phụ thuộc vào rừng đặc dụng tại vùng đệm vườn quốc gia Bạch Mã.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
49	Đại học chính quy	Thực trạng xử lý nước thải sinh hoạt tại phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP Hà Nội	Nguyễn Thị Loan	ThS. Đào Hồng Vân	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác xử lý nước thải sinh hoạt; Xác định nguồn phát thải nước thải sinh hoạt tại phường Quang Trung; Đánh giá hiện trạng công tác xử lý nước thải sinh hoạt tại phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP Hà Nội; Đề xuất một số lý giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác xử lý nước thải sinh hoạt góp phần bảo vệ môi trường.
50	Đại học chính quy	Thực trạng quản lý nhà nước về khoáng sản tại huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	Bế Lệ Quyên	TS. Hà Thị Thanh Thủy	Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn trong quản lý Nhà nước về khoáng sản ở cấp huyện. Đánh giá thực trạng công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản tại huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng, những kết quả đạt được và hạn chế trong quản lý nhà nước về khoáng sản tại huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng; các nhân tố ảnh hưởng và đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản tại địa bàn nghiên cứu
51	Đại học chính quy	Thực trạng công tác tài nguyên khoáng sản tại TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Vũ Khánh Hà	ThS. Đỗ Thị Ngọc Thúy	Hệ thống cơ sở lý thuyết về công tác quản lý tài nguyên khoáng sản cấp huyện; Thực trạng quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản ở thành phố Cẩm Phả; Đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện công tác quản lý tài nguyên. Bao gồm 5 nhóm giải pháp về chính sách pháp luật, công tác phê duyệt thẩm định đề án thiết kế mỏ, giải pháp về thanh tra kiểm tra giám sát, và nhóm giải pháp về quản lý hoạt động khai thác TN Khoáng sản của các tổ chức, cá nhân.
IV. Quản lý tài nguyên và môi trường					
1	Đại học chính quy	Ứng dụng mô hình SALTCALC dự báo mức độ xâm nhập mặn trong đất nông nghiệp tại nông trường Rạng Đông, huyện	Nguyễn Quang Chiến	1. PGS.TS. Mai Văn Trịnh 2. ThS. Bùi Thị Thu Trang	Đề tài sử dụng mô hình LEACHMOD phân tích chu kỳ mặn và dự báo mức độ xâm nhập mặn trong đất trồng lúa tại Nông trường Rạng Đông, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định trong 05 năm theo kịch bản phát thải trung bình thấp (RCP 4.5) và kịch bản phát thải cao (RCP 8.5). Kết quả mô phỏng cho thấy, trong một năm, độ mặn tăng mạnh

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định			vào mùa khô và giảm dần vào mùa mưa. Trong từng vụ mùa, độ mặn tăng khi có nước tưới nhiễm mặn vào ruộng cũng như trong những ngày đầu của giai đoạn rút nước, phơi ruộng. Mức độ xâm nhập mặn cũng tăng mạnh về cả nồng độ muối trong đất và thời gian nhiễm mặn. So sánh giữa 02 kịch bản, diễn biến mặn theo kịch bản RCP 8.5 phức tạp hơn và có giá trị mặn xét cùng một thời điểm lớn hơn nhiều lần so với kịch bản RCP 4.5.
2	Đại học chính quy	Nghiên cứu sự tác động từ phát triển du lịch sinh thái tới quần thể Voọc đầu vàng (<i>Trachypithecus poliocephalus</i> Pousargues, 1898) tại Vườn quốc gia Cát Bà	Nguyễn Minh Hạnh	PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc	Đã xác định 64 cá thể Voọc, phân bố tại 3 tiểu quần thể tại: Hang Cái, Cửa Đông và khu bảo tồn nghiêm ngặt. Xu hướng du lịch chính tại Cát Bà là du lịch sinh thái và các vấn đề từ sự phát triển du lịch này được xác định bao gồm: nhu cầu mua quà lưu niệm, sản vật rừng, phát sinh rác thải trên biển và đất liền, hiện tượng thiếu nước ngọt sinh hoạt, ô nhiễm ánh sáng và tiếng ồn. Dự án bảo tồn Voọc Cát Bà đã thực hiện các chương trình như Người gác Voọc, Câu lạc bộ Bảo vệ rừng, thu mua dụng cụ săn bắt nhằm nâng vai trò của người dân trong công tác bảo tồn từ năm 2012. Các tác động: Cháy rừng và nạn săn bắt động vật hoang dã, Ô nhiễm tiếng ồn và ánh sáng khiến thu hẹp khu vực sinh sống của đàn, khiến các đàn tách xa nhau, giảm khả năng trao đổi giữa các đàn.
3	Đại học chính quy	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng phát thải rác thải nhựa tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - Trường hợp nghiên cứu điển hình tại hộ gia đình	Lê Minh Hằng	TS. Phạm Thị Mai Thảo	Với mục đánh giá hiện trạng phát thải và đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu các loại rác thải nhựa phát sinh quy mô hộ gia đình tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Bằng phương pháp khảo sát thực tế và điều tra xã hội học, nghiên cứu đã xác định được hiện trạng phát thải rác thải nhựa, khối lượng, thành phần, tính chất hệ số phát thải rác thải nhựa phát sinh của hộ gia đình tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; Đánh giá hiện trạng công tác quản lý

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					rác thải nhựa: Hiện trạng công tác thu gom, lưu trữ, xử lý rác thải nhựa trên địa bàn; Đánh giá sự hiểu biết của người dân trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải nhựa; và Đề xuất các giải pháp giảm thiểu các loại rác thải nhựa phát sinh quy mô hộ gia đình.
4	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng sử dụng và thải bỏ hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Cổ Đàm, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh	Lê Khánh Hiền	TS. Phạm Thị Mai Thảo	Mục tiêu của đề tài là cung cấp cơ sở đánh giá, so sánh tình hình sử dụng và quản lý hóa chất BVTV, từ đó đề xuất các biện pháp giảm thiểu sử dụng hóa chất BVTV không hợp lý. 1. Đề tài đã đánh giá hiện trạng sử dụng và thải bỏ hóa chất BVTV tại xã Cổ Đàm 2. Đề tài đã đánh giá hiện trạng công tác thu gom, xử lý hóa chất BVTV 3. Đề tài đã đánh giá nhận thức của người dân trong việc sử dụng hóa chất và ảnh hưởng của hóa chất BVTV đến môi trường và sức khỏe 4. Đề tài đã đề xuất, biện pháp giảm thiểu sử dụng và thải bỏ hóa chất BVTV
5	Đại học chính quy	Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng tại xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	Trần Thị Minh Hiền	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh 2. TS. Nguyễn Thị Thu Nhạn	1. Đồ án đã đánh giá được mức độ nhận thức về rừng ngập mặn cũng như hoạt động bảo vệ rừng ngập mặn của người dân xã Đồng Rui, có 76% người dân đã có nhận thức đúng về rừng ngập mặn, nắm được vai trò của rừng ngập mặn tuy nhiên chưa thực sự đầy đủ. Các hoạt động bảo vệ rừng ngập mặn do chính quyền địa phương tổ chức được người dân tham gia hưởng ứng nhiệt tình và đem lại các hiệu quả nhất định. 2. Công tác truyền thông trên địa bàn xã bước đầu đã mang lại hiệu quả và hưởng ứng của người dân. Tuy nhiên việc tuyên truyền và tổ chức các hoạt động còn gặp nhiều khó khăn do nguồn lực, kinh phí và sự hiểu biết chuyên sâu còn hạn chế. 3. Đồ án đã xây dựng được chương trình truyền thông bảo vệ rừng ngập mặn là “Phát triển sinh kế người dân dựa vào du

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					lịch sinh thái rừng ngập mặn kết hợp tập huấn nâng cao nhận thức về giá trị của rừng ngập mặn Đồng Rui”
6	Đại học chính quy	Nghiên cứu định lượng cacbon trong đất của rừng trang (<i>Kandelia obovata</i> Sheue, Liu & Yong) trồng ven biển xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Thị Thu Hoài	TS. Phạm Hồng Tính	1. Đồ án đã tính toán được hàm lượng cacbon (%) trong đất rừng ngập mặn giảm dần theo độ sâu của đất cao nhất là đất tầng mặt, độ sâu càng giảm hàm lượng cacbon càng thấp. Hàm lượng cacbon (%) ở rừng 7 tuổi là cao nhất trung bình đạt 0,91% và thấp nhất là rừng 5 tuổi với 0,86% 2. Bên cạnh đó cũng đã tính được lượng cacbon tích lũy trong đất rừng ngập mặn tăng theo tuổi của rừng. Cụ thể với rừng 5 tuổi lượng cacbon tích lũy trong đất rừng là 66,97 tấn/ha, rừng 6 tuổi là 101,11 tấn/ha, rừng 7 tuổi là 103,03 tấn/ha 3. Đưa ra được kết luận: Sự tích lũy cacbon giảm dần theo độ sâu của đất. Càng xuống sâu lượng cacbon tích lũy càng giảm. 4. Trong 3 bề chứa cacbon thì hàm lượng cacbon tích lũy trong đất cao hơn hẳn lượng cacbon tích lũy trong sinh khối trên mặt đất và dưới mặt đất
7	Đại học chính quy	Đánh giá phương pháp dự báo nước thải đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và đề xuất biện pháp cải thiện	Nguyễn Quang Huy	1. TS. Mai Thanh Dung 2. ThS. Nguyễn Khắc Thành	1. Đồ án đã đánh giá được độ tin cậy của 4 phương pháp dự báo nước thải đang được áp dụng trong báo cáo ĐTM của các dự án xây dựng CSHT KCN tại các KCN trong phạm vi nghiên cứu. qua đó đánh giá điểm hạn chế của 04 phương pháp 2. Bên cạnh đó đồ án cũng dự báo được nước thải của dự án xây dựng KCN Thanh Liêm, Hà Nam dựa theo phương pháp dự báo nước thải cho các khu công nghiệp trên cơ sở tải lượng nước thải của các ngành công nghiệp. Từ đó đánh giá hiệu quả của phương pháp dự báo mới so với các phương pháp hiện hành 3. Đồ án cũng đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao công tác dự báo nước thải đối với dự án xây dựng CSHT KCN

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
8	Đại học chính quy	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng phát thải rác thải nhựa tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - Trường hợp nghiên cứu điển hình tại khu xử lý rác	Nguyễn Tùng Lâm	TS. Phạm Thị Mai Thảo	Rác thải nhựa không chỉ là “tử thần” của các loài sinh vật biển, mà nó còn gián tiếp làm tổn hại đến sức khỏe của con người. Với mục tiêu nghiên cứu hiện trạng phát sinh rác thải nhựa ở các bãi tập kết rác phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp. Bằng phương pháp xác định khối lượng RTN phát sinh, đề tài đã đạt được những kết quả như sau: Xác định được khối lượng được thành phần, khối lượng RTN tại 02 tuyến nghiên cứu; Đánh giá được hiện trạng công tác thu gom, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng của các cán bộ địa phương, hộ thu mua phế liệu và công nhân vệ sinh môi trường; Đề xuất một số giải pháp quản lý phù hợp tại địa phương nghiên cứu.
9	Đại học chính quy	Áp dụng kỹ thuật Delphi xác định các tiêu chí đánh giá hiện trạng tài nguyên thiên nhiên vùng bờ thành phố Hải Phòng	Nguyễn Vũ Linh	TS. Lưu Văn Huyền	Với mục tiêu là xác định các tiêu chí để đánh giá hiện trạng tài nguyên thiên nhiên vùng bờ thành phố Hải Phòng bằng kỹ thuật Delphi, đồ án đã đánh giá được mức độ tác động của các hoạt động phát triển kinh tế lên tài nguyên sinh vật, tài nguyên phi sinh vật ở vùng bờ thành phố Hải Phòng dựa trên phiếu điều tra khảo sát, thực hiện khảo sát phương pháp Delphi 3 vòng: vòng thử nghiệm, vòng 1, vòng 2. Từ đó đưa ra được các tiêu chí có mức ưu tiên cao nhất do người dân đánh giá. Bên cạnh đó, đồ án cũng đã đề xuất được một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên thiên nhiên vùng bờ Hải Phòng.
10	Đại học chính quy	Nghiên cứu, dự báo tác động môi trường của dự án khai thác hầm lò dưới mức -150 m ở Mạo Khê trong giai đoạn chuẩn bị	Đoàn Thảo My	ThS. Nguyễn Khắc Thành	Đồ án thực hiện nghiên cứu, dự báo tác động của dự án khai thác than bằng phương pháp hầm lò dưới mức -150 m ở Mạo Khê thuộc khu vực Đông Triều, Quảng Ninh. Đề tài tập trung nghiên cứu các ảnh hưởng trong giai đoạn chuẩn bị và xây dựng đến môi trường không khí. Sử dụng tài liệu, công thức tính toán của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) để tính tải

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		và xây dựng và đề xuất giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án			lượng ô nhiễm do các hoạt động trong quá trình xây dựng. Bên cạnh đó, áp dụng phần mềm Meti-lis (Nhật Bản) để xây dựng bản đồ thể hiện sự lan truyền khí thải SO ₂ , NO ₂ , CO và bụi ra khu vực xung quanh dự án do hoạt động vận chuyển trên tuyến đường dài khoảng 2 km của mỏ. Đề tài đã tính toán được lượng khí thải, xác định phạm vi ảnh hưởng, đánh giá mức độ ảnh hưởng của các hoạt động tới môi trường không khí; từ đó đề xuất 1 số biện pháp cụ thể nhằm phòng tránh, giảm thiểu, ngăn ngừa tối đa các tác động tiêu cực của dự án (biện pháp được dựa trên kết quả tham vấn 30 đối tượng sống gần khu vực gồm cán bộ và người dân). Đưa ra kết luận và kiến nghị.
11	Đại học chính quy	Đánh giá tác động môi trường không khí của dự án đầu tư xây dựng đường nối từ đường vào nhà máy FWKK đến đường từ nút giao Văn Quán đi cầu Phú Hậu, huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc	Phạm Thị Minh Nguyệt	ThS. Vũ Lê Dũng	- Mục tiêu của đồ án là đánh giá được mức độ tác động của việc xây dựng và hoạt động của tuyến đường đến môi trường không khí xung quanh, xây dựng các biện pháp nhằm giảm thiểu, ngăn ngừa các tác động. - Đồ án đã tính toán được nồng độ của bụi và các chất ô nhiễm (SO₂, NO₂, CO) phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và ước tính vào giai đoạn vận hành của dự án đường. Từ đó, sử dụng phần mềm Metilis để xây dựng bản đồ mô phỏng lan truyền chất bụi và các chất ô nhiễm, biện luận kết quả và xác định phạm vi, mức độ ảnh hưởng của dự án. Xây dựng các biện pháp cụ thể nhằm giảm thiểu, ngăn ngừa các tác động tiêu cực của dự án đến môi trường và sức khỏe người dân xung quanh. Tham gia họp dân để tham vấn cộng đồng dân cư lấy ý kiến về các vấn đề liên quan việc thực hiện dự án.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
12	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Lê Thị Quỳnh Như	ThS. Lê Thị Thoa	Đồ án đánh giá được hiện trạng phát sinh khối lượng chất thải rắn sinh hoạt bao gồm hệ số phát sinh, khối lượng riêng và thành phần của chất thải rắn trên địa bàn huyện Vĩnh Linh. Phân tích được hiện trạng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, lập sơ đồ tuyến thu gom dựa trên quan sát thực tế và điều tra 70 phiếu điều tra. Đề xuất được một số giải pháp khắc phục những nhược điểm trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn
13	Đại học chính quy	Nghiên cứu xác định hàm lượng Pb, Cd trong trầm tích mặt và cơ chất của sò điệp (<i>Chlamys</i> sp.) tại vùng biển ven bờ huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	Hoàng Thị Oanh	ThS. Lê Thu Thủy	Đồ án đã đánh giá được hàm lượng Pb, Cd trong trầm tích mặt và cơ chất của sò điệp (<i>Chlamys</i> sp.); Đánh giá được mức độ tích lũy Pb, Cd trong trầm tích mặt và cơ chất của sò điệp (<i>Chlamys</i> sp.) tại vùng biển ven bờ huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Từ đó, đánh giá được sơ bộ chất lượng trầm tích và sò điệp tại vùng biển ven bờ huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định dựa vào việc so sánh với các quy chuẩn và các chỉ số trong nước và nước ngoài và luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm.
14	Đại học chính quy	Nghiên cứu ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân để cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Hoàng Minh Thảo	TS. Hoàng Thị Huê	1. Đồ án đã đánh giá được hiện trạng phát sinh chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. 2. Đồ án đã ước tính được mức sẵn lòng chi trả (WTP) của người dân để cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. 3. Đồ án đã phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả (WTP) của người dân để cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. 4. Đồ án đã lựa chọn giải pháp cải thiện tối ưu nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Bình Lục, đáp ứng nguyện vọng của người dân và phù hợp với điều kiện của địa phương.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
15	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng công tác quản lý chất thải rắn công nghiệp tại khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình	Cái Trương Cẩm Vân	ThS. Nguyễn Thị Minh Sáng	1. Đồ án đã đánh giá được hiện trạng quản lý CTRCN (nguồn phát sinh, khối lượng phát sinh và thành phần CTRCN) tại Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình. 2. Dự báo lượng phát thải CTRCN đến năm 2025 dựa vào tỉ lệ lấp đầy thực tế tại Khu kinh tế Hòn La mà đề tài khảo sát được. 3. Đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm cải thiện hiện trạng quản lý CTRCN tại Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình.
16	Đại học chính quy	Nghiên cứu, đánh giá khả năng đạt được các tiêu chí thành phố bền vững về môi trường của Việt Nam tại thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Cung Hồng Việt	1. TS. Bùi Hoài Nam 2. TS. Phạm Thị Mai Thảo	Đồ án được thực hiện dựa trên thực trạng đô thị hóa tăng nhanh trên phạm vi toàn cầu nói chung và tại Việt Nam nói riêng, từ đó hình thành xu hướng xây dựng thành phố bền vững về môi trường. Ứng dụng bộ tiêu chí thành phố bền vững về môi trường Việt Nam được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành vào năm 2014 đánh giá thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh về mức độ đạt được các tiêu chí này, từ đó rút ra những nhận xét, đánh giá và đề xuất các biện pháp cải thiện cho thành phố. Kết quả thu được cho thấy, công tác thực hiện các hoạt động liên quan đến xây dựng thành phố bền vững về môi trường ứng với các tiêu chí tại thành phố Bắc Ninh đạt mức khá với thứ tự mức độ thực hiện các tiêu chí từ cao tới thấp là: Các tiêu chí về CTR, các tiêu chí về không khí, các tiêu chí về nước và các tiêu chí về ứng phó với biến đổi khí hậu. Đồng thời kết quả điều tra xã hội học cũng cho thấy sự tương đồng giữa nhận xét của người dân và báo cáo của thành phố đưa ra. Dựa trên cơ sở đó, các giải pháp đã được đề xuất dưới 2 dạng chính là các giải pháp duy trì và các giải pháp cải thiện nhằm nâng cao mức độ đạt được bộ tiêu chí thành phố bền vững về môi trường Việt Nam trong thời gian tới.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
17	Đại học chính quy	Ước tính phát thải các chất ô nhiễm không khí từ quá trình đốt hờ rơm rạ tại tỉnh Hà Nam	Đinh Thị Vy	ThS. Phạm Thị Hồng Phương	Đốt phụ phẩm nông nghiệp, trong đó có đốt rơm rạ là hoạt động phổ biến sau mỗi vụ thu hoạch, gây ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng môi trường không khí và sức khỏe của người dân. Nghiên cứu này dựa trên dữ liệu lúa gạo tại tỉnh Hà Nam năm 2014 - 2018. Theo kết quả điều tra khảo sát cho thấy, tỉ lệ sử dụng rơm rạ của người dân còn ít, trong đó có 29,29% đem bán, 5,55% dùng để phủ đất, 4,55% trồng nấm,... Tỉ lệ đốt rơm rạ ở vụ Đông Xuân là 48,99% và ở vụ Mùa là 72,02%. Kết quả ước tính lượng rơm rạ phát sinh tại tỉnh Hà Nam năm 2018 là khoảng 1.074,4 nghìn tấn, trong đó lượng rơm rạ đem đốt khoảng 533,83 nghìn tấn. Tổng lượng phát thải một số chất gây ô nhiễm được ước tính như sau: CO ₂ (584.002,21 tấn), CO (46.144,61 tấn), PM ₁₀ (515,23 tấn), PM _{2,5} (4.118,28 tấn), NO _x (1.131,29 tấn) và SO ₂ (89,31 tấn). Lượng phát thải chất ô nhiễm từ hoạt động đốt hờ rơm rạ tại tỉnh Hà Nam tập trung chủ yếu ở huyện Bình Lục và huyện Lý Nhân.
18	Đại học chính quy	Ứng dụng mô hình MIKE 11 ECOLab đánh giá biến động của chất lượng nước trong hệ thống sông Nhuệ - Đáy	Lưu Ngọc Anh	1. PGS.TS. Vũ Thanh Ca 2. PGS.TS. Lê Thị Trinh	1. Nghiên cứu tổng kê, tính toán được bộ số liệu thủy văn, chất lượng nước, bộ dữ liệu nguồn thải chuẩn xác số hóa trở thành dữ liệu đầu vào của mô hình tính toán đánh giá chất lượng nước MIKE 11 ECOLab. 2. Nghiên cứu hiệu chỉnh và kiểm định mô hình thủy động lực, trích xuất bộ kết quả Hệ số nhám với chuẩn số Nash rất cao từ 85 - 97%. 3. Nghiên cứu tiến hành hiệu chỉnh và kiểm định mô hình tính toán chất lượng nước với và trích xuất kết quả Hệ số phân tán, kết quả cho thấy dưới 50%. 4. Nghiên cứu ứng dụng bộ thông số mô hình mô phỏng biến động chất lượng nước LVS Nhuệ - Đáy năm 2016.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
19	Đại học chính quy	Ứng dụng mô hình DPSIR trong đánh giá tác động của hoạt động phát triển du lịch sinh thái tới môi trường tại Vườn Quốc gia Cúc Phương	Tổng Thị Lan Anh	1. ThS. Bùi Thị Thu Trang 2. TS. Phan Thị Thanh Hằng	Với mục tiêu: Đánh giá được tác động của hoạt động du lịch sinh thái tới môi trường tại Vườn quốc gia Cúc Phương và đề xuất được một số giải pháp bảo vệ môi trường tại Vườn quốc gia Cúc Phương; đồ án đã đánh giá được thực trạng hoạt động du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Cúc Phương và các vấn đề môi trường nảy sinh từ hoạt động du lịch, đánh giá được chất lượng môi trường xung quanh khu vực Vườn quốc gia Cúc Phương, xác định được nguồn thải từ các hoạt động trong Vườn quốc gia Cúc Phương, đánh giá được thực trạng công tác bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh tại Vườn quốc gia Cúc Phương, phân tích được ảnh hưởng của hoạt động du lịch đến môi trường sinh thái, đa dạng sinh học, thảm thực vật, lựa chọn và đề xuất được giải pháp phát triển du lịch sinh thái gắn với bảo vệ môi trường tại vườn quốc gia Cúc Phương.
20	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Trần Quốc Anh	ThS. Lê Thị Thoa	Đồ án đánh giá được hiện trạng phát sinh khối lượng chất thải rắn sinh hoạt bao gồm hệ số phát sinh, khối lượng riêng và thành phần của chất thải rắn trên địa bàn huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên. Phân tích được hiện trạng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, lập sơ đồ tuyến thu gom dựa trên quan sát thực tế và điều tra 50 phiếu điều tra. Đề xuất được một số giải pháp khắc phục những nhược điểm trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn
21	Đại học chính quy	Nghiên cứu xác định hàm lượng Hg, Cd trong trầm tích mặt và cơ chất của ngao (<i>Meretrix</i> sp.) tại vùng biển ven bờ huyện Hoài Nhon, tỉnh Bình Định	Trần Trang Anh	ThS. Lê Thu Thủy	Đồ án đã xác định được hàm lượng kim loại Cd, Hg trong ngao (<i>Meretrix</i> sp.) cụ thể là ngao dầu (<i>Meretrix meretrix</i>) tại vùng biển ven bờ Hoài Nhon, Bình Định. Từ đó, đánh giá được khả năng tích lũy hàm lượng kim loại Hg, Cd trong trầm tích mặt vùng biển ven bờ Hoài Nhon, Bình Định.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
22	Đại học chính quy	Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS đánh giá biến động rừng ngập mặn ven biển tại thành phố Hải Phòng	Nguyễn Thị Lệ Chi	PGS.TS. Vũ Thanh Ca	Thành lập bản đồ biến động rừng ngập mặn ven biển ở Hải Phòng giai đoạn 2009-2018 nhằm đánh giá sự biến động của rừng ngập mặn qua các năm để đề xuất phương án, biện pháp quản lý biến động rừng và sử dụng tài nguyên rừng ngập mặn hiệu quả hơn.
23	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Nguyễn Quốc Cường	ThS. Nguyễn Thành Trung	Phân tích đặc điểm về vị trí địa lý bệnh viện có ảnh hưởng đến công tác quản lý chất thải rắn Đánh giá hiện trạng phát sinh chất thải rắn tại bệnh viện về nguồn phát sinh, khối lượng thành phần chất thải Dự báo sự biến động khối lượng chất thải rắn phát sinh tại bệnh viện từ năm 2020 – 2025 Phân tích hiện trạng phân loại, thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải rắn tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Sơn La Đánh giá nhận thức của chủ thể tham gia quản lý CTR tại bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La Đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn tại bệnh viện
24	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại phường Cẩm Trung, Cẩm Thành, Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Phùng Mạnh Cường	ThS. Lê Thị Thoa	Đánh giá được hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại phường Cẩm Trung, Cẩm Thành, Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh (khối lượng riêng, thành phần, hệ số phát sinh); Đánh giá được công tác quản lý (lưu trữ, thu gom, vận chuyển và xử lý) trên địa bàn nghiên cứu và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp về công tác lưu trữ, công tác vận chuyển, trang thiết bị thu gom và các giải pháp hỗ trợ khác

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
25	Đại học chính quy	Ứng dụng công cụ đánh giá vòng đời sản phẩm (LCA) làm cơ sở xây dựng sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại tại Công ty Cổ phần Infor Việt Nam	Nguyễn Thị Thùy Dung	TS. Nguyễn Thu Huyền	1. Nêu được sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất sơn và bột bả tại Công ty Cổ phần Infor Việt Nam. Công suất của sản phẩm sơn nước là 5.400 tấn/năm, bột bả là 650 tấn/năm. Nhu cầu nguyên vật liệu cần thiết để sản xuất được 5.400 tấn sơn nước/năm là 5.452.534,94 kg/năm; nhu cầu nguyên vật liệu cần thiết để sản xuất được 650 tấn bột bả/năm là 656.231 kg/năm. 2. Xác định được các loại, lượng, mã CTNH phát sinh tại Công ty Cổ phần Infor Việt Nam. 3. Đề xuất được một số phương án quản lý CTNH cho Công ty Cổ phần Infor Việt Nam. Đạt được mục tiêu lập được bản dự thảo sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại tại công ty Cổ phần Infor Việt Nam có chứa có loại, lượng CTNH đã nêu.
26	Đại học chính quy	Điều tra, đánh giá phát thải khí nhà kính của hoạt động khai thác thủy sản tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Thị Thùy Dương	ThS. Tạ Thị Yến	1. Điều tra hoạt động khai thác thủy sản tại thành phố Cẩm Phả; 2. Đồ án đã tính toán được tổng lượng phát thải khí nhà kính trong hoạt động khai thác thủy sản do sử dụng dầu diesel tại thành phố Cẩm Phả; 3. Đánh giá việc phát thải khí nhà kính của hoạt động khai thác thủy sản tại thành phố Cẩm Phả; 4. Đề xuất giải pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính của hoạt động khai thác thủy sản tại thành phố Cẩm phả, tỉnh Quảng Ninh
27	Đại học chính quy	Nghiên cứu xác định nguy cơ xảy ra sự cố môi trường ở nhà máy sản xuất phân bón, phụ gia thức ăn gia súc tại Khu công nghiệp Tăng Lông, tỉnh Lào Cai	Nguyễn Hải Đăng	PGS.TS. Hoàng Anh Huy	1. Đưa ra các sự cố môi trường tiềm tàng tại nhóm các nhà máy sản xuất phân bón, phụ gia thức ăn gia súc tại khu công nghiệp Tăng Lông 2. Đánh giá diễn hình tác động sự cố khí thải tại một nhà máy (Nhà máy hóa chất Đức Giang) 3. Đưa ra các giải pháp khắc phục thực trạng công tác quản lý sự cố và quy trình ứng phó sự cố đối với nhóm các nhà máy sản xuất phân bón, phụ gia thức ăn gia súc.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
28	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt tại làng nghề chế biến nông sản thực phẩm xã Minh Khai, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	Vũ Thị Ngọc Hà	ThS. Lê Thị Thoa	Đề án đã xác định các sức ép từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đến nguồn nước mặt tại làng nghề chế biến nông sản thực phẩm xã Minh Khai, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội. Đánh giá được hiện trạng chất lượng ao hồ trên địa bàn thông qua các chỉ số nhiệt độ, pH, DO, TSS, BOD5, COD, NH4+, NO2-, NO3-, PO43-, Coliform và tính toán được chỉ số WQI. Trên cơ sở điều tra 30 phiếu trên địa bàn đã đánh giá được tác động của ô nhiễm nước đến sức khỏe cộng đồng, phát triển kinh tế- xã hội. Phân tích thực trạng công tác quản lý môi trường nước tại địa phương và đề xuất một số giải pháp quản lý môi trường nước phù hợp với địa bàn nghiên cứu
29	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Nghiêm Mỹ Hạnh	ThS. Lê Đắc Trường	- Hiện trạng nguồn phát, khối lượng, thành phần sinh CTR sinh hoạt tại TP Bắc Ninh - Hiện trạng công tác quản lý CTR sinh hoạt tại TP Bắc Ninh - Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý CTR sinh hoạt phù hợp
30	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt tại xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Bùi Thị Thúy Hằng	ThS. Lê Thị Thoa	kết quả nghiên cứu cho thấy: Với DO hàm lượng oxy hòa tan trong nước cho hô hấp của vi sinh ảnh hưởng không rõ ràng đến hiệu quả xử lý phenol và formaldehyde, DO có hiệu quả tốt nhất là từ khoảng 5 đến 6 mgO2/l. Với thời gian lưu: Hiệu suất xử lý của bể USBF khi thay đổi thời gian lưu từ 10h xuống 2h có chênh lệch khá cao 68-93% với phenol và 77-93% với formaldehyde, để đạt hiệu quả xử lý trên 80% thì phải để thời gian lưu tối thiểu là 5h

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
31	Đại học chính quy	Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động du lịch tới môi trường và tài nguyên thiên nhiên tại khu dự trữ sinh quyển thế giới quần đảo Cát Bà, thành phố Hải Phòng	Phạm Ngọc Hiệp	1. TS. Phạm Hồng Tính 2. ThS. Nguyễn Thùy Vân	Thực trạng phát triển du lịch, công tác quản lý các hoạt động du lịch và tài nguyên, môi trường tại Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cát Bà.- Đánh giá các hoạt động - khía cạnh - tác động môi trường của hoạt động du lịch tới môi trường và tài nguyên thiên nhiên tại Khu dự trữ sinh quyển thế giới Cát Bà. - Ảnh hưởng của hoạt động du lịch đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên KDTSQTG Cát Bà. - Đề xuất giải pháp giảm thiểu các tác động của du lịch đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên KDTSQTG Cát Bà.
32	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt tại làng nghề chế biến nông sản thực phẩm xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Thúy Hồng	ThS. Lê Thị Thoa	Đồ án đã xác định các sức ép từ hoạt động phát triển kinh tế - xã hội đến nguồn nước mặt tại làng nghề chế biến nông sản thực phẩm Cát Quế, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội. Đánh giá được hiện trạng chất lượng ao hồ trên địa bàn thông qua các chỉ số nhiệt độ, pH, DO, TSS, BOD5, COD, NH4+, NO2-, NO3-, PO43-, Coliform và tính toán được chỉ số WQI. Trên cơ sở điều tra 30 phiếu trên địa bàn đã đánh giá được tác động của ô nhiễm nước đến sức khỏe cộng đồng, phát triển kinh tế- xã hội. Phân tích thực trạng công tác quản lý môi trường nước tại địa phương và đề xuất một số giải pháp quản lý môi trường nước phù hợp với địa bàn nghiên cứu
33	Đại học chính quy	Điều tra, khảo sát hiện trạng lũ quét và sạt lở đất trên địa bàn thành phố Lào Cai giai đoạn 2015-2018	Phạm Thị Mai Hồng	ThS. Trần Quốc Cường	-Điều tra, khảo sát hiện trạng lũ quét và sạt lở đất trên địa bàn thành phố Lào Cai giai đoạn 2015 - 2018. Từ đó tìm hiểu nguyên nhân và đánh giá công tác quản lý và khắc phục của chính quyền địa phương. -Tiến hành điều tra khảo sát người dân của 5 phường trên địa bàn để tìm hiểu về hiểu biết, thiệt hại và hiệu quả của các công tác quản lý đã được thực hiện. -Xây dựng bản đồ phân vùng lũ quét. Nêu một số biện pháp cảnh báo và giảm thiểu lũ quét và sạt lở đất tại Lào Cai.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
34	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng ô nhiễm do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật và đề xuất phương án kiểm soát ô nhiễm tại xã Phong Hào, huyện Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Hồ Thị Khánh Huyền	ThS. Trần Quốc Cường	Sau khi nghiên cứu, đề tài đã đánh giá được tình hình thu gom, vận chuyển và khoanh vùng được các khu vực tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Thông tin về hiện trạng môi trường tại các điểm tồn lưu đã được phản ánh rất chi tiết và chính xác qua đó có thể phục vụ tốt cho việc xác định phạm vi và đối tượng bị ảnh hưởng
35	Đại học chính quy	Nghiên cứu phân vùng chức năng theo mục đích sử dụng tài nguyên nước mặt sông Sắt đoạn chảy qua tỉnh Hải Dương	Nguyễn Khánh Huyền	1. ThS. Nguyễn Thị Linh Giang 2. ThS. Chu Duy Bắc	- Đánh giá hiện trạng chất lượng nước sông Sắt đoạn chảy qua tỉnh Hải Dương. - Đánh giá các hoạt động ảnh hưởng đến chất lượng nước sông Sắt đoạn chảy qua tỉnh Hải Dương. - Phân vùng chức năng theo mục đích sử dụng tài nguyên nước mặt sông Sắt đoạn chảy qua tỉnh Hải Dương. - Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp bảo vệ môi trường nước mặt sông Sắt đoạn chảy qua tỉnh Hải Dương.
36	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn xây dựng tại thành phố Hà Nội và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Nguyễn Thị Thu Lan	ThS. Kiều Thị Hòa	Với mục tiêu nghiên cứu là đánh giá hiện trạng CTRXD tại TP Hà Nội và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, đồ án đã đánh giá được hiện trạng phát sinh CTRXD tại thành phố Hà Nội: CTRXD tại khu vực nội thành Hà Nội phát sinh trung bình khoảng trên 300.000 tấn/năm. Đánh giá được hiện trạng công tác quản lý CTRXD trên TP Hà Nội: Tỷ lệ thu gom CTRXD tại 12 quận đạt khoảng 90%, tuy nhiên vẫn còn tình trạng đổ trộm CTRXD. Công nghệ nghiên cứu, tái chế CTRXD chưa được áp dụng rộng rãi trong Thành phố. Từ những số liệu về dân số, đồ án tính toán được lượng CTRSH phát sinh ở nội thành Hà Nội đến năm 2030. Từ đó dự báo được lượng phát sinh CTRXD năm 2030 tại nội thành Hà Nội khoảng 1540,5 tấn/ngày dựa vào tỷ lệ CTRXD/CTRSH là 25%.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Qua đó, đồ án đề xuất được các giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả công tác quản lý CTRXD trên địa bàn TP Hà Nội.
37	Đại học chính quy	Nghiên cứu xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN 14001:2015 tại Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi	Nguyễn Thị Tuyết Mai	ThS. Nguyễn Khánh Linh	Nội dung tóm tắt: - Tổng quan bộ tiêu chuẩn ISO 14000 và Hệ thống quản lý môi trường. - Xác định các vấn đề môi trường của Công ty: Các thông số về chất lượng môi trường không khí, môi trường nước, nồng độ bụi, tiếng ồn,... đều nằm trong tiêu chuẩn cho phép. - Xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015 theo một vài tiêu chí: + Xác định bối cảnh tổ chức: Xác định được 06 vấn đề nội bộ và 01 vấn đề bên ngoài. + Xây dựng chính sách môi trường. + Xác định được 09 các KCMT là: Sử dụng nhiên vật liệu, năng lượng điện, Phát sinh bụi, bụi hỗn hợp, hơi khí CO và CO₂, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn, nước thải, Nhiệt độ cao dễ cháy nổ. + Xác định được 05 các KCMT đáng kể là: Phát sinh bụi và bụi hỗn hợp, hơi khí CO và CO₂, tiếng ồn, chất thải rắn, nước thải, Nhiệt độ cao dễ cháy nổ. + Xác định được 09 nghĩa vụ phải tuân thủ đối với công ty. + Xác định được 07 mục tiêu môi trường và hoạch định hành động. - Đề xuất giải pháp phù hợp để áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn TCVN ISO 14001:2015 tại Công ty cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
38	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại bệnh viện phụ sản Hà Nội và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Trịnh Thị Mến	ThS. Nguyễn Thị Linh Giang	- Đánh giá nguồn gốc phát sinh, thành phần và khối lượng chất thải rắn y tế tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội. - Đánh giá công tác quản lý chất thải rắn y tế tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội. - Đề xuất giải pháp hợp quản lý chất thải rắn y tế phù hợp tại Bệnh viện Phụ sản Hà Nội.
39	Đại học chính quy	Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	Đào Thị Minh Nguyệt	ThS. Nguyễn Bích Ngọc	Nhằm góp phần nâng cao nhận thức và gắn kết cộng đồng tham gia công tác bảo vệ môi trường tại huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định, đồ án đã tiến hành nghiên cứu xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Ý Yên. Đồ án đã tiến hành điều tra xã hội học tại 2 xã Yên Ninh và Yên Hưng với 80 phiếu cho đối tượng là người dân và 15 phiếu cho các cán bộ quản lý xã, huyện. Kết quả điều tra cho thấy nhận thức của người dân về BVMT tương đối cao, cán bộ quản lý tại địa phương có chuyên môn nhưng nhân lực hạn chế và vấn đề bức xúc về môi trường địa phương là vỏ bao bì hóa chất bảo vệ thực vật chưa được thu gom xử lý triệt để, đúng cách tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ sinh thái và sức khỏe người dân địa phương. Trên cơ sở thực tế điều tra tại 2 xã Yên Ninh và Yên Hưng của huyện Ý Yên, đồ án đã đề xuất được chương trình truyền thông phù hợp với địa phương với kinh phí dự tính là 28.900.000đ được đề xuất dựa trên thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 6/1/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường và thông tư liên tịch 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học Công nghệ về việc hướng dẫn, định mức xây dựng phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KHCN có sử dụng ngân sách nhà nước ; xây dựng "chương

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					trình tập huấn về thu gom vỏ bao thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đúng nơi quy định"
40	Đại học chính quy	Nghiên cứu định lượng cacbon trong sinh khối dưới mặt đất của rừng trang (<i>Kandelia obovata</i> Sheue, Liu & Yong) trồng tại xã Giao An, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Hoàng Ánh Nguyệt	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh 2. TS. Hoàng Lưu Thu Thủy	1. Mật độ cây cao nhất tại rừng 21 tuổi với 9500 cây/ha, rừng 22 tuổi với 6567 cây/ha và rừng 20 tuổi với 8600 cây/ha. Đường kính trung bình tại R22T, R21T và R20T lần lượt là 8,46 cm; 8,13 cm và 7,65 cm ứng với chiều cao trung bình lần lượt là 3,21 m; 2,93 m; 2,69 m. 2. Sinh khối dưới mặt đất của cá thể cây có sự giảm dần theo độ tuổi, lớn nhất ở R22T với 1,37 kg/cây, tiếp theo là R21T với 1,25 kg/cây và thấp nhất là R20T với 1,11 kg/cây. Sinh khối dưới mặt đất của rừng phụ thuộc vào mật độ và đường kính thân cây. Sinh khối dưới mặt đất tại rừng 22 tuổi, 21 tuổi và 20 tuổi lần lượt là 9,01 tấn/ha; 11,08 tấn/ha và 9,65 tấn/ha. 3. Lượng cacbon tích lũy trong sinh khối dưới mặt đất của rừng trang đạt giá trị cao nhất ở R21T với 5,85 tấn/ha (tương ứng với lượng CO₂ hấp thụ là 16,40 tấn/ha); tiếp theo là R20T với 4,78 tấn/ha (tương ứng với lượng CO₂ hấp thụ là 21,47 tấn/ha); và thấp nhất ở R22T với 4,47 tấn/ha (tương ứng với lượng CO₂ hấp thụ là 17,54 tấn/ha).
41	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Phạm Thị Thanh Nhân	ThS. Kiều Thị Hòa	Với mục tiêu nghiên cứu đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý chất thải rắn y tế tại bệnh viện Hữu nghị Đa Khoa Nghệ An, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đồ án được thực hiện và thu được một số kết quả như sau: tổng lượng CTRYT phát sinh tại bệnh viện trung bình khoảng 3068kg/ngày, trong đó có khoảng 60,9% CTRTT là rác hữu cơ; khoảng 16% là CTRYT TT tái chế và 23,1% là CTRYT có tính lây nhiễm và nguy hại không lây nhiễm; hiện trạng công tác quản lý CTRYT tại bệnh viện được thực hiện khá tốt, trang thiết bị của bệnh viện phục vụ công tác quản lý CTRYT được chuẩn bị tương đối

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					đầy đủ đúng với thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT; đánh giá được nhận thức, ý thức và đánh giá về công tác quản lý CTRYT tại bệnh viện thông qua điều tra khảo sát 3 đối tượng: bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, các bộ y tế, cán bộ môi trường của bệnh viện; dự báo được khối lượng CTRYT phát sinh tại bệnh viện tới năm 2025 là 1558,1 tấn/ngày tăng khoảng 39,1 lần so với năm 2018; đã đề xuất được các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý CTRYT tại bệnh viện Hữu nghị Đa khoa Nghệ An
42	Đại học chính quy	Đánh giá ảnh hưởng của lũ lụt đến sinh kế của người dân trên địa bàn huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội và đề xuất giải pháp thích ứng	Trịnh Hà Nhi	ThS. Trần Ngọc Huân	- Mục tiêu của đề tài là đánh giá tình hình lũ lụt và sinh kế của người dân trên địa bàn huyện Quốc Oai, từ đó đề xuất các biện pháp ứng phó với lũ lụt hợp lý. - Đánh giá hoạt động sinh kế của người dân trên địa bàn huyện Quốc Oai; - Đánh giá tình hình của lũ lụt tại địa phương năm 2018; - Đánh giá ảnh hưởng của lũ lụt đến một số hoạt động sinh kế của người dân tại địa phương trong năm 2018; - Đánh giá nhận thức của người dân về lũ lụt: biểu hiện, tác động,.. - Đề xuất được một số giải pháp thích ứng cho người dân.
43	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Nguyễn Mai Như	ThS. Kiều Thị Hòa	Với mục tiêu nghiên cứu là đánh giá hiện trạng quản lý CTRSH trên địa bàn thành phố Thái Bình và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp, đồ án được thực hiện dựa trên việc điều tra khảo sát hiện trạng phát sinh CTRSH (tổng khối lượng CTRSH trên địa bàn thành phố hiện nay khoảng 126,03 tấn/ ngày trong đó 60% lượng CTRSH phát sinh từ khu dân cư, tỷ lệ thu gom đạt 90-95% lượng CTR phát sinh), hiện trạng công tác quản lý (trên địa bàn thành phố đã và đang áp dụng phương pháp đốt kết hợp với chôn lấp hợp vệ sinh, công tác quản lý còn nhiều khó khăn do chưa có hệ thống phân loại rác tại nguồn), dự

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					báo lượng CTRSH phát sinh đến năm 2025 của địa bàn nghiên cứu (khối lượng CTRSH phát sinh tới năm 2025 là 108172,6 tấn/năm tăng gấp 1,58 lần so với năm 2019 và hệ số phát sinh CTRSH tăng gấp khoảng 1,45 lần). Từ đó đề xuất được các biện pháp phù hợp áp dụng nâng cao hiệu quả công tác quản lý CTRSH tại địa bàn nghiên cứu.
44	Đại học chính quy	Nghiên cứu, đề xuất mô hình quản lý tài nguyên nước dựa vào cộng đồng trên sông Nhuệ đoạn từ cống Liêm Mạc đến trạm bơm Đồng Bông	Phạm Thị Kim Oanh	ThS. Nguyễn Bích Ngọc	Với mục tiêu xây dựng được mô hình quản lý tài nguyên nước dựa vào cộng đồng trên sông Nhuệ đoạn từ cống Liêm Mạc đến trạm bơm Đồng Bông, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý bảo vệ tài nguyên nước tại khu vực này. Đồ án đã tiến hành tìm hiểu, nghiên cứu về hiện trạng khai thác sử dụng nước trên sông Nhuệ đoạn từ cống Liêm Mạc đến trạm bơm Đồng Bông; hiện trạng công tác quản lý nước tại khu vực nghiên cứu; nhận thức người dân trong việc quản lý tài nguyên nước; đề xuất xây dựng mô hình quản lý tài nguyên nước dựa vào cộng đồng. Nhằm thu thập các thông tin thực tế khu vực nghiên cứu, đồ án thực hiện phương pháp khảo sát thực địa, điều tra xã hội học với 100 phiếu khảo sát người dân sinh sống quanh khu vực nghiên cứu và 10 phiếu khảo sát cán bộ quản lý khu vực nghiên cứu. Tiến trình xây dựng mô hình được thực hiện theo 7 bước: (1)Xác định thách thức, (2) Lựa chọn mô hình phù hợp, (3)Xác định người triệu tập, nhóm cộng đồng, (4) Xây dựng sự nhất trí, (5)Xây dựng kế hoạch và thực hiện triển khai, (6) Đánh giá mô hình, (7) Mở rộng mô hình

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
45	Đại học chính quy	Đánh giá việc thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới tại xã Sóc Đăng, huyện Đogan Hùng, tỉnh Phú Thọ	Lại Thị Phương	1. ThS. Bui Thị Thu Trang 2. TS. Phan Thị Thanh Hằng	Với mục tiêu nghiên cứu đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí về môi trường để đề xuất giải pháp hiệu quả, khắc phục bất cập trong việc thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới tại xã Sóc Đăng, huyện Đogan Hùng, tỉnh Phú Thọ, gồm: Tổng quan về đề tài nghiên cứu: nguyên tắc xây dựng NTM, nội dung bộ tiêu chí thực hiện xây dựng NTM và đặc biệt chú trọng vào tiêu chí thứ 17 là tiêu chí về môi trường. Nội dung đánh giá việc thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng NTM tại xã Sóc Đăng gồm 8 tiêu chí, yêu cầu đạt tiêu chuẩn cũng như đánh giá kết quả đạt được qua việc thực hiện 8 tiêu chí đó của xã Sóc Đăng thông qua số liệu UBND xã cung cấp và đối chiếu với kết quả khảo sát thực tế. Kết luận những tiêu chí xã đạt được và chưa đạt được, từ đó đề xuất giải pháp phù hợp với các cấp lãnh đạo ban ngành, tới địa phương cũng như tới người dân trên địa bàn xã Sóc Đăng, huyện Đogan Hùng, tỉnh Phú Thọ.
46	Đại học chính quy	Nghiên cứu phân vùng chất lượng nước sông Thái Bình đoạn chảy qua tỉnh Hải Dương	Lù Văn Quý	ThS. Nguyễn Thị Thủy	- Đánh giá hiện trạng chất lượng nước sông Thái Bình đoạn chảy qua tỉnh Hải Dương. - Đánh giá các hoạt động ảnh hưởng đến chất lượng nước sông Thái Bình đoạn chảy qua tỉnh Hải Dương. - Phân vùng chức năng theo mục đích sử dụng tài nguyên nước mặt sông Thái Bình đoạn chảy qua tỉnh Hải Dương. - Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường nước mặt Sông Thái Bình đoạn chảy qua tỉnh Hải Dương

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
47	Đại học chính quy	Đánh giá tác động môi trường không khí của dự án mở rộng sản xuất thép chế tạo tại Công ty cổ phần sản xuất thép Việt Đức	Nguyễn Thị Thảo	ThS. Nguyễn Khắc Thành	- Điều tra khảo sát điều kiện môi trường tự nhiên, kinh tế- xã hội tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. - Đánh giá chất lượng môi trường không khí khu vực thực hiện dự án.- Phân tích, đánh giá, dự báo các tác động đến môi trường không khí trong giai đoạn xây dựng mở rộng và giai đoạn vận hành khi thực hiện dự án. - Đề xuất biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường không khí. - Xây dựng kế hoạch quản lý và giám sát môi trường không khí khi thực hiện dự án. - Điều tra khảo sát, tham vấn ý kiến cộng đồng khu vực thực hiện dự án.
48	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Hồng đoạn chảy qua huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019	Hoàng Thị Thơm	TS. Lê Thị Hải Lê	1. Thu thập số liệu, khái quát khu vực nghiên cứu (vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế-xã hội...) 2. Khảo sát thực tế và lựa chọn vị trí lấy mẫu. 3. Thực hiện 1 đợt quan trắc, 10 vị trí lấy mẫu: Tiến hành lấy mẫu, bảo quản mẫu và đo nhanh các thông số: Nhiệt độ, pH, Độ đục, DO. 4. Phân tích các chỉ tiêu trong phòng thí nghiệm: BOD5, COD, PO4, NO2, NO3, TSS, NH4, Cl, tổng Fe, Coliform. 5. Tính toán và đánh giá độ lặp lại của các phương pháp phân tích. 6. Đánh giá chất lượng nước sông Hồng khu vực nghiên cứu qua kết quả phân tích các thông số. 7. Đánh giá chất lượng nước sông Hồng khu vực nghiên cứu bằng chỉ số chất lượng môi trường nước WQI. 8. Luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm. 9. Đề xuất các giải pháp bảo vệ nước sông Hồng đoạn chảy qua huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
49	Đại học chính quy	Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS để thành lập bản đồ biến động lớp phủ rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2017	Hoàng Thị Thu	1. ThS. Nguyễn Thị Linh Giang 2. ThS. Nguyễn Minh Ngọc	Nội dung 1: Đánh giá hiện trạng lớp phủ tỉnh Lâm Đồng năm 2011 và 2017 bằng ảnh Landsat. - Xử lý ảnh Landsat theo đối tượng nghiên cứu liên quan. Nội dung 2: Xây dựng bản đồ biến động lớp phủ rừng tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2017 bằng công nghệ GIS. - Biên tập bản đồ hiện trạng năm 2011, năm 2017 bằng công nghệ GIS. - Biên tập bản đồ biến động tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2011-2017 bằng công nghệ GIS. - Diễn biến biến động lớp phủ rừng giai đoạn 2011-2017.
50	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn công nghiệp tại khu công nghiệp Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Bùi Thị Thuỷ	ThS. Kiều Thị Hòa	Với mục tiêu nghiên cứu là đánh giá hiện trạng chất thải rắn công nghiệp tại KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp, đồ án đã đánh giá được hiện trạng phát sinh CTRCN (CTRCN thông thường và CTNH) tại KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc năm 2018 là 3296060,4 kg/năm (trong đó có 2354776 kg/năm là CTRCN thông thường phát sinh còn 941284,4 kg/năm là CTNH phát sinh), hiện trạng công tác quản lý: công tác phân loại, thu gom và lưu trữ CTRCN đang được thực hiện khá tốt tại các doanh nghiệp trong KCN tuy nhiên vẫn còn một số bất cập tại một số doanh nghiệp trong KCN; việc xử lý CTRCN trong KCN được hợp đồng với 7 đơn vị chức năng xử lý trong và ngoài tỉnh. Từ đó đề xuất được các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý CTRCN tại KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
51	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Cần Bắc Thủy	ThS. Kiều Thị Hòa	Với mục tiêu nghiên cứu là đánh giá hiện trạng quản lý CTRSH tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp, đồ án được thực hiện dựa trên việc điều tra khảo sát hiện trạng phát sinh CTRSH (tổng khối lượng CTRSH trên địa bàn huyện hiện nay khoảng 119,15 tấn/ngày, tỷ lệ thu gom đạt 85-90% lượng CTR phát sinh), hiện trạng công tác quản lý (trên địa bàn huyện đã và đang áp dụng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh, công tác quản lý còn nhiều khó khăn do chưa có hệ thống phân loại rác tại nguồn), dự báo lượng CTRSH phát sinh đến năm 2025 của địa bàn nghiên cứu (khối lượng CTRSH phát sinh tới năm 2025 là 53.772,95 tấn/năm, tăng gấp 1,24 lần so với năm 2019 và hệ số phát sinh CTRSH tăng gấp khoảng 1,16 lần). Từ đó đề xuất được các biện pháp phù hợp áp dụng nâng cao hiệu quả công tác quản lý CTRSH tại địa bàn nghiên cứu.
52	Đại học chính quy	Đánh giá ảnh hưởng từ lũ lụt đến hoạt động sinh kế của người dân trên địa bàn huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	Phạm Thị Thúy	1. ThS. Bùi Thị Thu Trang 2. TS. Phan Thị Thanh Hằng	- Cuộc sống của người dân trên địa bàn Huyện Chương Mỹ còn gặp nhiều khó khăn, hoạt động sinh kế của người dân chủ yếu là sản xuất nông nghiệp gồm các lĩnh vực chính là chăn nuôi, trồng trọt. Đời sống chủ yếu gắn với thiên nhiên, phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết. Vì vậy, ảnh hưởng của lũ lụt đối với họ trở nên nghiêm trọng, tính tổn thương của họ đối với các loại hình thiên tai là cao hơn. - Nghiên cứu tập trung đánh giá các ảnh hưởng từ lũ lụt tới hoạt động sinh kế của người dân. Xác định được các thiệt hại của các hoạt động chăn nuôi, trồng trọt do lũ lụt gây ra thông qua quá trình điều tra khảo sát và dựa vào các tài liệu báo cáo của địa phương. - Đề xuất 2 nhóm giải pháp thích ứng với lũ lụt và đề xuất 2 mô hình sinh kế phù hợp với điều kiện tại địa phương : Mô hình vườn – ao –

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					chuồng và mô hình thâm canh lúa cải tiến góp phần phát triển kinh tế cho người dân, bảo vệ môi trường và phát triển hệ sinh thái tại địa phương. Các giải pháp cần được sự nhất trí của các cấp chính quyền và sự đồng thuận của nhân dân địa phương mới đạt được hiệu quả cao.
53	Đại học chính quy	Đánh giá ảnh hưởng của lũ quét và sạt lở đất đến sinh kế của người dân ở huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu và đề xuất giải pháp thích ứng	Hà Thị Trang	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh 2. TS. Hoàng Lưu Thu Thủy	1. Sinh kế của người dân trên địa bàn huyện Tam Đường chủ yếu là sản xuất nông nghiệp nên dễ trong tình trạng bị tổn thương bởi bối cảnh BĐKH. Bởi các sinh kế này có tính phụ thuộc cao vào các điều kiện thời tiết do đó chịu tác động lớn của BĐKH. Vì vậy cần có các biện pháp thích ứng với lũ quét và sạt lở đất phù hợp. 2. Lũ quét và sạt lở đất đe dọa đến cuộc sống của người dân của xã chịu ảnh hưởng. Nhất là những khu vực vùng đồi núi cao và dốc, những khu vực gần sông suối. Không những gây thiệt hại về nhà cửa, tài sản, môi trường mà còn đe dọa đến sức khỏe, tính mạng của con người. Đặc biệt đối tượng dễ bị tổn thương nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số và những người nghèo. 3. Bước đầu đã đưa ra được một số giải pháp thích ứng và giảm thiểu trước tác động của lũ quét và sạt lở đất. Các giải pháp bao gồm nâng cao nhận thức về BĐKH cũng như lũ quét và sạt lở đất, kỹ thuật sản xuất; tiếp tục đa dạng hóa sinh kế, các loài cây trồng và vật nuôi. Đề tài cũng đã đề xuất một số mô hình đã được thực hiện tại địa phương đem lại hiệu quả kinh tế cao cần được tiếp tục nhân rộng để cải thiện sinh kế cho người dân như : mô hình canh tác ngô bền vững trên đất dốc, mô hình nông lâm kết hợp (Rừng-ruộng-chăn nuôi), mô hình nhân - ngô - cỏ chăn nuôi. Ngoài ra, tiến hành di dời dân ra khỏi vùng có nguy cơ xảy ra lũ quét sạt lở đất để tránh thiệt hại về tính mạng cũng như tính mạng của người dân.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
54	Đại học chính quy	Đánh giá hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh trường tiểu học Sao Đỏ 1, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương	Nguyễn Thị Trang	1.ThS. Bùi Thị Thu Trang 2. TS. Phan Thị Thanh Hằng	Với mục tiêu đánh giá trạng hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường tại Trường TH Sao Đỏ 1 , Đánh giá được nhận thức của học sinh Trường Tiểu học Sao Đỏ 1 về môi trường và bảo vệ môi trường. Đề xuất được một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng của các hoạt động giáo dục bảo vệ môi trường cho học sinh tại Trường TH Sao Đỏ 1.
55	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Phạm Thị Thanh Tú	PGS.TS. Vũ Thanh Ca	-Đánh giá về hiện trạng và công tác quản lý chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa - Đánh giá nhận thức và hiểu biết của cán bộ công nhân viên và bệnh nhân về chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa Thanh Hóa - Đề xuất một số giải pháp quản lý chất thải rắn phù hợp
56	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại phường Hoàng Văn Thụ, phường Xương Giang, phường Dĩnh Kế, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Cao Thị Tươi	ThS. Vũ Lê Dũng	Đồ án đã thực hiện được các mục tiêu nghiên cứu: Đánh giá hiện trạng công tác quản lý CTRSH tại các phường Hoàng Văn Thụ, phường Xương Giang, phường Dĩnh Kế, xã Dĩnh Trì thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang (đưa ra tình hình phân loại, lưu trữ, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn). Các kết quả đạt được: nguồn gốc phát sinh; khối lượng CTRSH phát sinh với thành phần chủ yếu là chất thải hữu cơ; dự báo được dân số, khối lượng CTRSH phát sinh đến năm 2030; đánh giá nhận thức của người dân và các nhà quản lý về công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH thông qua phỏng vấn bằng phiếu hỏi (100 phiếu điều tra). Đề xuất giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý CTRSH: đề xuất các phương án giảm thiểu phát thải; nâng cao hiệu quả công tác thu gom, vận chuyển CTRSH; xây dựng các chương trình, chính sách, quy định về CTRSH cụ thể, rõ ràng tại các cấp phường/xã và một số giải pháp hỗ trợ khác như: tuyên truyền tại các khu dân cư, khu công cộng, trường học, cơ quan về vấn đề quản

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					lý CTRSH và công tác bảo vệ môi trường.
57	Đại học chính quy	Nghiên cứu hiện trạng và giá trị sử dụng tài nguyên cây dược liệu trên địa bàn xã Sùng Phài, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu	Hàng Thảo Váng	TS. Phạm Hồng Tính	Đề tài thực hiện nghiên cứu điều tra thực địa, phỏng vấn tri thức bản địa của người dân để đánh giá hiện trạng và giá trị sử dụng cây dược liệu trên địa bàn xã Sùng Phài. Kết quả nghiên cứu đã xác định được 63 loài cây dược liệu, thuộc 42 họ và 2 ngành thực vật. Trong đó, có tới 57,14% số loài được người dân trồng ở vườn nhà và 24,93% số loài được thu hái từ rừng phục hồi. Hầu hết các cây dược liệu đều được người dân sử dụng thường xuyên để chữa bệnh.
58	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải chăn nuôi tại xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Đỗ Thị Vân	ThS. Lê Đắc Trường	- Hiện trạng nguồn phát, khối lượng, thành phần sinh CTR chăn nuôi tại xã Tam Giang, huyện Yên Phong, Bắc Ninh - Hiện trạng công tác quản lý CTR chăn nuôi tại xã Tam Giang, huyện Yên Phong, Bắc Ninh - Đề xuất các giả pháp nâng cao hiệu quả quản lý CTR chăn nuôi tại xã Tam Giang, huyện Yên Phong, Bắc Ninh
59	Đại học chính quy	Ứng dụng công nghệ GIS và viễn thám để xác định vùng ảnh hưởng của hoạt động đốt hờ rơm rạ tới chất lượng không khí tỉnh An Giang	Lê Thị Vân	1. ThS. Phạm Thị Hồng Phương 2. ThS. Nguyễn Thị Mai Yên	Đánh giá hiện trạng đốt hờ rơm rạ vụ Thu Đông 2018 ở An Giang bằng cách sử dụng ảnh viễn thám và công nghệ GIS để xác định diện tích đốt hờ rơm rạ. Thông qua các thuật toán thực hiện trong phần mềm Arcgis và phương pháp thành lập bản đồ để xây dựng bản đồ hiện trạng đốt hờ rơm rạ cho các khu vực tỉnh An Giang. Dựa theo công thức tính lượng phát sinh chất thải do hoạt động đốt hờ rơm rạ với các thông số bụi PM, CO, CO ₂ , SO ₂ , NO ₂ . Với các hệ số phát thải được kế thừa từ bộ thông số của Thái Lan và Trung Quốc từ đó tính toán lượng phát sinh chất thải. Sử dụng công nghệ GIS trong việc thành lập bản đồ phân bố lượng phát thải cho từng khu vực

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
60	Đại học chính quy	Nghiên cứu định lượng cacbon trong sinh khối trên mặt đất của rừng trang (<i>Kandelia obovata</i> Sheue, Liu & Yong) trồng tại xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Hoàng Tuấn Việt	1. TS. Phạm Hồng Tính 2. ThS. Nguyễn Xuân Tùng	Kết quả nghiên cứu đã đánh giá được khả năng tích lũy cacbon trong sinh khối trên mặt đất của rừng trang (<i>Kandelia obovata</i>) trồng tại xã Thụy Hải huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình 19 tuổi là 29,232 tấn/ha (tương ứng với lượng CO ₂ hấp thụ là 107,281 tấn/ha), 18 tuổi là 23,205 tấn/ha (tương ứng với lượng CO ₂ hấp thụ là 85,162 tấn/ha), 17 tuổi là 16,344 tấn/ha (tương ứng với lượng CO ₂ hấp thụ là 59,982 tấn/ha). Lượng cacbon tích lũy trong cây rừng tương ứng với lượng CO ₂ do cây rừng hấp thụ là rất lớn, điều này có ý nghĩa làm giảm lượng CO ₂ trong bầu khí quyển, góp phần giảm hiệu ứng nhà kính, ứng phó với BĐKH
61	Đại học chính quy	Nghiên cứu giá trị sử dụng của loài Ngải tiên hoa trắng (<i>Hedychium stenopetalum</i> Lodd, 1833)	Đỗ Thị Ngọc Anh	1. PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc 2. TS. Bùi Văn Thanh	Nghiên cứu về loài Ngải tiên hoa trắng đã bổ sung các dẫn liệu về đặc điểm hình thái, sinh thái của loài Ngải tiên hoa trắng (<i>Hedychium stenopetalum</i>) thu được tại khu vực nghiên cứu. - Đã xác định được cách sử dụng, chế biến, bộ phận sử dụng, các loại bệnh và công dụng được sử dụng từ loài Ngải tiên hoa trắng. Người dân khai thác sử dụng loài vào nhiều mục đích khác nhau, dùng để chữa bệnh.... Bộ phận cây được người dân sử dụng bao gồm lá, cả cây, ngọn, hoa, hạt, thân củ. Đã nghiên cứu thành phần hóa học và xác định được các hợp chất từ loài Ngải tiên hoa trắng. Đã khảo sát hoạt tính sinh học từ loài Ngải tiên hoa trắng.
62	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Trịnh Minh Châu	ThS. Nguyễn Khắc Thành	Qua khảo sát thực tế, và sử dụng các phương pháp xử lý số liệu, đồ án nhận thấy hiện trạng quản lý CTR tại BVĐK Vĩnh Lộc khá tốt, đảm bảo tuân theo Thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT. Nguồn phát sinh CTR y tế chủ yếu do hoạt động sinh hoạt của bệnh nhân và các hoạt động y tế của bệnh viện. Hệ số phát sinh CTR y tế thông thường là 209,6kg/ngày, hệ số phát sinh CTR y tế nguy hại là: 12,8kg/ngày. Một số

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					tồn tại trong công tác quản lý như: bệnh viện chưa có kho lạnh để bảo quản CTR y tế, nguồn nhân lực còn ít, cán bộ nhân viên còn nhầm lẫn về màu sắc trong phân loại CTR y tế.
63	Đại học chính quy	Nghiên cứu hiện trạng và khả năng tái sinh tự nhiên của thảm thực vật cây bụi ở huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Nguyễn Thị Chinh	PGS.TS. Nguyễn Thế Hưng	Nghiên cứu được đặc điểm và hiện trạng thảm thực vật cây bụi ở huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Xác định được 56 loài cây gỗ, thuộc 46 chi và 33 họ của lớp Hai lá mầm (Dicotyledones) thuộc Ngành Hạt kín (Angiospermae). Trong mỗi quần xã cây bụi, số loài, số chi và số họ thực vật là cây gỗ có sự biến động khá lớn (24 – 46 loài, 20 – 40, 12 - 28 họ). Mật độ trung bình của cây gỗ tái sinh dao động từ 1799 – 4323 cây/ha. Cây gỗ tái sinh có phẩm chất trung bình và phẩm chất tốt dao động từ 4234–5123 cây/ha. Đề xuất được 2 nhóm giải pháp phục hồi phát triển thảm thực vật. - Giải pháp tăng cường công tác quản lý bảo vệ thảm thực vật (quản lý nhà nước, quản lý giáo dục). - Giải pháp kỹ thuật lâm sinh.
64	Đại học chính quy	Điều tra, thống kê nguồn thải công nghiệp đổ vào lưu vực sông Đáy đoạn chảy qua huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình	Lê Thị Ngọc Diệp	ThS.Nguyễn Khánh Linh	Đề tài đã thực hiện được: - Thông qua việc phát phiếu điều tra đề tài thống kê được 30 nguồn thải công nghiệp trên địa bàn huyện Gia Viễn trong đó có 19 cơ sở SXKD phát sinh nước thải có nguồn tiếp nhận là lưu vực sông Đáy đoạn chảy qua huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình. - Tính tải lượng chất ô nhiễm đối với 19 nguồn thải công nghiệp trong và ngoài KCN, CCN theo ngành nghề sản xuất. Đồng thời tính tải lượng chất ô nhiễm cho 1 mẫu đại diện là nhà máy sản xuất lắp ráp ô tô Hyundai Thành Công – Ninh Bình. - Dự báo tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ các nguồn thải đã điều tra đến 2020 - Đề xuất một số giải pháp nhằm quản lý các nguồn thải công nghiệp

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					trên địa bàn huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.
65	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình và đề xuất biện pháp quản lý phù hợp	Nguyễn Thị Thùy Dung	ThS. Lê Đắc Trường	Đề án đã thực hiện được: Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Thái Thụy: sơ đồ tổ chức, tình hình thu gom, phân loại, vận chuyển, xử lý CTRSH. Đánh giá được nhận thức của cộng đồng về công tác quản lý CTRSH trên địa bàn huyện. Đề xuất giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả quản lý (Giải pháp phương án thu gom, Đầu tư trang thiết bị, tăng tần suất thu gom, phân loại rác tại nguồn, tuyên truyền giáo dục).
66	Đại học chính quy	Nghiên cứu định lượng cacbon trong sinh khối trên mặt đất của rừng bần chua (<i>Sonneratia caseolaris</i> (L.) Engler) trồng tại xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Vũ Thị Thu Hạnh	ThS. Lê Đắc Trường	Nghiên cứu đặc điểm sinh học của rừng bần chua (<i>Sonneratia caseolaris</i>) trồng tại xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Nghiên cứu sinh khối trên mặt đất của cây rừng ngập mặn trồng loài bần chua, cơ sở xác định hàm lượng cacbon trong cây và quần thể rừng ngập mặn tại địa điểm nghiên cứu. Nghiên cứu hàm lượng cacbon tích lũy trong sinh khối trên mặt đất của cây và quần thể rừng ngập mặn trồng thuần loài bần chua.
67	Đại học chính quy	Nghiên cứu định lượng cacbon trong đất của rừng bần chua (<i>Sonneratia caseolaris</i> (L.) Engler) trồng tại xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Phạm Quang Hiệp	ThS. Lê Đắc Trường	- Xác định hàm lượng cacbon (%) trong đất của rừng bần chua (<i>Sonneratia caseolaris</i>) trồng tại xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. - Xác định lượng cacbon tích lũy trong đất (tấn/ha) của rừng trồng cây bần chua (<i>Sonneratia caseolaris</i>) tại xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. - Đánh giá khả năng tạo bể chứa cacbon trong đất rừng trồng cây bần chua (<i>Sonneratia caseolaris</i>) tại xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
68	Đại học chính quy	Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường của công ty TNHH Dệt Đài Nguyên Việt Nam tại KCN Đồng Văn II, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Trần Trung Hiếu	ThS. Phạm Thị Hồng Phương	Với mục tiêu nghiên cứu là đánh giá mức độ tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT của Công ty TNHH Dệt Đài Nguyên Việt Nam và đề xuất giải pháp phù hợp nhằm duy trì và hoàn thiện các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT của công ty, đồ án đã đánh giá được mức độ tuân thủ và đề xuất được một số các giải pháp tương ứng nhằm duy trì và hoàn thiện đối với 4 thủ tục: Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và báo cáo giám sát môi trường định kỳ.
69	Đại học chính quy	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng phát thải rác thải nhựa tại huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa - Trường hợp nghiên cứu điển hình tại hộ gia đình	Trịnh Thị Hoài	TS. Phạm Thị Mai Thảo	Rác thải nhựa là vấn đề cấp thiết ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và con người. Với mục tiêu nghiên cứu đánh giá hiện trạng phát sinh và đề xuất giải pháp giảm thiểu RTN tại 3 xã Hoa Lộc, Ngư Lộc, Đa Lộc. Nội dung nghiên cứu đánh giá phát sinh RTN 3 xã, sự hiểu biết người dân, công tác thu gom và các giải pháp giảm thiểu tại nguồn. Kết quả, hệ số phát sinh RTN sinh hoạt trên địa bàn huyện Hậu Lộc là 9,9 tấn/ngđ; chiếm 10,3% trong tổng RTSH. Giải pháp đưa ra là tuyên truyền giáo dục là chính để giảm khối lượng RTN phát sinh ra môi trường.
70	Đại học chính quy	Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại công ty TNHH Môi trường Bắc Kạn, thành phố Bắc Kạn	Phan Thị Mỹ Hoàn	ThS. Lê Đắc Trường	- Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại công ty TNHH Môi trường Bắc Kạn, thành phố Bắc Kạn - Đề xuất các biện pháp duy trì và hoàn thiện thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại công ty TNHH Môi trường Bắc Kạn, thành phố Bắc Kạn

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
71	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Phạm Thu Hương	ThS. Lê Thị Thoa	Đồ án đánh giá được hiện trạng phát sinh khối lượng chất thải rắn sinh hoạt bao gồm hệ số phát sinh, khối lượng riêng và thành phần của chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hạ Long. Phân tích được hiện trạng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, lập sơ đồ tuyến thu gom dựa trên quan sát thực tế và điều tra 50 phiếu điều tra. Đề xuất được một số giải pháp khắc phục những nhược điểm trong quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn
72	Đại học chính quy	Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khai thác than đến môi trường và sức khỏe người lao động tại mỏ than Mạo Khê, phường Mạo Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Hà Trung Lịch	ThS. Nguyễn Khắc Lĩnh	Với mục tiêu đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khai thác than đến môi trường và sức khỏe người lao động quanh khu vực mỏ than Mạo Khê, đồ án đã sử dụng số liệu quan trắc định kì của Trung tâm quan trắc, sở TN&MT tỉnh Quảng Ninh từ năm 2017 đến năm 2019.
73	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Nguy Mỹ Linh	ThS. Kiều Thị Hòa	Với mục tiêu nghiên cứu là đánh giá hiện trạng quản lý CTRSH trên địa bàn thành phố Bắc Giang và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp, đồ án được thực hiện dựa trên việc điều tra khảo sát hiện trạng phát sinh CTRSH (tổng khối lượng CTRSH trên địa bàn thành phố năm 2018 khoảng 48 nghìn tấn/năm, trong đó 80% lượng CTRSH phát sinh từ khu dân cư, tỷ lệ thu gom đạt 95% lượng CTR phát sinh), hiện trạng công tác quản lý (trên địa bàn thành phố đã và đang áp dụng phương pháp chôn lấp hợp vệ sinh, công tác quản lý còn nhiều khó khăn do chưa có hệ thống phân loại rác tại nguồn), dự báo lượng CTRSH phát sinh đến năm 2030 của địa bàn nghiên cứu (khối lượng CTRSH phát sinh tới năm 2030 là 71.335,60 tấn/năm, tăng gấp 1, 64 lần so với năm 2019 và hệ số phát sinh CTRSH

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					tăng gấp khoảng 1,45 lần). Từ đó đề xuất được các biện pháp phù hợp áp dụng nâng cao hiệu quả công tác quản lý CTRSH tại địa bàn nghiên cứu.
74	Đại học chính quy	Điều tra, thống kê nguồn thải công nghiệp đổ vào lưu vực sông Đáy đoạn chảy qua huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Dương Thị Thanh Mai	ThS. Nguyễn Khánh Linh	Điều tra các nguồn thải công nghiệp phân tán tại các cơ sở sản xuất trên địa bàn huyện Hoa Lư, Ninh Bình. Có nguồn tiếp nhận là lưu vực sông Đáy. Đồng thời đưa ra các biện pháp quản lý phù hợp
75	Đại học chính quy	Nghiên cứu, tính toán, đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khai thác và vận chuyển than tới môi trường không khí tại khu vực thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh bằng mô hình AERMOD	Nguyễn Thị Tú Oanh	PGS.TS. Vũ Thanh Ca	Với mục tiêu nghiên cứu, ứng dụng thành công mô hình AERMOD mô phỏng nồng độ chất ô nhiễm, tính toán, đánh giá được sự ảnh hưởng của hoạt động khai thác và vận chuyển than tới môi trường không khí của thành phố Cẩm Phả, từ đó đề xuất được các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm thích hợp phục vụ cho công tác quản lý môi trường không khí tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Đề tài đã đạt được một số kết quả cụ thể: 1. Mô phỏng nồng độ trung bình ban ngày và trung bình ban đêm của TSP tại khu vực thành phố Cẩm Phả tại 4 thời đoạn trong năm 2018. (Thời đoạn 1 từ ngày 01/01/2018 đến ngày 02/01/2018; Thời đoạn 2 từ ngày 01/05/2018 đến ngày 02/05/2018; Thời đoạn 3 từ ngày 01/09/2018 đến ngày 02/09/2018; Thời đoạn 4 từ ngày 01/12/2018 đến ngày 02/12/2018). Kết quả mô phỏng nồng độ TSP trung bình 12 giờ tại khu vực nguồn thải đều vượt giới hạn cho phép từ 6 đến 10 lần. Đặc biệt, tại thời đoạn 1, vào ban đêm, nồng độ TSP tại các khu khai thác lộ thiên (Đèo Nai, Cọc Sáu) vượt 11 lần so với giới hạn cho phép (QCVN 05:2013/BTNMT). Nồng độ TSP cao nhất vào ban đêm, có thời điểm lên đến (2,13 mg/m³)

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					tại nguồn lộ thiên và 1,42 (mg/m³) tại khu khai thác hầm lò. Do ban đêm nhiệt độ thấp, lượng mây che phủ lớn nên bụi khó phát tán ra xa. Ngoài ra, thời đoạn 1 chịu ảnh hưởng của mùa khô tháng 1 với vận tốc gió khá thấp, khí quyển ổn định, bụi không có điều kiện khuếch tán ra xa. Bụi TSP từ các nguồn khai thác than chỉ gây ảnh hưởng trong khu vực bán kính 5 đến 7 kilomet tính từ nguồn thải. Tuy nhiên khu vực bán kính 5 đến 7 kilomet có bao gồm một phần khu dân cư trung tâm của thành phố Cẩm Phả, đặc biệt ảnh hưởng tại các khu vực Cửa Ông, Cẩm Sơn, Cẩm Phú, nơi gần các khai trường lộ thiên. 2. Từ đó đề xuất một số giải pháp kỹ thuật nhằm giảm thiểu lượng bụi phát thải trong quá trình khai thác than: Chống bụi bằng thông gió; Chống bụi bằng phun nước áp suất thường; Chống bụi bằng phun nước áp suất cao; Chống bụi bằng Ejector (phun sương tuần hoàn). Ngoài ra còn có các giải pháp về quản lý và giải pháp về tuyên truyền.
76	Đại học chính quy	Điều tra, thống kê nguồn thải công nghiệp đổ vào lưu vực sông Đáy đoạn chảy qua huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Bùi Thị Bích Phương	1. ThS. Nguyễn Khánh Linh 2. ThS. Lê Thanh Tùng	- Điều tra các nguồn thải công nghiệp quanh lưu vực sông Đáy (các KCN, CCN, cơ sở sản xuất) có phát sinh nước thải thải ra sông lưu vực sông. Theo số liệu điều tra được thì lưu lượng nước thải công nghiệp lớn đang có lưu lượng khá lớn, cần phải có một nguồn thống kê dữ liệu về các nguồn thải này. Sau khi thực hiện khóa luận, đã thống kê được 17 các nguồn thải công nghiệp trên địa bàn huyện Yên Khánh đổ vào lưu vực sông Đáy, trong đó, lưu lượng lớn nhất là Nhà máy phân đạm Ninh Bình với lưu lượng thải 4000 m³/ngày đêm. - Đưa ra một số giải pháp để quản lý hoạt động xả thải vào nguồn nước.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
77	Đại học chính quy	Điều tra, thống kê nguồn thải công nghiệp đổ vào lưu vực sông Đáy đoạn chảy qua thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	Nguyễn Thảo Phương	ThS. Nguyễn Khánh Linh	Đồ án đã thực hiện điều tra, thống kê các nguồn thải công nghiệp của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh đổ vào lưu vực sông Đáy đoạn chảy qua thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Kết quả đồ án đã điều tra được 20 phiếu dành cho người dân và 29 phiếu dành cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu vực thành phố. Trong đó, đã tính toán được tải lượng ô nhiễm cho 25 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh có nguồn thải đổ vào các mạng thoát nước, sông Vân, sông Vạc đều là các phụ lưu của sông Đáy và chảy vào sông Đáy. Tải lượng ô nhiễm được tính toán cho các thông số COD, BOD5, N, P, TSS của các nguồn thải. Trên cơ sở đó dự báo tải lượng ô nhiễm của các nguồn thải đến năm 2020 và đề xuất các giải pháp quản lý phù hợp cho các nguồn thải công nghiệp đã thực hiện điều tra.
78	Đại học chính quy	Điều tra, thống kê nguồn thải công nghiệp đổ vào lưu vực sông Đáy đoạn chảy qua huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Nguyễn Thu Thảo	ThS. Nguyễn Khánh Linh	- Điều tra các nguồn thải công nghiệp quanh lưu vực sông Đáy (các KCN, CCN, cơ sở sản xuất) có phát sinh nước thải thải ra sông lưu vực sông trên địa bàn huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Sau khi thực hiện khóa luận, đã thống kê được 15 các nguồn thải công nghiệp trên địa bàn huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định đổ vào lưu vực sông Đáy bao gồm công ty trong khu công nghiệp, và các cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ - Đưa ra một số giải pháp để quản lý hoạt động xả thải vào nguồn nước.
79	Đại học chính quy	Điều tra, thống kê nguồn thải của các cơ sở y tế đổ vào lưu vực sông Đáy đoạn chảy qua các huyện Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Khánh, Kim Sơn và	Nguyễn Thu Thủy	ThS. Nguyễn Khánh Linh	Nghiên cứu đã thực hiện điều tra, thống kê nguồn thải của các cơ sở y tế đổ vào lưu vực sông Đáy đoạn chảy qua các huyện Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Khánh, Kim Sơn và thành phố Ninh Bình tỉnh Ninh Bình. Kết quả đã thống kê được 10 nguồn thải y tế đổ vào lưu vực sông Đáy đoạn chảy qua các huyện Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Khánh, Kim Sơn và thành phố Ninh Bình bao gồm 4 trung tâm y tế, bệnh viện Đa khoa của 4 huyện,

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình			bệnh viện Đa Khoa tỉnh Ninh Bình, bệnh viện Lao và bệnh phổi, bệnh viện tâm thần, bệnh viện Sản Nhi và 3 phòng khám khu vực. Nguồn thải của các bệnh viện này không đổ trực tiếp vào sông Đáy, nó đổ vào các nhánh sông lân cận như sông Hoàng Long, sông Vân, sông Vạc, sông Mới rồi mới chảy vào sông Đáy. Từ đó thực hiện tính toán, ước tính tải lượng ô nhiễm và đề xuất các biện pháp quản lý, bảo vệ môi trường phù hợp cho các cơ sở y tế này.
80	Đại học chính quy	Điều tra, thống kê các nguồn thải của các làng nghề đổ vào lưu vực Sông Đáy đoạn chảy qua các huyện Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Khánh, Kim Sơn và thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình	Nguyễn Thị Minh Thuý	ThS. Nguyễn Khánh Linh	Với mục tiêu điều tra, thống kê nguồn thải của các làng nghề đổ vào lưu vực sông Đáy đoạn chảy qua các huyện Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Khánh, Kim Sơn và thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình từ đó đề xuất các biện pháp quản lý bảo vệ môi trường phù hợp. Đồ án thực hiện dựa trên việc xây dựng phiếu điều tra về nguồn thải cho 02 nhóm đối tượng là hộ gia đình sinh sống, làm việc trong làng nghề và cán bộ quản lý môi trường, ban quản lý làng nghề trên khu vực các huyện trên; kết quả điều tra được 50 phiếu với 5 làng nghề khác nhau. Từ việc điều tra, xử lý số liệu điều tra, thu thập thông tin và kết thừa số liệu đã tổng hợp được các kết quả sau: nguồn thải chính từ 2 loại hình sản xuất của 5 làng nghề chính trên địa bàn các huyện này; tính toán tải lượng ô nhiễm từ nguồn thải làng nghề đổ ra lưu vực sông; cung cấp thông tin về nguồn thải (lưu lượng, đặc tính) và từ đó đưa ra các biện pháp quản lý và bảo vệ môi trường đối với từng loại nguồn thải làng nghề.
81	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc và đề xuất giải pháp quản lý	Vũ Thị Thu Thủy	ThS. Nguyễn Thị Linh Giang	Đồ án đã thực hiện được các mục tiêu nghiên cứu: Đánh giá được hiện trạng công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn huyện Sông Lô (đưa ra được sơ đồ bộ máy tổ chức, nêu được tình hình thu gom, phân loại, lưu trữ, xử lý CTRSH trên địa bàn huyện). Đánh giá được nhận thức của cộng

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		phù hợp			đồng về công tác quản lý CTRSH tại địa phương. Đề xuất giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý CTRSH: phương pháp vạch tuyến thu gom, vận chuyển đến năm 2030, giải pháp về chính sách, giải pháp tuyên truyền giáo dục, đào tạo nâng cao nhận thức.
82	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả nhân giống trong kỹ thuật bảo tồn ex-situ cây Bàn tay ma - <i>Heliciopsis lobata</i> (Merr.) Sleumer, 1955.	Nguyễn Thị Tơ	1. PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc 2. TS. Bùi Văn Thanh	Nghiên cứu đã xác định đặc điểm hình thái, chất lượng quả và hạt giống cây bàn tay ma; Đã xác định ảnh hưởng của các biện pháp xử lý đến khả năng nảy mầm của hạt, từ đó đã đánh giá hiệu quả nhân giống - Đã đánh giá ảnh hưởng của thành phần bầu đến tỷ lệ sống và tình hình sinh trưởng của cây con sau khi ươm hạt vào bầu - Đã đề xuất các biện pháp bảo tồn và sử dụng hợp lý cây Bàn tay ma
83	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Hoàng Thị Thu Trang	ThS. Nguyễn Khắc Thành	Đồ án đánh giá được hiện trạng phát sinh CTR y tế (khối lượng, thành phần); Đánh giá được sự phân loại CTR y tế tại bệnh viện đa khoa huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có đúng quy định hay không qua quan sát và phiếu điều tra, đánh giá được công tác thu gom, lưu trữ CTR y tế tại cơ sở và đề xuất được một số giải pháp quản lý phù hợp khắc phục những vấn đề tồn tại trong công tác quản lý CTR y tế tại cơ sở
84	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Nguyễn Hà Trang	ThS. Nguyễn Thị Linh Giang	- Đánh giá về nguồn gốc phát sinh, thành phần và khối lượng chất thải rắn y tế của Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương. - Đánh giá công tác quản lý chất thải rắn y tế tại viện. - Đánh giá nhận thức của cán bộ công nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân về công tác quản lý chất thải rắn y tế tại viện. - Đề xuất một số giải pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn y tế tại Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
85	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng môi trường nước mặt tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019	Cao Thị Tranh	ThS. Đỗ Thị Hiền	Với mục tiêu đánh giá chất lượng môi trường nước mặt tại phường Phúc Diễn quận Bắc Từ Liêm thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019, đồ án đã được thực hiện dựa trên các hoạt động quan trắc (1 đợt ,10 vị trí lấy mẫu) và phân tích các thông số đánh giá chất lượng nước tại phòng thí nghiệm. Từ kết quả phân tích trong phòng thí nghiệm so sánh với các QCVN tương ứng từ đó đưa ra nhận xét môi trường nước mặt tại phường Phúc Diễn đang có dấu hiệu bị ô nhiễm. cuối cùng đưa ra kết luận và đề xuất giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước mặt
86	Đại học chính quy	Đánh giá ảnh hưởng của BĐKH tới một số hoạt động sinh kế và đề xuất giải pháp thích ứng tại tỉnh Điện Biên	Nguyễn Thái An	ThS. Nguyễn Thị Hoài Thương	Nghiên cứu đã góp phần tìm hiểu những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu cũng như các tác động của chúng đối với từng lĩnh vực sinh kế của người dân trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ, và đề xuất những biện pháp thích ứng cụ thể. Về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các hoạt động sinh kế của người dân: Nghiên cứu tìm hiểu mức độ ảnh hưởng của các biểu hiện của biến đổi khí hậu diễn ra tại địa phương đối các hoạt động sinh kế của người dân thông qua chính trải nghiệm của người dân trong các lĩnh vực cụ thể: trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. Kết quả nghiên cứu thông qua cảm nhận, đánh giá cho thấy các biểu hiện của biến đổi khí hậu đều tác động đến các hoạt động sản xuất ở các mức độ khác nhau. Các hiện tượng như nắng nóng, mưa thay đổi thất thường, rét đậm, sương muối nhiều hơn, lũ lụt, hạn hán, bão đã gây ra nhiều tác động bất lợi đến các hoạt động sinh kế theo các mức độ khác nhau từ thấp, trung bình đến cao. Những ảnh hưởng này nhìn chung đều gây khó khăn cho hoạt động sinh kế và ảnh hưởng đến năng suất, sự sinh trưởng và giảm sản lượng của con giống cũng như cây trồng. Về mô hình thích ứng của người dân,

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					mô hình được ưu tiên sử dụng nhất là thay đổi cách thức biện pháp tiếp đến là chuyển sang hoạt động khác, và phương pháp không đưa ra biện pháp gì không phải là biện pháp được 150 lựa chọn của người dân. Cụ thể, trong từng lĩnh vực sản xuất các hộ gia đình và họ đều phải tự điều chỉnh bằng những thay đổi để thích ứng được với điều kiện hiện tại: thay đổi giống cây trồng vật nuôi, thay đổi phương thức sản xuất, đầu tư vào việc nâng cao về kỹ thuật, đa dạng hóa sinh kế (chuyển một số thành viên của hộ sang hoạt động sản xuất khác). Trong các hoạt động sản xuất, các hộ gia đình nuôi trồng thủy sản có nhiều cách ứng phó đa dạng và chủ động hơn cả, sau đó là trồng trọt và chăn nuôi.
87	Đại học chính quy	Nghiên cứu, tính toán, đánh giá tác động của hoạt động đốt rơm rạ đến chất lượng không khí tại tỉnh Kiên Giang bằng mô hình AERMOD	Hoàng Thị Huệ Anh	1. PGS.TS. Vũ Thanh Ca 2. ThS. Phạm Thị Hồng Phương	Với mục tiêu đánh giá được tác động của hoạt động đốt rơm rạ đến chất lượng không khí phục vụ công tác quản lý môi trường không khí tại tỉnh Kiên Giang, đồ án thực hiện thu thập các số liệu khí tượng, số liệu mặt đệm và số liệu đốt rơm rạ tại vụ Đông xuân năm 2018 của tỉnh Kiên Giang làm số liệu đầu vào của mô hình aermol. Kết quả thu được số liệu nồng độ các chất: CO, PM2.5, SO2, NO2 tại vụ Đông xuân năm 2018 với dải nồng độ đều cao hơn so với QCVN 05:2013 khoảng 3 lần. Đồ án thực hiện thành lập các bản đồ mô phỏng nồng độ các chất ô nhiễm vào thời gian trung bình ban ngày và ban đêm, đem lại cái nhìn khách quan nhất về thực trạng ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động đốt rơm rạ tại Tỉnh Kiên Giang sau vụ Đông Xuân. Từ đó, đồ án có nêu ra một số các phương pháp về kinh tế, thể chế và kỹ thuật giúp giảm thiểu lượng rơm rạ và lượng khói bụi phát sinh trong quá trình đốt đồng tại tỉnh Kiên Giang.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
88	Đại học chính quy	Đánh giá tác động đến môi trường không khí của dự án "Đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái Nghi Sơn tại xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa"	Phạm Thị Thanh Bình	TS. Lê Anh Trung	Với mục tiêu đánh giá, dự báo tác động đến môi trường không khí của một dự án cụ thể trên địa bàn xã Hải Lĩnh huyện Tĩnh Gia, đề án được thực hiện dựa trên kết quả phân tích môi trường nền khu vực dự kiến triển khai dự án, điều tra, khảo sát thực tế và điều tra từ mẫu phiếu điều tra xây dựng đối với 02 nhóm đối tượng là cán bộ và người dân địa phương. Từ việc tổng hợp và kế thừa các số liệu khối lượng công việc trong các giai đoạn của dự án; tính toán, dự báo nồng độ một số chất ô nhiễm tác động đến môi trường không khí cùng với đó sử dụng mô Sutton trong tính toán nồng độ các chất ô nhiễm và mô hình Metilis để xây dựng bản đồ lan truyền chất ô nhiễm trong không khí ; Từ đó đề xuất một số biện pháp giảm thiểu tác động, đề xuất chương trình quản lý môi trường phù hợp.
89	Đại học chính quy	Nghiên cứu, tính toán, đánh giá tác động của hoạt động đốt rơm rạ đến chất lượng không khí tại tỉnh An Giang bằng mô hình AERMOD	Nguyễn Tiến Dũng	1. PGS.TS. Vũ Thanh Ca 2. ThS. Phạm Thị Hồng Phương	Với mục tiêu: Đánh giá được tác động của các chất khí (CO, NO ₂ , SO ₂ , bụi PM _{2.5}) gây ô nhiễm môi trường không khí do hoạt động đốt rơm rạ của vụ Đông Xuân tại tỉnh An Giang năm 2018. Đề án đưa ra kết quả nồng độ trung bình 12h (ban đêm và ban ngày) của các chất khí ô nhiễm như sau: - Vào ban ngày, nồng độ cao nhất vào ban ngày cụ thể: Nồng độ CO 0,114 mg/m ³ ; Nồng độ NO ₂ 0,046 mg/m ³ ; Nồng độ PM _{2,5} 0,083 mg/m ³ ; Nồng độ SO ₂ 0,314 mg/m ³ . Trong đó nồng độ PM _{2,5} và nồng độ SO ₂ vượt quá QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh. - Vào ban đêm, nồng độ các chất ô nhiễm có nồng độ cao hơn ban ngày cụ thể: Nồng độ CO 0,364 mg/m ³ ; Nồng độ NO ₂ 0,146 mg/m ³ ; Nồng độ PM _{2,5} 0,232 mg/m ³ ; Nồng độ SO ₂ 1 mg/m ³ . Tất cả các nồng độ này đều vượt quá QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
90	Đại học chính quy	Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Nguyễn Thành Giáo	PGS.TS. Vũ Thanh Ca	Với mục tiêu: Đánh giá được công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Thuận Thành và đề xuất được các giải pháp quản lý phù hợp. Đồ án đã đạt được những nội dung sau: - Phân tích, đánh giá được tình hình phát thải và quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Thuận Thành. - Đánh giá được nhận thức của cán bộ quản lý, nhân viên vệ sinh và người dân về chất thải rắn sinh hoạt. - Dự báo được khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn 2019 - 2030. - Đề xuất được các giải pháp phù hợp về tái chế, tuyên truyền và quản lý về chất thải rắn sinh hoạt.
91	Đại học chính quy	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng phát thải rác thải nhựa tại hộ gia đình ở thị xã Bím Sơn, tỉnh Thanh Hoá	Lê Thị Hà	TS. Phạm Thị Mai Thảo	Với mục đánh giá hiện trạng phát thải và đề xuất các giải pháp nhằm giảm thiểu các loại rác thải nhựa phát sinh quy mô hộ gia đình tại thị xã Bím Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bằng phương pháp khảo sát thực tế và điều tra xã hội học, nghiên cứu đã xác định được hiện trạng phát thải rác thải nhựa, khối lượng, thành phần, tính chất hệ số phát thải rác thải nhựa phát sinh của hộ gia đình tại thị xã Bím Sơn; Đánh giá hiện trạng công tác quản lý rác thải nhựa: Hiện trạng công tác thu gom, lưu trữ, xử lý rác thải nhựa trên địa bàn; Đánh giá sự hiểu biết của người dân trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải nhựa; và Đề xuất các giải pháp giảm thiểu các loại rác thải nhựa phát sinh quy mô hộ gia đình.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
92	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng thực thi chính sách pháp luật bảo vệ tài nguyên rừng ở Khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gổ, tỉnh Hà Tĩnh	Trần Thị Thu Hà	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh 2. TS. Nguyễn Thị Thu Nhạn	Đề án đã đánh giá được thực trạng công tác quản lý và thực thi chính sách về bảo vệ rừng. Trong quá trình thực thi chính sách pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng, các cơ quan quản lý và chính quyền địa phương đã tiếp nhận và phổ biến rộng rãi các chính sách, văn bản quy định của pháp luật. Chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ rừng được nâng cao. Nhận thức về các quy định pháp luật về bảo vệ rừng của người dân ngày càng được cải thiện là điều kiện điều chỉnh được các hành vi đối với rừng. Tuy nhiên, để hoạt động thực thi đạt hiệu quả đòi hỏi rất nhiều yếu tố. Dựa trên kết quả nghiên cứu, đề án đã đề xuất 3 giải pháp có tính khả tính nhằm nâng cao hiệu quả trong việc thực thi chính sách pháp luật về bảo vệ tài nguyên rừng ở Khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gổ trong thời gian tới
93	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả kinh tế và tác động môi trường của một số công nghệ xử lý rác thải nhựa	Giang Hoàng Hiệp	TS. Phạm Thị Mai Thảo	Đề án đã đánh giá được hiện trạng phát sinh và công tác quản lý xử lý rác thải nhựa trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm, từ đó đã ước tính được hệ số phát sinh rác thải nhựa trong chất thải sinh hoạt và chất thải y tế trên địa bàn quận. Nội dung đề án cũng đã khái quát chi phí, tác động đến môi trường của một số công nghệ xử lý rác thải nhựa hiện nay, làm cơ sở để đề xuất phương pháp xử lý rác thải nhựa cho quận Bắc Từ Liêm nói riêng và Việt Nam nói chung.
94	Đại học chính quy	Nghiên cứu, đánh giá khả năng xử lý Crom trong nước bằng công nghệ bãi lọc trồng cây nhân tạo	Phạm Thị Hòa	1. ThS. Bùi Thị Thu Trang 2. PGS.TS. Bùi Thị Kim Anh	Với mục tiêu xem xét đặc điểm phân bố mưa theo không gian trên lãnh thổ Việt Nam khi có XTNĐ đổ bộ vào khu vực phía nam, đề án đã sử dụng số liệu quan trắc lượng mưa ngày tại 100 trạm trên toàn lãnh thổ và xem xét sự thay đổi của phân bố mưa trong ba ngày chịu ảnh hưởng của XTNĐ gồm trước ngày XTNĐ đổ bộ, ngày XTNĐ đổ bộ và sau ngày XTNĐ đổ bộ. Kết quả cho thấy, phân bố mưa trong báo đa phần lệch về phía bắc của bão, bão có cường độ

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					càng mạnh thì phân bố mưa càng tập trung gần khu vực tâm bão. Lượng mưa do bão cũng biến đổi lớn, lượng mưa lớn nhất trong ngày bão đổ bộ. Bên cạnh đó, sự tăng cường hội tụ ở rìa phía bắc của bão do sự xâm nhập của không khí lạnh là nguyên nhân chính làm gia tăng lượng mưa ở rìa phía bắc của bão.
95	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Vi Thị Kim	ThS. Nguyễn Thị Linh Giang	Với mục tiêu: Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp. Đồ án đã đạt được những nội dung sau: Phân tích, đánh giá được tình hình phát sinh và hiện trạng công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Như Thanh. Đánh giá được nhận thức của các hộ gia đình, cán bộ môi trường và người thu gom rác về việc tham gia công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện. Từ đó dự báo được khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện Như Thanh năm 2018 - 2030. Đề xuất được các giải pháp phù hợp như phân loại tại nguồn, ủ phân hữu cơ và nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Như Thanh.
96	Đại học chính quy	Hiện trạng sử dụng và thải bỏ hóa chất bảo vệ thực vật tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	Trần Thị Hà My	TS. Phạm Thị Mai Thảo	Với mục tiêu nghiên cứu là đánh giá hiện trạng sử dụng và thải bỏ HCBVTV của người dân xã Tiên Dương huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội và đề xuất biện pháp giảm thiểu chất thải do sử dụng HCBVTV. Đề tài đã nghiên cứu được những nội dung sau: Các loại thuốc BVTV người dân thường sử dụng đều nằm trong danh mục các loại thuốc được sử dụng tại Việt Nam, hiện trạng vứt bỏ HCBVTV sau sử dụng ra kênh, mương, đồng ruộng vẫn còn xảy ra mặc dù trên địa bàn xã đã trang bị đầy đủ các thùng chứa bao bì HCBVTV trên đồng ruộng. Công tác quản lý đã có sự quan tâm nhưng vẫn còn rất nhiều khó khăn, trên địa bàn

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					xã chưa có đơn vị chuyên trách thu gom, vận chuyển, xử lý bao bì HCBVTV sau sử dụng. Trên cơ sở đó, đã đề xuất được một số giải pháp để giảm thiểu chất thải do sử dụng HCBVTV.
97	Đại học chính quy	Ứng dụng công nghệ GIS để phân vùng ô nhiễm môi trường không khí tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	Dương Thị Quỳnh	1. ThS. Lê Đắc Trường 2. ThS. Lại Thế Dũng	Nhằm đánh giá hiện trạng chất lượng không khí tại thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Đồ án dựa trên các số liệu quan trắc môi trường để tính chỉ số chất lượng môi trường không khí (AQI) vào mùa mưa và mùa khô trong giai đoạn 2016- 2018. Từ đó đánh giá được diễn biến và chất lượng không khí tại thành phố Thanh Hóa theo thông số bụi lơ lửng, các thông số khí tượng và theo chỉ số AQI thu được kết quả - chất lượng môi trường không khí ở thành phố Thanh Hóa ở mức độ không khí trung bình. Đánh giá được các nguồn gây ô nhiễm đến môi trường không khí trên địa bàn thành phố chủ yếu do hoạt động sản xuất công nghiệp – xây dựng và hoạt động giao thông vận tải. Lập bản đồ vị trí các điểm quan trắc chất lượng môi trường không khí trên địa bàn thành phố Thanh Hóa bằng phần mềm ArcMap 10.2. Đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí, bảo vệ môi trường và các giải pháp nâng cao quản lý môi trường không khí ở thành phố Thanh Hóa.
98	Đại học chính quy	Nghiên cứu ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn tại huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Đinh Diễm Quỳnh	TS. Hoàng Thị Huệ	- Đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Phù Cừ. - Dự báo khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh đến năm 2030. - Ước tính mức sẵn lòng chi trả (WTP) của người dân huyện Phù Cừ để cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt. - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả (WTP) của

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					người dân. - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Phù Cừ.
99	Đại học chính quy	Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Tạ Tân Thịnh	TS. Phạm Hồng Tính	Đề tài đã đánh giá được mức độ nhận thức về môi trường cũng như các hoạt động bảo vệ môi trường của người dân trên địa bàn Huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy công tác truyền thông trên địa bàn huyện bước đầu cũng đã mang lại hiệu quả và hưởng ứng của người dân. Chiến dịch 2N kết hợp chương trình tập huấn phân loại rác thải sinh hoạt nguồn được đề xuất nhằm nâng cao nhận thức của người dân và thực hiện công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.
100	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Nguyễn Thu Thủy	ThS. Lê Thị Thoa	Đồ án đánh giá được hiện trạng phát sinh chất thải rắn y tế tại bệnh viện đa khoa huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (thành phần chất thải rắn y tế, lượng chất thải nguy hại, thông thường của cơ sở năm 2018). Đánh giá được sự tuân thủ về phân loại chất thải rắn y tế theo quy định trên cơ sở quan sát trực tiếp và điều tra 50 phiếu, thực trạng lưu trữ thu gom và xử lý chất thải rắn y tế, trên cơ sở đó đề xuất được một số biện pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý CTR y tế
101	Đại học chính quy	Nghiên cứu khả năng xử lý Crom (VI) của vật liệu vỏ trấu sau thủy phân	Quang Thị Thương Thương	1. ThS. Bùi Thị Thu Trang 2. PGS.TS. Bùi Thị Kim Anh	Qua quá trình nghiên cứu cho thấy vỏ trấu sau thủy phân có khả năng hấp phụ kim loại nặng trong nước, đặc biệt là kim loại Cr(VI). Đề tài đã khảo sát được các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng xử lý kim loại của vỏ trấu sau thủy phân như thời gian lưu, pH, khối lượng và nồng độ. Đề tài cũng xử lý đối với nước thải chứa Cr(VI) tại làng nghề cơ kim khí Phùng Xá và đạt kết quả khả thi.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
102	Đại học chính quy	Đánh giá việc thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới tại xã Tuấn Chính, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Phan Thị Thu Tiệp	1.ThS. Bùi Thị Thu Trang 2. TS. Phan Thị Thanh Hằng	Với mục tiêu là đánh giá được kết quả thực hiện tiêu chí Môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới của cán bộ quản lý và người dân và đề xuất được các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý môi trường cho xã Tuấn Chính, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Đồ án đã đánh giá được kết quả quá trình thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng NTM tại xã Tuấn Chính đồng thời đề xuất được một số giải pháp để duy trì, phát huy những thành tựu đã đạt được đồng thời khắc phục những tồn tại, bất cập trong công tác thực hiện các nội dung thuộc tiêu chí môi trường
103	Đại học chính quy	Nghiên cứu ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Đặng Công Toàn	ThS. Nguyễn Bích Ngọc	Đồ án thực hiện với 4 nội dung chính bao gồm: (1)Đánh giá thực trạng phát sinh và hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại Thị Trấn Chờ - huyện Yên Phong, (2)Tính toán mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt,(3) Nghiên cứu, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, (4)Đề xuất giải pháp khuyến khích sự đóng góp của người dân cho việc cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, cải thiện chất lượng môi trường. nhằm mục tiêu xác định được mức sẵn lòng chi trả của người dân tại thị trấn Chờ, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh làm cơ sở đề xuất cải thiện hệ thống quản lý CTR sinh hoạt tại địa phương. Bằng phương pháp xác định hệ số phát sinh và thành phần chất thải, phương pháp đánh giá ngẫu nhiên, đồ án đã xác định được lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn thị trấn là khoảng 0,53kg/người/ngày, dự báo đến năm 2030 lượng CTR phát sinh là 8453 tấn/năm và thành phần chủ yếu là chất hữu cơ. Từ kết quả khảo sát người dân và qua tính toán, đồ án đã

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					đưa ra được mức WTP trung bình là 10.900đ
104	Đại học chính quy	Đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến hoạt động sinh kế của người dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn và đề xuất biện pháp thích ứng	Hoàng Thị Trang	1.ThS. Bùi Thị Thu Trang 2. TS. Phan Thị Thanh Hằng	Với mục tiêu đánh giá được ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến các hoạt động sinh kế của người dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn, Đề xuất được một số giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu và sinh kế bền vững cho người dân huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn.
105	Đại học chính quy	Nghiên cứu hiện trạng, đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả truyền thông về rác thải nhựa tại trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	Lê Thị Trang	1. ThS. Hoàng Quốc Lâm 2. ThS. Nguyễn Thị Hoài Thương	Với mục tiêu đánh giá được hiện trạng công tác truyền thông môi trường về rác thải nhựa tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội và đề xuất một số biện pháp nâng cao hiệu quả truyền thông về rác thải từ nhựa tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội góp phần bảo vệ môi trường. Dựa trên cơ sở phương pháp điều tra xã hội học, so sánh, phân tích và xử lý số liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng công tác truyền thông môi trường về rác thải nhựa Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đã được quan tâm thực hiện tuy nhiên các hoạt động còn mang tính chất phong trào, diễn ra không thường xuyên và liên tục, bị hạn chế về mặt nội dung, hình thức và nguồn kinh phí thực hiện. Mặc dù vậy, bước đầu có một số tác động tích cực đến cải thiện hành vi và hình thành lối sống xanh cho sinh viên. Nghiên cứu đã đề xuất một số giải pháp thích hợp nhằm cải thiện hiệu quả truyền thông về rác thải nhựa cho trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
106	Đại học chính quy	Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động khai thác đá hoa trắng đến môi trường đất khu vực làng Lạnh, xã Liễu Đô, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái	Nguyễn Thị Minh Trang	TS. Nguyễn Thị Thục Anh	Với mục tiêu “Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động khai thác đá hoa trắng tới môi trường đất khu vực làng Lạnh, xã Liễu Đô, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái”, đồ án đã nghiên cứu ảnh hưởng của bột đá, bụi đá hoa trắng tới môi trường đất khu vực nghiên cứu. Qua quá trình nghiên cứu phân tích được hàm lượng CaO và MgO có trong các mẫu đất nghiên cứu, so sánh với trị số Clarke, với mẫu phong nền đất và đất trồng lúa khu vực Mê Linh, Hà Nội. Kết quả cho thấy hoạt động khai thác đá hoa trắng có ảnh hưởng tới đất khu vực nghiên cứu, nguyên nhân chủ yếu là do hướng gió bay, nước mưa chảy tràn và do xe di chuyển làm rơi vãi đất đá thải. Từ đó đề xuất giải pháp để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi đá, bột đá hoa trắng tới môi trường đất và người dân khu vực nghiên cứu.
107	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Đặng Ngọc Tú	TS. Nguyễn Thị Thục Anh	Đề tài nghiên cứu “Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp” đã thực hiện các nội dung và thu được một số kết quả chính sau: + Lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại các cơ sở y tế phụ thuộc vào quy mô, cơ cấu khám chữa bệnh + Công tác quản lý CTRYT trên địa bàn huyện Đầm Hà đã được quan tâm, các cơ sở y tế đều cập nhật và quản lý CTRYT theo thông tư 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn tồn tại những hạn chế về nhân lực và trang thiết bị phục vụ cho công tác QL CTRYT + Đồ án đã đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý CTRYT.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
108	Đại học chính quy	Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội	Nguyễn Văn Tuyến	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh 2. TS. Nguyễn Thị Thu Nhận	Nghiên cứu đã đánh giá được nhận thức về môi trường và hoạt động bảo vệ môi trường của người dân tại địa phương khu vực nghiên cứu. 49% người dân không hiểu biết về vấn đề môi trường nói chung và hoạt động truyền thông bảo vệ môi trường nói riêng. Người dân chưa có các hoạt động cụ thể để bảo vệ môi trường và đem lại hiệu quả thiết thực. Tất cả đều trong tình trạng thiếu tổ chức thống nhất, thiếu các nguồn lực và hệ thống xử lý thích hợp. Công tác truyền thông bảo vệ môi trường tại địa phương còn nhiều bất cập. Hạn chế cả về nội dung và hình thức tổ chức. Từ đó dẫn đến hiệu quả mà công tác truyền thông mang lại không cao, không có sức ảnh hưởng lớn tới người dân và cộng đồng. Đề án đã xây dựng được mô hình truyền thông bảo vệ môi trường là “Tập huấn tuyên truyền bảo vệ môi trường cho huyện Đan Phượng thí điểm tại xã Thọ Xuân” nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong BVMT ở địa phương
109	Đại học chính quy	Đánh giá việc thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới tại xã Mê Linh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Phạm Thu Hà	ThS. Mai Hương Lam	- Đánh giá được kết quả thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng NTM: - Đánh giá được công tác quản lý môi trường tại địa phương: Cán bộ quản lý đã quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường địa phương tuy nhiên do chưa có cán bộ có chuyên môn cao về môi trường nên việc giải quyết các vấn đề môi trường bất cập còn khó khăn. - Đề án đã đề xuất một số giải pháp nhằm mục đích duy trì, phát huy những thành tựu đã đạt được và khắc phục những tồn tại, bất cập trong công tác bảo vệ môi trường tại xã Mê Linh cũng như một số giải pháp hỗ trợ công tác quản lý môi trường địa phương.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
110	Đại học chính quy	Ứng dụng công cụ phân tích kiểm kê trong việc đánh giá sự phát thải từ hoạt động tái chế nhựa tại làng nghề tái chế nhựa Minh Khai, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Dương Thị Hảo	ThS. Tạ Thị Yên	Nghiên cứu tiến hành đánh giá hiện trạng hoạt động sản xuất của làng nghề Minh Khai, đồng thời phân tích quy trình của hoạt động tái chế chất thải của làng nghề; Kiểm kê đánh giá sự phát thải của hoạt động tái chế; Đánh giá nguy cơ ảnh hưởng tới môi trường của hoạt động tái chế; Đánh giá hiện trạng hoạt động tái chế nhựa tại làng Minh Khai, Thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.
111	Đại học chính quy	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường tại Cửa hàng xăng dầu Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Hằng	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh 2. TS. Nguyễn Thị Thu Nhạn	Cửa hàng xăng dầu Định Công đã thực hiện nghiêm túc và phần lớn đã thực hiện đầy đủ các khía cạnh của pháp luật Việt Nam liên quan đến an toàn – môi trường. 1. Cửa hàng có các bộ phận chuyên trách liên quan đến PCCC, ứng phó sự cố tràn dầu; bộ phận phụ trách bảo vệ môi trường. Cửa hàng đã đầu tư đầy đủ các phương tiện, trang thiết bị đảm bảo đáp ứng kịp thời trong trường hợp nếu xảy ra sự cố cháy nổ hay sự cố tràn dầu. 2. Cửa hàng tuân thủ đúng quy định trong việc lập báo cáo giám sát môi trường. Định kỳ 06 tháng/ lần, Cửa hàng thực hiện lập báo cáo quan trắc môi trường định kỳ. 3. Việc đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu của Cửa hàng vẫn còn chưa đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật. 4. Các công trình xử lý môi trường đã được hoàn thiện và đã đi vào hoạt động đảm bảo chất lượng thải dầu ra luôn nằm trong giới hạn tiêu chuẩn cho phép. 5. Cần tổ chức đào tạo nghiệp vụ bảo vệ môi trường trong kinh doanh xăng dầu cho CBCNV của Cửa hàng theo Thông tư số 43/2014/TT-BTNMT

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
112	Đại học chính quy	Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu	Nguyễn Xuân Hiệp	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh 2. TS. Nguyễn Thị Thu Nhàn	1. Đề tài đã đánh giá được mức độ nhận thức về môi trường cũng như các hoạt động bảo vệ môi trường của người dân, có 65% người dân đã có nhận thức đúng về môi trường. Phần lớn người dân đều đưa ra vấn đề môi trường đáng lo ngại nhất hiện nay là chất thải rắn sinh hoạt. 2. Công tác truyền thông trên địa bàn thành phố gặp nhiều khó khăn do nguồn nhân lực, kinh phí cho sự nghiệp môi trường và sự hiểu biết chuyên sâu của cán bộ quản lý về môi trường còn hạn chế nhưng khi tổ chức đã thu hút được đông đảo sự quan tâm của người dân, đem lại nhiều hiệu quả tích cực. 3. Đề tài đã xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường là “Tập huấn phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn cho thành phố Lai Châu thí điểm tại 2 xã San Thàng và xã Nậm Loỏng” nhằm nâng cao nhận thức và sự hiểu biết của người dân về phân loại và xử lý rác tại địa phương.
113	Đại học chính quy	Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH TRANSON Việt Nam, tỉnh Hòa Bình	Quàng Văn Hiệp	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh 2. TS. Nguyễn Thị Thu Nhàn	Công ty TNHH Transon Việt Nam có địa chỉ tại KCN Lương Sơn tỉnh Hòa Bình, bắt đầu đi vào hoạt động từ năm 2013, với các ngành nghề chính các mục tiêu sản xuất, gia công, lắp ráp các loại bộ biến áp, cuộn kháng trở và các loại linh kiện điện tử khác. Kể từ khi hoạt động đến nay, trong công tác bảo vệ môi trường, công ty đã quan tâm và nỗ lực thực hiện. Công ty đã và đang dần hoàn thiện hết các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Kể từ ngày được phê duyệt các giấy phép, thủ tục môi trường, công ty TNHH Transon Việt Nam đã tương đối thực hiện đầy đủ các quy định cũng như quy trình trong giấy được cấp như: - Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường - Lập sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					- Lập báo cáo giám sát môi trường định kỳ Trong phạm vi nghiên cứu, công ty TNHH Transon đều đã thực hiện nghiêm túc cả 3 thủ tục trên, hơn hết thủ tục lập Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH được thực hiện tốt và đầy đủ nhất.
114	Đại học chính quy	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH Molex Việt Nam	Nguyễn Kiều Hoa	ThS. Trần Ngọc Huân	Nghiên cứu các cơ sở pháp lý về bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Molex Việt Nam phải thực hiện tuân thủ. Khảo sát hiện trạng việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại Công ty; Đánh giá mức độ tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của Công ty TNHH Molex Việt Nam gồm (Đề án bảo vệ môi trường chi tiết; Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; Báo cáo giám sát môi trường định kỳ; Các quy định liên quan đến sự cố môi trường) và; Đề xuất giải pháp nhằm duy trì, cải tiến và hoàn thiện sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại Công ty.
115	Đại học chính quy	Nghiên cứu đặc điểm cấu trúc và khả năng tái sinh tự nhiên của một số thảm thực vật ở huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái	Nguyễn Thị Hoa	PGS.TS. Nguyễn Thế Hưng	Đề tài "Nghiên cứu đặc điểm cấu trúc và khả năng tái sinh tự nhiên của một số kiểu thảm thực vật ở huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái", đồ án đã tìm thấy có tất cả 279 loài thuộc 211 chi, 79 họ tại 3 kiểu thảm phổ biến ở vùng này là thảm cỏ thấp, thảm cây bụi tầng cao, thảm rừng thứ sinh. Đặc điểm cấu trúc của từng kiểu thảm: Thảm cỏ thấp có 2 tầng, thảm cây bụi có 3 tầng và thảm rừng thứ sinh: 4 tầng. Cấu trúc tầng phức tạp được sắp xếp theo thứ tự giảm dần như sau: Thảm rừng thứ sinh > thảm cây bụi tầng cao > thảm cỏ thấp. Về chất lượng cây tái sinh: số lượng cây tái sinh tăng dần từ thảm cỏ thấp- thảm cây bụi- thảm rừng thứ sinh, điều này chứng tỏ qua từng giai đoạn các loài đã có sự cạnh tranh về không gian sống và dinh dưỡng, hiện tượng tự tỉa đã diễn ra. Tuy nhiên có một số nhân tố ảnh hưởng đến khả năng tái sinh

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					của các kiểu thảm như: môi trường sống, biến đổi khí hậu. Đề xuất một số giải pháp bảo vệ tính đa dạng của một số kiểu thảm thực vật tại huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái: Từ kết quả nghiên cứu ở trên, nhận thấy rằng: thảm rừng thứ sinh là thảm có khả năng tái sinh tốt nhất trong 3 thảm được nghiên cứu, vì vậy một số giải pháp tập chung chủ yếu cải tạo phục hồi kiểu thảm này: giải pháp kỹ thuật lâm sinh, giải pháp bảo vệ quản lý.
116	Đại học chính quy	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng phát thải rác thải nhựa tại thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An - Trường hợp nghiên cứu điển hình tại hộ gia đình	Vũ Quỳnh Hoa	TS. Phạm Thị Mai Thảo	Với mục tiêu đánh giá được hiện trạng phát sinh rác thải nhựa phát sinh tại hộ gia đình ở thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An, qua quá trình khảo sát thực tế và nghiên cứu đã xác định được HSPS RTSH là 0.372 kg/người/ngày; HSPS RTN là 0.034 kg/người/ngày; chiếm 9.14%. Trong đó, HSPS RTN Loại 4 cao nhất 0.009 kg/người/ngày và Loại 7 thấp nhất 0.0006 kg/người/ngày. Người dân đã nhận thức được về hiện trạng phát sinh và công tác quản lý, thu gom và xử lý rác thải nhựa phát sinh tại hộ gia đình, tuy nhiên còn hạn chế. Hiện trạng công tác quản lý RTN: RTN được thu gom và xử lý như rác RTSH. Công ty CP MTĐT&DVĐL Cửa Lò thu gom và vận chuyển về Khu liên hiệp xử lý CTR Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An để xử lý. Đề xuất giải pháp tuyên truyền, giáo dục và đào tạo nâng cao nhận thức của cộng đồng, đạo đức môi trường cho tất cả hộ gia đình. Với các đề tài về rác thải nhựa tương tự tiếp theo nên mở rộng phạm vi nghiên cứu và tăng thời gian thu gom, phân loại và cân thực tế tại hộ gia đình để có kết quả nghiên cứu sát thực hơn.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
117	Đại học chính quy	Nghiên cứu đặc điểm cấu trúc và tái sinh tự nhiên của thảm thực vật cây bụi tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh	Lê Thị Thu Hoàn	PGS.TS. Nguyễn Thế Hưng	Với mục tiêu "Nghiên cứu đặc điểm cấu trúc và tái sinh tự nhiên của thảm thực vật cây bụi tại thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh", đề án đã tìm thấy 69 loài, 62 chi, 34 họ thực vật thuộc 3 ngành thực vật bậc cao có mạch là ngành Thông Đất, ngành Dương Xi và ngành Mộc Lan trong thảm cây bụi tại khu vực nghiên cứu. Qua quá trình nghiên cứu thấy rằng, thảm cây bụi tại khu vực nghiên cứu có cấu trúc 3 tầng: tầng cây gỗ nhỏ, tầng cây bụi và tầng cỏ, quyết. Khả năng tái sinh tự nhiên của thảm cây bụi tại đây được đánh giá là có tiềm năng, với mật độ cây tái sinh trung bình là 3638 cây/ha. Từ đó, đề án đề xuất 3 nhóm giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển thảm cây bụi tại khu vực nghiên cứu: i) Nhóm giải pháp lâm sinh; ii) Nhóm giải pháp chính sách; iii) Nhóm giải pháp phụ trợ.
118	Đại học chính quy	Nghiên cứu xác định nguy cơ xảy ra sự cố hóa chất tại các nhà máy sản xuất hóa chất thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng	Nguyễn Thanh Huế	1. TS. Vũ Văn Doanh 2. ThS. Bùi Đức Tấn	Với mục tiêu nhận diện được các sự cố hóa chất tiềm tàng tại các nhà máy sản xuất hóa chất thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc phòng, đề án đã nghiên cứu hoạt động của một số dây chuyền sản xuất điển hình tại các nhà máy Z195, xí nghiệp 95, xí nghiệp 92; giúp đánh giá được hiện trạng sản xuất của các dây chuyền sản xuất hóa chất, thuốc phóng thuốc nổ và hiện trạng công tác quản lý hóa chất và phòng ngừa sự cố tại các nhà máy. Đề án đã sử dụng phương pháp Delphi tiến hành tham vấn 3 lần hỏi với ý kiến của 15 chuyên gia, giúp nhận diện được 7 dây chuyền sản xuất hóa chất, thuốc phóng thuốc nổ đặc trưng với 3 loại hình sự cố có nguy cơ xảy ra ở các mức độ nguy hiểm khác nhau. Đề án cũng đã đề xuất được các biện pháp phòng ngừa, ứng phó và xử lý đối với các sự cố hóa chất phù hợp cho các nhà máy sản xuất hóa chất thuộc TCCNQP.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
119	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Cầu đoạn chảy qua huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang 6 tháng đầu năm 2019	Nguyễn Văn Hùng	ThS. Phạm Phương Thảo	- Thu thập tổng quan tài liệu về điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội của huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang và báo cáo quan trắc của Sở Tài nguyên và Môi trường về chất lượng nước sông Cầu. - Khảo sát thực địa, lựa chọn mô tả vị trí lấy mẫu. - Tiến hành lấy và phân tích mẫu nước. + Tàn suất: 2 đợt lấy mẫu. + Vị trí lấy mẫu: 3 vị trí. + Thông số đo nhanh: pH, nhiệt độ, độ đục, DO. + Các chỉ tiêu phân tích trong phòng thí nghiệm: TSS, COD, BOD5, NH4+, PO43-, NO2-, NO3-, Cl-, Fe, Coliform. - Đánh giá độ lặp của các phép thử phân tích tại 1 vị trí. - Đánh giá chất lượng nước sông Cầu đoạn chảy qua huyện Yên Dũng thông qua chỉ số WQI. - Luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm. - Đề xuất các giải pháp nhằm kiểm soát và cải thiện chất lượng nước sông Cầu đoạn chảy qua huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.
120	Đại học chính quy	Nghiên cứu đề xuất hệ thống thu gom chất thải rắn sinh hoạt cho thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc -Giai đoạn 2020-2030	Phạm Ngọc Huyền	ThS. Bùi Thị Thanh Thủy	Qua nghiên cứu tìm hiểu, khảo sát thực tế về hệ thống thu gom- vận chuyển CTR sinh hoạt tại thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh phúc, đề án đã đánh giá được tình hình phát sinh chất thải trên địa bàn thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc. Để từ đó đề xuất hệ thống thu gom hợp lý và tối ưu nhất. Dự báo được tốc độ phát sinh khối lượng CTR từ 2020 đến 2030. Tính toán được trang thiết bị cần đầu tư nhằm thực hiện hiệu quả chương trình phân loại rác thải tại nguồn Tính toán nhu cầu nhân lực phục vụ thu gom, tính toán chi phí cho quá trình.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
121	Đại học chính quy	Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường và kiểm toán chất thải tại Xí nghiệp than Tân Lập, Công ty TNHH MTV than Hạ Long - Vinacomin, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Hoàng Thị Thu Hương	ThS. Phạm Thị Hồng Phương	- Nghiên cứu được các cơ sở pháp lý liên quan đến BVMT tại xí nghiệp than Tân Lập. - Khảo sát hiện trạng việc thực hiện các biện pháp BVMT tại mỏ than Tân Lập. - Đánh giá mức độ tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT của xí nghiệp than Tân Lập bao gồm: Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt; Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ; Xin cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn tiếp nhận. => Xí nghiệp than Tân Lập đã thực hiện tương đối tốt. Tuy nhiên thủ tục báo cáo ĐTM đã phê duyệt, thủ tục đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và thủ tục xin cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn tiếp nhận vẫn còn tồn tại thiếu sót, cần có biện pháp khắc phục ngay. - Nghiên cứu, vẽ sơ đồ quy trình khai thác than hầm lò tại xí nghiệp than Tân Lập. - Xác định lượng nguyên, nhiên liệu đầu vào và ước tính lượng thải phát sinh trên 1 đơn vị sản phẩm tại xí nghiệp than Tân Lập. - Đề xuất được các giải pháp nhằm duy trì, hoàn thiện các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT và các biện pháp giảm thiểu chất thải tại nguồn tại xí nghiệp than Tân Lập.
122	Đại học chính quy	Xây dựng mô hình truyền thông bảo vệ môi trường tại thị trấn Bình Mỹ và xã An Đô, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Mai Đình Khải	ThS. Trần Ngọc Huân	Mục tiêu của đồ án là xây dựng được chương trình truyền thông bảo vệ môi trường góp phần nâng cao nhận thức của người dân trong việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại Thị trấn Bình Mỹ, xã An Đô thuộc huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Thông qua việc điều tra, khảo sát thực địa, đồ án đã đánh giá hiện trạng công tác quản lý và công tác truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam và đánh giá nhận thức và hoạt động bảo vệ môi trường của người dân tại huyện Bình

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Lục, tỉnh Hà Nam, từ đó đồ án đã xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Ngoài ra, đồ án cũng đã biết cách thu thập khảo sát số liệu bằng công cụ google.form để thuận tiện trong việc phân tích đánh giá kết quả. Hơn nữa đồ án áp dụng phương pháp hệ thống thông tin địa lý GIS để xây dựng bản đồ vị trí điều tra khảo sát.
123	Đại học chính quy	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH đầu tư và phát triển công nghiệp Thiên Long - Hà Nội	Tô Việt Khánh	TS. Vũ Văn Doanh	Với Mục tiêu về đánh giá mức độ tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH đầu tư và phát triển công nghiệp Thiên Long - Hà Nội vì thế nội dung của đồ án đề cập những nội dung về Tổng quan về công ty TNHH Đầu tư và Phát triển công nghiệp Thiên Long - Hà Nội, khái quát đặc điểm địa bàn nghiên cứu; Nghiên cứu các văn bản pháp lý liên quan đến bảo vệ môi trường mà công ty phải tuân thủ và thực hiện; Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường mà công ty đã và đang thực hiện; Đề xuất giải pháp để duy trì, cải tiến và hoàn thiện các văn bản pháp lý liên quan đến bảo vệ môi trường nhằm nâng cao hiệu quả quản lý môi trường của công ty trong thời gian tới.
124	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Tiên Hưng đoạn chảy qua huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình 6 tháng đầu năm 2019	Mai Đình Lịch	TS. Lê Thị Hải Lê	Đánh giá được chất lượng nước sông Tiên Hưng đoạn chảy qua huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình 6 tháng đầu năm 2019, thông qua việc phân tích xác định 10 chỉ tiêu nước sông không kể các thông số đo nhanh, đánh giá so sánh với QCVN 08-MT:2015, và qua chỉ số WQI. Từ đó luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm và đề xuất các biện pháp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường nước sông Tiên Hưng.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
125	Đại học chính quy	Ứng dụng công cụ phân tích kiểm kê trong việc đánh giá sự phát thải của hoạt động tái chế chì tại làng nghề Đông Mai, xã Chỉ Đạo, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Đoàn Thị Mỹ Linh	ThS. Tạ Thị Yên	Với mục tiêu là kiểm kê sự phát thải KNK, nước thải, CTR, CTNH trong hoạt động tái chế chì tại làng nghề Đông Mai. Đồ án đã ứng dụng công cụ phân tích, kiểm kê và áp dụng bộ hệ số phát thải theo IPCC để kiểm kê lượng phát thải trong hoạt động tái chế chì. Kết quả kiểm kê cho thấy, CTR và CTNH từ hoạt động tái chế chì là những chất thải đáng lo ngại nhất do lượng phát thải lớn và trong đó có chứa nhiều yếu tố nguy hại. Trên cơ sở đó, đồ án đã đánh giá được những nguy cơ ảnh hưởng tới môi trường và sức khỏe từ sự phát thải trong hoạt động tái chế chì. Ngoài ra, đồ án cũng đã đề xuất một số giải pháp nhằm giảm thiểu sự phát thải và những nguy cơ ảnh hưởng từ hoạt động tái chế chì tại làng nghề Đông Mai.
126	Đại học chính quy	Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường tại mỏ than Đông Tràng Bạch thuộc xí nghiệp than Ưông Bí - Công ty cổ phần xi măng & xây dựng Quảng Ninh, tỉnh Quảng Ninh	Lê Thị Mến	TS. Vũ Văn Doanh	- Tổng kết các cơ sở, hệ thống văn bản pháp lí về bảo vệ môi trường mà Xí nghiệp than Ưông Bí phải tuân thủ - Đánh giá hiện trạng công tác bảo vệ môi trường của Xí nghiệp than Ưông Bí qua việc điều tra thực tế và phát phiếu điều tra - Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường tại Xí nghiệp than Ưông Bí với các thủ tục sau: + Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khai thác phần sâu mỏ than Đông Tràng Bạch” đã phê duyệt + Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước + Sổ đăng kí chủ nguồn chất thải nguy hại + Báo cáo giám sát môi trường định kì - Đề xuất được các giải pháp để duy trì, cải tiến và hoàn thiện các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường nhằm nâng cao hiệu quả quản lí môi trường của Xí nghiệp trong thời gian tới.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
127	Đại học chính quy	Đánh giá hiệu quả xử lý nước thải của một số khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh	Phạm Trường Thảo Nguyên	TS. Nguyễn Thị Thục Anh	Với mục tiêu đánh giá hiệu quả xử lý nước thải của khu công nghiệp Việt Hưng và khu công nghiệp Cái Lân; đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng quản lý về nước thải đối với 2 KCN nói trên. 1. Đồ án đã nghiên cứu tổng quan về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Việt Hưng và KCN Cái Lân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; 2. Đồ án đã nghiên cứu đánh giá thành phần tính chất nước thải của KCN Cái Lân và KCN Việt Hưng thông qua các thông số phân tích trong phòng thí nghiệm là COD, BOD5, Amoni, TSS, tổng N, tổng P, Coliform, Fe và các thông số đo nhanh là nhiệt độ, pH, độ đục. 3. Bằng phương pháp SWOT đồ án đã đánh giá thực trạng quản lý và đưa ra được giải pháp về mặt kinh tế, pháp lý và kỹ thuật của KCN Việt Hưng và KCN Cái Lân
128	Đại học chính quy	Nghiên cứu đề xuất hệ thống thu gom chất thải rắn sinh hoạt cho sáu xã ven biển (Hòa Lộc, Minh Lộc, Hưng Lộc, Hải Lộc, Đa Lộc, Ngư Lộc) thuộc huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa - Giai đoạn 2020-2030	Lê Thị Nhung	ThS. Bùi Thị Thanh Thủy	Với mục tiêu nghiên cứu đề xuất hệ thống thu gom chất thải rắn sinh hoạt cho sáu xã ven biển (Hòa Lộc, Minh Lộc, Hưng Lộc, Hải Lộc, Đa Lộc, Ngư Lộc) thuộc huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa - Giai đoạn 2020-2030, đồ án đề cập đến những nội dung sau đây: Nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội và hiện trạng thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn 6 xã ven biển thuộc huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở tài liệu thu được tính toán hệ thống thu gom theo 2 phương án, khai toán kinh tế cho 2 phương án. Từ đó đề xuất biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn 6 xã ven biển thuộc huyện Hậu Lộc nhằm giải quyết phần nào khó khăn trong công tác thu gom, xử lý chất thải rắn tại địa phương, góp phần bảo vệ môi trường.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
129	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước suối Nậm Pàn đoạn chảy qua huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La 6 tháng đầu năm 2019	Nguyễn Thị Thảo Phương	TS. Lê Thị Hải Lê	Đánh giá được chất lượng nước sông Tiên Hưng đoạn chảy qua huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình 6 tháng đầu năm 2019, thông qua việc phân tích xác định 10 chỉ tiêu nước sông không kể các thông số đo nhanh, đánh giá so sánh với QCVN 08-MT:2015, và qua chỉ số WQI. Từ đó luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm và đề xuất các biện pháp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường nước sông Tiên Hưng.
130	Đại học chính quy	Kiểm kê và đánh giá sự phát thải khí nhà kính trong hoạt động sản xuất ống thép tại Công ty TNHH công nghiệp Chính Đại	Trần Văn Phương	ThS. Tạ Thị Yến	Với mục tiêu là kiểm kê sự phát thải KNK trong hoạt động sản xuất ống thép tại công ty TNHH Công nghiệp Chính Đại. Đồ án đã sử dụng phương pháp kiểm kê phát thải KNK và áp dụng bộ hệ số phát thải KNK theo IPCC để kiểm kê lượng phát thải KNK trong từng công đoạn trong hoạt động sản xuất ống thép. Kết quả kiểm kê cho thấy, lượng phát thải KNK tại công ty TNHH Công nghiệp Chính Đại thấp hơn rất nhiều so với lượng phát thải KNK trung bình của thế giới trong hoạt động sản xuất thép do nhà máy sản xuất ống thép từ thép cán thô - tức là chỉ thực hiện giai đoạn gia công sau cán. Ngoài ra, đồ án cũng đã đề xuất giải pháp giảm thiểu phát thải KNK tại nhà máy và đặc biệt đã tiến hành phân tích chi phí - lợi ích của giải pháp lắp đặt biến tần để thể hiện tính khả thi của giải pháp.
131	Đại học chính quy	Ứng dụng kỹ thuật Delphi xác định các tiêu chí đánh giá đáp ứng về tài nguyên và môi trường vùng bờ thành phố Hải Phòng	Nguyễn Đăng Quang	TS. Lưu Văn Huyền	Với mục tiêu là xác định được tiêu chí đánh giá cho các mâu thuẫn trong khai thác và sử dụng tài nguyên vùng bờ thành phố Hải Phòng bằng kỹ thuật Delphi. Quá trình sử dụng phương pháp Delphi với việc thiết lập và sử dụng mẫu phiếu điều tra qua 2 vòng đã đưa ra những tiêu chí mâu thuẫn đang diễn ra tại vùng bờ thành phố Hải Phòng. Bộ tiêu chí đã khái quát những vấn đề nổi trội mà địa phương gặp phải, những mâu thuẫn đã và đang diễn ra gây nên những ảnh hưởng tiêu cực đến quá

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					trình khai thác và bảo vệ tài nguyên khu vực nghiên cứu. Bên cạnh đó, đồ án cũng đã đưa ra việc xây dựng các sơ đồ cơ bản để thể hiện sự mẫu thuẫn giữa các đối tượng từ đó đưa ra những giải pháp hiệu quả đến từng vấn đề.
132	Đại học chính quy	Nghiên cứu đa dạng thân mềm chân bụng (Gastropoda) khu vực Trạm đa dạng sinh học Mê Linh, xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Đỗ Mạnh Quý	PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc	Nghiên cứu đã xác định được 19 loài Thân mềm chân bụng thuộc 10 họ, 4 bộ và 2 phân lớp. Phân lớp mang trước (Prosobranchia) có 3 loài thuộc 2 họ sống ở dưới nước; 4 loài thuộc 1 họ sống ở trên cạn. Phân lớp có phổi (Pulmonata) có 11 loài thuộc 5 họ sống ở trên cạn; 1 loài thuộc 1 họ sống ở dưới nước. + Độ đa dạng loài: Trong các sinh cảnh thuộc KVNC sinh cảnh có độ đa dạng cao nhất là rừng thứ sinh với $D' = 0,79$. Sinh cảnh có độ đa dạng thấp nhất là rừng trồng, vườn với $D' = 0,57$. + Tần số xuất hiện: loài Cyclophorus pyrostoma, Sulcospira hainanensis, Sulcospira hainanensis là có tần số xuất hiện cao nhất với $C' = 20\%$.
133	Đại học chính quy	Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại mỏ than Mạo Khê thuộc công ty than Mạo Khê - TKV, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	TS. Vũ Văn Doanh	- Nghiên cứu được các cơ sở pháp lý liên quan đến BVMT tại mỏ than Mạo Khê thuộc Công ty than Mạo Khê - TKV. - Khảo sát 2 lần hiện trạng việc thực hiện các biện pháp BVMT tại mỏ than Mạo Khê. - Đánh giá mức độ tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT của Mỏ than Mạo Khê bao gồm: Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt; Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại; Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ; Xin cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn tiếp nhận. => Mỏ than Mạo Khê đã thực hiện tương đối tốt. Tuy nhiên thủ tục báo cáo ĐTM đã phê duyệt và thủ tục đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại vẫn còn tồn tại thiếu sót, cần có biện pháp khắc phục ngay. - Đề xuất được các giải pháp nhằm

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					duy trì, hoàn thiện các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT tại Mỏ than Mạo Khê.
134	Đại học chính quy	Ứng dụng kỹ thuật Delphi xác định các tiêu chí đánh giá lợi ích vùng bờ thành phố Hải Phòng	Lê Văn Thành	TS. Lưu Văn Huyền	• Xác định được các tiêu chí ưu tiên trong khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ Thành phố Hải Phòng • Qua quá trình tiến hành điều tra khảo sát nghiên cứu đã xây dựng được mẫu phiếu vòng 1 và mẫu phiếu vòng 2. Mẫu phiếu vòng 1 và mẫu phiếu vòng 2 đã thể hiện được mức độ quan tâm và mức độ ưu tiên trong khai thác, sử dụng tài nguyên vùng bờ thành phố Hải Phòng. • Hoạt động ưu tiên trong khai thác và sử dụng tài nguyên vùng bờ: Tập trung phát triển vào các ngành thương mại – dịch vụ - du lịch và thủy sản. Chính vì khai thác và sử dụng tài nguyên vùng bờ quá mức dẫn đến cạn kiệt, suy thoái các dạng tài nguyên Hải Phòng. • Giải pháp ưu tiên trong khai thác và sử dụng tài nguyên vùng bờ: - Tài nguyên được khai thác đảm bảo phải có hiệu quả cao và mang lại lợi ích lớn nhất, không chỉ với các giá trị sử dụng trực tiếp, mà cả những giá trị sử dụng gián tiếp, nhiều khi còn lớn hơn giá trị sử dụng trực tiếp. - Đảm bảo tiết kiệm đối với tài nguyên không tái tạo, đúng mức với tài nguyên có khả năng tái tạo, chống lãng phí và tránh cạn kiệt, đảm bảo an ninh tài nguyên và có kế hoạch dự trữ, sử dụng lâu dài và để giành cho thế hệ mai sau. - Không gây các tổn hại cho các lợi ích phòng thủ và an ninh quốc gia, không vi phạm các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia. - Tài nguyên được khai thác, không gây ra những tổn thất khó bù đắp về tác động môi trường, lợi ích cộng đồng về kinh tế, sức khỏe và văn hóa - tinh thần. - Không tạo ra những mâu thuẫn gay gắt, các xung đột lợi ích giữa các bên liên quan.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
135	Đại học chính quy	Nghiên cứu, tính toán, đánh giá tác động của hoạt động đốt rom rạ đến chất lượng không khí tại thành phố Cần Thơ bằng mô hình AERMOD	Nguyễn Quỳnh Trang	1. PGS.TS. Vũ Thanh Ca 2. ThS. Phạm Thị Hồng Phương	Đồ án đã tiến hành tính toán, đánh giá tác động của hoạt động đốt rom rạ tới chất lượng không khí tại thành phố Cần Thơ bằng mô hình AERMOD. Phạm vi của đồ án tiến hành đối với vụ Đông Xuân năm 2017 của 5 quận và 4 huyện thuộc thành phố Cần Thơ. Nồng độ các chất ô nhiễm tính toán như sau: vào ban đêm nồng độ đều vượt quá QCVN 05:2013/BTNMT, cụ thể nồng độ CO 0,64 (mg/m ³); nồng độ NO ₂ 0,308 (mg/m ³); nồng độ PM _{2.5} 0,23 (mg/m ³); nồng độ SO ₂ 0,17 (mg/m ³). Nồng độ các chất ô nhiễm vào ban ngày đều thấp hơn so với QCVN 05:2013/BTNMT, cụ thể: nồng độ CO 0,064 (mg/m ³); nồng độ NO ₂ 0,0308 (mg/m ³); nồng độ PM _{2.5} 0,036 (mg/m ³); nồng độ SO ₂ 0,017 (mg/m ³). Nhìn chung, nồng độ cao nhất của các chất ô nhiễm xuất hiện ở các khu vực có diện tích trồng lúa lớn như Huyện Vĩnh Thạnh, Huyện Cờ Đỏ, Huyện Thới Lai, quận Thốt Nốt. Một số nơi có nồng độ các chất ô nhiễm thấp như Quận Ninh Kiều, quận Cái Răng...do đây là khu vực đô thị, nhiều nhà ở và có diện tích trồng lúa ít.
136	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp chất thải rắn nông nghiệp, thí điểm tại ba xã Lưu Kiếm - Gia Minh - Gia Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Vũ Thị Hồng Trinh	PGS.TS. Vũ Thanh Ca	Tiến hành đánh giá hiện trạng quản lý chất thải rắn trên địa bàn 3 xã Lưu Kiếm - Gia Minh - Gia Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Nhận thấy, thành phần chất thải rắn giàu hữu cơ chiếm tỷ lệ lớn, đã phân chất thải rắn được thu gom bằng xe đẩy tay và vận chuyển bằng xe cơ giới tới điểm xử lý. Tại đây, có công ty Phú Hưng phụ trách việc thu gom và xử lý chất thải rắn trên địa bàn 3 xã nói riêng và toàn huyện Thủy Nguyên nói chung. Đặc biệt, cán bộ môi trường không quan tâm đến vấn đề môi trường của xã, trong khi có đến 95% người dân mong muốn nâng cao nhận thức về môi trường. Với thực trạng đó, đề xuất biện pháp xử lý sơ bộ chất thải rắn tại các hộ gia

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					đình nhằm giảm thiểu lượng chất thải rắn phát sinh tại nguồn.
137	Đại học chính quy	Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại mỏ than Thành Công thuộc công ty than Hòn Gai - TKV, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Hà Thị Vân	TS. Vũ Văn Doanh	Đề án đã tiến hành hệ thống được cơ sở pháp lý hiện hành có liên quan đến bảo vệ môi trường mà mỏ than Thành Công cần tuân thủ. Tiến hành điều tra khảo sát các biện pháp bảo vệ môi trường mà mỏ than Thành Công đang thực hiện. Đánh giá mức độ tuân thủ của các thủ tục sau: Báo cáo ĐTM; Hồ sơ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại; Giấy phép xả thải; Báo cáo giám sát môi trường định kỳ; Thủ tục cải tạo phục hồi và ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường. Đề xuất 2 nhóm giải pháp duy trì và bổ sung đối với từng loại thủ tục để việc tuân thủ các thủ tục hành chính được thực hiện tốt hơn.
138	Đại học chính quy	Ứng dụng kỹ thuật Delphi xác định các tiêu chí về áp lực đối với tài nguyên và môi trường vùng bờ thành phố Hải Phòng	Lê Anh Xuân	TS. Lưu Văn Huyền	Với mục tiêu xác định được các tiêu chí về áp lực đối với tài nguyên và môi trường vùng bờ thành phố Hải Phòng trên cơ sở áp dụng kỹ thuật Delphi, đề tài đã thiết lập mẫu phiếu điều tra qua 2 vòng. Từ đó xác định được các tiêu chí về áp lực đối với các dạng tài nguyên chủ yếu tại vùng bờ Hải Phòng bao gồm: tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên biển, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên sinh vật và đa dạng sinh học. Các áp lực được phân chia theo nguồn gốc phát sinh: hoạt động kinh tế - xã hội và các yếu tố tự nhiên. Qua kết quả tổng hợp, nhìn chung các hoạt động KT – XH có tác động tiêu cực nhiều nhất là hoạt động du lịch/vui chơi giải trí, hình thành KCN, xây dựng cảng biển, phá rừng ngập mặn, khai thác thủy hải sản, khai thác cát. Còn các yếu tố tự nhiên bao gồm: nước biển dâng, xâm nhập mặn, sạt lở, bão, ngập lụt và sóng.
139	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại Trung tâm y tế huyện Lục Nam, tỉnh Bắc	Nguyễn Thị Hải Yến	ThS. Lê Thị Thoa	Đề án đánh giá được hiện trạng phát sinh chất thải rắn y tế tại trung tâm y tế huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (thành phần chất thải rắn y tế, lượng chất thải nguy hại, thông thường của cơ sở năm 2018). Đánh giá được sự

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Giang và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp			tuân thủ về phân loại chất thải rắn y tế theo quy định trên cơ sở quan sát trực tiếp và điều tra 50 phiếu, thực trạng lưu trữ thu gom và xử lý chất thải rắn y tế, trên cơ sở đó đề xuất được một số biện pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý CTR y tế
140	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại Trung tâm y tế huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Trần Thị Thúy An	ThS. Nguyễn Thị Linh Giang	Với mục tiêu xác định hiện trạng phát sinh CTRYT tại Trung tâm y tế huyện Vụ Bản và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý CTRYT tại Trung tâm y tế huyện Vụ Bản. Tiến hành điều tra 50 phiếu cho các đối tượng cán bộ quản lý, bác sĩ nhân viên y tế, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân tại Trung tâm y tế huyện Vụ Bản. Từ việc điều tra và tổng hợp số liệu đã xác định được nguồn gốc phát sinh, thành phần và khối lượng CTRYT, đánh giá công tác quản lý CTRYT tại đây, đánh giá được nhận thức của các đối tượng được điều tra và đề xuất được giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý CTRYT tại Trung tâm y tế huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định
141	Đại học chính quy	Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến sinh kế khu vực ven biển huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh và đề xuất giải pháp thích ứng	Trần Quốc Anh	1. TS. Vũ Văn Doanh 2. ThS. Bùi Sỹ Bách	Nghiên cứu đã đánh giá được tác động của BĐKH đến sinh kế khu vực ven biển huyện Lộc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh: 1. Đánh giá hiện trạng sinh kế tại 3 xã Thịnh Lộc, Thạch Kim, Thạch Châu huyện Lộc Hà thông qua 5 nguồn lực chính: Nguồn lực tự nhiên, nguồn lực vật chất, nguồn lực tài chính, nguồn nhân lực, nguồn lực xã hội. Ngoài ra, còn đánh giá hiện trạng các hoạt động sinh kế như: Sản xuất Nông nghiệp; đánh bắt, nuôi trồng thủy sản; chăn nuôi;... 2. Đánh giá tác động của BĐKH tới hoạt động sản xuất Nông nghiệp; hoạt động đánh bắt, nuôi trồng thủy sản; hoạt động chăn nuôi. 3. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương của sinh kế tại 3 xã Thịnh Lộc, Thạch Kim, Thạch Châu huyện Lộc Hà trước tác động của BĐKH:

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Qua tính toán theo phương pháp tính LVI, xã Thịnh Lộc là xã có mức độ dễ bị tổn thương (DBTT) sinh kế do BĐKH là nhiều nhất trong 3 xã của huyện Lộc Hà với chỉ số tổn thương sinh kế lớn nhất ($LVI=0,47$). Xã Thạch Kim ở giữa với chỉ số $LVI=0,45$. Xã Thạch Châu là xã có mức độ dễ bị tổn thương (DBTT) sinh kế do BĐKH là ít nhất trong 3 xã ven biển huyện Lộc Hà với chỉ số tổn thương sinh kế nhỏ nhất ($LVI=0,44$). 4. Đề xuất một số giải pháp thích ứng phù hợp: bao gồm giải pháp về tuyên truyền nâng cao nhận thức và giải pháp về chính sách quản lý.
142	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng sử dụng và thải bỏ hoá chất bảo vệ thực vật tại xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Trần Thị Vân Anh	TS. Phạm Thị Mai Thảo	Với mục tiêu đánh giá hiện trạng sử dụng và thải bỏ hóa chất BVTV tại xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Đồ án đã nghiên cứu hiện trạng sử dụng, kinh doanh hóa chất BVTV và thải bỏ chất thải chứa hóa chất BVTV của người dân, công tác thu gom và xử lý trên địa bàn xã. Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc sử dụng hóa chất BVTV ngày càng gia tăng nhưng người dân sử dụng hóa chất còn nhiều hạn chế. Người dân cũng đã có ý thức thải bỏ chất thải vào hố tập kết riêng nhưng vẫn còn tình trạng bao bì hóa chất BVTV chưa được xử lý đúng cách. Đồng thời, người dân đã có ý thức và tìm hiểu về tác hại của hóa chất BVTV đối với sức khỏe con người. Đồ án đã đề xuất các giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề tại địa bàn xã An Viên.
143	Đại học chính quy	Điều tra, xác định các nguồn xả thải trực tiếp vào sông Nam Định đoạn chảy qua thành phố Nam Định, tỉnh Nam	Nguyễn Thị Linh Chi	PGS.TS. Lê Thị Trinh	Điều tra về hiện trạng sử dụng nước mặt và xả thải vào nguồn tiếp nhận của cộng đồng dân cư từ đó thống kê các nguồn thải chính xả thải vào lưu vực sông Nam Định đoạn chảy qua thành phố và đánh giá các nguồn xả thải chính vào lưu vực sông Nam Định. Tính toán tải lượng các chất ô nhiễm hiện nay trong lưu vực sông chủ yếu bị ô nhiễm chất hữu cơ. Qua

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Định			tìm hiểu số liệu quan trắc chất lượng nước sông Nam Định thấy chất lượng nước sông đang có xu hướng giảm đi tại vị trí trước điểm lấy nước vào của Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch Nam Định và tại điểm cách trạm bơm Kênh Gia khoảng 1km về phía hạ lưu sông. Bước đầu đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường các nguồn gây ô nhiễm môi trường nước trên lưu vực sông, sử dụng nguồn nước sông 1 cách hợp lý để phục vụ cho mục đích cấp nước sinh hoạt và các mục đích khác liên quan tới nguồn nước sông Nam Định.
144	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Nguyễn Quốc Cường	TS. Vũ Văn Doanh	Dựa vào số liệu tại phòng Tài nguyên và môi trường huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, ý kiến của người dân thông qua phiếu điều tra, đồ án đã thực hiện được: - Điều tra được số lượng, thành phần, chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện. Xác định được hệ số phát sinh chất thải rắn sinh hoạt là 0,52 kg/người/ngày. - Đánh giá được hiện trạng quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn. Toàn huyện có 11 HTX, 46 tổ vệ sinh môi trường và 05 lò đốt. - Đánh giá được nhận thức của cộng đồng về công tác quản lý CTRSH trên địa bàn. Với mức phí 2000 - 3000 đồng/1 người/1 tháng là hợp lý. - Đề xuất các giải pháp phù hợp để nâng cao quản lý CTRSH trên địa bàn huyện.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
145	Đại học chính quy	Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại công ty cổ phần may II Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Thị Kim Dung	TS. Vũ Văn Doanh	Từ khi hoạt động đến nay, Công ty CP May II Hưng Yên đã và đang dần hoàn thiện các thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường kết hợp với các giải pháp kỹ thuật nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong hoạt động sản xuất. Qua quá trình điều tra khảo sát tác giả đã đánh giá được mức độ tuân thủ các thủ tục hành chính như: Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Hồ Sơ đăng ký chủ nguồn chất thải nguy hại, Báo cáo giám sát môi trường định kỳ. Và đề xuất được các giải pháp để duy trì, cải thiện và hoàn thiện các thủ tục hành chính có liên quan đến bảo vệ môi trường nhằm nâng cao hiệu quả quản lý môi trường của Công ty trong thời gian tới.
146	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Nguyễn Tuấn Dũng	PGS.TS. Vũ Thanh Ca	Với mục tiêu đánh giá được hiện trạng công tác quản lý CTR sinh hoạt tại thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái đề án đã : - Điều tra được tình hình chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Yên Bái (Nguồn phát sinh, khối lượng, thành phần CTR sinh hoạt). - Đánh giá hiện trạng được quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Yên Bái (Thu gom, vận chuyển, lưu trữ xử lý). - Dự báo khối lượng chất thải rắn sinh hoạt đến năm 2025. - Tham vấn cộng đồng về công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Yên Bái. - Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn thành phố Yên Bái (Vốn đầu tư, phương tiện cần đầu tư, thùng lưu chứa chung, điểm tập kết rác mới).

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
147	Đại học chính quy	Đánh giá kế hoạch thực hiện tiêu chí môi trường theo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, thí điểm tại hai xã Tượng Sơn và Thạch Bàn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	TS. Phạm Hồng Tính	Đồ án được thực hiện nhằm mục tiêu: Đánh giá được việc thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình nông thôn mới tại 2 xã Thạch Bàn và Tượng Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Từ đó, đề xuất được một số giải pháp giúp xã Thạch Bàn và xã Tượng Sơn đạt chuẩn tiêu chí môi trường, quản lý môi trường bền vững. Với các nội dung nghiên cứu được thực hiện bao gồm: (1) Đánh giá việc thực hiện các nội dung thuộc tiêu chí về môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới tại 2 xã Thạch Bàn và Tượng Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh; (2) Đánh giá thực trạng thực hiện tiêu chí môi trường của 2 xã Thạch Bàn và Tượng Sơn; (3) Đánh giá hiện trạng công tác quản lý môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới tại 2 xã Thạch Bàn và Tượng Sơn, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh; (4) Đề xuất một số giải pháp giúp xã Thạch Bàn đạt chuẩn tiêu chí môi trường và xã Tượng Sơn quản lý môi trường bền vững trong kế hoạch thực hiện tiêu chí 17 trong chương trình xây dựng nông thôn mới. Bằng phương pháp điều tra xã hội học với 80 phiếu điều tra cho đối tượng người dân trên địa bàn 2 xã Tượng Sơn và Thạch Bàn; 20 phiếu cho cán bộ quản lý trên địa bàn 2 xã Tượng Sơn và Thạch Bàn, đồ án đã tổng hợp được các thông tin cần thiết liên quan đến hiện trạng môi trường, cảnh quan cũng như các hoạt động về BVMT tại 2 xã Tượng Sơn và Thạch Bàn. Từ đó có cơ sở đánh giá về việc thực hiện các tiêu chí môi trường trong chương trình nông thôn mới xã đang thực hiện theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả đánh giá cho thấy trong tổng số 8 tiêu chí môi trường theo chương trình nông thôn mới thực hiện tại 2 xã Thạch Bàn và

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Tượng Sơn. Đối với xã Thạch Bàn đã thực hiện được 5/8 tiêu chí bao gồm 17.1;17.2; 17;4; 17.6;17.8 ; Đối với xã Tượng Sơn đã thực hiện được 7/8 tiêu chí bao gồm tiêu chí 17.2;17.3;17.4; 17.5; 17.6;17.7; 17.8. Trong thời gian tới 2 xã cần sớm đạt chuẩn tiêu chí môi trường chưa thực hiện được và duy trì các chỉ tiêu đã đạt được, nâng cao chất lượng của các chỉ tiêu trong tiêu chí môi trường.
148	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Nguyễn Viết Dương	TS. Vũ Văn Doanh	Đồ án đã thực hiện được các mục tiêu nghiên cứu: Đánh giá hiện trạng công tác quản lý CTRSH tại huyện Bình Lục (đưa ra sơ đồ bộ máy tổ chức; tình hình phân loại, lưu trữ, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn). Các kết quả đạt được: nguồn gốc phát sinh; khối lượng CTRSH phát sinh với thành phần chủ yếu là chất thải hữu cơ; đánh giá nhận thức của cộng đồng về quản lý CTRSH thông qua phỏng vấn bằng phiếu hỏi (50 phiếu điều tra). Đề xuất giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý CTRSH: phương án vạch tuyến thu gom, vận chuyển CTRSH đến năm 2025; tích cực tuyên truyền và giáo dục người dân về vấn đề quản lý CTRSH và công tác bảo vệ môi trường.
149	Đại học chính quy	Nghiên cứu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới hoạt động sinh kế của người dân tại huyện Ân Thi và đề xuất các giải pháp thích ứng dựa trên phương pháp tiếp cận hệ sinh thái (EbA)	Bùi Thị Giang	ThS. Nguyễn Khắc Lĩnh	Với mục tiêu nghiên cứu ảnh hưởng của BĐKH đến hoạt động sinh kế của người dân huyện Ân Thi trong lĩnh vực nông nghiệp kết hợp với các số liệu kế thừa ảnh hưởng của BĐKH đến nông nghiệp huyện Ân Thi từ đề xuất được các giải pháp thích ứng với BĐKH dựa trên phương pháp tiếp cận hệ sinh thái trong nông nghiệp để nâng cao hiệu quả của trong sinh kế của người dân
150	Đại học chính quy	Nghiên cứu ước tính mức	Phạm Thị Quỳnh Hoa	ThS. Mai Hương Lam	Tổng khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn thành phố là 26,22

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		sẵn lòng chi trả của người dân cho việc cải thiện dịch vụ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu			tấn/ngày. Trên 3 xã, phường thực hiện nghiên cứu có khối lượng như sau: phường Tân Phong 8.66 tấn/ngày, phường Đoàn Kết 4,63 tấn/ngày, xã San Thàng 2,41 tấn/ngày. Toàn thành phố đã được thực hiện thu gom chất thải với tỷ lệ khoảng 90%. Dự báo đến năm 2030, thành phố Lai Châu có dân số là 48.018 người, lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là 52,34 tấn/ngày với tỷ lệ phát sinh là 5%/năm. Theo kết quả khảo sát, có 88% người dân đồng ý chi trả cho việc cải thiện chất lượng dịch vụ thu gom, xử lý CTRSH trên địa bàn thông qua hình thức tăng mức phí môi trường hàng tháng/ người. Bằng công cụ Descriptive Statisis trong Excel tính được mức WTP trung bình là 6.386,36 đồng/người/tháng. Tổng WTP = 230.841.369 đồng/tháng. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến mức sẵn lòng chi trả của người dân bao gồm thu nhập, trình độ học vấn, tuổi, số nhân khẩu, giới tính. Từ đó chỉ ra được yếu tố thu nhập có ảnh hưởng nhiều nhất đến mức sẵn lòng chi trả của người dân thành phố Lai Châu. Nghiên cứu đề xuất ra ba giải pháp nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ thu gom CTRSH trên địa bàn như sau: - Thứ nhất, nâng cấp hệ thống thu gom CTRSH với kinh phí mua thêm xe rác là 367.200.000 đồng và thuê thêm nhân công là 187.000.000 đồng. - Thứ 2, tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng của người dân trong công tác phân loại CTRSH tại nguồn nói riêng và bảo vệ môi trường nói chung với kinh phí là 28.600.000 đồng - Thứ 3, tổ chức lễ Mít tinh, điều hành và cuộc thi tái chế rác thải hưởng ứng Ngày Môi trường thế với kinh phí là 41.865.000 đồng.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
151	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại địa bàn huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Nguyễn Thị Khánh Huyền	PGS.TS. Vũ Thanh Ca	Với mục tiêu đánh giá hiện trạng công tác quản lý CTRSH trên địa bàn huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh đề án đã: - Điều tra được tình hình phát sinh CTRSH trên địa bàn huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh (Nguồn phát sinh, khối lượng CTRSH, thành phần CTRSH...)
152	Đại học chính quy	Nghiên cứu ảnh hưởng của hoạt động khai thác cát, sỏi tới địa hình đáy sông trên đoạn sông Hồng, khu vực Sơn Tây, thành phố Hà Nội	Trần Nguyễn Nga Huyền	TS. Nguyễn Thị Thục Anh	Hoạt động khai thác cát sỏi trên các dòng sông đã mang lại nhiều lợi ích cho phát triển kinh tế xã hội song cũng gây không ít tổn thương cho dòng sông. Đề án có mục tiêu là đánh giá thực trạng khai thác cát sỏi trên đoạn sông Hồng chảy qua khu vực Sơn Tây; xác định sự thay đổi địa hình đáy sông Hồng đoạn chảy qua khu vực Sơn Tây, Hà Nội từ đó đề xuất được các giải pháp quản lý khai thác cát, sỏi lòng sông, bảo vệ môi trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy hầu như tất cả các vị trí mặt cắt ướt đều có xu hướng hạ thấp và mở rộng nhanh đặc biệt trong khoảng 4 năm cuối. Bề rộng lòng chính mở rộng từ 600m đến 800m ứng với cao trình 10m. Đáy sông tại vị trí sâu nhất hạ thấp từ cao trình -3m xuống cao trình -6m. Địa hình đáy sông liên tục thay đổi theo hướng đào sâu lòng dẫn trong các năm từ 2010, 2014, 2018. Nguyên nhân dẫn đến sự tổn thương của lòng sông, ngoài nguyên nhân về thời tiết, các phương tiện tàu thuyền đi lại gần bờ tạo sóng gây tác động trực tiếp đến ổn định của bờ đất ven sông, thì có nguyên nhân do khai thác cát, sỏi trái phép, khai thác chưa đúng thiết kế được duyệt về trình tự khai thác, độ sâu khai thác, việc thanh thải cát, sỏi và ảnh hưởng tới luồng lạch giao thông...

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
153	Đại học chính quy	Đánh giá tác động môi trường không khí do các phương tiện giao thông và đề xuất biện pháp giảm thiểu - Nghiên cứu điển hình tại quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Hương	ThS. Phạm Thị Hồng Phương	- Đánh giá được tác động của bụi PM2,5 đến chất lượng không khí do phương tiện giao thông tại Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội. - Đề xuất các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông gây ra. - Khảo sát nồng độ bụi PM2,5 tại Quận Nam Từ Liêm Thành phố Hà Nội (sử dụng máy đo Air beam – máy đo cầm tay của Mỹ) - Xác định các nút giao thông trọng điểm. - Nghiên cứu xác định loại và lượng phương tiện giao thông phổ biến tại 03 điểm thông - Đánh giá được các tác động của hoạt động giao thông đến chất lượng không khí - Đề xuất giải pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí do phương tiện giao thông tại Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
154	Đại học chính quy	Đánh giá nhận thức của người tiêu dùng đối với sản phẩm rau hữu cơ tại quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Lê Thị Thu Hương	ThS. Nguyễn Thị Hoài Thương	Với mục tiêu đánh giá nhận thức của người tiêu dùng về sản phẩm rau hữu cơ và đề xuất một số giải pháp nâng cao nhận thức và mở rộng thị trường cho sản phẩm rau hữu cơ. Dựa trên phương pháp điều tra xã hội học, tổng hợp phân tích số liệu. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng nhu cầu về sử dụng rau hữu cơ ngày càng cao vì người tiêu dùng có mối quan tâm ngày càng lớn về sức khỏe và bảo vệ môi trường, Tuy nhiên tần suất sử dụng sản phẩm rau hữu cơ còn thấp do giá sản phẩm rau hữu cơ đắt hơn 4-5 lần sản phẩm rau thông thường. Mức người tiêu dùng có thể chi trả chi nằm trong khoảng 10-20% cao hơn so với sản phẩm thông thường. Từ kết quả khảo sát về nhận thức cho thấy rằng người tiêu dùng bước đầu đã có những hiểu biết nhất định sản phẩm rau hữu cơ. Kiến thức chủ quan và kiến thức khách quan có ảnh hưởng tích cực đến hành vi tiêu dùng. Trình độ học vấn và nguồn thông tin là hai yếu tố có ảnh hưởng

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					tích cực đến kiến thức chủ quan và kiến thức khách quan. Nghiên cứu cũng đã đưa ra một số giải pháp phù hợp nhằm nâng cao nhận thức và phát triển thị trường rau hữu cơ cho địa bàn thành phố Hà Nội
155	Đại học chính quy	Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam	Trần Bích Hương	ThS. Nguyễn Bích Ngọc	Nhằm góp phần nâng cao nhận thức và gắn kết cộng đồng tham gia công tác bảo vệ môi trường tại huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đồ án đã tiến hành nghiên cứu xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Bình Lục. Đồ án đã tiến hành điều tra xã hội học tại 2 xã Tràng An và Bình Nghĩa với 80 phiếu cho đối tượng là người dân và 25 phiếu cho các cán bộ quản lý xã, huyện. Kết quả điều tra cho thấy hiện trạng môi trường tại huyện Bình Lục đang gặp các vấn đề về ô nhiễm do chất thải sinh hoạt phát sinh ngày càng gia tăng trong khi công tác quản lý còn nhiều hạn chế, ý thức người dân chưa cao. Trên cơ sở thực tế điều tra tại 2 xã Tràng An và Bình Nghĩa của huyện Ý Yên, đồ án đã đề xuất được chương trình truyền thông phù hợp với địa phương với kinh phí dự tính là 34.215.000đ được đề xuất dựa trên thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 6/1/2017 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn quản lý sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường và thông tư liên tịch 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học Công nghệ về việc hướng dẫn, định mức xây dựng phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KHCN có sử dụng ngân sách nhà nước ; xây dựng "chương trình tập huấn hướng dẫn người dân thu gom, phân loại và xử lý rác tại hộ gia đình"

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
156	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Nguyễn Văn Khiêm	ThS. Bùi Thị Thu Trang	1. Nậm Pồ là một huyện thuộc vùng núi phía Tây Bắc, có địa hình đồi núi cao, khí hậu nhiệt đới gió mùa với hai mùa mưa và mùa khô. Là một huyện mới thành lập đang ở giai đoạn đầu đổi mới trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đời sống người dân được cải thiện và nâng cao. Cùng với sự phát triển kinh tế và sự gia tăng dân số đã gây sức ép lên môi trường sống do hoạt động sinh hoạt hàng ngày; do thói quen sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu không theo quy định... Vì vậy rác thải sinh hoạt là một trong những vấn đề cần được quan tâm. 2. Lượng rác thải bình quân đầu người tại huyện Nậm Pồ năm 2019: Xã Nà Hỳ 0,904 kg/người/ngày; Nà Khoa 0,816 kg/người/ngày; Nậm Khăn 0,562 kg/người/ngày. Nguồn phát sinh chủ yếu là từ các hộ gia đình, khu chợ và từ các quán ăn, dịch vụ công cộng. Thành phần rác thải sinh hoạt tại huyện phần lớn là rác thải hữu cơ (Xã Nà Hỳ: 65,57%; Nà Khoa: 66,48%, Nậm Khăn: 67,35%). 3. Công tác quản lý rác thải sinh hoạt của huyện đã có nhiều chuyển biến tích cực tuy nhiên vẫn còn nhiều tồn tại: cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị cho công tác thu gom còn hạn chế; tần suất thu gom rác thải thấp (1 lần/ngày) nên chưa đáp ứng được nhu cầu của nhân dân. 4. Cả huyện chỉ có hai bãi xử lý rác thải tại xã Nà Hỳ và Chà Cang cũng chưa được quy hoạch, khu xử lý rác chưa được xây dựng vì vậy rác thải vẫn được xử lý bằng cách đốt, đổ tràn ra môi trường gây ô nhiễm môi trường xung quanh. Chính quyền địa phương đã thực hiện công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng về phân loại, thu gom rác thải sinh hoạt nhưng vẫn còn hạn chế. CTRSH hiện nay chưa được phân loại tại nguồn. 5. Bên cạnh đó đồ án cũng có đề xuất

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					giải pháp cụ thể cho việc quản lý CTRSH có hiệu quả tại khu vực nghiên cứu như sau: Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý; giải pháp nâng cao hiệu quả thu gom, vận chuyển theo cụm xã; giải pháp xử lý CTRSH cho huyện Nậm Pồ: Ủ phân sinh học/compost.
157	Đại học chính quy	Xác định thành phần loài của chi nấm <i>Marasmius</i> tại Vườn quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ	Nguyễn Tùng Lâm	TS. Lê Thanh Huyền	Quá trình đi thực địa trên VQG Xuân Sơn, đã thu được 100 mẫu nấm, trong đó có 17 mẫu nấm thuộc chi nấm <i>Marasmius</i> 12 loài nấm khác nhau, từ đó đã xác định được tên danh pháp của 9 loài, bao gồm các loài: <i>Marasmius</i> aff. <i>oreades</i>, <i>Marasmius</i> aff. <i>rotula</i>, <i>Marasmius</i> aff. <i>tenuissimus</i>, <i>Marasmius</i> aff. <i>calhouniae</i>, <i>Marasmius</i> aff. <i>dendrosetosus</i>, <i>Marasmius</i> aff. <i>bambusiniformis</i>, <i>Marasmius</i> aff. <i>graminum</i>, <i>Marasmius</i> aff. <i>araneocephalus</i>, <i>Marasmius</i> aff. <i>capillaris</i>. Có 3 loài chưa xác định được danh pháp cụ thể nên em đề tên là <i>Marasmius</i> sp.1, <i>Marasmius</i> sp.2 và <i>Marasmius</i> sp.3. Đề xuất một số giải pháp bảo tồn, phát triển chi nấm <i>Marasmius</i> và môi trường sống của chúng như: cần có nhiều đề tài nghiên cứu chuyên sâu về bảo tồn ĐDSH các loài nấm, kiểm soát chặt chẽ việc thu mẫu chi nấm <i>Marasmius</i>, quy hoạch bảo tồn nấm
158	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng môi trường nước mặt tại xã Xuân Hương, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang 6 tháng đầu năm 2019	Nguyễn Thị Lập	ThS. Đỗ Thị Hiền	Chất lượng nguồn nước mặt của xã Xuân Hương tại một số nơi đang có dấu hiệu bị ô nhiễm bởi các chất hữu cơ và các hợp chất nitơ. Thể hiện qua hàm lượng BOD5, COD, NO2-, NH4+ tại một số điểm quan trắc đều vượt quy chuẩn nhiều lần. Cụ thể như sau: giá trị BOD5 vượt từ 1,2 – 1,33 lần; COD vượt từ 1,6 – 6,4 lần; NO2- vượt từ 1,1 – 3,3 lần và NH4+ vượt từ 1,1 – 2,5 lần. Chỉ số chất lượng nước mặt xã Xuân Hương tại hầu hết các điểm quan trắc nằm trong mức 51 – 90, ở mức đánh giá thang màu vàng và màu xanh lá cây và phù hợp sử dụng cho mục đích tưới tiêu và

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					nhu cầu sinh hoạt của người dân mặc dù cần các biện pháp xử lý phù hợp. Bước đầu nhận diện được nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước mặt tại xã Xuân Hương là do 3 nguyên nhân chính sau: do hoạt động sinh hoạt của người dân, do hoạt động trồng trọt và do hoạt động chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản
159	Đại học chính quy	Nghiên cứu ảnh hưởng của than tới một số đặc điểm hình thái của ốc cạn tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Hà Thị Lê	PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc	Đề tài “nghiên cứu sự ảnh hưởng của than đến một số đặc điểm hình thái của ốc cạn tại Thành phố Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh” với 3 mục tiêu chính: - Nghiên cứu một số đặc điểm hình thái của ốc cạn quanh khu vực mỏ than thuộc Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. - So sánh đặc điểm hình thái của ốc cạn trong cùng khu vực nghiên cứu. - So sánh đặc điểm hình thái của ốc cạn ở khu vực nghiên cứu với một số khu vực khác không có mỏ than. Kết quả nghiên cứu về đa dạng sinh học của ốc cạn (Gastropoda) ở Cẩm Phả cho kết quả có 2 phân lớp, 3 bộ, 13 họ, 22 giống, 29 loài. Đã mô tả đặc điểm hình thái các mẫu của 29 loài thu được tại khu vực nghiên cứu (hình dạng, kích thước, màu sắc,...), góp phần tạo cơ sở dữ liệu cho các nghiên cứu về sau. Bước đầu đã xác định sự sai khác về hình thái ngoài của 2 loài đặc hữu Cyclophorus implicatus, Cyclophorus unicus với vành miệng đen so với cùng loài tại các khu vực nghiên cứu khác. Trong quá trình so sánh, đánh giá cũng nhận thấy có sự sai khác về kích thước của 3 loài Cyclophorus implicatus, Cyclophorus unicus và Cyclophorus volvulus trong cùng khu vực nghiên cứu tại các vị trí thu mẫu có khoảng cách nhất định với các bãi tập kết, vận chuyển than. Giả thiết ban đầu là do ảnh hưởng từ hoạt động tập kết, vận chuyển than có tác động tới lớp

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					thổ nhưỡng.
160	Đại học chính quy	Nghiên cứu nhận thức của người dân trong quản lý bảo tồn đa dạng sinh học tại khu vực đất ngập nước Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh.	Bùi Thị Kim Liên	PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc	Nghiên cứu đã đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học tại khu đất ngập nước xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh: - Đã xác định được hiện trạng công tác quản lý bảo tồn đa dạng sinh học tại khu ĐNN xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. - Đã đánh giá nhận thức của người dân về công tác quản lý bảo tồn đa dạng sinh học tại khu ĐNN xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh. - Đã lựa chọn giải pháp bảo tồn tối ưu, đáp ứng nguyện vọng của người dân và phù hợp với điều kiện của địa phương.
161	Đại học chính quy	Đánh giá tác động môi trường không khí do các phương tiện giao thông và đề xuất biện pháp giảm thiểu - Nghiên cứu điển hình tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Phương Liên	ThS. Phạm Thị Hồng Phương	Đề tài nghiên cứu: “Đánh giá tác động môi trường không khí do phương tiện giao thông và đề xuất biện pháp giảm thiểu – nghiên cứu điển hình tại Quận Cầu Giấy Thành phố Hà Nội” đã xác định được loại và lượng phương tiện giao thông tại đây qua các thời điểm. Đề tài đã tính được sự tương đồng giữa lưu lượng phương tiện giao thông và nồng độ PM_{2,5}, tương đồng từ 71,43 – 78,57%. Nồng độ PM₁₀, PM_{2,5} ngoài phụ thuộc vào lượng phương tiện giao thông mà còn phụ thuộc vào thời tiết và hoạt động đang diễn ra tại khu vực, như: hoạt động tu sửa cơ sở hạ tầng, hoạt động hút bụi, tưới nước ... Đặc biệt, đã khảo sát được nồng độ PM₁₀ và PM_{2,5} đo được trên xe buýt hiện thị ít hơn rất nhiều so với đo tại các điểm giao thông. Chính vì vậy, lưu lượng phương tiện giao thông, thời tiết (độ ẩm, nhiệt độ, gió ...), hoạt động xây dựng đều có quan hệ mật thiết tới sự tăng giảm nồng độ các chất dạng hạt, góp phần làm chất lượng không khí khu vực báo động đỏ, đó chính là những cấp thiết cần đề ra các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Đề tài đã đề xuất những giải pháp khả thi góp phần giảm thiểu tác động của bụi do phương tiện giao thông đến chất lượng không khí và cộng đồng.
162	Đại học chính quy	Nghiên cứu định lượng cacbon trong đất của rừng trang (<i>Kandelia obovata</i> Sheue, Liu & Yong) trồng ven biển xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Lê Mỹ Linh	1. TS. Phạm Hồng Tính 2. ThS. Nguyễn Xuân Tùng	Nghiên cứu định lượng cacbon trong đất xác định được : 1. Hàm lượng % cacbon ở các độ sâu khác nhau (0 - 100 cm) càng xổng sâu thì hàm lượng % cacbon càng giảm 2. Lượng cacbon tích lũy ở các độ sâu tăng dăng theo tuổi rừng, tuổi rừng càng cao thì lượng cacbon càng cao tương đương R19T> R18T>R17T. Như vậy có thể thấy rừng ngập mặn có vai trò quan trọng trong việc giảm phát thải khí nhà kính 3. Đánh giá khả năng tạo bể chứa : bể chứa trong đất tích lũy được lượng cacbon cao nhất trong 3 bể chứa.
163	Đại học chính quy	Nghiên cứu hiện trạng sử dụng tài nguyên cây thuốc thuộc lớp 2 lá mầm (Magnoliopsida) ở vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Pù Hoạt, tỉnh Nghệ An	Lê Thị Linh	PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc	Nghiên cứu về hiện trạng sử dụng cây thuốc ở xã Hạnh Dịch, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã thống kê được 402 loài thực vật thuộc lớp hai lá mầm có giá trị sử dụng làm thuốc, thuộc 283 chi và 98 họ chủ yếu thuộc họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Cà phê (Rubiaceae), họ Đậu (Fabaceae), họ Trúc đào (Apocynaceae), họ Cam (Rutaceae) - Đã xác định được công dụng chữa 34 bệnh khác nhau trong đó bệnh lỵ và rắn cắn chiếm tỷ lệ loài cao nhất. - Đã xác định được hiện trạng sử dụng cây thuốc: như sơ chế cây thuốc thành những dạng cơ bản như phơi khô rồi mới sử dụng (thuốc khô), dùng ở dạng tươi, cao, ngâm rượu, thuốc đắp và thuốc bột. Cách sử dụng thông dụng nhất ở đây là thuốc khô thường sắc để uống, cách thứ 2 là thuốc đắp ở dạng tươi hay bột, có một số người chế biến theo phương pháp cao và ngâm rượu

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
164	Đại học chính quy	Đánh giá việc thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới tại xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Hồng Loan	ThS. Nguyễn Bích Ngọc	Đề án được thực hiện nhằm mục tiêu: Đánh giá được việc thực hiện tiêu chí môi trường trong chủ trương xây dựng nông thôn mới tại xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Từ đó, đề xuất được một số giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề bất cập trong việc thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới. Với các nội dung nghiên cứu được thực hiện bao gồm: (1) Đánh giá việc thực hiện các nội dung của tiêu chí môi trường trong đề án nông thôn mới tại xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; (2) Đánh giá công tác quản lý môi trường của cơ quan quản lý thực hiện tiêu chí về môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới; (3) Đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện và nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện tiêu chí môi trường trong đề án nông thôn mới tại xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Bằng phương pháp điều tra xã hội học với 50 phiếu điều tra cho đối tượng người dân địa bàn xã Hồng Kỳ và 20 phiếu cho cán bộ quản lý xã và cán bộ quản lý cấp huyện, đề án đã tổng hợp được các thông tin cần thiết liên quan đến hiện trạng môi trường, cảnh quan cũng như các hoạt động về BVMT tại xã Hồng Kỳ. Từ đó có cơ sở đánh giá về việc thực hiện các tiêu chí môi trường trong chương trình nông thôn mới xã đang thực hiện theo Quyết định 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả đánh giá cho thấy trong tổng số 7 tiêu chí môi trường theo chương trình nông thôn mới thực hiện tại xã Hồng Kỳ có 5 tiêu chí được đánh giá đạt yêu cầu đề ra, bao gồm tiêu chí 17.1, 17.3, 17.5, 17.6 và 17.7. Trong thời gian tới xã cần tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả quản lý, đảm bảo thực hiện tốt các tiêu chí này.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
165	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Lê Thị Mai	ThS. Nguyễn Thị Linh Giang	Nghiên cứu đã đánh giá được tình hình phát sinh chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Đông Sơn với hệ số phát sinh trung bình là 0,53 kg/ngày/người. Thành phần chủ yếu trong chất thải rắn sinh hoạt là chất thải hữu cơ, ngoài ra còn có túi nilon, nhựa các loại chiếm phần trăm không cao nhưng thường xuyên xuất hiện. Về hiện trạng công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Đông Sơn: Do hợp tác xã DVVS MT Tân Sơn thực hiện, trang bị đầy đủ thiết bị phục vụ thu gom và tỷ lệ thu gom đạt 85%. Về nhận thức của cộng đồng dân cư trong công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt: người dân và cán bộ địa phương đã có nhận thức. Đề án đã đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Đông Sơn như định hướng quy hoạch hệ thống thu gom chất thải rắn sinh hoạt cho thị trấn Rừng Thông (trung tâm văn hóa, kinh tế của huyện), hướng dẫn ủ phân compost, một số biện pháp về chính sách và truyền thông.
166	Đại học chính quy	Nghiên cứu khả năng chỉ thị ô nhiễm môi trường nước của ốc vặn (<i>Angulyagra</i>) thông qua mức độ nhiễm ký sinh trùng tại xã Đại Đồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Nguyễn Thị Mai	PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc	Nghiên cứu đã đánh giá được chỉ tiêu Coliform tổng số và E.Coli vượt quá nhiều lần giới hạn cho phép theo cột B1 QCVN 08:2015 – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước mặt. Kết quả phân tích mẫu ốc mút đã xác định được mức độ nhiễm Ký sinh trùng - ấu trùng sán lá gan. Mức độ nhiễm ký sinh trùng giảm dần theo khoảng cách so với nguồn tiếp nhận nước thải chăn nuôi gia cầm. Đã xác định được tương quan giữa mức độ ô nhiễm nước mặt với mức độ nhiễm ký sinh trùng trên ốc mút là tương quan thuận và rất chặt.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
167	Đại học chính quy	Nghiên cứu xây dựng mô hình cộng đồng quản lý chất thải rắn tại xã Phong Thịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An	Nguyễn Tuyết Mai	ThS. Mai Hương Lam	Đồ án đánh giá hiện trạng quản lý CTR tại xã Phong Thịnh huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An (Nguồn phát sinh, công tác thu gom vận chuyển, xử lý CTR,...). Từ đó nghiên cứu xây dựng mô hình cộng đồng quản lý CTR phù hợp tại xã và tiến hành thử nghiệm mô hình tại 3 thôn. Sau một tháng thử nghiệm rút ra kết luận về hiệu quả mà mô hình mang lại về môi trường, xã hội và kinh tế. Nhận biết và khắc phục những tồn tại mà mô hình gặp phải để đưa ra giải pháp phù hợp để nhân rộng thực hiện mô hình trên toàn xã.
168	Đại học chính quy	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp hướng đến hành vi tiêu dùng xanh của người dân tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Đào Thị Minh	ThS. Mai Hương Lam	Đồ án thực hiện được đã đánh giá được thực trạng nhận thức của người dân trên địa bàn thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh về hành vi tiêu dùng xanh và những hành vi sử dụng năng lượng, nước và xử lý chất thải sinh hoạt. Từ đó đã đưa ra được những kết luận như sau: Về nhận thức về môi trường và hành vi tiêu dùng xanh: Kết quả điều tra cho thấy có hầu hết người dân tham gia khảo sát đều đồng ý với các quan điểm về môi trường và bảo vệ môi trường. Về sử dụng năng lượng và nước: mặc dù 100% người dân trên địa bàn đã tiếp cận với điện lưới nhưng tình trạng sử dụng các nguồn năng lượng khác vẫn còn xảy ra như với khí gas với 31,3% người dùng, việc sử dụng năng lượng tái tạo của người dân tại khu vực nghiên cứu còn thấp. Về xử lý chất thải sinh hoạt: tồn tại nhiều điểm tiêu cực trong xử lý chất thải. Tình trạng sử dụng túi nilong vẫn còn phổ biến với 75,8% người dân thường xuyên sử dụng túi nilon. Song vẫn có điểm tích cực trong xử lý rác thải đó là 100% người dân sử dụng dịch vụ thu gom rác tận nhà. Trước thực trạng trên, đề tài đã đề xuất được một số giải pháp nhằm thay đổi hành vi tiêu dùng của người dân theo hướng tiêu dùng xanh và

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					bền vững như thông tin tuyên truyền các thông tin về tiêu dùng xanh, xử phạt nghiêm minh các hành vi vi phạm về môi trường... Tuy nhiên để thực hiện các giải pháp một cách hiệu quả nhằm giảm áp lực đối với môi trường và tài nguyên thiên nhiên, đòi hỏi sự nỗ lực không nhỏ từ các cấp chính quyền cũng như từ mỗi người dân thực hiện hành vi tiêu dùng hàng ngày.
169	Đại học chính quy	Nghiên cứu xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại bệnh viện đa khoa huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên	Lê Ngọc Minh	TS. Phạm Hồng Tinh	1. Đồ án đã đánh giá hiện trạng quản lý chất thải y tế tại Bệnh viện Đa khoa huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. 2. Đồ án đã đánh giá hiểu biết về môi trường của nhân viên y tế và bệnh nhân tại Bệnh viện Đa khoa huyện Điện Biên. 3. Đồ án đã xây dựng mô hình truyền thông bảo vệ môi trường tại Bệnh viện Đa khoa huyện Điện Biên.
170	Đại học chính quy	Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến Bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH công nghệ hoá chất và môi trường Vũ Hoàng, tỉnh Bắc Ninh	Mạc Thị Minh	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh 2. TS. Nguyễn Thị Thu Nhận	Kể từ khi hoạt động, Công ty luôn cố gắng hoàn thiện hệ thống cơ sở pháp lý về BVMT, trong đó, việc thực hiện các yêu cầu của giấy phép môi trường được ưu tiên hàng đầu. Vì vậy kể từ khi được cấp giấy phép hành nghề, thủ tục môi trường, Vũ Hoàng luôn thực hiện tốt các quy định trình bày trong giấy phép được cấp: Trong quá trình nghiên cứu, thấy rằng Vũ Hoàng đã thực hiện nghiêm túc 3 thủ tục môi trường: Thủ tục lập báo cáo ĐTM; Thủ tục lập Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH; Thủ tục giấy chứng nhận hoàn thành công trình BVMT. Trong đó, thủ tục lập báo cáo đánh giá tác động môi trường là chi tiết và đầy đủ hơn cả.
171	Đại học chính quy	Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương	Bùi Thế Nam	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh 2. TS. Nguyễn Thị Thu Nhận	1. Đồ án đã đánh giá được mức độ hiểu biết, thái độ và ý thức của người dân đối với các hoạt động bảo vệ môi trường. Phần lớn người dân đều cho rằng chất thải sinh hoạt là vấn đề lo ngại cần được quan tâm nhất. 2. Đối với công tác truyền thông trên địa bàn huyện bước đầu đã mang lại những hiệu quả, đều được người dân

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					hưởng ứng nhiệt tình. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện vẫn còn gặp nhiều khó khăn về nguồn lực và kinh phí. 3. Đồ án đã xây dựng được chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại địa phương: “Chương trình tập huấn nâng cao nhận thức cộng đồng về phân loại và thu gom rác thải tại nguồn trên địa bàn xã Gia Khánh và thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương” nhằm nâng cao nhận thức của người dân về phân loại và thu gom rác thải tại địa phương.
172	Đại học chính quy	Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại công ty TNHH Thăng Lợi, huyện Yên Dũng, thành phố Bắc Giang	Vi Thị Thanh Nga	ThS. Nguyễn Khắc Thành	Tiến hành quan trắc 10 vị trí lấy mẫu nước mặt tại sông Thương và hệ thống thủy vực trên địa bàn xã Xuân Hương trong tháng 4 năm 2019 và phân tích được 14 chỉ tiêu. Chất lượng nguồn nước mặt của xã Xuân Hương tại một số nơi đang có dấu hiệu bị ô nhiễm bởi các chất hữu cơ và các hợp chất nitơ. Thể hiện qua hàm lượng BOD5, COD, NO2-, NH4+ tại một số điểm quan trắc đều vượt quy chuẩn nhiều lần. Cụ thể như sau: giá trị BOD5 vượt từ 1,2 – 1,33 lần; COD vượt từ 1,6 – 6,4 lần; NO2- vượt từ 1,1 – 3,3 lần và NH4+ vượt từ 1,1 – 2,5 lần. Chỉ số chất lượng nước mặt xã Xuân Hương tại hầu hết các điểm quan trắc nằm trong mức 51 – 90, ở mức đánh giá thang màu vàng và màu xanh lá cây và phù hợp sử dụng cho mục đích tưới tiêu và nhu cầu sinh hoạt của người dân mặc dù cần các biện pháp xử lý phù hợp. Bước đầu nhận diện được nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước mặt tại xã Xuân Hương là do 3 nguyên nhân chính sau: do hoạt động sinh hoạt của người dân, do hoạt động trồng trọt và do hoạt động chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
173	Đại học chính quy	Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Nguyễn Văn Nghĩa	ThS. Mai Hương Lam	Với mục tiêu xây dựng được chương trình tuyên thông bảo vệ môi trường góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng và thực hiện công tác bảo vệ môi trường tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình
174	Đại học chính quy	Xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường tại huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	Vũ Thị Ngoan	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh 2. TS. Nguyễn Thị Thu Nhận	1. Nhận thức về môi trường cũng như các hoạt động bảo vệ môi trường của người dân trên địa bàn nghiên cứu còn hạn chế. Phần lớn người dân đưa ra vấn đề môi trường đáng lo ở địa phương là vấn đề chất thải sinh hoạt. 2. Công tác truyền thông trên địa bàn huyện bước đầu mang lại những hiệu quả, tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn gặp nhiều khó khăn về nguồn lực và kinh phí. 3. Đã xây dựng chương trình truyền thông bảo vệ môi trường “Chương trình tập huấn nâng cao nhận thức cho người dân về ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường tới sức khỏe cộng đồng và giới thiệu các phương pháp xử lý chất thải rắn nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường trên địa bàn hai xã Thành Lợi và Tân Thành, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định” với mục đích nâng cao nhận thức, kỹ năng, thái độ và trách nhiệm của người dân về bảo vệ môi trường tại địa phương.
175	Đại học chính quy	Nghiên cứu định lượng cacbon trong sinh khối dưới mặt đất của rừng bần chua (<i>Sonneratia caseolaris</i> (L.) Engler) trồng tại xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Nguyễn Khánh Ngọc	ThS. Lê Đắc Trường	góp phần làm giảm khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu, làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng và triển khai các dự án trồng RNM các dải ven biển Việt Nam: 1. Sinh khối của rừng tỉ lệ thuận với độ tuổi. 2. Đã đánh giá được lượng cacbon tích lũy trong sinh khối dưới mặt đất của rừng bần chua (<i>Sonneratia caseolaris</i>) 3. Hàm lượng cacbon tích lũy trong sinh khối dưới mặt đất của rừng tương ứng với hàm lượng CO ₂ hấp thụ tạo nên sinh khối dưới mặt

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					đất của rừng phụ thuộc vào loài cây, độ tuổi và mật độ rừng. 4. Hàm lượng cacbon tích lũy trong cây rừng tương ứng với lượng CO₂ do cây rừng hấp thụ là rất lớn, điều này có ý nghĩa làm giảm lượng CO₂ trong bầu khí quyển, góp phần giảm khí nhà kính, ứng phó với biến đổi khí hậu. Khả năng tích lũy cacbon cao
176	Đại học chính quy	Nghiên cứu tác động của khu nghỉ dưỡng sinh thái tại Vườn Quốc gia Ba Vì (cột 400) đến đa dạng sinh học	Phan Thanh Nhân	PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc	-Xác định được hiện trạng ĐDSH tại khu vực hầu như vẫn giữ được tính đa dạng so với môi trường nền ban đầu. - Các tác động trong quá trình xây dựng, hoạt động của khu nghỉ dưỡng sinh thái trong thời gian từ quý III/2016 đến hiện tại không gây nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến ĐDSH. - Đề xuất các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động được khu nghỉ dưỡng thực hiện đúng như những gì đề ra trong báo cáo ĐTM. Không chỉ vậy, ý thức thực hiện giữ gìn bảo vệ môi trường phát triển ĐDSH của cán bộ, nhân viên khu nghỉ dưỡng rất cao.
177	Đại học chính quy	Nghiên cứu ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn tại Thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	Nguyễn Văn Sơn	TS. Hoàng Thị Huệ	- Chỉ ra được hiện trạng phát sinh CTR trên địa bàn nghiên cứu khoảng 116 tấn/ngày - Dự báo đến năm 2030 dân số thị xã đạt năm 2030 dân số thị xã đạt 252.836 người , lượng CTRSH phát sinh là 225024 tấn/ngày. - Xác định được mức sẵn lòng chi trả để cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý CTR là 5750 đồng/tháng, với tỷ lệ sẵn lòng chi trả đạt 97% - Đưa ra hai giải pháp chính là mở rộng diện tích bãi chôn lấp thôn An Ninh và giải pháp tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về CTR cho các hội phụ nữ.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
178	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Trần Thị Tâm	ThS. Nguyễn Khánh Linh	Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là đánh giá hiện trạng công tác quản lý CTRSH trên địa bàn huyện Kim Sơn. Kết quả đạt được là hiện trạng phát sinh CTRSH: nguồn gốc phát sinh, khối lượng CTRSH phát sinh năm 2019 là 30.893 tấn với hệ số phát sinh là 0,44 kg/người/ngày đêm có thành phần chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy, công tác quản lý CTRSH: đưa ra được mô hình quản lý, hiện trạng thu gom, phân loại, vận chuyển và xử lý CTRSH, đánh giá nhận thức của cộng đồng trong công tác quản lý CTRSH bằng việc thực hiện 50 phiếu điều tra. Đề xuất các giải pháp thiết thực như: Giải pháp về chính sách; các phương án thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH; tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của người dân trong vấn đề quản lý CTRSH và bảo vệ môi trường; tăng kinh phí đầu tư thiết bị, phương tiện để công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đạt hiệu quả cao.
179	Đại học chính quy	Nghiên cứu thành phần loài thân mềm chân bụng ở cạn tại khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử, thuộc xã Tuấn Mậu, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang	Nguyễn Thị Giang Thanh	PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc	- Đã xác định cấu trúc thành phần loài: gồm 20 loài và phân loài Thân mềm chân bụng ở cạn thuộc KBTTN Tây Yên Tử, thuộc xã Tuấn Mậu, thuộc 14 giống, 7 họ và được xếp trong 2 bộ, 2 phân lớp. - Đã xác định được đặc điểm phân bố: Sinh cảnh đa dạng nhất là rừng tự nhiên ($H'=2,1$) với 12 loài (chiếm 60% tổng số loài). - Đã xác định vai trò thực tiễn: Người dân tộc Dao Thanh Phán đã biết nhiều cách sử dụng ốc cạn phục vụ cho cuộc sống hàng ngày của mình, chưa có mô hình nhân nuôi ốc cạn để phục vụ đời sống và phát triển kinh tế. - Đã bước đầu đã đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn, phát triển Thân mềm chân bụng ở cạn gắn với đời sống của người dân ở KVNC.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
180	Đại học chính quy	Ứng dụng công nghệ GIS và viễn thám để xác định vùng ảnh hưởng của hoạt động đốt hờ rơm rạ tới chất lượng không khí thành phố Cần Thơ	Bùi Tuấn Thành	1. ThS. Phạm Thị Hồng Phương 2. ThS. Nguyễn Thị Mai Yên	- Thông qua công cụ GIS và viễn thám đã xác định được khu vực đốt hờ rơm rạ từ khu vực dị thường nhiệt thông qua tính toán nhiệt độ bề mặt và so sánh với ảnh vệ tinh. Diện tích đốt hờ rơm rạ trên toàn TP Cần Thơ là 351,13 ha, trong đó huyện Vĩnh Thạnh có diện tích đốt lớn nhất với 349,7 ha, quận Ô Môn và huyện Cờ Đỏ có diện tích đốt thấp hơn tương ứng là 1,141 ha và 0,288 ha. - Nghiên cứu đã tính toán lượng phát thải chất ô nhiễm vào khí quyển từ hoạt động đốt hờ rơm rạ trên địa bàn TP Cần Thơ. Cụ thể lượng khí CO₂ có giá trị lớn nhất, khoảng 915.001,86 kg, khí CO là 72.298, 36 kg, bụi PM_{2.5} là 6.452,43 kg, bụi PM₁₀ là 7.074,36 kg, khí NO_x là 1.772,48 kg và khí SO₂ có giá trị thấp nhất, khoảng 139,93 kg. Nghiên cứu đã lựa chọn huyện Vĩnh Thạnh để lập bản đồ phân bố lượng phát thải CO₂ vụ Đông Xuân 2018. - Việc xác định khu vực đốt hờ rơm rạ thông qua công cụ GIS và viễn thám tuy còn nhiều hạn chế nhưng mang tính khả thi cao do tiết kiệm về nguồn lực và thời gian so với phương pháp điều tra khảo sát thực tế.
181	Đại học chính quy	Đánh giá ảnh hưởng của BĐKH tới một số hoạt động sinh kế và đề xuất giải pháp thích ứng tại tỉnh Quảng Ninh	Tạ Thị Thảo	ThS. Nguyễn Thị Hoài Thương	Nghiên cứu đã đánh giá được ảnh hưởng của BĐKH đến một số hoạt động sinh kế của người dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh: 1. Nghiên cứu diễn biến của BĐKH tại Quảng Ninh, chủ yếu là bão lũ, lượng mưa thay đổi thất thường, nhiệt độ tăng và nước biển dâng; 2. Đánh giá một số hoạt động sinh kế của người dân trên địa bàn; 3. Đánh giá tác động của BĐKH tới một số hoạt động sinh kế nông nghiệp, bao gồm: trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, trong đó hoạt động trồng trọt và nuôi trồng thủy hải sản chịu tác động nhiều nhất do ảnh hưởng của BĐKH; 4. Đánh giá các hoạt động thích ứng với BĐKH của người dân liên quan

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					đến sinh kế nông nghiệp; 5. Đề xuất một số giải pháp thích ứng phù hợp: bao gồm giải pháp về tuyên truyền nâng cao nhận thức và giải pháp về chính sách quản lý.
182	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng quản lý và ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc cải thiện dịch vụ thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Đỗ Thị Thẩm	ThS. Nguyễn Thị Minh Sáng	Nghiên cứu đã đánh giá được hiện trạng công tác quản lý CTRSH sinh hoạt (xác định thành phần, khối lượng CTRSH phát sinh) trên địa bàn huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội. Ước tính được mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc cải thiện dịch vụ thu gom CTRSH trên địa bàn huyện Sóc Sơn là 6336,84 đồng/người/tháng. Nghiên cứu cũng đã dự báo được lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn huyện Sóc Sơn đến năm 2025 vào khoảng 240 tấn/ngày và đề xuất một số giải pháp phù hợp nhằm tăng cường khả năng thu gom CTRSH trên địa bàn, chủ yếu tập chung vào nhóm giải pháp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức người dân về bảo vệ môi trường.
183	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Nguyễn Kim Tiếp	ThS. Trịnh Kim Yến	Đồ án đã thực hiện được các mục tiêu nghiên cứu: Đánh giá hiện trạng công tác quản lý CTRSH tại huyện Gia Bình (đưa ra sơ đồ bộ máy tổ chức; tình hình phân loại, lưu trữ, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH trên địa bàn). Các kết quả đạt được: nguồn gốc phát sinh; khối lượng CTRSH phát sinh năm 2019 là 13.990 tấn với thành phần chủ yếu là chất thải hữu cơ; đánh giá nhận thức của cộng đồng về quản lý CTRSH thông qua phỏng vấn bằng phiếu hỏi. Đề xuất giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý CTRSH: phương án vạch tuyến thu gom, vận chuyển CTRSH phù hợp trong tương lai; tích cực tuyên truyền và giáo dục người dân về vấn đề quản lý CTRSH và công tác bảo vệ môi trường.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
184	Đại học chính quy	Nghiên cứu ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn tại huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Đỗ Thị Thùy Trang	TS. Hoàng Thị Huê	Nghiên cứu đã đánh giá được hiện trạng công tác quản lý CTR sinh hoạt (xác định thành phần, khối lượng CTRSH phát sinh) trên địa bàn huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định. Dự báo CTRSH trên địa bàn huyện Nam Trực đến năm 2030 là 188242,53 (kg/ngày). Ước tính mức sẵn lòng chi trả trung bình cho dịch vụ thu gom, xử lý CTR của một hộ khu vực có hệ thống thu gom là 8000 đồng/tháng, đối với người dân tại khu vực chưa có hệ thống thu gom là 7775 đồng/tháng. Mức sẵn lòng chi trả cao nhất là 16000 đồng, mức WTP nhỏ nhất là 0 đồng/tháng. Nghiên cứu đã chú trọng vào 2 giải pháp là giải pháp kinh tế và giải pháp truyền thông nâng cao nhận thức người dân.
185	Đại học chính quy	Nghiên cứu định lượng cacbon trong sinh khối dưới mặt đất của rừng trang (<i>Kandelia obovata</i> Sheue, Liu & Yong) trồng ven biển xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Nguyễn Phan Hà Trang	1. TS. Phạm Hồng Tính 2. ThS. Nguyễn Xuân Tùng	Đề tài đã nghiên cứu định lượng cacbon trong sinh khối dưới mặt đất tại rừng Trang (<i>Kandelia obovata</i> , Sheue, Liu & Yong) 19, 18 17 tuổi trồng tại xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Kết quả nghiên cứu cho thấy quá trình tích lũy cacbon và hấp thụ CO ₂ phụ thuộc mật thiết vào yếu tố mật độ và tuổi rừng; khả năng tích lũy cacbon trong rừng tương đối cao, đóng góp một phần vào cơ sở khoa học để xây dựng và thực hiện các dự án trồng rừng ngập mặn, kết hợp với bảo tồn, quản lý bền vững và tăng cường trữ lượng cacbon rừng trồng ở các dải ven biển Việt Nam.
186	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại bệnh viện y học cổ truyền Thái Bình và đề xuất biện pháp quản lý phù hợp	Đinh Thị Ngọc Trâm	ThS. Nguyễn Bích Ngọc	Với mục tiêu đánh giá hiện trạng công tác quản lý chất thải rắn y tế tại Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất thải rắn y tế tại Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình. Đề án đã thực hiện nghiên cứu đề tài với các nội dung chính sau: (1) Điều tra, đánh giá tình hình phát sinh chất thải rắn y tế tại Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình (nguồn gốc phát sinh, thành phần và khối lượng); (2) Hiện trạng

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					công tác quản lý chất thải rắn y tế tại Bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình (thực trạng thu gom, phân loại, lưu trữ, vận chuyển), (3) Đề xuất một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý chất thải y tế tại bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình. Sau thời gian thực hiện nghiên cứu với các phương pháp thu thập, điều tra và khảo sát thực tế về tình hình quản lý chất thải rắn tại bệnh viện Y học cổ truyền Thái Bình nhận thấy một số kết quả sau: - Chất thải rắn y tế tại bệnh viện phát sinh chất thải rắn y tế từ 3 nguồn chính nhưng chủ yếu là hoạt động sinh hoạt của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân với thành phần chủ yếu là rác hữu cơ và rác tái chế. Khối lượng chất thải rắn y tế của bệnh viện lớn (năm 2018 - 76456 kg) và tăng liên tục qua các năm (giai đoạn 2014-2018 tăng 1,1 lần). - Công tác phân loại chất thải rắn nguy hại của bệnh viện là khá tốt đảm bảo theo quy định hiện hành. Tuy nhiên về chất thải rắn tái chế từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của bệnh nhân, người nhà bệnh nhân, cán bộ và nhân viên y tế chưa được phân loại. - Công tác thu gom, vận chuyển và lưu giữ của bệnh viện còn chưa đúng theo quy định. - Hiểu biết của cán bộ và nhân viên y tế về công tác bảo vệ môi trường còn chưa cao. - Hiểu biết của bệnh nhân và người nhà bệnh nhân về công tác quản lý chất thải rắn y tế chưa cao đặc biệt là hiểu biết về hoạt động phân loại rác còn thấp. Những hạn chế trong công tác quản lý CTR y tế tại bệnh viện là nguy cơ gây ra các vấn đề về môi trường vì vậy cần có những giải pháp thiết thực và cấp bách nhằm nâng cao trách nhiệm và nhận thức nhân viên y tế, cán bộ quản lý cũng như bệnh nhân,

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					người nhà bệnh nhân lưu trú, thăm khám tại bệnh viện
187	Đại học chính quy	Đánh giá tác động của BĐKH tới một số hoạt động sinh kế và đề xuất giải pháp thích ứng tại huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh	Lê Quang Tuấn	ThS. Nguyễn Thị Hoài Thương	Với mục tiêu đánh giá được tác động của BĐKH đến một số hoạt động sinh kế của người dân trên địa bàn huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh và đề xuất được các giải pháp ứng phó với BĐKH như biện pháp về chính sách quản lý và biện pháp về tuyên truyền; nghiên cứu diễn biến của BĐKH tại huyện Yên Phong chủ yếu là bão, lũ, nắng nóng, lượng mưa,... Đánh giá được tác động của BĐKH đến một số hoạt động sinh kế như trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản trên địa bàn huyện; trong đó hoạt động trồng trọt và chăn nuôi ảnh hưởng nhiều bởi các biểu hiện của BĐKH; từ đó đánh giá được các hoạt động thích ứng của người dân trong sinh kế nông nghiệp trước tác động của BĐKH.
188	Đại học chính quy	Nghiên cứu đặc điểm và đánh giá khả năng tái sinh tự nhiên của thảm thực vật cây bụi tại huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.	Cao Phương Anh	PGS.TS. Nguyễn Thế Hưng	Xác định hiện trạng và đặc điểm của các thảm thực vật cây bụi trên đất trống trọc tại các điểm nghiên cứu, đồng thời cung cấp thêm những dữ liệu về năng lực tái sinh tự nhiên của thảm thực vật rừng, để định hướng cho việc sử dụng chúng hiệu quả hơn. Đã nghiên cứu được số loài, chi, họ của thảm thực vật cây bụi tại điểm nghiên cứu, nghiên cứu được cấu trúc thảm thực vật cây bụi, các dạng sống cơ bản, năng lực tái sinh tự nhiên của thảm thực vật cây bụi, từ đó đề xuất các giải pháp bảo vệ, phục hồi rừng
189	Đại học chính quy	Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khai thác mỏ đá Bản Cầm đến môi trường và sức khỏe cộng đồng ở xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai	Lê Thị Lan Anh	ThS. Nguyễn Khắc Lĩnh	Hoạt động khai thác mỏ đá vôi Bản Cầm có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế-xã hội của đất nước nói chung và xã Bản Cầm nói riêng. Tuy nhiên trong quá trình khai thác đã gây ra những tác động đến môi trường đất, nước, không khí, cảnh quan môi trường, hệ sinh thái và sức khỏe cộng đồng dân cư.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
190	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn quận Long Biên, thành phố Hà Nội và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Lê Thị Phương Anh	ThS. Mai Hương Lam	Xác định được khối lượng, thành phần CTRSH ở Quận Long Biên phát sinh rất lớn là 114.500 tấn/năm (năm 2018). Trung bình mỗi người phát sinh lượng CTR khoảng 1,05kg/người/ngày. Dự báo đến năm 2030 thì lượng CTRSH khoảng 276.573 tấn/năm, cao gấp 2,42 lần so với năm 2018. Nghiên cứu đã đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý trên địa bàn quận Long Biên hiện nay gồm: các giải pháp về chính sách; các giải pháp về trang thiết bị thu gom và lưu chứa; các giải pháp về quản lý; các giải pháp về tuyên truyền giáo dục.
191	Đại học chính quy	Kiểm kê và đánh giá sự phát thải từ hoạt động sản xuất cơ khí tại Công ty Cổ phần cơ khí chế tạo Hải Phòng	Nguyễn Thế Anh	ThS. Tạ Thị Yến	Các kết quả nghiên cứu cho thấy, việc khai thác đá vôi đã ảnh hưởng mạnh nhất đến môi trường không khí trong khu vực. Các hoạt động khai thác đều tạo ra một lượng lớn khói bụi, khí độc. Một số chỉ số như bụi, tiếng ồn trong môi trường không khí đã vượt quá quy chuẩn cho phép gây ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và cộng đồng dân cư xung quanh.
192	Đại học chính quy	Nghiên cứu ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc cải thiện dịch vụ cung cấp nước sạch tại huyện An Dương thành phố Hải Phòng	Vũ Thị Ngọc Ánh	ThS. Nguyễn Bích Ngọc	Đề án thực hiện nhằm mục tiêu ước tính được mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc cải thiện dịch vụ cung cấp nước sạch tại huyện An Dương, thành phố Hải Phòng từ đó làm cơ sở đề xuất được một số giải pháp tiết kiệm hiệu quả nhằm nâng cao hiệu quả dịch vụ cung cấp, sử dụng nước sinh hoạt trên địa bàn huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; với 4 nội dung chính bao gồm: (1) Đánh giá hiện trạng nguồn nước cấp và hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt của các hộ dân trên địa bàn xã An Dương, (2) Dự báo nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt người dân huyện An Dương, (3) Ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân WTP để cải thiện dịch vụ cấp nước và áp dụng phương thức sử dụng nước tiết kiệm, (4) Phân tích ảnh hưởng của một số nhân tố cơ bản đến mức sẵn

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					lòng chi trả,(5) Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả cung cấp, sử dụng nước sinh hoạt trên địa bàn huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, tại huyện An Dương nhu cầu sử dụng nước sạch rất lớn và nhu cầu sử dụng nước người dân có dùng nước ngày càng tăng. Theo như tính toán dự báo thì nhu cầu sử dụng nước trên địa bàn huyện An Dương năm 2030 lượng nước sinh hoạt của các hộ đạt 42.990 (m ³ /ngày.đêm) cao hơn hiện tại 22.990 (m ³ /ngày.đêm). Với số liệu thu thập được từ cuộc điều tra đã xác định được mức đóng góp trung bình của các hộ gia đình tại huyện An Dương cho việc cải thiện dịch vụ cung cấp nước sinh hoạt WTP= 7020 đồng/tháng và tổng đóng góp của người dân T WTP = 13.573.079 (đồng/năm).
193	Đại học chính quy	Đánh giá việc thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình nông thôn mới tại xã Văn Hải, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	Nguyễn Thị Hà	ThS. Nguyễn Bích Ngọc	Nhằm mục tiêu đánh giá được việc thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình nông thôn mới tại xã Văn Hải, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình để thấy được những hạn chế trong quá trình thực hiện tiêu chí môi trường của địa phương để có căn cứ đưa ra được các giải pháp giải quyết được các vấn đề bất cập thúc đẩy phát triển và hoàn thiện chương trình nông thôn mới. Đồ án đã tiến hành điều tra xã hội học với 50 phiếu khảo sát cho người dân địa phương các thôn trên địa bàn xã Văn Hải và 20 phiếu khảo sát cho các cán bộ quản lý cấp xã, huyện để thu thập các thông tin thực tế về hiện trạng môi trường địa phương, về việc triển khai và kết quả thực hiện các công tác quản lý BVMT tại xã Văn Hải. Về việc thực hiện các tiêu chí môi trường trong chương trình nông thôn mới: Xã cần tiếp tục duy trì phát huy tốt các tiêu chí sau: tiêu chí 17.1 tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định, tiêu chí 17.2 100% cơ sở SXKD trên địa bàn

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					đạt chuẩn về môi trường, tiêu chí 17.7 có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường, tiêu chí 17.8 tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. Về công tác quản lý môi trường tại xã Văn Hải, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình mặc dù công tác quản lý môi trường đã được thực hiện nhưng vẫn còn nhiều chế và thiếu sót chưa đáp ứng, hoàn thành tốt các tiêu chí môi trường. Đề xuất các phương án và đưa vào thực hiện nhằm hỗ trợ công tác quản lý là việc làm thiết thực và cần thiết để quản lý môi trường thực hiện tốt hơn .
194	Đại học chính quy	Nghiên cứu ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân để cải thiện dịch vụ cung cấp nước sạch tại huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình	Ninh Thị Thanh Hà	TS. Hoàng Thị Huệ	Với mục tiêu chính là ước tính được mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc cải thiện sử dụng dịch vụ nước sạch trên địa bàn huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý dịch vụ cung cấp nước, giúp định hướng cho người dân sử dụng nước hiệu quả tiết kiệm. Theo tính toán được nhu cầu sử dụng nước của huyện Yên Mô năm 2030 là 12147,3 m ³ /ngày. Mức sẵn lòng chi trả của người dân đang sử dụng nước sạch là 8016,647 đồng/m ³ , mức sẵn lòng chi trả của người dân chưa được sử dụng nước sạch là 7646,667 đồng/m ³ . Mức sẵn lòng chi trả của người dân phụ thuộc chặt chẽ vào trình độ học vấn, thu nhập và lượng nước sử dụng bình quân hàng tháng của gia đình.
195	Đại học chính quy	Nghiên cứu định lượng cacbon trong đất của rừng trang (<i>Kandelia obovata</i> Sheue, Liu & Yong) trồng tại xã Giao An, huyện	Đặng Thị Hồng Hạnh	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh 2. TS. Hoàng Lưu Thu Thủy	1. Hàm lượng cacbon (%) trong đất RNM giảm dần theo độ sâu của đất. Hàm lượng cacbon trong đất cao nhất ở tầng đất mặt, càng xuống sâu thì hàm lượng cacbon càng giảm. Hàm lượng cacbon (%) trong đất trung bình của 3 tuổi rừng là $R_{20T} = 1,11 < R_{21T} = 1,35 < R_{22T} = 1,42$. Khu vực đất không có rừng hàm lượng cacbon tích lũy rất thấp, chỉ 0,43%, điều này cho thấy vai trò quan trọng

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Giao Thủy, tỉnh Nam Định			của RNM trong vấn đề tích lũy cacbon. 2. Lượng cacbon (tấn/ha) tích lũy trong đất của RNM tăng theo tuổi rừng ($R_{20T} < R_{21T} < R_{22T}$). Lượng cacbon (tấn/ha) tích lũy trong đất cao nhất ở R_{22T} với 170,82 tấn/ha, tiếp theo là R_{21T} với 162,88 tấn/ha, thấp nhất là R_{20T} với 133,24 tấn/ha.
196	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước hồ Vân Trì đoạn chảy qua khu vực sân Golf Vân Trì, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội 6 tháng đầu năm 2019	Đinh Thị Hằng	ThS. Nguyễn Thành Trung	Với mục tiêu là đánh giá chất lượng nước hồ Vân Trì khu vực xung quanh sân Golf Vân Trì, huyện Đông Anh, TP Hà Nội. Để thực hiện được đề tài cần thực hiện các nội dung dưới đây: - Thu thập các thông tin, tài liệu liên quan tới điều kiện tự nhiên, KT - XH của khu vực nghiên cứu - Thu thập các dữ liệu quan trắc đánh giá của các đề tài nghiên cứu trước đó về khu vực liên quan - khảo sát thực địa, và lấy mẫu nước về phân tích trong PTN - Số lượng mẫu: 5 mẫu/1 đợt lấy mẫu - Thời gian lấy mẫu : 2 đợt - Từ kết quả phân tích các chỉ tiêu liên quan, từ đó đưa ra được các kết luận, và đánh giá được chất lượng nước hồ Vân Trì - Đồng thời, tìm ra được 1 số nguyên nhân gây ra ô nhiễm và từ đó đề xuất được các giải pháp liên qua nhằm cải thiện chất lượng nước hồ khu vực nghiên cứu.
197	Đại học chính quy	Nghiên cứu ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân để cải thiện dịch vụ cung cấp nước sạch tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An	Nguyễn Hoàng Hiệp	ThS. Nguyễn Thị Hoài Thương	Sử dụng phương pháp đánh giá ngẫu nhiên để điều tra, phương pháp phân tích hồi quy để phân tích. Để thực hiện cải thiện dịch vụ nước sạch, nghiên cứu đã ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân cho việc sử dụng và cải thiện dịch vụ nước sạch trên địa bàn huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý dịch vụ cung cấp nước, giúp định hướng cho người dân sử dụng nước hiệu quả tiết kiệm. Theo tính toán được nhu cầu sử dụng nước của huyện Đô Lương năm 2030 là

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					19.374,03 (m3/ngđ). Chín mươi lăm phần trăm (95%) số hộ dân đang được sử dụng nước máy sẵn sàng chi trả cao hơn cho việc cung cấp dịch vụ nước sạch với mức chi trả trung bình là 8.410 đồng/m ³ ; chín mươi một phần trăm (91%) số hộ chưa được sử dụng nước máy mong muốn được cung cấp dịch vụ nước sạch sinh hoạt và sẵn sàng chi trả với mức giá trung bình là 8.640 đồng/m ³ . Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học để cung cấp thông tin cho việc xây dựng các khuyến nghị quản lý nước cấp sinh hoạt hiệu quả và phù hợp với điều kiện thực tế địa phương.
198	Đại học chính quy	Nghiên cứu lượng giá giá trị du lịch tại vườn quốc gia Pù Mát, huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An	Ngô Văn Hùng	TS. Hoàng Thị Huệ	Sử dụng phương pháp thu thập tài liệu, phương pháp chi phí du lịch (TCM) và phương pháp xử lý số liệu; kết quả nghiên cứu được, số lượng khách du lịch đến thăm VQG Pù Mát tăng dần qua các năm và đến năm 2018 đạt 44.432 lượt khách đến thăm tăng 26,6% so với năm 2017. Hàm cầu du lịch của vườn được xác định là $VR = 11,26 - 0,008629TC$. Kết quả ước lượng giá trị du lịch của VQG Pù Mát bằng phương pháp TCM cho thấy, tổng giá trị du lịch của VQG Pù Mát là 7.346 tỷ đồng đồng/năm (nội địa). Đồng thời, giá trị thặng dư mà mỗi lượt khách du lịch nhận được là khoảng 168.164 đồng/lượt khách. Kết quả nghiên cứu là cơ sở khoa học để đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển du lịch sinh thái đồng thời bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường tại VQG Pù Mát.
199	Đại học chính quy	Nghiên cứu mức sẵn lòng chi trả của người dân để cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Quan Hóa,	Trần Thị Huyền	TS. Hoàng Thị Huệ	Với mục tiêu ước tính được mức sẵn lòng chi trả (WTP) của người dân cho việc cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý CTRSH trên địa bàn huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa và đề xuất một số giải pháp. Đồ án đã thực hiện nghiên cứu cho 2 nhóm đối tượng: khu vực có hệ thống thu gom và chưa có hệ thống thu gom. Kết quả thu được, dự báo lượng CTRSH

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		tỉnh Thanh Hóa			phát sinh đến năm 2025 là 16316,69 kg và đến năm 2030 ước tính tăng lên tới 22960,34 kg. Tại khu vực có hệ thống thu gom, WTP là 11439,02 đồng/hộ/tháng, tại khu vực chưa có hệ thống thu gom, WTP là 9836,36 đồng/hộ/tháng. Tác giả đề xuất được giải pháp về truyền thông (tổ chức lớp tập huấn) và giải pháp về kỹ thuật (đầu tư thêm trang, thiết bị). Nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế do thời gian nghiên cứu ngắn chưa thể đánh giá được hiệu quả quản lý CTRSH của các cấp chính quyền.
200	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt tại làng nghề nấu rượu xã Tiên Ngoại, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Lê Thị Hương	TS. Trịnh Thị Thắm	Với mục tiêu đánh giá hiện trạng môi trường nước mặt tại làng nghề nấu rượu xã Tiên Ngoại, huyện Duy Tiên, Hà Nam theo thông tư 43/2015/TT – BTNMT. Thì nội dung nghiên cứu như sau: - Tổng quan tài liệu về làng nghề nấu rượu tại xã Tiên Ngoại, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam - Thu thập số liệu, xác định sức ép của sự phát triển kinh tế - xã hội đến môi trường tại làng nghề. - Lấy mẫu: 10 mẫu nước - Phân tích các thông số: Các chỉ tiêu đo nhanh (PH, DO, nhiệt độ), COD, tổng Fe, NO ₂ ⁻ , NO ₃ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , NH ₄ ⁺ , TSS, Cl ⁻ , Pb (kim loại nặng) và Coliform. - Phiếu điều tra về ảnh hưởng của ô nhiễm sức khỏe cộng đồng, sự phát triển kinh tế - xã hội và hệ sinh thái. (tối thiểu 30 phiếu) - Đánh giá thực trạng quản lý môi trường làng nghề, đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường.
201	Đại học chính quy	Nghiên cứu, phân vùng môi trường huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Kiều	PGS.TS. Vũ Thanh Ca	Nghiên cứu, phân vùng môi trường huyện Sóc Sơn: Đánh giá được các tác động của hoạt động kinh tế-xã hội tới môi trường; đánh giá được hiện trạng môi trường huyện Sóc Sơn từ cơ sở đó phân vùng huyện Sóc Sơn thành 4 tiểu vùng: Tiểu vùng môi trường nông thôn nông nghiệp, tiểu vùng môi trường đô thị phát triển và công nghiệp, tiểu vùng môi trường

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, tiểu vùng môi trường dịch vụ và du lịch; Xây dựng được bản đồ phân vùng chức năng môi trường huyện Sóc Sơn. Từ đó, tác giả đã đề xuất được một số giải pháp bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên của huyện Sóc Sơn.
202	Đại học chính quy	Đánh giá sự tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường tại công ty TNHH Việt Pan – Pacific Thanh Hóa	Lê Thị Lan	ThS. Phạm Thị Hồng Phương	Với Mục tiêu về đánh giá mức độ tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH Việt Pan-Pacific Thanh Hóa vì thế nội dung của đề án đề cập những nội dung về Tổng quan về công ty TNHH Việt Pan-Pacific Thanh Hóa , khái quát đặc điểm địa bàn nghiên cứu; Nghiên cứu các văn bản pháp lý liên quan đến bảo vệ môi trường mà công ty phải tuân thủ và thực hiện; Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường mà công ty đã và đang thực hiện; Đề xuất giải pháp để duy trì, cải tiến và hoàn thiện các văn bản pháp lý liên quan đến bảo vệ môi trường nhằm nâng cao hiệu quả quản lý môi trường của công ty trong thời gian tới.
203	Đại học chính quy	Nghiên cứu định lượng cacbon trong sinh khối trên mặt đất của rừng trang (<i>Kandelia obovata</i> Sheue, Liu & Yong) trồng ven biển xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Hứa Như Tùng Lâm	1. TS. Phạm Hồng Tính 2. ThS. Nguyễn Xuân Tùng	Đề tài đã định lượng cacbon tích lũy trong sinh khối trên mặt đất của rừng trang (<i>Kandelia obovata</i>) 19, 18, 17 tuổi trồng tại xã Thụy Trường, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình . Kết quả nghiên cứu cho thấy lượng cacbon tích lũy trong cây rừng tương ứng với lượng CO ₂ do cây rừng hấp thụ là rất lớn, điều này có ý nghĩa làm giảm lượng CO ₂ trong bầu khí quyển, góp phần giảm hiệu ứng nhà kính, ứng phó với BĐKH. Khả năng tích lũy cacbon cao là yếu tố quan trọng để thực hiện các chương trình REDD, REDD+ tại Việt Nam..

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
204	Đại học chính quy	Nghiên cứu định lượng cacbon trong sinh khối trên mặt đất của rừng trang (<i>Kandelia obovata</i> Sheue, Liu & Yong) trồng tại xã Giao An, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Nguyễn Văn Linh	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh 2. TS. Hoàng Lưu Thu Thủy	Cacbon trong sinh khối trên mặt đất của cây tỷ lệ thuận với sinh khối trên mặt đất của cây ở các tuổi rừng. R22T có lượng cacbon tích lũy trong sinh khối trên mặt đất của cây là cao nhất ($1,63 \pm 0,11$) kg/cây, tương ứng với lượng CO ₂ hấp thụ tạo nên sinh khối trên mặt đất của cây là ($5,98 \pm 0,4$) kg/cây; rừng 21 tuổi có lượng cacbon tích lũy trong sinh khối trên mặt đất của cây là ($1,5 \pm 0,24$) kg/cây, tương ứng với lượng CO ₂ hấp thụ tạo nên sinh khối trên mặt đất của cây là ($5,51 \pm 0,88$) kg/cây; rừng 20 tuổi có lượng cacbon tích lũy trong sinh khối trên mặt đất của cây là ($1,34 \pm 0,2$) kg/cây, tương ứng với lượng CO ₂ hấp thụ tạo nên sinh khối trên mặt đất của cây là ($4,92 \pm 0,73$) kg/cây. Lượng cacbon tích lũy trong sinh khối trên mặt đất của rừng trang ở các độ tuổi khác nhau cho kết quả khác nhau. R21T có lượng cacbon tích lũy trong sinh khối trên mặt đất là cao nhất ($14,25 \pm 2,28$) tấn/ha, tương ứng với lượng CO ₂ hấp thụ tạo nên sinh khối trên mặt đất của rừng là ($52,3 \pm 8,36$) tấn/ha; tiếp theo là R20T ($11,52 \pm 1,72$) tấn/ha, tương ứng với lượng CO ₂ hấp thụ tạo nên sinh khối trên mặt đất của rừng là ($42,28 \pm 6,31$) tấn/ha; thấp nhất là R22T ($10,7 \pm 0,72$) tấn/ha, tương ứng với lượng CO ₂ hấp thụ tạo nên sinh khối trên mặt đất của rừng là ($39,27 \pm 2,64$) tấn/ha.
205	Đại học chính quy	Đánh giá ảnh hưởng của BĐKH tới một số hoạt động sinh kế và đề xuất giải pháp thích ứng tại tỉnh Vĩnh Phúc	Phạm Hoài Khánh Linh	ThS. Nguyễn Thị Hoài Thương	Với mục tiêu đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu tới hoạt động sinh kế và đề xuất giải pháp thích ứng tại tỉnh Vĩnh Phúc. Dựa trên phương pháp điều tra xã hội học, tổng hợp phân tích so sánh dữ liệu về BĐKH. Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng Diễn biến của BĐKH trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đang có xu hướng ngày càng phức tạp và khó dự đoán. Các hiện tượng thời tiết cực đoan xuất hiện ngày càng nhiều với cường

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					độ ngày càng lớn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các hoạt động sinh kế của người dân, đặc biệt là các hoạt động sinh kế liên quan đến nông nghiệp. Tuy nhiên nhận thức của phần lớn người dân mới chỉ dừng lại ở mức hiểu biết tương đối về biểu hiện và ảnh hưởng của BĐKH tới hoạt động sinh kế chính của gia đình. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rằng hoạt động thích ứng với BĐKH của người dân mới chỉ là phù hợp chứ chưa thực sự mang lại hiệu quả cao và thiếu tính bền vững. Việc thích ứng và giảm nhẹ với BĐKH còn nhiều hạn chế.
206	Đại học chính quy	Nghiên cứu đánh giá hiện trạng phát thải rác thải nhựa tại thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An - Trường hợp nghiên cứu điển hình tại khu xử lý rác thải	Nguyễn Thị Diệu Lộc	TS. Phạm Thị Mai Thảo	Mục tiêu: Đánh giá được hiện trạng sử dụng và công tác quản lý rác thải nhựa tại thị xã Cửa Lò (nghiên cứu điển hình tại các điểm tập kết rác thải), từ đó đề xuất một số giải pháp phù hợp với điều kiện tại khu vực nhằm hạn chế lượng rác thải nhựa xả thải ra môi trường. Qua điều tra thực tế, thị xã Cửa Lò hiện nay chưa có nhà máy xử lý rác thải nhựa, chưa có chính sách riêng biệt để quản lý rác thải nhựa. rác thải nhựa tại thị xã còn được thu gom và xử lý chung với rác thải sinh hoạt. Lượng rác thải tại thị xã được công ty CP MTĐT và DVDL Cửa Lò thu gom và vận chuyển tới nhà máy Nghi Yên, tỉnh Nghệ An xử lý theo hình thức chôn lấp. Theo kết quả nghiên cứu điển hình tại phường Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, rác thải nhựa chiếm 3.82% rác thải sinh hoạt. tỷ lệ rác thải nhựa tại điểm tập kết thấp hơn nhiều so với tỷ lệ rác thải nhựa được nghiên cứu tại hộ gia đình trong phường. Điều này chứng tỏ, trong quá trình vận chuyển rác thải sinh hoạt từ hộ gia đình tới các điểm tập kết thì một phần rác thải nhựa được người dân và những người thu mua phế liệu nhặt và giữ lại. Nhựa sau khi thu gom được phân loại thành 7 loại chính: PE, HDPE,

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					PV, LDPE, PS, PP, OTHER. Nhựa loại 4 (LDPE) có thành phần là túi nilon chiếm tỷ trọng nhiều nhất trong 7 loại nhựa. Tuy tỷ lệ rác thải nhựa chưa cao nhưng các cơ quan chính quyền thị xã Cửa Lò cũng cần có những chính sách và hoạt động cụ thể, kịp thời trong vấn đề quản lý và xử lý rác thải nhựa, đặc biệt trong mùa du lịch để hạn chế tối đa lượng rác thải nhựa thải ra ngoài môi trường.
207	Đại học chính quy	Nghiên cứu định lượng cacbon trong sinh khối dưới mặt đất của rừng trang (<i>Kandelia obovata</i> Sheue, Liu & Yong) trồng tại xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Thị Quế Ly	1. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh 2. TS. Hoàng Lưu Thu Thủy	1. Mật độ cây của rừng trang tăng theo tuổi rừng ($R7T > R6T > R5T$) với giá trị lần lượt là 7.600 cây/ha; 6.500 cây/ha; 5.200 cây/ha. Đường kính thân và chiều cao cây cũng tăng theo tuổi rừng: cao nhất là rừng 7 tuổi có đường kính thân $4,8 \pm 0,93$ cm và chiều cao $3,8 \pm 0,73$ m; tiếp theo là rừng 6 tuổi với đường kính và chiều cao là $4,7 \pm 1,40$ cm và $3,5 \pm 0,67$ m; cuối cùng là rừng 5 tuổi có đường kính thân cây $4,2 \pm 1,03$ cm và chiều cao cây là $3,0 \pm 0,57$ m. 2. Lượng cacbon tích lũy trong sinh khối dưới mặt đất của cây rừng 7 tuổi cao nhất là $0,195 \pm 0,04$ kg/cây; tiếp theo là rừng 6 tuổi với $0,188 \pm 0,02$ kg/cây và thấp nhất là rừng 5 tuổi với $0,149 \pm 0,03$ kg/cây. 3. Lượng cacbon tích lũy trong sinh khối dưới mặt đất tăng theo tuổi rừng ($R7T > R6T > R5T$) cao nhất là rừng 7 tuổi với 1,482 tấn/ha - tương ứng với lượng CO₂ hấp thụ là: 5,439 tấn/ha; thứ hai là rừng 6 tuổi với 1,222 tấn/ha - tương ứng với lượng CO₂ hấp thụ là: 4,486 tấn/ha và thấp nhất là rừng 5 tuổi với 0,776 tấn/ha - tương ứng 2,846 tấn/ha CO₂ hấp thụ.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
208	Đại học chính quy	Nghiên cứu hiện trạng quần xã thực vật tại VQG Xuân Thủy, tỉnh Nam Định và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát triển thảm thực vật	Nguyễn Thị Thúy Mai	PGS.TS. Nguyễn Thế Hưng	Với mục tiêu nghiên cứu hiện trạng quần xã thực vật tại VQG Xuân Thủy, tỉnh Nam Định và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát triển thảm thực vật. nội dung nghiên cứu gồm điều tra khảo sát đánh giá một số quần xã thực vật tại VQG Xuân Thủy và từ đó đề xuất một số giải pháp bảo vệ phát triển thảm thực vật tại VQG Xuân Thủy. Qua quá trình nghiên cứu thì ghi nhận tại khu vực nghiên cứu có 116 loài 98 chi 42 họ và thuộc hai ngành chính là ngành Dương Xỉ (Polypodiaceae) và ngành hạt kín (Angiospermophyta) trong đó thì ngành hạt kín chiếm ưu thế về cả số loài, chi, họ. Đồ án nghiên cứu tập trung vào ba quần xã chính là quần xã trảng cỏ và trảng cây bụi vùng ngập triều đều đặn và tự nhiên ở ven lạch sâu, quần xã trảng cỏ vùng ngập triều đều đặn và tự nhiên ở ven lạch nông khuất sóng, quần xã rừng trồng Phi Lao từ các nghiên cứu về thực vật trên tìm hiểu các nguyên nhân có ảnh hưởng đến các quần xã thực vật và đề xuất giải pháp phù hợp để bảo vệ và phát triển.
209	Đại học chính quy	Điều tra và đánh giá sự phát thải trong hoạt động chăn nuôi bò sữa tại xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Nguyễn Thị Nga	ThS. Tạ Thị Yến	Với mục tiêu điều tra và đánh giá sự phát thải trong hoạt động chăn nuôi bò sữa tại xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Đồ án đã sử dụng các phương pháp kiểm kê nước thải, khí nhà kính, chất thải rắn. Kết quả kiểm kê cho thấy lượng chất thải rắn phát sinh là rất lớn trong khi đó công tác quản lý chất thải trong hoạt động chăn nuôi bò sữa tại địa phương lại chưa triệt để. Do đó đồ án đã đề ra một số phương pháp nhằm giảm lượng phát sinh chất thải, hạn chế ô nhiễm môi trường.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
210	Đại học chính quy	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu hấp phụ từ đậu phụ, ứng dụng xử lý Pb ²⁺ trong nước	Vũ Thị Thanh Nga	TS. Mai Văn Tiến	Thông qua phân tích đối chứng với xã bên cạnh, việc khai thác đá vôi đã gây ra những tác động nhất định đến sức khỏe cộng đồng dân cư xã Bản Cầm. Tỷ lệ mắc các bệnh về hô hấp, bệnh da liễu, bệnh phổi,...ngày càng gia tăng trong địa bàn xã, người dân
211	Đại học chính quy	Nghiên cứu ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân để cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình	Phạm Văn Nguyên	TS. Hoàng Thị Huệ	Với mục tiêu nghiên cứu ước tính mức sẵn lòng chi trả của người dân để cải thiện dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý tại huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Nội dung nghiên cứu như sau: đánh giá hiện trạng phát sinh CTRSH và đánh giá hệ thống tổ chức quản lý CTR trên địa bàn huyện, ước tính được mức sẵn lòng chi trả WTP là 12,011,26 đồng và các nhân tố ảnh hưởng đến mức WTP là biến thu nhập, trình độ học vấn, độ tuổi; đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý CTRSH.
212	Đại học chính quy	Nghiên cứu đặc điểm cấu trúc và tái sinh tự nhiên của một số kiểu thảm thực vật thoái hóa tại huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh	Đỗ Lan Phương	PGS.TS. Nguyễn Thế Hưng	Với mục tiêu "Nghiên cứu đặc điểm cấu trúc và tái sinh tự nhiên của một số kiểu thảm thực vật thoái hóa tại huyện Vân Đồn tỉnh Quảng Ninh", đồ án đã xác định được 204 loài thuộc 204 chi, 72 họ của 4 ngành thực vật bậc cao là ngành Thông Đất, ngành Dương Xỉ, Thông và ngành Mộc Lan. Từ quá trình nghiên cứu cho thấy rằng: Những cây gỗ tái sinh có chiều cao >3 m (Cấp IV) có tiềm năng tái sinh khá cao. Mật độ cây gỗ tái sinh từ 5235 cây/ha – 5456 cây/ha. Để bảo vệ và phát triển thảm thực vật thoái hóa ở huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh cần thực hiện 2 nhóm giải pháp chính: (i) Nhóm giải pháp về công tác quản lý, bảo vệ rừng (Chú ý đến các giải pháp về kinh tế-xã hội); (ii) Nhóm giải pháp kỹ thuật lâm sinh (đặc biệt là các hình thức khoanh nuôi phục hồi rừng).

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
213	Đại học chính quy	Nghiên cứu định lượng cacbon trong sinh khối trên mặt đất của rừng trang (<i>Kandelia obovata</i> Sheue, Liu & Yong) trồng tại xã Đồng Rui, huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	Phạm Thị Mai Phương	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1. Về chiều cao, đường kính thân và mật độ của rừng trang: Rừng 5 tuổi có mật độ 5200 cây/ha, chiều cao trung bình 3,0 m, đường kính trung bình 4,2 cm. Rừng 6 tuổi có mật độ 6500 cây/ha, chiều cao trung bình 3,5 m, đường kính trung bình 4,7 cm. Rừng 7 tuổi có mật độ 7400 cây/ha, chiều cao trung bình 3,8 m, đường kính trung bình 4,8 cm. 2. Về sinh khối trên mặt đất của cây và rừng trang tăng theo tuổi rừng: Rừng 5 tuổi có sinh khối trên mặt đất của cây là 0,8 kg/cây, sinh khối trên mặt đất của rừng là 4,2 tấn/ha. Rừng 6 tuổi có sinh khối trên mặt đất của cây là 1,0 kg/cây, sinh khối dưới mặt đất của rừng là 6,6 tấn/ha. Rừng 7 có sinh khối trên mặt đất của cây là 1,1 kg/cây, sinh khối trên mặt đất của rừng là 7,9 tấn/ha. 3. Đã định lượng được lượng cacbon trong sinh khối trên mặt đất rừng trang. Lượng cacbon tích lũy trong sinh khối trên mặt đất của rừng trang 7 tuổi là cao nhất 3,9 tấn/ha (tương ứng với lượng CO₂ hấp thụ 14,3 tấn/ha). Sau đó là rừng 6 tuổi với 3,3 tấn/ha (tương ứng với lượng CO₂ hấp thụ 12,1 tấn/ha) và thấp nhất là rừng 5 tuổi với lượng cacbon tích lũy trong sinh khối trên mặt đất của rừng trang là 2,1 tấn/ha (tương ứng với lượng CO₂ hấp thụ 7,7 tấn/ha).
214	Đại học chính quy	Điều tra thống kê nguồn thải từ hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	Nguyễn Ngọc Trang	ThS. Phạm Phương Thảo	Thông qua phân tích đối chứng với xã bên cạnh, việc khai thác đá vôi đã gây ra những tác động nhất định đến sức khỏe cộng đồng dân cư xã Bản Cầm. Tỷ lệ mắc các bệnh về hô hấp, bệnh da liễu, bệnh phổi,...ngày càng gia tăng trong địa bàn xã, người dân

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
215	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn sinh hoạt tại quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Trần Thị Thùy Trang	ThS. Bùi Thị Thu Trang	- Đánh giá được hiện trạng CTRSH và công tác quản lý CTRSH tại quận Lê Chân: Lượng phát thải có nguy cơ tăng cao trong tương lai cùng với tốc độ phát triển kinh tế của khu vực; Hiệu suất thu gom đạt khá cao, và lệ phí thu gom phù hợp, vấn đề phân loại tại nguồn cũng như tái chế- tái sử dụng CTRSH chưa được phổ biến và chú trọng. - Theo kết quả dự báo từ khóa luận, khối lượng CTRSH phát sinh trên địa bàn quận Lê Chân đến năm 2025: 423,29 tấn/ngày.đêm - Đề xuất một số biện pháp cụ thể cho nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý CTRSH: Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác thu gom, vận chuyển; Giải pháp xử lý CTRSH; Các giải pháp khác: giải pháp xã hội, giải pháp kinh tế
216	Đại học chính quy	Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan tới bảo vệ môi trường của công ty TNHH PS Vina tại KCN Gia Lễ, xã Đông Xuân, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Phạm Thị Tuyết	1. TS. Phạm Hồng Tính 2. ThS. Tạ Thị Yên	Đề tài đã đánh giá được sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan lĩnh vực bảo vệ môi trường của Công ty TNHH PS Vina, cụ thể: - Báo cáo Cam kết BVMT: Công ty đã xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải; có biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, tiếng ồn, quản lý CTR và CTNH theo quy định hiện hành. - Sổ chủ nguồn thải CTNH: Công ty thực hiện tương đối tốt. Tuy nhiên, một số thùng phuy chứa CTNH của Công ty chưa được dán nhãn. - Lập báo cáo Giám sát môi trường định kỳ đầy đủ. Trên cơ sở kết quả đánh giá, đề tài đã đề xuất được một số giải pháp nhằm tuân thủ tốt hơn các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT phù hợp với Công ty TNHH PS Vina.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
217	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Kinh Thầy đoạn chảy qua huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương 6 tháng đầu năm 2019	Nguyễn Thị Yên	TS. Mai Văn Tiến	Đánh giá được chất lượng nước sông Kinh Thầy đoạn chảy qua huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương 6 tháng đầu năm 2019, thông qua việc phân tích xác định hơn 10 chỉ tiêu nước sông không kể các thông số đo nhanh, đánh giá so sánh với QCVN 08-MT:2015, và qua chỉ số WQI. Từ đó luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm và đề xuất các biện pháp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường nước sông Kinh Môn.
218	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng chất thải rắn y tế tại bệnh viện Y học cổ truyền Quảng Ninh và đề xuất giải pháp quản lý phù hợp	Bùi Anh Tuấn	PGS.TS. Hoàng Anh Huy	Đồ án đánh giá được hiện trạng phát sinh khối lượng chất thải rắn y tế tại Bệnh viện Y dược Cổ truyền Quảng Ninh bao gồm khối lượng, thành phần và nguồn gốc. Đánh giá được hiện trạng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế, lập sơ đồ tuyến thu gom dựa trên quan sát thực tế và điều tra 90 phiếu điều tra. Đề xuất được một số giải pháp khắc phục những nhược điểm trong quản lý chất thải rắn y tế tại Bệnh viện Y dược Cổ truyền Quảng Ninh.
219	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Nghèn đoạn chảy qua huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh 6 tháng đầu năm 2019	Dương Đức Tuấn	TS. Mai Văn Tiến	Đánh giá được chất lượng nước sông sông Nghèn đoạn chảy qua huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh 6 tháng đầu năm 2019, thông qua việc phân tích xác định hơn 10 chỉ tiêu nước sông không kể các thông số đo nhanh, đánh giá so sánh với QCVN 08-MT:2015, và qua chỉ số WQI. Từ đó luận giải nguyên nhân gây ô nhiễm và đề xuất các biện pháp nhằm bảo vệ chất lượng môi trường nước sông Nghèn.
220	Đại học chính quy	Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường của lò hấp rác thải nguy hại tại Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị môi trường 13 -	Nguyễn Trọng Hiếu	ThS. Tạ Thị Yên	Đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường dự án “Đầu tư xây dựng hệ thống lò hấp chất thải y tế của công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị Hà Nội tại Cầu Diễn” được bàn giao lại cho Công ty Cổ phần vật tư thiết bị môi trường 13 – URENCO 13 và đề xuất các biện pháp phù hợp để duy trì, nâng cao hiệu quả của việc tuân thủ các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường của Công ty

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Urenco 13			
221	Đại học chính quy	Nghiên cứu tính đa dạng thực vật của một số kiểu thảm thực vật tại huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Thị Thúy Loan	PGS.TS. Nguyễn Thế Hưng	Nghiên cứu các kiểu thảm thực vật (Vegetation) điển hình (thảm cây bụi và thảm cỏ) tại huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh, với một số đặc trưng cơ bản: (i) Cấu trúc không gian của các kiểu thảm thực vật, xác định tầng ưu thế sinh thái; (ii) Phân tích đa dạng các bậc taxon của thực vật bậc cao có mạch trong vùng nghiên cứu; (iii) Phân tích đa dạng về giá trị tài nguyên thực vật; (iv) Trên cơ sở phân tích hiện trạng thảm thực vật và hệ thực vật, đề xuất các nhóm giải pháp bảo tồn và phát triển đa dạng thực vật tại huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh (Gồm các giải pháp về kĩ thuật và các giải pháp về kinh tế - xã hội).
Ngành Quản lý biển					
1	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng quản lý rác thải nhựa phát sinh từ tàu du lịch trên Vịnh Hạ Long	Đặng Thị Hương Duyên	Th.S Nguyễn Thị Lan	'Hiện trạng ô nhiễm rác thải nhựa từ tàu du lịch hoạt động trên Vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (thành phần có khả năng tái chế và không có khả năng tái chế , nguồn thải, lượng thải). - Hiện trạng công tác quản lý rác thải nhựa từ tàu du lịch hoạt động trên Vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (công tác thu gom, tái chế, chính sách). - Nhận thức của khách du lịch, cộng đồng dân cư tại địa phương, chủ tàu du lịch về vấn đề rác thải nhựa từ tàu du lịch hoạt động trên Vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh (tác hại của rác thải nhựa, mức độ sẵn sàng tham gia hoạt động bảo vệ môi trường). - Đề xuất giải pháp về chính sách, truyền thông nhằm nâng cao hiệu quả quản lý rác thải nhựa từ tàu du lịch hoạt động trên Vịnh Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh."

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
2	Đại học chính quy	Phát triển du lịch biển theo hướng bền vững tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Phạm Thu Hà	TS.Nguyễn Thị Quỳnh Anh	- Thực trạng phát triển du lịch biển thành phố Hạ Long: sản phẩm du lịch biển, Cơ sở vật chất và hạ tầng cho phát triển du lịch biển. - Tính bền vững phát triển du lịch biển thành phố Hạ Long: Bền vững về mặt môi trường, bền vững về mặt xã hội và bền vững về mặt kinh tế. - Các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển du lịch biển theo hướng bền vững tại thành phố Hạ Long: Đa dạng hóa các dịch vụ du lịch và tính hấp dẫn của sản phẩm du lịch biển, Sự phát triển tương xứng của cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển du lịch biển, Phát triển nguồn nhân lực, Công tác tuyên truyền và quảng bá cho du lịch biển, Công tác quản lý Nhà nước về du lịch, Ý thức của người dân địa phương. - Đề xuất một số giải pháp chủ yếu nhằm góp phần phát triển du lịch biển theo hướng bền vững một cách hiện quả tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.'
3	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý rừng ngập mặn xã Quảng Phong huyện Hải Hà tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Huy Hoàng	PGS.TS. Lê Xuân Tuấn	- Hiện trạng phân bố diện tích rừng ngập mặn qua của xã Quảng Phong huyện Hải Hà. - Tồn tại thách thức trong công tác quản lý RNM khu vực xã Quảng Phong huyện Hải Hà tỉnh Quảng Ninh và đề xuất các giải pháp quản lý rừng ngập mặn khu vực nghiên cứu'
4	Đại học chính quy	Đánh giá mức độ hài lòng của du khách tới các hoạt động du lịch biển tại đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng	Phùng Thị Thủy Linh	TS. Nguyễn Thị Quỳnh Anh	- Thực trạng phát triển du lịch biển tại đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng. - Sự hài lòng của du khách tới hoạt động du lịch biển tại đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tới 5 dịch vụ: dịch vụ lưu trú, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ ăn uống, dịch vụ vui chơi, giải trí, an ninh trật tự. - Một số giải pháp nâng cao sự hài lòng của du khách tới hoạt động du lịch biển tại đảo Cát Bà, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.'

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
5	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng quản lý rác thải nhựa tại thị trấn Cô Tô, huyện Cô Tô, tỉnh Quảng Ninh	Lưu Thị Hoài Nam	TS. Trần Thị Minh Hằng	- Hiện trạng phát sinh rác thải nhựa tại thị trấn Cô Tô: khối lượng phát sinh, thành phần rác thải nhựa. - Công tác quản lý rác thải nhựa tại thị trấn Cô Tô bao gồm: công tác thu gom, xử lý, tái chế rác thải nhựa và các chính sách quản lý. - Nhận thức của cộng đồng về vấn đề rác thải nhựa tại thị trấn Cô Tô và mức độ sẵn lòng thay đổi thói quen tiêu dùng và sử dụng nhựa. - Các giải pháp nhằm giảm thiểu lượng rác thải nhựa đổ ra biển, nâng cao ý thức cộng đồng về việc sử dụng, thu gom và xử lý rác thải nhựa đúng nơi quy định."
6	Đại học chính quy	Ứng dụng mô hình Mike 21 nghiên cứu trường sóng trong bão khu vực biển Gò Công - Vũng Tàu	Lượng Hữu Phú	Th.s Vũ Văn Lân	"+ Tổng quan về cơ sở dữ liệu về chiều cao sóng trong bão và trường mực nước dâng trong bão. + Xây dựng bộ thông số mô hình thủy động lực Mike 21/3 Coupled để mô phỏng chiều cao sóng khi các cơn bão di chuyển vào khu vực nghiên cứu. + Đề xuất các giải pháp nhằm giảm nhẹ thiệt hại do sóng trong bão tác động vào khu vực ven bờ."
7	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp tăng cường quản lý rừng ngập mặn ở huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng	Phạm Thu Thảo	PGS. TS. Lê Xuân Tuấn	- Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên - kinh tế - xã hội huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. - Nghiên cứu đánh giá hiện trạng rừng ngập mặn, sự phân bố, hiện trạng khai thác sử dụng rừng ngập mặn tại Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. - Các thách thức tồn tại trong công tác quản lý, bảo tồn rừng ngập mặn. - Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý rừng ngập mặn.'
8	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng quản lý rác thải nhựa tại quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng	Chu Thị Thu	TS. Trần Thị Minh Hằng	- Hiện trạng phát sinh rác thải nhựa tại quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng (lượng phát sinh, thành phần rác thải nhựa). - Công tác quản lý rác thải nhựa tại quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng (công tác thu gom, xử lý, tái chế và các quy định, chính sách). - Nhận thức của cộng đồng: khách du lịch, cơ quan quản lý, các hộ gia

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					đình, các cơ sở buôn bán tại quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng về vấn đề rác thải nhựa và thói quen sử dụng đồ nhựa. - Các giải pháp quản lý (chính sách, kinh tế, truyền thông) nhằm nâng cao hiệu quả quản lý rác thải nhựa tại quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.'
9	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng và đề xuất giải pháp quản lý rừng ngập mặn khu vực xã Bàng La – Đại Hợp, thành phố Hải Phòng	Tô Thị Huyền Trang	PGS.TS. Lê Xuân Tuấn	- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng diện tích và công tác phục hồi RNM khu vực Bàng La – Đại Hợp, thành phố Hải Phòng; - Phân tích, đánh giá các thách thức, tồn tại trong công tác quản lý, bảo tồn RNM ở Bàng La – Đại Hợp, Hải Phòng; - Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý RNM khu vực Bàng La – Đại Hợp, thành phố Hải Phòng.'
10	Đại học chính quy	Nghiên cứu đánh giá ảnh hưởng thiệt hại do bão đối với khu vực ven biển, áp dụng cho thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Lương Thủy Tiên	TS. Nguyễn Hồng Lân	Tính toán, mô phỏng nước dâng do bão ở khu vực nghiên cứu bằng mô hình MIKE 21. - Nhận xét và đánh giá ảnh hưởng, thiệt hại do bão thông qua các kết quả thu được. - Đề xuất biện pháp ứng phó, giảm thiểu thiệt hại'.
VI	Quản lý tài nguyên nước				
	Đại học chính quy	Điều tra đánh giá tài nguyên nước dưới đất phục vụ cấp nước sinh hoạt cho cụm đảo Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Thị Phương An	TS. Trần Thành Lê	Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất tại cụm đảo Vân Đồn, đề ra các biện pháp khai thác, sử dụng, bảo vệ nước dưới đất đảm bảo có đủ nước cho phát triển kinh tế- xã hội cho người dân nơi đây

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
	Đại học chính quy	Ứng dụng chỉ số WQI đánh giá biến động chất lượng nước mặt sông Đuống	Vũ Mạnh Cường	ThS. Trần Thùy Chi	Mục tiêu đề án nghiên cứu tính toán chỉ số chất lượng nước WQI cho nguồn nước sông Đuống giai đoạn năm 2016-2018. Lập bản đồ phân vùng chất lượng nước sông Đuống theo chỉ số WQI giai đoạn 2016-2018. Đề tài đã bước đầu nghiên cứu hiện trạng môi trường nước sông Đuống trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, xây dựng được bản đồ đánh giá chất lượng nước. Đánh giá nhận định chủ quan về các giải pháp lâu dài và các biện pháp cấp bách góp phần vào việc bảo vệ môi trường nước sông Đuống
	Đại học chính quy	Nghiên cứu thiết kế mạng lưới quan trắc tài nguyên nước dưới đất tỉnh Hưng Yên	Đinh Tiến Đạt	TS. Trần Thành Lê	Mục tiêu đề án nghiên cứu, thiết kế mạng lưới quan trắc nước dưới đất tỉnh Hưng Yên. Đề án sử dụng số liệu quan trắc mực nước của tỉnh Hưng Yên, với số liệu quan trắc này sẽ đánh giá được diễn biến mực nước tại các tầng chứa nước, tiến hành thiết kế các điểm quan trắc tài nguyên nước dưới đất tỉnh Hưng Yên cho phép thu thập được số liệu quan trắc tài nguyên nước, làm tăng khả năng cập nhật, trao đổi thông tin dữ liệu quan trắc tiến tới hội nhập quốc gia, khu vực và thế giới góp phần không nhỏ cải thiện công tác quản lý tài nguyên nước phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở Hưng Yên.
	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sông Nhuệ -Đáy và đề xuất giải pháp bảo vệ chất lượng	Nguyễn Thị Hà	ThS. Phùng Thị Linh	Mục tiêu đề án nghiên cứu, đánh giá chất lượng nước sông Nhuệ-Đáy và đề xuất giải pháp bảo vệ chất lượng nước thành phố Phủ Lý . Đề án sử dụng số liệu các nồng độ đánh giá chất lượng nước sông Nhuệ - Đáy đoạn chảy qua thành phố Phủ Lý cho thấy nước bị ô nhiễm và cần đưa ra các biện pháp công trình và phi công

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					trình để nâng cao chất lượng nước. Từ đó đề xuất dây chuyền công nghệ trạm xử lý nước thải cho thành phố Phủ Lý góp phần cải tạo nguồn nước ở thành phố Phủ Lý.
	Đại học chính quy	Tính toán nhu cầu sử dụng nước trên lưu vực sông Trà Khúc tỉnh Quảng Ngãi	Bùi Thị Thu Hoan	ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc	Mục tiêu của đồ án là tính toán được các nhu cầu sử dụng nước cho các ngành sinh hoạt, công nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi và dự báo nhu cầu sử dụng nước lưu vực sông Trà Khúc đến năm 2030 từ đó đề ra các biện pháp quản lý nhu cầu sử dụng nước trên lưu vực sông.
	Đại học chính quy	Nghiên cứu đánh giá tài nguyên nước mặt trên lưu vực sông Ba	Lưu Diệu Hồng	ThS. Trần Văn Tình	Mục tiêu đánh giá tài nguyên nước mặt trên lưu vực sông Ba, cụ thể đánh giá chi tiết trên từng tiểu lưu vực theo kịch bản. Đồ án đã thu thập các thông tin về đặc điểm tự nhiên, khí tượng thủy văn trên lưu vực, các phương pháp đánh giá tài nguyên nước mặt, sử dụng bộ công cụ phân chia lưu vực thành các tiểu lưu vực và mô phỏng dòng chảy
	Đại học chính quy	Nghiên cứu mối quan hệ giữa nước mặt và nước dưới đất khu vực đồng bằng Ninh Thuận	Nguyễn Thị Thu Hương	TS. Tạ Thị Thoảng	Với mục tiêu nghiên cứu mối quan hệ giữa nước mặt và nước dưới đất trong khu vực đồng bằng Ninh Thuận, đồ án đã thu thập các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên, đặc điểm tài nguyên nước dưới đất trong khu vực, các nghiên cứu liên quan đến đề tài trên thế giới và ở Việt Nam. Đồ án đã xác định mối quan hệ giữa nước mặt và nước dưới đất tại khu vực nghiên cứu bằng 3 phương pháp đánh giá dựa kết quả thí nghiệm thấm ri seepage, kết quả phân tích hóa nước và kết quả phân tích đồng vị (các thí nghiệm và mẫu nước đều được lấy vào tháng 5/2018). Kết luận được nước dưới đất và nước mặt

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					trong khu vực nghiên cứu có sự tương tác và phân bố không đều theo hướng Tây Bắc – Đông Nam của đồng bằng Ninh Thuận.
	Đại học chính quy	Ứng dụng chỉ số WQI đánh giá chất lượng nước mặt sông Vạc, Ninh Bình	Nguyễn Thu Huyền	ThS. Nguyễn Thị Thủy	Mục đích nghiên cứu của đồ án, ứng dụng chỉ số WQI đánh giá chất lượng nước sông Vạc tỉnh Ninh Bình từ đó đề xuất các biện pháp quản lý môi trường và cải thiện chất lượng nước. Đồ án này sử dụng số liệu quan trắc sông Vạc tỉnh Ninh Bình năm 2015 với 30 điểm quan trắc dọc sông Vạc để đánh giá hiện trạng chất lượng nước sông Vạc tỉnh Ninh Bình bằng chỉ số WQI, phương pháp đánh giá toàn diện mờ và so sánh 2 phương pháp này. Kết quả tính toán WQI đối với nước mặt lưu vực sông Vạc tỉnh Ninh Bình trong năm 2015 cho thấy chỉ số WQI giao động từ 69 đến 77. Các vị trí SV6, SV8, SV10, SV18 và SV19 có chất lượng nước tương đối tốt với thang màu xanh được sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng cần các biện pháp xử lý phù hợp. Các vị trí còn lại với thang màu vàng được sử dụng cho mục đích tưới tiêu và các mục đích tương đương khác. Nhìn chung, sông Vạc đang có dấu hiệu suy giảm và bắt đầu ô nhiễm nhẹ. Qua kết quả nghiên cứu 2 phương pháp đánh giá WQI và phương pháp đánh giá toàn diện mờ FCE cho thấy hai phương pháp này không có sự khác biệt. Phương pháp đánh giá toàn diện mờ FCE có tính ưu việt hơn khắc phục một số hạn chế của WQI. Mặc dù phương pháp WQI là phương pháp đánh giá nhanh hơn nhưng không có tính chắc chắn bằng FCE.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
	Đại học chính quy	Nghiên cứu đánh giá tác động của biến đổi khí hậu tới dòng chảy mặt của lưu vực sông Vu Gia Thu Bồn	Hoàng Văn Khánh	ThS. Trần Văn Tình	Mục tiêu đề án đánh giá tác động của biến đổi khí hậu tới dòng chảy mặt trên lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn. Đề án sử dụng dữ liệu khí tượng thủy văn của các trạm trên lưu vực từ năm 1999-2010.
	Đại học chính quy	Xác định lượng vận chuyển bùn cát trên sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội giai đoạn 2000 - 2015.	Lê Ngọc Khánh	ThS. Trần Ngọc Huân	Mục tiêu của đề án là xác định lượng vận chuyển bùn cát trên sông tại trạm thủy văn Hà Nội giai đoạn 2000-2015. Đề án đã tổng quan đặc điểm điều kiện dòng chảy bùn cát khu vực sông Hồng, đoạn chảy qua khu vực thành phố Hà Nội tại trạm thủy văn Sơn Tây, Hà Nội và Thượng Cát; Xây dựng các công thức kinh nghiệm để tính toán lượng bùn cát đáy, tổng lượng bùn cát dựa vào số liệu thực đo trong quá khứ từ năm 1970-1980 từ đó xác định được giá trị bùn cát đáy và bùn cát lơ lửng giai đoạn 2000 - 2015. Kết quả của nghiên cứu chỉ ra rằng, tỷ lệ bùn cát đáy trên sông Hồng tại trạm thủy văn Hà Nội bằng khoảng 4 - 10% so với lượng bùn cát lơ lửng.
	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước mặt phục vụ sản xuất nông nghiệp tại huyện Gia Lộc tỉnh Hải Dương	Lê Đức Kiên	ThS. Lê Việt Hùng	Mục tiêu đề án đánh giá chất lượng nước mặt phục vụ sản xuất nông nghiệp tại huyện Gia Lộc - tỉnh Hải Dương. Đề án sử dụng dữ liệu quan trắc môi trường nước của huyện Gia Lộc năm 2017, với số liệu 4 đợt quan trắc sẽ được đánh giá theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (QCVN 08:2015/BTNMT cột B1), đánh giá theo chỉ số WQI của Tổng cục Môi trường ban hành. Kết quả cho thấy, chất lượng nước mặt của huyện Gia Lộc vẫn đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp,

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Nhưng tại điểm N3 (làng Đông Cạn, xã Tân Tiến, huyện Gia Lộc) không đảm bảo chất lượng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tại các điểm khác chất lượng nước đang có chiều hướng suy giảm chất lượng, đặc biệt tại các khu công nghiệp và làng nghề tiêu thủ công nghiệp. Qua kết quả đánh giá chất lượng nước trên giúp các cơ quan có liên quan về môi trường tìm được hướng giải quyết, khắc phục ô nhiễm đảm bảo chất lượng phục vụ sản xuất nông nghiệp cho huyện Gia Lộc.
	Đại học chính quy	Nghiên cứu đánh giá tài nguyên nước mặt trên lưu vực sông Srepok	Nguyễn Thị Ngọc Lan	PGS.TS.Hoàng Ngọc Quang	Mục tiêu của đề án nghiên cứu đánh giá chất lượng nước mặt trên lưu vực sông Srêpôk để đánh giá số lượng nước của lưu vực sông. Đề án có sử dụng phương pháp mô hình thủy văn (mưa - dòng chảy) MIKE NAM. Hiệu chỉnh và kiểm định mô hình để tìm được bộ thông số phù hợp với lưu vực cần tính toán
	Đại học chính quy	Đánh giá hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt và đề xuất giải pháp cấp nước cho xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội	Bùi Khánh Linh	ThS. Trần Thùy Chi	Trên cơ sở đánh giá hiện trạng sử dụng nước sinh hoạt tại xã Đặng Xá - Gia Lâm. Đã đề xuất giải pháp cấp nước cho xã là xây dựng trạm cấp nước tập trung theo hình thức xã hội hóa. Đề án dự báo dân số đến năm 2030 của xã Đặng Xá, từ đó tính toán nhu cầu sử dụng nước, sử dụng phần mềm Autocad 2007 để vạch tuyến mạng lưới, phần mềm Epanet 2.0 để tính toán thủy lực. Kết quả là 90% số hộ được hỏi đồng ý xây dựng trạm cấp nước tập trung theo hình thức xã hội hóa, hầu hết các chỉ tiêu đều nằm trong QCVN01/02:2009/BYT, chỉ tiêu chủ yếu không đạt là Pecmanganat. Trạm cấp nước lựa chọn nguồn nước ngầm để phục vụ

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					sản xuất với công suất trạm xử lý là 14500 m ³ /ngđ, lưu lượng bơm là 40l/s, cột áp bơm là 30.19m. Vận tốc nhằm trong khoảng từ 0.1-1.68m/s. Lựa chọn ống nhựa HDPE có đường kính từ 50-450mm. Áp lực trên mạng lưới trong giờ dùng nước lớn nhất có cháy đạt yêu cầu của tiêu chuẩn thiết kế không vượt quá 30.19m và không dưới 16m.
	Đại học chính quy	Xây dựng bản đồ phân vùng chất lượng nước dưới đất huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Hoàng Thị Khánh Linh	ThS. Lê Việt Hùng	Mục tiêu đồ án xây dựng bản đồ phân vùng chất lượng nước dưới đất huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Đồ án sử dụng dữ liệu quan trắc môi trường nước của huyện Phú Bình vào 2 mùa mưa và khô năm 2018, với số liệu 2 đợt quan trắc mùa khô và mùa mưa sẽ được đánh giá theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm (QCVN09:2015/BTNMT) . Từ đó xây dựng bản đồ phân vùng chất lượng nước dưới đất đối với 3 thông số gây ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nước ngầm. Kết quả cho thấy chất lượng nước dưới đất phục vụ cho người dân tại huyện Phú Bình tỉnh Thái Nguyên khá là đảm bảo. Các thông số đánh giá đều nằm trong chỉ tiêu cho phép. Tuy nhiên vẫn có một vài thông số vượt mức, gây ảnh hưởng xấu đến nguồn nước tại các vùng khác nhau. Tìm được nguyên nhân khiến nguồn nước bị nhiễm kim loại. Từ đó đưa ra những biện pháp hợp lý bảo vệ nguồn nước dưới đất.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
	Đại học chính quy	Đánh giá chất lượng nước sinh hoạt xã Hùng Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	Trương Ngọc Linh	ThS. Nguyễn Thị Thùy	Mục tiêu đề án là dựa vào các thông số, số liệu có sẵn để đánh giá chất lượng nước sinh hoạt ở huyện Kim Bôi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Sau khi đánh giá được chất lượng nước huyện Kim Bôi thì đánh giá sự rủi ro sức khỏe khi sử dụng nước sinh hoạt chưa qua xử lý hoặc nước bị ô nhiễm, từ đó đề ra một số các biện pháp phòng chống, khắc phục để giảm thiểu tình trạng ô nhiễm nước sinh hoạt.
	Đại học chính quy	Nghiên cứu mô phỏng dòng chảy lưu vực sông Đồng Nai bằng mô hình SWAT	Đàm Thành Luân	ThS. Thi Văn Lê Khoa	Mục tiêu đề án sử dụng mô hình SWAT đánh giá tài nguyên nước khu vực thượng nguồn lưu vực sông Đồng Nai đến trạm thủy văn Tà Lài. Đề tài đã nghiên cứu về mô hình SWAT cách biên tập dữ liệu và mô phỏng dòng chảy của mô hình SWAT, nghiên cứu về lưu vực sông Đồng Nai - Sài Gòn và thượng lưu lưu vực sông Đồng Nai đến trạm thủy văn Tà Lài, nghiên cứu về ảnh hưởng của hồ chứa thủy điện Đồng Nai 3 đến dòng chảy trên thượng lưu lưu vực sông Đồng Nai đến trạm thủy văn Tà Lài. Kết quả nghiên cứu cho ra bộ thông số mô hình SWAT cho mô phỏng dòng chảy mặt lưu vực nghiên cứu, cùng với đánh giá sự ảnh hưởng của hồ chứa thủy điện Đồng Nai 3 đến dòng chảy mặt năm 2012 của vùng nghiên cứu.
	Đại học chính quy	Ứng dụng mô hình MIKE 11 mô phỏng xâm nhập mặn cho hệ thống sông Sài Gòn -	Vũ Thị Mai	ThS. Hoàng Văn Đại	Trên cơ sở tìm hiểu, nghiên cứu về hệ thống sông Sài Gòn - Đồng Nai với các đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, đặc biệt là hiện trạng thực tế xâm nhập mặn đang diễn ra. Đề án đã ứng dụng được mô hình MIKE 11 để tìm ra được bộ tham số thủy lực và xâm nhập mặn cho hệ

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Đồng Nai			thống sông, đặc biệt là vùng hạ lưu, giới hạn từ phía sau hồ thủy điện Trị An trên sông Đồng Nai và phía sau hồ Dầu Tiếng trên sông Sài Gòn đổ ra biển, tại cửa biển Soài Rạp. Việc hiệu chỉnh thủy lực được tiến hành cho lần lượt các thời khoảng vào mùa kiệt tháng 03 và tháng 04 của năm 2005, giữ nguyên bộ tham số để tiến hành cho việc kiểm định cho tháng 04 năm 2016. Với bộ tham số thủy lực đã tìm được là đầu vào cho module AD để tìm ra bộ tham số xâm nhập mặn. Kết quả của đồ án có thể làm cơ sở cho các nghiên cứu sau này, ứng dụng vào công việc quản lý tài nguyên nước dưới tác động của xâm nhập mặn.
	Đại học chính quy	Điều tra, đánh giá chất lượng nước dưới đất phục vụ nhu cầu khai thác sử dụng tài nguyên nước trên đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận	Nguyễn Thị Thanh Mai	TS. Trần Thành Lê	Mục tiêu đánh giá được chất lượng nước dưới đất phục vụ cho mục đích khai thác sử dụng tài nguyên nước dưới đất đảo Phú Quý, từ đó đưa ra giải pháp bảo vệ, xử lý nhằm nâng cao chất lượng nước dưới đất. Từ kết quả nghiên cứu cho thấy nhu cầu sử dụng nước của người dân chủ yếu là nước ngầm đặc biệt vào mùa kiệt. Chất lượng nước ngầm theo sơ đồ khai thác có 20% giếng không đảm bảo QCVN đối với chất lượng nước. Đưa ra được một số giải pháp công trình, phi công trình khắc phục, cải thiện những tác động xấu, xâm nhập mặn đến nguồn nước
B. Thạc sĩ					
I. Thủy văn học					

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
1	Thạc sĩ	Nghiên cứu ứng dụng mô hình mike she để đánh giá cân bằng nước tự nhiên cho lưu vực sông la	Phạm Quang Khánh	PGS.TS. Hoàng Anh Huy	Luận văn đã nghiên cứu thành công mô hình MIKE SHE, hiệu chỉnh và kiểm định mô hình cho lưu vực sông La để xác định từng thành phần nguồn nước trong cân cân bằng nước của hệ thống bao gồm: mưa, bốc thoát hơi, thay đổi lượng trữ bề mặt, thấm đến lưu vực, thấm khỏi lưu vực, chảy tràn vào sông, thay đổi lượng trữ trong đất, thấm từ tầng bão hòa vào sông và thấm từ sông vào tầng bão hòa. Bộ thông số sau khi được hiệu chỉnh và kiểm định này có thể sử dụng phục vụ các mục đích khác nhau từ phòng chống thiên tai đến quản lý tổng hợp tài nguyên nước.
2	Thạc sĩ	Nghiên cứu hạn hán và đề xuất các giải pháp giảm thiểu hạn hán cho tỉnh Ninh Thuận	Đinh Thị Thương	TS. Vũ Thu Lan PGS.TS. Nguyễn Viết Lành	Luận văn nghiên cứu và áp dụng bộ chỉ số hạn để đánh giá thực trạng hạn hán và phân vùng hạn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Bộ chỉ số bao gồm các chỉ số đặc trưng cho hạn khí tượng và nông nghiệp như chỉ số khô hạn Ki; chỉ số khô hạn năm; chỉ số khô hạn tích lũy Kn; chỉ số lượng mưa R20; chỉ số hạn nông nghiệp Prescott .v.v... và hạn thủy văn sử dụng hệ số Khạn với các tham số đầu vào thể hiện được tất cả các yếu tố khí tượng thủy văn để làm chỉ tiêu phân cấp hạn cho vùng nghiên cứu tỉnh Ninh Thuận. Từ đó luận văn đã đề xuất được sơ bộ các giải pháp thích nghi phù hợp với đặc thù khô hạn tỉnh Ninh Thuận
3	Thạc sĩ	Nghiên cứu ứng dụng mô hình Mike 21FM để tính toán biến hình lòng dẫn sông Hồng đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến trường bắn Yên Sở	Phạm Thị Hoa	PGS.TS. Nguyễn Kiên Dũng	Luận văn đã nghiên cứu và ứng dụng thành công mô hình MIKE 21 xác định được quá trình diễn biến lòng sông trong điều kiện hiện trạng và khai thác cát với quy mô khác nhau đoạn sông Hồng tự hạ lưu cầu Vĩnh Tuy đến Yên Sở. Theo đó đã tiến hành phân tích kịch bản hiện trạng dòng sông và kịch bản khai thác cát tại bãi bồi khu vực Xuân Quan với các quy mô bãi khai thác khác nhau. Từ đó xác định quy mô bãi khai thác hợp lý phù hợp với quy luật xói bồi và khả năng mang bùn cát của đoạn

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					sông.
4	Thạc sĩ	Nghiên cứu ứng dụng mô hình mike basin đánh giá cân bằng nước cho tỉnh phú thọ trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Vũ Khắc Tú	TS. Trương Văn Anh	Luận văn đã nghiên cứu bộ công cụ mô hình MIKE BASIN, MIKE NAM và MIKE 11 muskingum để mô phỏng được dòng chảy trên hệ thống tài nguyên nước và tính toán cân bằng nước mặt cho tỉnh Phú Thọ. Dựa vào kết quả tính toán đã đánh giá trữ lượng tài nguyên nước hiện trạng (2015) và trong điều kiện biến đổi khí hậu theo kịch bản RCP 4.5 và 8.5 mới nhất mà Bộ tài nguyên và Môi trường công bố năm 2016 để phục vụ quy hoạch và quản lý tổng hợp tài nguyên nước tỉnh này.
5	Thạc sĩ	Nghiên cứu đề xuất điều chỉnh mạng lưới quan trắc thủy văn do ảnh hưởng của hệ thống hồ chứa, đập dâng thượng lưu lưu vực sông mã - chu	Nguyễn Văn Minh	PGS.TS. Lã Văn Chú	Luận văn đã sử dụng phương pháp phân tích tổng hợp, mô hình hóa và thống kê để đánh giá tác động của hồ chứa phía thượng lưu đến chế độ thủy văn vùng hạ du lưu vực sông Mã – Chu. Từ đó đề xuất điều chỉnh chế độ đo đối với các trạm bị ảnh hưởng ở hạ lưu các hồ chứa và quy hoạch lại mạng lưới các trạm thủy văn cần di dời, xây dựng mới trên lưu vực sông Mã - Chu.
6	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá tác động xâm nhập mặn cho hệ thống kênh mương nội đồng lưu vực sông Sò tỉnh Nam Định.	Đào Anh Văn	PGS.TS. Lã Văn Chú	Nghiên cứu áp dụng mô hình thủy văn MIKE NAM để mô phỏng quá trình hình thành dòng chảy trên lưu vực sông Sò thuộc địa phận huyện Hải Hậu, Giao Thủy và Xuân Trường Nam Định, kết hợp làm biên đầu vào cho mô hình thủy lực MIKE 11 để mô phỏng quá trình xâm nhập triều, mặn vào vùng cửa sông; Sử dụng mô hình tính toán sau kiểm định để tính toán xâm nhập mặn cho lưu vực sông Sò theo các kịch bản triều nhằm phục vụ lấy nước tưới cho sản xuất nông nghiệp.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
7	Thạc sĩ	Nghiên cứu ứng dụng mô hình mike 11 tính toán xâm nhập mặn hạ lưu sông cá dưới tác động của biến đổi khí hậu	Phạm Thị Lương	TS. Đoàn Quang Trí	Luận văn đã nghiên cứu ứng dụng mô hình thủy lực MIKE 11 mô phỏng quá trình diễn toán dòng chảy hạ lưu sông Cà. Sau đó đã kết hợp mô hình toán thủy lực MIKE 11 và MIKE -GIS mô phỏng quá trình xâm nhập mặn vùng cửa sông ven biển; tính toán, đưa ra bản đồ xâm nhập mặn cho vùng hạ lưu sông Cà dưới tác động của BĐKH&NBD theo kịch bản RCP8.5 mới nhất mà Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố năm 2016
8	Thạc sĩ	nghiên cứu mô phỏng thủy lực và đánh giá diễn biến chất lượng nước sông nhuệ - đáy trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Phạm Thị Đức	PGS.TS. Nguyễn Kiên Dũng	Luận văn đã nghiên cứu và ứng dụng thành công các mô hình MIKE NAM, MIKE 11 HD và MIKE 11 Ecolab mô phỏng và đánh giá diễn biến chất lượng nước lưu vực sông Nhuệ - Đáy trong bối cảnh biến đổi khí hậu từ đó đã đề xuất sơ bộ một số giải pháp nhằm giảm thiểu mức độ gia tăng ô nhiễm phục vụ khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên nước mặt lưu vực sông Nhuệ - Đáy.
9	Thạc sĩ	Tính toán cân bằng nước cho lưu vực sông Cà trong điều kiện biến đổi khí hậu	Đàm Đăng Ninh	PGS.TS. Nguyễn Kiên Dũng	Nghiên cứu, ứng dụng được mô hình MIKE NAM và MIKE BASIN để tính toán cân bằng nước hệ thống lưu vực sông Cà trong điều kiện biến đổi khí hậu sử dụng bộ kịch bản hiện trạng (2015) và kịch bản BĐKH RCP4.5 giai đoạn 2016-2035 có kể đến sự tham gia điều tiết của một số hồ chứa trong lưu vực.
II. Khí tượng và khí hậu học					
1	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của các đợt xâm nhập lạnh đến nhiệt độ và gió trên khu vực Tây Bắc	Nguyễn Thị Nhụy Tâm	TS. Chu Thị Thu Hường	Sử dụng phương pháp thống kê, dựa trên chuỗi số liệu quan trắc các yếu tố khí tượng và các đợt xâm nhập lạnh trong thời kỳ 1961-2015, nghiên cứu đã xác định đặc điểm phân bố theo không gian và xu thế biến đổi thời gian của nhiệt độ trung bình, cực đại, cực tiểu, tốc độ gió trên khu vực Tây Bắc trong từng tháng. Cũng tương tự như một số nghiên cứu trước đó, các đặc trưng của nhiệt độ đều có xu thế tăng, còn tốc độ gió lại có xu thế giảm. Hơn nữa, nghiên cứu cũng cho thấy rằng, khi có tác động

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					của KKL, nhiệt độ giảm trung bình khoảng 3-5 ⁰ C, tốc độ gió tăng khoảng 1-3m/s, còn hướng gió thịnh hành thì không thay đổi.
2	Thạc sĩ	Nghiên cứu xây dựng phương trình dự báo mưa thời hạn 24 giờ trong mùa mưa cho khu vực tỉnh Nghệ An	Tăng Văn An	1. PGS.TS Nguyễn Viết Lành	Sử dụng số liệu quan trắc của 04 trạm khí tượng (Vinh, Quỳnh Lưu, Quỳnh Châu và Tây Hiếu) và số liệu chiết xuất từ mô hình châu Âu, cùng với việc sử dụng phương pháp phân tích synop và phương pháp hồi quy từng bước, luận văn đã thực hiện: (1) Xác định được đặc điểm mưa của tỉnh Nghệ An; (2) Xác định được các hình thái gây mưa lớn cho tỉnh Nghệ An; (3) Xây dựng được 24 phương trình hồi quy cho dự báo mưa thời đoạn 24 giờ trong mùa mưa (từ tháng 6 đến tháng 11) cho 4 trạm khí tượng.
3	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá khả năng dự báo mưa hạn ngắn từ mô hình IFS cho khu vực Bắc Trung Bộ	Trần Đức Bá	1.TS. Văn Võ 2.TS. Thị Thái Hòa Thị Thanh Minh	Nghiên cứu đã dựa trên các chỉ số đánh giá lượng mưa, các chỉ số đánh giá theo cấp mưa từ tập số liệu quan trắc lượng mưa trong 24 giờ của 20 trạm khí tượng thuộc khu vực Bắc Trung Bộ trong thời gian 6 năm từ năm 2012 - 2017 và số liệu dự báo từ mô hình IFS. Kết quả cho thấy, khả năng dự báo mưa thời hạn ngắn cho khu vực BTB của IFS là có kỹ năng và sai số tổng thể không lớn, tuy nhiên khả năng dự báo các hiện tượng mưa to và mưa rất to còn chưa đạt thấp, cần lưu ý khi sử dụng kết quả dự báo trong trường hợp mưa lớn.
4	Thạc sĩ	Nghiên cứu sử dụng số liệu mưa vệ tinh để đánh giá hạn khí tượng cho khu vực tỉnh Thanh Hóa	Nguyễn Văn Dũng	PGS.TS Nguyễn Viết Lành	Sử dụng 56 năm số liệu quan trắc tại 7 trạm KT, 36 năm tại trạm TV, ND và 36 năm số liệu mưa và chỉ số sức khô thực vật được tính toán từ ảnh vệ tinh để tính toán và đánh giá diễn biến của hạn khí tượng cho khu vực tỉnh Thanh Hóa, luận văn đã thực hiện: (1) Đã phân tích so sánh 6 chỉ số hạn khí tượng SPI, PN, K, Pt SE và Sa.I. Kết quả cho thấy, mối quan hệ và diễn biến của các chỉ số này khá phù hợp; (2) Đã so sánh giữa lượng mưa tháng quan trắc và lượng

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					mưa từ phân tích vệ tinh CHIRPS, CDR và CCS. Kết quả cho thấy, số liệu mưa vệ tinh khá phù hợp với lượng mưa quan trắc: Hệ số tương quan giữa mưa quan trắc với CHIRPS, CDR khá cao, có độ tin cậy từ 95-99% và sai số MAE (RMSE) phổ biến từ 5% đến 10%; (2) Đã tính toán đánh giá hạn KT bằng chỉ số SPI dựa trên lượng mưa của CHIRPS; (4) Đã so sánh chỉ số SPI-3 với chỉ số STD_VHI và số liệu thực trạng hạn hán vụ đông xuân 2015-2016. Kết quả cho thấy, sức khỏe thực vật và cây trồng ở Thanh Hóa bị ảnh hưởng bởi hạn hán khá điển hình và gián tiếp cho thấy mức độ phù hợp về khả năng sử dụng mưa CHIRP trong quản lý hạn ở Thanh Hóa.
5	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá một số đặc trưng khí hậu trên vùng Đông Bắc	Lê Xuân Đức	PGS.TS Phạm Vũ Anh	Phân tích sự biến đổi của nhiệt độ, lượng mưa dựa trên bộ số liệu quan trắc tại 44 trạm khí tượng trên khu vực Đông Bắc trong thời kỳ 1970 – 2017, nghiên cứu cho thấy rằng, các đặc trưng nhiệt độ (Ttb, Tx, Tn) trên khu vực Đông Bắc có sự phân hóa mạnh mẽ theo không gian và thời gian trong năm. Lượng mưa ở khu vực Đông Bắc cũng có sự phân hóa mạnh mẽ theo không gian và thời gian. Tổng lượng mưa trong mùa mưa (tháng 5 - tháng 10) phổ biến trên 1.300mm, chiếm khoảng từ 80 đến 87% tổng lượng mưa năm. Bên cạnh đó, các hiện tượng cực đoan trên khu vực cũng có biến đổi mạnh mẽ theo thời gian, SNNN tăng lên còn SNRĐ thì giảm đi. Ngoài ra, dựa vào tổng lượng mưa năm, nghiên cứu cũng phân ra 8 tiểu vùng khí hậu.
6	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá rủi ro thiên tai do hạn hán và mưa lớn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Trần Xuân Hiền	1. TS. Thái Thị Thanh Minh 2. TS. Chu Thị Thu Hương	Luận văn đã đánh giá rủi ro thiên tai do hạn hán và mưa lớn dựa trên các số liệu lượng mưa và lượng bốc trong ngày tại các trạm Khí tượng Thủy văn trên khu vực tỉnh Lâm Đồng trong thời kỳ 1996-2015. Kết quả chỉ ra rằng, hạn hán/mưa lớn trên khu vực thường xảy ra trong mùa

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					khô/mùa mưa tương ứng khoảng 1 đến 2 đợt/năm và 10 đến 15 đợt/năm. Các đợt mưa lớn thường xảy ra với cường độ tương đối lớn, nhưng ít có nơi vượt quá 200mm/24giờ và lượng mưa 100mm/24giờ kéo dài 2-3 ngày liên tiếp. Hơn nữa, rủi ro thiên tai cấp 1 do hạn hán xảy ra ở hầu hết các địa phương trong tỉnh trừ thành phố Bảo Lộc và huyện Bảo Lâm rất ít xảy ra. Còn rủi ro thiên tai cấp 2 chỉ có thể xảy ra ở các huyện Lâm Hà, Đức Trọng, Đơn Dương, Di Linh và Đa Huoai. Tương tự, rủi ro thiên tai cấp 1 do mưa lớn xảy ra hầu hết ở các địa phương trong tỉnh. Song rủi ro thiên tai cấp 2 có thể xảy ra ở thành phố Bảo Lộc và các huyện Bảo Lâm, Đa Huoai, Đa Tẻ và Cát Tiên. Ngoài ra, luận văn cũng đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn do hạn hán và mưa lớn trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng từ cấp tỉnh đến cấp huyện và cấp xã.
7	Thạc sĩ	Nghiên cứu xác định những hình thể thời tiết gây nên cực đoan một số yếu tố khí hậu chính trên khu vực Bắc Bộ	Nguyễn Thị Thu Hòa	PGS.TS Nguyễn Viết Lành	Bằng việc sử dụng số liệu mưa và nhiệt độ quan trắc của các trạm khí tượng trên khu vực Bắc Bộ và số liệu tái phân tích từ năm 2007 đến năm 2016 để thống kê, xây dựng bản đồ các mực từ 1000 đến 200mb và phân tích synop, luận văn đã thực hiện một số nội dung: (1) Thống kê được những đợt mưa lớn cực đoan diện rộng trên khu Bắc Bộ và đã phân tích xác định được những hình thể thời tiết gây mưa lớn trên khu vực nghiên cứu; (2) Thống kê những đợt nắng nóng cực đoan diện rộng trên khu vực Bắc Bộ và xác định được vai trò của những hình thể thời tiết gây nên nắng nóng; (3) Thống kê những đợt rét hại cực đoan diện rộng trên khu vực Bắc Bộ và xác định vai trò của những hình thể thời tiết gây rét hại.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
8	Thạc sĩ	Nghiên cứu xác định các thông số khí quyển từ số liệu LIDAR quan trắc xon khí	Trần Phúc Hưng	TS. Nguyễn Xuân Anh	Luận văn này trình bày các bước xử lý số liệu LIDAR theo phương pháp điểm biên (phương pháp Klett – Fernald) để tính toán các thông số khí quyển như hệ số suy hao gây ra bởi xon khí hệ số tán xạ ngược xon khí. Luận văn sử dụng số liệu đo đạc LIDAR tại trạm Nghĩa Đô trong năm 2017-2018, kết hợp với các số liệu khí quyển tính toán ra kết quả. Các đối tượng khác trong khí quyển như độ cao lớp biên, độ cao lớp xon khí, sự phân bố của xon khí trong khí quyển sẽ được xác định và đánh giá dựa trên các tín hiệu LIDAR được xử lý và các thông số khí quyển được tính toán.
9	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá tác động của không khí lạnh đến một số yếu tố và hiện tượng khí tượng trên khu vực Đồng bằng Bắc Bộ	Phí Thị Ngà	1. TS.Võ Văn Hòa 2. TS.Chu Thị Thu Hương	Nghiên cứu đánh giá tác động của không khí lạnh đến một số yếu tố khí tượng trên khu vực Đồng bằng Bắc Bộ trong thời kỳ 1997-2017, nghiên cứu chỉ ra rằng, cường độ và số đợt xâm nhập lạnh ảnh hưởng đến Việt Nam có xu thế giảm. Mùa đông thường bắt đầu và kết thúc sớm hơn trong năm El Nino và ngược lại trong các năm La Nina. Thông thường, khi chịu ảnh hưởng của xâm nhập lạnh, nhiệt độ trung bình ngày trên vùng Đồng bằng Bắc Bộ thường giảm từ 3 đến 5 ⁰ C, thậm chí có thể lên tới 8 đến 11 ⁰ C (đối với những đợt KKL mạnh). Tổng lượng mưa trong các tháng mùa đông cũng đang có xu thế giảm.
10	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số trung tâm khí áp đến hiện tượng nắng nóng trên khu vực Đông Bắc	Phạm Xuân Nhị	1. TS. Chu Thị Thu Hương 2. TS. Nguyễn Đăng Quang	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số trung tâm khí áp đến nắng nóng trên khu vực Đông Bắc trong thời kỳ 1981-2015, luận văn chỉ ra rằng, SNNN và NNGG ngày một tăng lên, cường độ của các trung tâm khí áp tăng lên và phạm vi cũng mở rộng hơn trong những thời kỳ gần đây. Hơn nữa, áp cao Thái Bình Dương (ACTBD) và áp thấp Bắc Bộ là những trung tâm chính gây lên nắng nóng trên khu vực. Bên cạnh đó, áp thấp Trung Hoa cũng góp phần gây nắng nóng trong những tháng đầu

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					mùa hè, còn áp thấp Nam Á có vai trò không lớn đến nắng nóng trên khu vực. Cụ thể, nắng nóng trên khu vực chịu ảnh hưởng nhiều của ACTBD và áp thấp Trung Hoa (trong tháng 4 và tháng 5); của ACTBD, áp thấp Bắc Bộ, áp thấp Trung Hoa, áp thấp Nam Á (trong tháng 6); của ACTBD, áp thấp Bắc Bộ (trong tháng 7, 8 và 9) cũng có ít nhiều ảnh hưởng tới nắng nóng trong những tháng này
11	Thạc sĩ	Nghiên cứu xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro do mưa lớn cho khu vực Đồng bằng Bắc Bộ	Đặng Đình Quân	1. TS. Võ Văn Hòa 2. TS. Chu Thị Thu Hương	Nghiên cứu xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro do mưa lớn cho khu vực đồng bằng Bắc Bộ trong thời kỳ 1971 – 2015 dựa trên việc tính tần suất mưa lớn và ma trận đánh giá rủi ro thiên tai theo các chỉ tiêu của IPCC, luận văn đã đưa ra những đặc điểm của hiện tượng mưa lớn và xây dựng bản đồ phân vùng rủi ro thiên tai do hiện tượng mưa lớn xảy ra trên khu vực. Cụ thể, gần ½ diện tích khu vực đồng bằng Bắc Bộ có cấp độ hiểm họa cao và chủ yếu ở thành phố Hà Nội và các tỉnh Ninh Bình, Thái Bình; các tỉnh còn lại đa phần có cấp độ hiểm họa trung bình, ngoại trừ toàn tỉnh Hải Dương có cấp độ hiểm họa thấp. Đối với phân vùng cấp độ mức độ phơi bày trước hiểm họa, thành phố Hà Nội có 17 quận, huyện và các thành phố trực thuộc tỉnh có cấp độ mức độ cao; ngoài nguyên nhân nơi này có hiểm họa cao thì còn có nguyên nhân độ phơi bày về dân số, tài sản và kinh tế xã hội cao. Về tính dễ bị tổn thương, ngoài các quận, huyện là trung tâm của các tỉnh, thành phố và các huyện ven biển đều có tính dễ bị tổn thương cao do thiệt hại chủ yếu về môi trường. Về phân vùng cấp độ rủi ro do mưa lớn, các tỉnh Hà Nam, Hưng Yên và Hải Dương có cấp độ 1 (rủi ro thấp), các tỉnh ven biển là Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình đạt cấp độ rủi ro trung bình. Các quận thuộc nội thành và các huyện phía tây thành phố Hà Nội và các thành phố trực thuộc tỉnh

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					đạt cấp độ rủi ro cao do tính dễ bị tổn thương cao.
12	Thạc sĩ	Nghiên cứu xác định sự biến đổi của một số trung tâm khí áp chính ảnh hưởng đến Bắc Bộ Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu	Lê Thị Thanh	PGS.TS Nguyễn Viết Lành	Sử dụng số liệu mưa và nhiệt độ quan trắc của các trạm khí tượng trên khu vực Bắc Bộ và số liệu tái phân tích từ năm 2007 đến năm 2016, luận văn thống kê, xây dựng bản đồ các mực từ 1000 đến 200mb và phân tích synop, luận văn đã: (1) Thống kê được những đợt mưa lớn cực đoan diện rộng trên khu Bắc Bộ và đã phân tích xác định được những hình thái thời tiết gây mưa lớn trên khu vực nghiên cứu; (2) Thống kê những đợt nắng nóng cực đoan diện rộng trên khu vực Bắc Bộ; (3) Thống kê những đợt rét hại cực đoan diện rộng trên khu vực Bắc Bộ.
13	Thạc sĩ	Nghiên cứu hình thái gây mưa lớn và xây dựng phương trình dự báo mưa thời hạn 24-48 giờ trong mùa lũ cho khu vực tỉnh Gia Lai	Trần Trung Thành	1. PGS.TS Nguyễn Viết Lành 2. TS. Hoàng Phúc Lâm	Sử dụng phương pháp phân tích synop, luận văn đã tập trung nghiên cứu các hình thái thời tiết gây mưa lớn diện rộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ năm 2007 đến năm 2017. Về xây dựng phương trình dự báo định lượng mưa thời hạn 24- 48 giờ. Luận văn đã lần đầu dùng số liệu mô hình được chiết xuất tại mực 850 mb và 700 mb tại khu vực phía trước theo hướng gió mùa được dự báo là 24h, 48h tới sẽ không chế thời tiết tỉnh Gia Lai, để làm nhân tố dự báo xây dựng phương trình hồi quy dự báo định lượng mưa.
14	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của áp thấp Nam Á và áp cao Thái Bình Dương đến nắng nóng trên khu vực Bắc Trung B	Đỗ Thị Thi	1. TS. Nguyễn Đăng Quang 2. TS. Chu Thị Thu Hương	Luận văn đã tổng quan được tình hình nghiên cứu trong nước và quốc tế về hình thái thời tiết gây ra nắng nóng ở Việt Nam nói chung và Bắc Trung Bộ. Thông qua số liệu nhiệt độ không khí cao nhất quan trắc tại các trạm khí tượng vùng núi trên khu vực Bắc Trung Bộ và số liệu tái phân tích từ năm 1985 đến năm 2016, luận văn đã nghiên cứu và chỉ ra hai hình thái gây ra nắng nóng ở Bắc Trung Bộ là: áp thấp Nam Á phát triển sang phía Đông ở tầng thấp, và trên cao là áp cao Thái Bình Dương hoạt động mạnh và phát triển về phía Tây. Bên

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					cạnh đó sử dụng phương pháp phân tích hàm trực giao tự nhiên để xác định vai trò đóng góp của hai trung tâm khí đến năng nóng ở Bắc Trung Bộ. Kết quả của nghiên cứu này nên được tiếp tục, gọi mở một số hướng nghiên cứu mới trong tương lai.
III. Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ					
1	Thạc sĩ	Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin địa lý phục vụ đánh giá quy hoạch sử dụng đất tại thành phố Ninh Bình	Nguyễn Đức Bình	TS. Trịnh Thị Hoài Thu	Luận văn thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống thông tin địa lý phục vụ đánh giá quy hoạch sử dụng đất tại thành phố Ninh Bình với 5 gói dữ liệu được thiết kế trên phần mềm Visio đảm bảo đúng yêu cầu các chuẩn về cơ sở dữ liệu nền địa lý. Sau khi xây dựng CSDL, đánh giá thực hiện quy hoạch thông qua việc chồng xếp các loại bản đồ hiện trạng để thấy được diễn biến thay đổi sử dụng đất; chồng xếp dữ liệu bản đồ sử dụng đất năm 2014 và bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 để đánh giá mức độ thực hiện quy hoạch của thành phố Ninh Bình đến năm 2014. Kết quả của việc đánh giá cho đến năm 2014 việc sử dụng quy hoạch sử dụng đất tại Ninh Bình đạt 78,8%, 21,2% chưa được thực hiện theo quy hoạch. Việc đánh giá thực hiện quy hoạch thông qua chồng xếp dữ liệu xác định vị trí và diện tích những thửa đất chưa thực hiện theo quy hoạch sẽ phục vụ cho kế hoạch sử dụng đất của thành phố những năm tiếp theo.
2	Thạc sĩ	Nghiên cứu ứng dụng viễn thám và GIS xác định lượng nước mặt lưu vực Vu Gia – Thu Bồn	Nguyễn Mạnh Cường	TS. Trịnh Thị Hoài Thu	Luận văn xác định lượng nước mặt tại Lưu vực Vu Gia - Thu Bồn bằng sự tích hợp viễn thám và GIS. Luận văn sử dụng phương pháp phân loại xác suất cực đại để chiết tách thông tin lớp phủ bề mặt tại lưu vực thời điểm tháng 2 năm 2010 đạt ệ số Kappa là 0.7. Dữ liệu lớp phủ bề mặt, DEM, khí tượng, thổ nhưỡng chuẩn hóa vào mô hình SWAT trên môi trường GIS xác định lưu lượng dòng chảy theo tháng trên 33 tiểu lưu vực tại Vu Gia - Thu Bồn. Kết quả

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					nghiên cứu của luận văn cho thấy lưu lượng dòng vào tháng 2,3,4 và 5 là những tháng có dòng chảy thấp tương ứng với mùa khô với giá trị lưu lượng thấp nhất vào tháng 1 năm 2005 với giá trị là 4.24m³/s. Còn những tháng 8,9,10,11 và 12 là những tháng có lưu lượng dòng chảy lớn và là những tháng mùa mưa với đạt đỉnh vào các tháng 9,10 và 11 với giá trị 226.6m³/s vào năm 2005.
3	Thạc sĩ	Đánh giá độ chính xác chiết tách đất xây dựng và đất trống khu vực đô thị từ ảnh viễn thám bằng ảnh chỉ số, thực nghiệm tại Hà Nội	Nguyễn Thị Hiền	TS. Nguyễn Thị Thúy Hạnh	Luận văn cứu đánh giá độ chính xác chiết tách đất xây dựng và đất trống khu vực đô thị từ ảnh Landsat 8 bằng ảnh chỉ số, thực nghiệm tại Hà Nội. Luận văn sử dụng phần mềm Envi 4.6 để tính toán các chỉ số ảnh EBBI, IBI, NDBI, UI. Các chỉ số này đều phản ánh đất xây dựng ứng với ngưỡng giá trị cao, tiếp đến là đất trống và thấp nhất là các đối tượng khác. Kết quả nghiên cứu cho thấy để chiết tách đất xây dựng dùng chỉ số NDBI là tốt nhất, tiếp đến có thể dùng các chỉ số EBBI, IBI, UI. Chiết tách đất trống dùng chỉ số IBI và NDBI là tốt nhất. Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho công tác điều tra khảo sát về đất xây dựng và đất trống khu vực Hà Nội. Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước đó.
4	Thạc sĩ	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ định vị động thời gian thực trong thi công công trình nhà cao tầng	Nguyễn Mạnh Hùng	TS. Đinh Xuân Vinh	Luận văn giới thiệu tổng quan về công nghệ định vị động thời gian thực (RTK). Tiếp theo tác giả nghiên cứu, rà soát thay đổi, biến động về mặt đo đạc số liệu của Thiết kế kỹ thuật - phương án đo đã được phê duyệt so với công nghệ đo bằng máy toàn đạc điện tử. Và cuối cùng tác giả đưa ra phương án và kết luận để điều chỉnh thiết kế kỹ thuật- phương án đo cho phù hợp với những công trình, từ đó đề xuất phương pháp công nghệ, bổ sung thiết kế kỹ thuật xây dựng đo định vị động thời gian thực (RTK) trong thi công công trình nhà cao tầng.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
5	Thạc sĩ	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất lúa tại huyện Thông Nông, tỉnh Cao Bằng	Bùi Mạnh Linh	TS. Nguyễn Tiến Thành	Cơ sở dữ liệu đất trồng lúa tại Thông Nông, tỉnh Cao Bằng được xây dựng bằng phần mềm Arc GIS với các thông tin không gian và thuộc tính của các đối tượng từ nguồn dữ liệu bản đồ địa chính dạng số. Cơ sở dữ liệu được thiết kế, sắp xếp 1 cách có tổ chức thành 3 nhóm lớp đó là hiện trạng, nền địa lý, quản lý đất trồng lúa. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát, quản lý đất trồng lúa bằng phần mềm ArcGIS là giải pháp rất hiệu quả để tổ chức quản lý và phát triển các hệ thống thông tin lớp đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác quản lý Nhà Nước về đất đai nói chung, đất trồng lúa nói riêng, đặc biệt vấn đề đồng bộ dữ liệu đồng bộ giữa các cấp.
6	Thạc sĩ	Nghiên cứu phương pháp điều chỉnh, bổ sung thiết kế kỹ thuật, dự toán xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính cấp huyện (thí điểm tại huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái)	Nguyễn Mai Phương	TS. Nguyễn Bá Dũng	Luận văn giới thiệu tổng quan về hệ thống hồ sơ địa chính cấp huyện (thí điểm tại huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái) và thực trạng cơ sở tư liệu Trắc địa, bản đồ của huyện trong những năm vừa qua. Tiếp theo, tác giả nghiên cứu, rà soát sự thay đổi, biến động về nội dung của thiết kế kỹ thuật - Dự toán đã được phê duyệt năm 2010 so với thời điểm hiện tại. Và cuối cùng tác giả đưa ra những phương án và dự toán điều chỉnh Thiết kế kỹ thuật - dự toán cho phù hợp với những thay đổi nêu trên. Từ đó đề xuất quy trình điều chỉnh, bổ sung Thiết kế - kỹ thuật dự toán xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính cấp huyện.
7	Thạc sĩ	Ứng dụng GIS trong xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ giám sát công viên địa chất	Phạm Duy Tùng	TS. Bùi Thị Hồng Thắm	Cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc giám sát công viên địa chất tỷ lệ 150.000 khu vực công viên địa chất Đồng văn đã được xây dựng bằng phần mềm ArcGis với các thông tin không gian và thuộc tính của các đối tượng từ các nguồn tư liệu về địa hình và địa chất tại khu vực thực nghiệm. Cơ sở dữ liệu được thiết kế, sắp xếp 1 cách có tổ chức thành 8 nhóm lớp đó là cơ sở đo đạc, biên giới địa giới, địa hình, thủy hệ, giao thông, dân cư cơ

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					sở hạn tầng, phủ bề mặt và công viên địa chất. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác giám sát công viên địa chất bằng phần mềm ArcGis là giải pháp hiệu quả để tổ chức quản lý và triển khai các hệ thống thopong tin lớn đem lại hiệu quả thiết thực cho công tác quản lý Nhà nước về tài nguyên thiên nhiên nói chung, công viên địa chất nói riêng đặc biệt là vấn đề đồng bộ dữ liệu quản lý giữa các cấp.
8	Thạc sĩ	Nghiên cứu giải pháp đánh giá độ chính xác mô hình số độ cao toàn cầu	Nguyễn Trọng Thành	TS. Nguyễn Xuân Bắc	Đề tài nghiên cứu giải pháp đánh giá độ chính xác mô hình số độ cao toàn cầu (Shuttle Radar Topography Mision - SRTM). Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình SRTM có sự phù hợp tốt với lãnh thổ Việt Nam. Do đó, mô hình SRTM có thể áp dụng khai thác trên lãnh thổ Việt Nam với các mức phân giải 30m, 90m và 900m độ chính xác (giá trị trung bình trị tuyệt đối độ lệch) đạt được trung bình lần lượt nhỏ hơn 36,88 mét, 40,64 mét và 73,77 mét. Ngoài ra, mô hình SRTM cũng phù hợp với trung bộ, Nam bộ ở mức phân giải 30m độ chính xác đạ được trung bình nhò hơn 7,8 mét, vùng Bắc Trung Bộ mức phân giải 90 m độ chính xác chung bình nhỏ hơn 33,3 mét. Đề tài cũng tiến hành đánh giá độ chính xác của mô hình SRTM trên lãnh thổ Việt Nam theo tiêu chí sai số trung phương, mức độ phù hợp của mô hình SRTM với độ phân giải 30m, 90m và 900 m có sai số trung phương lần lượt đạ 50,3m, 50,8m, và 70m. Mức độ phù hợp của mô hình SRTM được thể hiện rõ nét nhất đối với vùng Nam bộ, vùng Bắc trung Bộ sau đó đến vùng Nam Trung Bộ và Bắc Bộ

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
9	Thạc sĩ	Ứng dụng GIS đánh giá phân bố chất lượng nước mặt	Nguyễn Đình Chung	TS. Trịnh Thị Hoài Thu	Luận văn thực hiện việc đánh giá phân bố chất lượng nước mặt cho hệ thống sông Cầu khu vực TP. Bắc Ninh và các huyện lân cận. Dữ liệu sử dụng để đánh giá chất lượng nước mặt bao gồm: Các thông số quan trắc và dữ liệu không gian về lớp nước mặt từ bản đồ tỉ lệ 1:10000 hệ VN-2000. Đánh giá chất lượng nước mặt được thực hiện thông qua việc xác định chỉ số WQI riêng rẽ cho từng thông số quan trắc và tính WQI tổng thể cho tất cả các điểm quan trắc theo từng quý. Giá trị WQI tổng thể sẽ được sử dụng để nội suy xác định giá trị chất từng quý. Giá trị WQI tổng thể sẽ được sử dụng để nội suy xác định giá trị chất lượng nước mặt cho toàn bộ không gian thủy hệ. Thực hiện nội suy hai phương pháp IDW và Kriging, so sánh độ chính xác cho thấy kết quả thực hiện nội suy theo phương pháp Kriging tốt hơn IDW. Kết quả cho thấy chất lượng nước tại hệ thống sông Cầu khu vực thành phố Bắc Ninh và các huyện lân cận là ô nhiễm nặng với chỉ số WQI rất thấp từ 05 đến 25.
IV. Quản lý đất đai					
1	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện các quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	Nguyễn Anh Dũng	TS. Phạm Anh Tuấn	Nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý luận, thực tiễn, pháp lý về các quyền của người sử dụng đất, các quyền của hộ gia đình cá nhân theo quy định của pháp luật về đất đai các thời kỳ và theo quy định của luật đất đai hiện hành. - Nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, hiện trạng và biến động đất đai quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. - Nghiên cứu thực trạng việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất, chủ yếu là các quyền như chuyển nhượng, thừa kế, cho thuê, thế chấp,

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					tặng cho quyền sử dụng đất của các đối tượng trên địa bàn quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Đánh giá việc thực hiện các quyền đó của người sử dụng đất, việc đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất trên địa bàn quận Hoàng Mai theo quy định của pháp luật về đất đai hiện hành. - Đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo và nâng cao việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất góp phần ổn định tình hình quản lý và sử dụng đất trên địa bàn quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
2	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.	Nguyễn Anh Minh	TS Nguyễn Văn Trị	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại quận Bắc Từ Liêm; - Đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm; - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện công tác đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm
3	Thạc sĩ	Đánh giá ảnh hưởng của việc thu hồi đất nông nghiệp đến đời sống và việc làm của người dân trên địa bàn huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội	Nguyễn Đức Trọng	TS. Nguyễn Tiến Cường	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội; - Đánh giá ảnh hưởng của việc thu hồi đất nông nghiệp đến đời sống và việc làm của người dân trên địa bàn huyện Mê Linh; - Đề xuất một số giải pháp nâng cao đời sống và việc làm của người dân sau khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
4	Thạc sĩ	Đánh giá ảnh hưởng của thu hồi đất nông nghiệp đến đời sống và việc làm của người nông dân trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Nguyễn Văn Thành	TS. Dương Đăng Khôi	Luận văn đã tổng quan được thực trạng công tác thu hồi đất nông nghiệp trên địa bàn nghiên cứu; cơ chế thu hồi đất; đánh giá điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội; đánh giá được tác động cơ bản cả thu hồi đất nông nghiệp đến đời sống và việc làm của người dân trên địa bàn; cung cấp cơ sở thực tiễn góp phần hoàn thiện chính sách thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.
5	Thạc sĩ	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp thúc đẩy tích tụ và tập trung đất đai tại huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Lê Tuấn Minh	TS. Dương Đăng Khôi	Luận văn đã tổng quan được cơ sở lý luận và thực tiễn của tích tụ và tập trung đất đai trên thế giới và Việt Nam; đánh giá được điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; Đánh giá thực trạng công tác dồn điền đổi thửa; Đánh giá được thực trạng tích tụ ruộng đất qua một số hình thức tích tụ chính như thuê đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên địa bàn; cung cấp luận cứ thực tiễn góp phần đề xuất giải pháp thúc đẩy tích tụ ruộng đất phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn tại địa phương.
6	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng công tác giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Nguyễn Văn Kiên	TS. Đào Đức Mẫn	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại 1 số dự án nghiên cứu; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
7	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội	Kiều Ngọc Hà	TS. Đào Đức Mẫn	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại huyện Phúc, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại 1 số dự án nghiên cứu; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội
8	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp sau dồn điền, đổi thửa tại huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	Phạm Thị Thu Hằng	TS. Lê Đắc Thuyết TS. Lê Thị Kim Dung,	Đồ án đã tổng quan được các phương pháp đánh giá hiệu quả sử dụng đất sau dồn điền đổi thửa; đánh giá được điều kiện tự nhiên - kinh tế xã hội; đánh giá được hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường của các loại hình sử dụng đất chính tại huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình làm cơ sở thực tiễn cho phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.
9	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất bãi bồi ven biển trên địa bàn huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Nguyễn Anh Minh	TS. Lê Thị Kim Dung	- Đã đánh giá được điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và chính sách có ảnh hưởng đến sử dụng đất đất bãi bồi ven biển của huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định - Đã đánh giá được tình hình quản lý và sử dụng đất đất bãi bồi ven biển của huyện GiaoThủy, tỉnh Nam Định - Xác định thực trạng các loại hình sử dụng đất đất bãi bồi ven biển chủ yếu và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất đất bãi bồi ven biển trên địa bàn huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
10	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và giải pháp tiếp cận thông tin đất đai và dịch vụ đăng ký đất đai tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Đặng Thị Thúy Hằng	TS. Ngô Đức Mậu	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại thành phố Thái Bình; - Đánh giá thực trạng việc tiếp cận thông tin đất đai và dịch vụ đăng ký đất đai tại thành phố Thái Bình; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả việc tiếp cận thông tin đất đai và dịch vụ đăng ký đất đai tại thành phố Thái Bình
11	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Lê Thị Diệu	TS. Nguyễn Bá Long	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại 1 số dự án nghiên cứu; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại phường Yên Hoà, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
12	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	Trần Minh Phương	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, tình hình quản lý đất đai và hiện trạng sử dụng đất huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương - Đánh giá thực trạng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, rút ra những ưu, nhược điểm. - Đề xuất các giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho các dự án. Giúp cho công tác quản lý hành chính Nhà nước về đất đai ngày càng hiệu quả.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
13	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang	Nguyễn Hoàng Anh	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	- Đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, tình hình quản lý đất đai và hiện trạng sử dụng đất huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang - Đánh giá thực trạng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang, rút ra những ưu, nhược điểm. - Đề xuất các giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho các dự án. Giúp cho công tác quản lý hành chính Nhà nước về đất đai ngày càng hiệu quả.
14	Thạc sĩ	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý đất đai tại một số khu đô thị mới trên địa bàn thành phố Hà Nội	Trần Thị Thu	TS. Nguyễn Thị Hải Yến	- Khái quát điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội thành phố Hà Nội và tình hình quản lý, sử dụng đất trên địa bàn thành phố. - Đánh giá thực trạng về tình hình phát triển đất đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội và giới thiệu khái quát hai khu đô thị nghiên cứu (khu đô thị Dương Nội và Khu đô thị Nam An Khánh) - Đánh giá thực trạng công tác quản lý đất đai và sử dụng đất tại các khu đô thị mới trên địa bàn thành phố Hà Nội đã lựa chọn - Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý đất đai tại các khu đô thị mới đã nghiên cứu.
15	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận Nam Từ Liêm	Cần Minh Đức	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	- Đánh giá được điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội quận Nam Từ Liêm; - Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai theo 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất năm 2018 tại quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội; - Đánh giá thực trạng và hiệu quả hoạt động của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội chi nhánh quận Nam Từ Liêm; - Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội, chi nhánh quận Nam Từ Liêm.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
16	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện các quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Trần Thị Phương Thảo	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	- Đánh giá được điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; - Đánh giá tình hình quản lý Nhà nước về đất đai theo 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai và hiện trạng sử dụng đất năm 2018 tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; - Đánh giá thực trạng thực hiện các quyền của người sử dụng đất trên địa bàn huyện Vũ Thư và điều tra ý kiến của người dân tập trung vào 5 quyền diễn ra sôi động tại địa bàn; - Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện các quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân tại huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
17	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp công ích trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Hạ Đức Tùng	TS. Nguyễn Thị Khuy	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; - Đánh giá thực trạng quản lý, sử dụng đất công ích trên địa bàn Quận Bắc Từ Liêm; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao năng lực quản lý, sử dụng đất công ích trên địa bàn Quận Bắc Từ Liêm
18	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện các quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Thúy Tình	TS. Nguyễn Thị Khuy	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; - Đánh giá thực trạng việc thực hiện các quyền sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân tại quận Nam Từ Liêm; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện các quyền sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn quận Nam Từ Liêm

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
19	Thạc sĩ	Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Thị Cẩm Vân	TS. Nguyễn Tiến Cường	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; - Đánh giá kết quả thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Phú Bình; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao kết quả thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên
20	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	Nguyễn Thị Yên	TS. Nguyễn Văn Bài	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; - Đánh giá thực trạng đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hoài Đức; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả việc đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn huyện Hoài Đức.
21	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Nguyễn Đức Mạnh	TS. Ninh Minh Phương	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; - Đánh giá thực trạng công tác thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm; - Từ đó đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác thu hồi đất tại một số dự án trên địa bàn phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
22	Thạc sĩ	Đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình	Trần Văn Đình	TS. Phạm Anh Tuấn	-Nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn của công tác quản lý nhà nước về đất đai, thực tiễn công tác quản lý đất đai trên thế giới, Việt Nam, và tỉnh Ninh Bình. -Nghiên cứu phân tích đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. -Nghiên cứu và đánh giá tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Kim Sơn tỉnh Ninh Bình theo quy định của Luật đất đai năm 2013 (một số nội dung chính như: việc ban hành và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, nội dung về đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, công tác thống kê, kiểm kê đất đai...). Từ thực trạng sẽ đánh giá quá trình thực hiện, các trình tự thủ tục của các nội dung ở thực tiễn địa phương so với quy định hiện hành, đưa ra các mặt đã đạt được cũng như các tồn tại hạn chế của các công tác này tại địa bàn nghiên cứu. - Đề xuất các giải pháp nâng cao công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, khắc phục được các điểm tồn tại hạn chế, qua đó ổn định tình hình quản lý và sử dụng đất góp phần ổn định và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.
23	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng việc thực hiện các quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Lê Minh Thái	TS. Phạm Thế Trịnh	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; - Đánh giá thực trạng việc thực hiện các quyền sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện các quyền sử dụng đất của hộ gia đình cá nhân trên địa bàn quận Cầu Giấy

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
24	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả và đề xuất sử dụng đất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tại huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.	Hoàng Thị Mỹ Hạnh	TS. Trần Minh Tiến	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại huyện ba Vì, thành phố Hà Nội; - Đánh giá hiệu quả và đề xuất sử dụng đất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tại huyện Ba Vì; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất tại huyện Ba Vì
25	Thạc sĩ	Đánh giá ảnh hưởng và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	Nguyễn Viết Mạnh	TS. Trần Thị Giang Hương	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; - Đánh giá ảnh hưởng của công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất tại huện Hoài Đức; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện Hoài Đức
26	Thạc sĩ	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp nhằm quản lý, sử dụng có hiệu quả diện tích đất của các tổ chức được giao đất không thu tiền sử dụng đất tại quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Lê Ngọc Chương	TS. Vũ Danh Tuyên TS. Trần Xuân Biên	Nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội thành phố Hà Nội và tình hình quản lý, sử dụng đất trên địa bàn thành phố. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng về tình hình phát triển đất đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội trong những năm gần đây và giới thiệu khái quát các khu đô thị mới được chọn nghiên cứu trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý đất đai và sử dụng đất tại các khu đô thị mới trên địa bàn thành phố Hà Nội đã lựa chọn Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý đất đai tại các khu đô thị mới đã nghiên cứu.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
27	Thạc sĩ	Đánh giá sự ảnh hưởng của một số yếu tố chính sách đất đai đến thị trường bất động sản trên địa bàn thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Tô Phương Hoa	TS. Vũ Sỹ Kiên	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; - Đánh giá sự ảnh hưởng của một số yếu tố chính sách đất đai đến thị trường bất động sản trên địa bàn thành phố Cẩm Phả; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện chính sách đất đai tại thành phố Cẩm Phả
28	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp hoàn thiện công tác đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Trần Thị Thanh Hương	TS. Vũ Sỹ Kiên	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại huyện thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại huyện thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; - Đánh giá thực trạng công tác đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Thanh Liêm; - Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực hiện công tác đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Thanh Liêm
29	Thạc sĩ	Đánh giá kết quả thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	Nguyễn Đình Bình	TS. Nguyễn Tiến Cường	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; - Đánh giá kết quả thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Hoài Đức; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao kết quả thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Hoài Đức

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
30	Thạc sĩ	Đánh giá công tác giải quyết khiếu nại về đất đai tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	Nguyễn Văn Duy	TS.Bùi Tuấn Anh	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội; - Đánh giá thực trạng công tác giải quyết khiếu nại tại huyện Thạch Thất; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả việc thực công tác giải quyết khiếu nại trên địa bàn huyện Thạch Thất
31	Thạc sĩ	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội giai đoạn 2010-2017	Trương Đình Phương	PGS.TS Ngô Đức Phúc	- Đánh giá điều kiện tự nhiên kinh tế xã hội tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; - Đánh giá tình hình quản lý, sử dụng đất tại quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; - Đánh giá thực trạng việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại quận Bắc Từ Liêm; - Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hạn chế vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai tại quận Bắc Từ Liêm
32	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp GCN quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Nguyễn Trọng Thắng	PGS.TS Nguyễn An Thịnh	Nghiên cứu tổng quan về cơ sở lý luận và thực tiễn về công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp GCN. -Nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. - Nghiên cứu tình hình quản lý nhà nước về đất đai, hiện trạng và biến động đất đai quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. - Nghiên cứu thực trạng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả của các công tác đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
33	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả và đề xuất các loại hình sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	Phạm Thị Lệ Quyên	PGS.TS Nguyễn Thế Hưng TS. Lê Thị Kim Dung	Nghiên cứu tổng quan về đất nông nghiệp, hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, loại hình sử dụng đất nông nghiệp. - Nghiên cứu điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, tình hình quản lý, hiện trạng và biến động đất đai huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. - Nghiên cứu, phân tích, đánh giá hiện trạng các loại hình sử dụng đất nông nghiệp và đề xuất các loại hình sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.
V. Khoa học môi trường					
1	Thạc sĩ	Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS giám sát độ che phủ thực vật tại khu vực mỏ than Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn	Nguyễn Duy Anh	1. TS. Nguyễn Tiến Thành 2. TS. Hoàng Anh Huy	Độ che phủ thực vật là một trong nhiều yếu tố quan trọng được sử dụng để đánh giá các quá trình tự nhiên như xói lở, trượt lở, lũ lụt cũng như tốc độ phá hủy môi trường tự nhiên do các hoạt động nhân sinh. Mục tiêu của nghiên cứu là giám sát được biến động độ che phủ thực vật tại khu vực mỏ than Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn từ tư liệu ảnh vệ tinh LANDSAT TM VÀ OLI. Trên cơ sở chỉ số NDVI, phương pháp phân loại ảnh, ứng dụng mô hình phân giải pixel hỗn hợp tuyến tính xác định độ che phủ thực vật (FVC), sau đó tiến hành đánh giá biến động độ che phủ thực vật. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Tại khu vực mỏ than Na Dương, diện tích có độ che phủ thực vật (FVC) thưa thớt từ dưới 10% giảm rất mạnh từ 26,78 km ² xuống 13,37 km ² , diện tích có độ che phủ thực vật từ dưới 20% giảm mạnh từ 19,49 km ² xuống 13,38 km ² do ảnh hưởng của hoạt động khai thác tại mỏ than trong giai đoạn 1986 – 2015. Từ kết quả nghiên cứu có thể kết luận: Ứng dụng phương pháp viễn thám, sử dụng tư liệu ảnh vệ tinh LANDSAT giúp việc đánh giá, giám sát biến động độ che phủ thực vật một cách hiệu quả, nhanh chóng và tiết kiệm chi phí.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
2	Thạc sĩ	Đánh giá sự tích lũy một số kim loại nặng (Hg, Pb, Cd) trong Hàu (<i>Saccostrea</i> sp.) và trầm tích mặt ở vùng biển ven bờ tỉnh Bình Định	Đỗ Lê Chinh	TS. Lê Thị Hải Lê	Độ che phủ thực vật là một trong nhiều yếu tố quan trọng được sử dụng để đánh giá các quá trình tự nhiên như xói lở, trượt lở, lũ lụt cũng như tốc độ phá hủy môi trường tự nhiên do các hoạt động nhân sinh. Mục tiêu của nghiên cứu là giám sát được biến động độ che phủ thực vật tại khu vực mỏ than Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn từ tư liệu ảnh vệ tinh LANDSAT TM VÀ OLI. Trên cơ sở chỉ số NDVI, phương pháp phân loại ảnh, ứng dụng mô hình phân giải pixel hỗn hợp tuyến tính xác định độ che phủ thực vật (FVC), sau đó tiến hành đánh giá biến động độ che phủ thực vật. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Tại khu vực mỏ than Na Dương, diện tích có độ che phủ thực vật (FVC) thưa thớt từ dưới 10% giảm rất mạnh từ 26,78 km ² xuống 13,37 km ² , diện tích có độ che phủ thực vật từ dưới 20% giảm mạnh từ 19,49 km ² xuống 13,38 km ² do ảnh hưởng của hoạt động khai thác tại mỏ than trong giai đoạn 1986 – 2015. Từ kết quả nghiên cứu có thể kết luận: Ứng dụng phương pháp viễn thám, sử dụng tư liệu ảnh vệ tinh LANDSAT giúp việc đánh giá, giám sát biến động độ che phủ thực vật một cách hiệu quả, nhanh chóng và tiết kiệm chi phí.
3	Thạc sĩ	Nghiên cứu khả năng xử lý một số ion kim loại nặng: Cu ²⁺ , Pb ²⁺ và Cd ²⁺ bằng hạt hấp phụ hydroxyapatit	Cao Thùy Linh	1. PGS.TS. Đinh Thị Mai Thanh 2. TS. Lê Ngọc Thuần	Hạt hấp phụ hydroxyapatit (hạt HAP) được chế tạo từ bột hydroxyapatit tổng hợp và phụ gia polyvinyl ancol bằng phương pháp thiêu ở điều kiện: mPVA/mHAP = 3/20, nhiệt độ nung 600 oC, thời gian nung 4 h. Đặc trưng hóa lý của vật liệu hạt HAP đã được nghiên cứu bởi màu sắc, độ bền trong nước, nhiễu xạ tia X (XRD), tán xạ năng lượng tia X (EDX), SEM và BET. Hạt HAP thu được có màu trắng, đơn pha của HAP với diện tích bề mặt riêng 73 m ² /g, kích thước hạt trung bình (2x10) mm. Hạt được sử dụng để xử lý ion Cu ²⁺ , Pb ²⁺ và

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Cd^{2+} trong nước. Ảnh hưởng của một số yếu tố đến dung lượng và hiệu suất hấp phụ Cu^{2+}, Pb^{2+} và Cd^{2+} đã được nghiên cứu. Dung lượng và hiệu suất hấp phụ dạng mẻ đạt: $Q = 2,96 \text{ mg/g}$, $H = 88\%$ (đối với Cu^{2+}); $Q = 4,95 \text{ mg/g}$, $H = 98,93\%$ (đối với Pb^{2+}); $Q = 4,2 \text{ mg/g}$, $H = 84,4 \%$ (đối với Cd^{2+}). Hiệu suất hấp phụ dạng cột lần lượt đạt khoảng; 99,97; 99,99 và 99,9 % và dung lượng hấp phụ lần lượt là 3,3; 5 và 4,99 mg/g (đối với 2 lít dung dịch chạy cột). Các dữ liệu thực nghiệm hấp phụ được mô tả bằng hai mô hình đẳng nhiệt Langmuir và Freundlich và tuân theo phương trình động học giả định bậc 2. Từ đó thiết lập được quy trình xử lý từng ion kim loại nặng: Cu^{2+}, Pb^{2+} và Cd^{2+} và Ứng dụng quy trình để xử lý mẫu nước ô nhiễm chì tại huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Từ khóa: Hạt hydroxyapatit, hấp phụ, loại bỏ Cu^{2+}, Pb^{2+} và Cd^{2+}
4	Thạc sĩ	Nghiên cứu thành phần loài và phân bố của họ nấm lồi Polyporaceae tại vườn quốc gia Xuân Sơn, khu vực tỉnh Phú Thọ	Phạm Bình Minh	TS. Lê Thanh Huyền	Bài luận văn trình bày kết quả thu mẫu, xác định thành phần loài, đặc điểm phân bố và độ phong phú của họ nấm lồi Polyporaceae tại Vườn quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ. Tổng cộng thu thập được 30 mẫu thuộc họ nấm lồi Polyporaceae. Các kết quả nghiên cứu bao gồm: Định danh được 12 loài, thuộc 5 chi nấm của họ nấm lồi, đồng thời ghi nhận mới 12 loài nấm họ Polyporaceae tại Vườn quốc gia Xuân Sơn; Tính toán độ phong phú và tần suất của các chi nấm thuộc họ nấm Pluteaceae; Xây dựng được lược đồ về sự phân bố của họ nấm lồi Polyporaceae và đề xuất các biện pháp bảo tồn, phát triển và khai thác các loài nấm họ nấm lồi Polyporaceae tại Vườn quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
5	Thạc sĩ	Nghiên cứu xác định mối tương quan giữa hàm lượng các kim loại đồng, chì, cadimi tích lũy trong động vật đáy không xương sống cỡ lớn và trầm tích sông Cầu	Lê Đăng Ngọc	1. TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh 2. TS. Bùi Thị Thu	1, Đã quan trắc được trầm tích và ĐVĐ không xương sống cỡ lớn trên lưu vực sông Cầu với 24 điểm quan trắc trong khoảng thời gian từ 12/2017 đến tháng 01/2018. 2, Đã phân tích được hàm lượng các kim loại Cu, Pb, Cd tích lũy trong ĐVĐ không xương sống cỡ lớn và trầm tích sông Cầu; với mỗi chỉ tiêu đều thực hiện đánh giá độ lặp, độ thu hồi và hệ số khô kiệt của phương pháp phân tích các chỉ tiêu đó. 3, Đã đánh giá được sơ bộ chất lượng ĐVĐ không xương sống cỡ lớn và trầm tích sông Cầu dựa vào việc so sánh hàm lượng các kim loại Cu, Pb, Cd tích lũy với các quy chuẩn, các chỉ số, các tiêu chuẩn trong nước và nước ngoài. 4, Đã nghiên cứu được mối tương quan hàm lượng kim loại nặng trong động vật đáy không xương sống cỡ lớn và trong trầm tích sông Cầu: Hàm lượng các kim loại nặng (Cu, Pb, Cd) tích lũy trong ĐVĐ không xương sống cỡ lớn có sự tương quan thuận với hàm lượng kim loại nặng (Cu, Pb, Cd) trong trầm tích nhưng ở các mức độ khác nhau. 5, Đã so sánh được mối tương quan giữa hàm lượng các KLN Cu, Pb, Cd trong ĐVĐ không xương sống cỡ lớn và trong trầm tích sông Cầu với các nghiên cứu khác: Mối tương quan giữa hàm lượng các kim loại Cu và Pb trong ĐVĐ không xương sống cỡ lớn và trầm tích sông Cầu tại các điểm nghiên cứu của đề tài này có cùng xu hướng với các nghiên cứu trước đây, đối với kim loại Cd thì không có cùng xu hướng với các nghiên cứu trước đây.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
6	Thạc sĩ	Nghiên cứu đa dạng sinh học Thân mềm Chân bụng (Gastropoda) ở cận khu vực núi Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình	Nguyễn Quang Tiến	1. TS. Nguyễn Xuân Dũng 2. TS. Hoàng Ngọc Khắc	Nghiên cứu về Thân mềm chân bụng ở cận khu vực núi Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình đã xác định được 44 loài, thuộc 22 giống, 12 họ, 3 bộ và 2 phân lớp. Trong đó, sinh cảnh rừng tự nhiên trên núi đá vôi đa dạng về loài nhất. Có 14 loài ốc cận được người dân sử dụng làm thực phẩm và làm thuốc; 5 loài gây hại đã được xác định. Qua đó đề xuất các biện pháp bảo tồn, phát triển và khai thác sử dụng bền vững tài nguyên đa dạng sinh học loài Thân mềm Chân bụng ở khu vực nghiên cứu.
7	Thạc sĩ	Đánh giá mức độ tích lũy và rủi ro sinh thái một số OCP và PCB trong trầm tích mặt khu vực hạ lưu sông Đáy	Bùi Thị Phương	PGS.TS. Lê Thị Trinh	Trong nghiên cứu này, đã xác định và đánh giá được hàm lượng một số hợp chất OCP, PCB từ lưu vực hạ lưu sông Đáy từ Kim Bảng, Hà Nam đến Cửa Đáy, Nghĩa Hưng, Nam Định. Tổng hàm lượng của các PCB, HCHs, DDTs, OCP trong 20 mẫu trầm tích trung bình lần lượt tương ứng là: 16,1; 1,94 µg/Kg, 4,98 µg/Kg và 12,87 µg/Kg trọng lượng khô. Trong đó, các mẫu trầm tích được lấy tại khu vực cửa sông ven biển có xu hướng tích lũy cao hơn các mẫu trong nội địa. Tuy nhiên so với QCVN 43:2017/BTNMT về chất lượng trầm tích, hàm lượng của Lindan, DDT đã vượt quá giới hạn về chất lượng trầm tích nước ngọt, nước lợ và nước mặn từ 1,01 đến 1,09 lần. Từ kết quả PCB, OCP của nghiên cứu kết hợp với Hướng dẫn đánh giá chất lượng trầm tích, và Liên minh châu Âu và Hội đồng Bộ Canada Nguyên tắc môi trường (CCME 2002; IRIS et al, 2004) chỉ ra rằng, tại tất cả các vị trí lấy mẫu đều có hàm lượng nhỏ hơn nồng độ ảnh hưởng có thể xảy ra (PEL), và nằm trong nhóm có phạm vi ảnh hưởng dưới trung bình (ERM). Kết quả nghiên cứu này cho thấy mức độ ô nhiễm PCB, DDT, Lindan, DDE, DDD trong cả sông và cửa sông ven biển trong trầm tích có thể gây ra tác động bất lợi sinh học nhưng hiếm khi

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					xảy ra. Tuy nhiên, độc tính của DDTs và HCHs độc hơn so với các đồng phân OCP khác, vì vậy, DDTs và HCHs có thể là mối quan tâm lớn.
8	Thạc sĩ	Đánh giá hiệu quả xử lý mùi tại chuồng trại chăn nuôi bò sữa bằng chế phẩm vi sinh COSTE-MT01 ở quy mô trang trại tại huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Nguyễn Đức Anh	1. TS. Nguyễn Thị Hòa 2. TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Chế phẩm vi sinh COSTE-MT01 là một sản phẩm được trung tâm Khoa học Công nghệ và Môi trường – Liên Minh Hợp Tác Xã Việt Nam nghiên cứu để xử lý mùi chuồng nuôi gia súc, gia cầm cho các hộ nông dân. Chế phẩm có tác dụng phân hủy nhanh các chất hữu cơ cao phân tử, cạnh tranh môi trường dinh dưỡng với các vi sinh vật phát sinh khí H ₂ S, NH ₃ ... Kết quả nghiên cứu cho thấy sau thời gian sử dụng chế phẩm COSTE-MT01 mùi chuồng giảm đáng kể với hiệu quả cao, theo dõi nồng độ khí NH ₃ và H ₂ S trong chuồng trại chăn nuôi giảm khoảng 50% - 70% so với thời điểm trước khi sử dụng chế phẩm. Hạn chế được ảnh hưởng của mùi phát sinh từ chăn nuôi bò sữa tới chất lượng môi trường. Đồng thời, mật độ ruồi muỗi cũng giảm hơn so với khi không sử dụng chế phẩm. Đề tài: “Đánh giá hiệu quả xử lý mùi tại chuồng trại chăn nuôi bò sữa bằng chế phẩm vi sinh COSTE - MT01 ở quy mô trang trại tại huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam”, không những có ý nghĩa rất quan trọng trong việc ứng dụng các sản phẩm khoa học vào thực tiễn, mà còn có ý nghĩa về mặt môi trường góp phần cải thiện ô nhiễm môi trường không khí tại khu vực chăn nuôi bò sữa như hiện nay.
9	Thạc sĩ	Nghiên cứu xác định phthalate trong mẫu nước bằng phương pháp sắc kí khí ghép nối khối phổ (GC/MS)	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	1. TS. Trần Mạnh Trí 2. PGS.TS. Lê Thị Trinh	Luận văn đã nghiên cứu giới hạn định lượng của phương pháp đạt 0,01 đến 0,022 ng/mL. Độ thu hồi của các chất đồng hành đạt 88,5 đến 97,1% với độ lệch chuẩn <5 %. Phương pháp đã được áp dụng để xác định các phthalate trong một số đồ uống đóng chai nhựa và mẫu nước mặt sông Tô Lịch, sông Kim Ngưu tại Hà Nội, Việt Nam. Tổng nồng độ của phthalate trong các mẫu đồ uống xác

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					định được nằm trong khoảng 18,0 to 87,5 ng/mL, các mẫu nước mặt sông Tô Lịch trong khoảng 220-1400 ng/mL và sông Kim Ngưu trong khoảng 160- 1300 ng/mL.
10	Thạc sĩ	Điều tra, đánh giá thành phần loài ốc mang trước (Prosobranchia: Gastropoda) trong hệ sinh thái rừng ngập mặn huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Phạm Lương Bằng	PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc	Luận văn trình bày kết quả thu mẫu, xác định thành phần loài, đặc điểm phân bố, hiện trạng khai thác sử dụng của loài ốc mang trước tại rừng ngập mặn huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình. Tổng cộng thu thập được 2825 cá thể thuộc loài ốc mang trước. Các kết quả nghiên cứu bao gồm: Định loại được 26 loài ốc mang trước thuộc 15 giống, 11 họ, 3 bộ; tính toán độ phong phú, độ đa dạng, tần suất xuất hiện và mô tả các loài ốc mang trước trong khu vực nghiên cứu.
11	Thạc sĩ	Kiểm toán chất thải và đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả	Lã Thanh Bình	TS. Phạm Thị Mai Thảo	Nghiên cứu áp dụng công cụ kiểm toán chất thải để tính toán lượng chất thải phát sinh trong giai đoạn sản xuất clinker. Lượng khí thải phát sinh từ quá trình vận hành đã phát thải ra môi trường gồm có các loại khí thải và bụi. Lượng nước thải phát sinh ra môi trường: BOD5; COD, TSS, tổng P, Tổng N. Chất thải rắn và chất thải nguy hại. Kết quả nghiên cứu cho thấy lượng phát thải các chất ô nhiễm trên đơn vị sản phẩm không nhiều, ngoại trừ Bụi và khí thải. Nghiên cứu cũng đã đề xuất ra một số giải pháp kiểm soát chất thải đầu ra
12	Thạc sĩ	Kiểm toán chất thải và đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến bảo vệ môi trường tại công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam	Đặng Xuân Hòa	TS. Phạm Thị Mai Thảo	Kiểm toán chất thải và đánh giá sự tuân thủ các thủ tục hành chính liên quan đến BVMT tại công ty TNHH Hoya Glass Disk Việt Nam: Xác định được các chất ô nhiễm không khí gồm 0,25 kgCO ₂ eq từ sử dụng điện, mức phát thải khi sử dụng khí gas hóa lỏng là 0,001mg NO _x , 0,002mg CO, 0,0005mg TOC, 0,0001mg SO ₂ , 0,0004mg bụi; Mức phát thải các chất ô nhiễm trong nước thải là 4,85mg BOD ₅ , 12,28mg COD, 78,4mg SS, 0,007mg TP, 0,079mg TN, 0,261mg TSS, 0,886mg TDS, 0,085*10 ⁵ MPN/100mL Coliform. CTR sản

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					xuất là 7,63g, CTR sinh hoạt là 5,1g, CTNH 59,65g.
13	Thạc sĩ	Nghiên cứu khả năng kháng khuẩn của một số loài thuộc chi nấm Ganoderma	Phạm Thảo Linh	1. TS. Phan Duệ Thanh 2. TS. Lê Thanh Huyền	Luận văn trình bày các kết quả nghiên cứu gồm thu 39 mẫu tại khu vực nghiên cứu, phân loại, phân lập hệ sợi trong môi trường thạch, thuần trong môi trường dịch lỏng và xác định khả năng kháng khuẩn của 6 mẫu (Ganoderma aff. brownii, Ganoderma sp.1, Ganoderma aff. philippi, Ganoderma aff. lucidum, Ganoderma sinense, Ganoderma aff. neo-japnicum Imaz) thuộc chi nấm Ganoderma đối với vi khuẩn Escherichia coli, Bacillus subtilis, Vibrio parahaemolyticus, Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa.
14	Thạc sĩ	Nghiên cứu, đánh giá ảnh hưởng của hoạt động khai thác than đến chất lượng môi trường thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh	Nguyễn Hoàng Nam	1. PGS.TS. Hoàng Anh Huy 2. TS. Nguyễn Tiến Thành	Đề tài đã xác định được hiện trạng khai thác, xác định được các nguồn thải gây ô nhiễm, tính được tải lượng phát thải và hiện trạng chất lượng môi trường Đất, nước, không khí tại khu vực mỏ than Mạo Khê. Đánh giá được các tác động của hoạt động khai thác than đến môi trường và sức khỏe người dân qua điều tra khảo sát tại các trung tâm ý tế, qua ý kiến về sức khỏe của người dân. Đề xuất được các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tổng công tác quản lý môi trường khu vực khai thác than cũng như hiệu quả trong khai thác vẫn đảm bảo vệ môi trường.
15	Thạc sĩ	Nghiên cứu đa dạng thành phần loài thân mềm hai mảnh vỏ thuộc phân lớp Pteriomorphia trong hệ sinh thái rừng ngập mặn tại khu vực huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh	Bùi Đức Sơn	PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc	Kết quả nghiên cứu đã xác định được 23 loài và phân loài Thân mềm hai mảnh vỏ ở KVNC thuộc 12 giống, 7 họ, 5 bộ thuộc phân lớp Pteriomorphia. Trong đó bộ Mytiloida chiếm ưu thế với 886 cá thể thuộc 1 họ, 5 giống và 7 loài. Trong đó, loài có số lượng cá thể nhiều nhất là Xenostrobus atrata, thấp nhất là Isognomon ephippium. Theo nơi sống, phân bố ở khu vực trên mặt nền đáy là nhiều nhất, chiếm 73,91%, ít nhất là ở trong nền đáy, chỉ chiếm 21,74%; Phân bố của các loài theo độ mặn của nước, phân bố ở

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					vùng nước lợ - mặn là nhiều nhất, chiếm 100%, ít nhất là ở nước lợ - ngọt, chỉ chiếm 69,22%.
16	Thạc sĩ	Điều tra, đánh giá thành phần loài ốc mang sấu (Opisthobranchia) và ốc phổi (Pulmonata) trong hệ sinh thái rừng ngập mặn huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Nguyễn Văn Quang	PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc	Kết quả nghiên cứu đã xác định được 23 loài ốc mang sấu và ốc phổi trong hệ sinh thái rừng ngập mặn tại huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định thuộc 2 phân lớp, 5 bộ, 6 trên họ và 6 họ, 12 giống; Ngoài ra cũng đã đặc điểm phân bố của các loài ốc mang sấu và ốc phổi theo 3 xã Giao Thiện, Giao An, Giao Lạc. Theo độ cao nền đáy. Theo độ mặn của nước. Theo thảm thực vật. Đã xác định được tình hình sử dụng và định hướng quản lý đa dạng sinh học ốc mang sấu và ốc phổi ở khu vực nghiên cứu.
17	Thạc sĩ	Tổng hợp và nghiên cứu đặc trưng tính chất quang xúc tác vật liệu nano BiTaO ₄ để phân hủy phenol trong nước	Nguyễn Thị Hương Thúy	PGS.TS. Đào Ngọc Nhiệm	BiTaO ₄ tồn tại ở hai dạng thù hình là dạng trực thoi ở nhiệt độ cao (α) và tam tà ở nhiệt độ thấp (β). Đặc trưng cấu trúc của vật liệu BiTaO ₄ được tổng hợp bằng phương pháp đốt cháy gel polyvinyl ancol ở điều kiện tối ưu, đây là một phương pháp tổng hợp hiện đại, tiên tiến có nhiều ưu điểm vượt trội so với các phương pháp tổng hợp khác và sản phẩm thu được là đơn pha, đồng đều có kích thước nanomet. Đề tài: “Tổng hợp và nghiên cứu đặc trưng tính chất quang xúc tác vật liệu nano BiTaO ₄ để phân hủy phenol trong nước”. không những có ý nghĩa về mặt khoa học, tính ứng dụng thực tiễn trong việc xử lý nguồn nước bị ô nhiễm, đảm bảo chất lượng nước theo yêu cầu mà còn có ý nghĩa lớn góp phần cải thiện ô nhiễm môi trường nước hiện nay.
18	Thạc sĩ	Nghiên cứu đánh giá nguy cơ gây ô nhiễm môi trường từ các công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt khác nhau trên địa bàn thành phố Hà	Lê Hồng Tú	TS. Phạm Thị Mai Thảo	Nghiên cứu xác định thành phần, hệ số phát sinh chất thải rắn sinh hoạt (CTRS) hệ số phát sinh tại KVĐT thành phố Hà Nội khoảng 1,10 kg/người/ngày, khối lượng khoảng 0,64 kg/người/ngày. Thành phần CTRS của cả 2 khu vực chiếm phần lớn là chất thải hữu cơ từ 55.29% đến 62.23%, tỷ lệ này ở khu vực ngoại thành là 60,87% – 68,7%. Lượng khí nhà kính phát thải từ các

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Nội			bãi chôn lấp của thành phố từ 2007 – 2017 khoảng 6,8 triệu tấn CO ₂ eq. Xử lý bằng lò đốt, từ năm 2014 – 2017 cũng phát sinh khoảng 76,6 nghìn tấn CO ₂ eq, phương pháp ủ phân hữu cơ Compost là 76.101,87 tấn CO ₂ eq. Từ đó xây dựng các kịch bản khác nhau để lựa chọn phương pháp xử lý chất thải phù hợp nhằm thu hồi năng lượng đồng thời giúp giảm thiểu phát sinh khí nhà kính.
19	Thạc sĩ	Nghiên cứu phân vùng môi trường phục vụ quản lý môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu tại dải ven biển của tỉnh Thái Bình	Dương Anh Tuấn	1. PGS.TS. Nguyễn An Thịnh 2. PGS.TS. Lưu Thế Anh	Đề tài đã xác định các áp lực môi trường đang tác động đến khu vực dải ven biển thông qua các tài liệu thu thập được và thực địa vào trung tuần tháng 10/2018 như trong việc khai thác sử dụng: rừng ngập mặn, sử dụng bãi cồn ven biển, tài nguyên nước mặt, nước ngầm, khoáng sản. Đánh giá được các tiêu chí và hệ thống phân vùng chức năng môi trường cho dải ven biển của tỉnh Thái Bình. Định hướng chức năng cho từng tiểu vùng môi trường nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường cho mỗi tiểu vùng.
20	Thạc sĩ	Nghiên cứu định lượng cacbon trong rừng ngập mặn tại Vườn quốc gia Xuân Thủy, tỉnh Nam Định	Nguyễn Hoàng Tùng	PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nghiên cứu định lượng các bon của rừng ngập mặn tại Vườn Quốc gia Xuân Thủy thông qua 3 bể chứa các bon (bể chứa các bon trong sinh khối thực vật ở trên mặt đất, bể chứa các bon trong sinh khối thực vật ở dưới mặt đất và bể chứa các bon trong đất). Kết quả nghiên cứu cho thấy, lượng các bon trong đất (159,96 - 163,33 tấn/ha) cao hơn khoảng 3,11 - 9,40 lần bể chứa các bon trong sinh khối thực vật dưới mặt đất (24,37 - 25,72 tấn/ha) và 1,01 - 1,20 lần so với bể chứa các bon trong sinh khối thực vật trên mặt đất (28,37 - 30,81 tấn/ha). Khả năng tích lũy các bon của rừng đạt giá trị trung bình là 14,32±4,54 tấn/ha/năm (tương ứng với lượng CO ₂ là 52,55±11,56 tấn/ha/năm).

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
21	Thạc sĩ	Đánh giá mức độ ô nhiễm và rủi ro môi trường các hợp chất Nito trong nước ngầm tại huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Lê Thu Trang	PGS.TS. Lê Thị Trinh	Nước ngầm là tài nguyên quan trọng, nhưng hiện nay môi trường nước ngầm đang bị ô nhiễm bởi những hợp chất của Nito. Việc nghiên cứu, phân tích hàm lượng của các dạng hợp chất Nito vô cơ trong nước ngầm là vô cùng cần thiết. Đề tài mang tính ứng dụng cao, đồng thời phân nào đánh giá được chất lượng nước ngầm tại khu vực Hà Nam Duy Tiên từ đó đánh giá được mức độ rủi ro tới cuộc sống của người dân nơi đây
22	Thạc sĩ	Nghiên cứu thực trạng một số yếu tố môi trường ảnh hưởng đến sinh khối của rươi (Tylorhynchus heterochaetus Quatrefages) tại huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương	Trần Thị Thục Trang	PGS.TS. Lê Văn Hưng	Rươi biển Tylorhynchus heterochaetus Quatrefages là một nguồn lợi thủy sản phong phú của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của đề tài đã chỉ rõ mức độ tác động ảnh hưởng của các yếu tố môi trường tại các sinh cảnh vùng đến sự tồn tại và phát triển của rươi. Trong giới hạn nghiên cứu của đề tài, giá trị độ mặn trong đất có tương quan thuận với sinh khối rươi, giá trị độ mặn trong nước có tương quan nghịch với sinh khối rươi. Giá trị pH H ₂ O; pH KCl và hàm lượng C tổng số ảnh hưởng đến sự xuất hiện của rươi. Đề tài không những có ý nghĩa về mặt khoa học, tính ứng dụng thực tiễn trong việc cải tạo môi trường sống cho rươi còn có ý nghĩa lớn góp phần định hướng phát triển kinh tế bền vững và phục vụ cho công tác bảo tồn.
23	Thạc sĩ	Nghiên cứu tổng hợp vật liệu sắt oxit kích thước nano trên nền Bentonit để xử lý asen trong nước ngầm	Trần Quốc Việt	1. PGS.TS. Đào Ngọc Nhiệm 2. TS. Mai Văn Tiến	Vật liệu oxit sắt kích thước nano được tổng hợp bằng phương pháp solgel tại pH = 2, tỉ lệ Fe ³⁺ /(AT/PVA=1:1) = 1/3, nhiệt độ tạo gel 80 oC; nhiệt độ nung ở 500 oC trong 2 giờ được phân tán trên nền silicat và trên nền chất mang bentonit. Oxit thu được có kích thước hạt 24,89 nm, diện tích bề mặt riêng 35,5 m ² /g, điểm điện tích không là 6,7. Khả năng hấp phụ asen của oxit nano Fe ₂ O ₃ đã được đánh giá mô tả bằng mô hình đẳng nhiệt hấp phụ Langmuir với hệ số hồi qui là 99,64%. Dung lượng hấp phụ cực đại tính theo mô hình Langmuir đối với

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					As(V) là 35,097 mg/g. Hiệu suất xử lý asen đối với mẫu thực tế đạt trên 90%. Vật liệu oxit sắt kích thước nano trên nền trên chất mang silicat cho hiệu quả xử lý asen cao hơn trên nền chất mang bentonite. Vật liệu có khả năng tái sử dụng lại nhiều lần.
24	Thạc sĩ	Nghiên cứu ảnh hưởng của nhiệt độ đến thành phần và hàm lượng các lớp chất lipid của một số loài san hô mềm khi bị tẩy trắng ở quy mô phòng thí nghiệm	Trần Thái Vũ	TS. Lưu Văn Huyền	Kết quả nghiên cứu của luận văn chỉ ra rằng trong 6 loài san hô nghiên cứu, những loài san hô mềm như: Loài <i>Nicaule crucifera</i> và loài <i>Clavularia</i> sp có khả năng chống chịu khi nhiệt độ tăng tốt hơn những loài còn lại. Hàm lượng lipid tổng của san hô khi bị tẩy trắng thấp hơn từ 2 đến 3 lần so với tập đoàn san hô khỏe mạnh hầu như trong giai đoạn đầu, các san hô dần bị mất các lớp chất lipid dự trữ của chúng (Triaxylglyxerol và Hydrocacbon) trong khi đó thì hàm lượng của các lipid cấu trúc (Photpholipit và Sterol) gần như không thay đổi. Đối với giai đoạn sau, cả lipid cấu trúc và lipid dự trữ đều thay đổi, tuy nhiên mối tương quan giữa các loài quá trình bị tẩy trắng thì san hô mất đi nguồn cung cấp các PUFAs từ các VSV cộng sinh với chúng.
25	Thạc sĩ	Điều tra, đánh giá thành phần loài và đặc điểm phân bố của thân mềm chân bụng (Gastropoda) trên cạn tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	Bùi Huy Dũng	1. PGS.TS. Đỗ Văn Nhượng 2. PGS.TS. Hoàng Ngọc Khắc	Kết quả phân tích 1412 mẫu vật thu được cho 48 loài và phân loài, thuộc 2 phân lớp, 17 họ, 34 giống. Số lượng loài thuộc Phân lớp Pulmonata là nhiều nhất với 13 họ (76,5%), 25 giống (73,53%), 30 loài và phân loài (62,5%). Phân lớp Prosobranchia chỉ có 4 họ (23,5%), 9 giống (26,47%) và 18 loài (37,5%). Về phân bố, thảm thực vật rừng kín thường xanh có tới chiếm 95,83% tổng số loài. Đất ferralit vàng đỏ có mùn trên núi, cho kết quả với chiếm 95,83% loài xuất hiện trong danh sách (46/48 loài). Đất mặn ven biển chỉ chiếm 4,16% là <i>Achatina fulica</i> , <i>Bradybaena jourdy</i> .

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
26	Thạc sĩ	Nghiên cứu thực trạng và biến động diện tích rừng ngập mặn ven biển huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng giai đoạn 2000 - 2015	Nguyễn Công Đoàn	1. PGS.TS. Mai Sỹ Tuấn 2. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Để cung cấp thông tin và cơ sở khoa học cho việc bảo vệ, quản lý, phát triển rừng ngập mặn trong bối cảnh biến đổi khí hậu, đồng thời tìm hiểu thực trạng biến động diện tích rừng ngập mặn, sự ảnh hưởng của các mô hình sinh kế tới hệ sinh thái rừng, luận văn Nghiên cứu thực trạng và biến động diện tích rừng ngập mặn ven biển huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng giai đoạn 2000 – 2015 đã được triển khai thực hiện. Kết quả nghiên cứu cho thấy trong giai đoạn 2000 – 2015, diện tích rừng ngập mặn tại huyện Tiên Lãng có sự gia tăng rõ rệt. Biểu hiện của biến đổi khí hậu, tình hình bão lũ thất thường có ảnh hưởng tới rừng, làm diện tích rừng ngập mặn chưa phát triển được như kỳ vọng, một số khu vực rừng ngập mặn trồng mới bị chết, một số khu vực liên tục phải trồng bổ sung. Biến động diện tích của rừng đã được thể hiện bằng bản đồ một cách trực quan. Các hoạt động sinh kế ảnh hưởng tới rừng ngập mặn là Nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản trong rừng. Hoạt động sinh kế ít ảnh hưởng tới rừng ngập mặn là di lịch sinh thái, trồng lúa, hoa màu gần đê, nuôi ong và chăn thả gia súc trên đê. Hoạt động sinh kế không ảnh hưởng đến rừng ngập mặn là sản xuất công nghiệp, xây dựng và kinh doanh, chăn nuôi theo mô hình VAC. Luận văn đã đề xuất các nhóm giải pháp nhằm góp phần quản lý, bảo vệ rừng ngập mặn tại địa phương một cách hiệu quả.
27	Thạc sĩ	Nghiên cứu biến động diện tích và đề xuất giải pháp quản lý rừng ngập mặn ven biển xã Đông Long và xã Nam Phú, huyện Tiên	Nguyễn Hà My	1. PGS.TS. Mai Sỹ Tuấn 2. PGS.TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Để có cơ sở đề xuất các giải pháp quản lý hiệu quả rừng ngập mặn (RNM), đề tài nghiên cứu biến động diện tích và đề xuất giải pháp quản lý RNM ven biển huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hiện trạng rừng ngập mặn tại xã Nam Phú, xã Đông Long có sự biến động diện tích rừng trong giai đoạn 2005 – 2017. Các nguyên nhân có thể

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
		Hải, tỉnh Thái Bình			kể đến như: ảnh hưởng của hoạt động sinh kế của người dân; ảnh hưởng của biến đổi khí hậu; sự không thống nhất về số liệu thống kê diện tích rừng ngập mặn qua từng năm. Để góp phần quản lý và bảo vệ rừng ngập mặn đạt hiệu quả, chúng tôi đề xuất ba nhóm giải pháp góp phần quản lý và bảo vệ hiệu quả RNM: Nhóm giải pháp về kinh tế; Nhóm giải pháp về văn hoá, xã hội; Nhóm giải pháp về sinh thái và môi trường để quản lý hiệu quả RNM.
28	Thạc sĩ	Lượng giá một số giá trị kinh tế hệ sinh thái rừng ngập mặn tại vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Tiên Hải, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình	Vũ Trọng Nhân	PGS.TS. Hoàng Anh Huy	Nghiên cứu được tiến hành tại hệ sinh thái rừng ngập mặn thuộc vùng đệm KBTTN ĐNN Tiên Hải, huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và áp lực do các hoạt động khai thác, sử dụng quá mức của người dân nên rừng ngập mặn (RNM) tại nơi đây đang đứng trước nguy cơ suy thoái. Thông qua việc sử dụng các phương pháp lượng giá kết quả tính toán cho thấy, giá trị kinh tế và dịch vụ sinh thái RNM trong khu vực là 487.144.058.306,60 VNĐ/năm. Kết quả nghiên cứu đã phản ánh rõ giá trị khoa học quan trọng và giá trị sinh thái của RNM tại khu vực
29	Thạc sĩ	Nghiên cứu đặc điểm lý, hóa của đất trong rừng ngập mặn trồng và rừng ngập mặn tự nhiên tại bãi bồi cửa sông Ba Lạt	Võ Văn Thành	PGS.TS. Mai Sỹ Tuấn	1. Đặc điểm cấu trúc của các kiểu rừng ngập mặn khu vực cửa sông Ba Lạt. Kết quả nghiên cứu về đặc điểm cấu trúc ở các kiểu rừng khu vực cửa sông Ba Lạt cho thấy: Rừng bần chua có chiều cao và đường kính lớn nhất nhưng có mật độ thấp nhất. Tiếp đến là rừng trảng, rừng hỗn giao và thấp nhất là rừng tự nhiên. 2. Đặc điểm lý, hoá theo độ sâu tầng đất tại các kiểu rừng ngập mặn khu vực cửa sông Ba Lạt. Kết quả nghiên cứu về đặc điểm về lý, hoá học của đất ở các kiểu rừng đều có xu hướng giảm dần theo độ sâu tầng đất. Đất ở các kiểu RNM khu vực cửa sông Ba Lạt có độ mặn tương đối thấp, đất bị yếm khí cao, giá trị pH ở mức trung tính và kiềm nhẹ, loại đất chủ yếu là

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					đất cát pha và đất thịt pha cát. Các kết quả về hàm lượng mùn, N, P, K đều ở mức trung bình đến giàu phù hợp cho sự sinh trưởng và phát triển của thực vật ngập mặn. 3. Đề xuất một số giải pháp quản lý, bảo vệ rừng ngập mặn khu vực cửa Ba Lạt. Lựa chọn loài cây rừng ngập mặn phù hợp, thích nghi tốt với từng lập địa với từng loại đất và có những biện pháp bảo vệ cây con sau khi trồng ở khu vực cửa sông Ba Lạt.
30	Thạc sĩ	Đánh giá thực trạng ô nhiễm chì tại một số khu vực sản xuất công nghiệp và làng nghề tại miền Bắc	Phạm Thanh Tú	1. PGS.TS. Nguyễn Duy Bảo 2. TS. Lê Ngọc Thuần	Đề tài đánh giá được thực trạng ô nhiễm chì tại khu vực dân cư xung quanh khu vực sản xuất công nghiệp và làng nghề tại Miền Bắc Kết quả đạt được: - Tổng quan các vấn đề liên quan đến chì, nguồn gốc ô nhiễm chì, các dạng tồn tại của chì trong môi trường và thực trạng ô nhiễm chì hiện nay. - Các khu vực nghiên cứu tại khu vực dân cư xung quanh khu công nghiệp: Công ty ốc quy tia sáng - An Đông - Hải Phòng; Công ty luyện kim màu - Phú Xá - Thái Nguyên, Làng nghề tái chế sắt thép Đa Hội - Bắc Ninh và làng nghề tái chế chì nhựa Nghĩa Lộ - Hưng Yên, đối tượng nghiên cứu, các phương pháp, kỹ thuật sử dụng trong nghiên cứu và cơ sở dữ liệu để phục vụ tính toán trong luận văn. - Kết quả về ô nhiễm chì trong đất, nước, không khí, thực phẩm tại các khu vực nghiên cứu, đồng thời đưa ra một số kiến nghị về giải pháp để giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại các khu vực nghiên cứu. - Kết luận về thực trạng ô nhiễm chì tại khu vực nghiên cứu.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
31	Thạc sĩ	Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu nấm lớn phục vụ công tác bảo tồn tại Vườn quốc gia Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc	Dương Thị Thu Trang	TS. Lê Thanh Huyền	- Đề tài đã thiết lập được cơ sở khoa học và cung cấp phương pháp, quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu nấm lớn, xây dựng cơ sở dữ liệu lớp chuyên đề nấm từ bản đồ tỷ lệ 1/25.000 của VQG Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. - Kết quả cho phép người dùng truy cập các dữ liệu nấm thuận tiện. Các chức năng chính bao gồm: lưu trữ, truy xuất, tìm kiếm dữ liệu dưới dạng bảng biểu, bản đồ phân bố,.. dưới định dạng file khác nhau phục vụ cho mục tiêu bảo tồn, theo dõi, nghiên cứu về nấm lớn, phục vụ công tác quản lý, bảo tồn nấm và đa dạng sinh học.
32	Thạc sĩ	Điều tra, đánh giá đa dạng sinh học của nấm lớn tại xã Ngọc Thanh, huyện Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Phan Thị Thu Trang	TS. Lê Thanh Huyền	- Đề tài đã thiết lập được cơ sở khoa học và cung cấp phương pháp, quy trình xây dựng cơ sở dữ liệu nấm lớn, xây dựng cơ sở dữ liệu lớp chuyên đề nấm từ bản đồ tỷ lệ 1/25.000 của VQG Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. - Kết quả cho phép người dùng truy cập các dữ liệu nấm thuận tiện. Các chức năng chính bao gồm: lưu trữ, truy xuất, tìm kiếm dữ liệu dưới dạng bảng biểu, bản đồ phân bố,.. dưới định dạng file khác nhau phục vụ cho mục tiêu bảo tồn, theo dõi, nghiên cứu về nấm lớn, phục vụ công tác quản lý, bảo tồn nấm và đa dạng sinh học
33	Thạc sĩ	Nghiên cứu hiệu quả việc thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	Đinh Thị Ngọc Thúy	PGS. TS. Lê Văn Hưng	Luận văn trình bày tổng quan các kết quả nghiên cứu tình hình thực thi chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên Thế giới, tại Việt Nam và tại địa phương nghiên cứu thông qua các văn bản cũng như những thành tựu tiêu biểu đã đạt được từ đó nêu lên những vấn đề đã giải quyết được và những vấn đề còn phải tiếp tục nghiên cứu. Để giải quyết các nội dung nghiên cứu trên chúng tôi dùng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp đã đánh giá kết quả thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng đến môi trường, kinh tế, xã hội trên địa bàn huyện Quế Phong.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					Kết quả nêu lên được hiện trạng công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng ở huyện Quế Phong. Đã đánh giá được những điểm đã đạt được cũng như những điểm còn đang vướng mắc trong công tác chi trả DVMTR.
34	Thạc sĩ	Nghiên cứu xung đột môi trường trong sử dụng tài nguyên đất, nước phục vụ phát triển bền vững tại quận Hải An thành phố Hải Phòng	Vũ Lê Trang	PGS.TS. Lại Vĩnh Cẩm PGS.TS Lê Văn Hưng	Luận văn trình bày tổng quan các kết quả nghiên cứu xung đột trong sử dụng tài nguyên môi trường trên Thế giới, Việt Nam. Đề giải quyết các nội dung cần nghiên cứu chúng tôi dùng các phương pháp nghiên cứu như: phương pháp thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp đã xác định những vấn đề bức xúc từ đó nhận dạng và phân loại được các xung đột trong sử dụng tài nguyên đất tại quận Hải An. Kết quả nêu lên được hiện trạng xung đột trong sử dụng tài nguyên nước ở quận Hải An từ đó đề xuất hướng giải pháp giảm thiểu xung đột phục vụ phát triển bền vững.
35	Thạc sĩ	Nghiên cứu thử nghiệm khả năng xử lý ô nhiễm dioxin trong đất của cỏ vetiver tại sân bay Biên Hòa	Hoàng Lê Lộc	1. TS. Ngô Thị Thúy Hường 2. TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Kết quả nghiên cứu của đề tài cho thấy cỏ Vetiver có thể làm giảm nhẹ ô nhiễm dioxin trong đất mang lại lợi ích cả về mặt môi trường và kinh tế. Kết quả này mở ra một triển vọng về khả năng xử lý ô nhiễm dioxin bằng công nghệ đơn giản, chi phí thấp và thân thiện với môi trường tại sân bay Biên Hòa, Đồng Nai nói riêng và các điểm ô nhiễm dioxin tại Việt Nam nói chung.
36	Thạc sĩ	Nghiên cứu sự thay đổi thành phần cơ giới, hóa lý của đất và khả năng chống lan tỏa dioxin của cỏ Vetiver – Áp dụng thử nghiệm tại sân bay Biên Hòa	Lê Anh Phương	1. TS. Nguyễn Quốc Định 2. TS. Lê Thanh Huyền	Nghiên cứu sự thay đổi thành phần cơ giới và hóa lý của đất tại khu vực nghiên cứu theo chiều hướng tích cực sau khi trồng cỏ Vetiver. Tỷ lệ cấp hạt sét tăng lên, cấp hạt cát giảm đi theo thời gian nhờ sự phát triển của hệ rễ. Chất lượng đất ngày càng được cải thiện, tăng cường dinh dưỡng trong đất, thúc đẩy sự phát triển của cây cỏ Vetiver trong khu vực nghiên cứu và giúp cố định các chất ô nhiễm trong đất. Bước đầu chứng minh được khả năng chống lan tỏa dioxin của cỏ Vetiver trong môi trường đất ô nhiễm dioxin. Sau bốn năm trồng cỏ Vetiver, lớp thảm phủ

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					từ cỏ Vetiver phát triển tốt và ken kín bề mặt đất, giúp hạn chế xói mòn và rửa trôi các chất dinh dưỡng, chất ô nhiễm hữu cơ trong đất
37	Thạc sĩ	Đánh giá ảnh hưởng của hoạt động sản xuất vàng mã đến chất lượng môi trường tại huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Trần Anh Thư	TS. Nguyễn Thị Phương Mai	Đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường và tác động của hoạt động sản xuất vàng mã tại xã Song Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh cho thấy: Nguồn nước mặt khu vực nghiên cứu tại 3 thôn (Đông Khê, Đạo Tú, Tú Tháp) có dấu hiệu bị ô nhiễm với hàm lượng COD, BOD5, TSS, PO43-, NH4+ và NO2- đều vượt quy chuẩn cho phép. Nước thải từ hoạt động sản xuất tuy lưu lượng không lớn nhưng chứa các thông số đặc trưng như COD, BOD5, Coliform vượt nhiều lần quy chuẩn cho phép. Đối với chất thải rắn phát sinh trên địa bàn xã Song Hồ chủ yếu là rác thải từ quá trình làm nghề chiếm tới 80%, theo khảo sát thực tế phát sinh khoảng 150 tấn rác thải/tháng. Vì vậy cần thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng môi trường và tình hình sức khỏe cộng đồng tại đây.
38	Thạc sĩ	Phân vùng chất lượng môi trường đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Nam Định	Nguyễn Trọng Đạo	1. PGS.TS. Lưu Thế Anh 2. PGS.TS. Nguyễn An Thịnh	Với mục tiêu nghiên cứu: “Phân vùng chất lượng môi trường đất nông nghiệp tỉnh Nam Định”. Xác lập được cơ sở khoa học và thực tiễn trong đề xuất các giải pháp quản lý môi trường đất và thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với mỗi phân vùng chất lượng môi trường tại tỉnh Nam Định. Từ đó, khái quát đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và môi trường tỉnh Nam Định. Đánh giá hiện trạng môi trường đất sản xuất nông nghiệp tỉnh Nam Định. Xác định các tiêu chí, xây dựng cơ sở dữ liệu GIS, phân vùng chất lượng môi trường đất tỉnh Nam Định phục vụ công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường đất. Đề xuất các giải pháp định hướng sử dụng đất cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và môi trường tỉnh Nam Định.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
39	Thạc sĩ	Xây dựng bộ chỉ số đánh giá mô hình quản lý rừng dựa vào cộng đồng tại huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái	Cao Thị Quỳnh Trang	TS. Tống Thị Mỹ Thi	Nghiên cứu điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội khu vực huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Nghiên cứu, chọn lọc và xây dựng bộ chỉ số đánh giá mô hình QLRCĐ. Áp dụng bộ chỉ số đánh giá mô hình quản lý rừng dựa vào cộng đồng trên địa bàn lâm trường Ngòi Lao và lâm trường Văn Chấn, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái. Đề xuất và kiến nghị dựa trên kết quả bộ chỉ số để nâng cao hiệu quả mô hình quản lý dựa vào cộng đồng ở huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
40	Thạc sĩ	Nghiên cứu, đánh giá mô hình hoàn phục môi trường đất khu khai thác bauxite Tân Rai, tỉnh Lâm Đồng và đề xuất giải pháp sử dụng đất hợp lý	Nguyễn Công Long	1. TS. Nguyễn Mạnh Hà 2. TS. Bùi Thị Thu	Nghiên cứu tập trung đánh giá hiệu quả hai mô hình MH1 và MH3 hoàn phục môi trường khu khai thác Bauxite Tân Rai; đề xuất các giải pháp sử dụng đất phù hợp. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Chất lượng môi trường đất trước khi hoàn phục ở mức kém. Sau khi áp dụng mô hình, hầu hết các chỉ tiêu hóa học được cải thiện. Nhưng qua chỉ số đánh giá chất lượng đất SCLĐ chỉ mô hình MH1 đạt mức tốt, mô hình MH3 cần nhiều thời gian để phục hồi. Đề xuất được 3 nhóm giải pháp chính gồm 14 giải pháp sử dụng đất hiệu quả sau khai thác.
41	Thạc sĩ	Nghiên cứu khả năng hấp phụ ion kẽm trên tảo <i>Spirulina platensis</i> cố định trên khối bọt polyurethane (PUF)	Trần Kiều Mai	TS. Nguyễn Thu Huyền	Nghiên cứu tổng quan về các phương pháp xử lý kẽm trong nước thải. Nghiên cứu tuyển chọn chủng <i>Spirulina platensis</i> để sản xuất sinh khối làm vật liệu hấp phụ sinh học. Nghiên cứu khả năng hấp phụ kim loại Zn ²⁺ trên VLHP <i>Spirulina platensis</i> SP8 (BioM SP8) trên chế độ tĩnh. Nghiên cứu khả năng hấp phụ kim loại Zn ²⁺ trên VLHP <i>Spirulina platensis</i> SP8 (BioM SP8) trên chế cột.

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
42	Thạc sĩ	Nghiên cứu tối ưu quy trình xử lý nước thải chế biến mủ cao su bằng phương pháp sinh học cải tiến quy mô phòng thí nghiệm	Ngô Mạnh Linh	TS. Lê Ngọc Thuần	Với mục tiêu cải tiến hệ sinh học SBR truyền thống giúp tối ưu quy trình xử lý nước thải sản xuất mủ cao su ở quy mô phòng thí nghiệm. Để đạt được mục tiêu đó, đề tài đã nghiên cứu khảo sát sự thay đổi DO trong chu trình xử lý, nghiên cứu ảnh hưởng của tải lượng COD, N-NH ₃ , TN đến sản xuất xử lý COD, N-NH ₃ và TN, nghiên cứu ảnh hưởng của tỉ lệ COD/TN đến hiệu quả xử lý COD, N-NH ₃ , TN ở các chế độ khác nhau, đánh giá hiệu quả xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học SBR theo mẻ với hệ cải tiến quy mô phòng thí nghiệm
43	Thạc sĩ	Nghiên cứu xác định mối tương quan giữa PeCBz và HCB trong các mẫu tro, xỉ thải của một số lò đốt công nghiệp	Đỗ Thị Hiền	PGS.TS. Nguyễn Thị Huệ	Đề tài đã thực hiện khảo sát các nguồn phát thải PeCB và HCB tại một số lò đốt rác và lò đốt sản xuất công nghiệp luyện kim, luyện kim màu, sản xuất xi măng ở Hà Nội, Hải Dương, Thái Nguyên, Bắc Ninh; lấy được 31 mẫu tro và xỉ thải; phân tích hàm lượng PeCB và HCB trong các mẫu tro, xỉ thải đã lấy trên thiết bị GC-ECD. Đánh giá kết quả phân tích để đưa ra mối tương quan như sau: mối tương quan giữa PeCB và HCB trong các mẫu tro, xỉ thải của một số lò đốt công nghiệp là đồng biến và sự tương quan là tuyến tính chặt chẽ với nhau, với hệ số tương quan $r > 0$ và r gần bằng 1 và mức ý nghĩa $p < 0,05$. Hàm lượng PeCB và HCB của các lò đốt rác thải cao hơn các lò đốt sản xuất công nghiệp.
44	Thạc sĩ	Nghiên cứu xác định hàm lượng cacbon đen và bụi (PM ₁₀ , PM _{2,5}) tại một số nút giao thông của Hà Nội	Nguyễn Lê Minh Phương	TS. Nguyễn Thị Thu Phương	Để đạt được mục tiêu Xác định hàm lượng cacbon đen và bụi (TSP, PM ₁₀ , PM _{2,5}) ở một số nút giao thông tại Hà Nội. Xác định tỷ lệ các loại bụi và tỷ lệ các bon đen trong các loại bụi. Đề tài đã nghiên cứu tổng quan về cacbon đen, các phương pháp xác định cacbon đen trong môi trường không khí xung quanh; lấy mẫu, xác định hàm lượng bụi (TSP, PM ₁₀ , PM _{2,5}) và cacbon đen trong các loại bụi tại hai nút giao thông trọng điểm trên địa bàn Hà Nội; đánh

Stt	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ tên người thực hiện	Họ tên giáo viên hướng dẫn	Tóm tắt nội dung
					giá tỷ lệ các loại bụi và tỷ lệ cacbon đen trong các loại bụi.
45	Thạc sĩ	Nghiên cứu xây dựng phương pháp phân tích lượng xác định Natamycin trong một số đối tượng thực phẩm	Đinh Ngọc Hiếu	1. TS. Mai Văn Tiến 2. TS. Đoàn Duy Tiên	Đề tài đã Tối ưu hóa được quy trình phân tích Natamycin trong thực phẩm bằng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC-HRMS) với giới hạn phát hiện là 0,05 µg/L và giới hạn định lượng của phương pháp là 0,15 µg/L. Xác định được hàm lượng Natamycin trong một số mẫu thực phẩm: Thạch rau câu (0,1 – 1,2 mg/Kg), măng chua (0,9 – 4,2 mg/Kg) và dưa muối (1,2 – 4,6 mg/Kg).
46	Thạc sĩ	Nghiên cứu xác định mối quan hệ giữa hàm lượng một số kim loại nặng trong hến sông (Corbicula sp), trùng trục (Lanceolaria sp.) và trầm tích sông Cầu	Mai Đăng Khoa	TS. Bùi Thị Thu	Luận văn: “Nghiên cứu, xác định mối quan hệ giữa hàm lượng một số kim loại nặng trong hến sông (Corbicula sp.), trùng trục (Lanceolaria sp.) và trầm tích sông Cầu”; Với các nội dung: Quan trắc mẫu hến sông (Corbicula sp.), trùng trục (Lanceolaria sp.) và trầm tích trên lưu vực sông Cầu. Phân tích hàm lượng các kim loại Cu, Pb, Cd, Zn, Cr tích lũy trong hến sông (Corbicula sp.), trùng trục (Lanceolaria sp.) và trầm tích sông Cầu. Đánh giá sơ bộ mức độ tích lũy kim loại nặng trong loài hến (Corbicula sp.), trùng trục (Lanceolaria sp.) và trầm tích sông Cầu.

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo “Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững”	22/1/2019	Hội trường lớn	40
2	Hội thảo “Xu hướng phát triển du lịch thể giới - Tình hình phát triển du lịch Việt Nam”	30/3/2019	Hội trường lớn	180
3	Hội nghị trực tuyến “Giới thiệu mạng nghiên cứu và đào tạo Việt Nam (VinaREN) và hướng dẫn, sử dụng dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học và công nghệ”	14/5/2019	Hội trường lớn	220

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
4	Hội nghị “Tổng kết và trao giải sinh viên nghiên cứu khoa học năm học 2018 - 2019”	23/05/2019	Hội trường lớn	250

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu VNĐ)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
1	Dự án OKP “Khí hậu Việt Nam - Hợp tác cùng nhau giáo dục nhằm đạt được sự thay đổi bền vững tại các vùng đồng bằng của Việt Nam”	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; Khoa Tài nguyên nước	- Trường Đại học Công nghệ Delft, Đại học ITC Twente; - Đại học Khoa học ứng dụng Utrecht. - Trường Đại học Thủy Lợi; - Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường.	2019 - 2021	847.975 USD	- Phát triển giáo dục đào tạo bằng xây dựng năng lực giáo dục bằng cấp về Quản lý tổng hợp tài nguyên nước được nâng cao; xây mô đun học tập; bài tập thực hành, thực tập. - Xây dựng kỹ năng về Quản lý tổng hợp tài nguyên nước cho các cán bộ chuyên trách tại các địa phương, ngành; - Năng lực xây dựng tổ chức về kế hoạch chiến lược, chính sách kiểm định, kế hoạch tuyển dụng, đào tạo kỹ năng học thuật về cách tiếp cận trực tuyến với các tài liệu quốc tế, phòng thí nghiệm, mở rộng các điểm thực hành; - Thiết lập cộng đồng thành viên thực hiện bằng cách nâng cao năng lực của Trường trong việc hình thành sự kết nối với thị trường lao động thông qua việc thành lập Cộng đồng thực hiện các đối tác công, tư của Hà Lan và Việt Nam.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu VNĐ)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
2	Nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước “Nghiên cứu, xây dựng mô hình khai thác, bảo vệ và phát triển bền vững hệ sinh thái vùng triều từ Vũng Tàu đến Kiên Giang”, mã số: KC.09/16-20	PGS.TS. Lê Xuân Tuấn	- Chuyển giao và liên kết chặt chẽ với các tỉnh thành ven bờ miền Bắc thông qua các Sở Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Bộ Khoa học và Công nghệ; - Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2018 - 2020	7.100	- Bộ tư liệu về hiện trạng các hệ sinh thái vùng triều khu vực nghiên cứu; - Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hệ sinh thái vùng triều khu vực nghiên cứu; - Báo cáo đánh giá biến động và dự báo môi trường, đa dạng sinh học và nguồn lợi hệ sinh thái vùng triều khu vực nghiên cứu; - Xây dựng mô hình sử dụng bền vững hệ sinh thái vùng triều khu vực nghiên cứu; - Đề xuất giải pháp quản lý bền vững hệ sinh thái vùng triều khu vực nghiên cứu; - Bản đồ hiện trạng và biến động hệ sinh thái vùng triều khu vực nghiên cứu, tỷ lệ 1/250.000 cho toàn vùng và 1/25.000 cho 05 khu vực nghiên cứu cụ thể (thuộc 05 khu vực nghiên cứu trọng điểm); - 01 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus, 06 bài báo cấp quốc gia; - Đào tạo 02 Tiến sĩ và 01 Thạc sĩ.
3	Nhiệm vụ KHCN thuộc Quỹ NAFOSTE D “Đánh giá vai trò của nhà nước trong chiến lược triển khai tự chủ đại học và	TS. Nguyễn Anh Tuấn	- Bộ Khoa học và Công nghệ; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2019 - 2020	624	- Đánh giá về mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở Giáo dục Việt Nam và vai trò của nhà nước trong chiến lược triển khai tự chủ, tự chịu trách nhiệm tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học. - Xếp loại các cơ sở Giáo dục Đại học theo mức độ

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu VNĐ)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	mức độ tự chủ của các cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam”.					tự chủ, tự chịu trách nhiệm. - Đề xuất các giải pháp, khuyến nghị về vai trò của nhà nước đối với tự chủ, tự chịu trách nhiệm đại học của các đại học trên thế giới. - 01 bài báo quốc tế thuộc danh mục Scopus; 02 bài báo cấp quốc gia; 01 bài kỷ yếu quốc tế, quốc gia; - Hỗ trợ đào tạo Tiến sĩ và Thạc sĩ.
4	Nhiệm vụ KHCN cấp Tỉnh: “Nghiên cứu xây dựng mô hình bảo tồn và phát triển 3 loài cây dược liệu Dây thìa canh <i>Gymnema Sylvestre</i> (Retz) R.Br.ex Schult., Sâm cau <i>Curculigo Orchioides Gaertn.</i> và Giảo cổ lam <i>Gynostemma Pubescens</i> (Gagnep) C.Y.WU theo tiêu chuẩn GACP - WHO trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc”.	TS. Lưu Văn Huyền	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc; - Một số hộ gia đình vùng gò đồi tỉnh Vĩnh Phúc có khả năng và điều kiện phát triển sản xuất theo hướng kinh doanh nguồn dược liệu; - Các trạm y tế cơ sở địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2018 - 2020	1.400	- Báo cáo tổng hợp, tóm tắt, phân tích xử lý số liệu, chuyên đề các nội dung nghiên cứu; - Mô hình trình diễn trồng 3 loài cây thuốc đã lựa chọn; - Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật nhân giống, trồng, chăm sóc, thu hái, chế biến, bảo quản và kiểm soát chất lượng 3 loài cây thuốc đã lựa chọn là Dây thìa canh <i>Gymnema sylvestre</i> (Retz) R.Br.ex Schult., Sâm cau <i>Curculigo orchichioides Gaertn.</i> và Giảo cổ lam <i>Gynostemma pubescens</i> (Gagnep.) C.Y.Wu. - Chỉ dẫn các vùng trên lãnh thổ tỉnh Vĩnh Phúc có thể phát triển 3 loài cây thuốc đã lựa chọn; - 02 bài báo khoa học; - Đào tạo Tiến sĩ và Thạc sĩ.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu VNĐ)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
5	Nhiệm vụ KH-CN cấp Tỉnh: “Nghiên cứu, đề xuất xây dựng hệ thống thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định”.	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2018 - 2019	599	- Báo cáo Cơ sở khoa học và thực tiễn của thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; - Báo cáo thực trạng hệ thống thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Giao Thủy; - Dữ liệu thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Giao Thủy, Nam Định đã được chuẩn hóa; - Báo cáo đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý và khai thác dữ liệu thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Giao Thủy, Nam Định; - Cơ sở dữ liệu về hiện trạng thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Giao Thủy; - WEB về quy hoạch kế hoạch sử dụng đất huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định; - Báo cáo tổng kết đề tài; - 01 bài báo khoa học; - Đào tạo Tiến sĩ, Thạc sĩ.
6	Nhiệm vụ KH-CN cấp Bộ “Nghiên cứu sơ sở khoa học xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất trong mối liên kết vùng và biến đổi khí hậu”, mã số TNMT	ThS. Vũ Lệ Hà	- Viện nghiên cứu Quản lý đất đai; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2018 - 2020	2.193	- Dự thảo quy trình xây dựng phương án quy hoạch sử dụng đất tỉnh có tính đến yếu tố vùng và biến đổi khí hậu; - Giải pháp nhằm nâng hiệu quả thực hiện của phương án qui hoạch trong điều kiện biến đổi khí hậu và quan hệ tương tác giữa các vùng kinh tế - tự nhiên; - Báo cáo tổng kết đề tài; - Phương án quy hoạch sử dụng đất giai đoạn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu VNĐ)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	2018.01.04					2021 - 2030 của tỉnh Thái Bình có tính đến các chỉ số liên kết vùng và tác động của biến đổi khí hậu; - 01 bài báo; - Hỗ trợ đào tạo Đại học và Thạc sỹ.
7	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu cơ sở khoa học sử dụng động vật hai mảnh vỏ phục vụ đánh giá, dự báo chất lượng môi trường biển ven bờ; thử nghiệm tại Bình Định” mã số TNMT 2018.06.11	ThS. Lê Thu Thủy	- Cục Quản lý khai thác biển và hải đảo - Tổng cục Biển Hải đảo; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; - Chi cục Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Định.	2018 - 2020	2.259,536	- Báo cáo đặc điểm phân bố các kim loại và PCB trong nước, trầm tích, mô chất của loài động vật hai mảnh vỏ vùng biển ven bờ Bình Định; - Báo cáo Đánh giá mối tương quan giữa kim loại nặng và hợp chất hữu cơ khó phân hủy trong trầm tích, nước và trong mô chất của động vật hai mảnh vỏ; - Sổ tay hướng dẫn quy trình kỹ thuật về sử dụng động vật hai mảnh vỏ phục vụ đánh giá, dự báo chất lượng môi trường biển ven bờ; - Báo cáo tổng kết đề tài; - 02 bài báo; - Hỗ trợ đào tạo Thạc sỹ.
8	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu, đề xuất cơ chế vận hành và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu giá đất thuộc hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai”, mã số TNMT.2018.01.02	ThS. Bùi Thị Cẩm Ngọc	- Trung tâm triển khai và ứng dụng công nghệ địa chính - Trung tâm dữ liệu và thông tin đất đai - Tổng cục quản lý đất đai; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2018 - 2020	2.100	- Đề xuất hoàn thiện cơ chế vận hành cơ sở dữ liệu giá đất; - Bộ sổ tay hướng dẫn cơ chế vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu giá đất thuộc hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai; - Bộ cơ sở dữ liệu giá đất cấp xã; - Quy trình cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu giá đất; - Bộ tài liệu hướng dẫn phục vụ giảng dạy các môn: định giá đất, cơ sở dữ liệu đất đai,...;

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu VNĐ)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						- Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài; - 02 bài báo; - Hỗ trợ đào tạo Thạc sỹ.
9	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu hoàn thiện quy định về chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp vùng đồng bằng Bắc Bộ để thực hiện chủ trương tích tụ ruộng đất”, mã số TNMT.2018.01.03	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	- Cục Đăng ký đất đai - Tổng cục Quản lý đất đai - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	2018 - 2020	1.880	- Báo cáo cơ sở khoa học về chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và chủ trương tích tụ ruộng đất; - Báo cáo đánh giá tác động của chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp đến tích tụ đất đai và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp vùng đồng bằng Bắc Bộ (nghiên cứu điểm tại Hà Nội, Nam Định, Hưng Yên). - Tiêu chí đánh giá mức độ phù hợp về chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp và tích tụ ruộng đất nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất; - Đề xuất hoàn thiện quy định về chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp nhằm thúc đẩy tích tụ ruộng đất vùng đồng bằng Bắc Bộ; - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài; - 02 bài báo; - Hỗ trợ đào tạo Thạc sỹ.
10	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật đồng vị để xác định nguồn gốc, phân bố nitơ trong môi trường nước dưới đất tại một số vùng	TS. Trịnh Thị Thắm	- Cục quản lý Tài nguyên nước; - Trung tâm Quy hoạch và Điều tra Tài nguyên nước Quốc gia; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2018 - 2020	2.259,006	- Báo cáo kết quả áp dụng thử nghiệm kỹ thuật đánh dấu đồng vị để xác định nguồn gốc, sự phân bố N trong môi trường nước dưới đất nông tại Nam Hà Nội, Hà Nam và Nam Định; - Dự thảo Quy định kỹ thuật xác định nguồn gốc N trong môi trường nước dưới đất bằng kỹ thuật đánh dấu đồng vị;

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu VNĐ)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	thuộc đồng bằng Sông Hồng (Hà Nội, Hà Nam, Nam Định)”, mã số TNMT 2018.02.15					- Kiến nghị về việc sử dụng kỹ thuật đồng vị để xác định nguồn gốc Nitơ trong nước dưới đất trong điều tra cơ bản tài nguyên nước - Báo cáo: Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm Nitơ trong môi trường nước tại khu vực nghiên cứu; - Báo cáo tổng kết đề tài; - 02 bài báo; - Hỗ trợ đào tạo Thạc sỹ.
11	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu ứng dụng viễn thám và GIS trong giám sát công viên địa chất”, mã số TNMT.2018.03.02	TS. Bùi Thị Hồng Thắm	- 01 đơn vị trực thuộc Tổng cục Địa chất Khoáng sản Việt Nam hoặc 01 đơn vị trực thuộc Viện Khoa học địa chất và khoáng sản; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. 2018 - 2020	2018 - 2020	2.263	- Hiện trạng và biến động của khu vực công viên địa chất trong nghiên cứu thực nghiệm của đề tài; - Cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc giám sát công viên địa chất; - Quy trình kết hợp viễn thám và GIS trong giám sát công viên địa chất; - Đề xuất các giải pháp khoa học kỹ thuật trong giám sát công viên địa chất; - 01 bài báo; - Hỗ trợ đào tạo Thạc sỹ.
12	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu, thiết kế hệ thống đo lường, giám sát tự động thời gian thực một số thành phần môi trường trong khai thác khoáng sản. Áp dụng thử nghiệm tại một số khu	ThS. Nguyễn Văn Hách	- Trung tâm phần mềm và GIS, Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu Tài nguyên môi trường, Bộ Tài nguyên và môi trường; - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên; - Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà	2018 - 2020	2.568	- Báo cáo tổng kết nghiên cứu về nguyên lý, kỹ thuật, thiết kế, xây dựng, triển khai hệ thống quan trắc tự động thông số môi trường trong mỏ lộ thiên và hầm lò sử dụng tích hợp các công nghệ mạng cảm biến không dây, internet vạn vật và GIS; - Báo cáo thực hiện mạng thử nghiệm trực tuyến, thời gian thực, đo lường, theo dõi và cảnh báo từ xa qua mạng Internet; - Phần mềm máy tính; - Cơ sở dữ liệu cảm biến

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu VNĐ)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	vực điển hình vùng than Thái Nguyên”, mã số TNMT.2018.03.03		Nội; - Đại học Quốc gia Hà Nội.			của hệ thống mạng thử nghiệm; dữ liệu được chuẩn hóa theo cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường; - Tài liệu hướng dẫn lắp đặt, cài đặt và sử dụng phần mềm, phần cứng; - Quy trình thiết kế, xây dựng mạng cảm biến ứng dụng trong quan trắc môi trường mô hầm lò và lộ thiên; - Bài báo của Tạp chí quốc tế; - Hỗ trợ đào tạo Thạc sỹ.
13	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu ứng dụng lý thuyết khối để đánh giá nguy cơ trượt lở trên mái dốc đá dọc tuyến quốc lộ; thử nghiệm từ km 0 đến km 80 trên quốc lộ 3B”, mã số TNMT.2018.03.18	TS. Phí Trường Thành	- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam - Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản; - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Kạn; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2018 - 2020	2.288	- Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài; - Sơ đồ phân vùng chi tiết các kiểu khối nguy cơ trượt lở trên bề mặt mái dốc đá tỷ lệ 1/10.000 khu vực có nguy cơ cao dọc tuyến quốc lộ 3B; - Đề xuất quy trình thu thập, phân tích xử lý và cảnh báo trượt lở trên mái dốc đá. - 01 bài báo quốc tế; - 01 bài báo chuyên ngành; - 02 bài báo hội nghị trong nước và quốc tế; - Hỗ trợ đào tạo Tiến sĩ, đào tạo Thạc sỹ, Đại học.
14	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu các loài nấm lớn có giá trị để bổ sung vào danh mục loài nguy cấp, quý,	TS. Lê Thanh Huyền	- Cục bảo tồn Đa dạng sinh học, Tổng Cục môi trường - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2018 - 2020	2.230	- Đề xuất danh mục các loài nấm nguy cấp, quý, hiếm để đề xuất đưa vào danh mục loài nấm lớn nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; - Bộ số liệu về đa dạng sinh học của các loài nấm lớn có giá trị tại khu vực nghiên cứu;

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu VNĐ)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	hiếm được ưu tiên bảo vệ và đề xuất giải pháp bảo tồn, phát triển”, mã số TNMT 2018.04.11					- Sơ đồ phân bố các loài nấm có giá trị cần ưu tiên bảo vệ; - Dữ liệu về các loài nấm (có giá trị sinh học, kháng khuẩn); - Đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát triển một số loài nấm lớn nguy cấp, quý, hiếm cần được ưu tiên bảo vệ; - Báo cáo tổng hợp đề tài; - 02 bài báo; - Hỗ trợ đào tạo Thạc sỹ.
15	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu ứng dụng vật liệu nano wolfram và thiếc ô xít để chế tạo đầu đo khí NOx và H2S trong thiết bị cầm tay quan trắc môi trường khí”, mã số TNMT 2017.04.14	TS. Phùng Thị Hồng Vân	- Trung tâm tư vấn và công nghệ môi trường, Tổng cục Môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2018 - 2020	2.255	- 01 quy trình công nghệ chế tạo cảm biến khí H2S. Bản vẽ kỹ thuật của chip cảm biến khí H2S; - 01 quy trình công nghệ chế tạo cảm biến khí NOx. Bản vẽ kỹ thuật của chip cảm biến khí Nox; - 02 bài đăng trên tạp chí hoặc kỷ yếu hội nghị uy tín trong nước; - Hỗ trợ đào tạo Thạc sỹ.
16	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để xây dựng hệ thống công khai, minh bạch (MRV) trong sử dụng đất và thay đổi sử dụng đất ở	ThS. Trần Thị Ngoan	- Cục Biến đổi khí hậu; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2018 - 2020	2.115	- Báo cáo cơ sở lý thuyết của Hệ thống công khai, minh bạch nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực SĐĐ và TĐSĐĐ cho ngành Tài nguyên môi trường; - Đề xuất hệ thống công khai, minh bạch nhằm giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực SĐĐ và TĐSĐĐ cho ngành Tài nguyên môi trường;

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu VNĐ)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	Việt Nam”, mã số TNMT.2018.05.04					- Báo cáo tổng kết và các báo cáo thành phần; - Bản đồ bề mặt lớp phủ các năm 2014, 2016, 2018; - Bản đồ thay đổi sử dụng đất các giai đoạn 2014 - 2016, 2016 - 2018 - 01 bài báo khoa học; - Hỗ trợ đào tạo Thạc sỹ.
17	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu khả năng chống chịu và khả năng thích ứng của các hệ sinh thái kém bền vững ở một số tỉnh miền núi và ven biển miền Bắc Việt Nam, nhằm tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu”, mã số TNMT 2018.05.05	PGS.TS. Nguyễn Thế Hưng	- Cục Biến đổi khí hậu; - Cục Bảo tồn đa dạng sinh học, Tổng cục Môi trường; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2018 - 2020	2.078	- Báo cáo khoa học về các hệ sinh thái kém bền vững ở vùng nghiên cứu; - Báo cáo khoa học về khả năng chống chịu, khả năng thích ứng của các hệ sinh thái kém bền vững tại vùng nghiên cứu; - Báo cáo về một số mô hình sử dụng các hệ sinh thái kém bền vững ở các khu vực nghiên cứu cho mục đích phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu; - Các file dữ liệu liên quan đến kết quả nghiên cứu; - Báo cáo tổng kết đề tài; - 03 bài báo khoa học; - Hỗ trợ đào tạo Tiến sĩ và Thạc sỹ.
18	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu xây dựng mô hình dự báo xu hướng thay đổi hệ sinh thái rừng ngập mặn trong bối cảnh biến đổi khí	TS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh	- Cục Bảo tồn đa dạng sinh học, Tổng cục Môi trường; - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh và Nam Định; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2018 - 2020	2.482	- Báo cáo kết quả nghiên cứu của các nội dung và báo cáo tổng kết kết quả nghiên cứu của đề tài; - Bộ số liệu về đặc trưng rừng ngập mặn (mật độ, kích thước, cấu trúc thành phần loài cây ngập mặn) và các nhân tố sinh thái (nhiệt độ, lượng mưa,...); - Mô hình toán dự báo xu hướng thay đổi rừng

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu VNĐ)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	hậu ở các tỉnh ven biển Bắc Bộ”, mã số TNMT 2018.05.06					ngập mặn theo kịch bản biến đổi khí hậu 2016; - Giải pháp bảo tồn và phát triển rừng ngập mặn ở các tỉnh ven biển Bắc Bộ trong bối cảnh biến đổi khí hậu; - 02 bài báo khoa học, trong đó 1 bài trong nước và 1 bài quốc tế (hoặc 01 bài trong Tuyển tập Hội thảo quốc tế); - Hỗ trợ đào tạo Thạc sỹ.
19	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Ứng dụng công nghệ viễn thám và GIS giám sát hiện tượng đảo nhiệt đô thị”, mã số TNMT 2018.08.10	TS. Nguyễn Thị Thúy Hạnh	- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; - Trung tâm Giám sát tài nguyên môi trường và thiên tai, Cục Viễn thám Quốc gia.	2018 - 2020	2.167	- Bộ bản đồ phân bố nhiệt độ bề mặt đô thị; - Bộ bản đồ diễn biến nhiệt độ bề mặt đô thị; - Quy trình công nghệ ứng dụng viễn thám và GIS giám sát hiện tượng đảo nhiệt đô thị; - Báo cáo nguyên nhân và giải pháp giảm thiểu hiệu ứng đảo nhiệt đô thị phù hợp với điều kiện thực tế. - 02 bài báo khoa học; - Hỗ trợ đào tạo Thạc sỹ.
20	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu chi tiết hóa cấp độ rủi ro lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn có xét đến vai trò của hồ chứa trên lưu vực sông Mã thuộc Thanh Hóa”, mã số TNMT 2018.05.37	TS. Hoàng Thị Nguyệt Minh	- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; - Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh Thanh Hóa; - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa.	2018 - 2020	1.885	- Bộ dữ liệu, bản đồ và phần mềm liên quan đến nội dung nghiên cứu; - Báo cáo tổng quan về phương pháp xác định phân cấp cấp độ rủi ro thiên tai lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn; một số đặc trưng thủy văn của các trận lũ, các đợt hạn hán, xâm nhập mặn điển hình xảy ra trên lưu vực; - Bộ phương pháp chi tiết hóa xác định cấp độ rủi ro thiên tai lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn đối với từng tiểu vùng trên lưu vực nghiên cứu; - Báo cáo phân cấp độ rủi

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu VNĐ)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						ro thiên tai lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn gây ra cho từng khu vực/vùng cụ thể lưu vực sông Mã thuộc Thanh Hóa; - Bộ bản đồ phân vùng rủi ro do lũ, ngập lụt, hạn hán, xâm nhập mặn trên lưu vực sông Mã thuộc Thanh Hóa; - Báo cáo tổng kết đề tài; - 02 bài báo khoa học; - Hỗ trợ đào tạo Tiến sĩ và đào tạo Thạc sĩ.
21	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu xây dựng mô hình đánh giá tiềm năng quặng graphit đới Sông Hồng bằng các phương pháp toán địa chất kết hợp GIS”, mã số TNMT.2018.03.14	ThS. Nguyễn Chí Công	- Tổng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2018 - 2020	2.070	- Báo cáo tổng hợp kết quả; - Sơ đồ cấu trúc không chế quặng graphit đới sông Hồng; - Mô hình quặng hóa graphit các tụ khoáng điển hình được lựa chọn thuộc đới sông Hồng; - Sơ đồ phân vùng và dự báo triển vọng quặng graphit đới sông Hồng; - 02 bài báo khoa học trong nước và quốc tế; - Hỗ trợ đào tạo Tiến sĩ và đào tạo Thạc sĩ.
22	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Định giá tài nguyên nước khu vực Đồng bằng sông Hồng trong điều kiện biến đổi khí hậu”, mã số TNMT.2018.02.16	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Thanh	- Cục Quản lý tài nguyên nước; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2018 - 2020	2.050	- Báo cáo về cơ sở khoa học, phương pháp và kỹ thuật định giá tài nguyên nước trong điều kiện biến đổi khí hậu; - Quy trình hướng dẫn về định giá tài nguyên nước trong điều kiện biến đổi khí hậu; - Bản đồ thay đổi lưu lượng nước do tác động của biến đổi khí hậu lên tài nguyên nước Đồng bằng sông Hồng đến năm

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu VNĐ)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
						2050, tỷ lệ 1:100.000; - Báo cáo tổng kết - 01 bài báo khoa học; - Đào tạo Thạc sỹ.
23	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn, xây dựng Hệ thống công khai, minh bạch cho các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK trong quản lý chất thải”, mã số TNMT 2018.05.03	ThS. Nguyễn Thị Lệ Hằng	- Cục Biến đổi Khí hậu; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.	2018 - 2020	2.187,723	- Bộ tiêu chí đánh giá mức độ công khai, minh bạch các hành động giảm nhẹ phát thải KNK trong quản lý chất thải; - Mô hình hệ thống công khai, minh bạch các hoạt động giảm nhẹ phát thải KNK trong quản lý chất thải; - Báo cáo tổng kết đề tài - 02 bài báo khoa học; - Hỗ trợ đào tạo Thạc sỹ.
24	Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ “Nghiên cứu xác lập cơ sở khoa học để xây dựng mô hình geoid trên vùng biển của Việt Nam; thử nghiệm cho một vùng điển hình”, mã số TNMT 2018.07.08	TS. Phạm Thị Hoa	- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. - Cục Đo đạc, Bản đồ và Hệ thống tin địa lý; - Tổng cục Biển và Hải đảo	2018 - 2020	2.500	- Phương án bổ sung, cập nhật dữ liệu nhằm phục vụ bài toán xác định mô hình geoid trên vùng biển của Việt Nam; - Phương pháp và quy trình xây dựng mô hình geoid trên vùng biển Việt Nam; - Mô hình geoid trên vùng biển điển hình của Việt Nam; - Phần mềm khai thác số liệu độ cao geoid trên vùng biển Việt Nam; - Bản đồ độ cao geoid trên vùng biển điển hình của Việt Nam; - Báo cáo tổng kết đề tài; - 02 bài báo khoa học; - Hỗ trợ đào tạo Thạc sỹ.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu VNĐ)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
25	Nhiệm vụ KH-CN cấp Bộ “Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu cường độ - thời đoạn - tần suất (Intensity-Duration-Frequency: IDF) mưa tại một số đô thị của Việt Nam, thử nghiệm tại hai thành phố”, mã số TNMT 2018.05.27	TS. Thái Thị Thanh Minh	- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; - Đài Khí tượng Thủy văn Đông Bắc (thành phố Hải Phòng); - Đài khí tượng Thủy văn Bắc Trung Bộ (thành phố Vinh).	2018 - 2020	1.795	- Bộ số liệu quan trắc mưa giờ tại thành phố Hải Phòng và Vinh; - Báo cáo khoa học về đặc trưng phân bố và các nhân tố ảnh hưởng đến mưa tại thành phố Hải Phòng và Vinh; - Báo cáo khoa học về sự biến đổi của đường cong IDF mưa trong quá khứ trên chuỗi số liệu quan trắc và mô hình khí hậu khu vực tại thành phố Hải Phòng và Vinh; - Báo cáo khoa học về sự biến đổi của đường cong IDF mưa trong quá khứ trên chuỗi số liệu quan trắc và mô hình khí hậu khu vực tại thành phố Hải Phòng và Vinh; - Báo cáo tổng kết đề tài; - 01 bài báo khoa học; - Hỗ trợ đào tạo Thạc sỹ.
26	Nhiệm vụ KH-CN cấp Cơ sở: “Nghiên cứu ứng dụng thiết bị bay không người lái TRIMBLE UX5 thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1: 5000 khu vực hồ chứa phục vụ quản lý tài nguyên nước”, mã số 13.01.18.O.08.	TS. Nguyễn Bá Dũng	- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; - Công ty Cổ phần Đo đạc và Khoáng sản, thuộc Tổng C.ty Tài nguyên và Môi trường Việt Nam.	12 tháng (2019)	200	- Báo cáo: Dự thảo “Quy trình bay chụp ảnh hàng không phục vụ thành lập bản đồ tỷ lệ 1/5000 bằng thiết bị bay không người lái”; - Báo cáo: Dự thảo “Quy trình thành lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5000 từ ảnh chụp thiết bị bay không người lái UX5 khu vực hồ chứa IAM’LAH huyện KRông Pa, tỉnh Gia Lai”; - Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt đề tài; - Dự thảo “Sổ tay hướng dẫn thực hành thiết bị bay không người lái UX5 bay chụp ảnh phục vụ thành lập bản đồ địa hình khu vực hồ chứa”.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu VNĐ)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
27	Nhiệm vụ KHCN cấp Cơ sở: “Nghiên cứu chế tạo vật liệu g-C ₃ N ₄ pha tạp một số kim loại chuyển tiếp (Fe và V) nhằm nâng cao hiệu suất quang xúc tác trong việc xử lý ô nhiễm môi trường”, mã số: 13.01.19.H.01	ThS. Lâm Thị Hằng	- Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội	12 tháng (2019)	180	- Vật liệu g-C ₃ N ₄ pha tạp chất kim loại Fe và V; - Bộ số liệu; - Báo cáo tổng kết các kết quả nghiên cứu của đề tài; - 01 bài báo khoa học.
28	Nhiệm vụ KHCN cấp Cơ sở: “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ WebGIS trong quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn, thực nghiệm tại huyện Hậu Lộc - tỉnh Thanh Hóa”, mã số: 13.01.19.O.02	ThS. Nguyễn Thị Duyên	- Phân hiệu trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại tỉnh Thanh Hóa - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	12 tháng (2019)	190	- Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt đề tài; - Trang WebGIS phục vụ quản lý hệ sinh thái rừng ngập mặn huyện Hậu Lộc tỉnh Thanh Hóa; - 01 Bài báo khoa học.
29	Nhiệm vụ KHCN cấp Cơ sở: “Nghiên cứu đề xuất giải pháp nhằm đẩy mạnh	ThS. Nguyễn Thị Hằng	- Phân hiệu trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại tỉnh Thanh Hóa; - Phòng Tài	12 tháng (2019)	200	- Báo cáo tổng kết đề tài; - Bộ giải pháp nhằm đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất nông nghiệp trên địa bàn huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa; - 01 Bài báo khoa học.

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện (Triệu VNĐ)	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
	tích tụ, tập trung đất đai trên địa bàn cấp huyện; thử nghiệm trên địa bàn huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa”, mã số: 13.01.19.M.01		nguyên và Môi trường huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa			
30	Nhiệm vụ KHCN cấp Cơ sở: “Nghiên cứu và thiết kế xây dựng mô hình hệ thống xử lý nước thải giàu hợp chất nitơ bằng thiết bị đĩa quay sinh học”, mã số: 13.01.19.K.01	ThS. Nguyễn Văn Vinh	- Khoa Môi trường Phân hiệu trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại tỉnh Thanh Hóa. - Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng công nghệ môi trường CETRA	12 tháng (2019)	180	- Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt đề tài; - 01 Bài báo khoa học; - Mô hình hệ thống đĩa quay sinh học để xử lý nước thải giàu hợp chất nitơ; - Tài liệu hướng dẫn sử dụng mô hình thiết bị đĩa quay sinh học.
31	Nhiệm vụ KHCN cấp Cơ sở: “Nghiên cứu tự động hóa tính chuyển giữa VN2000 và khung quy chiếu trái đất quốc tế ITRF”, mã số: 13.01.19.O.04	ThS. Nguyễn Văn Quang	- Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam; - Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	12 tháng (2019)	190	- Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt đề tài; - 01 Bài báo khoa học; - Phần mềm chuyển đổi tọa độ giữa VN2000 và khung quy chiếu trái đất quốc tế ITRF; - Hỗ trợ giảng viên chấm bài tập môn Hệ quy chiếu trắc địa hệ đào tạo Thạc sỹ.

K. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

STT	Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo	Thời điểm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá/ Công nhận	Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD	Công nhận đạt/không đạt chất lượng giáo dục	Giấy chứng nhận/ Công nhận	
						Ngày cấp	Giá trị đến
1	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	11/2017	82%	10/NQ-HĐKĐCL, 28/02/2018	Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục	30/3/2018	30/3/2023

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2019

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Phạm Quý Nhân